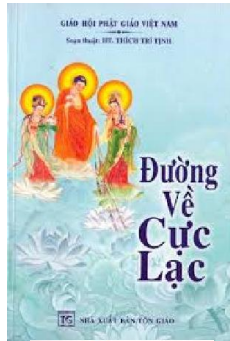


ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC



HT Trí Tịnh

---o0o---

Nguồn

<http://www.quangduc.com>

Chuyển sang ebook 09-06-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

CHƯƠNG THỨ NHỨT - TIỀN THÂN CỦA CỰC LẠC GIÁO CHỦ A DI ĐÀ PHẬT

I - BỒ TÁT SA DI

II - THÁI TỬ THẮNG CÔNG ĐỨC

III - VUA VÔ TRÁNH NIỆM VÀ HAI VƯƠNG TỬ

IV - PHÁP TẶNG BỒ TÁT

CHƯƠNG THỨ HAI - DANH HIỆU

CHƯƠNG THỨ BA - HOẰNG NGUYỆN VÀ ĐẠI HẠNH

I - HOẰNG NGUYỆN

II - ĐẠI HẠNH

CHƯƠNG THỨ TƯ - THÂN TƯỚNG

I - TƯỚNG HẢO CỦA A DI ĐÀ PHẬT

II - QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

III - ĐẠI THỂ CHÍ BỒ TÁT
CHƯƠNG THỨ NĂM - QUỐC ĐỘ
CỰC LẠC THẾ GIỚI
CHƯƠNG THỨ SÁU - CHƯ ĐẠI BỒ TÁT KHUYÊN NGƯỜI NIỆM
PHẬT VÀ NGUYỆN SANH

I - ĐẠI THỂ CHÍ

II - PHỔ HIỀN

III - VẤN THÙ SỰ LỢI

IV - HAI ĐẠI THÁNH ỨNG TÍCH

V - QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT HIỀN THÁNH

VI - MÃ MINH ĐẠI SĨ

VII - LONG THỌ BỒ TÁT

VIII - GIÁC MINH DIỆU HẠNH BỒ TÁT

CHƯƠNG THỨ BẢY - LIÊN TÔNG CHƯ TỔ

I - SỞ TỔ HUỆ VIỄN ĐẠI SƯ

II - NHỊ TỔ THIÊN ĐẠO ĐẠI SƯ

III - TAM TỔ THỪA VIỄN ĐẠI SƯ

IV - TỨ TỔ PHÁP CHIẾU ĐẠI SƯ

V - NGŨ TỔ THIẾU KHƯƠNG ĐẠI SƯ

VI - LỤC TỔ DIÊN THỌ ĐẠI SƯ

VII - THẤT TỔ TỈNH THƯỜNG ĐẠI SƯ

VIII - BÁT TỔ CHÂU HOÀNG ĐẠI SƯ

IX - CỬU TỔ TRI HỨC ĐẠI SƯ

X - THẬP TỔ THIỆT HIỀN ĐẠI SƯ

XI - THẬP NHỨT TỔ TẾ TỈNH ĐẠI SƯ

CHƯƠNG THỨ TÁM - TỨ CHÚNG VÃNG SANH TRUYỆN

TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ NHỨT

A 1 - CHƯ SƯ TĂNG

B 1 - CHƯ SƯ NI

C 1 - CHƯ TÍN SĨ

D 1 - CHƯ TÍN NỮ

TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ NHÌ

A 2 - CHƯ SƯ TĂNG

B 2 - CHƯ SƯ NI

C 2 - CHƯ TÍN SĨ

D 2 - CHƯ TÍN NỮ

TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ BA

A 3 - CHƯ SƯ TĂNG

B 3 - CHƯ SƯ NI

C 3 - CHƯ TÍN SĨ

D 3 - CHƯ TÍN NỮ
TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ TƯ
A 4 - CHƯ SƯ TĂNG
B 4 - CHƯ SƯ NI
C 4 - CHƯ TÍN SĨ
D 4 - CHƯ TÍN NỮ
TÔNG CHỈ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ VÀ KỆ GIA HẠNH TU TRÌ
TÂY PHƯƠNG CỤC LẠC THẾ GIỚI NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT
CHƯƠNG THỨ TÁM - THIỀN TỊNH QUYẾT NGHĨ
LỜI ĐẦU QUYỂN
I - TỰ THUẬT
II - GIÁ TRỊ CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ
III - ĐEM THIỀN GẶN TỊNH
IV - THIỀN KHÔNG BẢO ĐẢM GIẢI THOÁT BẰNG TỊNH
V - CHÁNH GIẢI TỬ LIỆU GIẢN
VI - THƯỢNG TỌA PHÁT NGUYỆN
TRÍCH LỤC NHỮNG KINH VỀ TÂY PHƯƠNG TỊNH ĐỘ TRONG
ĐẠI TẠNG

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Cũng là lời tự thuật

Thời gian qua, tôi từng tự nghĩ:

Ta cùng thập phương chư Phật đồng một bản chơn giác tánh, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật há chẳng từng dạy rằng: “Tất cả chúng sanh đều đầy đủ Như Lai trí huệ đức tướng”¹ đó ư!

Từ khi sơ thi có thân, không phải là ta sau chư Phật. Tại sao chư Phật, các Ngài đã giải thoát tự tại, đủ vô lượng trí huệ công đức thần thông, mà ta hiện vẫn bị buộc ràng trong vòng sanh tử, đầy vô biên phiền não tội nghiệp khốn khổ? Phải chăng là do vì chư Phật sớm chứng ngộ bản chơn, còn ta mãi mê say trần dục! Thật là đáng hổ thẹn! Thật là đáng thông trách!

Tôi lại tự nghĩ:

Đã tự biết rồi, giờ đây ta phải kíp lo sao cho được giải thoát, và phải giải thoát nơi đời hiện tại này. Nếu trong đời hiện tại này mà chưa được giải

thoát, đời sau quyết khó bảo đảm, và có thể vẫn loanh quanh mãi trong vòng luân hồi như những đời quá khứ thôi! Vì sao vậy? Có nhiều điều rất chướng ngại con đường giải thoát của ta ở đời sau:

1.- Do phước lực tu hành hiện đời mà ta sẽ sanh lên các cõi trời ư? Trong Kinh có lời: Chư Thiên cõi Dục, vì cảnh ngũ dục quá thắng diệu dòi dào làm cho say mê, lại không có sự thống khổ làm cho thức tỉnh, nên khó phát tâm chịu nhọc chịu khổ mà tu hành đạo hạnh. Hưởng phước vui mãi mà không tu, tất có ngày hết phước mà phải sa đọa. Còn chư Thiên trong cõi Sắc và Vô Sắc lại vì mãi an trụ trong cảnh giới thiên định, khó tấn tu đạo giải thoát, lúc sức thiên định đã mãn vẫn y nhiên làm kẻ luân hồi.

Vĩnh Gia Thiên sư nói: Người tu phước sanh lên các cõi trời sẽ chiêu vờn quả khổ ở tương lai, như bắn mũi tên lên hư không, khi sức đã mãn tên lại rơi xuống đất.

Đó là sanh lên cõi trời thời không bảo đảm giải thoát.

2.- Ta sẽ được thân làm người nữa ư? Dui, điếc, câm, ngọng trên mặt địa cầu rất lắm kẻ; Mán, Mọi, dã man cùng nhiều người; biết bao xứ không Phật, Pháp, Tăng; nơi nơi đầy ngoại đạo tà giáo. Được thân người mà có một trong các điều trên đây tất khó mong tu hành chánh đạo, tất sẽ lạc vào tà ngoại. Ngoài ra nếu ta có phước mà sẽ làm vua, làm quan, làm nhà triệu phú: “Sang giàu học đạo là khó” lời Phật rành rành trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương. Hoặc giả đời trước có tu thiền quán mà được thông minh: “Thế trí biện thông” là một trong bát nạn. Đó là chưa kể đến không biết bao nhiêu người lợi dụng sự sang giàu tài trí để gây tạo những tội ác tà trời, mà ta thường nghe thường thấy trong đời...

Dầu cho thân người đời sau của ta do căn lành mà ở ngoài những chướng nạn ấy, nhưng theo lời Phật, Pháp càng ngày càng đi sâu vào thời mạt, bậc minh sư thiện hữu chân chính tu hành có đạo lực rất là khó có khó gặp. Thầy bạn giải thoát đã không, ai là người dẫn đường cho ta đắc đạo. Lại đương nhằm kiếp giảm, tuổi thọ con người càng lúc càng bớt lần, đời sau tu hành chưa được gì rồi kế chết, đời thứ ba thứ tư sẽ ra thế nào? Ta sẽ đi vào đâu?

Thế là dầu được sanh làm người trở lại, cũng không thể bảo đảm là sẽ giải thoát.

3.- Phật nói: “Chúng sanh được thân người như đất dính móng tay, còn sa vào ác đạo như đất toàn cõi đại địa”. Sau khi bỏ thân này, ta dám cả quyết là không đi xuống ư? Kinh nói: “Phạm một tội nhỏ (kiết-la) phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ Thiên Vương”. Huống là nghiệp chướng từ vô lượng đời đến nay khó có thể lường. E rằng “Cường giả tiên khiên”, một bước trật chân chắc chắn là lăn xuống đến đáy hố sâu. Đây là điều lo sợ cho đời sau mãi mãi trầm luân.

Ôi! Thân người khó đặng, Phật pháp khó được nghe. Nay ta do túc thế thiện căn nên được hưởng ít chút dư âm của Như Lai, võ vẽ biết đôi đường giải thoát, thật là đại hạnh! Thật là hy hữu! Ta còn chờ gì mà không thẳng bước tấn tu? Ta còn đợi chi mà chẳng kíp đoạn dòng sanh tử? Và cả nhơn loại kia, cả mọi loài kia cũng đang nổi chìm trong biển khổ không bờ, ta phải sớm thẳng đến Phật quả, để rồi vận thuyền từ bi nguyện lực cứu vớt quần sanh, không thể dằn dả được.

Rồi tôi tự gẫm:

Y cứ nơi Thánh giáo: Dứt sạch tam giới kiến tư hoặc mới siêu thoát luân hồi. Nếu phiền não còn mảy may, cội gốc sanh tử vẫn chưa đoạn. Đây là thông luận của Tiểu thừa và Đại thừa.

Riêng phần Đại thừa, được bảo đảm trên con đường giải thoát thành Phật, tất phải vào bậc tín tâm bất thoái làm đầu. Chứng bậc này, theo Khởi Tín Luận, phải là người đủ năng lực thiện căn huân tập, thâm tín nhơn quả, chừa ác mạc tác, chứng thiện phụng hành, phát Bồ-đề tâm, đặng gặp chư Phật gần gũi cúng dường, tu Bồ Tát hạnh. Tu tập như vậy mãi đến đủ một vạn đại kiếp tín tâm mới thành tựu.

Ôi! Như thế thời thế nào? Ta là chúng sanh thời mạt pháp, tự thấy mình phước mỏng nghiệp dày, chướng sâu huệ cạn. Chí nguyện được giải thoát nội hiện đời của ta, chí nguyện đi thẳng đến viên mãn Phật quả của ta, có thể thành cảnh mộng ư?

Nhưng tôi tự an ủi:

Đức Phật Như Lai có dạy một phương tiện siêu thắng để bảo đảm sự giải thoát mà cũng để bảo đảm vững chắc đường thành Phật cho tất cả chúng sanh:

Pháp môn Tịnh độ, Niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới!

Theo lời Phật, dầu là hạng cực ác mà chịu hồi tâm tu theo pháp môn này trong một thời gian rất ngắn (10 niệm) cũng được vãng sanh; đã được vãng sanh thời là siêu phàm nhập Thánh, thoát hẳn sanh tử, bất thoái Vô thượng Bồ-đề.

Nương pháp môn này, ắt là ta sẽ được toại bốn nguyện: giải thoát, thành Phật, độ sanh. Người cực ác tu còn thành tựu thay, huống ta chưa phải là kẻ ác!

Từ ngày ấy, tôi lập chí kiên quyết nơi Tịnh độ và cố gắng thực hành. Tôi giao phó pháp thân huệ mạng mình cho Đức Từ Phụ A Di Đà Phật, coi cõi Cực Lạc là gia hương của mình, bỏ hẳn sự duyên dề chuyên tâm niệm Phật...

Dầu rằng sau khi thành Phật, sự độ sanh mới hoàn mãn cứu cánh, nhưng lòng lợi tha thúc giục, nên cũng tùy phần, đương lúc cố lo tự độ, đồng thời khuyến tấn người hữu duyên. Muôn tất cả chúng sanh đều được giải thoát như mình, mong mọi người tấn hóa trước mình, đó là thân tâm của bản tạng này.

Vì thế nên tôi không quản vụng về quê dốt gom góp những chỗ những nơi chỉ dạy về **“Pháp môn Tịnh độ”** của Phật, Bồ Tát và Cổ đức, trong các Kinh các Luận chính thức, cùng diễn thuật các sự tích của Tăng, tục, tứ chúng vãng sanh ở những bộ sách chánh truyền, mà tổ hợp thành bộ **“Đường về Cực Lạc”** này.

“Đường về Cực Lạc” là con đường pháp dẫn ta và tất cả chúng sanh từ xứ ác trực Ta Bà về đến thế giới thanh tịnh Cực Lạc. Cũng chính là **“Pháp môn Tịnh độ”** nói bằng một cách khác đầy thôi.

Bộ này chỉ là công trình sưu tập. Vì muốn thủ tín và để giới thiệu các Kinh sách Tịnh độ với mọi người, nên mỗi bài, mỗi đoạn tôi đều chua rõ trích ở bộ Kinh nào, bộ Luận nào, hay bộ sách nào. Trong đây dầu cũng có những chỗ phải sửa đổi đôi chút để chỉnh đốn cho liền đoạn hay đổi lời cho xuôi câu, nhưng tuyệt hẳn không đổi ý. Có thể tín nhiệm rằng: bộ sách này là lời của Phật, của chư Bồ Tát, của Cổ đức, mà hoàn toàn không phải là ý riêng của bản tạng này. Tôi còn muốn đặt gì thêm cho thành thừa, một khi mà lời Phật ý Tổ đã quá đầy đủ trong muôn kinh vạn luận, vả lại kiến thức của hạng phàm đâu sánh được với trí huệ của bậc Thánh! Gian hoặc có chỗ tôi chua thêm, như những đoạn “lời phụ” chẳng hạn, bản tạng chỉ diễn thuật lại lời của bài trước cho rõ nghĩa, nhấn mạnh điểm quan trọng, ghi nhắc điều

khẩn yếu, hay khuyến khích sách tấn, hầu giúp đôi phần lợi ích cho mọi người trong lúc xem lúc đọc mà thôi.

Về phân lược sử của các nhà tu Tịnh độ được vãng sanh, tôi chọn lấy những truyện tích có ghi rõ công hạnh tấn tu, hay lời chỉ dạy xác đáng, để có thể làm quy giám cho những người phát tâm tu hành, cùng giúp thêm hạnh giải cho người đọc.

Đọc kỹ toàn bộ sách này, ngoài sự lợi ích lớn là được hiểu rõ Tịnh độ và Pháp môn Tịnh độ; được phát khởi tín, hạnh, nguyện nếu ta đã phát; thành tựu tín, hạnh, nguyện nếu đã tăng trưởng và viên mãn nếu đã thành tựu, ta lại có thể dùng đây làm ông bạn tốt chỉ chỗ phải, răn điều quấy trong khi ta hành đạo, vì những căn trí, tâm tánh, những trường hợp, cảnh duyên, những sự thuận trôn hay những điều thắc mắc của mỗi người trong chúng ta, không nhiều thời ít, quyết định là có trúng vào các truyện tích trong bộ này.

Tôi chí thành cầu nguyện bộ sách này sẽ đem kết quả tối thắng lại cho tất cả mọi người, cho tất cả chúng sanh đúng như tên của nó: “Vãng sanh Cực Lạc, trụ bậc bất thoái Vô thượng Bồ-đề”.

**Phật lịch 2497 ngày Phật Đản
Hân Tịnh Sa môn
Thích Trí Tịnh
(1953)**

---o0o---

Phật dạy:

“Nếu có người nào đã phát nguyện, hiện phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật, thì các người ấy đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, và hoặc đã sanh về Cực Lạc rồi, hoặc đương sanh, hoặc sẽ sanh.

Xá Lợi Phát! Vì thế các thiện nam tín nữ nếu có lòng tin nên phải phát nguyện sanh về cõi đó”.

KINH A DI ĐÀ

---o0o---

PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

là thắng phương tiện của Như Lai

Tất cả chúng sanh đều sẵn đủ trí huệ đức tướng như Phật không khác. Chỉ vì trái giác tánh theo trần lao, nên toàn thể trí đức chuyển thành vô minh phiền não. Rồi thuận theo phiền não gây tạo những nghiệp hữu lậu kết thành những quả báo sanh tử trong tam giới. Từ quả báo sanh tử sanh phiền não rồi lại gây nghiệp hữu lậu... Vì có ấy nên chúng sanh từ vô thủy đến nay, trải vô lượng vô biên kiếp chịu khổ mãi trong vòng luân hồi sanh tử.

Vì lòng đại bi, Đức Phật xuất thế thuyết pháp độ sanh. Nguyên bản tâm của Phật chỉ muốn tất cả chúng sanh đều thoát hẳn sanh tử luân hồi chứng viên mãn Phật đạo mà thôi. Song vì chúng sanh căn tánh lợi độn không đồng, trí ngu sai khác nên Đức Phật phải chiêu theo cơ nghi mà giáo hóa. Do đó nên pháp môn của Phật nhiều đến vô lượng.

Với chúng sanh hạng lợi căn đại trí, thời Đức Phật dạy Phật thừa để đặng liền viên Phật quả. Như Thiện Tài trong pháp hội Hoa Nghiêm, Long Nữ nơi đạo tràng Diệu Pháp...

Với chúng sanh hạng căn trí kém, thời Đức Phật giảng Bồ Tát thừa, Duyên Giác thừa và Thanh Văn thừa, để cho hạng ấy lần lượt tu tập, tuần tự chứng quả.

Với chúng sanh trình độ quá thấp, thời Đức Phật nói Thập thiện Ngũ giới, Thiên thừa và Nhơn thừa, cho hạng ấy nương theo để khỏi sa đọa vào ác đạo, đặng còn thân nhơn thiên mà vun bồi thiện căn lần lần. Tương lai nương nơi căn lành ấy mà tấn tu Thánh đạo; hoặc học Bồ Tát thừa tu lục độ vạn hạnh mà chứng pháp thân, hoặc y theo Duyên Giác thừa hay Thanh Văn thừa ngộ duyên sanh cùng Tứ đế mà đặng đoạn phiền não chứng Niết bàn...

Tất cả những pháp môn ấy, bất luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, Tiệm giáo hay Đốn giáo, nơi hành giả đều phải tự lực tu tập cho đến đoạn thật hết phiền não mới ra khỏi vòng sanh tử luân hồi. **Nếu kiến hoặc tư hoặc còn chùng mảy tơ thời cội gốc sanh tử vẫn chưa dứt hẳn.** Như tam quả Thánh nhơn (A-na-hàm) sau khi sanh lên Bát Hoàn Thiên, còn phải trải qua nhiều thời gian mới chứng quả A-la-hán. Chứng A-la-hán rồi mới là thật dứt hẳn cội gốc sanh tử.

Nhưng A-la-hán chỉ là bậc Thánh Tiểu thừa còn cần phải hồi tâm tu Đại thừa mà cầu Phật đạo: rèn bi nguyện hiện thân trong lục đạo, tu hành lục độ vạn hạnh, trên cầu thành Phật, dưới cứu khổ mọi loài, lần lượt chứng các

bậc: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa và Đẳng Giác Bồ Tát. Bậc Đẳng Giác lại phải dùng Kim Cang trí phá một phần sanh tướng vô minh, mới viên mãn chủng trí mà chứng Phật quả (Diệu giác).

Giáo pháp của Đức Phật chỉ dạy, từng bậc tu chứng từ phàm lên Thánh, từ Thánh đến Phật, quyết không thể vượt ngoài tuần thứ kể trên.

Đức Bồ Sư của chúng ta biết rằng **nếu chúng sanh chỉ dùng tự lực để liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập Thánh thời rất khó đặng**, nên ngoài vô lượng pháp môn chỉ thuộc tự lực, Ngài dạy **một pháp môn tự lực nương tha lực rất viên đốn, rất huyền diệu, dễ thực hành mà thành công cao, dùng sức ít mà mau có hiệu quả**, tất cả căn cơ đều hợp, tất cả Thánh phàm đồng tu. Chính là **Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh** vậy.

Do vì Đức Phật A Di Đà có bốn thế nguyện lực nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật. Nên người dùng tín nguyện mà niệm Phật (tự lực) thời cảm thông với nguyện lực của Phật, nương nguyện lực của Phật nhiếp thủ (tha lực) liền đặng siêu thoát sanh tử luân hồi mà sanh về Cực Lạc Tịnh độ. Đã được vãng sanh tức là cao thăng và bậc Thánh lưu bất thoái, nên gọi là rất viên đốn,² rất huyền diệu,³ và thành công cao.

Nơi pháp môn này, phương pháp thực hành rất giản tiện, mọi người đều có thể tùy phần tùy sức mà hành đạo. Chỉ cần chỗ tu cho đúng pháp thời chắc chắn là thành tựu cả, nên gọi là dùng sức ít, dễ thực hành và mau có hiệu quả. Tổ Thiệu Đạo cho rằng nghìn người tu không sót một. Vĩnh Minh Đại sư công nhận là mười người tu, được cả mười...

Với Pháp môn Tịnh độ này, không luận là kẻ trí hay ngu, không luận là Tăng hay Tục, không luận là sang giàu hay nghèo hèn, không luận là già trẻ nam nữ, không luận là sĩ, nông, công, thương... **Tất cả các giới trong xã hội đều có thể tu tập và đều có thể thành tựu được cả.**

Văn Thù Bồ Tát nói: Các môn tu hành không môn nào qua môn niệm Phật. Niệm Phật là “Vua” trong các pháp môn.

Đức Quan Thế Âm bảo: Tịnh độ pháp môn hơn tất cả hạnh khác.

Mã Minh Đại sĩ cho rằng: Chuyên tâm niệm Phật là phương tiện siêu thắng của Đức Như Lai.

Long Thọ Tôn giả nói: “Niệm Phật Tam muội” có đại trí huệ, có đại phước đức, hay đoạn trừ tất cả phiền não, hay độ được tất cả chúng sanh, “Niệm Phật Tam muội” hay sanh vô lượng Tam muội cho đến “Thủ lăng nghiêm Tam muội”.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói: Pháp môn niệm Phật là tâm tông của chư Phật, là con đường giải thoát tất nhất của mọi loài.

Ấn Quang Đại sư từng nói: Vì nương Phật lực nên tất cả mọi người, không kể là nghiệp hoặc nhiều hay ít, không kể là công phu hành đạo cạn cùng sâu, miễn **tin cho chắc, nguyện cho thiết**, thời quyết muôn người tu muôn người vãng sanh không sót một. Còn nếu là bậc đã đoạn hoặc chứng nhơn mà cầu vãng sanh thời đốn siêu Thập Địa. Bậc Thập Địa mà cầu sanh thời mau viên Phật quả. Vì thế nên Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ v.v... các đại Bồ Tát đều nguyện vãng sanh⁴. Đến như những kẻ tạo ác cả đời sắp đọa địa ngục, hồi tâm niệm Phật cũng được giải thoát, như các ông: Trương Thiện Hòa, Trương Chung Húc, Hùng Tuấn, Duy Cung v.v...⁵

Hạng người phạm tội ác ấy mà còn được thành tựu thay, huống là những người chưa quá ác, huống là những người lành!

Do đây nên thấy rằng Pháp môn Tịnh độ này nhiếp cả Thánh phàm, nhiếp cả thiện ác, nhiếp cả chúng sanh, như biển lớn gồm thâu muôn dòng vậy.

Vì Pháp môn Tịnh độ với chúng sanh có sự lợi ích rộng lớn như thế, nên muôn kinh vạn luận luôn luôn nhắc đến, chư Thánh chư Hiền đồng nguyện cùng về.

Thật là:

Cửu giới chúng sanh⁶ rời pháp môn này thời chẳng thể viên thành Phật quả.

Thập phương chư Phật bỏ pháp môn này quyết không thể độ khắp quần sanh.

Trong Kinh Đại Tập, Đức Phật có lời huyền ký: “Thời mạt pháp, muôn ức người tu hành, khó có một người được giải thoát, **chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi**”.

Đó là Phật bảo chúng ta phải tín hướng và thật hành Pháp môn Tịnh độ này vậy. Chúng ta há chẳng phải là người thời mạt pháp đó ư!

Vì những lẽ như trên mà biết rằng:

Ngoài môn “**niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới**”, quyết định chúng ta hiện đời không thể siêu sanh thoát tử được. Còn đúng theo pháp môn “**niệm Phật cầu sanh**” này mà tu, chắc chắn một đời hiện tại này chúng ta đặng vãng sanh Cực Lạc Tịnh độ và bảo đảm trên đường thành Phật.

Tổng quát rằng: “**Thiệt vì sanh tử phát Bồ-đề tâm, dùng tin sâu và nguyện thiết mà chuyên trì hồng danh A Di Đà Phật**”. Đây là tông thú chủ chánh của Pháp môn Tịnh độ này. Tâm hạnh đúng theo đây gọi là tu đúng pháp.

Khi chúng ta được nghe giáo pháp của Đức Phật dạy về môn Tịnh độ, chúng ta tự nghĩ rằng: Cõi Ta Bà là chốn ngũ trược ác thế, tam giới như nhà lửa, cõi Dục mà chúng ta hiện ở đây khác nào một cái hồ sâu đầy sinh. Ta và mọi người cho đến muôn loại, hiện tại cũng như dĩ vãng, nhiều đời nhiều kiếp mang lấy không biết bao nhiêu là sự thống khổ trong vòng sanh tử luân hồi. Ngày nay, ta được thân làm người lại được nghe biết pháp môn giải thoát mau tất siêu thắng, ta phải kíp quyết chí y pháp tu hành, để mình và mọi người đồng thoát ly sanh tử khổ, đồng chứng chơn thường lạc”. Đây là “**Thiệt vì sanh tử mà phát Bồ-đề tâm** vậy.

Rồi ta tự nhận rằng: Thân cùng cảnh ở Ta Bà này đủ điều chướng đạo: dễ sanh phiền não, dễ đắm nhiễm, dễ gây ác nghiệp; nội những sự già, bệnh, chết, vô thường thiên biến cũng đủ ngăn trở con đường giải thoát của ta. Còn thân cùng cảnh ở Cực Lạc rất là lợi đạo: thường được thấy Phật, luôn nghe pháp âm nên tâm thanh tịnh mà định huệ thành; ở chung với chư Đại Bồ Tát thượng thiện như thời Thánh nghiệp ngày tăng, chánh hạnh ngày tấn; không già không bệnh, thọ mạng vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, nên nội một đời một thân thẳng lên đến bậc Đẳng giác bồ xứ thành Phật.

Ta lại nhận định: Nguyên lực của Đức Từ Phụ A Di Đà Phật rộng lớn bất tư nghị, nay ta đúng theo pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ mà tu, quyết đặng Phật nhiếp thọ, quyết đặng vãng sanh, đã đặng vãng sanh tức là trụ bậc Bất thoái mau thành Phật đạo, chỉ có nguyên lực của Phật là chiếc thuyền từ có thể đưa ta ra khỏi biển khổ thôi! Chỉ có cõi Cực Lạc là đại học đường có thể đem ta đến bờ Đại Giác thôi!

Tự nhận như thế rồi bền chặt một lòng: nguyện thoát ly Ta Bà ác trước, như người tù muốn ra khỏi ngục tối không chút quyên luyến; nguyện về đến Cực Lạc thanh tịnh, dường như trẻ thơ đi lạc mong mỗi được về nhà không chút đắn dè.

Nhận định như vậy, lập nguyện như vậy, đó là **“Tin sâu cùng nguyện thiết”** đây.

Bắt đầu từ đây cho đến trọn đời, tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, tùy sức tùy phần, chí tâm trì niệm sáu chữ hồng danh **“Nam mô A Di Đà Phật”**, coi đó như là một công vụ hết sức khẩn yếu phải tận lực mà làm. Nếu là người rảnh rang vô sự thì ngày liền đêm, lúc đi đứng cũng như lúc ngồi nằm, giữ chặt chánh niệm: Phật không rời tâm, tâm không rời Phật; hoặc niệm ra tiếng hoặc niệm thầm, nhiếp cả sáu căn, Phật hiệu nói luôn: đây là tương tục chấp trì; niệm như vậy lâu lâu sẽ tự chứng Tam muội: hiện tiền thấy Phật thọ ký, lâm chung cao thăng thượng phẩm. Còn nếu là người đa đoan công việc: việc nước, việc nhà v.v... không nhiều giờ rảnh, thời nên tối và sáng sớm, thực hành phương **“Thập niệm”**, giữ mãi trọn đời không sót không bỏ cũng được vãng sanh⁷. Vì Đức Từ Phụ có bốn nguyện: **“Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu Ta rồi chí tâm tin muốn, nguyện sanh về cõi nước của Ta hẳn đến mười niệm, nếu chúng sanh ấy không được sanh, thời Ta không ở ngôi Chánh giác”**.⁸

Ngoài ra những người nào ở vào trường hợp chặng giữa, thời châm chước phân thời định khóa mà thọ trì. Tất cả đều phải cung kính, chí tâm, kỹ chắc trong lúc trì niệm, là điều kiện khẩn yếu. Hành trì như vậy gọi là **“chuyên trì Hồng danh A Di Đà”**, và đây là chánh hạnh.

Người niệm Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới còn cần phải làm những điều lành: có lòng từ bi giới sát hộ sanh, bố thí, cứu tế, trì trai, giữ giới, hiếu thảo cha mẹ, kính thờ Sư trưởng, phò trì Tam bảo, lợi mình lợi người, dẹp lòng ngã mạn tham sân, thêm lớn hòa vui nhẫn nhục, sâu tin hơn quả, mở mang chánh kiến... dùng đây làm trợ hạnh⁹.

Tín nguyện đã có, **chánh trợ** đã đủ, đến lúc lâm chung, chắc chắn được Đức Từ Phụ cùng Thánh chúng thừa bốn nguyện lực đích thân đến tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Dầu Tín, Nguyện và Hạnh phải đủ cả ba mới được vãng sanh, như cái đánh ba chân, thiếu một thời ngã, nhưng nên hiểu thêm rằng: được vãng

sanh là do **lòng tin sâu chắc, chí nguyện cho tha thiết** để cảm thông với nguyện lực của Phật, còn nơi công hạnh: ít thời quả thấp, nhiều thời phẩm cao. Do vì công hạnh không hạn cuộc mà chú trọng nơi tín và nguyện như vậy, nên đoạn trước có nói: “Tất cả người trong tất cả các giới ở xã hội đều có thể thật hành và đều có thể thành tựu được cả”¹⁰ vì **tín sâu và nguyện thiết** hạng người nào cũng có thể lập được, **thập niệm niệm Phật** ở trường hợp nào cũng đều thực hành được.

Nội dung của bộ “Đường về Cực Lạc” này cũng không ngoài phạm vi “**Tín nguyện hạnh**”.

Các chương đầu thuật lại tiền thân của Đức A Di Đà Phật và tả rõ chánh báo cùng y báo trang nghiêm của **Cực Lạc thế giới** để mọi người đối với Đức Phật và Tịnh Độ được sự nhận thật, đã nhận thật tức là tin chắc và chí nguyện tha thiết sẽ do đó mà lập được. Đến các chương kể thuật lược sử của chư Bồ Tát, chư đại Tổ sư tự thân tu Tịnh độ mà được thành công, cùng những lời dạy vẽ khuyên nhắc của các ngài, để mọi người bền vững tín tâm, kiên quyết chí nguyện, cùng hiểu rõ phương pháp hành trì để thẳng tấn tinh tu. Nhấn đến các chương về Tứ chúng vãng sanh, và cuối cùng, chương thích nghi cũng cùng một mục đích ấy.

Phật dạy:

“Nếu người nào được nghe lời này nên phải phát nguyện: nguyện sanh về Cực Lạc thế giới”

KINH A DI ĐÀ

Phật dạy:

Chúng sanh nào được nghe lời ta đã nói, nên phải phát nguyện cầu sanh về cõi nước ấy (Cực Lạc).

Vì đặng cùng với các bậc thượng thiện hơn như thế (Bồ xứ Bồ Tát) câu hội một chỗ...”

KINH A DI ĐÀ

--- o0o ---

PHẬT HUYỀN KÝ

Thời mạt pháp ức ức người tu hành khó có một người đến giải thoát.

Chỉ nương pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi...

KINH ĐẠI TẬP

CHƯƠNG THỨ NHỨT - TIỀN THÂN CỦA CỤC LẠC GIÁO CHỦ A DI ĐÀ PHẬT

Đức **Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật** đã là một đấng lịch sử trong cõi Ta Bà, ngoài mấy nghìn năm, hình ảnh Ngài vẫn in sâu nơi ký ức của nhơn loại, do truyện ký cùng di tích, nhứt là nét vàng rực rỡ trong Tam tạng. Đức **Từ Phụ A Di Đà Phật** cũng là một đấng hoàn toàn lịch sử ở thế giới Cục Lạc, trên vài mươi thế kỷ, hồng danh mãi vang lên nơi miệng, nơi tâm của tất cả, y cứ nơi kim ngôn của Đức Bổn Sư, đấng chơn thật ngữ.

Đức Bổn Sư trước khi hiện thân thành đạo Vô thượng ở cõi Bồ-đề, để rồi trở nên vị Giáo chủ cao cả của cõi Ta Bà, Ngài là **Thiện Huệ Bồ Tát** dâng hoa trái tóc cúng dường Phật Nhiên Đăng và là **Hộ Minh Bồ Tát** ngự ở cung trời Đâu Suất, v.v...

Đức Từ Phụ cũng thế, trước khi viên thành quả Chánh giác giữ ngôi Pháp Vương ở Cục Lạc thế giới, Ngài cũng có nhơn địa của Ngài : **Vua Vô Trách Niệm** thời kỳ Phật Bảo Tạng, **Vương tử Thắng Công Đức** trong pháp hội của Phật Bảo Công Đức, **Bồ Tát Sa Di** con trai của Đức Đại Thông Trí Thắng Phật v.v...

Trước khi nói đến thân và cõi hiện tại của Đức Từ Phụ, ta cần nên rõ nhơn địa của Ngài, để biết rằng kết quả Vô thượng đây, tất do nơi nhơn thù thắng thuở trước vậy.

---o0o---

I - BỒ TÁT SA DI

Trích thuật theo Kinh **Pháp Hoa** phẩm **Hóa Thành Dụ** thứ 7

Đức Đại Thông Trí Thắng Phật khi còn ở ngôi Quốc vương, có 16 người con trai. Lúc Quốc vương bỏ ngài vàng xuất gia thành Phật, thời 16 vị

Vương tử đồng vào pháp hội xin xuất gia làm Sa di. Trải qua một thời gian tu học, 16 vị Sa di chứng ngộ diệu lý, đều đặng thân thông trí huệ.

Sau khi giảng Kinh **Diệu Pháp Liên Hoa** cho đại chúng trong pháp hội, Đức Đại Thông Trí Thắng Phật liền nhập tịnh thất trụ trong đại định.

Thời gian Đức Phật ngồi yên lặng nơi tịnh thất, 16 vị Bồ Tát Sa di đều thăng pháp tòa giảng rộng nghĩa lý Kinh Pháp Hoa cho đại chúng. Mỗi vị Bồ Tát Sa di độ được sáu trăm tám mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa người.

Mười sáu vị Sa di đó hiện nay đều đã thành Phật cả, đang ngự trong đạo tràng ở mười phương thế giới. Vị Sa di thứ 16 thành Phật ở cõi Ta Bà hiệu là Thích Ca Mâu Ni. **Và vị thứ 9 hiện tại thành Phật ở Cực Lạc thế giới, tức là Đức Từ Phụ A Di Đà Phật.**

---o0o---

II - THÁI TỬ THẮNG CÔNG ĐỨC

Trích thuật theo Kinh “**Nhứt Hương Xuất Sanh Bồ Tát**”

Về thuở quá khứ có ông Thái tử tên là Bất Tư Nghị Thắng Công Đức. Năm 16 tuổi, Thái tử được nghe Kinh “Pháp Bản Đà-la-ni” nơi Đức Phật Bảo Công Đức Tinh Tú Kiếp Vương Như Lai.

Nghe Kinh xong, Thái tử tinh tấn tu tập trong bảy muôn năm, không ngừng nghỉ, mà cũng không nằm không dựa. Nhờ sức dũng mãnh ấy, nên lần lần Thái tử được gặp chín mươi ức trăm nghìn Đức Phật. Bao nhiêu Kinh pháp của chư Phật dạy truyền, Thái tử đều có thể thọ trì tu tập cả. Về sau Thái tử xuất gia làm Sa môn, lại tu tập “Pháp Bản Đà-la-ni” chín muôn năm và giảng truyền Chánh pháp cho mọi người.

Tinh tấn tu hành và cần mẫn giáo hóa, trong một đời hoằng pháp Thái tử độ được tám mươi ức na-do-tha người phát Bồ-đề tâm, trụ bậc bất thoái chuyển.

Thái tử Thắng Công Đức là tiền thân của Đức Từ Phụ A Di Đà Phật.

---o0o---

III - VUA VÔ TRÁNH NIỆM VÀ HAI VƯƠNG TỬ

Trích thuật theo Kinh Bi Hoa

Vô lượng hằng hà sa kiếp về trước, ở thế giới San Đề Lam, con trai của Phụ tướng Bảo Hải xuất gia thành Phật, hiệu là Bảo Tạng Như Lai.

Bấy giờ, Quốc vương Vô Tránh Niệm cùng đi với Phụ tướng Bảo Hải, các vị Vương tử và thần dân, đến đạo tràng cúng dường Đức Phật Bảo Tạng.

Sau khi nghe Đức Phật giảng dạy, Vua cùng Phụ tướng đồng phát Bồ-đề tâm. Đức vua thời nguyện **trang nghiêm Tịnh độ** để nhiếp thọ chúng sanh. Quan Phụ tướng thời nguyện thành Phật ở uế độ hầu ngự phục mọi loài.^(A)

Đức Phật Bảo Tạng phán rằng : “Quá trăm nghìn muôn ức Phật độ về phương Tây có thế giới của Tôn Âm Vương Như Lai, một hằng hà sa a-tăng-kỳ kiếp sau, thế giới đó sẽ đổi tên là Cực Lạc; bấy giờ vua sẽ thành Phật nơi ấy hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Và quan Phụ tướng Bảo Hải sẽ thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni ở Ta Bà thế giới”.

**Quan Phụ tướng là tiền thân của Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Đức vua Vô Tránh Niệm là tiền thân của Từ Phụ A Di Đà Phật.**

Lúc vua Vô Tránh Niệm phát nguyện và được thọ ký xong, Thái tử Bất Huyền, trưởng tử của vua, phát nguyện rằng : “Sau này, thời gian tôi tu Bồ Tát hạnh, có chúng sanh nào gặp phải các sự khổ não khủng bố v.v... sầu lo cô cùng không ai cứu hộ, không chỗ cậy nương, kẻ ấy nhớ đến tôi, xưng danh hiệu của tôi, được thiên nhĩ tôi nghe đến, thiên nhãn tôi thấy đến, nếu những chúng sanh đó chẳng được thoát khỏi các sự khổ não khủng bố, thời tôi thề trọn không thành bậc Chánh giác. Và khi vua cha thành Phật ở Cực Lạc thế giới, thời tôi thường ở Cực Lạc thực hành Bồ Tát đạo và hộ trì Chánh pháp”.

Đức Bảo Tạng Như Lai phán với Thái tử : “Ông quan sát tất cả chúng sanh mà sanh lòng đại bi, muốn dứt tất cả sự khổ não của chúng sanh, và muốn làm cho chúng sanh đều được an lạc, nay nên đặt hiệu cho ông là Quan Thế Âm. Về sau lúc Đức Vô Lượng Thọ Phật nhập Niết-bàn, cõi Cực Lạc đổi tên là Nhứt Thiết Trân Bửu Thành Tụ thế giới, ông sẽ thành Phật nơi ấy hiệu là Biến Xuất Nhứt Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai”.

Bấy giờ Vương tử Ni Ma, con thứ của vua, phát nguyện đem tất cả công đức hồi hướng Vô thượng Bồ-đề, và lúc Thái tử Bất Huyền thành Phật, người sẽ là vị Bồ Tát thỉnh chuyển pháp luân trước nhất, cũng thường ở luôn một bên Sơn Vương Như Lai giúp Phật hoằng hóa.

Đức Bảo Tạng Như Lai liền thọ ký cho Vương tử Ni Ma sẽ được toại nguyện, lúc Sơn Vương Như Lai nhập Niết-bàn, người sẽ hộ trì Chánh pháp và sau cùng sẽ thành Phật nơi thế giới ấy, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bửu Vương Như Lai. Quang minh, thọ mạng, quốc độ, cùng tất cả Phật sự đều đồng như đức Sơn Vương Như Lai.

Thái tử Bất Huyền là tiền thân của Quan Thế Âm Bồ Tát, và Vương tử Ni Ma là tiền thân của Đại Thế Chí Bồ Tát.

(A) LỜI PHỤ – Liên Trì Đại sư từng cho rằng giáo pháp của Đức Phật có hai môn : 1.- Chiết phục. 2.- Nhiếp thọ.

Phật dạy : Đây là tam đồ lục đạo, tam giới như : nhà lửa, sanh già bệnh chết vô lượng sự khổ, vô thường sanh diệt rình rập hại người, dục vọng phiền não trùm phủ tâm người, cùng những phương pháp diệt khổ, để mọi người sanh lòng nhàm lìa thân cảnh ô trược khốn khổ này, mà cầu mong được thoát khỏi v.v... Đây là môn “Chiết phục”.

Đức Phật chỉ cõi Tịnh độ hoàn toàn an vui cứu cánh thanh tịnh giải thoát, cùng những pháp môn Tịnh độ, để người ham mộ nguyện về; đây là môn “Nhiếp thọ”.

Lời phê phán của Đại sư rất hiệp với bốn nguyện của hai Đức Phật : “Thích Ca Mâu Ni Phật nguyện ở uế độ để nger phục chúng sanh cang cường. A Di Đà Phật nguyện trang nghiêm tịnh độ để nhiếp thọ chúng sanh thanh tịnh”.

*

Và dưới đây là truyện tích của một nhà sư tu Tịnh độ được thân nghe những lời trên của Đức Từ Phụ.

---o0o---

SƯ HUỆ CẢNH

Trích ở bộ : “**Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược**”

Sư Huệ Cảnh người Lưu Châu, ở chùa Ngô Chơn. Sư ưa khổ hạnh, thích Tịnh độ, tự tạo hai tượng Thích Ca và Di Đà để hằng ngày cúng dường lễ bái.

Năm Sư 67 tuổi, đêm Rằm tháng Giêng, thoát thấy một thầy Sa môn thân ánh màu huỳnh kim hiện đến bảo rằng : “Ông muốn thấy Tịnh Độ không?”. Sư đáp : “Tôi muốn thấy lắm”. Sa môn thân vàng lại hỏi : “Ông muốn thấy Phật không?”. Sư đáp : “Tôi mong được thấy”. Sa môn liền đưa bát ra bảo nhìn. Sư vừa nhìn vào lòng bát, bỗng thấy hiện ra cảnh giới cực kỳ trang nghiêm rộng lớn : đất toàn vàng ròng, dây vàng giăng phân đường sá, lưới báu phủ cây vàng, cung điện đèn đài trùng trùng điệp điệp đều bằng thất bảo sáng chói rực rỡ, Đức Phật đang thuyết pháp cho vô số Bồ Tát Thánh chúng.

Bấy giờ, Sa môn thân vàng đi trước, Sư theo sau, bước lần đến trước Phật. Sa môn bỗng biến mất, Sư chấp tay đứng trước Phật. Đức Phật bảo rằng : “Ông biết vị Sa môn dắt ông đến đây đó là ai không ? Chính là Thích Ca Mâu Ni Phật đấy ! Còn ta đây là A Di Đà Phật. Thích Ca như ông cha, ta đây như bà mẹ, chúng sanh ở Ta Bà như con thơ. Ví như con thơ lọt xuống hố bùn lầy, cha lội xuống lầy đem con lên bờ, mẹ đón bồng lấy con đem về nuôi nấng dạy dỗ, làm cho con thơ vĩnh viễn không còn lạc làm sa xuống hố nữa. Phật Thích Ca đem pháp môn Tịnh độ truyền dạy cho chúng sanh nơi cõi trước, còn ta thời tiếp dẫn chúng sanh về Tịnh Độ trụ bậc bất thoái chuyển”.

Sư nghe Đức Phật phán xong, lòng vui hơn hởi, liền rập đầu lễ Phật, bỗng không còn thấy nữa, như người nằm mộng tỉnh giấc. Từ đó Sư càng tin hướng Tịnh độ hơn.

Ít lúc sau, Sư lại thấy vị Sa môn thân vàng khi trước hiện đến bảo rằng : “12 năm sau ông sẽ được sanh về Cực Lạc”.

Quả thật đúng 12 năm sau, Sư Huệ Cảnh viên tịch. Thọ 79 tuổi. Giờ Sư tịch, ông Tăng ở gần thấy vô số Thánh chúng từ phương Tây bay đến rước Sư, và mọi người đồng nghe tiếng nhạc réo rắt trên hư không.

---o0o---

IV - PHÁP TẠNG BỒ TÁT

Trích thuật theo Kinh “**Phật Thuyết Vô Lượng Thọ**”, cũng gọi là “**Đại Bản A Di Đà Kinh**”

Một hôm, nhìn thấy dung nhan của Đức Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tươi tắn sáng rỡ khác hẳn ngày thường, Tôn giả A Nan bèn ra lễ Phật rồi bạch hỏi duyên cớ.

Đức Bản Sư tán thán lời bạch hỏi đây, công đức lớn hơn công đức cúng dường vô lượng vị Thanh Văn cùng Duyên Giác, mà cũng lớn hơn công đức bố thí cho vô lượng hàng chư Thiên, nhân dân cảm súc trong nhiều kiếp. Vì chư Thiên, nhân dân nhẫn đến các loài cảm súc đều nhờ lời bạch hỏi này mà được đạo pháp giải thoát.

Rồi Đức Bản Sư cho biết rằng, hôm nay Ngài đang nghĩ đến bốn sự, bốn nguyện và bốn hạnh của **Đấng giáo chủ Cực Lạc thế giới, Đức Phật A Di Đà**.

Đức Bản Sư phán tiếp :

Vô lượng vô số kiếp về trước, nhằm lúc Đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai xuất thế giáo hóa chúng sanh, có một Quốc vương nghe Đức Phật thuyết pháp lòng rất vui thích, liền phát Bồ-đề tâm, từ bỏ ngai vàng xuất gia làm Sa môn hiệu là **Pháp Tạng**.

Sa môn Pháp Tạng đến đánh lễ Phật Thế Tụ Tại Vương, và sau khi thuyết tụng ca ngợi Đức Phật, người cần cầu Đức Phật truyền dạy công hạnh trang nghiêm Tịnh độ nhiếp thủ chúng sanh, để người y theo tu hành.

Rõ biết Sa môn là bậc cao minh, chí nguyện sâu rộng, Đức Phật Thế Tụ Tại Vương vì Sa môn Pháp Tạng mà giảng nói y báo và chánh báo của hai trăm mười ức thế giới, đồng thời lại hiện tất cả ra cho thấy.

Khi nghe và được thấy y báo chánh báo trang nghiêm của các quốc độ xong, Sa môn Pháp Tạng phát khởi tâm nguyện thù thắng vô thượng. Rồi trong thời gian năm kiếp, người suy gẫm chọn lấy công hạnh trang nghiêm thanh tịnh Phật độ. (Bản Sư nói với A Nan : Thời kỳ ấy, Đức Phật thọ mười kiếp).

Khi tu tập xong, Sa môn Pháp Tạng đến đánh lễ Đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai và cầu Đức Phật chứng giám cho người thuật 48 điều đại nguyện mà người đã lập thệ quyết thực hiện để tiếp độ tất cả chúng sanh¹¹.

Lúc Pháp Tạng Bồ Tát đối trước Đức Phật Thế Tụ Tại Vương thuật 48 điều đại nguyện xong, thời khắp cõi đất đều rung động, hoa báu mưa xuống trên mình người, và giữa hư không tự nhiên tiếng nhạc vang lừng : “Quyết chắc sẽ thành Phật”.

Sau đó trải qua vô lượng vô số kiếp, Pháp Tạng Bồ Tát tu hành và thực hiện hoàn toàn các điều nguyện trên, và **người đã thành Phật đến nay được mười kiếp hiệu là A Di Đà, hiện đang ngự thuyết pháp tại Cực Lạc thế giới, cách đây mười muôn ức cõi về hướng Tây.**

---o0o---

CHƯƠNG THỨ HAI - DANH HIỆU

Phạn ngữ **Buddha** (Bụt đà), ta thường gọi là Phật, nghĩa là **đăng giác ngộ** (Giác giả) : nơi đây, sự “tự giác”, “giác tha” và công hạnh giác ngộ đã cứu cánh viên mãn. Nói cho rõ hơn, tức là bậc đã giác ngộ ngã chấp chứng lý như không, dứt sạch kiến tư phiền não, giải thoát phần đoạn sanh tử; khác hẳn với phàm phu ngoại đạo còn tà kiến mê chấp ngã như, khởi phiền não tạo nghiệp mãi trôi chìm trong biển khổ sanh tử. Và là bậc đã giác ngộ pháp chấp chứng lý pháp không, phá sạch vô minh, thoát hẳn khổ biên dịch; khác với A-la-hán cùng Duyên Giác còn chấp lấy pháp, bị vô minh che mờ bản chơn, mãi mắc trong vòng biên dịch khổ. Mà cũng khác với hàng Bồ Tát, vì Bồ Tát dầu chứng lý mà chưa viên, dầu phá mê mà chưa tận, còn Phật thời đã cùng tận viên mãn.

Cứ theo các nghĩa trên, Đức Phật nên gọi là **đăng Vô thượng** (đối với Bồ Tát) **Chánh đăng** (đối với Nhị thừa) **Chánh giác** (đối với phàm phu tà ngoại). Đây chính là danh từ **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Phật Đà** mà các Kinh luôn nói đến. Và còn cần phải hội ý nghĩa của mười hiệu : **Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.** Như thế mới hiểu rõ hạnh đức và trí huệ của Đức Phật.

Lòng kính ngưỡng với Đức Phật là điều quan trọng phải có nơi người niệm Phật. Muốn có lòng kính ngưỡng chơn chánh phải nhận chơn điểm cao thượng của Phật. Vậy độc giả cần nên tham cứu cho tinh tường.

Các danh từ trên là đức hiệu chung của chư Phật. Giờ đây chúng ta luận đến biệt hiệu của Đức Từ Phụ.

Phạn ngữ **Amita**. Ta đọc trại **A Di Đà**, nghĩa là **Vô Lượng**.

Trong Kinh Di Đà, Đức Bồ Sư từng vì đại chúng mà định nghĩa hồng danh của Đức Từ Phụ : **“Này Xá Lợi Phất ! Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà ? Này Xá Lợi Phất ! Đức Phật đó quang minh vô lượng, chiếu suốt mười phương không bị chướng ngại, nên hiệu là A Di Đà. Đức Phật đó và nhân dân trong nước của Ngài, thọ mạng vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, nên gọi là A Di Đà”**.

Vì quang minh vô lượng và thọ mạng vô lượng nên trong các Kinh gọi Đức Từ Phụ A Di Đà Phật là **Vô Lượng Quang Phật** (Kinh Hoa Nghiêm v.v...) mà cũng có nơi gọi là **Vô Lượng Thọ Phật** (Kinh Vô Lượng Thọ v.v...).

Trong Kinh “Phật Thuyết Vô Lượng Thọ”, Đức Bồ Sư bảo ngài A Nan : Đức Phật A Di Đà có oai thần quang minh tối tôn đệ nhất, quang minh của chư Phật không sánh kịp, vì thế nên Đức Phật A Di Đà có 12 hiệu riêng :

01. Vô Lượng Quang Như Lai
02. Vô Biên Quang Như Lai
03. Vô Ngại Quang Như Lai
04. Vô Đối Quang Như Lai
05. Diệm Vương Quang Như Lai
06. Thanh Tịnh Quang Như Lai
07. Hoan Hỷ Quang Như Lai
08. Trí Huệ Quang Như Lai
09. Nan Tư Quang Như Lai
10. Bất Đoạn Quang Như Lai
11. Vô Xúng Quang Như Lai
12. Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai

--- o0o ---

CHƯƠNG THỨ BA - HOÀNG NGUYỆN VÀ ĐẠI HẠNH

Thuật theo Kinh Vô Lượng Thọ

Trong thời kỳ tu nhơn, Đức Từ Phụ ta vì lòng từ bi quá thiết đối với tất cả chúng sanh, chẳng những muốn sao cho mọi loài đều khỏi tất cả sự khổ, mà còn nặng trĩu lấy quan niệm : **ĐỂ TẤT CẢ CHÚNG SANH Ở VĨNH VIỄN TRONG**

sự an vui hoàn toàn và bảo đảm chắc chắn trên con đường đi đến quả Phật.

Vì quan niệm đại từ này, nên lúc còn là một vị Bồ Tát, Đức Từ Phụ ta luôn canh cánh bên lòng một tâm chí bất di dịch : **Tạo một thế giới vô cùng trang nghiêm thanh tịnh thuần vui, để làm gia hương của muôn loài, của tất cả chúng sanh mười phương.**

Tâm trí cao thượng đại từ đại bi ấy đã làm cho vua Vô Tránh Niệm (tiền thân của Từ Phụ) lập nguyện nơi Đức Bảo Tạng Như Lai, và cũng đã làm cho Sa môn Pháp Tạng tha thiết thỉnh cầu Đức Thế TỰ Tại Vương Như Lai hiện hai trăm mười ức thế giới của thập phương chư Phật cho người được thấy được nghe, rồi người lọc lựa lấy thuần những sự trang nghiêm thanh tịnh như trong những thế giới ấy, để hiệp thành một Tịnh Độ của người sau này. Và liền đó trong thời gian năm kiếp, người đã chuyên cần suy gẫm những công hạnh phải tu để thực hiện Tịnh Độ ấy.

Việc lọc lựa và suy gẫm này đã kết thành 48 điều hoằng nguyện, mà người đã trịnh trọng tuyên ra, dưới sự chứng minh của Đức Thế TỰ Tại Vương Như Lai.

---o0o---

I - HOẰNG NGUYỆN

Do 48 điều nguyện này nên Đức Từ Phụ có những thiện duyên với chúng sanh trong mười phương như là cõi trước uest khổ não. Đọc và suy gẫm kỹ ta sẽ được nhiều lợi ích lớn :

- A. Lòng tín nhiệm nơi Đức Từ Phụ càng sâu.
- B. Tăng trưởng Bồ-đề tâm
- C. Rõ được cảnh giới trang nghiêm ở cõi Cực Lạc.
- D. Hiểu được đặc điểm cao quý của người Cực Lạc.
- E. Ham mộ về Cực Lạc và phấn chí tu hành.

Vì có nhiều lợi ích lớn ấy, nên Cổ đức rất trọng 48 đại nguyện này. Người thời thuộc nằm lòng, vị thời siêng lễ lạy¹². Mong chư độc giả cố gắng lướt qua quan niệm nhàm phiền.

Điều nguyện thứ 1.- Lúc tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi có địa ngục, naga quỷ, súc sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 2.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi sau khi thọ chung còn lại sa vào ba ác đạo, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 3.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi thân chẳng màu vàng ròng tất cả, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 4.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi thân hình có kẻ tốt người xấu chẳng đồng nhau, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 5.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng có Túc mạng thông, ít nhứt là biết rõ những việc trong trăm nghìn ức na-do-tha kiếp, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 6.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng được thiên nhãn, ít nhứt là thấy rõ trăm nghìn ức na-do-tha thế giới của chư Phật, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 7.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng được thiên nhĩ, ít nhứt là nghe và thọ trì tất cả lời thuyết pháp của trăm nghìn ức na-do-tha Đức Phật, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 8.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng được tha tâm trí, ít nhứt là biết rõ những tâm niệm của tất cả chúng sanh trong trăm nghìn ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 9.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng được thân túc, khoảng một niệm, ít nhứt là lướt qua khỏi trăm nghìn ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 10.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi còn có quan niệm tham chấp lấy thân, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 11.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi chẳng trụ Chánh định tụ, nhữn đến trọn diệt độ, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 12.- Lúc tôi thành Phật, nếu quang minh còn hữu hạn, ít nhưt chẳng chiếu thấu trăm nghìn ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 13.- Lúc tôi thành Phật, nếu thọ mạng còn hữu hạn, ít nhưt chẳng đến trăm nghìn ức na-do-tha kiếp, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 14.- Lúc tôi thành Phật, chúng Thanh Văn trong cõi nước tôi, nếu có ai tính đếm biết được số bao nhiêu, dầu đó là vô lượng Bích Chi Phật đồng tính đếm trong trăm nghìn kiếp, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 15.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi thọ mạng còn hữu hạn, trừ người có bốn nguyện riêng, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 16.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi còn có người nghe danh từ bất thiện, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 17.- Lúc tôi thành Phật, nếu vô lượng chư Phật trong thập phương thế giới chẳng đều ngợi khen xưng danh hiệu của tôi, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 18.- Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh chí tâm tin mộ muốn sanh về cõi nước tôi nhữn đến mười niệm, nếu không được sanh, thời tôi không ở ngôi Chánh giác, trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch cùng hủy báng Chánh pháp.

Điều nguyện thứ 19.- Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh phát Bồ-đề tâm tu các công đức nguyện sanh về cõi nước tôi, đến lúc lâm chung, nếu tôi chẳng cùng đại chúng hiện thân trước người đó, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 20.- Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chuyên nhớ cõi nước tôi và tu các công đức chí tâm hồi hướng muốn sanh về cõi nước tôi, nếu chẳng được toại nguyện, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 21.- Lúc tôi thành Phật, nếu như hàng nhơn thiên trong cõi nước tôi, tất cả chẳng đều đầy đủ ba mươi hai đại nhơn tướng, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 22.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở cõi khác sanh về nước tôi, cứu cánh quyết đều đến bậc Nhứt sanh bất tử, trừ người có bốn nguyện riêng tự tại hóa hiện, vì chúng sanh mà phát hoằng thệ tu các công đức độ thoát mọi loài, đi khắp các thế giới tu Bồ Tát hạnh, cúng dường thập phương chư Phật, khai hóa vô lượng chúng sanh, làm cho tất cả đều đứng vững nơi đạo Vô thượng Chánh giác, siêu xuất công hạnh của các bậc thông thường, hiện tiền tu tập đức của Phổ Hiền, nếu chẳng như thế thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 23.- Lúc tôi thành Phật, các Bồ Tát trong cõi nước tôi, thừa thần lực của Phật mà đi cúng dường thập phương chư Phật, trong khoảng thời gian một bữa ăn, nếu không đến khắp vô lượng vô số ức na-do-tha thế giới, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 24.- Lúc tôi thành Phật, các Bồ Tát ở trong cõi nước tôi, khi ở trước thập phương chư Phật hiện công đức của mình muốn có những vật cúng dường, nếu không được đúng như ý muốn, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 25.- Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi không diễn thuyết được Nhứt thiết trí, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 26.- Lúc tôi thành Phật, nếu các Bồ Tát trong cõi nước tôi chẳng đều được thân kim cương na la diên, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 27.- Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi, tất cả đồ dùng của nhơn thiên, hình sắc đều sáng đẹp sạch sẽ rất tốt vi diệu, không có thể tính biết, dầu là người được thiên nhãn. Nếu có người biện danh số các đồ ấy được rõ ràng, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 28.- Lúc tôi thành Phật, nếu Bồ Tát trong cõi nước tôi, dầu là người ít công đức nhứt, chẳng thấy biết được cõi cây đạo tràng cao bốn trăm muôn do tuần, vô lượng quang sắc, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 29.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi nếu thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết Kinh pháp, mà chẳng được trí huệ biện tài, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 30.- Lúc tôi thành Phật, nếu có ai hạn lượng được trí huệ biện tài của Bồ Tát trong cõi nước tôi, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 31.- Lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi thanh tịnh, nơi nơi đều soi thấy tất cả vô lượng vô số bất tư nghị thế giới ở mười phương, như là thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng được như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 32.- Lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi từ mặt đất vàng lên đến hư không, lầu nhà cung điện, ao nước hoa cây, tất cả vạn vật đều là vô lượng chất báu và trăm nghìn thứ hương hiệp chung lại mà thành. Vạn vật đều xinh đẹp kỳ diệu, mùi thơm xông khắp thập phương thế giới, Bồ Tát các nơi ngửi đến mùi thơm ấy thời đều tu hạnh của Phật. Nếu chẳng như vậy, tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 33.- Lúc tôi thành Phật, các loài chúng sanh trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương, được quang minh của tôi chạm đến thân, thời thân tâm nhu nhuyễn nhẹ nhàng hơn thiên nhơn. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 34.- Lúc tôi thành Phật, các loài chúng sanh trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương nghe danh hiệu của tôi mà không được Vô sanh Pháp nhẫn cùng các môn thâm tổng trì, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 35.- Lúc tôi thành Phật, các người nữ trong vô lượng bất tư nghị ở mười phương vui mừng tin mến phát Bồ-đề tâm, nhằm ghét thân gái. Nếu sau khi mạng chung mà còn làm thân người nữ nữa, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 36.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương nghe danh hiệu tôi, vẫn thường tu phạm hạnh mãi đến thành Phật. Nếu chẳng đặng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 37.- Lúc tôi thành Phật, hàng nhơn thiên trong vô lượng bất tư nghị thế giới ở mười phương nghe danh hiệu tôi, cúi đầu đánh

lễ, năm vóc gieo xuống đất, vui mừng tin mến tu Bồ Tát hạnh, thời chư Thiên và người đời đều kính trọng người đó. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 38.- Lúc tôi thành Phật, hàng như thiên trong cõi nước tôi muốn có y phục, thời y phục tốt đúng pháp liền theo tâm niệm của người đó mà tự nhiên đến trên thân. Nếu còn phải cắt may nhuộm giặt, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 39.- Lúc tôi thành Phật, nếu hàng như thiên trong cõi nước tôi hưởng thọ sự vui sướng không như vị lậu tận Tỳ kheo, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 40.- Lúc tôi thành Phật, các Bồ Tát trong cõi nước tôi tùy ý muốn thấy vô lượng thế giới nghiêm tịnh của chư Phật ở mười phương, thời liền được thấy rõ cả nơi trong cây báu đúng theo ý muốn như thấy mặt mình trong gương sáng. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 41.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, từ đó nhẫn đến lúc thành Phật mà các sắc căn còn thiếu xấu, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 42.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, thấy đều được giải thoát Tam muội. Trụ Tam muội đó, trong khoảng thời gian một niệm, cúng dường vô lượng bất tư nghị chư Phật Thế Tôn, mà vẫn không mất chánh định. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 43.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi, sau khi mạng chung thác sanh nhà tôn quý, nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 44.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi vui mừng hơn hở, tu Bồ Tát hạnh vẹn đủ công đức, nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 45.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát ở phương khác nghe danh hiệu tôi đều đặng Phổ đẳng Tam muội, trụ Tam muội này mãi đến lúc thành Phật, thường được thấy vô lượng bất tư nghị tất cả chư Phật. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 46.- Lúc tôi thành Phật, chúng Bồ Tát trong cõi nước tôi muốn nghe pháp gì, thời liền tự nhiên đặng nghe pháp ấy. Nếu chẳng như vậy, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 47.- Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ Tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng được đến bậc bất thoái chuyển, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

Điều nguyện thứ 48.- Lúc tôi thành Phật, nếu chúng Bồ Tát ở thế giới phương khác nghe danh hiệu tôi, mà chẳng liền được đệ nhất Âm hưởng nhẫn, đệ nhị Nhu thuận nhẫn, đệ tam Vô sanh Pháp nhẫn, ở nơi Phật pháp chẳng liền được bậc bất thoái chuyển, thời tôi không ở ngôi Chánh giác.

---o0o---

II - ĐẠI HẠNH

Trong Vô Lượng Thọ Kinh, sau lúc tường thuật 48 điều hoằng nguyện của Pháp Tạng Bồ Tát xong, Đức Bổn Sư phán tiếp :

Sau khi lập hoằng nguyện này rồi, Pháp Tạng Bồ Tát chuyên chí trang nghiêm tịnh độ. Cõi nước của người tu tạo rất rộng lớn tốt đẹp, siêu thắng hơn tất cả, y nhiên thường lập, không hư, không đổi. Trong thời gian vô lượng bất tư nghị triệu tải kiếp, người gây trồng vô lượng đức hạnh Đại thừa. Không có tướng niệm : dục, sân, hại. Chẳng hề ham mê cảnh lục trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Người thành tựu nhẫn lực không kể đến sự khổ nhọc. Lúc nào người cũng thiếu dục tri túc : không tham, không sân, không si. Tâm người thường yên lặng nơi chánh định, trí huệ vô ngại. Người không bao giờ có lòng đua đố. Nét mặt người luôn luôn vui vẻ, lời nói dịu dàng, niềm nở hải hân. Chí nguyện luôn tinh tấn dũng mãnh không hề nhàm mỏi : **người chuyên cần cầu lấy pháp trọn lành để lợi ích quần sanh.** Với Tam Bảo thời người cung kính. Với Sư trưởng thời người phụng thờ. Người dùng công hạnh đại trang nghiêm hoàn mãn của người mà làm cho chúng sanh thành tựu công đức. Người quan sát các pháp đều như huyễn, như hóa, không tạo tác, không sanh khởi, luôn trụ trong môn giải thoát : không, vô tướng, vô nguyện. Người xa hẳn lời nói thô tục : hại mình, hại người, mình người đồng hại. Người tu tập trọn nên lời nói hiền lành : lợi mình, lợi người, mình người đồng lợi. Người vất bỏ sự giàu sang, xa tránh những tài sắc. Người thực hành sáu pháp Ba-la-mật : bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, và dạy mọi người cùng thực hành. Người giáo hóa an lập vô số chúng sanh làm cho đều đứng vững nơi đạo Vô thượng Chánh giác. Vì

độ chúng sanh mà người hiện thân trong mọi loài, cùng đồng hình thể, cùng đồng ngôn ngữ, để tùy cơ tùy thời mà diu dắt...

Pháp Tạng Bồ Tát có vô lượng công đức như vậy không thể kể hết. Người thực hiện hoàn thành những hồng nguyện của người đã lập : **Người đã thành Phật hiệu là A Di Đà tại Cực Lạc thế giới, cách đây mười muôn ức cõi về hướng Tây, và hiện tại đang thuyết pháp nơi ấy...**

LỜI PHỤ.- Trong 48 điều hồng nguyện, nguyện nào cũng đồng một mục đích đại từ bi :

Làm cho chúng sanh ở vĩnh viễn trong cảnh an vui hoàn toàn và bảo đảm chắc chắn trên con đường thành Phật.

Đến đại hạnh độ mình độ người để thực hiện bốn nguyện trên, trong ấy, bao nhiêu là sự dũng mãnh tinh tấn, bao nhiêu là sự kiên nhẫn cần lao. Kể sao xiết nơi hạnh thanh tịnh ! Kể sao xiết nơi trí cao thượng ! Không nề khó, không nề nhọc. Thật là làm những điều khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn.

Vì ai mà trong lúc tu nhơn, Đức Từ Phụ ta phải trải qua thời gian vô lượng số kiếp cần khổ thực hành Bồ Tát hạnh như thế ? Chỉ vì chúng sanh ! **Vì để cứu khổ ban vui cho mọi loài, cho chúng ta thôi !**

Nhơn hạnh của Đức Từ Phụ chúng ta đã được biết. Giờ đây chúng ta nên đọc đến những trang Kinh, mà nơi ấy, Đức Bổn Sư của chúng ta giảng về quả địa của Từ Phụ.

A. Thân tướng thù thắng của A Di Đà Phật và hai vị Bồ Tát phụ bật.

B. Cảnh Tịnh Độ trang nghiêm : “Cực Lạc thế giới”.

---o0o---

CHƯƠNG THỨ TƯ - THÂN TƯỚNG

Dưới đây là thuật theo lời của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Kinh Phật Thuyết A Di Đà.

I - TƯỢNG HẢO CỦA A DI ĐÀ PHẬT

Thân của Đức A Di Đà Phật như trăm nghìn muôn ức lần sắc vàng diêm phù đàn của trời Dạ Ma, cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do tuần¹³. Lòng trắng giữa đôi mày uyển chuyển xoáy tròn về phía hữu như năm trái núi Tu Di. Đôi mắt trắng và xanh biếc phân minh như bốn đại hải. Các lỗ chân lông nơi thân đều phóng ánh sáng như núi Tu Di. Viên quang của Phật như trăm ức cõi Đại thiên. Trong viên quang có trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa vị Hóa Phật. Mỗi Hóa Phật lại có vô số hóa Bồ Tát theo hầu.

Thân mình của Đức Phật có tám muôn bốn nghìn tướng tốt, mỗi tướng có tám muôn bốn nghìn tùy hình hảo. Mỗi hình hảo có tám muôn bốn nghìn tia sáng. Mỗi tia sáng chiếu khắp thập phương thế giới, **niếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ rời.**

Sắc đẹp của những tia sáng, cùng với Hóa Phật, không thể dùng lời mà tả xiết...

Muốn quán tướng hảo của Phật, thời nên quán tướng lông trắng giữa đôi mày trước. Nếu tướng lông trắng hiện rõ, thời bao nhiêu tướng hảo khác, tự lần lượt hiển hiện.

---o0o---

II - QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

Đức Quan Thế Âm là vị đại Bồ Tát thường hầu cận phía tả của Đức Từ Phụ, và Đại Thế Chí Bồ Tát, vị hữu dực. Hai vị Đại sĩ giúp Đức Từ Phụ những việc giáo hóa trong cõi, cùng phân thân khắp mười phương để cứu khổ mọi loài, và rước người có tịnh duyên về Cực Lạc Tịnh Độ. Dưới đây là thân tướng thật của Bồ Tát, thuật theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ. Ngoài ra những hình khác như người đời thường nhận thấy, đều là thân ứng hiện theo cơ cảm của chúng sanh thôi.

Thân của Quan Thế Âm Bồ Tát cao tám mươi muôn ức na-do-tha do tuần, da màu vàng tử kim. Trên đỉnh đầu có nhục kế. Có vàng sáng tròn mỗi phía rộng trăm nghìn do tuần. Trong vàng sáng tròn ấy có năm trăm vị Hóa Phật, mỗi vị Hóa Phật tướng tốt như Phật Thích Ca Mâu Ni và có năm trăm vị Hóa Bồ Tát châu chực.

Toàn thân ánh sáng chiếu suốt mười phương, hình tướng của tất cả chúng sanh trong lục đạo đều hiện rõ bóng trong ánh sáng ấy.

Trên đầu Bồ Tát có thiên quan. Trong thiên quan có một vị Hóa Phật cao hai mươi lăm do tuần.

Mặt Bồ Tát sắc vàng diêm phù đàn.

Lông trắng giữa đôi mày đủ bảy màu báu đẹp, chiếu ra tám muôn bốn nghìn thứ tia sáng thấu khắp mười phương. Trong mỗi tia sáng có vô số vị Hóa Phật và vô số Hóa Bồ Tát.

Cánh tay của Bồ Tát màu như hoa sen hồng, tám mươi ức tia sáng đẹp kết thành chuỗi ngọc. Bàn tay năm trăm ức màu hoa sen hồng. Đầu ngón tay có tám muôn bốn nghìn lần chỉ. Mỗi lần chỉ, có tám muôn bốn nghìn tia sáng. Tia sáng ấy dịu dàng chiếu sáng mười phương.

Quan Thế Âm Bồ Tát dùng bàn tay báu này tiếp dẫn chúng sanh về Cực Lạc.

Lúc Bồ Tát cất chân lên, từ nơi nghìn xoáy chỉ ở lòng bàn chân tự nhiên hóa thành năm trăm ức quang minh đài. Lúc Bồ Tát để chân xuống thời tự nhiên bông kim cương như ý rưới khắp mọi nơi.

Muốn quán tướng hảo của Bồ Tát, thời nên bắt đầu quán thiên quan trước, rồi sẽ tuần tự quán các tướng khác...

---o0o---

III - ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT

Thân lượng của Đại Thế Chí Bồ Tát đồng như thân lượng của đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Viên quang nơi cổ mỗi phía rộng 125 do tuần, chiếu xa 250 do tuần. Ánh sáng của toàn thân màu vàng tử kim chiếu thấu thập phương thế giới, người có duyên liền được thấy. Chỉ thấy được ánh sáng nơi một lỗ chân lông của Bồ Tát, thời liền được thấy quang minh tịnh diệu của vô lượng chư Phật ở mười phương. Vì thế nên Bồ Tát có hiệu là Vô Biên Quang.

Bồ Tát dùng ánh sáng trí huệ chiếu khắp mọi loài, làm cho chúng sanh thoát khỏi tam đồ đặng thành vô thượng lực nên lại hiệu là **Đại Thế Chí**.

Thiên quan của Bồ Tát có năm trăm bảo hoa. Mỗi bảo hoa có năm trăm bảo đài. Hình tướng những thế giới tịnh diệu của chư Phật ở mười phương đều hiện rõ bóng trong mỗi bảo đài.

Trên đỉnh đầu, nhục kế hình như hoa sen hồng. Trên nhục kế có một chiếc bình báu đầy ánh sáng. Ánh sáng trong bình chiếu ra thành những Phật sự. Ngoài ra những tướng hảo khác đều giống như đức Quan Thế Âm Bồ Tát.

Lúc Đại Thế Chí Bồ Tát đi thời chấn động cả thập phương thế giới¹⁴. Chính chỗ đất động đó có năm trăm ức bảo hoa. Mỗi bảo hoa cao đẹp trang nghiêm như Cực Lạc thế giới.

Lúc Bồ Tát ngồi, toàn cõi Cực Lạc đồng thời lay động. Từ thế giới của Đức Kim Cương Phật ở Hạ phương đến thế giới của Đức Quang Minh Vương Phật ở Thượng phương, trong đó vô lượng trăn số phân thân của Vô Lượng Thọ Phật, phân thân của Quan Thế Âm cùng của Đại Thế Chí tất cả đều vân tập nơi Cực Lạc thế giới, đông chật cả hư không. Mỗi phân thân đều ngồi tòa sen báu, đồng diễn nói diệu pháp, cứu khổ chúng sanh...

---o0o---

ÔNG LÝ TRIỆU ĐẢI

Lý Triệu Đải người Ung Châu, ông rất tin tưởng đức Đại Thế Chí Bồ Tát và siêng niệm Phật.

Thân phụ của ông không tin Phật pháp, hay bài bác. Ít lâu, thân phụ ông bỗng mang bệnh thổ huyết chết.

Ông Đải lên cột tượng đức Đại Thế Chí bằng vàng cao ba thước (thước tàu) để hồi hướng cầu vong linh thân phụ được siêu độ. Ngày khởi sự trở tượng, khắp mặt đất bỗng rung động.

Hai tháng sau, cột tượng hoàn thành. Đêm ấy, trong khi ngủ, ông Đải thấy một người thân ánh sắc vàng, đầu đội thiên quan bảo rằng : “Người biết đất rung động hôm trước đó là có chi không ? Ta chính là Đại Thế Chí Bồ Tát đây. Người lên cột tượng nên ta đến chứng minh. Lúc ta bước chân đi thời cả đại thiên đều chấn động. Nhiều chúng sanh trong ác đạo được thoát khổ. Ta nương pháp môn niệm Phật mà chúng vô sanh nhĩn, nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật ở mười phương. Nhờ người lên cột tượng và siêng

niệm Phật, nên thân phụ người được ra khỏi địa ngục, ta đưa tay dắt về Tịnh Độ.”.

Nghe Bồ Tát dạy xong, ông Đãi vội cúi đầu đánh lễ. Chợt tỉnh giấc. Trong lòng vui mừng cảm động vô ngần. Từ đó sự tu niệm của ông càng tinh cần hơn.

--- o0o ---

CHƯƠNG THỨ NĂM - QUỐC ĐỘ

Trích thuật theo các Kinh “Vô Lượng Thọ”, “Quán Vô Lượng Thọ”, “A Di Đà”

CỰC LẠC THẾ GIỚI

Định danh : Trong hội Kỳ Viên, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Xá Lợi Phất : “Cõi đó vì sao gọi là Cực Lạc ?”. Rồi Đức Bổn Sư tự giải thích : “**Vì chúng sanh trong cõi đó không có các điều khổ, chỉ hưởng thuần những sự vui, nên gọi là Cực Lạc**”.

---o0o---

A - CẢNH VẬT

1. BẢO ĐỊA

Toàn cõi Cực Lạc, đất lưu ly trong suốt. Phía dưới có tràng kim cương nâng đỡ. Tràng kim cương ấy tám góc đều đặn, mỗi mặt có trăm thứ bảo châu. Mỗi bảo châu phóng nghìn tia sáng. Mỗi tia sáng có 84.000 màu, chói đất lưu ly sáng như nghìn ức mặt trời. Mặt lưu ly bằng phẳng, có dây vàng ròng cùng thất bảo giăng phân khu vực và đường sá. Mỗi dây báu phóng tia sáng trăm màu. Tia sáng ấy hình như hoa, như sao, như trăng, chiếu lên kết thành đài sáng chói ở giữa chừng không. Bên những đài sáng ấy có trăm ức tràng hoa, cùng vô số nhạc khí. Từ trong đài sáng thổi ra tám thứ gió nhẹ mát, làm rung động những nhạc khí ấy reo lên tiếng diễn nói pháp “Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, Từ bi, Hỷ xả, các môn Ba-la-mật”.

---o0o---

2. BẢO THỌ

Trên Bảo địa có vô số cây Chiên đàn hương, vô số cây Kiết tường quả, ngay hàng thẳng lối, nhánh, lá, bông, trái đều đặn chỉnh tề. Mỗi cây cao 8.000 do tuần. Thân, lá, bông, trái đều là chất thất bảo. Hoặc thứ cây thuần vàng, thuần bạc, thuần lưu ly, thuần pha lê, thuần xa cừ, thuần mã não, thuần chơn châu. Hoặc thứ cây gốc vàng thân bạc, nhánh lá bông trái cũng phân vàng bạc, đây là cây hai chất báu. Có thứ cây gốc vàng, thân bạc, nhánh lưu ly, lá bông trái cũng phân vàng, bạc, lưu ly, đây là cây ba chất báu. Hoặc thứ cây thời bốn chất báu, thứ thời năm chất báu, thứ thời sáu chất báu, thứ thời bảy chất báu, cũng xen lẫn nhau hiệp thành.

Tất cả Phật sự trong cõi Cực Lạc đều hiện rõ bóng trong cây, và cả thập phương thế giới cũng hiện bóng rõ trong cây, như trong gương sáng.

Mỗi lá rộng 25 do tuần, một nghìn màu, đồng phóng ánh sáng đẹp, làm gân lá như chuỗi ngọc.

Những bông xinh đẹp sắc vàng diêm phù đàn xen trong kẽ lá, sáng rõ như những vòng lửa. Trên bông tự nhiên có trái thất bảo hình như chiếc bình quý của Thiên Đế. Nơi trái phóng ra ánh sáng lớn tụ thành vô lượng tràng phan cùng bảo cái. Trong bảo cái ấy chói hiện tất cả Phật sự trong nước Cực Lạc cùng cả thập phương thế giới.

Bảy lớp lưới kết bằng diệp chơn châu giăng trên mỗi bảo thọ. Mỗi khoảng lưới có cung điện xinh đẹp như cung trời Phạm Vương. Trong cung điện tự nhiên có các Thiên đồng. Mỗi Thiên đồng đeo chuỗi năm trăm hột ngọc Ma ni. Mỗi hột Ma ni chiếu sáng trăm do tuần, làm cho trên cây chiếu sáng như trăm ức mặt trời mặt trăng hiệp lại.

---o0o---

3. BẢO TRÌ

Cực Lạc thế giới nơi nơi đều có ao tắm. Thành ao bằng thất bảo. Đáy ao trải cát kim cương nhiều màu. Ao rộng trăm nghìn do tuần xem như biển cả.

Mỗi ao có sáu mươi ức hoa sen thất bảo. Mỗi bông tròn lớn 12 do tuần, đủ các màu đẹp, màu nào chiếu ánh sáng màu ấy. Trong ao, nước bát công đức từ như ý châu vương sanh, màu thất bảo, lên xuống theo cọng sen chảy

lòn vào cánh bông. Tiếng nước chảy thanh tao diễn nói pháp màu : Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, các môn Ba-la-mật.

Nơi như ý châu vương phóng ánh sáng sắc vàng ròng. Trong ánh sáng hóa thành các thứ chim đẹp đủ màu, bay lượn, kêu hót hòa nhã diễn nói pháp : Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ-đề, Bát chánh đạo, cùng ca ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Mặt nước, làn sóng gợn lăn tăn, nổi lên nhiều tiếng dịu dàng : tiếng Phật, Pháp, Tăng; tiếng Không, Vô ngã, Đại từ bi; tiếng Ba-la-mật; tiếng Thập lực, Vô úy, Bát cộng; tiếng thần thông, trí huệ; tiếng vô tạo tác, bất sanh diệt, Vô sanh nhẫn; nhẫn đến tiếng cam lồ quán đảnh, cùng vô biên diệu pháp. Người nghe đến những tiếng này, tâm liền thanh tịnh, thiện căn thành thực, hẳn không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ-đề.

Các thượng thiện nhơn, người Cực Lạc, lúc vào ao để tắm, nếu ý muốn ngập chân, thời nước chỉ ngập chân, nếu ý muốn nước đến bụng thời nước liền ngang bụng, cho đến ý muốn nước đến cổ thời mặt nước liền lên cao đến cổ. Nước ao tùy theo ý muốn của mỗi người mà sâu cạn, ấm mát điều hòa rất thuận thích. Người tắm, thân thể nhẹ nhàng khoan khoái, tâm thần vui vẻ tịch tịnh sáng suốt.

---o0o---

4. BẢO LÂU

Bốn phía ao báu, những thềm bậc đường sá do vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... hiệp thành. Trên có vô số cung điện nhiều tầng.

Những tòa lâu đài này đều bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê v.v... nhẫn đến vô lượng chất báu xây thành.

Giảng đường, tịnh xá, lâu các cung điện của A Di Đà Phật, của chúng Bồ Tát, nhân dân, trăm nghìn muôn lần quý hơn cung điện của Tự Tại Thiên Vương nơi cõi Ta Bà này.

Những đèn đài ấy, có thứ nổi lên ở giữa chừng không như mây, cao lớn tùy theo ý muốn của người ở. Có hạng không theo ý muốn mà trụ trên bảo địa. Đó là công hạnh tu hành sâu dày hay kém ít nên chỗ ở khác nhau như thế. Nhưng những sự hưởng dụng như ăn mặc v.v... đều bình đẳng.

Bốn phía đèn đài đều trang nghiêm với những hoa tràng cùng vô lượng nhạc khí. Gió mát nhẹ rung những nhạc khí ấy hòa reo thành tiếng pháp : Khô, Không, Vô thường, Vô ngã, Từ bi, Hỷ xả, các môn Ba-la-mật.

---o0o---

5. BẢO TỌA

Cực Lạc thế giới, Đức Phật, chư Bồ Tát, cùng nhân dân đều ngồi trên tòa sen báu. Những tòa sen ấy, từ một chất báu, hai chất báu, nhẫn đến vô lượng chất báu hiệp thành, màu sắc đẹp lạ, quang minh sáng chói, lớn nhỏ xứng theo thân người ngồi.

Dưới đây là tòa sen báu của Đức Phật ngự.

Tòa sen này có 84.000 cánh. Mỗi cánh rộng 250 do tuần, 100 màu. Trên mỗi cánh sen có 84.000 lần gân phóng ra 84.000 tia sáng. Xen vào mỗi cánh sen có trăm ức hạt châu Ma ni. Mỗi hạt châu Ma ni phóng nghìn tia sáng. Các tia sáng này kết tụ nhau lại như hình cây lọng.

Đài sen bằng chất Thích-ca Tỳ-lăng-già bảo. Trang nghiêm với tám muôn thứ ngọc kim cương, ngọc Ma ni, cùng mảnh lưới kết bằng chơn châu.

Trên đài sen, tự nhiên có bốn trụ báu. Mỗi trụ báu cao đẹp như trăm nghìn muôn ức núi Tu Di. Trên đầu bốn trụ báu, mảnh lưới báu trùm giăng rộng lớn như cõi trời Dạ Ma. Mảnh lưới báu ấy có năm trăm ức hạt bảo châu. Mỗi bảo châu chiếu ra 84.000 tia sáng. Mỗi tia sáng ấy có 84.000 thứ kim sắc. Các sắc vàng ấy chói khắp mặt bảo địa, nơi nơi biến hóa thành những tướng trạng khác nhau : hoặc hóa ra đài kim cương, hoặc hóa ra lưới chơn châu, hoặc hóa làm những lùm mây hoa đẹp sáng v.v... hiện thành Phật sự ở khắp các nơi trong cõi Cực Lạc...

Khi giảng xong sự lớn đẹp vi diệu của tòa sen báu, Đức Bổn Sư kết rằng : tòa sen báu ấy có ra đó, là do nguyện lực thuở tiền thân của Phật A Di Đà, ngài Pháp Tạng Bồ Tát.

---o0o---

B - NHÂN DÂN

1. LIÊN HOA HÓA SANH

Phàm thân hình có ra, ban sơ đều do thần thức gá vào một nơi để thành. Khác hẳn với người cõi Ta Bà gá vào nơi bụng bà mẹ, người tu tịnh nghiệp lúc vãng sanh Cực Lạc thế giới, thời thân thể gá trong hoa sen báu nơi bảo trì mà hóa sanh. Tịnh Độ Luận nói : **“Nhân dân thanh tịnh của Đức Phật A Di Đà từ hoa báu trí giác hóa sanh”**.

Lúc thân thức được Phật và Bồ Tát rước về Cực Lạc liền gá vào hoa sen, khi hoa còn búp thời gọi là ở thai sen. Dầu thân hình chưa ra khỏi búp hoa, nhưng cảnh tượng và những sự hưởng thọ ở trong hoa đã vui đẹp hơn các cõi trời ở Ta Bà.

Những hoa báu để thác sanh, sự quý đẹp có khác nhau, và thời gian hoa nở cũng chậm mau không đồng. Đó là vì công đức và trí huệ của mỗi thân thức thác sanh có hậu bậc cùng sâu cạn không đồng nhau.

Do sự không đồng này nên Cực Lạc thế giới có chín phẩm liên hoa : ba phẩm Thượng, ba phẩm Trung, ba phẩm Hạ.

Ba phẩm bậc Thượng thời liên hoa bằng chất kim cương, bằng vàng tử kim, hay huỳnh kim. Thời gian hoa nở vừa thác sanh liền nở, hay cách đêm, hoặc một ngày đêm. Đây là phần của những vị trước khi vãng sanh, tu hạnh Đại thừa, phát Bồ-đề tâm, thâm ngộ diệu lý vô sanh, tự hành hóa tha, công đức dày, trí huệ sâu mà **hồi hướng nguyện sanh về Cực Lạc thế giới**.

Sáu phẩm dưới thời liên hoa bằng chất thất bảo. Thời gian hoa nở : hoặc nở liền, hoặc bảy ngày đêm, hoặc hai mươi một ngày hoặc bốn mươi chín ngày v.v...

Ba phẩm liên hoa bậc Trung, là phần của những người trai giới tinh nghiêm, cùng người hiếu thảo, những nhà từ thiện, mà **đốc lòng cầu về Cực Lạc thế giới**.

Ba phẩm bậc Hạ là phần của những người không biết tu tập, không biết làm lành, cho đến những kẻ ở đời gian ác, đến khi sắp chết, lúc hấp hối, mà biết ăn năn tội lỗi rồi **chí tâm xưng niệm “Nam mô A Di Đà Phật” thiết tha cầu sanh Cực Lạc thế giới**.

Cứ nơi chín phẩm liên hoa đây, thời thấy rằng **Cực Lạc thế giới là chỗ đồng về của tất cả Thánh và phàm ở mười phương**. Chẳng những là đạo tràng của các vị Đại thừa Bồ Tát, của những bậc đại tâm Thanh Văn, Duyên Giác, của những người tinh tấn tu trì, của các nhà từ thiện làm lành tránh dữ,

mà Cực Lạc thế giới cũng là gia hương của những kẻ tội ác; nhẫn đến mọi loài. Nếu ai tin chắc chí tâm niệm Phật rồi hồi hướng cầu sanh thời đều được về cả, vì nhờ sức nhiếp thọ tiếp dẫn của Đức Từ Phụ và chư Bồ Tát. Chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch¹⁵ và hủy báng Chánh pháp. Sau khi được vãng sanh Cực Lạc thời thành bậc thượng thiện, trụ bậc bất thoái, đồng dự hải hội.

Nơi Cực Lạc, người từ liên hoa hóa sanh. Phật Bồ Tát và nhân dân đều ngồi tòa sen báu. Vì thế nên Cổ đức kêu Cực Lạc thế giới là “**Liên Ban**” (cối sen), gọi Thánh chúng là “**Liên Trì Hải Hội**” đặt tông Tịnh độ là “**Liên Tông**”, gọi hội niệm Phật là “**Liên Xã**”, kêu bạn niệm Phật là “**Liên Hữu**” (bạn sen)

---o0o---

2. THÂN THỂ

Nhân dân nơi Cực Lạc thế giới, thân kim cương từ hoa sen báu sanh ra, da màu huỳnh kim. Tất cả mọi người đều đủ 32 tướng hảo đại nhơn, đồng xinh đẹp như nhau.

Đức Bồ Sư từng hỏi Tôn giả A Nan : “Nhu gã ăn mày đứng bên vị Đế vương, thời hình dung của hai người có giống nhau không ?”

Tôn giả đáp : “Bạch Thế Tôn ! Gã ăn mày hình dung xấu xí nhớp nhúa, đâu sánh với vị Đế vương được”.

Đức Bồ Sư phán : “Vị Đế vương dầu là sang đẹp, nhưng sánh với Chuyển luân Thánh vương thời cũng như gã ăn mày. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Chuyển luân Thánh vương cũng không bằng Thiên Đế Thích¹⁶. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Thiên Đế Thích cũng không bằng Tự Tại Thiên Vương. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Tự Tại Thiên Vương sánh không bằng các vị Thượng thiện nhơn nơi Cực Lạc thế giới, nhân dân của Đức Phật A Di Đà”.

---o0o---

3. THUẦN VUI KHÔNG KHỔ

Nhân dân nơi Cực Lạc thế giới không có tất cả sự khổ, chỉ hưởng thuần những sự vui thanh tịnh.

Phàm những sự thống khổ của muôn loài nhiều đến vô lượng. Tóm lại thời có tám điều :

1.- Khổ khi sanh ra. 2.- Khổ khi già yếu. 3.- Khổ lúc bệnh. 4.- Khổ về sự chết. 5.- Khổ vì phải ly biệt người thân mến. 6.- Khổ vì gặp phải kẻ oán thù. 7.- Khổ vì không được toại vọng. 8.- Khổ vì thân tâm đòi hỏi phóng túng.

Nơi Cực Lạc thế giới, người từ hoa sen báu sanh ra, thời là không “sanh khổ”. Thân kim cương luôn khương kiện trẻ đẹp, thời là không “lão khổ”, và không “bệnh khổ”. Thọ mạng vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp mãi đến bỏ xứ thành Phật, thời là không “tử khổ”. Không cha mẹ vợ con, thời là không “ái biệt ly khổ”. Chư thượng thiện như thường chung cùng hội hiệp, thời là không “oán tăng hội khổ”. Cầu muốn điều chi hay vật chi đều liền được toại ý, thời là không “cầu bất đắc khổ”. Không thân kiến mà tâm luôn thanh tịnh, thời không “ngũ ấm xí thanh khổ”.

Khổ gì có được ở thế giới, mà nơi ấy sự trang nghiêm thanh tịnh đã đến tuyệt đích !

Cực Lạc thế giới, ngoài các sự vui đẹp về vật chất như ăn mặc, ao tắm, nhà ở v.v... người Cực Lạc đồng được hưởng những điều vui cao quý hy hữu :

1.- Thường được thấy Phật gần Phật. 2.- Chư đại Bồ Tát là thầy là bạn cùng chung hội hiệp. 3.- Luôn được nghe tiếng diển nói pháp màu, không luận chỗ nào và lúc nào, nếu muốn nghe. 4.- Thường được chư Phật hộ niệm. 5.- Sống lâu vô lượng kiếp đồng với Phật. 6.- Không còn lo bị đọa vào ác đạo. Ở Cực Lạc, danh từ ác đạo còn không có thay hưởng là sự thật ! 7.- Vĩnh viễn thoát ly luân hồi. 8.- Thọ dụng tự nhiên, khỏi bận rộn bê trễ công phu hành đạo. 9.- Được vào bậc chánh định không còn thoái thất đạo Vô thượng. 10.- Hiện một đời thành Phật.

---o0o---

4. THỌ DỤNG TỰ NHIÊN

Cực Lạc thế giới từ cung điện đền đài, bảo trì, bảo thọ cho đến tất cả vật dụng, đều bằng thất bảo tự nhiên hiện thành, không phải xây dựng tạo tác.

Người Cực Lạc lúc muốn mặc thời y phục đúng pháp tự nhiên ở trên thân.

Đến giờ ăn, nếu người muốn bát đĩa vàng, thời bát đĩa vàng liền hiện ra trước mặt. Người muốn bát đĩa bạc, hay bát đĩa lưu ly, thủy tinh, minh nguyệt châu, như ý châu v.v... thời bát đĩa đúng như ý muốn hiện ra trước mặt. Thức ăn thức uống thơm ngon đựng sẵn trong đĩa bát, vừa theo lượng người ăn không dư không thiếu. Ăn xong, bát đĩa tự ẩn đi, đến giờ ăn lại hiện đến, khỏi dọn khỏi cất. Vật thực vào thân tự nhiên tiêu tan lần, hóa thành hơi thơm theo lỗ chân lông tiết ra ngoài, không có cặn bã, tâm Bồ đề thêm sự khỏe mạnh, tâm được an vui như bậc vô lậu.

---o0o---

5. TÂM TÁNH VÀ THẦN THÔNG

Cực Lạc thế giới, người đều trí huệ sáng suốt, biện tài vô ngại. Không một ai dung ngu. Lúc nghĩ tưởng, thời đều thuận là quan niệm đạo đức. Vì thế nên lời nói ra thuận là đúng Chánh pháp. Mọi người đều yêu kính nhau. Không tham, không sân, không si, không thân kiến. Các căn tịch tịnh, không phóng dật, không vọng duyên.

Người người đều đủ năm thứ thần thông :

1.- Thiên nhãn thông, thấy suốt mười phương, người kém nhất cũng thấy được trăm nghìn ức na-do-tha thế giới.

2.- Thiên nhĩ thông, nghe thấu mười phương. Người kém nhất cũng nghe được tiếng thuyết pháp của trăm nghìn ức na-do-tha Đức Phật. Nghe rồi đều nhớ hiểu được cả.

3.- Tha tâm thông, rõ biết tâm niệm của người khác, người kém nhất cũng biết được những tâm niệm của các loài chúng sanh trong trăm nghìn ức na-do-tha thế giới.

4.- Túc mạng thông, nhớ rõ những đời trước. Người kém nhất cũng biết rõ những việc trong trăm nghìn ức na-do-tha kiếp về quá khứ và vị lai.

5.- Thần túc thông, trong khoảng thời gian một niệm đi khắp mười phương, người kém nhất cũng đi được trăm nghìn ức na-do-tha thế giới.

---o0o---

6. CÔNG VIỆC THƯỜNG NGÀY

Nhân dân Cực Lạc, mỗi sáng sớm, đem bông báu tươi đẹp cúng dường Bồn Phật (A Di Đà) và vô lượng chư Phật ở thế giới khác, nếu muốn cúng dường hoa hương, kỹ nhạc, hoặc muốn cúng dường y phục, bảo cái, tràng phan v.v... đương lúc ở trước chư Phật nơi thế giới khác, do oai thần nguyện lực của Bồn Phật A Di Đà, đồ cúng dường quý đẹp đúng theo ý muốn, liền hiện trên không nhóm lại như mây, rồi uyển chuyển nhẹ nhàng rơi xuống đạo tràng thành cúng dường. Lại còn dùng âm thanh vi diệu ca tụng công đức của chư Phật, kính nghe Kinh pháp của chư Phật dạy. Cúng dường nghe pháp xong, bỗng nhiên nhẹ nhàng bay về, đến bồn quốc (Cực Lạc) vẫn còn trước giờ ăn.

Người Cực Lạc, sau khi dùng bữa xong đi kinh hành tư duy diệu pháp, hoặc niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Người Cực Lạc, sau khi tắm nơi bảo trì, rồi ngồi trên hoa sen báu tu tập Đạo pháp.

Nơi Cực Lạc thế giới, người thời ở trên hư không mà giảng Kinh, người thời tụng Kinh, người thời tự thuyết Kinh, người thời dạy Kinh, người thời nghe Kinh, người thời tư duy diệu nghĩa, người thời tọa thiền nhập định, người thời đi kinh hành v.v...

Hoặc có những người ở trên bảo địa mà giảng Kinh, tụng Kinh, thuyết Kinh, dạy Kinh, nghe Kinh hay là tư duy diệu pháp, tọa thiền nhập định cùng đi kinh hành v.v...

Do sự hành đạo này, người chưa chứng tứ quả thời chứng tứ quả, người chưa nhập bất thoái địa thời chứng nhập bậc bất thoái...

---o0o---

7. ĐỨC VỊ

Ở Cực Lạc thế giới, mọi người đều trụ bậc bất thoái chuyển, nghĩa là sau khi đã được sanh về cõi Cực Lạc, thời tất cả đều đứng vững nơi đạo Vô thượng Chánh giác không còn bị thoái chuyển lui sụt, tiến mãi đến bậc Nhứt sanh bất tử (Đẳng giác) và thành Phật.

Được như trên, là vì ở Cực Lạc cảnh duyên trang nghiêm thanh tịnh, thuần một mặt giúp thêm sự tăng tấn cho đạo hạnh : (Bảy duyên lành dưới đây trích ở tập “Thập Nghi Luận” của Trí Giả Đại sư).

1.- Thường được thấy Phật, được nguyện lực của Phật nhiếp trì. Như ở trên tàu to, không bị sóng nhồi nước đắm,

2.- Quang minh của Phật thường chiếu đến thân, làm cho Bồ-đề tâm tăng tấn. Như được ánh sáng mặt trời, khỏi sa hầm sụp hố.

3.- Thường gần gũi Quan Thế Âm, Đại Thế Chí, chư đại Bồ Tát, được Bồ Tát dắt dìu gia hộ, mọi người ở quanh mình đều thuần là bậc thượng thiện không tà sư ác hữu. Như gần đèn được sáng.

4.- Nước, chim, cây, lưới, gió, nhạc, quang minh v.v... đều luôn diễn nói pháp mầu. Tai nghe tiếng pháp thời tâm liền thanh tịnh.

5.- Đồ ăn thức uống, nước tắm rửa đều làm thêm lớn thiện căn.

6.- Tâm ý trọn không kiến chấp vọng duyên, không ác niệm phiền não, chánh niệm thường hiện tiền.

7.- Thân thể lại là kim cương bất hoại. Không già yếu, không tật bệnh, sống lâu vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp. Không bị già bệnh làm trở ngại công phu. Khỏi phải vô thường làm gián đoạn đạo hạnh.

Đủ các thắng duyên như trên thời có thể nào thoái thất đạo tâm mà không quyết định thành Phật.

Như trong Kinh Di Đà nói : **“Chúng sanh sanh về Cực Lạc thế giới đều là bậc bất thoái chuyển”**. Lại nói : **“Những người nguyện về Cực Lạc thế giới, đều được bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ-đề”**.

Trong Khởi Tín Luận có lời : **“Người sanh về Cực Lạc vì thường được thấy Phật, nên trọn không thoái chuyển”**.

LỜI PHỤ - Pháp môn Tịnh độ ngoài **công hạnh chuyên niệm Phật** rất trọng nơi **“Tín”** và **“Nguyện”**.

Rõ biết nhơn địa cùng quả địa của Đức Phật và hai vị Đại sĩ, đáng Cha lành cùng những bậc Thầy sáng suốt của ta sau này, ta đã nhận chắc rằng :

Từ bi nguyện lực của các Ngài đương ôm trùm lấy ta, quang minh của các Ngài đương soi phủ lấy ta cùng tất cả những người niệm Phật, do đó **lòng tin tưởng của ta sẽ nồng hậu sâu chắc**.

Hiểu rành cảnh Cực Lạc vi diệu trang nghiêm là gia hương vĩnh viễn của ta sau này, biết rõ thân tâm của người Cực Lạc thanh tịnh siêu thoát, mà cũng sẽ là báo thân trường tồn của ta, do đó **nguyện vọng của ta sẽ tha thiết mãnh liệt**.

“**Tín tâm**” đã sâu, “**chí nguyện**” đã thiết, tất **công hạnh** của ta cũng tự chuyên cần. Như thế chín phẩm sen vàng ta đã nắm phần chắc trong tay rồi.

Huống nữa nếu ai được xem nghe y báo và chánh báo ở Cực Lạc thế giới rồi thiết tha ham mộ muốn về, luôn luôn khẩn nhớ rành rẽ nơi lòng không một giây xao lãng, tất sẽ được thành tựu quán hạnh. Hiện tiền được thấy cõi Tịnh Độ cùng Phật và Bồ Tát, lâm chung sẽ vãng sanh Thượng phẩm.

Vì có những lợi ích lớn như vậy, nên Đức Bổn Sư ta nhiều lần thuật đi nhắc lại trong các pháp hội như khi thuyết Kinh : Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bảo Tích, Bi Hoa, Tiểu bản Di Đà v.v... Đầy đủ nhưt là những pháp hội thuyết Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh.

Nơi các quyển sau của bộ “Đường về Cực Lạc” này, chúng ta sẽ được đọc những truyện tích của những người trước ta đã được các sự kết quả tốt đẹp như vừa kể ở trên.

Mong mọi người đều trân trọng chú tâm nơi các chương “Thân tướng”, “Quốc độ”.

--- oOo ---

CHƯƠNG THỨ SÁU - CHƯ ĐẠI BỒ TÁT KHUYÊN NGƯỜI NIỆM PHẬT VÀ NGUYỆN SANH

I - ĐẠI THẾ CHÍ

Đức Đại Thế Chí Bồ Tát do niệm Phật mà chứng viên thông, nhân đến tu Bồ Tát đạo giáo hóa chúng sanh đều không rời pháp môn niệm Phật. Chúng ta nên cố gắng noi theo người.

Trong pháp hội Thủ Lăng Nghiêm, lúc Đức Bồ Sư hỏi về nguyên do chứng nhập viên thông của Thánh chúng, đức Đại Thế Chí Bồ Tát bạch rằng : “Tôi nhớ lại hằng hà sa số kiếp về trước Đức Siêu Nguyệt Quang Như Lai dạy cho tôi pháp **“Niệm Phật Tam muội”**”.

Ví như có hai người : “A thời nhớ B mãi, còn B thời quên A mãi. Hai người như vậy, dầu gặp nhau cũng thành không gặp, dầu thấy nhau cũng như không thấy. Nếu hai người tha thiết nhớ nhau, thời đời đời gần nhau như hình với bóng.

Chư Phật thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con cứ trốn lánh, thời mẹ dầu có nhớ cũng không làm sao được. Nếu con cũng nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thời mẹ con đời đời không xa nhau.

Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật thời hiện tiền cùng đương lai quyết định thấy Phật, gần kề bên Phật, không cần tu trì phương pháp chi khác mà tựặng minh tâm kiến tánh. Như người ướp hương, thời thân có mùi hương, đây gọi là **“Hương quang trang nghiêm”**.

Ngày trước lúc tôi tu nhơn, do tâm niệm Phật mà được chứng nhập Vô sanh nhẫn. Nay ở thế giới này, nhiếp người niệm Phật về Tịnh Độ.

Đức Thế Tôn gạn viên thông, cứ nơi tôi, thời **đều nhiếp cả sáu căn tịnh niệm nói luôn, đặng thành chánh định đây là đệ nhất”**.

Thuật theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm

LỜI PHỤ. – Kinh Hoa Nghiêm nói : **“Do lòng đại bi muốn cứu vớt tất cả chúng sanh mà có Bồ-đề tâm, do Bồ-đề tâm mà thành Chánh giác”**.

Gốc từ lòng “Đại bi” mà thành Phật, nên lòng của Phật, hay Đức Từ Phụ ta, không bao giờ rời ta và tất cả chúng sanh. Nếu ta chuyên chí muốn được gặp Phật mà tưởng Phật và niệm Phật luôn, tất sẽ được thấy Phật, sẽ được gần Phật.

Như lời Bồ Tát dạy : **Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, thời hiện tiền cùng đương lai quyết định thấy Phật gần Phật.** “Hiện tiền”... là hiện tại do tâm niệm Phật thuần thực mà được tương ứng với Phật, nên trong lúc tâm tịnh được thấy Phật hiện đến, hoặc thần du Tịnh Độ lễ Phật.

“Đương lai”... là đời sau sanh về Tịnh Độ ở gần bên Phật. Thấy Phật, nghe lời Phật dạy, tự nhiên trí huệ sáng thông, thấu suốt bốn tâm, chứng nhập Vô sanh nhẫn.

Người chí tâm niệm Phật, dầu chưa thành Phật mà đã có công đức của Phật. Như ta ướp hương, thân ta chưa phải là hương mà đã có mùi thơm của hương.

Vì các lẽ trên, nên các Thánh hiền đều tán thán Pháp môn niệm Phật là giản dị siêu thắng trong tất cả pháp môn. “Giản dị”, vì hạng nào cũng có thể thực hành được, “siêu thắng”, vì mau siêu phàm nhập Thánh, công ít mà quả cao, lại chắc chắn sẽ thành Phật.

Bồ Tát dạy : **“Phật thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con”**. Cảm động thay !

Chúng ta nên **thiết tha nhớ Phật** và **chí tâm niệm Phật**, chớ nỡ phụ lòng nhớ thương của Phật !

---o0o---

II - PHỔ HIỀN

Giữa pháp hội Hoa Nghiêm, trước vi trần số đại Bồ Tát cùng chúng đại Thanh Văn và vô lượng nhơn, thiên, bát bộ, dưới sự chủ tọa chứng minh của Đức Bản Sư Thế Tôn. Phổ Hiền Bồ Tát khi ca tụng công đức của Phật xong, ngài nói với đại chúng và Thiện Tài đồng tử rằng : “Này các Ngài ! Nếu người nào muốn thành tựu công đức của Phật, phải tu mười môn hạnh nguyện rộng lớn : một là “lễ kính chư Phật”, hai là “xưng tán Như Lai”, ba là “quảng tu cúng dường”, bốn là “sám hối nghiệp chướng”, năm là “tùy hỷ công đức”, sáu là “thỉnh chuyển pháp luân”, bảy là “thỉnh Phật trụ thế”. Tám là “thường tùy Phật học”, chín là “hàng thuận chúng sanh”, mười là “phổ giai hồi hướng”.

Nếu các vị Bồ Tát tùy thuận vào nơi mười đại nguyện này, thời có thể thành tựu tất cả chúng sanh, thời có thể tùy thuận Vô thượng Chánh giác và có thể thành tựu hoàn mãn các hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát.

Hoặc lại có người thâm tín mười đại nguyện này, rồi thọ trì đọc tụng, nhẫn đến biên chép cùng giảng nói cho mọi người, người này sẽ được vãng sanh Cực Lạc. Đến giờ lâm chung căn thân đều hư hoại; thân thuộc, danh vị,

quyền thế, tiền tài v.v... tất cả đều bỏ lìa, duy có đại nguyện này không rời người. Trong một sát na, nó dẫn đạo cho người sanh về Cực Lạc thế giới, liền được thấy Đức A Di Đà Phật, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát v.v... Người ấy tự thấy mình sanh trong hoa sen báu, được Đức Phật thọ ký. Được thọ ký rồi, từ đó đến vô số trăm nghìn muôn ức na-do-tha kiếp, người dùng trí huệ tùy thuận tâm tánh của chúng sanh trong vô lượng vô số thế giới của mười phương mà làm cho được lợi ích. Không bao lâu người ấy sẽ ngồi đạo tràng Bồ-đề, hàng phục quân ma thành bậc Vô thượng Chánh giác, chuyển đại pháp luân, nhân đến làm lợi ích cho tất cả chúng sanh cùng tận thuở vị lai...

Kể đó ngài xướng kệ rằng :

*Nguyện tôi đến lúc mạng sắp chết
Trừ hết tất cả những chướng ngại
Diện kiến Đức Phật A Di Đà
Liên được vãng sanh nước Cực Lạc
Tôi đã vãng sanh Cực Lạc rồi
Hiện tiền thành tựu đại nguyện này
Viên mãn tất cả không còn thừa
Lợi lạc hết thảy chúng sanh giới
Chúng hội của Phật đều thanh tịnh
Tôi liền thác sanh trong hoa sen
Nhìn thấy Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ký tôi thành Phật
Được đức Như Lai thọ ký rồi
Hóa vô số trăm câu chi thân
Trí lực rộng lớn khắp mười phương
Lợi khắp tất cả chúng sanh giới.
Và sau cùng, Phổ Hiền Bồ Tát kết thời thuyết pháp ấy bằng bài kệ
hồi hướng công đức, nguyện cho mọi loài đồng về Cực Lạc.
Thắng hạnh Phổ Hiền của tôi đây
Thắng phước vô biên đều hồi hướng
Nguyện cho những chúng sanh trôi chìm
Mau sanh cõi Vô Lượng Quang Phật.*

Bồ Tát dứt lời Đức Bổn Sư liền khen rằng : “Thiện tai ! Thiện tai !”

Trích **Hoa Nghiêm Kinh**

Hạnh Nguyên phẩm

LỜI PHỤ – Pháp hội Hoa Nghiêm, một pháp hội lớn nhất và viên mãn nhất trong một đời ứng thế của Đức Bồ Tát Phổ Hiền, vị đại Bồ Tát thượng thủ của pháp hội này. Chúng hội là những bậc Đại thừa viên giáo, trụ bất tư nghị giải thoát cảnh giới.

Đức Phổ Hiền tự nguyện, và dẫn đạo toàn thể chúng hội đồng nguyện cùng về Cực Lạc thế giới để mau viên mãn phước huệ, chóng chứng quả Vô thượng Bồ-đề, và chỉ có cứu cánh Phật quả mới độ sanh được viên mãn rốt ráo.

Do đây thấy rằng, Cực Lạc thế giới là một đại học đường bảo đảm mau thành Phật, nên chư vị đại Bồ Tát mới đồng nguyện cùng về như vậy.

---o0o---

II B - ĐỨC PHỔ HIỀN DẠY TU NIỆM PHẬT TAM MUỘI

Thuật theo Kinh :

“Nhu Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới”

... Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn nhập vào chánh định “Nhu Lai bất tư nghị cảnh giới”. Phổ Hiền Bồ Tát nói với Đức Tạng Bồ Tát rằng : “Nếu ai phát Bồ-đề tâm muốn chứng chánh định này, trước phải tu trí huệ. Vì chánh định này do trí huệ mà đặng.

Đây là tu trí huệ : Phải xa lìa vọng ngôn ý nghĩ và những sự tán loạn vô ích. Rồi đến Phật điện, xem tượng Phật thuần vàng, hay tượng Phật thếp vàng, đủ các tướng tốt cùng viên quang hóa Phật. Liên cúi đầu đánh lễ mà suy nghĩ như vậy : “Tôi nghe Đức A Di Đà hiện tại đương thuyết pháp ở Tây phương Cực Lạc thế giới”. Rồi lòng tôn kính tin mến, tưởng hình tượng ấy là thân thiết của Đức Phật. Hết lòng kính ngưỡng như Đức Phật hiện đến. Rồi nhất tâm nhìn kỹ từ trên đánh tướng đến dưới bàn chân.

Nhìn xong, đi qua chỗ vắng vẻ ngồi ngay thẳng, quán tưởng Đức Phật hiện ra cao lớn chừng một tay. Trong tâm phải khẩn nhớ luôn chớ để quên mất. Nếu tạm quên, thời đến Phật điện mà chăm nhìn lại. Lúc nhìn xem như

vậy, lòng phải hết sức cung kính như đối Phật thiết, không để có quan niệm là hình tượng.

Rồi sắm hoa đẹp, hương thơm dâng cúng. Nhứt tâm tưởng là Đức Phật ở trước mình. Và nghĩ rằng : Đức Phật Thế Tôn là bậc Nhứt thiết trí, ngài thấy tất cả, nghe tất cả, chắc ngài biết rõ tâm mình.

Khi quán tưởng thành, liền trở về chỗ vắng, ngồi tưởng nhớ mãi không quên. Nhứt tâm siêng tu đủ 21 ngày, nếu là người phước đức thời bèn thấy Đức Như Lai hiện ra.

Hoặc là người đời trước có gây tạo ác nghiệp mà chẳng đặng thấy Phật nếu có thể chuyên cần tu tập không thoái tâm và không móng tưởng việc khác, thời rồi lại mau được thấy Phật.

Vì rằng nếu ai **cầu Vô thượng Bồ-đề mà chuyên tu một pháp** thời đều thành tựu cả. Như người uống một ngụm nước biển, tức là đã được nếm nước của tất cả con sông trong đại địa. Bồ Tát nếu có thể tu tập pháp môn này, thời là đã tu tất cả Tam muội, các nhẫn, các địa, các môn đà-la-ni. Vì thế, phải nên thường siêng tu tập, chớ có biếng trễ, chớ nên phóng dật, nhứt tâm tưởng niệm cho được hiện tiền thấy Phật.

Lúc được thấy Phật, lại nên nhận biết là tâm tưởng sanh, là duy tâm hiện, bình đẳng không sai khác. Tâm mình làm tâm Phật, rồi tâm không Phật. Nhẫn đến thập phương chư Phật cũng vậy, đều chỉ y tự tâm. Bồ Tát nếu có thể thấu rõ chư Phật và tất cả pháp đều là duy tâm, thời đặng chứng tùy thuận nhẫn hoặc nhập sơ địa. **Lúc lâm chung được sanh về Cực Lạc Tịnh Độ, thường được thấy Phật, gần Phật, nghe pháp và cúng dường Phật.**

LỜI PHỤ. – Pháp môn niệm Phật có bốn : A.- Thật tướng niệm Phật; B.- Quán tưởng niệm Phật; C.- Quán tượng niệm Phật; D.- Trì danh niệm Phật.

Một môn A thuộc về **lý niệm**. Ba môn dưới thuộc về **sự niệm** gồm cả lý niệm.

Bài trên, Phổ Hiền Bồ Tát dạy quán tượng trước, kế tưởng niệm. Và sau cùng, khi quán hạnh đã thành, tán niệm thật tướng, tức là duy tâm bình đẳng. Đây là trước thành tựu sự Tam muội, sau chứng lý niệm Phật Tam muội.

Ở Tiểu Bản Kinh, Đức Bản Sư dạy môn **Trì danh niệm Phật**. Chấp trì danh hiệu đến nhứt tâm bất loạn là được sự niệm Phật Tam muội, đạt “niệm tức vô niệm” là chứng lý Tam muội. Kết quả đồng bậc với môn quán hạnh trên. Nhưng nơi dụng công tu tập thời môn trì danh có phần giản tiện hơn. “**Giản**”, là vì hồng danh có sáu chữ hay bốn chữ dễ nhớ rõ không phải nhiều như các tướng hảo khó nhớ. “**Tiện**” là vì có thể được nghe hồng danh bất cứ ở chỗ nào và lúc nào, không phải cứ nơi Phật điện và phải thật sáng như quán tượng. Và lại trì danh, niệm thầm cũng được, niệm ra tiếng cũng được. Nhờ niệm ra tiếng, nên có thể thực hành ở nơi ồn ào. Chớ quán tưởng quyết phải ở nơi vắng lặng.

Vì các lẽ trên, nên môn quán hạnh phải là bậc thượng trí mới chắc thành tựu. Còn môn trì danh có thể thích hợp với tất cả mọi hạng người, và bất cứ ai, nếu chuyên tâm thiết thiết thực hành đều thành tựu được cả. Chúng ta sẽ được thấy sự chứng nghiệm trong những tiểu sử của các nhà niệm Phật ở quyển sau.

Như lời Bồ Tát dạy : “**Nếu ai cầu Vô thượng Bồ-đề, mà chuyên tu một pháp thời đều thành tựu cả**”.Thế là vì muốn thành Phật để độ sanh mà chuyên niệm Phật vậy.

Nếu ta muốn thành công nơi Pháp môn niệm Phật, nghĩa là muốn chứng Tam muội vắng sanh Cực Lạc, tất phải tuân theo lời dạy của Bồ Tát : A- “**Lập chí cầu thành Phật**”. B- “**Chuyên cần tu niệm Phật**”.

---o0o---

III - VĂN THÙ SƯ LỢI

Đức Văn Thù Sư Lợi là một vị Bồ Tát. Trong thời kỳ Đức Bản Sư ứng thế, ngài là vị thượng thủ trong hàng Bồ Tát chúng, mà cũng là thượng thủ cả chúng hội. ngài thường vì chúng hội mà khai thỉnh nơi Đức Bản Sư. Ngài cũng là người thường thay mặt Đức Bản Sư mà khai thị diệu pháp cho chúng hội.

Dưới đây là lời của ngài khuyến tấn chúng hội nên thường niệm Phật, trích trong Kinh “Quán Phật Tam Muội Hải”

Lúc Đức Thế Tôn giảng pháp “Quán Phật Tam Muội” xong. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo đại chúng rằng :

Về thuở quá khứ, thời kỳ Phật Đức Như Lai, đồng tử Giới Hộ, con trai của một ông trưởng giả, từng thọ pháp Tam quy khi còn ở trong thai mẹ. Năm lên tám, một hôm cha mẹ thỉnh Đức Bửu Oai Đức Phật về nhà cúng dường. Đồng tử Giới Hộ thấy Đức Phật cử chỉ đoan trang đi chậm rãi, dưới chân Phật, mỗi bước mọc hoa sen, thân Phật tỏa ánh sáng rực rỡ, thời mừng rỡ cung kính, liền cúi đầu đánh lễ. Lễ Phật rồi, đồng tử chí thành chăm nhìn Phật không rời.

Đồng tử Giới Hộ nhơn vì một lần được thấy Phật và nhìn Phật đó mà tiêu trừ được tội sanh tử của trăm nghìn ức na-do-tha kiếp. Từ đó về sau, đời đời luôn được gặp chư Phật, nhiều đến số trăm ức na-do-tha hằng hà sa Đức Phật. Các Đức Thế Tôn ấy đều giảng dạy pháp “Quán Phật Tam Muội” đúng như lời của Đức Bổn Sư vừa giảng hôm nay.

Sau đó, có trăm vạn Đức Phật ra đời đồng một hiệu Chiên Đàn Hải. Đồng tử châu chực khắp tất cả chư Phật, thường lễ Phật, cúng dường, chấp tay nhìn Phật. Do công đức quán Phật, nên rồi lại được gặp trăm vạn a-tăng-kỳ Đức Phật liền chứng được trăm vạn ức “niệm Phật Tam muội”, chứng được trăm vạn a-tăng-kỳ “triền đà-la-ni môn”. Khi đồng tử đã chứng các môn Tam muội và đà-la-ni, chư Phật liền hiện thân thuyết vô tướng pháp cho. Khi đồng tử được nghe vô tướng pháp, trong giây lát bèn chứng đặng “Thủ Lăng Nghiêm Tam muội”.

Thuật xong, đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát kết luận : “Đồng tử Giới Hộ tối sơ do nhờ thọ pháp Tam quy, một lần chí thành lễ Phật, quán Phật, tâm không mỗi nhàm, nên rồi được gặp vô số chư Phật. Huống là người chuyên lòng luôn tưởng nơi Phật !

Đồng tử Giới Hộ đó không phải ai đâu lạ, chính là tiền thân của tôi đây !”.

Văn Thù Bồ Tát nói dứt lời, Đức Bổn Sư phán với ngài A Nan : “Ông nên đem lời của Văn Thù Sư Lợi nói lại cho khắp cả đại chúng và tất cả vô số đời sau.

Nếu ai có thể lễ Phật, ai có thể niệm Phật, ai có thể quán Phật, thời người ấy sẽ đồng với Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát”.

Cũng như Phổ Hiền, Văn Thù Bồ Tát từng có lời tự nguyện về Cực Lạc thế giới, chép trong Kinh “Văn Thù Phát Nguyện”.

*Nguyện ngã mạng chung thời
Diệt trừ chư chương ngại
Diện kiến A Di Đà
Vãng sanh Cực Lạc quốc
Sanh bỉ Phật quốc dĩ
Thành mãn chư đại nguyện
A Di Đà Như Lai
Hiện tiền thọ ngã ký
Nghiêm tịnh Phổ Hiền hạnh
Mãn túc Văn Thù nguyện
Tận vị lai tế kiếp
Cứu cánh Bồ Tát hạnh.*

---o0o---

IV - HAI ĐẠI THÁNH ỨNG TÍCH

Trích ở bộ **“Tông Cao Tăng”** và **“Lạc Ban Văn Loại”**

Đời Đường, ngài Thích Pháp Chiếu trụ trì chùa Vân Phong ở Hoành Châu, hàng ngày tinh tấn tu hành không bê trễ.

Năm Đại Lịch thứ hai, một buổi sáng nọ, ngài thấy trong bát cháo nơi nhà Tăng hiện bóng mây lành năm màu. Trong mây hiện ra một cảnh chùa, hướng Đông Bắc ngõ chùa có dãy núi, chân núi có khe nước, phía Bắc của khe có một cửa ngõ bằng đá, trong ngõ đá lại có một ngôi chùa to để hiệu **“Đại Thánh Trúc Lâm Tự”**.

Ít hôm sau, ngài lại thấy trong bát cháo hiện cảnh chùa, vườn, ao, lầu đài đồ sộ, và một vị Bồ Tát ở trong đó.

Ngài mới đem cảnh tượng đã thấy mà hỏi cùng các bậc trí thức.

Một Đại đức bảo : **“Việc biến hiện của chư Thánh khó nghĩ bàn được. Nhưng nếu luận về thể diện phương hướng núi sông, thời đó là cảnh Ngũ Đài Sơn”**.

Nghe Đại đức nói, ngài có ý muốn viếng cảnh Ngũ Đài Sơn.

Năm Đại Lịch thứ tư, ngài Pháp Chiêu gặp một cụ già bảo : “Ông từng có ý muốn đến Kim Sắc thế giới (Ngũ Đài) để kính lễ Đại Thánh (Văn Thù), sao đến nay vẫn chưa đi?”. Ngài bèn cùng với các pháp hữu đi Ngũ Đài.

Năm Đại Lịch thứ năm, ngày mùng sáu tháng Tư thời đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Đêm ấy, vào lối canh tư, ngài bỗng thấy ánh sáng lạ từ xa xẹt đến chiếu mình ngài. Ngài liền nhắm theo tia sáng mà đi. Đi được năm mươi dặm thời đến một dãy núi, dưới chân núi có khe, phía Bắc của khe có ngô đá. Nơi ngô có hai đồng tử đứng chực sẵn xung tên là Thiện Tài và Nan Đà. Hai đồng tử dắt ngài đến một ngôi chùa to, trên bảng đề hiệu “**Đại Thánh Trúc Lâm Tự**”, đất vàng, cây báu rất trang nghiêm. Giống hệt như cảnh đã thấy trong bát cháo lúc trước.

Ngài vào chùa, lên giảng đường, thấy phía Tây thời đức **Văn Thù**, phía Đông thời đức **Phổ Hiền**, hai vị đại Bồ Tát đều ngự trên tòa cao lớn, đương thuyết pháp cho một vạn vị Bồ Tát.

Ngài Pháp Chiêu cung kính đến trước tòa đánh lễ rồi bạch rằng : “Phàm phu thời mạt pháp, cách Phật đã xa, chướng sâu nghiệp nặng, phước mỏng trí cạn. Dầu sẵn đủ Phật tánh, nhưng không sao phát hiện được. Phật pháp quá mênh mông, chưa rõ nên tu pháp môn nào cho thích hợp?”.

Đức Văn Thù dạy : “Nay ông niệm Phật chính là phải lúc. **Các môn tu hành không môn nào qua môn niệm Phật cả.** Rồi thêm **cúng dường Tam Bảo**, gồm tu cả phước và huê¹⁷. Hai môn này rất là thiết yếu.

Về thuở quá khứ, nhờ quán Phật, niệm Phật, cúng dường Phật, mà ta chứng đặng Nhưt thiết chủng trí.

Vì thế nên tất cả các pháp môn : Bát nhã Ba-la-mật, thậm thâm thiên định, đến như Phật cũng đều từ niệm Phật mà sanh. Do đây nên biết, “**niệm Phật là vua trong các pháp môn**”.

Ngài Pháp Chiêu bạch : “Nên niệm Phật như thế nào?”.

Đức Văn Thù dạy : “Hương Tây của thế giới này có Đức Phật A Di Đà, giáo chủ cõi Cực Lạc. Nguyên lực của Đức Phật ấy không thể nghĩ bàn. Ông nên **chuyên niệm Đức Phật A Di Đà cho được không gián đoạn**, đến lúc lâm chung quyết định vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển đạo Vô thượng”.

Dứt lời, hai vị Đại Thánh đồng đưa tay vàng xoa đầu ngài Pháp Chiếu mà phán rằng : “Nhơn vì ông niệm Phật, không bao lâu ông sẽ chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Nếu thiện nam tín nữ nào nguyện mau thành Phật, không gì qua niệm Phật. **Niệm Phật quyết mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề**”.

Hai Đại Thánh thọ ký xong, ngài Pháp Chiếu vui mừng đánh lễ, rồi từ tạ lui ra.

Hai đồng tử đưa ngài ra khỏi ngõ chùa, ngài ngược đầu ngó lại, bỗng người, cảnh đều biến mất. Ngài bèn dựng đá đánh dấu chỗ ấy rồi trở về chùa Phật Quang.

Đến ngày 13 tháng Tư, ngài đi cùng năm mươi vị Tăng, đồng đến hang Kim Cương thành tâm đánh lễ danh hiệu của 35 Đức Phật. Ngài Pháp Chiếu lễ vừa được 10 bận, bỗng tự thấy hang Kim Cương rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, có cung điện bằng lưu ly, thấy đức Văn Thù cùng đức Phổ Hiền đồng ngự trong ấy.

Hôm khác, ngài Pháp Chiếu đi riêng một mình đến hang Kim Cương cầu nguyện cho thấy Đại Thánh, rồi gieo mình rập lay. Ngài bỗng thấy Thánh Tăng tự giới thiệu là Phật Đà Ba Lợi dắt ngài vào một viện, bảng đề “Kim Cương Bát Nhã Tự”. Toàn viện báu đẹp trang nghiêm ánh sáng chiếu lấp lánh.

Dầu đã nhiều lần thấy sự linh dị, nhưng ngài vẫn chưa thuật với ai cả.

Tháng Chạp năm ấy, ngài nhập đạo tràng niệm Phật nơi chùa Hoa Nghiêm. Ngài tuyệt thực nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Đến ngày thứ bảy, đầu hôm, đương lúc niệm Phật, ngài thấy một Thánh Tăng vào bảo rằng : “Ông đã được thấy cảnh giới ở Ngũ Đài Sơn, sao ông không truyền cho đời được cùng biết !”. Nói xong, Thánh Tăng liền ẩn.

Rạng đông, ngài lại thấy Thánh Tăng vào bảo như hồi đầu hôm. Ngài mới đáp : “Chẳng phải là tôi có lòng dấu kín Thánh đạo, chỉ sợ rằng nói ra người đời không tin mà sanh sự chê bai thôi !”.

Thánh Tăng bảo : “Đức Đại Thánh Văn Thù hiện tại ở Ngũ Đài mà còn không khỏi có người hủy báng. Ông nên đem các căn giới mà ông được thân thấy ở Ngũ giới, truyền khắp với mọi người, làm cho mọi người được nghe biết mà phát Bồ-đề tâm”.

Ngài Pháp Chiếu tuân lời, nhớ kỹ lại những sự đã thấy, rồi chép ra truyền cho mọi người.

Năm sau, ông Thích Huệ Tùng với chư Tăng chùa Hoa Nghiêm đi cùng ngài Pháp Chiếu đến hang Kim Cương lễ Phật, rồi đến chỗ dựng đá lúc trước để chiêm ngưỡng cự tích. Mọi người đứng ngưỡng vọng ngậm ngùi, bỗng đồng nghe tiếng hồng chung từ vách đá vang ra, tiếng chuông ngân nga, nhặt khoan rành rẽ. Ai nấy đều lấy làm lạ và đồng công nhận những lời thuật của ngài Pháp Chiếu là thật.

Nhơn vì muốn người đời phát đạo tâm, nên Tăng chúng khắc sự tích của ngài Pháp Chiếu được thấy vào vách đá.

Ít năm sau, chư Tăng lại dựng một kiếng chùa ngay nơi chỗ ngài Pháp Chiếu đánh dấu, để hiệu là “Trúc Lâm tự”, nơi mà ngài Pháp Chiếu được đức Văn Thù cùng đức Phổ Hiền giảng dạy và thọ ký lúc trước.

(Về sự tu trì và hoằng hóa của ngài xem nơi chương “Liên Tông chư Tổ”).

LỜI PHỤ. – Đức Văn Thù Bồ Tát dạy : **“Các môn tu hành, không môn nào qua môn niệm Phật cả”**. Và ngài lại dạy : **“Niệm Phật là vua trong các pháp môn”**.

Ngẫm lời Bồ Tát, nếu chúng ta, người thời mạt pháp, ai là người phát Bồ-đề tâm : **“Cầu thành Phật nguyện độ sanh”**, đều phải tuân lời Bồ Tát mà tu niệm Phật. Vì **“niệm Phật thời mau thành Phật”**. Lời của hai Đại Thánh phán khi xoa đầu ngài Pháp Chiếu.

Nên niệm như thế nào ? Bồ Tát dạy : **“Chuyên niệm Đức Phật A Di Đà cho được không gián đoạn”**.

Ta nên chú trọng nơi **“chuyên niệm”** và **“không gián đoạn”**, vì đó là công phu phải có nơi người niệm Phật.

“Chuyên niệm” tức là chỉ thuần niệm Phật không xen tạp việc khác, mà cũng không cho tâm móng tưởng sự khác.

“Không gián đoạn” là danh hiệu của Phật, luôn luôn tiếp tục nơi tâm, Tổ Thiện Đạo và Liên Trì Đại sư gọi là **“tương tục”** cũng gọi là **“bất niệm tự niệm”**. Đây là kết quả của **“chuyên niệm”** và là khởi điểm của **“nhứt**

tâm bất loạn” hay “niệm Phật Tam muội”. Niệm Phật được **“không gián đoạn”** thời đã được **bảo đảm vãng sanh chứng bậc bất thoái**. Nếu được “nhứt tâm” hay chứng “Tam muội” thời phẩm vị cao hơn.

---o0o---

V - QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT HIỂN THÁNH

Trích ở **“Tống Cao Tăng truyện”** và **“Phật Tổ Thống Ký”**

Đời Đường, thời vua Trung Tôn, ngài Thích Huệ Nhựt thấy Pháp sư Nghĩa Tịnh sang Tây Vực cầu pháp, lòng mộ lắm.

Ngài bèn ngồi thuyền vượt biển, ba năm sau mới đến Thiên Trúc (Ấn Độ), rồi lần lượt đi lễ ở các nơi di tích của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, và thỉnh Kinh chữ Phạn.

Ngài Huệ Nhựt từ lúc ở xứ nhà đến khi sang Thiên Trúc mục kích nhiều cảnh đau khổ của loài người, mà chính ngài cũng tự trải lắm sự gian lao.

Vì thế, ngài mới suy nghĩ : nước nào, cõi nào chỉ thuần vui mà không khổ ? Pháp nào hạnh nào đáng mau thấy Phật ? Rồi ngài đem vấn đề ấy thỉnh hỏi gần khắp các bậc danh đức ở Thiên Trúc. Các bậc danh đức đồng chỉ cõi Tây phương Cực Lạc thế giới, và đồng khuyên nên tu Pháp môn Tịnh độ. ngài Huệ Nhựt liền kínhvâng lời các danh đức khuyên dạy mà chuyên niệm Phật.

Sau đó ít lâu, ngài đi đến nước Kiền Đà La ở Bắc Ấn. Phía Đông Bắc thành vua có dãy núi lớn. Trên núi có tượng đức Quan Thế Âm Bồ Tát, hễ ai chí thành cầu nguyện thời thường được thấy Bồ Tát hiện thân. Ngài bèn lên núi kính lạy bảy ngày đêm, rồi tuyệt thực, thệ : Nếu không được thấy Bồ Tát thời thà chết tại chỗ ấy.

Đến đêm thứ bảy, trên hư không đức Quan Thế Âm Bồ Tát hiện thân vàng tử kim, cao hơn một trượng, ngự trên tòa sen báu, quang minh sáng chói. Bồ Tát thông tay xuống xoa đầu ngài Huệ Nhựt mà bảo rằng :

“Ông muốn truyền pháp để độ mình độ người, thời nên chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật và phát nguyện vãng sanh. Lúc về Cực Lạc thấy Phật và ta thời được lợi ích lớn. Ông nên biết rằng Tịnh độ pháp môn hơn tất cả hạnh khác”.

Bồ Tát phán dạy xong liền ẩn.

Ngài Huệ Nhựt vì tuyệt thực đã bảy ngày, nên đêm đó khí lực đã mòn, nhưng sau khi được Bồ Tát xoa đầu và nghe lời dạy bảo, thân thể ngài bỗng trở nên cường tráng, tinh thần minh mẫn.

Sau rồi ngài chớ Kinh tượng đã thỉnh được đem về bản quốc. Bận về này, ngài đi đường núi. Tính ra từ ngày đi đến khi về đến nước, mất hết 18 năm, đi được hơn bảy mươi nước.

Năm Khai Nguyên thứ 7, về đến Trường An, ngài vào triều dâng tượng Phật và kinh chữ Phạn.

Từ đó, ngài chuyên cần tu tịnh nghiệp, truyền hóa hưng thịnh một thời. Triều đình phụng hiệu là **Từ Mẫn Tam Tạng Pháp Sư**.

Nhờ ngài dẫn đạo, người niệm Phật được chứng Tam muội và được vãng sanh rất đông.

Ngài có biên tập bộ “Vãng sanh Tịnh độ” khắc truyền trong đời.

Năm Triều Hữu thứ 7, giờ ngài viên tịch, đại chúng đồng thấy hoa sen sáng rỡ như mặt trời hiện ra trước chỗ ngài ngồi.

---o0o---

VI - MÃ MINH ĐẠI SĨ

Trích ở bộ : **“Truyện Đăng Lục”** và **“Đại Thừa Khởi Tín Luận”**

Đại sĩ, người nước Tang Kỳ Đa thuộc Đông Thiên Trúc. Có bày ngựa nghe tiếng Đại sĩ thuyết pháp là buồn cảm hí kêu, nên người thời ấy gọi Đại sĩ là Mã Minh Tôn giả.

Về dòng Tổ chánh truyền, bắt đầu từ ngài Ma Ha Ca Diếp là Tổ thứ nhất, ngài A Nan Đà là Tổ thứ hai... thời Đại sĩ là Tổ thứ 12, đặc pháp nơi Tổ thứ 11, ngài Phú Na Dạ Xà Tôn giả.

Đại sĩ từng trứ tác bộ “Đại thừa Khởi Tín Luận”, y cứ nơi “chúng sanh tâm” mà hiển thị “Đại thừa nghĩa”. Tất cả pháp nhiễm ô sanh tử của phàm, và tất cả pháp thanh tịnh giải thoát của Thánh đều duy “tâm” tùy duyên tịnh

hay nhiễm mà tạo thành. Mê “tâm”, thời khởi vô minh, phân biệt chấp kiến, rồi gây nghiệp mà chác lầy quả sanh tử khổ lụy. Ngộ “tâm”, thời dứt nghiệp phá chấp kiến, hết vô minh mà chứng đặng quả giải thoát an vui.

Chúng ngộ tự tâm, tin thật đó là tâm tánh của mình, vĩnh viễn không mê mờ quên lãng tự tâm bản tánh ấy, đây gọi là bậc “tín tâm bất thoái” của Đại thừa. Đưa người đến bậc Đại thừa, tín tâm bất thoái là mục đích chủ chính của bộ “Đại thừa Khởi Tín Luận”.

Đến bậc “bất thoái” này, theo trong luận, phải là người đủ năng lực thiện căn huân tập, thâm tín nhọn quả, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, phát Bồ-đề tâm, đặng gặp chư Phật gần gũi cúng dường, tu Bồ Tát hạnh. Tu tập các hạnh như vậy đủ một vạn đại kiếp, tín tâm thành tựu chứng bậc bất thoái.

Nếu là người chưa đủ tất cả các điều kiện trên đây, thời là còn có thể bị thoái chuyển, nơi đạo Vô thượng chưa được bảo đảm.

Rốt sau, Đại sĩ có lời khuyên người nên cầu sanh Tịnh độ để được mau thành tựu tín tâm, chắc chắn trụ bậc “bất thoái”.

Đây là lời Đại sĩ khuyên :

“Chúng sanh vì ở Ta Bà thế giới này, tự sợ chẳng được thường gặp chư Phật để gần gũi cúng dường, e rằng tín tâm khó thành tựu được. Phải biết rằng Đức Thích Ca Như Lai của chúng ta có chỉ dạy một phương tiện siêu thắng để nhiếp hộ tín tâm. Tức là Đức Bổn Sư dạy chuyên tâm niệm Phật. Do vì chuyên tâm niệm Phật, nên tùy nguyện được sanh về Tịnh độ, thường gần bên Phật, vĩnh ly ác đạo. Như trong Kinh : Nếu người chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, bao nhiêu thiện căn công đức của mình tu tập đều hồi hướng nguyện cầu về thế giới ấy, thời bèn đặng vãng sanh. Khi được sanh về Cực Lạc Tịnh Độ rồi, vì thường được thấy Phật nên vĩnh viễn không còn bị thoái chuyển”.

Vì nhân duyên như vậy nên Đức Bổn Sư ta, nơi pháp hội Kỳ Viên thuyết Kinh A Di Đà, ba bốn phen cặn kẽ khuyên bảo mọi người nên đồng phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc thế giới. Bổn Sư lại nói chúng sanh nào sanh về Cực Lạc thế giới đều là bậc “bất thoái chuyển”. **“Cực Lạc thế giới, chúng sanh sanh giả giai thị A bộ bạt trí”¹⁸**.

Về sau, Đại sĩ phó pháp cho Tổ thứ 13, Ca Tỳ Ma La Tôn giả, rồi nhập chánh định “Long phân tấn Tam muội”, thân vọt bay lên hư không tròn sáng như mặt trời, giây lát trở về pháp tòa ngồi kiết già mà nhập diệt.

Theo lời người xưa, Đại sĩ là bậc Pháp thân địa thượng Bồ Tát.

---o0o---

VII - LONG THỌ BỒ TÁT

Trích ở những bộ : “Truyền Đăng Lục”, “Tỳ Bà Sa Luận” “Đại Trí Độ Luận”, “Nhập Lăng Già Kinh”

Bồ Tát người Nam Ấn từng ở núi tu tập thiền định. Trên núi ấy có một cội cổ thụ rất cao lớn, dưới tàng cây có 500 con rồng ở. Bồ Tát hiện thân lực thù phục bày rồng, và thường ngày thuyết pháp giảng đạo cho. Vì thế, người đời gọi ngài là Long Thọ Tôn giả.

Ngài đắc pháp với Tổ thứ 13, đức Ca Tỳ Ma La Tôn giả, rồi kế vị làm Tổ thứ 14. Ngài có ý muốn rộng truyền Kinh giáo.

Bảy giờ, Đại Long Bồ Tát rước ngài vào Long cung trong đại hải, mở kho thất bảo, cho ngài tự tiện đọc xem Kinh tạng. Ngài chuyên tâm xem trong 90 ngày đêm, thông thuộc được rất nhiều. Sau 90 ngày, Đại Long Bồ Tát đưa ngài về Thiên Trúc để hoàng thuyết Chánh pháp.

Bộ Kinh “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm” (Phạn văn) chính tự tay ngài chép ra sau khi ở Long cung về¹⁹.

Ngài có trứ tác bộ “Tỳ Bà Sa Luận”. Trong luận đó có lời xưng tán Đức Phật A Di Đà, đại lược như vậy :

*Nếu ai nguyện làm Phật
Tâm niệm A Di Đà
Phật liền hiện thân đến
Cho nên tôi quy mạng
Do bốn nguyện của Phật
Nên thập phương Bồ Tát
Đến cúng dường nghe pháp
Vì thế tôi cúi đầu
Bồ Tát ở Cực Lạc*

*Thân xinh đẹp trang nghiêm
Đủ cả các tướng hảo
Nay tôi quy mạng lễ
Bồ Tát ở Cực Lạc
Ngày ngày trong ba thời
Cúng dường thập phương Phật
Nên tôi cúi đầu lạy
Nếu người trồng căn lành
Nghỉ thời hoa không nở
Người tín tâm thanh tịnh
Thời hoa nở thấy Phật
Hiện tại thập phương Phật
Vì muốn độ chúng sanh
Mà ca tụng Di Đà
Nên tôi quy mạng lễ
Cõi đó rất trang nghiêm
Thanh tịnh hơn thiên cung
Công đức rất sâu dày
Nên tôi lạy chân Phật.*

Ngài lại tạo bộ “Trí Độ Luận”. Trong luận ấy, nơi chương dạy về Pháp môn niệm Phật, có lời như vậy :

“Niệm Phật Tam muội” trừ được các thứ phiền não và tội nghiệp của đời trước.

Các môn Tam muội khác, có môn trừ được dâm tâm mà không thể trừ sân; có môn trừ được sân mà không thể trừ dâm tâm; có môn trừ được si mà không trừ được dâm và sân; có môn trừ được tham sân si mà không trừ được tội nghiệp đời trước.

“Niệm Phật Tam muội” này trừ được các thứ phiền não và các thứ tội nghiệp.

Lại nữa, “Niệm Phật Tam muội” có đại phước đức có thể độ chúng sanh.

Các vị Bồ Tát muốn độ chúng sanh, các Tam muội khác phước đức không bằng “Niệm Phật Tam muội”; Tam muội này mau trừ diệt được các tội chướng.

Lại nữa, Phật là đấng Pháp Vương, còn chư Bồ Tát như Pháp tướng, chỗ tôn trọng của Bồ Tát chỉ là Phật Thế Tôn, vì thế nên phải thường niệm Phật.

Ví như quan đại thần được đức vua yêu chuộng, nên thường nhớ tưởng đến vua mình. Bồ Tát cũng vậy, biết rằng những công đức cùng vô lượng trí huệ của mình đều từ nơi Đức Phật mà đặng, vì ơn Phật rất nặng nên thường niệm Phật.

Lại do vì niệm Phật luôn, tâm không rời Phật, nên Bồ Tát thường được gặp chư Phật.

Hỏi : Bồ Tát phải hóa độ chúng sanh, sao lại muốn thường gặp chư Phật ?

Đáp : Những người chưa nhập “Bồ Tát chánh vị”, chưa chứng đặng bậc “bất thoái chuyển”, chưa được “Phật thọ ký”, nếu rời chư Phật thì hư hoại các thiện căn, chìm trong vực phiền não. Tự độ lấy mình còn chưa được, đâu có thể độ người. Như người đi thuyền, giữa dòng thuyền hư bể, muốn vớt chở người khác, mà mình đã bị chìm. Nơi tâm thời muốn được, nhưng nơi sự thời không thành mà lại thêm hại. Lại như đem một ít nước sôi đổ vào ao lớn đông giá, dầu tan một ít chỗ nhưng rồi nước sôi ấy trái lại bị đông thành giá !

Bồ Tát chưa nhập pháp vị nếu xa rời chư Phật, không phương tiện lực mà dùng một ít công đức đi hóa độ chúng sanh, dầu cũng có thể được chút ít kết quả, nhưng trái lại tự bị đọa lạc. Vì thế nên các bậc Bồ Tát này phải thường gần Phật, không được rời !

Các vị A-la-hán cùng Bích Chi Phật, dầu có kết quả chứng Niết-bàn, nhưng vì chưa có Nhứt thiết chủng trí không thể dìu dắt các Bồ Tát. Duy chư Phật đã thành tựu Nhứt thiết chủng trí nên có thể chỉ dạy dắt dìu chư Bồ Tát. Như voi sa lầy thời chỉ có dùng voi mới cứu được. Bồ Tát nếu sa vào phi đạo thời chỉ có Phật mới cứu được, vì đồng một đạo Đại thừa vậy. Vì những lẽ trên, Bồ Tát phải gần Phật !

Lại nữa, Bồ Tát tự nghĩ rằng ta chưa có Phật nhãn không khác kẻ mù lòa, nếu không được Đức Phật dẫn đạo thời vì không thấy đường mà sẽ bị lạc vào nẻo khác. Giả sử được nghe Phật pháp, nhưng vì ở khác chỗ của Phật mà thực hành, thời sẽ có sự hại là chưa rõ thời tiết giáo hóa, nơi pháp nên thực hành nhiều hay ít. Vì thế nên Bồ Tát phải thường gần Phật.

Lại nữa, Bồ Tát gần Phật, hoặc mắt thấy Phật mà tâm thanh tịnh, hoặc nghe Phật dạy tâm liền vui thích pháp vị mà được đại trí huệ, rồi tu hành theo pháp mà được đại giải thoát.

Gần Phật được vô lượng lợi ích lớn như vậy, há lại chẳng nên nhứt tâm cầu muốn thấy Phật, gần Phật ư ?

Như trẻ thơ chẳng nên rời mẹ; người đi đường xa vắng chẳng nên rời lương thực; mùa nóng bức chẳng nên rời gió mát nước lạnh; mùa quá rét chẳng nên rời lửa; qua dòng sâu rộng chẳng nên rời thuyền; người bệnh chẳng nên rời lương y.

Bồ Tát chẳng nên rời chư Phật, lại là vấn đề thiết yếu hơn các việc trên.

Những sự lợi ích đem lại do nơi cha mẹ, thân thuộc, các trí thức, cùng nhơn vương, thiên vương, nhân đến tất cả, đều không bằng sự lợi ích được nơi Đức Phật. Đức Phật làm cho các vị Bồ Tát được sự lợi ích lớn : khỏi các nẻo khổ, an ở nơi Phật địa.

Hỏi : Làm thế nào để đừng không rời chư Phật ?

Đáp : Chúng sanh đều có tội nghiệp nhân duyên trong vô lượng kiếp, dẫu thực hành phước đức mà trí huệ cạn cợt, dẫu tu hành trí huệ mà phước đức kém mỏng. Bồ Tát cầu Phật đạo phải thực hành Sanh nhẫn và Pháp nhẫn. Vì thực hành Sanh nhẫn mà đối với tất cả chúng sanh phát tâm từ bi, nên diệt được vô lượng tội chướng, tăng trưởng vô lượng phước đức. Vì thực hành Pháp nhẫn phá vô minh, nên đừng vô lượng trí huệ. Đủ cả hai hạnh Sanh nhẫn và Pháp nhẫn thời được đời đời không rời chư Phật.

Lại nữa, vì Bồ Tát thường thích niệm Phật nên đời đời luôn luôn gặp chư Phật.

Ví như chúng sanh nào lòng dâm quá nặng thời sẽ thọ thân dâm điều (se sẻ, vịt, v.v...). Chúng sanh nào tâm sân hận quá trọng thời sẽ sanh vào các loại độc trùng (rắn, rết, v.v...)

Cũng vậy, Bồ Tát không màng sự giàu sang phước báu của người của trời, chỉ thích thường niệm Phật, vì thường niệm Phật nên tùy tâm nguyện được sanh về Tịnh Độ.

Lại nữa, do vì Bồ Tát thường khéo tu “niệm Phật Tam muội”, nên sanh vào đâu cũng thường gặp chư Phật. Kinh “Bát Chu Tam Muội” có nói : “Bồ Tát nhập Tam muội này, thời hiện đời sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà...”

Về sau nhân duyên giáo hóa đã mãn, Long Thọ Bồ Tát phó pháp cho ngài Ca Na Đề Bà Tôn giả rồi nhập Tam muội mà thị tịch.

Trong pháp hội Lăng Già, Đức Bổn Sư từng nói với Đại Huệ Bồ Tát rằng : “Ông Đại Huệ nên biết : Sau khi Phật diệt độ, tương lai sẽ có người hộ trì chánh pháp Phật, là người Nam Thiên Trúc đại danh đức Tỳ kheo tôn hiệu là Long Thọ. Tỳ kheo đó phá được các hữu tông, vô tông, để hiển pháp Vô thượng Đại thừa của Phật dạy. Long Thọ đó chứng bậc Hoan Hỷ địa Bồ Tát, vãng sanh Cực Lạc quốc”. Đây là lời huyền ký của Đức Bổn Sư, mà cũng là lời thọ ký cho Long Thọ Bồ Tát vậy.

---o0o---

VIII - GIÁC MINH DIỆU HẠNH BỒ TÁT

Trích ở bộ : “**Tây Phương Xát Chỉ**”

Nhà Minh, năm Sùng Trinh thứ 16, Bồ Tát giảng thân ở Ngô Môn. Nhà Thanh, năm Thuận Trị thứ tư, Bồ Tát ứng cơ thuyết pháp dạy truyền Pháp môn Tịnh độ.

Ngài dạy rằng : Pháp yếu của chư Phật rất vi diệu bí mật không thể nghĩ bàn. Vì không thể nghĩ bàn nên không ai diễn nói hết cả được.

Đức Bổn Sư Mâu Ni Phật thương xót chúng sanh mà nói chỗ chẳng có thể nói, để dạy dỗ dắt dìu trong đời nay và đời sau.

Đức Phật lại dùng phương tiện đặc biệt hiển bày cõi Cực Lạc, bảo người phát nguyện vãng sanh hầu thoát khỏi luân hồi một cách mau tất.

Do đại nguyện lực của Đức Phật A Di Đà nhiếp thọ mọi loài, nên hễ ai nghe danh hiệu A Di Đà Phật mà siêng thọ trì thời quyết định được vãng sanh Tịnh Độ.

Nếu người nào dũng mãnh tinh tấn chuyên niệm tâm thường nhưt, thời thành tựu “Niệm Phật Tam muội” hiện tiền cũng được thấy Đức Phật A Di Đà.

Ngày nay ta theo đúng như lời Đức Phật đã dạy mà giảng dạy môn Tịnh độ. Ta nghĩ vì các người mê mờ nên chỉ thiết con đường chơn chánh. Đây chẳng phải là nhân duyên nhỏ, các người phải gắng trân trọng. Cực Lạc đường xa mười muôn ức, một niệm tin chắc thời chính là đây.

Ngài lại dạy : Pháp môn Tịnh độ đây thật là tâm tông của chư Phật. Là con đường đi đến quả vị giải thoát tất nhưt của mọi loài.

Nay các người dầu cũng cầu vãng sanh mà tâm lại không thiết, thời cũng như người vào biển mà không được bảo châu, luống nhọc vô ích. Đề ta thuật việc đời trước của ta cho các người rõ :

Nhà Tân, thời vua Minh Đế, ta là một gã nghèo cùng. Vì thiếu hụt khôn khổ quá, nên sau khi ta được biết Pháp môn Tịnh độ, ta bèn lập nguyện lớn như vậy : “Vì đời trước tôi gây tạo nghiệp ác nên nay mang lấy quả báo khổ sở này. Nếu bây giờ tôi không được thấy Đức Phật A Di Đà sanh về Cực Lạc hầu thành tựu tất cả công đức, thời dầu cho thân này chết rồi tôi cũng quyết không ngơi nghỉ”. Thề nguyện xong, ta chuyên cần nhớ Phật niệm Phật luôn đêm ngày. Đến ngày thứ bảy, tâm trí ta bỗng khai thông, thấy Đức Phật A Di Đà tướng hảo quang minh chiếu sáng mười phương, Đức Phật đưa tay vàng xoa đầu ta mà thọ ký. Năm 75 tuổi, ta ngồi kiết già niệm Phật mà bỏ thân. Được Phật và Thánh chúng rước về Cực Lạc. Nhưng vì bồn nguyện độ sanh nặng nơi lòng, nên ta trở lại cõi trước này, tùy thời theo cơ mà hiện thân giáo hóa. Có lúc ta làm thầy Tỳ kheo, nhà cư sĩ. Có khi ta làm vua, làm quan. Lắm lúc ta làm người nữ hay gã ăn mày, v.v... Dùng các phương tiện hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc thuận hoặc nghịch mà dìu dắt mọi người vào Chánh pháp.

Đến nay, ta lại vì các người mà chỉ dạy môn Tịnh độ. Các người phải nhưt ý nhưt tâm bền tu pháp môn này quyết sẽ được lợi ích lớn. Nếu các người tinh tấn bền chí nhưt tâm, thời không đợi gì đời sau mới được gần Phật, mà hiện tiền đây cũng được thấy Phật.

Ngài nói kệ :

*Ít nói một câu chuyện
Nhiều niệm một câu Phật*

*Đánh chết được vọng niệm
Pháp thân người hiền lộ.*

Có người bạch hỏi : Niệm Phật mà không được nhứt tâm thời làm thế nào ?

Ngài dạy : Ông phải dứt tướng dùng lo, rồi chậm chậm mà niệm. Phải làm sao cho tiếng hiệp với tâm, tâm duyên theo tiếng. Niệm như vậy lâu lâu thời các vọng niệm tự đứng lặng, tâm cảnh tuyệt chiếu chứng nhập “niệm Phật Tam muội”. Nhưng hằng ngày cần phải niệm cho thường, từ nghìn đến muôn, tâm đừng gián đoạn thời rất dễ thuần thực. Nếu cố ép tâm cho nhứt, thời trọn không thể nhứt được.

Rồi ngài lại dạy : Vọng niệm diệt dứt, đó là chơn tâm thường trụ của chư Phật. Vọng niệm mà còn đó là nghiệp tâm sanh tử của chúng sanh. Nếu các người có thể miên mật gia công, tâm không một mảy mớ trông thời mới đáng tương ưng đôi phần.

Phải dè dặt đừng có vừa thực hành đặng nửa năm hay mười tháng, rồi tự cho là mình đã có công tu hành. Phải biết rằng quan niệm tự đắc ấy, chính là chỗ chướng đạo. Rất phải cẩn thận ! Mặc dầu có gắng sức công phu, nhưng nếu niệm lực chưa vững như núi đồng, chắc như vách sắt, xô không ngã, lay không động, thời vẫn chưa phải đã thành nhứt phiến đầu. Chớ có mới vừa được đôi chút đắc lực bèn dùng tay, mà thành lỗi “bán đồ nhi phế”, có khi rồi phải hỏng cả công phu trước, đây là chứng bệnh lớn của các nhà tu hành, cần phải biết. Nên hiểu rằng : Phật pháp như biển cả càng vào càng sâu, không phải đôi chút tri kiến mà thấu hết được. Phải gia công tu tập trọn đời, đi mãi đến nguồn đến đáy làm mục đích, không nên có quan niệm xem thường.

Có ông Cố Định Thành thỉnh giáo.

Bồ Tát dạy : Tâm vốn vô niệm. Niệm theo tư tưởng mà sanh. Vì tư tưởng là thứ hư vọng nên lưu chuyển sanh tử.

Ông nên nhận biết : một câu A Di Đà Phật đây, chẳng phải từ tư tưởng sanh, chẳng phải do ức niệm mà có, không phải ở trong, không phải ở ngoài, không có tướng mạo. Đó chính là bật hết các vọng tưởng, cùng với chân thân vi diệu thanh tịnh của Như Lai không phải đồng, không phải khác, không thể phân biệt là đồng là khác. Niệm Phật như vậy, thời phiền não trần lao không đoạn dứt mà cũng không hệ phục, duy là nhứt tâm thôi. Được nhứt tâm rồi

mới phải là “chấp trì danh hiệu”, mới được gọi là “nhứt tâm bất loạn”. Đến đây thời tịnh nghiệp thành công, thăng lên bậc “Thượng phẩm”.

Trước hết ông nên phát đại nguyện : “Nguyện sanh Cực Lạc thế giới”. Rồi chí thành tha thiết xưng niệm A Di Đà Phật. Tiếng niệm phải duyên theo tâm, tâm niệm phải duyên theo tiếng. Tiếng và tâm phải khấn chặt vào nhau, như mèo vồ chuột. Niệm Phật như vậy được lâu lâu không xao lãng, thời sẽ chứng nhập “Chánh ức niệm Tam muội”. Chứng Tam muội rồi, nếu muốn tiến thêm lên, thời nên tham phỏng với các bậc cao minh đại tri thức để được tự ngộ diệu lý “Túc Tâm Thị Phật”.

Ngài có lời bảo ông Vô Hủ rằng : Người tu tịnh nghiệp đại đề lúc đi đứng ngồi nằm, lúc ở lúc ăn, đều nên xoay mặt về hướng Tây, thời cơ cảm dễ thành, thiện căn mau thực. Trong thất chỉ cúng một tượng Phật, một bộ Kinh, một bàn thờ, một lư hương, một giường, một ghế. Chẳng nên để nhiều đồ vật khác. Ngoài sân lại nên quét dọn trống trải sạch sẽ để kinh hành cho tiện. Cần phải làm sao cho tâm mình không còn phải bận rộn một việc gì khác, trừ ngoài việc chuyên niệm Phật, cũng không lo tính một sự gì, rảnh rang vô sự. Không nhớ thân, không duyên cảnh. Cho đến hiện tại đương niệm Phật hành đạo đây, cũng không có quan niệm là mình tu hành. Được như vậy, thời ngày càng gần với đạo mà việc đời ngày xa, có thể thành tựu tịnh nghiệp. Lúc hiện sống đây mà ông đã sạch việc trần trong tâm niệm không có mây may vướng víu thời lúc mạng số đến ông sẽ thanh thoát vui vẻ mà đi. Như thế há chẳng phải là tư cách của bậc đại tượng phu đầy ư !

Ta bảo như vậy là muốn ông không còn rộn ràng với những sự vật vãnh, để nhứt tâm tu hành. Vì chính đó là điều kiện quan trọng.

Đến như phương pháp tu Tịnh độ không ngoài hai chữ “chuyên” và “cần”.

“Chuyên” thời không quản đến một việc nào khác.

“Cần” thời không bỏ phí một phút một giây.

Từ nay, mỗi sáng sớm, sau khi thức dậy, ông tụng một quyển Kinh A Di Đà, niệm hiệu Phật một nghìn câu, rồi lạy Phật hồi hướng với bài văn “Nhứt tâm quy mạng”, vì bài văn này lời gọn mà đủ ý. Nếu lạy Phật được một trăm lạy càng tốt. Đây là khóa tụng niệm một thời.

Ban đầu chưa quen, nên ngày đêm bốn thời. Khi đã quen thì tăng lên sáu thời, lần đến mười hai thời. Thành mỗi ngày thêm được mười hai quyển Kinh, một muôn hai nghìn câu Phật, dùng số này làm thường khóa mỗi ngày. Cũng có thể hiệp lại chia thành bốn thời. Ngoài số này ra, những công phu khác thời không kể.

Về việc niệm tụng, hoặc ra tiếng, hoặc tưởng thầm, đều được cả. Chỉ cần phải nhiếp tâm niệm cho chắc mà thôi.

Lại, phép trì danh cần phải mỗi chữ mỗi câu rõ ràng rành rẽ, tiếng và tâm hiệp nhau, không cho xen lộn một mảy tưởng niệm thế sự. Lâu lâu tự thành thực, quyết định đặng sanh Cực Lạc, ngồi tòa sen báu trụ bậc “bất thoái chuyển”. Ông phải cố gắng lấy !”.

Bồ Tát thuyết pháp kể được 24 hội, đệ tử của ngài là ông Thường Nhiếp chép lời dạy của ngài thành bộ “Tây Phương Xát Chỉ”, khắc bản lưu truyền.

LỜI PHỤ.- Về sự hạ thủ công phu nơi Pháp môn Tịnh độ, lời dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát rất rõ và rất thiết. Ta có thể nắm lấy đại cương như thế này :

Tông chỉ của pháp môn Tịnh độ là “tín”, “hạnh” và “nguyện”. Tín và nguyện làm cơ bản cho hạnh.

1. Về “Tín”, ngài dạy :

Cực Lạc đường xa muôn ức, một niệm tin chắc thời chính là đây !

Trong lời dạy trên đây, ta nên chú ý nơi hai chữ “tin chắc”. Tin chắc cõi Tây phương Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm. Tin chắc nguyện lực của Đức Từ Phụ A Di Đà Phật nhiếp thọ mọi loài. Tin chắc ta y pháp tu hành quyết được vãng sanh trụ bậc “bất thoái chuyển”. Với ba điều trên, không một mảy may nghi ngờ, không một niệm dục dự, đó gọi là “tin chắc”.

2. Về “Nguyện”, ngài dạy :

Nên phát đại nguyện “Nguyện sanh Cực Lạc”.

Nguyện sanh Cực Lạc là một đại sự. Vì chúng ta, hay chúng sanh trong cõi Ta Bà ngũ trược ác thế, từ vô lượng đời, vô lượng kiếp, lăn mình trong vũng lầy ngũ dục, mê say nơi cảnh lục trần, dục vọng tràn ngập tâm thần,

phiền não chứa đầy cả bụng, tình ái khó dứt, tham nhiễm khó rời. Nếu chẳng phải là người thông niệm trước ác, lòng quyết thoát ly, thời chí nguyện quyết sanh Cực Lạc khó thể lập vững được. Đây là điều khó phát nguyện thứ nhất. Muốn về Cực Lạc phải có Đại thừa tâm : thương cầu hạ hóa. Mà nơi chúng ta ngã chấp quá dày, tư kỷ đã quen. Nay phải dẹp ngã nhờn để cầu Phật quả, bỏ tư kỷ để thành chí độ sanh, nếu không phải là hạng đại trưởng phu, chơn liệt nữ, thời chí nguyện quyết về Cực Lạc khó lập vững được. Đây là điều khó phát nguyện thứ hai. Vì vậy nên Bồ Tát gọi nguyện sanh Cực Lạc là phát đại nguyện. Nơi đây ta nên chú ý “lập nguyện cho vững”, nghĩa là không một hoàn cảnh nào có thể làm dời đổi chí nguyện vãng sanh của ta, dầu đó là sự khổ như trông vòng lửa đỏ vào đầu, hay sự vui như ngôi Luân Vương cùng Thiên Đế, Bồ Tát có lời răn : “Các người dầu cùng cầu vãng sanh mà tâm lại không thiết”. Và chính tự ngài đã nêu gương : “Nếu ngày nay tôi không được thấy Phật A Di Đà, không được sanh về Cực Lạc hầu thành tựu tất cả công đức, thời dầu thân này có chết rã, tôi cũng không thôi nghĩ”. Nhờ lập nguyện vững, mà Bồ Tát đã được thành tựu !

3. Về “Hạnh”, ngài dạy :

A- Nơi cảnh : Phải xa tránh tất cả cảnh duyên có thể rộn tâm chướng đạo. Chỗ ở phải đơn giản, để khỏi bận rộn. Hằng ngày phải rảnh rang vô sự, để khỏi lo tính.

B- Nơi tâm : Phải không lo phiền, dứt tưởng vọng, dừng tư lự.

C- Về sự tu : Phải định thời khóa trong mỗi ngày. Theo ngài dạy, mỗi ngày đêm ít nhất bốn thời. Mỗi thời ít nhất là một biến Kinh A Di Đà và một nghìn câu hiệu Phật. Thế là mỗi ngày đêm ít nhất bốn biến Kinh A Di Đà và 4.000 câu hiệu Phật. Rồi tăng lần lần lên đến mỗi ngày đêm 12 biến Kinh và 12.000 câu hiệu Phật. Lại phải lạy Phật hoặc 100 lạy hay ít hơn trong mỗi thời. Và sau mỗi thời đều phải hồi hướng công đức nguyện sanh Cực Lạc với bài văn “Nhứt tâm quy mạng”.

Nhưng nơi đây ta có thể chiêm chước mà dùng nếu là người vì hoàn cảnh không được thuận tiện hay yếu kém, cũng có thể mỗi ngày đêm ít thời hơn và tụng niệm ít hơn, đó là sự bất đắc dĩ chứ không phải giải đãi. Còn nếu là người có đại lực và được hoàn cảnh thuận tiện cũng có thể tăng nhiều hơn, đó là tinh tấn chứ không phải vội gáp. Điều cốt yếu là sau khi đã ấn định rồi, phải giữ cho thường, không nên nay vầy mai khác. Thà lúc đầu ít sau tăng lần thêm chứ không nên vội ham nhiều mà rồi sụt ít. Cũng không nên để

gián đoạn, nghĩa là không được bữa có bữa không. Hồi hướng cũng có thể đọc văn “Thập phương tam thế Phật” hoặc các văn nguyện về Cực Lạc khác, theo sở thích đều được. Nếu khỏe và nhiều giờ, nên đọc bài “Khể thủ Tây phương An Lạc quốc”. Vì bài này, lời cùng nghĩa rất đầy đủ thiết tha.

Điều kiện thứ nhất, trong lúc tụng niệm, phải rành rẽ rõ ràng.

Rành rẽ là chữ câu rành rẽ không lộn lạo mù mờ. Rõ ràng, là tiếng nói rõ ràng, không trại tiếng.

Điều kiện thứ hai, tiếng phải hiệp với tâm, tâm phải duyên theo tiếng, tâm và tiếng hiệp khấn với nhau.

Điều kiện thứ ba, phải chí thành tha thiết, với Đức Từ Phụ, lòng ta như con thơ nhớ mẹ, với cõi Cực Lạc lòng ta như viễn khách tưởng cố hương.

Điều kiện thứ tư, không cho xen lộn một mảy tưởng niệm thế sự, nghĩa là phải luôn nhiếp tâm trụ nơi tiếng niệm Phật, không xao lãng. Nếu lỡ xao lãng phải liền nhiếp thu lại. Với trường hợp đây, chú tâm nhận chắc lấy tiếng của mình niệm là công hiệu nhất.

Bồ Tát lại bảo ta lúc đi đứng nằm ngồi, khi ăn khi uống, v.v... đều nên xoay mặt về hướng Tây, để tâm ta lúc nào cũng tưởng nhớ Cực Lạc thế giới, hầu giúp cho công phu tịnh nghiệp chóng thành. Về điều này ta có thể trừ lúc khạc nhổ, đi đại tiểu tiện, còn tất cả thời đều nên hướng về Tây phương.

Nếu theo đúng các điều kiện đã dạy trên đây mà gia công thực hành, trong một thời gian tiếp tục luôn không gián đoạn sẽ được “bất niệm tự niệm”. Tổ Thiện Đạo và Tổ Vân Thê gọi là được niệm lực tương tục. Được niệm lực tương tục này mà giữ vững trọn đời thời sự vãng sanh đã bảo đảm. Tiến thêm, nếu càng gia công chí thành khấn thiết chuyên niệm không hở, trong quên thân ngoài quên cảnh, thời chứng nhập “Chánh ức niệm Tam muội” cũng gọi “Sự niệm Phật Tam muội” mà cũng chính là “Sự nhứt tâm bất loạn”. Được Tam muội này, thời ở trong Tam muội được hiện diện thấy Đức Từ Phụ cùng chư Bồ Tát Thánh chúng và cõi Cực Lạc. Tức là “Hiện tiền được thấy Phật” lời của ngài đã dạy ở trên, mà cũng là lời của đức Đại Thế Chí Bồ Tát trong pháp hội Lăng Nghiêm.

D- Về lý quán : ngài dạy “Tâm vốn vô niệm”. Niệm không ngoài tâm, nên chính niệm tức vô niệm. Niệm đã tức vô niệm, nên câu A Di Đà Phật

hiện tiền đây, chẳng phải từ tư tưởng, chẳng phải do ức niệm, không phải trong, không phải ngoài, không có tướng mạo, ba thuở suy cùng, bốn vô sở đắc, rời tất cả hư vọng, toàn thể là chơn tâm. Đã toàn thể là chơn tâm nên cùng với chơn thân vi diệu của chư Phật không đồng không khác, không thể phân biệt. Được chứng ngộ toàn niệm tức là tâm, toàn tâm tức là Phật, tâm và Phật không hai, thời vô minh diệt, pháp thân hiển lộ, trần lao sanh tử chuyển thành Niết-bàn, phiền não vọng hoặc chuyển thành Bồ-đề. Đây chính là “Lý niệm Phật nhứt tâm bất loạn”, mà cũng là “Lý niệm Phật Tam muội”. Người thành tựu “lý Tam muội” này thời sẽ vãng sanh Thượng phẩm, trụ “Thường tịch quang Tịnh Độ”.

E.- Sau khi chỉ dạy công hạnh “sự tu” và “lý quán” xong, ngài dùng hai chữ “chuyên cần” để tổng kết.

“Chuyên cần” tức là tinh tấn. “Chuyên” thời ròng rất chuyên tu một môn niệm Phật, không xen tạp việc khác. “Cần” thời siêng năng thẳng tấn, không bỏ một thời nào, nhứt đến một phút một giây cũng không bỏ phí. Thực hành đúng pháp mà tinh tấn chuyên cần thời công hạnh chắc chắn thành tựu.

Ta có thể đem bài kệ của ngài để phối hiệp với lời dạy về phần công hạnh này.

Ít nói một câu chuyện : Chính là không xen tạp chuyện khác để một mặt chuyên tu niệm Phật.

Nhiều niệm một câu Phật : Niệm Phật nhiều, chính là siêng cần, mà cũng là chuyên ròng niệm Phật.

Như thế hai câu đầu của bài kệ tổng quát về phần “sự tu”, tức là ngài dạy phải chuyên cần niệm Phật. Y theo đây mà thực hành sẽ thành tựu niệm lực tương tục và nhứt đến chứng nhập “Sự niệm Phật Tam muội”, mà phiền não vọng hoặc đã bị ngăn đè vậy :

*Đánh chết được vọng niệm
Pháp thân người hiển lộ.*

Hai câu sau cùng của bài kệ là chỉ về phần chứng “Lý niệm Phật Tam muội”. Đạt diệu lý “Toàn niệm tức tâm, toàn tâm thị Phật”, thời là chứng ngộ pháp thân, mà phiền não vọng hoặc đã bị dứt trừ vậy.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy về Pháp môn niệm Phật bao quát cả tín, hạnh, nguyện. Nhất là công hạnh, từ cảnh duyên đến tâm niệm, cả sự tu cùng lý quan rất rành rẽ xác đáng và rất đầy đủ. Chúng ta nên thường ngày đọc đi đọc lại, kiểm điểm công hạnh niệm Phật của mình, cho được hoàn toàn đúng theo lời Bồ Tát đã dạy : Nếu dụng công hoàn toàn đúng theo lời Bồ Tát đã dạy thời quyết định sẽ thành tựu tịnh nghiệp, chín phẩm sen vàng sẽ nắm chắc trong tay vậy.

--- o0o ---

CHƯƠNG THỨ BẢY - LIÊN TÔNG CHƯ TỒ

Trong chương này, lược thuật tiểu sử cùng lời dạy của chư vị Tổ sư chánh truyền giữ gìn và rộng truyền Pháp môn Tịnh độ của Đức Bổn Sư nơi miền Đông châu Á này. Bắt đầu từ Tổ Huệ Viễn đến Tổ Triệt Ngô lưu truyền cộng là 11 vị. Trước Tổ Huệ Viễn, Pháp môn Tịnh độ đã lưu truyền phương Đông này rồi và cũng đã có nhiều người thực hành, nhưng sự tổ chức cho có hệ thống và chấn chỉnh cho có quy củ, thời Tổ Huệ Viễn là sơ thi. Vì thế nên ngài là Sơ Tổ của tông Tịnh độ ở miền Đông.

Sau Tổ Triệt Ngô, tất cũng còn nhiều vị Tổ kế truyền, vì Tổ thị tịch năm Gia Khánh thứ 15 triều Thanh, từ ấy đến nay tính thời gian cũng hơn thế kỷ; và lại vào thời Dân Quốc, pháp môn này rất phổ cập và hàng tứ chúng được thành công có đủ chứng nghiệm không thể kể xiết (Xem tập Tứ chúng vãng sanh, tức là tập sau của bộ này). Nhưng vì tài liệu kê cứu chỉ được đến Tổ Triệt Ngô thôi, nên đành tạm ngưng nơi đệ thập nhứt Tổ.

---o0o---

I - SƠ TỔ HUỆ VIỄN ĐẠI SƯ

Huệ Viễn Đại sư họ Cổ, người Nhạn Môn. Lúc thơ ấu, bẩm tính ngài rất hiếu học, đã thông Nho điển lại rất giỏi về học thuyết Lão, Trang.

Bấy giờ, Đạo An Pháp sư lập chùa Hằng Sơn, vân tập Tăng chúng thuyết pháp. Ngài nghe tiếng mến đức, bèn đến Hằng Sơn quy y với Pháp sư.

Khi nghe Đạo An Pháp sư giảng Kinh Bát Nhã, tâm trí ngài mở thông tỏ ngộ diệu lý. Ngài bèn than rằng: “Nào ngờ Phật thừa thâm diệu! Bấy lâu nay uổng công ta đeo đuổi theo bã rác Không, Mạnh, Lão, Trang!”

Rồi ngài xin xuất gia, pháp hiệu Huệ Viễn.

Từ đó trở đi, ngài liền đêm ngày chuyên tâm đọc tụng, tư duy, tu tập. Đạo An Pháp sư thấy ngài chuyên cần nên khen rằng: “Phật pháp sẽ được lưu hành ở Trung Đông, tất do nơi Huệ Viễn này vậy”.

Năm Thái Nguơn thứ 6, nhà Tấn, đến Tầm Dương thấy cảnh núi Lô Sơn rộng rãi tĩnh mịch, phải nơi hành đạo, ngài bèn lập tịnh xá ở đó, hiệu là Long Tuyên²⁰.

Lúc đó, Pháp sư Huệ Vĩnh bạn đồng sư của ngài, đã lập chùa Tây Lâm ở phía Tây Lô Sơn mời ngài cùng về Tây Lâm tự.

Được ít lâu, học chúng theo ngài quá đông, chùa Tây Lâm không đủ chỗ, ý ngài muốn lập cảnh khác ở phía Đông Lô Sơn. Sơn thần đến xin cúng cây gỗ. Rồi sau một đêm mưa to gió lớn, cây gỗ chông chát ngổn ngang. Quan Thử Sử Hoàn Y phát tâm dựng tòng lâm cho ngài. Vì Sơn thần dâng gỗ và đối với Tây Lâm tự, nên để hiệu là “Đông Lâm Thần Vận tự”.

Khi nơi chốn đã yên, ngài liền đốc suất đại chúng hành đạo, đào ao trồng sen. Trên mặt nước thả bông sen gỗ 12 cánh. Cứ mỗi giờ là nước ngập một cánh, dùng định giờ hành đạo. Gọi là Liên lậu.

Lần lần những nhà đại trí thức mộ đạo ở bốn phương, như Giác Hiền, Phật Đà Gia

Xá, Lưu Di Dân, Vương Kiều Chi v.v... nghe tiếng ngài nên đến xin dự chúng tu tập được 123 người, ngài bảo: “Quý vị đến chốn này phải chăng là người quyết chí nơi Tịnh Độ ư?”. Ngài bèn tạo tượng Di Đà, Quan Âm, Thế Chí. Lập hội Liên Xã, bảo ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện khắc vào bia đá. Người dự hội đều tinh tấn hành đạo, ngày đêm sáu thời không trễ, lần lượt đều chứng Tam muội, đều được vãng sanh. Lúc lâm chung đều có thoại ứng cả.

Ngài từng có lời phát huy ý nghĩa Tam muội:

- Gọi Tam muội đó là chi? Tức là “**chuyên tư tịch tướng**” vậy.

“**Chuyên tư**” thời tâm trụ nơi nhứt. “**Tướng tịch**” thời khí rỗng thân sáng. **Khí rỗng** thời trí ngộ nơi lý. **Thần sáng** thời không chỗ kín nào mà chẳng thấu.

Lại các môn Tam muội rất nhiều, nhưng dễ được mà công lại cao, thời duy có **niệm Phật Tam muội** là hơn hết. Vì cùng nơi **huyền**, tốt nơi **tịch** mà tôn hiệu “N hư Lai”. “**Thể hiệp**”, “**Thần biến**” không chi sánh bằng. Vì thế nên người nhập Tam muội này, tâm thần vắng bật **vong sở tri**. Chính nơi cảnh sở duyên đó mà thành **trí huệ**. **Trí huệ sáng** thời chiếu suốt nơi trong mà vạn tượng hiện bày rõ ràng vậy. Chỗ tai mắt không đến được mà vẫn thấy vẫn nghe. Vẫn thấy vẫn nghe mà tâm thần vẫn vắng bật, vắng bật mà tự nhiên trong sáng. Do trong sáng nên khi tham cứu bốn tâm, tình trệ liền dung lãng...

Ngài thấy ở Giang Đông Kinh tạng thiếu nhiều, nên sai các đệ tử băng núi vượt rừng, đến Tây Thiên thỉnh Kinh. Các Kinh luật lưu hành từ Lô Sơn gần đến trăm thứ.

Ngài có trứ tác bộ “Pháp Tánh Luận” phát minh chỉ thú Niết-bàn thường trụ. Bộ luận này truyền đến Quan Trung. Pháp sư Cưu Ma La Thập được xem, liền khen rằng: “Ông Viễn ở biên phương chưa đọc “Đại Niết Bàn Kinh”, mà lời luận lại hiệp với lý”.

Ngài trụ Lô Sơn hơn 30 năm, mà trọn không bước chân xuống núi lần nào. Ngày như đêm, ngài chuyên đề tâm nơi Tịnh độ, lặng lòng quán tưởng.

Đã ba phen thấy Phật và Thánh chúng hiện thân, mà ngài trầm hậu không nói ra.

Năm Nghĩa Hy thứ 12, đêm 30 tháng Bảy, ngài ngồi nhập định nơi Bát Nhã đài. Lúc vừa xuất định mở mắt ra, thấy Đức A Di Đà hiện thân nơi hư không với vô lượng Thánh chúng. Trong viên quang có vô số Hóa Phật. Quan Thế Âm Bồ Tát hầu bên tả, Đại Thế Chí Bồ Tát hầu bên hữu. Phật và Bồ Tát đều ngự trên tòa sen báu đẹp sáng. Mười bốn tia sáng quanh lộn lên xuống như vòi nước, vang ra tiếng diễn nói những pháp: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, các môn Ba-la-mật...”

Đức Phật bảo ngài rằng: “Vì bốn nguyện lực nên nay Ta đến an ủi ông, sau bảy ngày ông sẽ sanh về nước của Ta”.

Ngài lại thấy những hội hữu trong Liên Xã đã tịch trước, như các ông Phật Đà Gia Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân v.v... đều đứng phía sau Phật. Các ông ấy bước đến trước chấp tay chào ngài mà nói với ngài rằng: “Đại sư sớm phát tâm về Tịnh độ, sao lại muộn đến ngày nay?”.

Hôm sau, ngài thuật lại với các đệ tử: Pháp Tịnh, Huệ Bửu v.v... và bảo rằng: “Ta ở Lô Sơn này, trong 11 năm đầu, ba lần thấy Phật và Thánh chứng hiện thân. Nay lại thấy Phật thọ ký. Chắc chắn ta sẽ được sanh về Tịnh Độ”.

Rồi ngài tự soạn quy chế để cho đại chúng y theo mà cùng ở cùng tu.

Đến ngày mừng 6 tháng Tám, ngài cáo biệt đại chúng, rồi đoan tọa mà viên tịch, thọ 83 tuổi.

Trích ở các bộ: “**Đông Lâm truyện**”, “**Lô Sơn tập**”

---o0o---

II - NHỊ TÔ THIỆN ĐẠO ĐẠI SƯ

Thiền Đạo Đại sư người thời nhà Đường. Trong năm Trinh Quán, ngài thấy văn “Tịnh Độ Cứu Phàm Đạo Tràng” của Đạo Xước Thiên sư²¹, mừng lắm nói: “Đây mới thiệt là con đường mau thành Phật. Tu các hạnh môn khác quanh quất khó thành. Duy pháp môn này chóng thoát sanh tử”.

Từ đó, ngài dốc lòng tinh tấn đêm ngày lễ tụng. Ít lâu ngài đến Trường An khuyến khích tứ chúng niệm Phật.

Mỗi khi ngài vào thất quỳ niệm Phật, nếu chưa thiệt đuối sức thì chưa chịu nghỉ. Lúc ra thì vì chúng mà diễn nói Pháp môn Tịnh độ.

Cần khổ tự tu và siêng dạy người, trải ba mươi năm tròn, ngài không ngủ nghỉ.

Ngài lại được giới hạnh tinh nghiêm, không hề sai phạm, dầu là lỗi nhỏ.

Khi được dâng cúng thực phẩm, món ngon tốt thì ngài bảo đem dọn cho chúng dùng, còn phần ngài chỉ dùng thứ xấu dở mà thôi.

Bao nhiêu tài vật của đàn tín thí cho, ngài dùng tả được hơn mười vạn bản Kinh Di Đà, họa cảnh Tịnh Độ được ba trăm bức. Ngoài ra thì dùng vào việc sửa sang chùa tháp, thắp đèn nổi sáng, không để dư một mảy.

Kẻ Tăng người tục đến quy đầu với ngài rất đông, lấy số vạn mà tính. Mọi người cảm đức giáo hóa của ngài, nên ai ai cũng đều tinh tấn tu trì cả. Người thì tụng Kinh Di Đà từ mười vạn biến đến năm chục vạn biến. Kẻ thì mỗi ngày đêm niệm Phật từ một vạn đến mười vạn câu. Những người

hiện tiền chứng Tam muội, lúc lâm chung được vãng sanh có thoai ứng, đông không thể kể xiết.

Có người hỏi: “Niệm Phật chắc được vãng sanh ư?”

Ngài đáp: “Ông gắng niệm Phật thời sẽ được toại nguyện”.

Đáp xong, ngài tự niệm “A Di Đà Phật”, liền có một tia sáng từ trong miệng ngài theo tiếng niệm mà xẹt ra. Ngài niệm mười câu đến trăm câu, cứ mỗi câu là xẹt ra một tia sáng dài nối tiếp nhau làm sáng rực cả chùa.

Sự thần dị này truyền đến triều đình, vua Cao Tông phụng một tấm biển đề hiệu chùa là “Quang Minh tự”.

Ngài có bài kệ khuyên đời như vậy:

*Lần lần tóc bạc da môi
Thấm thoát bước đi lụn cùm
Dẫu rằng: vàng ngọc đầy nhà
Đâu khỏi: già suy bệnh khổ
Mặc ông sung sướng đủ điều
Cái chết nó rồi cũng đến
Duy có đường tắt tu hành
Chỉ niệm “A Di Đà Phật”*

Có người gạn: “Sao Hòa thượng không dạy người quán tưởng Phật, mà chỉ bảo người trì danh hiệu Phật thôi?”.

Ngài đáp: “Chúng sanh nghiệp chướng nặng nề, tâm thời thô phù mà cảnh Thánh rất tế diệu. Tình thức rộn ràng khó thành tựu quán trí được. Vì lẽ đó nên Đức Phật xót thương khuyên người chuyên xưng danh hiệu.

Chính vì xưng danh hiệu là hạnh dễ làm nên nơi tâm mau được tương tục. Nếu có thể niệm niệm tương tục mãi đến trọn đời, thời mười người niệm, mười người vãng sanh, trăm người niệm trăm người vãng sanh.

Tại sao mà được như vậy?

Vì không có tạp duyên nên được chánh niệm. Vì tương ưng với bốn nguyện của Phật A Di Đà²². Vì không trái Kinh giáo. Vì thuận theo lời Phật dạy.

Nếu bỏ hạnh chuyên niệm Phật, mà tu nhiều hạnh nghiệp xen tạp khác, thời trăm nghìn người tu khó có được ba bốn người giải thoát.

Tại sao vậy?

Vì tạp duyên loạn động nên mất chánh niệm. Vì không tương ưng với bốn nguyện của Phật. Vì trái với Kinh giáo. Vì không thuận theo lời Phật dạy. Vì nhiếp niệm không được tương tục. Vì tâm không thường nhớ ơn Phật. Vì dấu thực hành Phật sự mà thường tương ưng với danh lợi. Vì thích đeo theo việc tạp làm chướng ngại chánh hạnh vãng sanh của tự mình và của người.

Ngày gần đây, thấy những hàng Tăng tục các nơi giải hạnh không đồng nhau: người thường chuyên tu, kẻ thích tạp hạnh.

Nếu chuyên tâm niệm Phật thời quyết định mười người vãng sanh cả mười. Còn tạp hạnh mà không chí tâm, thời ngàn người tu khó được một giải thoát.

Trông mong mọi người nên suy xét cho chín chắn, đi đứng nằm ngồi, đều nên kèm tâm nhiếp niệm khấn chặt nơi Phật, ngày đêm chớ để hở, thệ quyết đến hơi thở cuối cùng. Nếu niệm trước mạng chung, niệm sau liền sanh Cực Lạc. Từ đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp thọ hưởng pháp lạc vô vi nhẫn đến thành Phật, như thế há lại không đáng sợ thích lắm ư!”

Ngài từng dạy phương pháp trợ chánh niệm cho người lúc lâm chung:

Phàm người lúc lâm chung muốn sanh về Tịnh độ, cần nhứt chẳng đáng sợ chết. Nên tự suy nghĩ như vậy: báo thân này là gốc khổ. Nó là dây da đựng đầy đồ nhơ nhớp. Nó là gốc của tất cả sự khô lụy. Nếu ta rời được đồng thịt hôi thúi này mà siêu sanh Tịnh độ, thọ thân vàng kim cương, hưởng vô lượng sự vui thanh tịnh, giải thoát hẳn sanh tử luân hồi. Như cởi áo rách mà đổi lấy trân phục, còn gì thích ý bằng.

Suy nghĩ như thế rồi liền phóng hạ thân tâm, đừng có quan niệm tham luyến. Vừa mang phải bệnh, bèn quán vô thường nhứt tâm niệm Phật chờ chết.

Lại cần phải dặn người nhà và người đến thăm, hễ khi đến gần mình thời vì mình mà niệm Phật. Nhứt quyết không được nói chuyện đời nọ kia, cùng

việc nhà việc cửa. Cũng chẳng cần cầu chúc an vui, vì đều là sự hư hoa vô ích cả.

Nếu bệnh ngặt sắp chết, quyền thuộc chẳng được khóc than, không được mất mũi sụt sùi, làm loạn động tâm thần, hư mất chánh niệm của người bệnh. Chỉ nên nhắc nhở nhớ Phật, niệm Phật, tưởng Phật, cùng rập nhau to tiếng niệm Phật, để giúp chánh niệm cho người bệnh. Như vậy luôn đến lúc người bệnh dứt hơi thở. Nhưng cũng chẳng nên vội động đến thân, phải luân phiên niệm tụng càng lâu càng tốt.

Lúc bệnh cho đến lúc chết, nếu được có người hiểu rành Pháp môn Tịnh độ thường đến nhắc nhở chỉ bảo thời may mắn lắm.

Dùng phương pháp trợ niệm ấy thời quyết được vãng sanh không còn nghi ngờ gì nữa.

Việc chết là sự rất lớn, cần phải tự mình gia công, gắng sức mới đặng. Một niệm sai lầm ắt phải chịu khổ nhiều đời nhiều kiếp, ai thay thế cho mình được! Nên tự xét lấy! Nên tự nghĩ lấy!

Một hôm, Ngài vội bảo mọi người rằng: “Thân này đáng nhào, ta sắp sửa về Cực Lạc”.

Rồi ngài tự leo lên ngọn cây dương liễu trước chùa, chấp tay hướng về Tây phương mà nguyện rằng: “Xin Phật tiếp dẫn tôi, Bồ Tát giúp tôi chẳng mất chánh niệm được sanh về Cực Lạc”.

Nguyện xong, ngài tự gieo mình xuống. Thân nhẹ nhàng rơi và tự nhiên ngòai kiết già ngay thẳng trên mặt đất.

Đại chúng vội chạy đến, thời ngài đã tịch rồi.

Trích ở những bộ:

“Phật Tổ Thống Kỳ” “Lạc Ban Văn Loại”

Một truyện vãng sanh do sức trợ niệm, chứng thật lời Tổ.

---o0o---

DƯƠNG LIÊN HÀNG

Trích ở bộ: “Cận Đại Vãng Sanh Truyện”

Ông Dương Liên Hàng người Triết Giang. Nhà nghèo, thuở trẻ làm nghề buôn bán.

Năm Dân Quốc thứ 2, ông thường tới lui nghiên cứu Phật lý với Giác Hàng cư sĩ, dầu văn học của ông cạn ít, những chỗ giải ngộ thời hơn người.

Tháng Chín năm Quý Hợi, các đạo hữu trong hội Niệm Phật tại làng đồng nhau làm lễ tuyên thệ “Phát Bồ-đề tâm”. Ông Liên Hàng liền xin dự hội và đồng tuyên thệ.

Năm Giáp Tý, cuối mùa Xuân, nhơn bệnh, ông bèn lén phá giới bất sát, từ đó xa lìa các đạo hữu.

Đêm tháng Bảy, bệnh ông thêm nặng. Các đạo hữu đến thăm và có lời răn nhắc ông. Riêng phần ông cũng tự biết không thể mạnh được, nên ông hết sức ăn năn. Ngày mùng 8 tháng Bảy, ông gượng bệnh đến trước Phật chí thành phát lộ. Gieo mình sám hối, thệ chẳng lại phạm giới nữa. Từ giờ đó trở đi bỏ hết các việc, dứt trừ ái dục, chí tâm niệm Phật chờ chết.

Các đạo hữu biết ông công phu niệm Phật kém, nên đến ngày 11, thỉnh người đến nhà trợ niệm cho ông. Ngày Rằm, các đạo hữu tự luân phiên đến trợ niệm; cũng từ ngày Rằm này, tinh thần của ông lần lần thanh sáng, thân thể khỏe khoắn.

Đến ngày 17, ông bảo mọi người rằng trong giấc mộng ông thấy quang minh như năm sáu ngọn đèn điện. Chiều tối, thấy ông vẫn tươi tỉnh như thường, các đạo hữu cho rằng ông chưa sao. Nên sau một thời to tiếng niệm Phật, các đạo hữu sắp sửa về nhà nghỉ. Nào ngờ lúc ấy trợ niệm đã đắc lực. Ông nghe yên lặng, bèn kêu nói: “Tôi còn chưa được đến Tây phương, cần phải nhờ chư đạo hữu trợ niệm suốt đêm nay”.

Mọi người nghe ông nói có ý lạ, nên cùng nhau to tiếng niệm Phật. Được nửa giờ, ông bỗng cười và nói rằng: “Tôi đã đến Cực Lạc. Ôi! Hoa sen đẹp quá! Ôi! Ao báu rộng lớn quá! Quang minh sáng đẹp quá!”. Rồi ông lại căn dặn mọi người gắng trợ niệm cho ông. Từ giờ này trở đi, ông nằm yên không cử động, hai mắt chăm nhìn tượng Phật cúng trên bàn trước giường nằm. Đến sáng sớm ngày 18, hai mắt ông mới nhắm lần, hơi thở cũng mãn. Các đạo hữu chỉ có 4 người, mà trọn đêm trợ niệm không dứt tiếng, niệm đến sau khi ông hết thở một giờ rưỡi, mới gọi người khác niệm thay và

không cho thân quyến than khóc. Đến mười giờ trưa, mọi người cùng khám thân ông, tất cả chỗ đều lạnh. Chỉ trên đỉnh đầu còn ấm nóng.

Ông Dương Liên Hàng được vãng sanh, toàn nhờ sức trợ niệm của các đạo hữu. Năm đó ông được 30 tuổi.

LỜI PHỤ .- Ông Liên Hàng công phu niệm Phật kém mà lại phá giới “bất sát”, nhờ các đạo hữu tận lực trợ niệm nên được chánh niệm hiện tiền mà vãng sanh. Ông vãng sanh có hai điều chứng nghiệm: 1.- Mãi đến dút thở mà chánh niệm vẫn vững. 2.- Cả thân đều lạnh, chỉ đỉnh đầu còn nóng. Phạm người sau khi chết mà đỉnh đầu nóng sau cùng đó là triệu chứng được siêu phàm nhập Thánh. Người vãng sanh Cực Lạc liền dự hàng Thánh, trụ bậc “bất thoái chuyển”, thoát hẳn vòng sanh tử luân hồi, nên đỉnh đầu nóng sau cùng.

Tại sao sự trợ niệm có đại lực như thế?

Vì mọi người, ngoài xác thân tứ đại, ai cũng có một thức thần, tức là tánh hiểu biết. Tánh hiểu biết ấy là công dụng của tự tâm thể (đệ bát thức). Tâm thể này gồm đủ cả năng lực của mọi công dụng, và nó tùy theo duyên nhiễm tịnh, thiện ác mà hiện ra thân và cảnh của tất cả Thánh phàm. Lúc sắp chết, là lúc công dụng hiện ra, thân hiện tại đây sắp mãn, và cũng là lúc một năng lực khác sẽ theo trợ duyên để trở nên công dụng kết thành một thân tương lai.

Nhờ sức trợ niệm mạnh, nên mặc dầu người sắp chết, sanh bình Thánh nghiệp chưa thành, mà năng lực siêu phàm sẵn có, nơi tự tâm liền theo duyên chánh niệm mà thành công dụng kết nên thân cảnh thanh tịnh: chánh báo và y báo ở Cực Lạc.

Kết quả tốt đẹp này do hai điều: A.- Trợ duyên. B.- Chánh nhơn.

Trợ duyên	1. Dứt bật tất cả sự bận lòng như việc gia đình sự nghiệp, quyến thuộc khóc than v.v... 2. Người trợ niệm phải chí thành tận tâm đúng pháp.
Chánh nhơn	1. Người sắp chết phải quên tất cả việc đời. 2. Phải nhứt tâm tha thiết nhớ Phật, niệm Phật, như trẻ thơ rớt hố sâu, mong mẹ đến cứu.

Phần trợ duyên thứ nhất để giúp nên chánh nhơn thứ nhất, vì có dứt tất cả sự bận lòng thời nơi người sắp chết mới có thể quên tất cả sự đời được.

Phần trợ duyên thứ hai để giúp nên chánh nhơn thứ hai, vì người trợ niệm có tận thành đúng pháp, thời nơi người sắp chết mới có thể phát khởi chánh niệm được.

Người sắp chết, nếu được đầy đủ trợ duyên và chánh nhơn, đây thời quyết định vãng sanh, không luận là người tu lâu hay kẻ mới quy tín, cũng không luận người lành hay kẻ dữ. Ở tập sau của bộ này, ta sẽ được thấy nhiều chứng nghiệm nơi lược sử của tứ chúng vãng sanh.

---o0o---

III - TAM TÔ THỪA VIỄN ĐẠI SƯ

Trích ở bộ : **“Liễu Tử Hậu Văn Tập”**

Đại sư ban đầu học đạo với Đường Thiên sư tại Thành Đô, kế theo học với Tân Thiên sư ở Tứ Xuyên, sau đến Kinh Châu tham học với Chơn Thiên sư ở Ngọc Tuyên.

Sau khi đã đại ngộ, đạo lực đã thành, Chơn Thiên sư bảo ngài đến Hoành Sơn ở, để hóa độ người.

Lúc đầu, ngài đến ở dưới gộp đá phía Tây Nam của non Hoành. Có ai thí cho cơm cháo thời ăn, hôm nào không thí chủ thời ngài ăn bần, không hề đi quỳ xin, đến nỗi mình gầy mặt nám, trên thân chỉ một cái y rách.

Về phần truyền giáo, thời ngài đứng nơi trung đạo mà dạy người pháp môn chuyên niệm Phật để mau được thành công.

Ngài viết lời Phật dạy ra nơi bên đường, bên khe. Khắc giáo pháp lên trên đá, trên vách. Tận tụy khuyên bảo người không nệ mệt nhọc.

Không bao lâu người tin hướng theo ngài, lấy số vạn mà kể. Rồi kẻ mang tiền mang gạo, kẻ đốn cây đẵn gỗ, mọi người đồng tâm xây chùa dựng điện. Ngài vẫn thản nhiên, không khước từ, cũng không bảo làm. Chẳng mấy lúc mà cụm rừng hoang đồi thành cảnh “Di Đà Tự” đồ sộ.

Phần riêng ngài, vẫn y rách cơm thô. Có ai cúng thí dư ra thời bảo đem cứu giúp kẻ nghèo đói tật nguyên.

Năm Trinh Nguơn thứ 18, nhà Đường, ngày mười chín tháng Bảy, ngài thị tịch nơi chùa Di Đà, thọ 91 tuổi.

Trước đây có ông Thích Pháp Chiếu ở Lô Sơn, một hôm nhập định, thần du Cực Lạc. Thấy có ông Tăng đắp y rách đứng hầu bên Đức Phật. Đức Phật chỉ ông Tăng ấy mà bảo ông Pháp Chiếu rằng: “Đây là ông Thừa Viễn ở Hoành Sơn đây!”.

Sau khi xuất định, ông Pháp Chiếu đến Hoành Sơn tìm, khi gặp ngài thời rõ ràng là ông Tăng y rách đã thấy trong định, ông bèn xin theo hầu.

Sau khi ngài tịch, ông Pháp Chiếu đi truyền giáo các nơi, triều vua Đại Tông nhà Đường phong vị Quốc sư. Pháp Chiếu thuật đạo hạnh của thầy mình với vua. Nhà vua liền xoay về phía Hoành Sơn mà đánh lễ. Rồi nhà vua truyền chỉ đặt hiệu chỗ ở ngài là “Bác Chu Đạo Tràng”, và truyền ông Liễu Tôn Nguơn soạn bài văn ký sự khắc vào bia đá dựng bên chùa Di Đà.

---o0o---

IV - TỨ TÔ PHÁP CHIẾU ĐẠI SƯ

Trích ở những bộ: “**Tổng Cao Tăng Truyện**”, “**Lạc Ban Văn Loại**”

Pháp Chiếu Đại sư ban đầu ngài ở chùa Vân Phong tại Hoành Châu chuyên cần tu tập.

Năm Đại Lịch thứ tư nhà Đường, ngài mở đạo tràng niệm Phật tại chùa Hồ Đông. Ngày khai hội, cảm đến mây lành giăng che, trong mây hiện cung điện, Đức A Di Đà Phật và Quan Thế Âm, Đại Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư không. Khắp thành Hoành Châu, nam nữ già trẻ đều đặt bàn thắp hương đánh lễ.

Do Phật và Bồ Tát hiện thân như thế, nên mọi người đều phát tâm tinh tấn hành đạo. Đạo tràng này, ngài khai được năm hội.

Năm Đại Lịch thứ năm, ngài được gặp Văn Thù và Phổ Hiền hai vị đại Bồ Tát tại chùa “Đại Thánh Trúc Lâm tự” ở Ngũ Đài Sơn. Hai vị Bồ Tát khuyên ngài gắng chuyên chí nơi Pháp môn niệm Phật để giáo hóa mọi người, đồng thọ ký cho ngài sẽ được vãng sanh Cực Lạc và mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề²³.

Triều vua Đức Tông, ngài mở đạo tràng niệm Phật ở Tinh Châu cũng được năm hội.

Mỗi đêm khuya, vua và người trong cung thường nghe vắng tiếng niệm Phật rất thanh. Nhà vua bèn sai người theo tiếng mà tìm và sau khi biết đó là tiếng niệm Phật ở đạo tràng tại Tinh Châu. Nhà vua bèn phái sứ giả mang lễ thỉnh ngài vào triều.

Ngài mở đạo tràng niệm Phật tại hoàng cung cũng được năm hội. Vì thế nên người đời gọi là “Ngũ Hội Pháp sư”.

Một hôm, đang lúc định tâm niệm Phật, bỗng có một vị Thánh Tăng hiện đến bảo ngài rằng: “Tòa sen báu của Pháp sư đã hoàn thành. Ba năm sau thời hoa nở”. Dứt lời, Thánh Tăng liền ẩn.

Đúng ba năm sau, ngài hội đại chúng lại mà dặn rằng: “Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu”.

Dặn bảo xong, ngài ngồi ngay mà tịch.

---o0o---

V - NGŨ TỔ THIẾU KHƯƠNG ĐẠI SƯ

Trích ở những bộ: **“Tống Cao Tăng Truyện” “Lạc Ban Văn Loại”**

Thiếu Khương Đại sư, họ Châu, người Tiên Đô. Lúc bé, câm từ khi sanh. Năm bảy tuổi, ngài theo mẹ vào chùa Linh Sơn lễ Phật. Mẹ chỉ Phật mà hỏi đùa: “Con biết ai đó không?”.

Ngài bỗng đáp rằng: “Thích Ca Mâu Ni Phật”.

Biết là có duyên lành với Phật pháp, cha mẹ ngài bèn cho ngài xuất gia.

Năm 15 tuổi, ngài thông suốt được năm bộ Kinh.

Nhà Đường, năm Trinh Nguyên thứ nhứt, ngài viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ cất Kinh sách trong điện có ánh sáng xẹt ra, ngài tìm xem, thời ánh sáng ấy phát ra từ tập văn “Tây phương hóa đạo” của Nhị Tổ Thiện Đạo Đại sư. Ngài vái rằng: “Nếu tôi có duyên với Tịnh độ, nguyện tập văn này lại phóng quang minh”. Ngài vừa nguyện dứt lời, tập văn ấy liền

chiếu sáng; trong ánh sáng dạn dạn có Hóa Bồ Tát. Ngài nói: “Kiếp thạch có thể mòn, chớ chí nguyện tôi quyết không dời đổi”.

Rồi ngài đến Trường An lễ di tượng của Nhị Tổ Thiện Đạo Đại sư. Khi đương lễ, tượng của Tổ bỗng bay lên hư không lại có tiếng bảo ngài rằng: “Ông y theo lời dạy của ta mà phổ độ chúng sanh, ngày sau công đức thành tựu sẽ sanh về Cực Lạc”.

Ngài đến Giang Lăng, gặp một sư cụ bảo: “Ông muốn truyền đạo thời nên đến Tân Định, cơ duyên ở đó”. Dứt lời, sư cụ bỗng biến mất.

Ngài đến Tân Định thấy người xứ ấy chưa ai biết niệm Phật là gì. Ngài quỳn tiền rồi dụ các trẻ nhỏ niệm Phật. Lúc đầu các trẻ niệm một câu Phật thời ngài thưởng một tiền. Sau lần lần mười câu thưởng một tiền. Ít lâu không cần thưởng tiền chúng nó cũng niệm. Trước thời có mặt ngài chúng mới niệm. Sau rồi chỗ nào và lúc nào chúng nó cũng vẫn niệm. Chúng niệm Phật nơi đường, chúng niệm Phật trong nhà. Hơn một năm sau, cả xứ Tân Định, mọi người đều biết niệm Phật, và phàm nam nữ già trẻ hễ thấy ngài liền niệm “A Di Đà Phật”. Người người tay lần chuỗi miệng lẩm nhẩm, tiếng niệm Phật vang khắp các nơi.

Ngài bèn lập Tịnh độ đạo tràng ở Ô Long Sơn, xây đàn tam cấp. Cứ đến ngày trai, các thiện tín nam nữ đều họp nơi đó để cùng nhau niệm Phật và nghe pháp. Thường số người họp trên ba nghìn. Ngài ngồi trên tòa cao, to tiếng xưng hiệu Phật rồi đại chúng đồng hòa theo. Ngài xưng một câu, thời đại chúng thấy một Đức Phật nhỏ từ trong miệng ngài mà ra, mười câu là mười Phật, nói liền nhau như xâu chuỗi. Ngài bảo đại chúng: “Quý vị đã được thấy Phật, chắc sẽ được vãng sanh”. Mọi người đều mừng lắm.

Năm Trinh Nguyên thứ 21, tháng Mười, ngài họp hết kẻ Tăng người tục lại rồi dặn rằng: “**Với thế giới ác trược này, mọi người nên nhàm chán; với Cực Lạc Tịnh Độ kia, nên hết lòng tăng tấn.** Giờ này ai thấy được quang minh của ta, thời thiệt là đệ tử của ta”.

Nói xong, ngài xòe tay phóng ra vài tia sáng đẹp dài, rồi ngồi yên mà tịch.

Đại chúng xây tháp ngài ở Đài Nham, hiệu là Đài Nham Pháp sư.

VI - LỤC TỔ DIÊN THỌ ĐẠI SƯ

Trích ở những bộ: **“Lạc Ban Văn Loại” “Vạn Thiện Đồng Quy Tập”**

Diên Thọ Đại sư, người Tiền Đường, họ Vương, tự Xung Huyền. Thuở thiếu niên thường trì tụng Kinh Pháp Hoa, cảm bày dê quỳ mọp nghe Kinh.

Lớn lên, ngài làm quan coi về việc thuế vụ cho Văn Mục Vương. Nhiều lần ngài lấy tiền công đến Tây Hồ mua cá trạnh phóng sanh. Việc lấy tiền công bị phát giác. Hình quan thẩm định tội của ngài đáng xử tử.

Lúc dẫn ngài đem đi chém, Văn Mục Vương bí mật sai người theo rình xem gương mặt, nếu có vẻ lo sợ buồn thảm thời cứ chém, còn nếu ngài vẫn vui vẻ thản nhiên thời phải đem ngài về trình lại. Thấy từ lúc dẫn đi cho đến lúc sắp sửa chém, nét mặt của ngài vẫn không có lộ vẻ sợ buồn mà lại có vẻ hân hoan là khác. Sứ giả liền truyền lệnh của Văn Mục Vương cho quan giám trảm rồi đem ngài về ra mắt Vương.

Vương hỏi: “Ông không sợ chết chém ư?”

Ngài đáp: “Tôi tư dụng của công khổ một số tiền lớn, tội đáng chết, nhưng toàn bộ số tiền đó tôi dùng mua chuộc muôn ức sanh mạng. Tôi tin rằng do công đức phóng sanh ấy, dầu thân này có chết, tôi sẽ được vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Vì thế nên tôi không lo sợ”.

Văn Mục Vương cảm động bèn ra lệnh tha bổng. Ngài xin xuất gia, Vương bằng lòng.

Ngài đến Tứ Minh thọ pháp với Túy Nham Thiền sư. Sau ngài tham học với Thiền Quốc sư ở Thiên Thai phát minh tâm yếu, được Thiền Quốc sư ấn khả.

Ngài từng tu “Pháp Hoa sám” ở chùa Quốc Thanh. Trong lúc thiền quán, thấy đức Quan Thế Âm Bồ Tát rưới nước cam lộ vào miệng, từ đó ngài đăng biện tài vô ngại.

Ngài đầu tu “Thiền”, song lòng rất mộ “Tịnh”. Vì muốn có chỗ chuyên chú, ngài bèn đến thiền viện của Trí Giả Đại sư làm hai lá thăm, một lá đề “Nhứt tâm thiền định”, một lá đề “Trang nghiêm Tịnh độ”. Rồi ngài chí thành hướng Tam Bảo mà rút thăm. Luôn bảy lần đều rút nhằm lá “Trang nghiêm Tịnh độ”. Từ đây ngài nhứt tâm tu tịnh nghiệp.

Năm Kiến Long thứ hai, nhà Tống, Trung Ý Vương thỉnh ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh²⁴, tôn hiệu là Trí Giác Thiền sư. Ngài ở Vĩnh Minh 15 năm, độ được 1.700 vị Tăng.

Mỗi ngày đêm, Đại sư công khóa 108 việc. Đại sư thường truyền Bồ Tát giới, mua thả sanh mạng, thí thực quý thân, tất cả công đức đều hồi hướng Tịnh Độ. Ban đêm ngài qua gộp núi khác niệm Phật, lấy số mười vạn câu làm chừng. Những người ở gần chỗ ngài niệm Phật, có lúc nghe tiếng loa bồi thiên nhạc du dương. Về phần Kinh Pháp Hoa, trọn đời ngài tụng được một muôn ba nghìn bộ. Ngài có trứ tác bộ “Tông Cảnh Lục” 100 quyển, hội chỉ thú đồng dị của ba tông: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Duy Thức.

Ngài có viết tập “Vạn Thiện Đồng Quy”, trong tập này, về đoạn chỉ quy Tịnh độ, lời lẽ thiết yếu, đại lược như dưới.

Hỏi: Duy tâm Tịnh độ cùng khắp mười phương, sao lại móng tâm thủ xả, mà cầu thác sanh liên đài, gửi thân Cực Lạc. Như thế đâu hiệp môn vô sanh, và đã có tâm nhàm uế thích tịnh thời đâu thành bình đẳng?

Đáp: Sanh về duy tâm Tịnh độ là phần của bậc liễu đạt tự tâm. Kinh “Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới” nói: “Tất cả tam thế chư Phật đều duy tâm lượng, đặng tùy thuận nhãn, hoặc nhập sơ địa, xả thân tùy thuận nhãn, hoặc nhập sơ địa, xả thân mau sanh Cực Lạc quốc độ”. Do đây mà biết rằng người đạt tự tâm mới sanh duy tâm Tịnh độ, còn hàng chấp cảnh chỉ cuộc trong cảnh sở duyên. Đã có nhơn quả không sai, mới rõ ngoài tâm không thật pháp.

Lại môn bình đẳng cũng chỉ thú vô sanh, dầu tin theo lời Phật, nhưng ngặt vì lực lượng chưa đủ, quán trí cạn, tâm tướng thô, trần cảnh mạnh, tập khí nặng, cần phải sanh Tịnh độ, để được nương nơi duyên thù thắng, nhãn lực mới dễ thành, mau viên mãn Bồ Tát đạo.

Thập Nghi Luận nói: Người trí dầu mạnh mẽ cầu sanh Tịnh độ, nhưng đạt được lý sanh thể bất khả đắc, tức là chơn vô sanh. Đây là nghĩa “vì tâm tịnh mà Phật độ tịnh”. Người ngu bị “sanh” nó trôi buộc: nghe “sanh” liền cho là “sanh”, nghe “vô sanh” liền cho là “vô sanh” mà chẳng hiểu lý: “Sanh là vô sanh, vô sanh là sanh” nên rồi thị phi với nhau. Đây là kẻ tà kiến báng pháp.

Hỏi: Ngoài tâm không pháp, Phật không khứ lai, sao lại có việc thấy Phật và Phật đến rước?

Đáp: Duy tâm niệm Phật, dùng duy tâm quán khắp cả vạn pháp. Đã rõ cảnh là tâm, biết tâm là Phật, cho nên niệm đâu cũng là Phật cả.

Kinh Bát Chu Tam Muội nói: “Nhu người nằm mộng thấy thất bảo, và quyền thuộc vui vầy. Thức dậy nhớ nghĩ lại, chẳng biết cảnh sang giàu vừa thấy đó ở đâu. Niệm Phật cũng như vậy”.

Đây là dụ cho “cảnh” do “tâm” làm ra, chính có mà là không, cho nên không Phật, cũng không lai, khứ. Lại “như huyễn không thật, thời tâm và Phật đều bật”. Mà “chẳng phải là không huyễn tướng, thời tâm và Phật rõ ràng”. “Không” và “có” đã vô ngại, nên chính không khứ lai nhưng chẳng ngại gì thấy Phật đến. Đương thấy chính là không thấy, thường hiệp với trung đạo. Vì thế nên Phật thiết không đến, tâm cũng chẳng đi, nhưng cảm ứng đạo giao duy tâm tự thấy. Như người gây tội nặng, cảm tưởng địa ngục. Duy Thức Luận nói:

“Tất cả như người địa ngục đồng thấy ngục tốt v.v... làm những sự khổ hại cho mình”. Vì lẽ đó, nên đều là do tâm ác nghiệp của kẻ gây tội hiện ra, trọn không có chỗ đồng rấn sát thiết ở ngoài tâm. Tất cả sự, tất cả pháp trong đời cũng đều như thế cả.

Hỏi: Quán Kinh dạy 16 pháp quán, đều là nhiếp tâm tu định, quán tướng hảo của Phật cho đặng thấy rõ ràng đều đủ mới bước đến cõi tịnh. Người tán tâm làm sao vắng sanh được?

Đáp: Cực Lạc chín phẩm có cao và thấp, nhiếp cả các hạng thượng, trung và hạ, nhưng không ngoài hai tâm này:

A.- “**Định tâm**”, tu tập định quán thời Thượng phẩm vắng sanh.

B.- “**Chuyên tâm**”, chỉ chuyên niệm danh hiệu cùng thực hành các điều thiện, rồi hồi hướng phát nguyện thời đặng thành phẩm dưới. Nhưng cần phải **trọn đời chuyên cần**. Lúc ngồi nằm đều phải **xoay mặt về hướng Tây**. Trong những lúc hành đạo, lễ kính, hồi hướng, phát nguyện, phải **thiết tha cầu khẩn, lòng không xao lãng**. Như đương bị ngục tù, như đương bị giặc bắt, như đương bị trôi, bị cháy, như tâm cầu Phật cứu, nguyện thoát khỏi biển khổ sanh tử sanh về Tịnh độ, mau chúng vô sanh độ khắp mọi loài, để nói thanh ngời Tam Bảo, đền đáp bốn ơn. Nếu ai chí thành được như vậy thời quyết đặng kết quả.

Như hoặc ngôn hạnh không xứng đáng, tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhứt, không nối liền mà thường có ý xao lãng. Giải đãi như vậy, đến lúc lâm chung cầu sanh, e rằng nghiệp chướng trở ngại khó gặp thiện hữu. Thân bị bức rút đau khổ khó giữ vững chánh niệm. Vì hiện tại đây là “nhơn”, lúc lâm chung là “quả”. Nếu lo **“nhơn cho chắc thiết”** thì **“quả quyết không hư luống”**. Như tiếng hòa nhã thời vang dội dàng. Như hình ngay thời bóng thẳng.

Như muốn đến lúc lâm chung thập niệm thành tựu, thời hiện tại phải lo sắm sửa trước **chuyên tâm niệm Phật, chứa nhóm công đức, hồi hướng cầu vãng sanh, niệm niệm không quên Phật, không rời Cực Lạc**. Như thế mới chắc chắn mà khỏi lo ngại.

Vả, hai đường “thiện” và “ác”, hai báo “khổ” và “vui” đều là do ba nghiệp (thân, khẩu, ý) gây nên.

Nếu tâm sân hận, tà dâm: đó là nghiệp Địa ngục.

Bỏn sẻn tham lam không xả thí: đó là nghiệp Ngạ quỷ.

Đần độn ngu si: là nghiệp Súc sanh.

Ngã mạn cống cao: là nghiệp Tu la.

Kiên trì ngũ giới: là nghiệp Người.

Ròng tu thập thiện: là nghiệp Trời.

Chứng ngộ nhơn không: là nghiệp Thanh Văn.

Thấu rõ duyên sanh vô tánh: là nghiệp Duyên Giác.

Tu trọn lục độ: là nghiệp Bồ Tát.

Chơn từ bình đẳng: là nghiệp Phật.

Nếu tâm niệm thanh tịnh thời đài vàng hoa báu, hóa sanh nơi Tịnh độ. Còn tâm niệm như đục thời gò nông hầm hố, thọ thai nơi cõi ứ. Đây đều là “quả đẳng luân”, cảm lấy “duyên tăng thượng”. Cho nên nhơn cùng quả, rời ngoài tâm nguyên, không có tự thể riêng khác. Muốn đặng quả báo thanh

tịnh thời phải thực hành như hạnh thanh tịnh. Như nước thời tánh chảy xuống, lửa thời tánh bốc lên, thế tất nhiên như vậy, có gì mà nghi ngờ.

Lại vì người học đạo thời bấy giờ, phân vân nơi “Thiền” và “Tịnh”, chưa biết nên tu theo môn nào là hơn và chắc chắn, nên ngài có bốn bài kệ để so sánh sự lợi sự hại của hai môn:

I. Có Thiền mà không Tịnh độ

Mười tu, chín kẻ dần dà

Ám cảnh nếu hiện tiền

Thoạt theo nó mà đi.

II. Không Thiền mà có Tịnh độ

Mười người tu, mười vãng sanh

Đặng gần Phật Di Đà

Lo gì không khai ngộ.

III. Có Thiền lại có Tịnh độ

Như cọp mạnh lại thêm sừng

Hiện đời làm thầy người

Đời sau làm Phật, Tổ.

IV. Không Thiền cũng không Tịnh độ

Giường sắt cột đồng đang chờ

Muôn kiếp cùng nghìn đời

Không chỗ nương tựa được.²⁵

Nhà Tống, năm Khai Bửu thứ tám, ngày 26 tháng Hai, sáng sớm dậy, ngài thắp hương lễ Phật. Lễ xong, ngài nhóm đại chúng lại dặn dò răn dạy, rồi ngồi kiết già trên pháp tọa mà thị tịch, thọ 72 tuổi.

Ít lúc sau có ông Tăng từ Lâm Xuyên đến chùa, trọn năm lễ tháp của Đại sư. Người gạn hỏi. Ông Tăng ấy đáp: “Năm trước tôi có bệnh, thần thức vào u minh, thấy phía bên điện có thờ tượng một vị Hòa thượng. Minh Vương cung kính lễ lạy. Tôi hỏi nguyên do, mới biết đó là tượng của Diên Thọ Thiên sư ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng Châu, ngài đã vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới bậc Thượng thượng phẩm. Minh Vương trọng đức, nên thờ kính ngài”.

---o0o---

VII - THÁT TỒ TỈNH THƯỜNG ĐẠI SƯ

Trích ở bộ “**Phật Tổ Thống Kỳ**”

Tỉnh Thường Đại sư, người Tiền Đường, họ Nhan, tự Thử Vi, xuất gia hồi thưở mới lên bảy.

Trong khoảng niên hiệu Thuận Hóa nhà Tống, ngài trụ chùa Nam Chiêu Khánh. Vì mộ Tịnh độ đạo tràng ở Lô Sơn, ngài lập Liên Xã, khắc tượng A Di Đà Phật. Ngài tự chích lấy máu chép phẩm “Tịnh Hạnh” trong Kinh Hoa Nghiêm. Nhon đó bèn đổi tên Liên Xã làm Tịnh Hạnh Xã. Hàng sĩ phu trí thức thời bấy giờ dự hội được 120 người. Tướng quốc Vương Văn Đán làm hội thủ. Mọi người đều tự xưng là Tịnh Hạnh đệ tử. Về phần Tỳ kheo Tăng, Đại sư độ được trên nghìn người.

Năm Thiên Hy thứ 4, ngày mười hai tháng Giêng, Đại sư đoan tọa niệm Phật, giây lát bỗng nói to rằng: “Phật đã đến!”. Rồi yên lặng mà tịch, thọ 62 tuổi.

Giờ ngài tịch, cả đại chúng đều thấy mặt đất biến thành sắc huỳnh kim, rất lâu mới trở lại màu cũ.

LỜI PHỤ.- Kinh dạy: “**Tất cả do tâm tạo**”. “**Tâm tịnh thì Phật độ tịnh**”. Luận nói “**Vạn pháp duy thức biến**”. Vĩnh Minh Đại sư bảo: “**Nếu tâm niệm thanh tịnh thời dài vàng hoa báo hiện**”. Tâm niệm của Tịnh Hạnh Đại sư đã thuần tịnh, đây là “Tịnh nhơn”. Tất hiện thành Phật độ thanh tịnh, đây là “Tịnh quả”. Vì “Tịnh quả” quá mãnh liệt nên đất ứ này bị ảnh hưởng mà tạm biến ra sắc huỳnh kim, cả đại chúng cũng được nhờ lây nên tự thấy đất vàng hiện.

Quả vị của Đại sư tất ở bậc Thượng thượng phẩm.

---o0o---

VIII - BÁT TỔ CHÂU HOẰNG ĐẠI SƯ

Trích ở bộ “Vân Thê Pháp Vị”

Châu Hoằng Đại sư, người Hàng Châu, họ Trầm, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì²⁶. Năm 17 tuổi đã được bổ làm Giáo thọ, có tiếng là người học hạnh gồm đủ. Bên nhà ngụ có mù già, mỗi tối niệm Phật vài nghìn câu làm thường khóa. Đại sư hỏi. Mụ đáp: “Chồng tôi lúc sanh tiền chuyên trì niệm Phật. Đến ngày lâm chung không bệnh, vui vẻ vòng tay cáo từ mọi người mà đi. Do đó, nên tôi biết **công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn**”.

Từ khi nghe lời mù già lảng giềng nói, Đại sư đề tâm nơi pháp môn Tịnh độ. Ngài viết bốn chữ lớn “**Sanh tử sự đại**” treo trước bàn để tự răn nhắc.

Năm 32 tuổi xuất gia, ngài đến học với Biện Dung Thiền sư, Tiểu Nham Thiền sư, tham cứu câu “**Niệm Phật đó là ai?**” được tỉnh ngộ.

Năm Long Khánh thứ năm, nhà Minh, Đại sư khát thực ở Vân Thê, thấy cảnh núi u nhã bèn cất am ở, trong núi có nhiều cọp dữ. Đại sư hành Du Già Diệm Khẩu, cọp không khuấy hại người.

Năm đó trời nắng hạn. Người xứ ấy cầu Đại sư đảo võ. Ngài nói: “Tôi chỉ biết niệm Phật, không tài nghề gì khác”. Mọi người cố thỉnh, Đại sư cảm lòng thành khẩn của dân chúng, bèn tay cầm mõ, đi bộ theo bờ ruộng mà niệm Phật. Mưa to liền xối xuống. Dân chúng vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp sức cất chùa xây điện. Tăng chúng quy tụ, không mấy lúc mà thành cảnh tòng lâm lớn.

Đại sư chủ trương Tịnh độ Cực Lạc bác bỏ cuồng thiền. Ngài trứ tác bộ “Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao”, dung hội cả sự lẫn lý, lợi khắp ba căn rất là uyên áo.

Đại sư một mặt chuyên tu Tịnh độ và giáo hóa người, một mặt thường thực hành các điều thiện để trợ tịnh nghiệp: thăm định nghi “Thủy Lục” và văn “Du Già Diệm Khẩu” để cứu khổ u minh, khai ao phóng sanh, và làm văn giới sát. Năm Vạn Lịch thứ 40, cuối tháng Sáu, Đại sư đi vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu rằng: “Tôi sắp đi nơi khác”. Rồi ngài trở về đãi trà từ biệt đại chúng. Mọi người không hiểu là có gì.

Chiều mừng một tháng Bảy, Đại sư vào nhà Tăng nói: “Ngày mai tôi đi”.

Qua chiều hôm sau, Đại sư kêu một rồi vào tư thất đoan tọa nhắm mắt. Tăng chúng và các đệ tử, các người cố cựu trong thành đều hội đến. Đại sư mở mắt ra nhìn mà bảo rằng: “Đại chúng phải niệm Phật cho chín chắn, chớ nghi ngờ cũng đừng phá hoại quy củ của tôi”. Dặn xong, Đại sư chấp tay hướng về Tây phương, xướng hồng danh của Phật mà tịch, thọ 81 tuổi.

---o0o---

PHỤ VẤN ĐÁP

Trích “Vân Thê Pháp Vị”

Ông Tào Lỗ Xuyên hai phen gửi thơ đến Vân Thê gạn hỏi, Đại sư hai phen phúc đáp. Nay trích vài đoạn đối đáp có liên quan với tông chỉ Tịnh độ:

Lỗ Xuyên.- Kinh Hoa Nghiêm thuộc Vô thượng Như thừa Viên giáo, ngài cho Kinh Di Đà cùng đồng hàng, in tuồng như không được đứng. Và do đây nên có người làm luận, gác Tịnh độ trên Hoa Nghiêm. Xin ngài, với cơ Tịnh độ dạy Tịnh độ còn với cơ Hoa Nghiêm dạy Hoa Nghiêm. Như thế Phật pháp mới được lưu thông, truyền đủ ngữ giáo nhiếp cả ba căn.

Đại sư.- Hoa Nghiêm đủ vô lượng môn, cầu sanh Tịnh Độ là một môn trong vô lượng môn, trong bộ số sao, tôi cho rằng “Hoa Nghiêm cực Viên, Kinh Di Đà đặng ít phần Viên”, chính là tôi nói Kinh Di Đà là quyển thuộc của Hoa Nghiêm thôi, Hoa Nghiêm như vua, ai dám đem Thượng thư Bộ trưởng gác trên Quốc vương? Người nào làm luận ấy? Ông bảo tôi nên tùy cơ, ý đó rất hay, nhưng có hai nghĩa:

A.- Nghìn cơ đều chiều dạy, đó là việc của Đức Như Lai xuất thế, sức tôi chưa làm được. Vì thế nên Tổ Tào Khê chỉ chuyên truyền môn Trục chỉ thiên, chẳng lẽ Tổ không thông giáo pháp khác. Nhấn đến Vân Môn, Tào Động v.v... các Tổ đều lập môn đình riêng, chỗ dạy người đều riêng biệt. Chư Tổ còn như thế, huống tôi là hạng phàm u! Nếu vọng bắt chước Phật, e rằng muốn lợi cho người mà trở thành hại người, chỉ có Phật mới là đấng Pháp Vương, với tất cả pháp được tự tại. Bình dân muốn mạo hiệu Quốc vương tất khó khỏi tai vạ.

B.- Giảng Hoa Nghiêm tất gồm Tịnh độ. Giảng Tịnh độ cũng thông Hoa Nghiêm. Vì thế nên người giảng Hoa Nghiêm thời cứ tự giảng Hoa Nghiêm, còn người giảng Tịnh độ thời cũng cứ giảng Tịnh độ, vẫn không có gì trái ngại nhau cả. Và lại Kinh Hoa Nghiêm do Long Thọ Bồ Tát chép ra mà ngài vãng sanh Tịnh độ. Văn Thù và Phổ Hiền là hai vị Đại Thánh trong pháp hội Hoa Nghiêm, mà hai ngài đều có lời nguyện về Cực Lạc và cũng khuyên cả pháp chúng đồng nguyện. Ông tôn sùng Hoa Nghiêm mà chê Tịnh độ, há lại không trái với hạnh nguyện của ba vị Hoa Nghiêm đại Bồ Tát ấy ư! Thiệt tôi không thể hiểu được...

Lỗ Xuyên.- Tề Kỷ Thiên sư bảo: “Người cầu về Tây phương là bỏ cha trốn chạy, dụng Đông chạm Tây, lưu lạc xứ người, khổ thay A Di Đà Phật!”. Lời ấy há không ý nghĩa?

Đại sư.- Ông nên đáp lại với Thiên sư như vậy: “Chính nay bèn là như con nhớ mẹ trở về gia hương, bỏ Đông đặng Tây, vui thay A Di Đà Phật!”.

Lỗ Xuyên.- Người đại ngộ nói: “Nhiều kiếp tu hành khổ sở chẳng bằng trong một niệm chứng Vô sanh Pháp nhẫn. Một niệm duyên khởi vô sanh vượt hơn bậc quyền học trong Tam thừa”. Huống là không luận Tam thừa hay Nhứt thừa đều vô ngã, vô ngã sở. Nay người sanh Tịnh Độ thời mình là năng sanh, độ là sở sanh, năng sở rõ ràng tất thành diệt. Nếu đợi “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh” thời thành lâu chậm.

Đại sư.- Ông đã chứng Vô sanh Pháp nhẫn chưa? Nếu đã chứng thời tất không nên cho rằng: mình là năng sanh, Tịnh Độ là sở sanh. Vì tâm tức là độ thời ai là năng sanh? Còn độ chính là tâm thời gì là sở sanh? Vãng sanh mà không thấy năng sanh sở sanh, dầu sanh mà vẫn vô sanh đây mới là chơn vô sanh. Còn bỏ sanh mà nói vô sanh thời là đoạn diệt không, chớ chẳng phải chánh lý vô sanh vậy. Ông đã thấu Thiên tông há chẳng hiểu rằng: “Từ mê đặng giác ngộ, như nằm mê chợt tỉnh, như hoa sen nở” ư? Người niệm Phật, có người hiện đời này thấy Phật kiến tánh đó là hoa nở hiện tiền. Có người sau khi sanh về Cực Lạc mới thấy Phật kiến tánh, đó là hoa nở về sau. Do công tu có siêng cùng trễ, căn cơ có lợi cùng độn, nên hoa nở có sớm và muộn. Đâu nên cho là chậm lâu cả.

Lỗ Xuyên.- Vừa rồi có đồ đệ của ngài từ Vân Thê qua Tô Châu, tôi luận đến thiên cơ thượng thừa thời ông ta mắt sững lòng kinh hoặc và không tin mà cười. Đó là lỗi của trò hay là lỗi nơi thầy ư? Phạm bậc trượng phu khí vũ xung thiên lấy độ sanh làm phận sự gấp. Ngài đã xuất thế đã khai đường, đã phu

tọa, mà chẳng đủ quyền năng của bậc đại nhơn, chỉ có cử chỉ của ông lão mục già ăn chay. Một mai bị người thông minh gạn hỏi, hay bị nhà trí thức bẻ bác, chừng ấy toan trốn lên mây ẩn vào núi ư?...

Đại sư.- Ở trước ông dạy tôi với cơ Hoa Nghiêm thời truyền Hoa Nghiêm, với cơ Tịnh độ thời truyền Tịnh độ. Nay sao đối với ông Tăng ở núi hoang nào đó, vốn là kẻ ở vào hạng độn căn hạ phẩm với môn Tịnh độ, mà ông lại đem thiên cơ thượng thừa gạn ông ta, làm cho ông ta mất sừng lông kinh trở lại cười ông, đó có phải là ông tự phạm vào lỗi “cho thuốc không trúng bệnh” ư!

Lão Tăng này từ nào chẳng dám tự xưng xuất thế độ đời, lẽ tất nhiên là chưa đủ quyền năng của bậc đại nhơn. Ông lại chê người tu Tịnh độ là “ông lão mục già ăn chay”. Cổ đức từng nói: như thế chẳng phải là chê hạng ngu phu ngu phụ mà chính là chê đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, nhữn đến Thiên Thai, Viên Công, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v... chư đại Tổ sư. Các bậc ấy là ông già ăn chay cùng là mục già ăn chay đấy ư? Các ông Lưu Di Dân, Bạch Thiều Phó, Liễu Liễu Châu, Tô Trường Công v.v... chư đại cư sĩ ấy là ông lão mục già ăn chay đấy ư?

Đâu là ông lão mục già ăn chay, nhưng niệm Phật được vãng sanh liền đặng trụ bậc bất thoái chuyển, liền đặng ngự tòa sen dự hàng Thánh, đâu nên khinh bỉ! Và ông lão mục già chỉ biết ăn chay niệm Phật giữ kỷ tâm hạnh mà cho là hạng ngu cũng được. Còn như người thông minh trí thức mà luận suông Bát nhã, ăn cá thịt cho no rồi đi tìm các ông Tăng để nói thiên nói lý, đó chính là ma vậy. Người ngu quý nơi an phận ngu, chúng ta thà làm ông lão ăn chay niệm Phật hay là bà già ăn chay niệm Phật, chớ chẳng nên làm ma dân cùng ma nữ vậy.

Đến như nếu có kẻ thông minh hay nhà trí thức nào đến bẻ bác, thời không cần phải lên mây vào núi, ông lão mục già ấy cứ đặt giường ngay hòng kẻ thông minh, cùng trải chiếu nơi tròng mắt nhà trí thức đó là xong. Đề chi vậy? Đề bảo va tạm bỏ nói lý luận thiên suông mà tự phản chiếu hồi quang thiệt tu thiệt hành vậy.

LỜI PHỤ.- Trước Bát Tổ, các Tổ sư đầu hoằng truyền Tịnh độ nhưng một mặt vẫn không bỏ Thiên tông. Chỉ Bát Tổ là một Thiên sư được chính thức ấn khả nơi Tiểu Nham Thiên sư, Tổ dòng chính của Lâm Tế tông, trở lại chủ trương Tịnh độ, mà cực lực bài xích cuồng thiên. Vì thế nên các nhà

thiền học đương thời rất không bằng lòng mới thành có những sự tranh biện như thế.

---o0o---

IX - CỬU TỔ TRI HỨC ĐẠI SƯ

Trích ở bộ “**Linh Phong Tông Luận**”

Tri Hức Đại sư, người Ngô Huyện, họ Chung tự Ngẫu Ích.

Thân phụ thọ trì chú Đại Bi, năm mộng thấy Quan Thế Âm Bồ Tát trao cho một đứa trẻ trai, mà sanh ra ngài.

Thuở thiếu niên ngài học Nho, từng viết sách bác Phật. Sau khi được đọc bộ “Trúc Song Tuy Bút” của Liên Trì Đại sư, ngài liền đốt quyển sách bác Phật. Năm 20 tuổi, ngài đọc Kinh Địa Tạng Bồ Nguyện, phát tâm xuất thế, mỗi ngày niệm Phật.

Năm Thiên Khải thứ nhứt, tuổi hai mươi bốn, sau khi nghe một Pháp sư giảng Kinh, ngài sanh nghi tình, mới dụng tâm tham cứu. Ít lúc sau, được tỏ ngộ, ngài bèn đóng cửa thất ở Ngô Giang. Xảy mang bệnh nặng, khi ngoạ bệnh, ngài nhứt tâm cầu sanh Tịnh Độ. Bệnh bớt, ngài kết đàn trì chú vãng sanh.

Ngài làm kệ phát nguyện:

*Cúi lạy A Di Đà
Thân chủ dứt gốc nghiệp
Cùng Quan Âm, Thế Chí
Hải chúng Bồ Tát Tăng
Con mê bốn trí quang
Vọng đọa luân hồi khổ
Nhiều kiếp không tạm ngừng
Không được cứu được nương
Nay được thân là người
Vẫn nhằm đời trước loạn
Dầu lại dự Tăng luân
Mà chưa nhận pháp lưu
Mục kích chánh pháp suy
Muốn chóng, sức chưa đủ*

Chỉ vì từ đời trước
Chẳng tu thắng thiện căn
Nay tâm con quyết định
Cầu sanh Cực Lạc quốc
Rồi ngồi thuyền bốn nguyện
Nếu con không vãng sanh
Thật khó toại bốn nguyện
Vì vậy với Ta Bà
Quyết định phải thoát lia
Cũng như người bị trôi
Trước cầu mau đến bờ
Sau rồi tìm phương thế
Ra vớt người giữa dòng
Nay con chí thành tâm
Thâm tâm, hồi hướng tâm
Đốt cánh tay ba liều
Kết tịnh đàn một thất
Chuyên trì chú vãng sanh
Chỉ trừ giờ ăn ngủ
Đem công đức tu này
Cầu quyết sanh Cực Lạc
Nếu con thoái bốn nguyện
Quên tưởng về Tây phương
Thì liền đọa địa ngục
Để mau biết ăn năn
Thề chẳng luyến nhơn, thiên
Cùng vô vi Niết-bàn
Ngưỡng nguyện Phật oai thần
Lực, vô úy, bất cộng
Tam bảo đức vô biên
Gia bị Tri Húc này
Chiết phục khiến bất thoái
Nhiếp thọ cho tăng trưởng.

Về sau, Đại sư rộng truyền giáo pháp Thiên Thai ở các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thành Khê, Trường Thủy và Tân An, rồi về dưỡng lão ở Linh Phong.

Đương thời, những nhà tu Thiên các nơi, phần đông cho pháp môn Tịnh độ là quyền giáo, phàm gặp người niệm Phật, ắt bảo tham cứu chữ “Thùy

(ai)?”. Riêng mình Đại sư cho rằng: **Trì hồng danh chính là “tâm tông viên đốn”**.

Ông Trác Tả Xa, một nhà tu thiền, gạn: “Thế nào là “hướng thượng nhưt lộ” của môn niệm Phật? Thế nào là rời tứ cú, tuyệt bách phi? Cực tắc rốt sau cả của người niệm Phật là gì? Gì là một dùi sau ót của kẻ hào hoa hư ngụy?”

Trông mong Hòa thượng dẹp duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà qua một bên. Thân kiến Như Lai cảnh giới nói mau một phen, để chấn động Đại thiên thế giới”.

Đại sư đáp: “Hướng thượng nhưt trước” chẳng phải là Thiền chẳng phải Tịnh. Vừa nói đến tham cứu, đã là quyền tạm vì kẻ hạ căn rời. Nếu quả thiệt bậc đại trọng phu tự nên tin chắc **“thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”**. Nếu có một niệm cách với Phật thời chẳng đặng gọi là **“niệm Phật Tam muội”**. Nếu niệm niệm không trở cách với Phật, thời cần gì gạn hỏi là “ai?”.

Còn Cực tắc của môn Tịnh độ là: **không có Phật ngoài niệm làm sở niệm của niệm, cũng không có niệm ngoài Phật năng niệm nơi Phật**. Chính lúc hạ thủ, toàn thân lặn vào rời tứ cú tuyệt bách phi.

Chỉ thấy được quang minh của Đức A Di Đà Phật, chính là thấy thập phương vô lượng chư Phật. Chỉ sanh về Cực Lạc Tây phương, chính là sanh khắp vô lượng Tịnh Độ, đây là “hướng thượng nhưt lộ” của môn niệm Phật.

Nếu bỏ A Di Đà hiện tiền mà đi nói tự tánh Di Đà, bỏ Tây phương Cực Lạc mà đi nói duy tâm Tịnh độ, đó là “hào hoa hư ngụy”.

Kinh dạy: “Tam Hiền, Thập Thánh còn ở quả báo, chỉ một mình Phật là thật ở Tịnh độ”, lời này là “một dùi sau ót đấy”.

Chỉ tin chắc được môn niệm Phật này, **rời nương tín khởi nguyện, nương nguyện khởi hạnh**, thời niệm niệm lưu xuất vô lượng Như Lai, ngồi khắp vô lượng thế giới ở mười phương mà chuyển đại pháp luân, chiếu xưa suốt nay, chẳng phải là việc ngoài phần mình, há lại chỉ chấn động Đại thiên thế giới mà thôi ư?”

Đại sư từng dạy rằng: “Pháp môn niệm Phật không có gì lạ lùng cả, **chỉ tin chắc rời cố sức thực hành thôi**”.

Phật dạy: “**Nếu người nào niệm một Đức Phật A Di Đà, đây gọi là “Vô Thượng Thâm Diệu Thiên”.** Tổ Thiên Thai bảo: “**Bốn môn Tam muội đồng tên niệm Phật. Niệm Phật Tam muội là vua trong các môn Tam muội**”.

Tổ Vân Thê nói: “**Một câu A Di Đà Phật gồm hết tám giáo, nhiếp cả năm tông**”.

Đáng tiếc người thời nay xem niệm Phật là việc tầm thường cho là công phu của hàng ngu phu ngu phụ. Do đó mà lòng tin không chắc, không cố sức thực hành, trọn ngày lơ lơ nên rồi tịnh nghiệp không thành.

Phải biết rằng một niệm hiện tiền đây vốn tự rời tứ cú tuyệt bách phi, chẳng cần tác ý rời tuyệt. Chính hiện tiền một câu Phật đương niệm đó cũng vốn siêu tình ly kiến, nhọc gì nói diệu nói huyền. Chỉ quý là tin cho chắc, giữ cho vững, rồi niệm đi. Hoặc ngày đêm mười vạn câu, bảy vạn câu, hoặc năm vạn, ba vạn, phải quyết định chẳng cho thiếu, thề trọn đời không biến đổi. Đúng như vậy mà không được vãng sanh Tịnh độ thời tam thế chư Phật là vọng ngữ. Được vãng sanh rồi thời trụ bậc bất thoái, tất cả pháp môn đều lần lượt hiện tiền.

Rất kỳ này vậy mai khác. Gặp người nghĩa học thời muốn học văn luận, gặp nhà tu thiền lại mong tham mong cứu, gặp người trì luật thời mộ khát thực trì bát... Như vậy thì ắt không rời việc gì, trong tâm lãng xãng đủ sự.

Chẳng ngờ: niệm A Di Đà Phật đặng thành thực, thời Tam tạng giáo lý gồm trong đó; một nghìn bảy trăm công án cơ quan hướng thượng cũng ở trong đó; ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng không ra ngoài câu Phật.

Người chơn thật niệm Phật: trong thì quên thân, ngoài quên cảnh, đó là “**đại bố thí**”; không sanh lòng tham, sân, si là “**đại trì giới**”; chẳng chấp thị phi nhơn ngã là “**đại nhĩn nhục**”; niệm Phật không gián đoạn là “**đại tinh tấn**”; vọng tưởng không móng khởi là “**đại thiên định**”; không bị sự khác và pháp khác làm mê làm là “**đại trí huệ**”.

Thử kiểm điểm lấy mình, nếu chưa quên được thân tâm thế giới, còn tham, sân, si, còn thị phi nhơn ngã, còn gián đoạn, còn vọng tưởng tạp niệm, còn bị việc khác môn khác lôi kéo, thời chưa phải là “**chơn thật niệm Phật**”.

Muốn đến cảnh giới như tâm bất loạn cũng không phải là có phương cách gì khác lạ, lúc mới tập niệm phải dùng râu chuỗi ghi số rành rẽ định chắc thời khóa quyết định không thiếu.

Lâu lâu thuần thực, không niệm mà vẫn tự niệm, bấy giờ ghi số hay không ghi số, đều đặn. Nếu ban đầu vội muốn viên dung tự tại, muốn vô tướng, thời ắt niệm lực khó thành; đây là vì tin không chắc nên thực hành không cố gắng.

Tha hồ cho ai giảng suốt mười hai phần giáo, Tam tạng Kinh điển, cùng thấu cả nghìn trăm công án cũng chỉ là việc bên bờ sanh tử mà thôi. Đến phút lâm chung quyết định dùng không dùng²⁷.

Năm Thuận Trị thứ 11, nhà Thanh, mùa Đông, Đại sư có bệnh. Ngài dặn các đệ tử: sau khi trà tỳ, tán xương trộn bột chia thí cho cá chim để kết duyên Tịnh độ với chúng nó.

Sang năm, ngày 21 tháng Giêng, Đại sư sáng sớm dậy, khỏe khoắn tươi tỉnh như không bệnh. Đến giờ ngo, Đại sư ngồi kiết già trên giường, xoay mặt về hướng Tây chấp tay mà tịch, thọ 57 tuổi.

Sau khi Đại sư tịch ba năm, các môn nhơn hội lại định y pháp trà tỳ. Lúc mở nắp khánh, thời thấy toàn thân của Đại sư vẫn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ mép tai, sắc mặt như sống.

Đại chúng không nỡ tuân lời của Đại sư dặn, mới xây tháp thờ ở Linh Phong.

*Dưới đây là một nhà Sư cận đại sa vào chỗ hại của các Tổ đã răn dạy, trích ở “**Ấn Quang Văn Sao**”*

---o0o---

SƯ NGỘ KHAI

Sư Ngộ Khai, một pháp hữu của Ấn Quang Đại sư, vốn là người có căn trí, song tánh Sư cao vọng và háo thắng. Ban sơ, Sư tham cứu Thiền tông, khinh thường Tịnh độ. Ít lúc sau, nhờ Thông Trí Pháp sư khai thị, Sư lần để tâm nơi Tịnh độ. Dầu Sư đã có lòng tin Pháp môn Tịnh độ, song hành trì không chuyên, tâm cao vọng không bớt, Ấn Quang Đại sư từng khuyên

nhắc: nên thấp mình chuyên tu. Nhưng vẫn không thể vẫn hồi tâm chấp định của Sư.

Sau một thời gian đó đây giảng diễn, Sư mang bệnh bèn trở về Phổ Đà. Vừa về đến núi, cùng sư huynh là Sư Nguyên Thông chuyện văn thăm nom. Hàn huyền chưa dứt, Sư đã mệt mỗi chẳng nói ra lời. Sau giờ ngộ ngày kế thì Sư mất. Trọn không có chút điềm lành, cũng không một điềm tốt nào đủ chứng nghiệm là vãng sanh hay giải thoát cả.

Ôi! Câu: “Nghìn người khó có một giải thoát”, lời của Nhị Tổ và câu: “Chỉ là việc sanh tử, đến lúc lâm chung trọn dùng không được”, lời của Cửu Tổ, phải chăng là những nhát búa cho hạng tạp hạnh, phải chăng là những tiếng sấm bên tai các bậc tài trí!

Mặc Am Đại sư, một đại Thiên sư và cũng là một đại Giảng sư triều Thanh, lúc lâm chung hỏi đại chúng rằng: “Thế nào gọi là giải thoát?”. Không ai đáp được, Đại sư cười bảo: “Chẳng chi bằng bắt chước ông lão mù già ăn chay, niệm Phật già dặn là được”.

---o0o---

X - THẬP TỔ THIỆT HIỀN ĐẠI SƯ

Trích ở các bộ: “**Tư Tề Đại Sư Di Cảo**” “**Tăng Tổ Phong Thuật**”

Thiệt Hiền Đại sư, người Thường Thục, triều Thanh, tự Tư Tề hiệu Tỉnh Am.

Đại sư từ bé đã không ăn thịt. Sau khi xuất gia, ngài tham cứu câu: “Niệm Phật đó là ai?” được tỉnh ngộ, bèn nói: “Tôi đã tỉnh giấc mơ!”.

Ngài đóng cửa thất ba năm ở chùa Chơn Tịch ngày thì xem Kinh tạng, đêm lại niệm Phật.

Sau Đại sư đến Mậu Sơn lễ tháp thờ xá lợi của Phật. Nhằm ngày kỷ niệm Phật nhập Niết-bàn, Đại sư hội hiệp Tăng tục sấm sửa lễ cúng dường rồi ở trước Phật, ngài tự đốt ngón tay và phát 48 đại nguyện. Lúc Đại sư phát nguyện, cảm xá lợi phóng quang.

Đại sư có soạn văn “Phát Bồ-đề tâm” để khuyến khích tứ chúng. Nhiều người tụng đến văn này mà rơi nước mắt.

Văn rằng:

Trong Kinh dạy: **“Yếu môn nhập đạo, phát tâm làm trước. Yếu vụ tu hành, lập nguyện làm đầu”**

Phát tâm thời Phật đạo có thể thành. **Lập nguyện** thời chúng sanh có thể độ. Nếu chẳng phát tâm rộng lớn cũng không lập nguyện kiên cố, thời dầu trải qua vô lượng kiếp, cũng vẫn y nhiên ở trong vòng luân hồi. Dầu có tu hành cũng đều luống khổ nhọc thôi.

Kinh Hoa Nghiêm nói: **“Quên mất Bồ-đề tâm mà tu các pháp lành đó gọi là nghiệp ma”**.

Quên mất còn là nghiệp ma, huống là chưa từng phát ư! Do đó mà biết rằng: **Phàm muốn học Phật đạo, quyết phải phát Bồ-đề tâm, không được trì hoãn**.

Nhưng tâm nguyện có nhiều tánh khác nhau, nay tôi vì đạo chúng mà lược giải tám cách: **“Tà, chánh, chơn, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên”**.

1.- Trong đời có người tu hành chẳng tham cứu tự tâm, chỉ biết việc ngoài, hoặc cầu tài lợi hoặc ưa danh tiếng, hoặc ham vui sướng hiện đời, hoặc trông quả báo tương lai. Phát tâm như thế gọi là **“tà”**.

2.- Còn người tu hành mà chẳng cầu danh lợi, chẳng tham sung sướng, chẳng trông quả báo, chỉ vì thoát ly sanh tử, chỉ vì thành đạo Bồ-đề, đây gọi là **“chánh”**.

3.- Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ quần sanh, xem Phật đạo dài lâu mà lòng không khiếp, thấy chúng sanh khó độ mà chí chẳng sờn, như lên núi quyết đến đỉnh, như trèo tháp quyết đến chót. Phát tâm như đây gọi là **“chơn”**.

4.- Có tội không sám hối, có lỗi chẳng chịu chừa, ngoài thời coi như trong sạch mà trong tâm nhớp nhúa, trước tình tấn sau biếng lười, dầu cũng có tâm tốt, nhưng xen lộn danh cùng lợi, dầu có pháp lành song bị tội nghiệp làm nhiễm ô, đó gọi là **“ngụy”** (dối).

5.- Chúng sanh giới tận, nguyện của tôi mới tận, đạo Bồ-đề thành, nguyện của tôi mới thành. Phát tâm như vậy gọi là **“đại”**.

6.- Xem tam giới như ngục tù, coi sanh tử như oan gia, chỉ mong riêng mình mau giải thoát mà chẳng muốn độ người, đây gọi là “**tiểu**”.

7.- Nếu có quan niệm rằng chúng sanh và Phật đạo ở ngoài tự tâm, rồi nguyện độ nguyện thành, chẳng quên công huân, chẳng dứt tri kiến. Phát tâm như thế gọi là “**thiên**” (lệch).

8.- Biết tự tánh là chúng sanh nên nguyện độ, rõ tự tánh là Phật đạo nên nguyện thành. Chẳng thấy có một pháp nào ở ngoài tự tâm, rồi dùng tâm rộng trống phát nguyện rộng trống, thực hành hạnh rộng rang chứng quả rộng rang, cũng không còn thấy tướng rộng rang²⁸, đây gọi là “**viên**”.

Tám cách phát tâm đã rành rẽ, thời nên tự xét kỹ coi mình phát tâm thuộc tính cách nào: là **tà** hay **ngụy**? Là **chánh** là **chơn** ư? Là **đại** là **tiểu** ư? Là **thiên** là **viên** ư?

Nếu nhận thấy là **tà** là **ngụy** là **tiểu** là **thiên**, thời lập tức sửa đổi. Nếu xét mình là **chánh** là **chơn** là **đại** là **viên**, thời bèn chắc thêm lên. Được như vậy mới là “**chơn chánh phát Bồ-đề tâm**”.

Bồ-đề tâm này là vua trong các pháp lành, nhờ mười nhân duyên mà phát khởi.

1.- Vì nghĩ đến ơn Phật.- Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của ta, từ lúc tối sơ phát tâm, vì chúng ta mà hành Bồ Tát đạo, trong vô lượng kiếp chịu đủ sự khốn khổ. Như Kinh Pháp Hoa nói: “Khắp cõi Đại thiên không có chỗ nào chùng bằng hột cải mà chẳng phải là chỗ Đức Phật xả thân mạng vì chúng sanh”.

Lúc ta tạo nghiệp, Phật xót thương dạy dỗ, ngặt vì ta quá ngu si không biết nghe theo. Rồi ta đọa ác đạo, Phật càng xót thương muốn chịu khổ thay ta, nhưng ta vì nghiệp quá nặng không cứu vớt được.

Ta sanh làm người, Phật tìm cách cho ta trông căn lành, kiếp kiếp đời đời lòng Phật theo dõi ta không lúc nào rời.

Khi Phật xuất thế ta còn trầm luân, nay đặng làm người Phật đã diệt độ.

Tội chi mà sanh nhằm thời mạt pháp! Phước gì mà đặng xen dự chúng Tăng! Chương chi mà chẳng thấy thân vàng! May gì mà đặng gặp cốt tượng!

Rồi tự nghĩ như vậy: Nếu đời trước ta không từng trồng căn lành, thời do đâu mà nay được nghe Phật pháp, thời đâu biết là thường thọ ơn của Phật. Ôn đức ấy, núi cao khó sánh. Nếu ta không phát tâm hành Bồ Tát đạo, giữ vững Phật pháp, cứu độ chúng sanh, thời dầu có tan xương nát thịt cũng không đền đặng.

2.- Vì nhớ ơn cha mẹ.- Than ôi cha mẹ sanh ta khó nhọc! Mười tháng mang nặng, ba năm bú mớm, ta mới nên người. Ngỡ là ta nối nắm dòng họ, thừa tự tổ tiên. Dè đâu ta đã xuất gia lấy danh Thích tử. Không dâng cơm nước, chẳng đỡ tay chân.

Cha mẹ còn, ta không nuôi dưỡng thân người. Cha mẹ mất, ta không dặt dìu thân thức. Như vậy, với đời là sự tổn lớn, với đạo lại không thiệt ích. Phải chăng đó là một tội nặng!

Rồi tự nghĩ như vậy: Từ đây trăm kiếp nghìn đời ta phải thực hành Phật đạo. Thập phương tam thế ta luôn cứu khắp chúng sanh. Thế thời chẳng phải chỉ cha mẹ trong đời hiện tại của riêng ta, mà đa sanh phụ mẫu của ta và của mọi người đều do ta mà đặng siêu thăng. Như vậy mới đền ơn sanh thành dưỡng dục được.

3.- Vì tưởng ơn Sư trưởng.- Không thể gian Sư trưởng thời ta không biết lễ nghĩa. Không xuất thế Sư trưởng thời ta không hiểu Phật pháp. Không biết lễ nghĩa thời khác gì cầm thú. Không hiểu Phật pháp thời nào khác kẻ tục. Nay ta biết chút ít lễ nghĩa, hiểu đôi phần Phật pháp, ca sa che vóc, giới phẩm nhuần thân, đây là do Sư trưởng mà đặng.

Rồi tự nghĩ: Nay ta thực hành Đại thừa, nguyện đem sự lợi ích lớn lại cho tất cả, nối chí Sư trưởng, mà cũng là thêm lớn công đức của Sư trưởng. Như thế, mới gọi là biết ơn Sư trưởng.

4.- Vì nghĩ ơn thí chủ.- Đồ dùng hằng ngày đều không phải của mình: hai bữa cháo cơm, bốn mùa y áo, thuốc men khi bệnh, giường ghế khi mỏi... đều của người sắm cho.

Người thời hết sức cày bừa còn khó đủ ăn, ta thời ngồi an thọ thực vẫn chưa vừa lòng! Người thời dệt may chẳng nghĩ còn phải thiếu rách, ta thời y áo có thừa mà không biết giữ gìn! Người thời nhà lá vách phen, bận rộn trọn đời, ta thời đèn rộng nóc cao thông thả mãi năm. Dùng sự khổ nhọc của người để cung cấp sự an nhàn cho ta, như vậy, nơi lòng chừng có an được

chăng? Dùng tài lợi của người để nuôi thân mình, như vậy có thuận lẽ phải cùng chăng?

Rồi tự nghĩ: Nếu ta không lo song vận bi trí, gồm tu phước huệ, để đàn tín được nhờ, chúng sanh được độ, thời tác vãi hột cơm có ngày phải trả, địa ngục ngạ quỷ có lúc phải sa. Ta phải kiên cố Bồ-đề tâm mới đặng.

5.- Vì biết ơn chúng sanh.- Ta cùng chúng sanh từ vô thủy đến nay làm quyến thuộc lẫn nhau, đây kia đều có ơn nghĩa với nhau. Nay dầu cách đời đời thân, hôn mê không nhớ biết, song cứ lý mà xét thời không thể không đền đáp.

Hiện tại con vật mang lông đội sừng kia, biết đâu rằng từ trước ta đã từng làm con của nó. Loài giun, dế, bướm, ong đó, biết đâu rằng là thân sanh đời trước của ta. Đến những ai rên siết trong địa ngục, kêu gào nơi ngạ quỷ. Ta dầu không thấy không nghe, mà họ tắt cầu cứu té. Ngoài Kinh thời không đâu bày rõ việc này được, ngoài Phật thời không ai nói rành việc đó được. Vì thế nên Bồ Tát xem kiến rận đều là quá khứ phụ mẫu, thú cầm đều là chư Phật vị lai, nên thường lo cứu độ, luôn nghĩ báo ơn.

6.- Vì tưởng khổ sanh tử.- Ta cùng mọi người từ nhiều kiếp đến ngày nay luôn ở trong biển sanh tử: lúc làm trời, lúc làm người, hoặc cõi này hay thế giới khác, chết đây sanh kia, thoát lên thoát xuống. Ngạ quỷ sớm đi mà chiều lại, địa ngục nay ra mai vào. Dao sơn kiếm thọ đứt nát thân hình; đồng sôi sắt đỏ cháy rã tâm can; khóc la trong lửa, rên rỉ trong băng. Muôn lần sống chết nội ngày đêm, giây lát khổ đau bằng thế kỷ. Đương lúc đó dầu biết khổ nhưng ăn năn sao kịp, sau khi thoát khỏi liền quên vẫn tạo tội như thường. Tâm không hằng, như lữ khách ruổi dong, thân không định, dường như cửa nhà thay đổi. Cát bụi cũng không tính được số thân đã thọ, nước biển vẫn không nhiều bằng giọt lệ chia ly. Nếu không lời Phật, việc này ai thấy ai nghe. Nếu chẳng xem Kinh, lý đó đâu hay đâu biết. Nhược bằng đời này cứ tham ái như cũ, vẫn si mê như trước, e rằng muôn kiếp nghìn đời lạc làm mãi mãi. Thân người khó được mà dễ chết mất, giờ tốt dễ qua mà khó trở lại, chẳng may, sau này phải sa vào ác đạo lại tự mang lấy khổ, bấy giờ ai thể được cho! Nên ta phải dứt lòng sanh tử, diệt biển dục tình, độ mình độ người đồng lên bờ giác, quan hệ tại một đời này, không thể bê trễ được.

7.- Vì tôn trọng tánh linh.- Tâm tánh của ta cùng Thích Ca Như Lai không hai không khác. Tại sao Đức Bổn Sư đã thành Phật sáng suốt tự tại, mà ta vẫn còn là phàm phu hôn mê điên đảo? Đức Bổn Sư đủ vô lượng thần

thông trí huệ, vô lượng công đức trang nghiêm tự tại giải thoát, mà ta chỉ có vô lượng nghiệp hệ vô minh, vô lượng phiền não ô trược sanh tử khổ sở!

Tâm tánh đồng một, mà vì si mê với ngộ nên khác nhau như trời với vực. Ví như vô giá bửu châu vùi dưới sinh lũy, xem như đất đá. Nay ta phải dùng vô lượng thiện pháp để đối trị phiền não, tu đức công thành thời tánh đức mới hiển bày. Như bửu châu được rửa sạch lau khô để trên tràng cao liền phóng quang chiếu sáng. Như vậy mới là không uổng công giáo hóa của Phật và chẳng phụ tánh linh của mình.

8.- *Vì sám hối nghiệp chướng.*- Kinh nói: “Phạm một tội kiết-la, phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ Thiên Vương”.

Tội nhỏ còn bị báo khổ như vậy, huống là tội trọng ư?

Nay ta mỗi ngày, một cử một động thường trái giới luật, lúc ăn lúc uống luôn phạm thi-la. Tính kỹ trong một ngày cũng đã nhiều tội, huống là trọn đời cho đến nhiều kiếp về trước kể sao cho xiết. Cứ lấy Ngũ giới mà thẩm xét cũng chưa chắc tròn vẹn, huống là Mười giới, Cụ túc giới, Bồ Tát vô lượng giới ư!

Nay ta phải hết lòng cầu ai sám hối, thương mình thương người, thân khẩu tha thiết, nước mắt theo lời mà tuôn ra mới mong tội được tiêu, khổ được thoát.

9.- *Vì cầu sanh Tịnh độ.*- Ở cõi ác trược này tấn tu rất khó. Vãng sanh Cực Lạc thời thành Phật rất dễ. Vì khó nên nhiều kiếp chưa nên, vì dễ mà một đời đắc quả. Do có ấy, nên từ xưa chư Thánh chư Hiền đều xu hướng Cực Lạc, muôn Kinh nghìn Luận đều chỉ quy Tịnh độ. Đời nay tu hành, không pháp môn nào hơn pháp môn này.

Trong Kinh Di Đà nói: “Ít thiện căn ít phước đức không vãng sanh được”. Thế là nhiều thiện căn nhiều phước đức mới được sanh. Nhiều phước đức **không chi bằng chấp trì danh hiệu**, nhiều thiện căn **chẳng chi qua phát Bồ-đề tâm**. Niệm Phật giây lát hơn bố thí cả năm, phát Bồ-đề tâm hơn tu hành nhiều kiếp.

Vả lại, niệm Phật cốt mong làm Phật, nếu không phát Bồ-đề tâm thời niệm để làm gì? Còn phát Bồ-đề tâm để được tấn tu, nhưng không sanh Tịnh độ thời dễ thoái, dễ thất. Nên trong Kinh có lời dụ:

“Bồ Tát sơ phát tâm, với trứng cá cùng bông yêm la, hơn nhiều mà quả ít”.

Gieo giống Bồ-đề, vun quén bằng niệm Phật, thời đạo quả tự nhiên tăng trưởng, rồi nương thuyền đại nguyện của Phật chắc chắn vãng sanh Tịnh độ. Đã được ở Cực Lạc tức là trụ bậc bất thoái; từ đây phước trí nhị nghiêm, nhiệm vận mà tăng trưởng, viên mãn. Vì thế nên ta phải nhứt tâm cầu sanh Tịnh Độ mới được.

10.- Vì hộ trì chánh pháp.- Đức Bồn Sư vì ta và tất cả mà tu Bồ Tát đạo trong vô lượng kiếp, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn. Sau khi hơn viên quả mãn thành Phật, một đời tận tụy dìu dắt mọi người, cặn kẽ chỉ dạy muôn loại. Khi cơ duyên giáo hóa đã xong, Đức Phật nhập Niết-bàn!

Chánh pháp đã qua, tượng pháp đã hết, nay chỉ còn mặt pháp: có giáo pháp mà không người đắc pháp. Tà chánh không phân, phải quấy lẫn lộn. Cùng nhau cạnh tranh hơn ngã, chẳng vì lợi thời cầu danh, Tam bảo không còn thiết nghĩa, suy tàn tội tệ không nỡ thốt lời. Nghĩ đến đây khó cảm giọt lụy.

Ta là Phật tử mà không báo được ơn Phật, trong thời tự mình chẳng được lợi ích, ngoài thời vô ích với người. Sống không lợi ích cho đương thời, chết vẫn vô ích nơi tương lai. Suy nghĩ như vậy nên đau lòng xót dạ vội phát đại tâm, cùng với thiện hữu đồng đến đạo tràng tụng lời sám hối, lập thành pháp hội. Phát 48 điều nguyện, nguyện quyết độ sanh, nguyện được thành Phật. Mãn báo thân này về Cực Lạc, để được lên chín phẩm, để được dự Thánh lưu, để được chứng Vô sanh, để được trụ bất thoái.

Rồi nương thuyền bốn nguyện trở lại Ta Bà làm cho Phật nhật trùng huy, pháp luân thường chuyển...

Tám cách và mười duyên đã biết đủ, thời chỗ phát tâm xu hướng, đã có nẻo có đường. Trông mong đại chúng lân mẫn lòng chân thành tha thiết của tôi, mà cùng tôi đồng lập đại nguyện, đồng phát đại tâm. Nếu chưa phát thời nay phát, nếu phát rồi thời nay tăng trưởng, nếu đã tăng trưởng thời làm cho tương tục. Chớ thấy khó mà khiếp sợ, chớ thấy dễ mà xem thường. Chớ dục tốc mà không bền, chớ giải đãi mà không được. Cũng đừng vì dốt tối mà trọn không phát tâm, cũng đừng vì trí cạn chướng dày mà tự hèn tự bỏ. Ví như trồng cây, trồng lâu ngày thời rễ cạn lần sâu. Lại như mài dao, mài bền

thời lưỡi lụt lần bén. Đâu có lẽ vì rễ cạn nông mà bỏ khô không trồng, dao lụt để vậy cho thành đồ vô dụng!

Còn nếu cho tu hành cực khổ, thời chưa biết rằng biếng lười càng khổ cực hơn. Vì tu hành, dầu tạm thời cần lao nơi hiện tại, nhưng rồi được vĩnh kiếp an lạc ở tương lai. Còn biếng lười trộm an nhàn một đời nay, song rồi phải nhiều đời khổ lụy.

Huông là dùng Tịnh độ làm châu hàng thời lo gì thoái chuyển, lại đặng Vô sanh làm nhân lực thời sợ gì gian nan.

Chớ nói tâm niệm vô thường rồi không phát, cũng đừng cho luống nguyện vô ích mà không nguyện.

Phải biết hễ tâm chơn thời quả thiết, nguyện lớn thời hạnh sâu. Hư không kia không rộng lớn bằng tự tâm, kim cương nọ không bền bằng nguyện lực.

Đại chúng nếu không chê bỏ lời tôi, thời từ nay chúng ta là quyến thuộc Bồ-đề, làm bạn lành Tịnh độ. Nguyện cùng nhau đồng sanh Cực Lạc đồng hầu Di Đà, đồng độ chúng sanh đồng thành Chánh giác.

Ít lúc sau, Đại sư trụ chùa Tiên Lâm ở Hàng Châu.

Năm Ung Chính thứ 7, Đại sư lập Liên Xã làm văn thệ giữ chúng, lấy trọn đời làm hẹn. Chia ngày đêm làm 20 phần: 10 trì danh, 9 phần quán tưởng, 1 phần lễ sám.

Có nhà tu thiền đến hỏi về chỉ thú niệm Phật.

Đại sư khai thị: “Một câu A Di Đà Phật là đầu tấc công án, không thương lượng gì khác, thẳng liền quyết phán. Như đồng lửa lớn, nhảy vào liền cháy. Như gươm Thái A, xuống đến thì đứt rời. Tám muôn bốn nghìn pháp môn, không ngoài sáu chữ. Một nghìn bảy trăm công án, một câu đủ đoán. Mặc ai không ưa nghe Phật, ta tự niệm niệm nhớ Phật. Xin ông bắt tất nhiều lời, chỉ nên nhứt tâm bất loạn”.

Năm Ung Chính thứ 11, ngày mùng 8 tháng Chạp. Đại sư bảo đại chúng rằng: “Tháng Tư sang năm thời ta đi”. Rồi Đại sư đóng cửa thất mỗi ngày niệm Phật mười vạn câu.

Sang năm, ngày 12 tháng Tư, Đại sư nói với các đệ tử rằng: “Từ đầu tháng tới nay, tôi hai lần thấy Cực Lạc Tam Thánh. Tôi sẽ vãng sanh!”. Rồi Đại sư viết bài kệ để từ biệt chúng.

Qua ngày kệ, Đại sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi ngay thẳng. Đến canh năm, Đại sư tắm rửa thay y áo. Qua ngày sau tức là ngày 14, gần giờ ngọ, Đại sư xoay mặt về hướng Tây nhắm mắt yên lặng. Đại chúng Tăng tục các nơi hội về đông như chợ. Đại sư bỗng mở mắt nhìn mọi người mà bảo rằng: “Tôi về Cực Lạc không bao lâu tôi sẽ trở lại. Thoát ly sanh tử là việc lớn, mọi người nên tự giữ lòng thanh tịnh siêng niệm Phật là được”.

Dặn xong, Đại sư chấp tay xưng to hồng danh của Phật rồi tịch. Thọ bốn mươi chín tuổi.

---o0o---

XI - THẬP NHỨT TỔ TẾ TỈNH ĐẠI SƯ

Trích ở bộ “**Triệt Ngộ Thiên Sư Ngũ Lục**”

Tế Tỉnh Đại sư, người Phong Nhuận, triều Thanh, họ Mã, tự Triệt Ngộ, hiệu Nạp Đường.

Thuở thơ ấu ngài học thông kinh sử. Sau khi xuất gia ngài đi học các nơi, rộng suốt cả hai tông “Tánh”, “Tướng”, tâm đắc nhất là “Chỉ thú Pháp Hoa tam quán”. Kế tham học với Túy Như Thuần Thiên sư ở chùa Quảng Thông, phát minh tâm yếu được ấn khả. Về sau Thuần Thiên sư qua ở Vạn Thọ tự, Đại sư kế vị ở Quảng Thông, sách tấn kẻ hậu học. Tông phong rất thanh.

Đại sư nói: “Vĩnh Minh Thọ Thiên sư là bậc long tượng của Thiên môn mà còn quy tâm Tịnh độ thay, huống nay là thời kỳ mật pháp càng phải tuân theo!”.

Đại sư chuyên tu Tịnh độ chủ trương Liên Tông. Mỗi ngày, hạn thời giờ dạy chúng cùng tiếp khách nội một cây hương. Ngoài ra nhứt quyết lo lễ Phật niệm Phật mà thôi.

Ít lâu sau, Đại sư sang trụ chùa Giác Sanh, không bao lâu lại lui về ngụ chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn. Tăng chúng bốn phương mến đức Đại sư nên hội về Tư Phước mỗi ngày thêm đông, bèn thành tông lâm.

Đại sư vì pháp vì người lòng không chút mỗi nhàm, tất cả đều dùng Tịnh độ làm quy thú. Mỗi khi giảng đến ơn cứu khổ ban vui của Như Lai thường nước mắt theo lời mà tuôn ra. Thính chúng đều cảm động, phần đông nước mắt nước mũi ướt cả vạt áo.

Đại sư từng dạy: “Đầu mối quan hệ trong vòng sanh tử của chúng ta có hai năng lực: A.- “Tâm chữ đa đoan trọng xứ thiên trụ²⁹”, đây là **tâm lực**. B.- “Như như phụ trái cường giá tiên khiên⁽¹⁾”, đây là **ngiệp lực**.

Nghiệp lực rất lớn nhưng tâm lực lại lớn hơn. Vì nghiệp không tự tánh, toàn nương nơi tâm, vì thế nên tâm chú trọng thời làm cho nghiệp mạnh.

Nếu dùng **tâm chú trọng** mà tu tịnh nghiệp thời tịnh nghiệp mạnh, ngày sau báo tận mạng chung, quyết định sanh Tây phương Cực Lạc, không sanh ở cõi nào khác. Như cây to, vách cao xiên hướng về Tây phương, khi tróc gốc lỏng chân, quyết định ngã úp về hướng Tây vậy.

Thế nào là **tâm chú trọng**?

Chúng ta tu tịnh nghiệp: **tín tâm phải sâu chắc, chí nguyện phải tha thiết**. Do tín tâm sâu cùng chí nguyện thiết, nên tất cả tà thuyết không lay động được, tất cả cảnh duyên không lôi kéo được.

Giả sử lúc ta tu tịnh nghiệp mà có Đạt Ma Tổ Sư hiện ra bảo ta bỏ Tịnh tu Thiên có thể liền thành Phật, thời ta cũng từ tạ Tổ mà không dám tuân lời. Dầu Đức Thích Ca Như Lai bỗng hiện thân bảo rằng có pháp môn khác hơn Tịnh độ, rồi bảo ta bỏ Tịnh để tu pháp môn đó, ta cũng lạy Phật mà từ. Vững được như vậy mới gọi là **lòng tin sâu chắc**.

Giả sử vòng lửa đỏ tròng vào đầu, ta cũng không vì sự thống khổ này mà quên nguyện vãng sanh. Dầu cho sự giàu sang vui sướng nhưt trong đời như ngôi Luân Vương đến cho ta, ta cũng không vì sự vui sướng ấy mà quên nguyện vãng sanh. Gặp những cảnh duyên nghịch thuận tốt bậc như vậy mà vẫn không đổi lòng, đây gọi là **chí nguyện tha thiết**.

Lòng tin chắc, chí nguyện thiết, đó là **tâm chú trọng**. Dùng tâm này mà tu tịnh nghiệp, thời tịnh nghiệp được mạnh, nghiệp mạnh thời mau thành thực. Tịnh nghiệp Cực Lạc thành thực thời nhiễm duyên Ta Bà dứt. Như thế, đến lúc lâm chung, dầu có muốn cảnh giới luân hồi hiện ra cũng không thể được, dầu có muốn rời Di Đà cùng cảnh Tịnh Độ đừng hiện ra cũng không thể được.

Nhưng lòng tin chắc và chí nguyện thiết ấy, lúc bình thời phải rèn luyện cho thành, đến lúc lâm chung mới khởi sa lạc vào lối khác. Như Cổ đức lúc lâm chung, chư thiên trời nhạc cầm phan đến rước ở ngôi Đâu Suất Thiên Vương mà các ngài cố từ, cứ chuyên tâm niệm Phật tưởng Phật đến khi Phật và Thánh chúng đến mới chịu theo³⁰. Và sắp chết là lúc tứ đại phân trương, chư Thiên đến rước là cảnh tuyệt cực. Nếu bình thời lòng tin cùng chí nguyện không phải mười phần vững chắc cả mười, thời lúc lâm chung gặp phải cảnh ấy tất khó có thể tự chủ được”.

Có nhà tu thiền đến gạn: “Tất cả các pháp đều huyền mộng, Ta Bà vốn là huyền mộng, Cực Lạc cũng là huyền mộng. Đồng là huyền mộng, tu có ích gì?”.

Đại sư nói: “Không phải thế! Từ Thất địa Bồ Tát trở xuống, đều là trong huyền mộng mà tu hành. Đến như Đẳng giác vẫn còn đương ngủ vì còn vô minh. Chỉ bậc Phật mới là Đại giác.

Đương lúc ở trong cảnh mộng thời khổ cùng vui rõ ràng. Cảnh mộng chịu khổ ở Ta Bà, sao bằng cảnh mộng an vui nơi Cực Lạc. Hướng lại cảnh mộng Ta Bà là từ mộng vào mộng càng lúc càng đi sâu vào chôn mê say. Còn cảnh mộng Cực Lạc là từ mộng ra khỏi mộng thành bậc Đại giác. Cõi uế cùng cõi tịnh dầu đồng cảnh huyền mộng, nhưng ảnh hưởng cùng kết quả khác xa nhau, vì thế nên cần phải sớm tu Tịnh độ”.

Năm Gia Khánh thứ 15, tháng Hai. Đại sư biết trước ngày vãng sanh, bèn đi từ biệt các nơi và dặn rằng: “Thân hư huyền này không bền lâu, ai nấy đều nên nỗ lực niệm Phật, chúng ta sẽ gặp nhau ở Tịnh độ”.

Đến tháng Chạp, ngày mùng 2, thoát thấy trên hư không vô số tràng phan bửu cái từ hướng Tây đến. Đại sư nói với đại chúng rằng: “Cảnh Tịnh độ đã hiện, ta sắp sửa về Cực Lạc!”. Rồi Đại sư bảo đại chúng luân phiên niệm Phật. Ngày 17, giờ Thân, Đại sư nói với đại chúng rằng: “Hôm qua tôi thấy Văn Thù, Quan Âm và Thế Chí ba vị Bồ Tát, bây giờ lại được Đức Phật tự thân đến tiếp dẫn. Tôi đi đây!”. Nói xong, Đại sư đoan tọa xoay mặt về hướng Tây nói: “Xưng một câu hồng danh thời thấy đặng một phần tướng hảo!”. Dứt lời, Đại sư kiết ấn mà tịch. Thọ 70 tuổi, Tăng lạp 49. Giờ Đại sư viên tịch, cả chúng đồng nghe mùi hương lạ ngào ngạt. Đề lộ khánh 7 ngày, thi thể Đại sư sắc mặt tươi như sống, tóc bạc biến thành đen. Lúc trà tỳ, đặng hơn trăm hột xá lợi.

LỜI PHỤ.- Trong các tông về Đại thừa, Thiền tông xưng là “Trực chỉ chơn tâm, kiến tánh thành Phật” cũng tự gọi là “giáo ngoại biệt truyền”. Trong 11 vị Tổ Sư của Tịnh độ tông, hết 6 vị nguyên là Thiền sư chánh truyền: Tam Tổ Thừa Viễn Thiền sư, Lục Tổ Vĩnh Minh Thọ Thiền sư, Bát Tổ Phật Huệ Thiền sư, Cửu Tổ Ngẫu Ích Thiền sư, Thập Tổ Tĩnh Am Thiền sư, Thập Nhứt Tổ Triệt Ngộ Thiền sư. Các ngài ấy từ Thiền qua tu Tịnh, hoàng dương pháp môn Tịnh độ. Tại sao các ngài không hoàng thiền mà trở lại hoàng tịnh? Có hai nguyên nhân³¹:

1.- Trực chỉ thiền chỉ lợi cho bậc Thượng thượng căn, còn bậc Trung và Hạ khó đại triệt đại ngộ được. Không bằng Pháp môn niệm Phật phổ lợi ba căn: bậc Thượng căn chứng lý nhứt tâm cao siêu Thượng phẩm, bậc tối Hạ căn chuyên niệm cũng được đởi nghiệp vãng sanh. Đã được vãng sanh liền dự Thánh chúng, liền thấy Di Đà, liền gần Bồ Tát, lo gì không đại ngộ đại triệt. Vì sự lợi ích hẹp (thiền) và rộng (tịnh) như thế, nên các ngài mới cực lực dạy người khuyên người đồng tu Tịnh độ, để ai ai cũng đều được lợi ích một cách chắc chắn.

2.- Minh tâm kiến tánh phải là bậc Thượng căn đại trí. Dầu đã được ngộ triệt, nhưng vô minh phiền não cùng nghiệp tập từ vô lượng kiếp đến nay, không phải nhứt đán mà sạch được. Nếu hoặc nghiệp còn chùng mảy tơ, vẫn y nhiên ở vòng sanh tử, một mai cách âm (bỏ thân này thọ thân khác) khó bảo đảm không mê. Nếu được ngộ triệt mà được vãng sanh thời thẳng đường thành Phật. Vì muốn bảo đảm cho sự giác ngộ nên các ngài đã ngộ thiền bèn gồm tu tịnh, cầu sanh Cực Lạc.

Không phải riêng gì các vị Thiền sư trên đây, còn nhiều vị Thiền sư khác, và nhiều Tổ sư trong các tông khác: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Duy Thức v.v... đồng hồi hướng Tịnh độ, đồng dẫn người về Tịnh độ, mà chúng ta sẽ được xem lược sử của các ngài ở tập sau.

Ôi! Cực Lạc Tịnh Độ khác nào biển cả: nghìn muôn sông lạch đều chảy dồn về, thượng Thánh hạ phàm một lòng xu hướng.

Chúng ta, những người lập chí “thượng cầu hạ hóa”, những người có nguyện “độ mình độ người” phải nên sớm dùng “tín sâu”, “nguyện thiết”, “chuyên trì Phật hiệu” để được vãng sanh, để dự Thánh chúng, để trụ bất thoái, để thành Bồ-đề, để độ chúng sanh, đồng thành Phật đạo.

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm tịnh Phật độ

Cùng pháp giới chúng sanh
Đồng sanh Cực Lạc quốc

HÂN TỊNH
Ngày Phật Đản PL. 2497 (1953)

---o0o---

CHƯƠNG THỨ TÁM - TỨ CHÚNG VÃNG SANH TRUYỆN

Tịnh Độ châu sa giới
Vân hà độc lễ Tây ?
Đản năng hồi nhứt niệm
Xúc xứ thị Bồ-đề !

---o0o---

Quan Âm Đại Sĩ

... Thuận theo lời dạy của Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật mà đến ra mắt Đức Từ Phụ A Di Đà Phật. Rồi thể theo chí nguyện của Đức Từ Phụ mà trở lại phụ trợ Đức Bổn Sư. Không rời Cực Lạc mà khắp đến mười phương, ngồi an trên liên đài mà phân thân Pháp giới.

Từ khi hai Đức Giáo chủ lập pháp đến nay, những người đã được như thể đông nhiều như số cát sông Hằng...

---o0o---

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN TỰ **TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ NHỨT**

A 1 - CHỮ SỰ TĂNG

I - TRÍ NGHỊ ³²

Trí Nghị Đại sư họ Trần, tự Đức An, người Tàn Xuyên. Thân mẫu mơ thấy khói thơm năm màu phủ thân mình mà có thai. Giờ sanh ngài, cả nhà

thoạt sáng rực. Mắt ngài có con ngươi đôi. Từ bé, lúc nằm bao giờ ngài cũng nghiêng về hông bên mặt, lúc ngồi bao giờ cũng xếp bằng và xoay mặt về hướng Tây. Lớn lên, hề gặp tượng Phật, tượng Bồ Tát, ngài liền đánh lễ, còn gặp Sư Tăng, ngài liền cung kính.

Năm 18 tuổi, ngài xuất gia tại chùa Quả Nguyên ở Tương Châu. Ngài thông Luật tạng, tụng Kinh Pháp Hoa, thích ngồi thiền.

Ít lúc sau, ngài đến núi Đại Tô ở Quang Châu tham lễ Huệ Tư Thiền sư³³. Thiền sư vừa thấy ngài liền nói : “Lúc Đức Phật còn tại thế, ông và ta đồng dự hội Pháp Hoa. Do túc duyên ấy nên nay ông tìm đến ta”. Thiền sư liền dạy ngài môn “Pháp Hoa Tam muội” và giảng “Tứ an lạc hạnh”³⁴. Ngài bèn ở lại núi này mà tu Pháp Hoa Tam muội. Vừa được ba đêm, khi tụng đến câu “Thị chơn tinh tấn danh chơn pháp cúng dường Như Lai” trong phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Nguyên, thân tâm ngài bỗng rộng rang tịch tịnh mà nhập định, chiếu suốt Pháp Hoa, thấu rõ các pháp tướng, được Huệ Tư Thiền sư ấn khả.

Năm Quang Đại triều Trần, ngài đến Kim Lăng ở chùa Ngõa Quan rộng truyền pháp môn tu thiền. Năm Đại Kiến, ngài qua núi Thiên Thai tại Lâm Hải cát am mà ở. Không bao lâu ngài lại phụng chiếu trở về Kim Lăng.

Nhà Trần mất, ngài đi qua Lô Sơn và các xứ Kinh Châu, Dương Châu.

Năm Khai Hoàng triều Tùy, ngài trở lại Thiên Thai.

Trước sau ngài dựng 36 cảnh chùa, đúc tám mươi vạn (800.000) tượng Phật đồng. Dích thân ngài độ được 14.000 vị Tăng. Ngài mua những hào, rạch, đầm, sông hơn 60 chỗ để làm nơi phóng sanh. Ngài dâng biểu lên triều đình ra bằng nghiêm cấm việc bắt cá, chim... Thật là, mọi người đều quy ngưỡng, Long Thiên đều kính trọng, tông Pháp Hoa từ đó rất thịnh hành. Tấn Vương thọ giới Bồ Tát với ngài, rồi phụng hiệu là Trí Giả.

Ngài có trú tác bộ “Tịnh Độ Thập Nghi Luận”, ở chương cuối nói về hai nghĩa Hân và Yêm : Người muốn được sanh Cực Lạc thế giới nếu đủ cả hai hạnh sau đây thời chắc chắn vãng sanh.

A.- Hạnh nhàm lìa trước ác

B.- Hạnh ưa thích Tịnh Độ

A.- Hàng phàm phu từ vô thi tới nay, bị cảnh ngũ dục lôi kéo nên luân hồi mãi trong vòng sanh tử chịu đủ điều khốn khổ, nếu không sanh lòng nhàm lia vật dục thời không sao giải thoát được. Nên thường quan sát thân người là một bọc máu mủ phần dãi, đủ thứ hôi thối dơ dáy. Kinh Niết Bàn nói : “Cái thân này như thế, giống quỷ dữ ngu si thường ở luôn trong đó. Có ai là người trí mà lại ưa thích nó...”. Kinh lại nói : “Thân này là chỗ họp của mọi điều khốn khổ, toàn thể đều dơ thối, là cội gốc của tai hại. Nhấn đến thân thể của chư Thiên cũng đều như vậy cả”.

Người tu hành, ngày đêm thường quán sát thân thể là khô, là dơ, không chút chi vui, không một mảy sạch, lòng rất nhàm ghét. Nếu người ở nơi sự dâm dục chưa đoạn hẳn được phải quán sát bảy cách như vậy :

1.- Xét nghĩ thân dâm dục này là từ nơi vọng niệm tham ái mà sanh, đó là **chủng tử như nhóp**.

2.- Do tinh cha huyết mẹ hiệp lại mà thành, đó là **thọ sanh như nhóp**.

3.- Nhiều tháng ở trong tử cung của đàn bà, đó là **chỗ ở như nhóp**.

4.- Lúc ở trong thai chỉ ăn huyết của mẹ, đó là **ăn đồ như nhóp**.

5.- Khi đủ ngày từ nơi cửa mình của đàn bà mà chui ra, đó là **lúc sanh như nhóp**.

6.- Xem kỹ thân này, dưới lớp da mỏng chỗ nào cũng là những máu mủ đồ dơ, đó là **toàn thể như nhóp**.

7.- Sau khi chết, thân này sẽ sinh rã thối hôi, đó là **rốt ráo như nhóp**.

Xem xét thân mình cực kỳ như nhóp như thế, thời xét nghĩ thân người khác cũng như vậy. Nếu có thể thường có quan niệm như nhóp như trên, thời vọng niệm dâm dục lần lần yếu bớt. Và nên phát nguyện : Nguyện tôi mau thoát khỏi tấm thân máu mủ nhóp nhúa trong vòng sanh tử khốn khổ này, mà được thân kim cương thanh tịnh an vui nơi Tịnh Độ.

B.- Hạnh ưa muốn Tịnh Độ có hai điều :

I.- Ý nghĩa cầu vãng sanh : Người cầu sanh Tịnh Độ chính vì để cứu vớt tất cả chúng sanh. Tự xét như vậy : “Tôi hiện nay không có đạo lực tự tại, nếu ở nơi cõi trước ác này thời cảnh nhiễm ô quá mạnh, tự mình phải bị

nghiệp chường ràng buộc xoay lẫn trong lục đạo luân hồi nhiều đời nhiều kiếp như thời gian quá khứ, biết lúc nào thoát khỏi, làm sao cứu khổ cho chúng sanh được ! Vì vậy nên tôi cầu sanh về Tịnh Độ để được gần gũi bên Phật, sau khi chúng Vô sanh Pháp nhãn rồi mới kham vào cõi trước ác hóa độ mọi loài”. Vãng Sanh Luận nói : “Người phát Bồ-đề tâm chính là tâm muốn thành Phật, tâm muốn thành Phật chính là tâm muốn độ sanh, tâm muốn độ sanh là tâm mong nhiếp lấy chúng sanh sanh về cõi Phật...”. Bồ-đề tâm này do đâu mà thành tựu ? Cần phải do sanh về Tịnh Độ, ở gần bên Phật mau chúng Vô sanh nhãn rồi vào cõi sanh tử cứu độ chúng sanh, trí và bi gồm đủ, tự tại vô ngại, chính đó là tâm Bồ-đề.

II.- Tu trì tịnh nghiệp : Người có lòng ưa muốn về Tịnh Độ nên tưởng nhớ thân tướng của Đức Phật A Di Đà : 84.000 tướng tốt, mỗi tướng tốt có 84.000 tùy hình hảo, mỗi tùy hình hảo phóng ra 84.000 tia sáng chiếu khắp pháp giới nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Lại quan sát cõi Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm như trong Quán Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh v.v... Nên thường tu “Niệm Phật Tam muội” và thực hành những điều lành như : lễ Phật, tụng kinh, cúng dường, sám hối, trì giới, bố thí, phóng sanh v.v... luôn luôn đều hồi hướng cầu được sanh về Cực Lạc thế giới. Được như vậy thời quyết định vãng sanh...

Cơ duyên giáo hóa đã mãn, Đại sư qua chùa Thạch Thành ở Việ Đông nói với đệ tử rằng : “Tôi sẽ từ giả cõi đời tại chùa này !”. Ngài bảo kê giường hướng về Tây phương rồi chuyên niệm A Di Đà Phật với Bát Nhã và Quan Thế Âm. Ngài lại bảo thị giả thắp hương đèn, ngài xướng to đề Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Kinh. Xướng đề Kinh xong, ngài tán thán rằng : “Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh Độ, ao sen đài báu dễ đến mà không người. Kẻ ác, tướng địa ngục đã hiện, ăn năn niệm Phật còn đặng vãng sanh, huống là người giới huệ huân tu Thánh hạnh, quyết chắc công phu không luống uổng vậy”. Các đệ tử thưa rằng : “Chẳng biết Đại sư chứng bậc nào ? Sau khi bỏ thân này sẽ sanh về đâu ?”. Ngài đáp : “Nếu ta không bận việc chung, tất được bậc “lục căn thanh tịnh”, vì tôn mình lợi người nên chỉ được bậc “ngũ phẩm”³⁵. Các thầy bạn của ta hiện theo đức Quan Thế Âm và Đại Thế Chí đồng đến rước ta”. Dứt lời, Đại sư ngò kiết già mà tịch, an nhiên như nhập thiền định. Thọ 67 tuổi. Bấy giờ là ngày 24 tháng 11, năm Khai Hoàng thứ 17, triều Tùy.

Ông Thích Huệ Diên ở chùa Thiên Hương hay tin Đại sư viên tịch, buồn nhớ lắm. Ông muốn biết Đại sư hiện ở đâu, mới phát nguyện tả Kinh Pháp Hoa để cầu minh ứng. Đêm đến, ông Diên mơ thấy Trí Giả Đại sư ngò tòa

sen báu theo sau đức Quan Thế Âm, từ phương Tây bay đến, ngó ông mà bảo rằng : “Ông đã hết nghi ngờ chưa ?”.

Ngoài ra Đại sư hiện rất nhiều việc linh cảm tương tự như việc trên đây.

Trích ở những bộ : **Tục Cao Tăng Truyện**

Phật Tổ Thống Kỷ, Tịnh Độ Thập Nghi Luận

LỜI PHỤ.- Trí Giả Đại sư, Sơ Tổ của Pháp Hoa tông, người thủ truyền viên chỉ “nhứt tâm tam quán, nhứt niệm cụ vạn hạnh”. Đại sư thân chứng Pháp Hoa Tam muội, hoằng truyền tông chỉ Pháp Hoa, lấy Tịnh độ làm quy túc, và chính Đại sư vãng sanh Cực Lạc. Vì thế nên các bậc tôn túc trong tông Pháp Hoa noi gương Đại sư, cực lực hoằng truyền Tịnh độ, phổ khuyến chúng sanh đồng tu niệm Phật, đồng sanh Cực Lạc.

---o0o---

II - ĐÀM LOAN

Đàm Loan Pháp sư, người Nhạn Môn, thuở niên thiếu đi viếng núi Ngũ Đài, được thấy nhiều cảnh linh dị, phát lòng tin mà xuất gia. Đọc Kinh Đại Tập thấy lời cùng ý đều thâm mật, ngài mới ra công chú thích. Vừa được nửa bộ, ngài mang bệnh nặng, thuốc men đủ cả mới được lành. Ngài tự than rằng : “Mạng người mỏng manh chết mất trong sớm tối ! Tôi nghe các vị Tiên trường sanh thường có nơi thế gian. Trước luyện thuật trường sanh, sau tu học Phật pháp cũng được như vậy !”. Ngài qua Giang Nam khấn cầu tiên thuật nơi ông Đào Ân Cư, một nhà tu tiên chánh truyền. Ông Đào truyền cho mười quyển kinh Tiên, ngài hơn hở mang về, cho rằng Thần Tiên có thể thành. Đến Lạc Dương gặp Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi, ngài bạch hỏi : “Trong Phật giáo có phương pháp trường sanh bất tử hơn kinh Tiên này chăng ?”. Tam Tạng Pháp sư đáp : “Xứ này làm gì có pháp trường sanh bất tử ! Tu Tiên dầu được sống lâu, nhưng rồi cũng phải luân hồi, đâu đủ quý báu. Về trường sanh bất tử chỉ trong Phật pháp ta có thôi !”. Pháp sư trao cho ngài quyển Quán Kinh mà bảo rằng : “Tu học theo đây thì không còn sanh vào chốn luân hồi sanh tử nữa, tất cả họa phước thanh suy đều không chi phối được. Luận về sự sống lâu, hằng hà sa kiếp số cũng không sánh kịp. Đây là pháp trường sanh rốt ráo của nhà Phật ta đây !”. Ngài Đàm Loan mừng lắm, bèn đốt kinh Tiên mà chuyên tu tịnh nghiệp, ngài đem chỗ tự tu giáo hóa mọi người rất được rộng lớn. Ngài soạn 12 bài kệ lễ Tịnh Độ nối theo kệ của Long Thọ Bồ Tát³⁶, ngài có trứ tác bộ “An Lạc Tập” 2 quyển,

lưu truyền trong đời. Vua triều Ngụy rất trọng kính ngài, phụng hiệu là “Thần Loan Pháp sư”, và thỉnh ngài trụ trì chùa Đại Tự ở Tinh Châu. Về sau ngài qua trụ chùa Huyền Trung ở Vân Châu.

Năm Hòa Hưng thứ 4, đêm nọ, có một vị Thánh Tăng hiện ra nói với ngài rằng : “Tôi là Long Thọ đây. Tôi về Tịnh Độ đã lâu, vì ông đồng chí nên tôi đến thăm”.

Ngài biết trước giờ viên tịch, vẫn tập đại chúng lại mà bảo rằng : “Sống chết nhọc nhằn biết ngày nào dứt. Sứ thống khổ trong tam đồ phải biết lo sợ, chín phẩm Tịnh nghiệp phải gắng siêng tu !”. Rồi ngài bảo hàng đệ tử to tiếng niệm Phật, còn ngài thì xoay mặt về hướng Tây rập đầu cúi lạy mà tịch. Lúc đó, tất cả người tại chùa đồng thấy tràng phan, bảo cái từ phía Tây bay đến, khắp trời vang tiếng nhạc du dương lâu lắm mới dứt.

Triều đình được tin, truyền xây tháp dựng bia ở Văn Cố (Sơn Tây).

Trích ở các bộ : **Tục Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại**

LỜI PHỤ.- Thiên Tiên được sống lâu nên được tạm gọi là trường sanh, còn gọi là bất tử thời không phải, vì tiên vẫn là phàm phu trong vòng sanh tử luân hồi trong tam giới³⁷. Và lại người tu Tiên rất chướng ngại đạo giải thoát. Vì luân hồi gốc nơi “ngã chấp”, ngã chấp từ nơi mến thân mà có, nên trên đạo giải thoát bắt đầu từ quan niệm nhàm thân, có nhàm thân mới có hết ngã chấp, ngã chấp hết mới thoát khỏi luân hồi. Do đây nên trong Phật pháp rất chú trọng đến các vấn đề : quán thân như nhớp, là gốc khổ, là vô thường, là không tự thể... Người tu Tiên trái ngược lại, rất mến thân, nên những cách tu luyện của họ cốt yếu là giữ thân máu thịt này cho trường tồn, mến thân là ngã chấp và ngã sở, đó là kiên cố cội gốc sanh tử luân hồi.

Thần Loan Pháp sư nghe một lời khai thị liền đốt bỏ kinh Tiên mà chuyên tu Phật đạo, phải chăng là túc căn tham hậu khiến nên, hay là do chánh trí của ngài thấu tỏ !

---o0o---

III - ĐẠO XƯỚC

Đạo Xước Thiên sư họ Vệ, người Tinh Châu, năm 14 tuổi, ngài xuất gia học tập Kinh luận. Ngài theo học thiền với Toản Thiên sư. Về sau ngài trụ trì chùa Huyền Trung ở Văn Thủy, ngôi chùa của Đàm Loan Pháp sư khai sơn.

Ngài ham mộ hạnh Tịnh độ của Đàm Loan Pháp sư nên chuyên tu Tịnh nghiệp : ngồi thường xoay mặt về hướng Tây, sáu thời lễ Phật, tâm tưởng không rời Tịnh độ, ngày đêm niệm Phật bảy vạn câu.

Có một Sư Tăng nhập định xuất thần du Tịnh Độ, thấy Đạo Xước Thiên sư ngồi tay cầm chuỗi, thân to lớn tỏa ánh sáng như một tòa núi vàng. Ngoài ra còn rất nhiều thoại ứng khác kể không xiết.

Ngài giảng dạy Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh gần 200 bản. Thính giả gồm cả Tăng và tục, tay đều cầm chuỗi miêng niệm Phật như tiếng sóng biển. Mỗi khi giảng Kinh xong, lúc giải tán, tiếng niệm Phật vang cả rừng, cả đường.

Ngài có trứ tác bộ **Tịnh Độ Luận** hai quyển, lời cùng nghĩa đều thiết yếu, người thời ấy rất trọng.

Năm Trinh Quán thứ 2 nhà Đường, giữa lúc giảng Kinh, cả chúng đều thấy Đàm Loan Pháp sư ngồi trên tòa thất bảo gọi Đạo Xước Thiên sư mà nói rằng : “Đền báu của ông ở Tịnh Độ đã hoàn thành, chỉ còn thân thừa chưa mãn đây thôi !”. Đồng thời mọi người thấy Hóa Phật ngự trên hư không, thiên hoa rưới xuống. Cả chúng đều hân ngưỡng và khen lạ.

Từ ngày ấy trở đi, sự hoằng hóa của Thiên sư càng phấn chấn hơn. Tăng và tục ở bốn phương về quy kính mỗi ngày thêm đông. Năm 82 tuổi, ngài viên tịch.

Bấy giờ Thượng tọa Thích Đạo Phủ, bạn thân của Thiên sư, được tin Thiên sư đã viên tịch, bèn nói với mọi người rằng : “Tôi thường hẹn sẽ về Tịnh Độ trước ông, không ngờ nay lại trễ sau. Tôi chỉ gia công thêm một hơi thời theo kịp ông”. Nói xong Thượng tọa liền nghiêm chỉnh y áo, đến trước tượng Phật kính lễ rồi đoan tọa mà tịch.

Trích ở các bộ : **Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Ký**

---o0o---

IV - TĂNG HUYỀN

Tăng Huyền Hòa thượng, người Tinh Châu, Hòa thượng thâm đạt Thiên tông, thông giáo lý, giải cùng hạnh đều trọn đủ. Năm 96 tuổi, thấy Đạo Xước Thiên sư giảng Quán Kinh cùng trứ tác Tịnh Độ Luận, Hòa thượng

mới hồi tâm lo niệm Phật. Sợ rằng tuổi đã quá già sống không còn bao lâu, nên Hòa thượng tu Tịnh nghiệp rất chuyên cần : mỗi ngày lễ Phật một nghìn lạy, niệm Phật chín vạn câu, luôn như vậy trọn 5 năm không một ngày thiếu trễ.

Một hôm nhuốm bệnh nhẹ, Hòa thượng hội đệ tử lại mà bảo rằng : “Đức A Di Đà Phật trao cho ta chiếc áo thơm đẹp, Quan Thế Âm và Đại Thế Chí cùng Thánh chúng đều đứng trước ta, vô số Hóa Phật chập cả hư không. Ai nấy ở lại gắng tu. Ta xin đi !”. Dứt lời, Hòa thượng liền tịch. Mùi thơm lạ ngào ngạt trọn bảy ngày mà chưa tan.

Bấy giờ có Khải Phương Pháp sư và Viên Quả Pháp sư mục kích Hòa thượng vãng sanh. Hai người đồng phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Đồng nhau đến chùa Ngô Chơn kiết thất ba tháng chuyên niệm A Di Đà Phật. Hai Pháp sư cùng bẻ một nhánh dương tươi, đem để trong tay tượng đức Quan Thế Âm, rồi đồng vái rằng : “Nếu chúng tôi sẽ được vãng sanh Cực Lạc, nguyện nhánh dương này không héo”. Qua sau bảy ngày, nhánh dương ấy càng xanh tươi hơn. Hai Pháp sư rất mừng, ngày đêm niệm Phật không ngớt. Năm tháng sau, một hôm đương lúc tịnh tọa, hai Pháp sư tự thấy mình lên ao báu, thấy đức Quan Thế Âm cùng Đại Thế Chí ngồi trên hai hoa sen lớn đẹp sáng. Kế thấy Đức A Di Đà từ phía Tây đi đến rồi ngự trên một hoa sen lớn nhất, thân Phật tỏa ánh sáng rực rỡ. Hai Pháp sư lễ Phật rồi bạch rằng : “Chúng sanh ở Ta Bà y theo lời dạy trong Kinh mà niệm Phật, không rõ có được sanh về đây chăng ?”. Phật dạy : “Đừng nghi ! Quyết định sanh về cõi nước của Ta”. Hai Pháp sư lại nghe văng vẳng tiếng của Thích Ca Mâu Ni Phật cùng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát tán thán Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trên thềm báu thấy có rất đông người, bảo là người ở Ta Bà niệm Phật mà được sanh về vậy.

Sau khi xuất định, Khải Phương, Viên Quả hai Pháp sư thuật lại với hàng đệ tử của các ngài.

Trích ở bộ : **Tổng Cao Tăng Truyện**

---o0o---

V - KHẢ CỬU

Sư Khả Cửu người Minh Châu, chuyên tụng Kinh Pháp Hoa cầu sanh Cực Lạc. Người thời ấy gọi Sư là Cửu Pháp Hoa.

Năm Nguyên Hựu triều Tống, Sư đoan tọa mà tịch, thọ 81 tuổi. Ba ngày sau, Sư sống lại bảo người rằng : “Tôi đến Tịnh Độ thấy cảnh giới trang nghiêm thanh tịnh đúng như trong Kinh đã thuật. Người ở đây tu tịnh nghiệp trên đài hoa đã nêu tên sẵn. Tôi thấy một kim đài nêu tên Huân Công ở Quảng Giáo viện tại Thành Đô, một kim đài nêu tên Tôn Thập Nhị Lang ở Minh Châu (ông Tôn Trung), một kim đài nêu tên Khả Cửu, một ngân đài nêu tên Từ Đạo Cô ở Minh Châu”. Dứt lời Sư liền nhắm mắt. Năm năm sau, Từ Đạo Cô mất mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. 12 năm sau ông Tôn Trung vắng sanh, thiên nhạc đến rước. Lời của Sư Khả Cửu đều nghiệm.

Trích trong bộ **Tịnh Độ Văn**

---o0o---

V B - HAI SA DI

Ở Văn Châu có hai ông Sa di đồng niệm Phật được năm năm. Một hôm ông lớn chết, thần thức đến Tịnh Độ lễ Phật mà bạch rằng : “Con còn một người bạn đồng tu, chẳng biết rồi được sanh về đây chăng ?”. Phật dạy : “Lúc trước, nhờ ông Sa di nhỏ ấy khuyên ông, nên ông mới phát tâm niệm Phật. Nay ông trở về gắng tu tịnh nghiệp thêm. Ba năm sau hai người sẽ đồng đến nơi đây”.

Ông Sa di lớn sống lại thuật chuyện gặp Phật với ông Sa di nhỏ và mọi người. Từ đó hai ông càng chuyên cần tu niệm.

Ba năm sau, cả hai ông đồng thấy Phật và Thánh chúng từ phương Tây đến. Khắp đại địa rung động, hoa trời bay rưới. Hai ông đồng thời vắng sanh.

Trích trong bộ **Phật Tổ Thông Kỹ**

LỜI PHỤ.- Đại Thế Chí Bồ Tát nói : “Tương Phật niệm Phật, hiện tiền và tương lai quyết định thấy Phật”. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát cũng từng bảo : “Nếu người chuyên niệm Phật được nhứt tâm, hiện tiền cũng thấy Phật”. Việc thấy Phật và được Phật dạy của hai Pháp sư, hai Sa di chính là minh chứng.

Luôn nhớ Phật đó là Phật tâm, thấy Phật đó là Phật cảnh. Phật cảnh tùy Phật tâm mà hiện. Tâm và cảnh vốn không hai, cảm ứng đạo giao duy tâm tự

hiện. Muốn thấy Phật cảnh phải do Phật tâm, muốn thành Phật tâm phải chuyên niệm Phật.

---o0o---

VI - QUÁN ĐÁNH

Quán Đánh Đại sư họ Ngô, người Lâm Hải. Vừa sanh được ba tháng, ngài đã xưng được Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Năm lên bảy tuổi, ngài xuất gia ở chùa Nhiếp Tĩnh.

Năm Chí Đức triều Trần, ngài bảm thọ pháp môn Chỉ quán với Trí Giả Đại sư tại chùa Tu Thiền, tu tập ít lâu liền được Trí Giả Đại sư ấn khả, bèn theo làm Thị giả. Phàm khi nghe giảng Kinh pháp nào, ngài đều thông thuộc tất cả.

Sau khi Trí Giả Đại sư viên tịch, ngài tuyên dương giáo pháp Thiên Thai tông và siêng tu định huệ. Mỗi khi ngài đoan tọa tụng Kinh, thường có thiên hoa bay rớt bên mình ngài. Một hôm đương lúc ngài giảng Kinh Niết Bàn tại chùa Nhiếp Tĩnh, có giặc cướp kéo đến toan đánh cướp chùa. Cửa chùa bỗng hiện cờ xí rợp đất và vô số thần binh mình cao hơn trượng. Giặc cướp kinh hãi tan chạy.

Năm Trinh Quán thứ 6, ngày mùng 7 tháng Tám, trong thất của ngài có mùi hương lạ, ngài kêu các đệ tử đến mà bảo rằng : “Tôi sắp vãng sanh !”. Ngài bỗng đứng dậy chấp tay cung kính như có Phật, Bò Tát đến, miệng thời niệm to Nam mô A Di Đà Phật ba lần, nét mặt hớn hở, ngài lên giường nằm xoay mặt về hướng Tây mà tịch. Thọ 72 tuổi. Cả ngày đỉnh đầu vẫn âm luôn.

Trích ở bộ : **Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thông Kỳ**

---o0o---

VII - PHÁP TRÍ

Pháp Trí Đại sư, đồng niên xuất gia, các nơi khai giảng Kinh luận ngài đều đến tham học. Về sau nghe pháp môn thành Phật mau tất không môn nào qua môn niệm Phật, ngài nói với người rằng : “Tôi thấy Kinh nói phạm một kiết-la (tội nhỏ) phải đọa địa ngục một trung kiếp, thời tôi tin. Tôi lại thấy Kinh nói chí tâm xưng niệm A Di Đà Phật một câu diệt được tám mươi

ức kiếp tội lớn, thời tôi chưa tin được”. Có một Tôn túc quả rằng : “Ông là đại tà kiến, đều là lời Phật cả sao lại chẳng tin !”. Một câu khai thị ấy rửa sạch lòng nghi của Đại sư, ngài đến đài Đâu Suất tại chùa Quốc Thanh ngày đêm tinh tấn niệm Phật, cảm Quan Thế Âm và Đại Thế Chí hai vị Bồ Tát hiện thân. Một hôm khác lại cảm thiên quan của đức Quan Thế Âm và bửu bình của đức Đại Thế Chí phóng quang chiếu đến thân ngài.

Một ngày kia, Đại sư từ giả đại chúng rằng : “Tôi sắp sửa vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, quý vị lấy gì để tiễn biệt tôi !”. Đại chúng Tăng và tục hẹn ba ngày sau họp tại chùa làm tiệc chay để đưa Đại sư. Đến kỳ, sau khi thọ trai xong, nhiều người ở lại chùa để chờ xem. Đến nửa đêm, Đại sư ngồi kiết già trên giường niệm Phật an nhiên mà tịch. Lúc đó ánh sáng màu huỳnh kim từ phương Tây xẹt đến chiếu sáng cả trăm dặm. Người ở những thuyền đậu trên sông đều ngỡ là trời sáng, nào ngờ lúc đó mới vừa quá nửa đêm. Do điềm sáng ấy, mọi người đều công nhận Đại sư thật được vãng sanh.

Trích ở những bộ : **Tổng Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

VIII - TRÍ DIỆM

Trí Diệm Pháp sư họ Châu tự Minh Sáng, người Ngô Quận. Năm lên tám, ngài xuất gia làm đệ tử của Cú Pháp sư ở chùa Thông Nguyên. Ngài đi tham học khắp các nơi rồi rộng truyền Kinh luận. Nhà Trần mất, ngài về Hồ Khưu ở tọa thiền 30 năm³⁸. Sau vì nạn chiến tranh nên lại phải di cư.

Năm Võ Đức thứ 7, nhà Đường, quan Tổng quản Tô Châu, ông Lý Thế Gia, rước ngài về Hồ Khưu. Từ đây ngài chuyên tu tịnh nghiệp. Mỗi tháng họp những pháp lữ đồng chí hơn 500 người đến chùa niệm Phật, luôn hơn 10 năm không sai sót. Tháng 10, năm Trinh Quán thứ 8, ngài thoát thấy một Thánh Tăng tay cầm cái bình báu sáng chói đến trước ngài mà nói rằng : “Tôi là Vô Biên Quang. Ngày sau ở Tịnh Độ gọi là Công Đức Bửu Vương, chính là tôi đây !”. Sau khi Thánh Tăng biến đi, ngài bảo đại chúng rằng : “Vô Biên Quang là Đại Thế Chí Bồ Tát, còn Công Đức Bửu Vương là Phật hiệu của Ngài ở tương lai. Duyên Tịnh Độ đã thực, tôi sẽ về Tây phương !”. Đến tối ngài ngồi kiết già mà tịch thọ 71 tuổi³⁹.

Trích ở các bộ : **Phật Tổ Thống Kỳ, Hồ Khưu Chí**

---o0o---

IX - ĐẰNG QUÁN

Đặng Quán Thiên sư họ Tôn, người Phú Dương. Ngài bảm thọ pháp môn tâm quán với Trí Giả Đại sư, rồi ở Thiên Thai tu thiền quán và thường tụng Kinh Pháp Hoa. Mùa Đông năm Trinh Quán thứ 9, chùa Pháp Nhãn ở Du Hàng thỉnh ngài giảng Kinh. Mừng một tháng Giêng năm sau, có người mặc sắc phục nhà vua đến chùa bạch cùng ngài : “Đệ tử là thần miếu Kiếu Đình. Tháng trước Sư đi ngang qua miếu, nhằm lúc đệ tử mắc đi tuần du nên không dịp tiếp rước. Hôm nay đệ tử đến đây để cầu giới pháp”. Ngài bèn lên hương đèn mà truyền giới Bồ Tát cho Thần. Thọ giới xong, Thần lễ tạ mà lui về. Qua giữa nửa đêm sau, ngài tắm rửa thay áo, ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, to tiếng niệm Tây phương Tam Thánh và hiệu của Trí Giả Đại sư. Đại chúng họp đến vây quanh, ngài giảng rành rẽ pháp nhứt tâm tam quán. Giảng xong, ngài vẫn ngồi yên tại chỗ mà tịch.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

X - ĐỨC MỸ

Đức Mỹ Đại sư, họ Vương, người Thanh Hà, xuất gia năm 16 tuổi, nghiêm trì giới luật, mỗi ngày chuyên cần lễ sám. Ngài thường tụng Kinh “Vạn Ngũ Thiên Phật Danh”. Năm Đại Nghiệp, ngài trụ chùa Huệ Linh ở Kinh Sư, tổ chức những việc phước thiện, được rất nhiều sự cảm ứng.

Năm Võ Đức, ngài về ở chùa Hội Xương, lập Sám Hối đường ở phía Tây chùa để làm chỗ tu “Bát chu Tam muội”, trọn một hạ không ngồi⁴⁰.

Có lúc vì ngăn sự lỗi nơi miệng, nên cả ba năm ngài không nói chuyện. Có lúc thực hành hạnh Bất Khinh⁴¹, ngài kính lễ cả bảy chúng. Ngài đoạn tuyệt việc đời, chuyên tưởng Cực Lạc, chấp trì Phật hiệu trọn đời không hở.

Tháng Chạp năm Trinh Quán thứ 11, một hôm ngài mời đại chúng họp lại, dặn dò mọi người tinh tấn niệm Phật tu trì. Dặn xong, ngài chấp tay xướng hồng danh của Phật mà tịch, thọ 63 tuổi.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

B 1 - CHƯ' SƯ NI

I - HUỆ MỘC

Sư Ni Huệ Mộc họ Phó, năm 11 tuổi xuất gia ở chùa tại Tương Quận. Mỗi ngày cô tụng Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, thường thấy hiện rất nhiều sự linh dị, Ni cô từng mơ đến Tây phương, thấy trong ao bấu có nhiều hoa sen đẹp sáng chói, những người vãng sanh đều ngồi trên hoa. Ít lúc sau cô thỉnh thấy thọ giới Cụ túc. Lúc đương ở giới đàn, cô bỗng thấy trời đất biến thành màu huỳnh kim.

Một hôm, cô cùng chúng lễ A Di Đà Phật, cô mọp nơi đất rất lâu không trỗi dậy. Người đứng gần đập cô mà hỏi. Cô đáp : “Đương lúc mọp lay, tự thấy mình đến Cực Lạc thế giới, Đức Phật giảng Tiểu Phẩm Bát Nhã cho tôi nghe, vừa nghe được bốn quyển thời bị đập mà tỉnh dậy. Tôi lấy làm tiếc quá !”.

Năm Nguyên Gia thứ 14, triều Lưu Tống. Sư Ni Huệ Mộc vãng sanh có nhiều điềm tốt, thọ 69 tuổi.

Trích ở bộ **Pháp Uyển Châu Lâm**

---o0o---

II - PHÁP THẠNH

Ni Sư Pháp Thạnh họ Nhiếp, người Thanh Hà. Năm 70 tuổi xuất gia tại chùa Kiến Phước ở Kim Lăng. Cô bẩm tánh rất thông minh, từng nói với các pháp hữu Đàm Kinh, Đàm Ái rằng : “Tôi lập thân hành đạo, chỉ quyết về Tây phương Cực Lạc thế giới mà thôi”.

Năm Nguyên Gia thứ 16, ngày 27 tháng Chín, Ni cô đến dưới tháp lễ Phật, chiều ngày ấy nhuốm bệnh. Đến đêm 30 tháng Chín, cả chùa trong ngoài bỗng sáng rực như ban ngày. Ni cô bảo : “Đó là Đức A Di Đà Phật cùng Quan Thế Âm và Đại Thế Chí đến, nên sáng như vậy...” Dứt lời Ni cô yên lặng. Chúng lại gần xem, thì ra cô đã đi rồi. Thọ 72 tuổi, cô xuất gia mới được 2 năm.

Trích ở bộ **Tỳ Kheo Ni Truyện**

---o0o---

III - TỊNH CHƠN

Sư Ni Tịnh Chơn người thời nhà Đường, ở chùa Tích Thiện tại Trường An, nạp y không rời thân, luôn đi khát thực. Trọn đời cô tụng Kinh Kim Cang được mười vạn quyển. Hằng ngày cô rất siêng niệm Phật. Một hôm cô bảo các đệ tử rằng : “Trong năm tháng gần đây, tôi mười lần thấy Phật, hai lần thấy Thiên đồng chơi giỡn trên hoa sen báu. Tôi được vãng sanh bậc Thượng phẩm”. Nói xong, cô ngồi kiết già chấp tay mà tịch. Lúc ấy ánh sáng đẹp mắt tỏa sáng cả chùa rất lâu mới tắt.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

IV - PHÁP TẠNG

Sư Ni Pháp Tạng, người thời nhà Đường, ngụ ở Kim Lăng, ngày đêm siêng năng niệm Phật. Một đêm nọ, thấy quang minh của Phật và Bồ Tát chiếu sáng cả chùa, Sư Ni chấp tay yên lặng mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

C 1 - CHƯ' TÍN SĨ

I - BẢY VẠN NGƯỜI HỌ THÍCH

Thuở Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại khu rừng Ni Cư Đà trong nước Ca Tỳ La. Một hôm Đức Bổn Sư phái ngài Ca Lưu Đà Di qua giáo hóa Phụ vương, vua Tịnh Phạn. Ngài Ca Lưu Đà Di liền vận thần thông, ngồi kiết già bay trên hư không mà thẳng đến thành Ca Tỳ La, rồi giảng nói công đức của Phật cho Tịnh Phạn Vương nghe. Vua phát lòng kính tin, bèn dắt người trong họ Thích đến rừng lễ Phật.

Đức Phật giảng rộng nghĩa “Tam giải thoát môn”⁴² cho vua cha và người dòng Thích. Đức Phật lại dạy : “Tất cả pháp đều là Phật pháp”. Vua gạn :

“Nếu tất cả pháp đều là Phật pháp, thời lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đều là Phật cả”. Đức Phật giảng : “Nếu ở nơi chúng sanh mà không điên đảo nhận thấy đó chính là “Phật”. Gọi “Phật” tức là nhận thấy chúng sanh đúng như thật. Nhận thấy chúng sanh đúng như thật tức là thấy “Thật tế”⁴³. Thật tế chính là “pháp giới”. Tất cả pháp vốn vô sanh, đây là môn Đà-la-ni. Nên để tâm nơi pháp vô sanh này, đừng tin nơi khác !”.

Bấy giờ vua Tịnh Phạn và bảy vạn người họ Thích nghe Phật giảng dạy, đều tỏ ngộ chứng Vô sanh Pháp nhẫn. Đức Phật mỉm cười mà bảo rằng : “Người họ Thích có trí quyết định nên ở trong Phật pháp được mau an trụ vững vàng. Sau khi mãn thân người này, sẽ đặng vãng sanh Cực Lạc thế giới, hầu gần bên Phật A Di Đà, sớm thành tựu Vô thượng Bồ-đề”.

Trích **Kinh Bảo Tích**

---o0o---

II - SAI MA KIỆT

Trong thành Ca Tỳ La Vệ có ông Trưởng giả tử Sai Ma Kiệt đến lễ Phật mà bạch rằng : “Bồ Tát thực hành hạnh gì mà mau chứng quả Vô thượng Chánh giác, đủ các tướng hảo v.v... ?”. Đức Phật vì ông mà giảng những hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục... và sau cùng Đức Phật kết luận vô ngã, vô nhơn, như huyễn hóa. Nghe Phật giảng xong, ông Sai Ma Kiệt liền chứng đặng Vô sanh Pháp nhẫn. Trong pháp hội, 500 vị Tỳ kheo, 500 thanh tín sĩ và 500 thanh tín nữ đồng chứng bất thoái chuyển địa. Đức Phật thọ ký cho tất cả những người trên, khi mạng chung sẽ sanh về cõi nước thanh tịnh của Vô Lượng Thọ Phật ở Tây phương, sẽ thường hộ trì vô lượng Phật pháp, giáo hóa thành tựu vô số nhân dân làm cho đều được bậc bất thoái. Tu hành như vậy đến vô lượng hằng hà sa số kiếp về sau, sẽ ở nơi cõi này, theo thứ tự nối nhau mà thành Phật.

Trích trong **Bồ Tát Sanh Địa Kinh**

---o0o---

III - Ô TRẦN QUỐC VƯƠNG

Ô Trần Quốc vương rất mến Phật pháp. Một hôm Vương bảo các quan rằng : “Trẫm dầu ở ngôi vua hưởng phước, nhưng rồi cũng chẳng trốn khỏi số vô thường. Nghe Kinh nói cõi Tây phương Cực Lạc là nơi giải thoát, trẫm

phải phát nguyện cầu sanh về cõi ấy !”. Từ đó, ngày đêm sáu thời, nhà vua hành đạo niệm Phật. Thường khi trai Tăng, nhà vua cùng hoàng hậu đích thân dâng cơm nước cúng dường. Nhà vua tinh tấn tu hành như vậy ngót ba mươi năm. Đến lúc lâm chung, dung sắc nhà vua vui tươi và hiện rất nhiều điềm tốt.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

---o0o---

IV - LƯU TRÌNH CHI

Ông Lưu Trình Chi tự Trọng Tư, người Bành Thành. Cha khuất sớm, ông thờ mẹ rất hiếu, học thông kinh sử, rất giỏi về học thuyết Lão, Trang. Ông làm quan Tham quân nơi Bành Thành, vì tánh không thích chiều theo thời tục, mặc dầu các công Khanh nhiều phen tiến dẫn về triều, ông đều có từ.

Bấy giờ, Huệ Viễn Đại sư ở Lô Sơn tu niệm Phật Tam muội, ông nghe tiếng, đến Lô Sơn xin theo tu học. Đại sư hỏi : “Quan cao tước lớn sao lại bỏ đi ?”. Ông thưa : “Triều nhà Tấn không vững, quan to thời nhiều nạn, vả lại vô thường không định, đường sanh tử phải lo, nên tôi bỏ việc tục mà cầu đạo pháp !”.

Lưu Dĩ một danh nhơn thời ấy, tặng ông Lưu Trình Chi đức hiệu là Di Dân, để tiêu biểu tâm chí của ông Chi.

Đồng thời lại có các nhà danh sĩ thạc đức, như quý ông : Tông Xát, Lô Thứ Tông, Châu Tục Chi, Trương Dã, Trương Thuyên, Tất Tàn Chi, v.v... cùng rất đông Cao Tăng Đại đức đồng đến Lô Sơn. Huệ Viễn Đại sư lãnh đạo tất cả mọi người đến trước tượng Tây phương Tam Thánh đồng lập thế nguyện cùng tu tịnh nghiệp. Đó là hội niệm Phật đầu tiên ở miền Đông vậy.

Tuân lời Huệ Viễn Đại sư, ông Trình Chi soạn bài văn lập thế đồng tu Tịnh độ, đồng sanh Cực Lạc, đồng mong thành Phật, đồng độ chúng sanh mà chạm vào bia đá.

Ít lâu sau, ông Trình Chi qua bên khe phía Bắc Tây Lâm, cát riêng một tịnh thất để làm chỗ thiền quán niệm Phật. Ở thất được nửa năm, trong lúc nhập định, ông thấy quang minh của Đức Phật A Di Đà chiếu sáng mặt đất thành màu huỳnh kim. Mười lăm năm sau, đương lúc niệm Phật, ông thấy

Đức A Di Đà hiện kim thân, phóng quang chiếu mình ông. Ông liền đánh lễ mà bạch rằng : “Ngưỡng mong Đức Thế Tôn từ miễn xoa đầu con và lấy y trùm thân con”. Rồi ông rập đầu cúi lạy nơi chân Đức Phật. Đức Phật liền đưa tay vàng xoa đầu ông cùng kéo y vàng phủ trên mình ông.

Ít hôm sau, ông mơ thấy mình đến bên ao thất bảo, trong ao có vô số hoa sen lớn màu xanh và trắng, mặt nước đứng trong như lưu ly. Một người cao lớn, trên đầu có vàng sáng tròn, ngực bày chữ Vạn, chỉ nước ao mà bảo ông rằng : “Nước bát công đức đầy, ông uống đi !”. Ông vâng lời lấy tay bưng nước uống, nghe mùi rất thơm ngon, khoan khoái cả tâm thần. Sau khi ông tỉnh giấc, mùi thơm lạ từ lỗ chân lông tiết ra không dứt. Ông thuật chuyện lại với các bạn đồng tu và nói rằng : “Tôi, duyên về Tịnh Độ đã đến !”. Rồi ông cung thỉnh chư Tăng đến thất tụng Kinh Pháp Hoa. Còn ông thì thắp hương đối tượng Phật đánh lễ nguyện rằng : “Nhờ Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni con mới được biết Phật A Di Đà và Cực Lạc Tịnh Độ, nên hương này con thành tâm trước cúng dường Đức Bổn Sư, kế cúng dường Đức Từ Phụ A Di Đà Phật, sau cúng dường Kinh Pháp Hoa, vì nhờ công đức của Kinh này mà con được vãng sanh. Con nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng sanh Cực Lạc thế giới”. Nguyện và lạy xong, ông từ biệt mọi người rồi lên giường ngồi xoay mặt về hướng Tây mà tạ thế, thọ 59 tuổi. Bảy giờ nhằm năm Nghĩa Hy nhà Tấn.

Trích ở những bộ : **Đông Lâm Truyện, Xuất Tam Tạng Ký Tập**

---o0o---

V - DƯƠNG KIỆT

Dương Kiệt hiệu Vô Vi Tử, tự Thứ Công, người xứ Vô Vi. Năm Nguyên Phong, ông làm quan Thái Thường. Ban sơ ông mộ thiền, theo học với Thiệu Y Thiền sư, tham cứu cơ ngữ của Bàng cư sĩ. Một hôm ở Thái Sơn thấy mặt trời mọc như chiếc mâm đồng vọt lên, ông bỗng đại ngộ.

Năm Hy Ninh, mẹ mất, ông về nhà cư tang. Nhon được rảnh việc quan, ông chuyên đọc tạng Kinh, và cũng do đó mà ông kính ngưỡng Tịnh độ. Ông họa tượng A Di Đà Phật, đi đâu cũng mang theo để ngày đêm lễ niệm. Đời ông trú tác rất nhiều, tất cả văn phẩm đều chỉ quy Tịnh độ. Dưới đây là bài tựa bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận của ông soạn.

“Tịnh ái không nặng thời chẳng sanh Ta Bà, chánh niệm không thuần thời chẳng sanh Cực Lạc. Ta Bà là chỗ uế nhơ, Cực Lạc là nơi thanh tịnh.

Thọ mạng của người Ta Bà thời hữu hạn, người Cực Lạc sống lâu vô cùng. Nơi Ta Bà này đủ muôn vàn sự thống khổ, cõi Cực Lạc kia chỉ thuần hưởng những điều an vui. Ở Ta Bà, chúng sanh phải theo nghiệp mà luân hồi sanh tử, còn Cực Lạc, một khi được sanh về thời tất chúng Vô sanh Pháp nhẫn một đời thành Phật, nếu muốn độ sanh thời tùy nguyện tự tại, không bị nghiệp chướng buộc ràng. Sự nhớ ứề cùng thanh tịnh, khổ sở cùng an vui, già chết với trường tồn, luân hồi cùng giải thoát, sanh tử cùng tự tại... Hai cõi khác hẳn nhau rõ ràng mà người đời không biết không hay, thật đáng buồn thương.

A Di Đà Phật là đức cha lành nhiếp thọ chúng sanh về Tịnh Độ. Thích Ca Mâu Ni Phật là đáng thầy sáng chỉ đường về Cực Lạc. Quan Âm cùng Thế Chí là hai vị đại Bồ Tát giúp Phật độ sanh. Vì thế nên trong các Kinh giáo liễu nghĩa Đại thừa, luôn luôn có lời căn kẽ khuyên người phát nguyện vãng sanh.

Đức A Di Đà Phật cùng Quan Âm, Thế Chí ngồi thuyền đại nguyện đi trong biển sanh tử, chẳng neo bờ bên này, chẳng đậu bờ bên kia, cũng không dừng ở giữa dòng, chỉ lấy việc tế độ làm nhiệm vụ. Như trong Kinh Di Đà nói : “Nếu thiện nam tín nữ nào được nghe A Di Đà Phật rồi chấp trì danh hiệu từ một ngày đến bảy ngày nhưt tâm bất loạn. Lúc người đó lâm chung, Đức A Di Đà Phật cùng chư Thánh hiện thân ở trước người đó. Người đó lúc chết tâm không điên đảo, liền đặng sanh về Cực Lạc quốc độ...” Kinh Vô Lượng Thọ lại nói : “Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, nhớ tưởng cõi của tôi, tu các hạnh lành chí tâm hồi hướng cầu được sanh về cõi của tôi. Nếu chúng sanh đó không được toại nguyện thời tôi không ở ngôi Chánh giác”⁴⁴.

Thuở Bồn Sư tại thế, chính viện Vô Thường⁴⁵ ở Kỳ Hoàn Tinh xá sắp đặt cho những người bệnh đều xoay mặt về hướng Tây, chuyên tưởng Cực Lạc thế giới để cầu vãng sanh... Do vì quang minh của A Di Đà Phật chiếu khắp pháp giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ rời. Thánh và phàm đồng thể, hễ có tâm niệm Phật, thời Phật đến rước, đó là cơ cảm tương ứng. Chúng sanh trong tâm của Phật, nơi nơi đều Cực Lạc. Tịnh Độ trong tâm chúng sanh, niệm niệm là A Di Đà. Nhon những lẽ trên tôi xét thấy rằng : “Người trí huệ, dễ vãng sanh, vì không còn nghi ngờ vậy. Người thiện định dễ vãng sanh, vì không còn tạp loạn. Người trì giới dễ vãng sanh, vì không ô nhiễm. Người bố thí dễ vãng sanh, vì không tham luyến. Người nhẫn nhục dễ vãng sanh, vì không sân hận. Người tinh tấn dễ vãng sanh vì không thoái chuyển. Người không làm lành không gây ác dễ vãng sanh, vì chuyên niệm

thuần như vậy. Nhẫn đến người đã gây tạo tội ác, nghiệp báo đã hiện mà vẫn được vãng sanh vì tâm hết sức ăn năn sợ sệt vậy. Nên biết rằng dầu có nhiều phước lành, nếu không có lòng tin chắc, không phát nguyện hồi hướng, thì chẳng được vãng sanh.

Ôi ! A Di Đà Phật rất dễ niệm, Cực Lạc Tịnh Độ rất dễ về, mà chúng sanh không chịu niệm không muốn về, Đức Phật dầu là đấng đại từ bi, cũng không làm sao được. Và lại, hễ ai tạo tội ác thì phải đọa vào nơi khôn khổ, còn niệm A Di Đà Phật thì được sanh về Cực Lạc, hai điều ấy đều là lời của Phật cả. Người đời lo sợ bị sa đọa, mà lại nghi sự vãng sanh, há không phải là mê lầm lắm ư !”.

Năm Nguyên Hựu, triều Tống, ông giữ chức Đề Hình Lương Triết, một hôm ông họp thân thuộc lại để từ biệt và nói : “Lúc sống cũng không có gì tham luyến, lúc chết cũng chẳng có chi vất bỏ. Khấp thái hư không : chi, hồ, giả, dã. Đem sai đến làm Tây phương Tịnh Độ !”. Dứt lời ông vui vẻ an nhiên mà mất.

Trước đây có quan Tham quân Vương Trọng Hồi, từng bảm thọ pháp môn niệm Phật với ông Kiệt. Ông Hồi từng hỏi : “Thế nào được niệm Phật không gián đoạn ?”. Ông Kiệt đáp : “Sau khi đã tin chắc không còn lại nghi ngờ nữa, đó chính là không gián đoạn”. Ông Hồi nghe lời dạy ấy mừng lắm. Năm sau ông Kiệt mơ thấy ông Hồi đến cúi lạy mình mà nói : “Ngày trước nhờ ngài chỉ dạy cho pháp môn niệm Phật, nay tôi được vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới nên đến tạ ơn”. Ít hôm sau, ông Kiệt tiếp được thiệp tang và thơ của con trai ông Hồi gửi đến cho hay rằng : “Ông Trọng Hồi biết trước ngày giờ chết, từ giã các thân hữu rồi an lành mà đi”.

Sau khi ông Dương Kiệt mất, Kinh Vương Phu nhơn⁴⁶, một nhà tu hành cao hạnh, thần du Tây phương thấy một người ngồi trên hoa sen lớn, y đẹp phát phơ, đội mũ vàng, đeo chuỗi ngọc. Phu nhơn hỏi người đứng gần, đáp là Vô Vi Dương Kiệt.

Trích ở những bộ : **Đông Đô Sư Lược, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

VI - KHUYẾT CÔNG TÁC

Ông Khuyết Công Tắc người nước Triệu. Triệu Tấn, ông ngụ ở Lạc Dương, tánh trầm tĩnh điềm đạm và phóng xả thế sự. Hằng ngày ông thọ trì Kinh Chánh Pháp Hoa.

Sau khi ông mất, bạn của ông đến chùa Bạch Mã lập trai đàn để hồi hướng công đức cho ông. Đêm ấy, giữa lúc pháp chúng tụng Kinh, thoát nghe trên hư không có tiếng người gọi, và ánh sáng chiếu xuống. Mọi người ra sân nhìn lên đồng thấy một người thân hình rất sáng và rất đẹp ngó xuống nói : “Tôi là Khuyết Công Tắc đây ! Tôi đã được sanh về Cực Lạc thế giới nay tôi với chư thượng nhơn đến nghe Kinh”.

Ông Vệ Sĩ Độ ở Hấp Quận, vốn là học trò của ông Tắc. Bà mẹ của ông Độ thường hay trai Tăng nơi nhà. Một hôm gần đến giờ Ngọ, chư Tăng sắp sửa thọ trai, trên hư không, bỗng rơi xuống một cái bát ngay trước mặt mẹ ông Độ. Mọi người xem kỹ thời là cái bát mà trước kia ông Công Tắc thường dùng. Bát ấy đựng đầy cơm, mùi cơm thơm ngát cả nhà. Những người được ăn cơm ấy, cả bảy ngày khỏe khoắn không biết đói. Ông Chi Đạo Lâm, một danh nhơn thời ấy, có làm lời khen ngợi ông Tắc : “Cao cả thay ông Khuyết Công Tắc ! Thân dị linh thiêng ! Thân sanh Cực Lạc, ứng tích Đông Kinh. Bay trên hư không thân sáng giọng hòa. Kính dâng vài lời, ghi truyền trong đời”.

Trích ở các bộ : **Đại Đường Nội Điển Lục, Niệm Phật Tam Muội Bửu Vương Luận**

---o0o---

VII - CANH TÂN

Ông Canh Tân, tự Ngạn Bửu, người Tân Dã, học thông kinh sử. Ông tánh bình dị, thích cảnh núi rừng, ăn chay, áo thô rách, không thích kinh doanh sản nghiệp. Ông bảm tánh nhu hòa nhẫn nhục, siêng rèn luyện đức hạnh.

Vua Lương Võ Đế thuở thiếu niên chơi thân với ông Tân, khi được hiển vinh, vua mời ông Tân lãnh chức Bình Tây Phủ Ký Thất, ông Tân không nhận lời. Năm Phô Thông, Lương Võ Đế lại chiếu phong chức Huỳnh Môn Thị Lang, ông Tân cáo bệnh mà từ. Sau ông Tân lập đạo tràng nơi nhà, ngày đêm sáu thời lễ sám, tụng Kinh Pháp Hoa mỗi ngày một bộ.

Một đêm nọ, thoát có một đạo nhơn đến nơi đạo tràng tự xưng là Nguyên Công gọi ông Tân là Thượng Hạnh tiên sanh, trao cho ông Tân một nén hương rồi biến đi.

Năm Đại Thông thứ 4, ông Tân đương ngủ ngày vụt choàng trỗi dậy kêu người nhà mà nói rằng : “Nguyên Công đã đến, không thể chậm được !”. Dứt lời liền tắt hơi. Cả nhà đồng nghe trên hư không xướng to rằng : “Thượng Hạnh tiên sanh đã sanh về cõi thanh tịnh của A Di Đà Phật !”. Năm ấy ông Tân được 78 tuổi.

Trích ở bộ **Nam Sử**

---o0o---

VIII - TÔN TRUNG

Ông Tôn Trung người Minh Châu, sớm mộ Tây phương, ăn chay giữ giới. Ông cất am, đào hai ao lớn trồng sen trắng, bên ao dựng điện, nhóm các thiện tín lập hội niệm Phật.

Một hôm ông thấy Đức Phật A Di Đà hiện thân trên hư không, ông vội chạy ra sân đồng thời kêu hai người con trai của ông cùng mọp dưới đất lễ Phật. Đức Phật hiện lâu lắm mới ẩn. Nhơn đó nên người thời ấy gọi khu đất đó là xóm Trú Phật (đất Phật dừng lại).

Năm Nguyên Hựu thứ 8 triều Tống, Sư Khả Cửu đã sanh Tây phương Cực Lạc, cách ba ngày trở lại nói thấy trên đài vàng nêu tên Tôn Thập Nhị Lang (tức Tôn Trung).

Mười hai năm sau, ông nhuốm bệnh bèn mời Tăng và tục 100 người đến niệm Phật. Giữa lúc đại chúng tụng niệm, ông Tôn Trung bỗng ngược mặt ngó lên hư không chấp tay mà vái chào rồi kiết ấn mà qua đời. Cả thành Minh Châu mọi người đồng nghe tiếng thiên nhạc và mùi thơm lạ bay lền về hướng Tây.

Hai người con trai của ông Trung cũng tinh tấn niệm Phật, ít lúc sau đồng ngồi xoay mặt về hướng Tây niệm Phật mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

IX - TẢ THÂN

Ông Tả Thân, người Lâm Hải, thọ Bồ Tát giới với Thần Chiếu Pháp sư. Ông nghe giảng pháp yếu Đại thừa bỗng rỗng suốt tỏ ngộ. Từ đó ông nghiêm trì giới luật, tạo tượng Tây phương Tam Thánh, sớm tối kính lễ cầu sanh Tịnh Độ. Ông tụng Kinh trước sau tính được 3.400 bộ Pháp Hoa, 20.000 quyển Kim Cang.

Năm Thiệu Thánh thứ 2, mùa Thu, ông nhuốm bệnh, bảo con trai của ông là Sa môn Tịnh Viên xướng đề Kinh Pháp Hoa. Kế đó ông mơ thấy ba người cao lớn đứng bờ sông kêu ông mau lên thuyền, ông tuân lời, thuyền liền vụt đi về phía Tây. Thức dậy, ông tự biết đã đến giờ vãng sanh, liền thỉnh chư Tăng đến nhà tụng Kinh A Di Đà. Ông nói với mọi người rằng : “Tôi đã thấy quang minh của Phật”. Ông tự đi tắm gội thay đổi y phục, căn dặn quyến thuộc đừng than khóc mà làm ngại sự vãng sanh của ông. Rồi ông ngồi ngay thẳng tay kiết ấn mà qua đời.

Trích ở các bộ : **Pháp Hoa Tri Nghiệm Ký, Phật Tổ Thông Ký**

---o0o---

X - VƯƠNG ĐIỀN

Ông Vương Điền tự Vô Công người Minh Châu, hồng khoa Tân Sĩ, ông bèn mặc áo vải ăn chay đi khắp các nơi tham học Phật pháp. Khi tuổi cao, ông ở nhà chuyên tu niệm Phật Tam muội. Ông trứ thuật bộ “Tịnh Độ Tự Tín Lục”, và dưới đây là bài tựa của bộ sách ấy :

“Pháp môn Tịnh độ của Phật dạy, có một lời trùm cả ý nghĩa : hạng phàm phu mà được trụ bậc bất thoái. Vì sao thế ? Vì ở Ta Bà này tu hành, về Đại thừa Viên giáo thời Sơ tín Bồ Tát, còn Tiểu thừa thời Sơ quả Thánh nhơn, hai bậc này đoạn kiến hoặc bắt đầu dự hàng Thánh, tà kiến tam độc không còn sanh khởi, khởi hẳn ác đạo không mất thân nhơn, thiên và cách đời không quên quả đã chứng. Còn về hạng phàm, dầu là bậc phục hoặc phát ngộ Bồ Tát, một khi bị sanh tử, thường thời quên chỗ tu chứng của đời trước, do đó nên có vị gặp chướng duyên phải thoái đạo mà đọa vào tam đồ.

Sao bằng cõi Cực Lạc, chỉ có thượng thiện nhơn mà không ác đạo, nên chỉ được vãng sanh liền thoát hẳn tam đồ. Lại thêm trợ duyên tu hành rất đầy đủ, tuổi thọ lại vô lượng vô biên kiếp. Dầu là hạng rất ngu chậm, nội một đời

quyết chứng Thánh quả, trọn không có sự thoái thất. Vì thế nên Đức Bổn Sư luôn luôn tán thán Cực Lạc, cùng phát nguyện cầu sanh. Nếu là hạng đại căn đại trí minh tâm kiến tánh mà hồi hướng cầu sanh thời chiếm phẩm cao. Người quê tối, chỉ siêng niệm Phật phát nguyện tha thiết cũng đặng vãng sanh.

Ôi ! Xét kỹ một môn niệm Phật thời rõ lòng Phật không bỏ sót một ai. Những người cố chấp si không, bắt chước hạnh vô ngại vô tu đó là chướng mình mà cũng chướng cả người, thật đáng thương đáng xót lắm !”.

Năm Thiệu Hưng thứ 16, tháng Tư, một đêm nọ thoát nghe hương lạ ngào ngạt khắp nhà. Ông Điền nói với Sa môn Tư Tề rằng : “Đó là tịnh nghiệp của tôi cảm cách đây !”. Rồi ông rửa thay y phục, đoan tọa xoay mặt về hướng Tây mà mất. Sau khi thiêu xác ông, được 108 hột xá lợi bằng hột lúa.

Trích ở bộ : **Phật Tổ Thống Kỷ, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

D 1 - CHƯ TÍN NỮ

I - VI ĐỀ HI

Hoàng Thái hậu Vi Đề Hi, người nước Ma Kiệt, vợ vua Tần Bà Ta La ở kinh thành Vương Xá. Thái tử A Xà Thế nghe lời Sa môn Điều Đạt⁴⁷, bắt vua cha là Tần Bà Ta La giam trong nhà ngục bảy lớp cửa, cấm ngặt không cho các quan lui tới, cố ý bỏ vua chết đói. Thái hậu mới tắm gội thật sạch, lấy bột trộn với sữa và mật trét lên mình, trong chuỗi ngọc thời đựng nước nho, rồi vào thăm vua và lén dâng cho vua dùng. Ngài Đại Mục Kiền Liên và Phú Lô Na vận thần thông bay đến truyền giới Bát quan trai và thuyết pháp cho vua. Mỗi ngày được ăn bột sữa uống nước nho, và được thọ giới nghe pháp, nên dầu bị giam cầm mà dung sắc của vua càng tăng phần khỏe mạnh vui vẻ.

Hai mươi một ngày sau, A Xà Thế được tin ấy, nổi giận, cầm gươm bèn định vào cung giết mẹ. Nhờ hai quan đại thần, Nguyệt Quang và Kỳ Bà, hết lời can gián, A Xà Thế mới bỏ gươm, truyền nội thất nhốt Thái hậu trong cung, không cho đến thăm vua cha nữa.

Thái hậu bị nhốt rất lo âu buồn thảm. Bà mới hướng về núi Kỳ Xà Quật, nơi mà Đức Bồ Đề Sư đang ngự, cúi đầu đánh lễ rồi vái rằng : “Ngày trước Đức Thế Tôn thương sai ngài A Nan đến viếng con, nay con đang gặp phải việc buồn thảm. Đức Thế Tôn oai đức cao trọng, phận con phước bạc không phiên nhọc đến Thế Tôn, ngưỡng mong Đức Phật cho ngài Mục Liên và A Nan đến an ủi con !”. Vái rồi bà tủi phận nước mắt trào ra, mọp sát đất mà lạy. Lúc đó, Đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật thấu rõ nỗi lòng của Thái hậu, liền sai Mục Liên và A Nan bay trên hư không mà đến hoàng cung, Đức Phật cũng rời núi Kỳ Xà Quật mà hiện ra trước Thái hậu.

Thái hậu Vi Đề Hi, sau khi mọp lạy ngược đầu dậy, chợt thấy Thích Ca Mâu Ni Phật thân màu vàng chói ngự trên tòa sen trăm thứ báu. Bên tả thời Mục Liên, bên hữu thời A Nan. Trên hư không, Thiên Đế cùng Phạm Vương và chư Thiên rải hoa trời cúng dường Phật. Thái hậu liền tự bút bỏ những vòng vàng chuỗi ngọc, mọp sát trên đất khóc nức nở mà bạch Phật rằng : “Đời trước con có gây lấy tội gì mà nay sanh đọa con bất hiếu đến thế. Ngưỡng mong Đức Thế Tôn chỉ nơi nào không có sự đau khổ lo sầu để con vãng sanh. Con không còn muốn ở cõi trược ác này. Cõi gì mà đầy những địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh ! Nguyên con đời sau không còn nghe tiếng ác, không còn thấy kẻ ác. Nay con kính lạy Đức Thế Tôn mà cầu ai sám hối. Xin Phật dạy cho con pháp quán tưởng nghiệp hạnh thanh tịnh”.

Bấy giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật từ nơi lông trắng giữa chạng mày, phóng ánh sáng sắc vàng chiếu khắp vô lượng thế giới ở mười phương, rồi ánh sáng ấy xoay về tụ trên đỉnh của Phật, hóa làm hình một cái đài vàng lớn như núi Tu Di. Các cõi nước thanh tịnh trang nghiêm của thập phương chư Phật đều hiện rõ trong đài vàng ấy. Nương thần lực của Phật, Thái hậu thấy được tỏ rõ tất cả : có cõi nước như Tỳ Lỵ Thiên cung, có cõi nước thuần là liên hoa, có thế giới bằng bảy chất báu hiệp thành... Thái hậu ngắm kỹ tất cả rồi bạch Phật rằng : “Những thế giới ấy đều thanh tịnh trang nghiêm, đồng sáng đẹp cả, nhưng con chỉ muốn sanh về cõi Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà thôi. Mong Đức Thế Tôn dạy con cách tư duy tu tập, dạy con phương pháp thâm nhập chánh định”.

Nghe Thái hậu thưa xong, Đức Phật mỉm cười. Ánh sáng năm màu từ miệng Phật phóng ra chiếu thẳng đến đầu vua Tần Bà Ta La. Lúc đó nhà vua dầu bị giam trong ngục kín, nhưng tâm nhãn bỗng khai thông, nên vua thấy được Phật. Nhà vua liền cúi đầu rập lạy tự nhiên đạo lực tăng tấn chứng quả A-na-hàm⁴⁸.

Đức Phật bảo Vi Đề Hi : “A Di Đà Phật cách đây không xa, Thái hậu nên nhiếp tâm quán kỹ cõi nước Cực Lạc của Ngài. Ta sẽ giảng rõ pháp môn Tịnh độ cho Thái hậu, và cũng để cho chúng sanh đời sau y theo tu hành đặng sanh về Tây phương Cực Lạc thế giới. Nếu là người muốn sanh về cõi đó phải tu ba phước nghiệp :

1.- Thảo nuôi cha mẹ, kính thờ thầy Tổ, từ tâm không sát hại, tu mười nghiệp lành⁴⁹.

2.- Thọ trì tam quy y, nghiêm trì giới hạnh, chẳng phạm oai nghi.

3.- Phát Bồ-đề tâm, tin chắc lý nhơn quả, đọc tụng Kinh Đại thừa, khuyến tấn người tu hành.

Ba điều trên đây là chánh nhơn tịnh nghiệp của thập phương chư Phật⁵⁰.

Và sau khi giảng rộng mười sáu pháp quán tưởng xong, Thái hậu Vi Đề Hi cùng 500 cung nữ đồng thấy rõ cõi nước Cực Lạc, thấy rõ Đức Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chí. Mọi người rất vui mừng, Thái hậu thoát nhiên tâm trí sáng suốt chứng Vô sanh nhẫn. Năm trăm cung nữ phát Bồ-đề tâm nguyện sanh Cực Lạc thế giới. Đức Phật liền thọ ký cho tất cả đều sẽ được vãng sanh, và sau khi được sanh về Cực Lạc, tất cả những người ấy sẽ chứng được “Chư Phật hiện thân Tam muội”⁵¹

Trích ở **Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh**

---o0o---

II - LẠC ÂM LÃO MẪU

Một lúc nọ, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật ở nơi vườn Lạc Âm trong nước Duy Gia La, có một bà già nghèo khổ đến bạch Phật rằng : “Sanh, lão, bệnh, tử bốn điều khổ ấy từ đâu mà lại, rồi chúng nó sẽ về chỗ nào ? Cho đến lục thức, lục căn, ngũ đại các thứ ấy từ đâu lại rồi về nơi đâu ?”. Phật đáp : “Sanh, lão, bệnh, tử không từ đâu lại, cũng không về chỗ nào, cho đến lục thức, lục căn, ngũ đại không từ chỗ nào lại, cũng không về chỗ nào. Ví như hai khúc gỗ, cọ nhau bật ra lửa, lửa trở lại đốt khúc gỗ, gỗ cháy hết thời lửa tắt. Các pháp cũng vậy, do nhân duyên hội họp mà thành, nhân duyên ly tán thời hoại. Không từ đâu lại, cũng không về đâu”.

Bà già nghe Phật giảng dạy, tâm trí mở thông chứng bậc Pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Phật nói với chúng hội : “Thuở quá khứ lúc Ta phát Bồ-đề tâm, có một đời từng làm con trai của thân trước của bà già này. Về sau này, khi thọ mạng đã mãn, bà già này sẽ sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà. Qua 60 ức kiếp bà sẽ thành Phật hiệu là Phò Ba Kiện, làm giáo chủ cõi nước Hóa Tác.

Trích ở **Lão Mẫu Kinh**

---o0o---

III - KỶ THỊ

Kỷ Thị người thời Lưu Tống, vợ của Cát Tế ở Cú Dung. Ông Tế là dòng dõi ông Cát Hồng, gia thế học tiên thuật. Riêng Kỷ Thị thích Phật pháp, kính tin chí thiết, siêng năng lễ niệm.

Một hôm Thị đương ngồi dệt, cảm thấy trời đất trong sáng hơn ngày thường, Thị ngược đầu ngó lên, thoát thấy vô số tràng phan bảo cái từ phương Tây bay lại, ở giữa có một vị ngự tòa sen báu, thân sắc vàng tỏa ánh sáng chiếu suốt mây xanh. Kỷ Thị ngừng dệt chăm nhìn, lòng mừng lắm tự nói : “Đây chắc là Đức A Di Đà Phật mà trong Kinh thường nói đến !”. Thị vội vã rập đầu đánh lễ, rồi kêu ông Tế ra chỉ cho xem. Lúc ông Tế nhìn thời chỉ thấy được nửa thân trên của Phật và tràng phan bảo cái. Cả xóm ấy, mọi người cũng đều thấy như thế. Từ đó, Cát Tế bỏ Tiên theo Phật, và rất đông người quy ngưỡng Phật pháp.

Trích ở bộ **Minh Tường Ký**

---o0o---

IV - CON GÁI CỦA NGUY THẾ TỬ

Con gái của Ngụy Thế Tử, người Lương Quận. Cả nhà cha và các anh đều tu tịnh nghiệp, cô cũng quyết chí vãng sanh. Riêng bà mẹ chưa phát tâm. Ít lâu cô chết, thân ấm nóng không lạnh, bảy ngày sông lại, cô liền lên ghé cao ngồi tụng Kinh Vô Lượng Thọ. Tụng xong cô xuống ghé thưa với cha mẹ rằng : “Con đến Cực Lạc thế giới của Vô Lượng Thọ Phật, con đi xem khắp ao thất bảo, thấy cha cùng các anh và con, mỗi người đều có hoa sen

lớn đẹp, sẽ thác sanh nơi đó. Chỉ một mình mẹ là không có, vì lòng thương mẹ nên con trở lại báo tin!”. Nói xong cô liền nhắm mắt. Từ đó bà mẹ của cô phát khởi tín tâm tinh tấn tu trì.

Trích ở bộ **Minh Tường Ký**

---o0o---

V - VƯƠNG THỊ

Vương Thị vợ của Tiết Ông, thân mẫu của Sư Đảnh Cái. Hằng ngày Thị đọc tụng các Kinh, siêng tu lễ sám chí cầu Tịnh Độ.

Năm Trinh Quán thứ 11, nhuốm bệnh, Thị càng khẩn thiết tu trì hơn. Không bao lâu, trước giường của Thị nằm có hiện một hoa sen đỏ bằng cái ché năm đấu. Rồi lại hiện ra hoa sen xanh lớn chật cả nhà. Đồng thời Đức A Di Đà Phật cùng Quan Thế Âm, Đại Thế Chí hiện thân trên hư không. Cháu nội của Thị là ông Đại Hưng lúc đó đương đứng hầu bệnh, thấy Đức Phật cao lớn trội hơn hai vị Bồ Tát. Một lát sau, Phật và hai vị Bồ Tát mới ẩn. Xem lại thời Vương Thị đã tắt hơi rồi.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

VI - VIỆT QUỐC PHU NHƠN

Việt Quốc Phu nhơn, họ Vương vợ của Kinh Vương chú của vua Triết Tông nhà Tống.

Phu nhơn chuyên tu Tịnh Độ ngày đêm tinh tấn, khuyến dẫn hạng thiếp, tỳ đồng dốc chí vãng sanh. Trong hàng tỳ thiếp có một người thiếp trẻ lười, Phu nhơn trách : “Chẳng có thể vì một mình nhà người mà phá hoại trật tự của nhà ta!”. Rồi Phu nhơn ra lệnh đuổi đi, người thiếp ấy sợ lắm và rất ăn năn, cần cầu tạ lỗi, từ đó trở đi, người thiếp ấy hết sức tinh tấn, tu trì không quản mệt nhọc. Ít lâu sau, một hôm người thiếp ấy bảo các bạn rằng : “Tôi sẽ đi nội ngày nay!”. Tối hôm ấy, mọi người đều ngửi thấy mùi thơm lạ khắp nhà, người thiếp ấy vẫn không chút bị ốm, an nhiên mà chết. Cách đêm sau một người thiếp khác thưa với phu nhơn rằng : “Tôi mơ thấy cô ấy mách rằng nhờ phu nhơn khuyến mới được vãng sanh Cực Lạc thế giới, đội

ơn vô cùng. Cô ấy bảo tôi thay lời kính tạ phu nơn”. Phu nơn nói : “Cô ấy ứng mộng cho ta thời ta mới tin !”.

Tôi đến, phu nơn chiêm bao thấy người thiếp đã chết về tạ ơn. Phu nơn hỏi : “Tôi có thể đến Tây phương được không ?”. Thiếp đáp : “Được !”. Rồi dắt phu nơn đi. Thoạt thấy trước mặt một thế giới cực kỳ đẹp sáng, có một cái ao rộng lớn mênh mông. Trong ao đầy những hoa sen, hoặc to, hoặc nhỏ, có cái lại héo. Phu nơn hỏi duyên cớ. Thiếp phân giải : “Người đời tu Tịnh độ, vừa phát tâm thời trong ao báu này mọc lên một ngó bông. Vì người siêng kẻ trễ không đồng, nên mới có tươi có héo khác nhau như vậy. Người nào tinh tấn thời bông sen của người ấy tươi tốt to sáng, còn ai biếng lười thoái thác thời hoa của người ấy cũng héo lùn. Nếu người một mực tu trì lâu ngày chẳng nản, công phu niệm Phật thuần thực, đến khi thọ mạng đã mãn, quyết định thác sanh trong hoa sen này”. Trên một hoa sen lớn, phu nơn thấy một người ngồi mào vàng chuỗi ngọc ánh sáng rực rỡ, bèn hỏi. Người thiếp đáp : “Ông Dương Kiệt đấy !”. Phu nơn lại thấy một người khác, nhưng hoa sen của ông ấy đang ngồi chưa nở xòe. Người thiếp bảo là ông Mã Vu⁵².

Phu nơn hỏi : “Tôi sẽ sanh tại hoa sen nào ?”. Người thiếp liền dắt phu nơn đi chừng vài dặm thấy một đài hoa, vàng ngọc rực rỡ, chiếu sáng dị thường. Thiếp vừa chỉ vừa nói : “Đó là chỗ phu nơn sẽ thác sanh. Kim đài thượng phẩm thượng sanh đấy !”.

Sau khi tỉnh dậy, phu nơn rất vui đẹp nơi lòng, công việc tự tu cùng khuyến hóa người càng chí thiết hơn. Năm ấy, đến ngày sanh nhật của phu nơn, sáng sớm phu nơn tay cầm lư hương hướng về phía lầu thờ đức Quan Thế Âm mà đứng ngay thẳng. Quyên thuộc trong dinh hội lại rồi đồng đến trước mặt phu nơn định để chúc thọ, chúng xem kỹ, thì ra phu nơn đã vắng sanh rồi.

Trích ở bộ **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

VII - GIAO BÀ

Giao Bà, người Thượng Đẳng, thân với Phạm Bà. Phạm Bà khuyến niệm Phật, Giao Bà nghe lời, bèn giao hết việc gia đình cho dâu con, rồi nhứt tâm niệm Phật.

Đến lúc lâm chung, thấy Đức A Di Đà Phật hiện trên hư không. Quan Âm và Thế Chí hầu hai bên. Giao Bà đánh lễ rồi bạch Phật : “Nhờ Phạm Bà con mới được thấy Phật, xin Phật chờ con một lát, để con từ biệt Phạm Bà”. Rồi lập tức cho người mời Phạm Bà, lúc Phạm Bà đến, Phật và hai vị Bồ Tát vẫn còn trụ trên hư không. Giao Bà đứng chấp tay từ biệt mà theo Phật.

Trích ở bộ **Tịnh Độ Văn**

---o0o---

VII - VỢ ÔNG ÔN TỊNH VĂN

Vợ ông Ôn Tịnh Văn, người Tinh Châu, năm bệnh dây dưa không mạnh, Tịnh Văn dạy niệm Phật A Di Đà, mù nghe lời. Từ đó đến trọn hai năm sau, mặc dầu bệnh khổ trên thân, mù thâm niệm danh hiệu của Phật không ngắt. Một hôm mù nói với Tịnh Văn rằng : “Tôi đã được thấy Phật chắc chắn sẽ về Cực Lạc ở tháng tới”.

Trước giờ lâm chung ba ngày, có hoa sen lớn sáng như mặt đất mới mọc hiện ở trước giường của mù. Đến ngày, mù sấm sửa thức ăn đến dâng cho cha mẹ mà thưa rằng : “Nay con may mắn được vãng sanh Tịnh Độ, trông mong cha mẹ và ba nó chuyên niệm A Di Đà Phật, tất sẽ được gặp nhau ở Cực Lạc”. Thưa xong mù lễ Phật, rồi đoan tọa mà mất.

Trích ở bộ **Tịnh Độ Văn**

---o0o---

IX - CHUNG LY PHU NHON

Chung Ly phụ nhon, họ Nhiệm, người Cối Kê, chính là thân mẫu của Tri phủ Chung Ly Cẩn. Đòi bà siêng tu tịnh nghiệp, trở gỗ Chiên đàn làm tượng A Di Đà Phật. Mỗi đêm bà thường đội tượng trên đầu mà hành đạo.

Năm 98 tuổi, bà vẫn mạnh giỏi như thường. Một hôm bà gọi Tri phủ mà bảo rằng : “Ai ai đều sẵn có Đức A Di Đà, ngặt vì tự vất đi. Nơi nơi đều là cõi Cực Lạc mà chẳng biết trở về. Mẹ sắp vãng sanh, con phải siêng niệm Phật !”. Sáng ngày sau, bà dậy thật sớm thắp hương quỳ niệm Phật. Niệm được một lát, bà nín lặng mà đi. Tay bà vẫn còn chấp ngang ngực, thân bà vẫn còn quỳ ngay thẳng.

---o0o---

X - MỤ VU

Mụ Vu họ Tần, người Tiền Đường, chồng làm nghề bán cá. Con trai phạm luật nước, gia sản bị khánh tận. Mụ Vu sầu khổ, đến bờ sông định tự tử. May gặp Từ Chiếu Pháp sư can ngăn mà khuyên rằng : “Đó là nghiệp duyên đã gây từ đời trước, nay mụ nên cam tâm mà trả. Bắt đầu từ nay mụ nên vun trồng nghiệp nhơn thanh tịnh, sau này sẽ hái lấy quả giải thoát an vui. Nhảy xuống sông để trốn nợ, để rồi đời sau lại phải trả nặng hơn. Đâu bằng cứ sống mà chuyên tu niệm Phật !”.

Nghe Pháp sư giảng giải, mụ Vu tỉnh ngộ, bèn đoi trước tượng Phật đốt ngón tay, thệ trường trai niệm Phật. Từ đó trở đi mụ Vu tinh tấn tu niệm trọn mười năm không bê trễ. Phàm gặp bất luận ai, mụ đều gọi là Phật tử cả.

Một ngày nợ, mụ Vu thỉnh chư Sư Tăng đến nhà tụng Quán Vô Lượng Thọ Kinh, còn mụ thì lần chuỗi niệm Phật. Chư Sư tụng đến đoạn “Quán tượng” thì mụ Vu yên lặng mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

TỬ CHÚNG VÃNG SANH THỨ NHÌ

A 2 - CHƯ' SƯ TĂNG

I - HUỆ TRIỀN

Huệ Triền Pháp sư, họ Đông, thuở trẻ xuất gia ở Tương Châu. Thời vua Châu Võ Đế diệt Phật pháp, ngài trốn vào Mao Sơn rồi sang Thê Hà, qua An Châu nghe giảng các Kinh luận. Phàm bất cứ là Kinh luận nào một lần nghe ngài liền tỏ ngộ đến chỗ thâm diệu. Tuổi đã cao, ngài trở về Tương Châu trụ chùa Quang Phước. Chùa ở chót núi, phải xuống dưới triền gánh nước, chúng Tăng đông, nước không đủ dùng. Ngài sắp sửa dời đi nơi khác. Tối đến, có một Thần nhơn mình cao hơn tượng mặc áo bào tía, đến đánh lễ ngài rồi bạch rằng : “Phụng thỉnh Pháp sư ở lại đây để thường giảng pháp Đại thừa. Xin đừng quan tâm đến pháp Tiểu thừa. Pháp Tiểu thừa như núi

cao không nước không thể lợi ích cho người. Kinh Đại thừa dường biển cả, nếu có một người giảng thuyết thời có thể làm cho chỗ đó trần bửu trang nghiêm, pháp chúng sung thịnh, đồ dùng dư dã. Nếu ham Tiểu thừa thời những lợi ấy đều mất. Ngưỡng mong ngài ở lại mà hoàng dương Đại thừa chớ nữ phụ lòng trông mong của tiểu thần này. Pháp sư cần dùng nước, việc ấy rất dễ. Tôi sẽ đích thân đến suối Từ Mẫu ở Kiếm Nam thỉnh một Long Vương. Ngày mùng 8 tháng tới chắc chắn là có nước”. Thần bạch dứt lời bỗng biến mất.

Qua đêm mùng 7 tháng sau, gió lớn từ Tây Nam thổi đến, trọn đêm sấm nổ mưa tuôn, tới sáng trời tạnh. Đại chúng ra xem bốn phía thấy chỗ đất thấp phía Bắc chùa có một đường suối trong mát và ngọt. Cả chùa đều mừng rỡ.

Pháp sư tánh tình hiền hậu, nét mặt luôn mỉm cười vui vẻ, siêng giảng dạy. Ở núi một ít lâu Tăng tục đều kính mến.

Năm Trinh Quán thứ 23, đêm mùng 8 tháng Tư, Sơn thần lại hiện ra bạch rằng : “Không bao lâu Pháp sư sẽ vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới”.

Đến ngày 14 tháng Bảy, sau khi họp chúng giảng Kinh Vu Lan xong, Pháp sư chấp tay nói : “Sống thọ của tín thí nay phải chia đều. Tất cả của vật sở hữu của tôi, xin xả thí cho thập phương chúng Tăng và những kẻ nghèo cùng tàn tật, nhẫn đến các loài súc sanh”. Dứt lời, Pháp sư ngồi yên mà tịch trên pháp tọa.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

II - ĐẠO TRÂN

Đạo Trân Pháp sư, đầu triều Lương, ở núi Lô Sơn tu quán tướng A Di Đà Phật, nhưng về việc vãng sanh, trong tâm ngài còn do dự. Một đêm nọ, Pháp sư mơ thấy có người ngồi thuyền báu lớn đi trong biển nói là đi qua nước của A Di Đà Phật, Pháp sư xin theo. Người ngồi thuyền bảo : “Ông chưa cất dựng nhà tắm cúng Tăng, chưa tụng Kinh A Di Đà, tịnh nghiệp chưa thành, chưa đi được !”. Sau khi thức dậy, Pháp sư cất nhà tắm nước nóng cúng cho chúng Tăng và tụng Kinh A Di Đà nhiều năm siêng tu không bê trễ.

Về sau, đương lúc ngồi trong phòng quán tưởng, Pháp sư thấy có người bung đài sen bạc đến bảo rằng : “Sau khi mạng chung Pháp sư sẽ ngồi tòa bạc này. Công hạnh của Pháp sư đáng lẽ được đài vàng. Nhưng vì lúc ban sơ, tâm chí do dự nên chỉ được bạc này thôi !”. Pháp sư rất mừng, nhơn chép việc trên vào giấy, để trong hộp đựng Kinh.

Đêm Pháp sư vãng sanh, từ nửa núi Lô Sơn lên đến chót, sáng như vài nghìn ngọn đuốc cháy đỏ sắp hàng. Những người ở các làng gần núi tưởng là các vua chúa họp đại hội. Đến sáng hỏi thăm mới hay Đạo Trân Pháp sư thị tịch.

Tăng chúng kiểm điểm những đồ đạc nơi thất riêng của Pháp sư, khi mở hộp đựng Kinh, thấy trang giấy ghi việc thấy đài bạc, mới biết là Pháp sư đã vãng sanh.

Trích ở các bộ : **Tục Cao Tăng Truyện, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

III - ĐẠO NGAN

Đạo Ngan Đại sư, người Ngụy Quận, xuất gia nơi Linh Dũ Pháp sư, học thông Kinh giáo, giảng thuyết vô ngại.

Một lúc nọ, Đại sư giảng Hoa Nghiêm Kinh, Thập Địa Luận nơi chùa Hàng Lăng Sơn, đêm tối không đèn, Đại sư đưa tay chỉ lên, liền phát ánh sáng vàng chiếu sáng cả giảng đường. Thính giả lấy làm kinh lạ. Đại sư bảo : “Ánh sáng ấy thường có ở trong tay, có gì đáng cho là lạ !”. Đòi hồng pháp của Đại sư luôn luôn chỉ quy Tịnh Độ, nguyện quyết sanh Cực Lạc.

Về sau, lúc ở chùa Báo Ứng, Đại sư biết ngày giờ trước, bảo Tăng và tục ngày mùng 1 tháng Tám nên họp đến để từ biệt. Đến kỳ, đại chúng vân tập. Đại sư hỏi gần đến giờ trai chưa ? Rồi Đại sư lên ngồi pháp tọa, nơi lư hương trên án bỗng phát mùi thơm lạ. Đại sư giảng Bồ Tát giới, lời lẽ rất thiết yếu, thính giả tâm thần đều thanh tịnh.

Giảng giới vừa xong, Đại sư ngược mặt ngó lên cao, thấy chư Thiên lẳng xăng, nhạc trời trời dậy. Đại sư bảo đại chúng : “Chư Thiên cõi trời Đâu Suất đến rước tôi. Nhưng cõi trời là căn bản sanh tử, không phải là chỗ muốn của tôi. Tôi cả đời chỉ cầu Cực Lạc Tịnh Độ, tại sao lại không được toại nguyện như thế ?”.

Đại sư nói dứt lời, nhạc trở nhỏ lần rồi ngưng bật. Liền thấy từ phương Tây, hương hoa kỹ nhạc, tràng phan, bảo cái, đầy trời như mây lớn cuộn cuộn bay đến, rồi xoay tròn dừng lại ngay đầu Đại sư. Cả chúng hội đồng thấy và đều buột miệng khen là lạ lùng hy hữu. Đại sư to tiếng bảo : “Đại chúng ở lại nên gắng tinh tu. Nay Thánh chúng Cực Lạc đến rước. Tôi xin đi !”. Nói xong, Đại sư vẫn ngồi an ngay thẳng trên tòa mà tịch, thọ 69 tuổi. Năm ấy nhằm niên hiệu Trinh Quán thứ 7.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

IV - HUỆ QUANG

Huệ Quang Pháp sư, ở Lạc Dương. Ngài trứ thuật các bộ số như Kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa, Niết Bàn v.v... trong ấy luận về “chỉ thú quyền thiết” rất tinh tường.

Một hôm nhuốm bệnh, thấy chư Thiên đến rước, Pháp sư từ rằng : “Đời tôi chỉ nguyện vãng sanh Cực Lạc thôi !”. Giây lát, Hóa Phật đông chật cả hư không. Pháp sư đánh lễ bạch rằng : “Ngưỡng mong Đức Từ Phụ nhiếp thọ con, cho con được toại nguyện”. Rồi Pháp sư tự khảy móng tay mà tịch.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

LỜI PHỤ.- Sắp chết là lúc tứ đại phân tán, chư Thiên đến rước là cảnh tuyệt vui, nhưng vẫn cố từ mà quyết chí vãng sanh, chí nguyện kiên cố của Đạo Ngạn Đại sư và Huệ Quang Pháp sư đáng làm gương cho muôn đời vậy.

---o0o---

V - PHI TÍCH

Phi Tích Thiền sư khi mới xuất gia chuyên học Luật nghi. Về sau, ngài cùng với Sở Kim Pháp sư nghiên cứu và tu tập giáo quán Thiên Thai.

Năm Thiên Bửu, ngài đến kinh sư, ngụ ở Chung Nam Sơn, soạn bộ “Niệm Phật Bửu Vương Luận”, ba quyển, lưu truyền trong đời hiện

tại. Trong bộ đó về đoạn dạy chuyên chú niệm Phật, đại lược như thế này : Kinh Bi Hoa nói : “Mật Tô Vương tử từ lúc phát Bồ-đề tâm, trong khi đi, cứ mỗi bước chuyên tâm như ý niệm Phật, nhờ vậy nên vương tử hiện nay đã thành Phật, tại Diệu Hỷ thế giới, chính là Đức A Súc Bệ Phật”.

Tôi cho rằng khi đi nơi đường rộng, lúc bước trong vườn trong rừng đều phải hành đạo như Mật Tô Vương tử. Nhẫn đến, dầu là lúc cầm hốt lên ngai hoặc khi khua ngọc vào triều, ngựa xe rần rộ, cờ trống uy nghiêm, cũng đâu dặng chẳng dụng công tu niệm nơi thời gian ấy thay !

Phàm đã là người, chưa có ai không có hơi thở ra vào. Người khác phần đông dùng các thức châu, ngọc, hột cây v.v... làm chuỗi niệm, còn tôi thời dùng hơi thở làm chuỗi niệm. Niệm danh hiệu của Phật mà theo hơi thở rất có sự nương cậy vững vàng. Dầu sợ rằng một hơi thở chẳng trở vào, liền thuộc đời sau đó ư ! Đi đứng nằm ngồi, tôi luôn dùng xâu chuỗi ấy, dầu cho đến lúc quá mỏi mê, tôi cũng ngậm Phật mà ngủ, vừa chợt tỉnh là nói liền lại. Rồi ở trong giấc ngủ được thấy Phật A Di Đà, như cọng cây ra khói, đó là khởi điểm của lửa. Chiêm bao thấy Phật mãi không hở liền thành tựu chánh định, tận mặt gặp Phật được Phật thọ ký, như định vãng sanh muôn không sót một.

Hỏi : Như thế thời chỉ tưởng thầm mà không cần niệm ra tiếng ư ?

Đáp : Có năm nghĩa rất cần đến to tiếng niệm Phật. 1- Nhỏ cây cả gốc rễ phải nhờ tiếng thúc giục, trọn đời tinh tấn dứt sạch trăm mối lo sầu; 2- Tiếng Phật tới đâu thời nơi ấy muôn điều tai họa đều tan cả, công đức của tông lâm sơn môn được phồn thịnh đều nhờ nơi tiếng;

3- Thánh cảnh hiện tiền, hoa trời tuôn rưới cũng do nơi tiếng; 4- Như kéo cây đá quá nặng, rập tiếng hè nhau liền đi nhẹ phơi phới; 5- Như dàn quân xông trận nhờ tiếng trống còi, binh sĩ tới lui do nơi phát lệnh.

Cứ theo các nghĩa trên đây, tưởng cùng niệm ra tiếng đồng dưng, chỉ quán song vận, rất hiệp ý của Phật, nào có ngại gì ! Hoa Nghiêm nói : “Thà thọ vô lượng khổ mà được nghe tiếng Phật, chớ chẳng chịu hưởng những điều vui mà không được nghe danh hiệu Phật”. Vậy thời tiếng Phật, vang xa thêm lớn căn lành cho muôn loài. Dường như tiếng sấm của mùa Xuân làm động sanh lực của cây cỏ, đâu nên xem thường”...

Về đoạn dạy : “Lý sự song tu, tức sanh vô sanh”, ngài nói : “Nhiều người nói niệm Phật là hữu niệm, còn tôi cho rằng **niệm Phật là vô niệm. Niệm chính là “không”,** đâu được cho là “hữu”. **Chẳng phải niệm diệt mới thành “không”,** đâu được cho là “vô”. **Thể tánh của niệm “tự không”,** đâu được cho là “sanh diệt”. Lại đó là “ưng vô sở trụ”, mà **“tu niệm Phật”** đó là “nhi sanh kỳ tâm”. Lại, đó là “tùng vô trụ bản”, mà **“tu niệm Phật”** đó là “lập như thiết pháp”. Lại **“tâm vô sở niệm”** đó là “niệm tức thị không”, mà đó là “không tức thị niệm”⁵³. Đây chính là nghĩa “song tịch song chiếu”. Chiếu mà thường tịch đó là **“vô sở niệm tâm”,** tịch mà thường chiếu đó là **“mà tu niệm Phật”**. Chánh định tịch chiếu của Đức Như Lai, là vị cứu cánh của niệm Phật Tam muội vậy. Cho nên niệm Phật Tam muội có thể sanh Thủ Lăng Nghiêm Sư Tử Hống định.

Bài kệ phá tướng trong Kinh “Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội” nói : Niệm thân vàng ròng của Phật, an trụ tâm không tham luyến. Gẫm pháp gì gọi là Phật ? Nhiếp tâm thường quan sát luôn. Sắc vàng không phải Như Lai, bốn uẩn sau cũng như vậy. Rời sắc thời không Như Lai, người quán sắc phải nên hiểu. Chính đó là chỗ tịch tịnh, tối thắng nhưt của Như Lai. Có thể khéo diệt

tất cả những tà kiến của ngoại đạo. Như Long Vương giáng mưa lớn, tất cả loài đều được nhờ.

Trong Kinh này chỉ rõ lục độ vạn hạnh, chưa có một pháp gì chẳng phải là “niệm Phật Tam muội”. Trong Đại Phẩm Bát Nhã, Đức Phật nói các pháp không tịch để dẫn dạy hạng độn căn, vì hạng này sanh chấp trước. Còn với bậc lợi căn Đức Phật giảng tướng hảo của Phật, vì biết là sen chẳng nhiễm trần. Trong Kinh “Tọa Thiền Tam Muội” nói : “Bồ Tát tọa thiền chẳng niệm tướng tất cả pháp khác, chỉ niệm một Đức Phật, như núi Tu Di vàng ở giữa biển rộng trong mát. Nhấn đến công đức Pháp thân của Phật cũng niệm tướng như vậy”.

Do các đoạn Kinh văn và những lý trên, mà biết rằng chẳng được cho không niệm là vô niệm, quán Phật thật tướng quán thân cũng vậy, gặp cảnh nào cũng là chơn tánh, không tâm nào chẳng phải là Phật. Quyết định không rời niệm mà gìn vô niệm, lìa sanh mà cũng lập vô sanh. Nếu rời niệm cùng sanh mà lập vô niệm với vô sanh, chính là bởi chẳng rõ lý “phiền não tức Bồ-đề, chúng sanh tức Phật” vậy. Rời lìa đã chẳng được, thời chính niệm mà là vô niệm, chính vắng sanh mà thật là vô sanh. Nghĩa đó rất rõ ràng, như đêm thu trong lặng, vàng trắng tròn sáng ra khỏi lùm mây !...

Năm Vĩnh Thối nhà Đường, Thiền sư từng được triều đình thỉnh giữ chức “Chứng Nghĩa Chánh Viện” trong các hội dịch Kinh. Như Nhơn Vương Hộ Quốc Bát Nhã Kinh, Mật Nghiêm Kinh v.v...

Trích ở các bộ **Tổng Cao Tăng Truyện, Bửu Vương Tam Muội Luận**

---o0o---

VI - HOÀI NGỌC

Hoài Ngọc Luật sư, họ Cao, người Đôn Khuru, nghiêm trì giới luật oai nghi, hành hạnh đầu đà, ngày ăn một bữa ngọc, ngồi luôn không nằm, cả năm dùng một nạp y, tha hồ cho rận chí ở. Mỗi ngày Luật sư định khóa niệm Phật năm vạn câu. Trọn đời, ngài tụng Kinh A Di Đà ba mươi vạn quyển, và luôn lễ bái sám hối.

Năm Thiên Bửu nhà Đường, ngày mùng 9 tháng Sáu, thấy trên hư không Phật và Bồ Tát đông như số cát sông Hằng, một vị bung đài bạc xuống rước. Ngài nói : “Tôi trọn đời niệm Phật, thế quyết ngồi đài vàng thôi!”. Thánh chúng liền ần. Luật sư càng tinh tấn gấp bội, 21 ngày sau, thoát nghe trên hư không có tiếng bảo rằng : “Trên đầu ông đã hiện vàng sáng lớn, nên ngồi kiết già chờ Phật đến !”.

Ba ngày sau, ánh sáng đẹp lạ chiếu khắp chùa. Ngài bảo đại chúng : “Bao giờ nghe mùi thơm lạ, đó là lúc tôi vãng sanh !”. Rồi ngài biên kệ rằng : “Thanh tịnh sáng sạch không mảy mnh. Đài vàng Thượng phẩm hiện đang chờ. Tôi tu đạo hạnh đã mười kiếp. Hiện ra nơi đời nhằm cảnh khổ. Một đời khổ hạnh hơn mười kiếp. Rồi hẵn Ta Bà về Tịnh Độ”. Vừa viết kệ xong, thời mùi hương lạ thơm ngát cả chùa. Thánh chúng chập cả hư không. A Di Đà Phật và Quan Thế Âm cùng Đại Thế Chí hiện thân màu vàng thắm, đồng ngự kim cương đài đến rước. Luật sư mỉm cười mà tịch.

Quan Thái thú Đoàn Hoài Nhiên làm lời khen tụng : “Thầy ta một niệm chứng Pháp thân. Hương nhạc cõi Phật rước hai lần. Trước ngõ vững cao cõi quỳ lớn. Nhánh hoàng chi để máng đài vàng”.

Trích ở **Tổng Cao Tăng Truyện**

---o0o---

VII - TỀ HOÀNG

Tề Hoàng Pháp sư, họ Trầm, tự Đẳng Chí, người Hồ Châu, xuất gia chùa Vĩnh Định. Tánh trầm tĩnh, ngài xa danh lánh việc, thường ở mãi trong thất lặng lẽ như không có người. Ngài chuyên môn các bộ nghĩa sớ về Pháp Tướng tông, thông Kinh Pháp Hoa. Ngài từng làm Pháp chủ giới đàn ở Tô Hồ.

Năm Đại Lịch thứ 10, ngài dự đạo tràng niệm Phật ở Lưu Thủy. Chuyên niệm Phật một lát, ngài bỗng thấy cảnh giới Tịnh Độ, bèn tự ngâm rằng : “Lưu Thủy nước động sóng lăn tăn. Hoa sen rực rỡ tỏa kim quang. Ngồi trên hoa đài về Cực Lạc. Hỡi ai là bạn đây lên đàng !”.

Sau đó ít lâu, một ngày nạn Pháp sư nhuốm bệnh, bảo các đệ tử rằng : “Chim bạch hạc bay liệng trước mặt ta, các trò có thấy không?”. Đệ tử hỏi : “Hòa thượng sắp vắng sanh, sao lại mang lấy bệnh?”. Pháp sư nói : “Thân tứ đại hư dối vô thường, dầu là Thánh cũng còn chưa khỏi bệnh”. Nói xong, Pháp sư xoay mặt chăm nhìn tượng Phật A Di Đà mà tịch, thọ 68 tuổi.

Trích ở các bộ **Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

III - TĂNG TẾ

Tăng Tế Pháp sư vào Lô Sơn theo thọ giáo với Huệ Viễn Đại sư, tỏ ngộ pháp yếu. Năm ba mươi ngoài tuổi, ngài lên tòa khai giảng, học giả khuyh phục. Huệ Viễn Đại sư khen rằng : “Cùng ta đồng hoằng truyền Chánh pháp, phải chăng là Tăng Tế này ư !”.

Không bao lâu Pháp sư bệnh nặng, bèn khẩn thiết cầu sớm sanh Cực Lạc, ngày đêm tưởng niệm A Di Đà Phật. Huệ Viễn Đại sư trao cho ngài một cây nến lớn mà bảo : “Ông gắng nhiếp niệm Tây phương !”. Pháp sư hai

tay cầm nến, ngồi dựa thành ghế, nhứt tâm tưởng Phật không xao loạn. Pháp sư lại yêu cầu chúng Tăng tụng Kinh Vô Lượng Thọ. Đến canh năm Pháp sư trao nến cho đệ tử là ông Ngươn Bật bảo theo chúng mà hành đạo. Pháp sư tạm nằm nghỉ, liền mơ thấy mình tay cầm nến bay trên hư không gặp Đức A Di Đà Phật dật đi khắp cả mười phương. Khi thức giấc, Pháp sư mừng rằng : “Tôi chú tâm tưởng niệm có một đêm mà được Phật tiếp dẫn”. Tự xét lấy thân thể trọn không còn một mảy bệnh khổ, không khác người vô bệnh. Qua đêm sau, Pháp sư đương ngồi niệm Phật vụt đứng dậy mắt ngó lên mà bảo Ngươn Bật rằng : “Đức Phật đến rước, Thầy đi thôi !”. Dứt lời, Pháp sư xoay mặt về hướng Tây, chấp tay mà tịch. Bấy giờ nhằm tiết nóng nực, ba ngày sau mà thi hài của Pháp sư như người sống, lại phát ra mùi thơm ngào ngạt. Năm ấy, Pháp sư được 45 tuổi.

Trích ở các bộ **Tổng Cao Tăng Truyện, Đông Lâm Truyện**

---o0o---

IX - HUỆ CUNG

Huệ Cung Pháp sư, người Dự Chương, dự hội Liên Xã ở Lô Sơn, bạn thân của Tăng Quang và Huệ Lang hai vị Pháp sư, Tăng Quang và Huệ Lang sức học không bằng ngài, nhưng chí nguyện và hạnh tu có phần tinh cần hơn. Hai vị Pháp sư từng bảo ngài rằng : “Su huynh dầu học rộng hiểu nhiều, nhưng há lại không biết trong Kinh Hoa Nghiêm có lời răn nhắc : “Như người điếc đánh nhạc, vui tai người khác mà tự mình thời không nghe”. Nghe hai bạn nói, ngài vẫn chưa cho là phải.

Trong vòng bảy năm sau, Tăng Quang và Huệ Lang, hai vị Pháp sư nối nhau thị tịch. Lúc hai Pháp sư thị tịch, ngài mục kích nhiều thoại ứng của hai vị vãng sanh. Và sau đó năm năm, ngài phải bệnh nặng mới tự than rằng : “Xoay vẫn mãi trong lục đạo biết ngày nào dứt, sau khi chết ta sẽ về đâu ?”.

Pháp sư gương bệnh đến tượng A Di Đà Phật rập đầu kính lạy, hai hàng nước mắt như mưa, thệ quyết được về Cực Lạc, trọn ngày tâm không xao lãng. Thoạt thấy Đức A Di Đà Phật bung đài vàng đến rước, và ngài tự thấy mình ngồi trên đài ấy. Ngài lại thấy Tăng Quang và Huệ Lang, hai vị đồng đứng trong quang minh của kim đài mà nói với ngài rằng : “Trưởng lão vãng sanh bậc Thượng phẩm, chúng tôi lấy làm mừng lắm, chỉ tiếc rằng chậm trễ đến ngày nay thôi !”. Ngài vội kêu đại chúng đến thuật cho nghe các điều, rồi vui vẻ mà tịch. Bấy giờ năm Nghĩ Hy thứ 11 nhà Tấn.

Trích ở bộ **Đông Lâm Truyện**

---o0o---

X - HUỆ THÀNH

Huệ Thành Đại sư họ Đoàn, người Lễ Dương, lúc này Đại sư tu học nơi chùa Thập Trụ. Nghe tiếng Huệ Tư Thiên sư, Đại sư bèn đến Nam Nhạc cầu học. Đại sư hành đạo rất tinh tấn thường mở mắt ngồi thiền từ đầu hôm đến sáng. Huệ Tư Thiên sư bảo Đại sư nhập các môn Tam muội, Phương Đẳng Tam muội, Quan Âm Tam muội, Pháp Hoa Tam muội và Bát Chu Tam muội, để tiêu trừ túc chướng. Đại sư hành những môn Tam muội ấy ba năm, chứng đặng “Giải chúng sanh ngữ ngôn Tam muội”⁵⁴.

Về sau Đại sư qua Kinh Châu lập chùa và trụ lại đó. Hằng ngày Đại sư tụng Kinh A Di Đà, quán tưởng Tây phương Cực Lạc, trọn ba mươi năm ngồi luôn không nằm. Mỗi khi Đại sư nhập định thường thấy liên đài và bảo thọ. Một ngày kia, Đại sư bảo các đệ tử gập trần thiết điện đường, để Đại sư giảng Niết Bàn. Khi sửa soạn đã xong, thoạt Trí Giả Đại sư từ Ngọc Tuyên đến. Hai Đại sư cùng nhau ngồi luận huyền lý. Được một lát, Huệ Thành Đại sư an nhiên nhập diệt tại chỗ ngồi. Lúc đó người ta thấy Đại sư ngồi trên liên đài ần ần bay về hướng Tây.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Ký**

---o0o---

B 2 - CHƯ SƯ NI

I - HUỆ AN

Sư Ni Huệ An, người Minh Châu, trụ am họ Dương ở Tiểu Khê. Trọn đời chuyên tu Tịnh Độ, tụng Kinh Kim Cang, đầu Đông, Hạ cũng không bao giờ sót trễ, Sư Ni thường thấy quang minh của Phật chiếu đến trong thất.

Một hôm nhuốm bệnh, Sư Ni ngồi ngay thẳng, dặn mọi người không được ồn náo. Một lát sau Sư Ni nói : “Phật đã đến !”. Rồi bảo chúng đồng thanh niệm Phật, còn Sư Ni vẫn ngồi ngay thẳng chấp tay hướng về Tây phương mà tịch, thọ 96 tuổi.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Ký**

---o0o---

II - CHÂU CẨM

Sư Ni Châu Cẩm, họ Thang, tự Thái Tô. Người Hàng Châu, vốn là vợ Trầm Giáo Thọ, chính là Liên Trì Đại sư vậy. Ngày Trầm Giáo Thọ đi xuất gia, Châu Cẩm mới 19 tuổi. Có người xúi cô ngăn trở. Cô bảo : “Không nghe va mỗi ngày luôn mồm nói “sanh tử sự đại” đó sao ? Nếu ngăn trở va tức là làm hại va, mà mình cũng bị tổn đức. Không nên !”. Đến năm 47 tuổi cô xuất gia thọ Cụ túc giới. Cô giữ gìn giới hạnh rất tinh nghiêm, siêng tu Tịnh Độ, chuyên niệm Phật và lễ sám.

Năm Vạn Lịch thứ 42, có bệnh, lúc sắp mất cô bảo thị giả rằng : “Kinh nói thập niệm vãng sanh, mau đỡ tôi dậy !”. Rồi Sư Ni đoan tọa hướng về Tây phương chấp tay niệm Phật mà đi, thọ 67 tuổi.

Trích ở bộ **Hiếu Nghĩa Am Lục**

---o0o---

III - QUẢNG GIÁC

Sư Ni Quảng Giác, họ Cung, người Tô Châu. Lúc còn ở tục, cô ăn chay trường từ khi 12 tuổi, mỗi ngày trì tụng Kinh chú, siêng lễ Phật, tự thệ không lấy chồng. Đến năm 28 tuổi xuất gia rồi ở tu tại am Hiếu Nghĩa ở Hàng Châu. Cô gìn giữ giới hạnh rất tinh nghiêm tinh tấn chuyên tu không quản khổ nhọc.

Về sau nhuốm bệnh, cô từ thuốc men, nhút tâm chờ chết. Đương lúc nằm thở thoi thóp, cô bỗng vụt trỗi dậy ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây. Am Chủ dọn bàn thiết tượng A Di Đà ở trước mặt cô. Cô mở mắt nhìn chăm tượng Phật và chấp tay quý kính. Rồi cô rửa tay thay đổi y áo, cầm chuỗi đối tượng Phật mà ngồi ngay thẳng, yên lặng như nhập định. Thị giả sợ cô nghiêng ngã, mới lấy hai cái gối to kê đỡ, cô khoát tay bảo đừng. Chúng trong am đến chung quanh mà niệm Phật, cô nói : “Không dám làm phiền nhọc đại chúng, tôi tự có chủ trương !”. Cô cứ ngồi kiết già ngay thẳng như thế mà niệm Phật nho nhỏ luôn cả hai ngày đêm vẫn không cử động và không dứt tiếng niệm. Mãi đến lúc hơi mòn tiếng bật, mọi người lại gần xem thì cô đã tịch rồi. Nhằm mùng 7 tháng Hai năm Vạn Lịch thứ 39 triều Minh. Bấy giờ cô được 33 tuổi.

Trích ở bộ **Hiếu Nghĩa Am Lục**

---o0o---

IV - THÀNH TỊNH

Sư Ni Thành Tịnh, tự Thiệt Tu, người Quảng Châu, ăn chay giữ giới từ thuở bé. Sau khi xuất gia thọ Cụ túc giới ngày đêm cô niệm Phật không ngớt. Cô từng khuyên hóa đại chúng chung sức nhau trở tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi bằng gỗ Chiên đàn. Ngọt một năm tượng mới tạc thành, mà cô cũng vừa nhuốm bệnh. Cô tự biết trước ngày giờ. Đến kỳ cô nói với đại chúng rằng : “Đức Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát đến rước tôi !”. Dứt lời cô nhắm mắt mà tịch.

Trích ở bộ **Quan Âm Từ Lâm Tập**

---o0o---

V - TRIỀU ÂM

Sư Ni Triều Âm, họ Kim, người Thường Thục, dâu họ nhà Cũng. Chồng chết sớm, cô ở góa thủ tiết, rồi cùng con trai là Đoan Ngô đồng phát tâm xuất gia. Khi Đoan Ngô đã làm Tăng, cô cũng qua Tô Châu lễ Sư Ni Chơn Như cầu thế độ. Sau khi thọ Ni giới, cô trở về làng thuê nhà ở tu, ngày đêm sáu thời tiếng niệm Phật lãnh lót.

Một hôm nhuốm bệnh nhẹ, cô tắm gội đắp y rồi ngồi vững ở giữa nhà. Chiều đến cô nói : “Giờ Hợi thì tôi đi !”. Đến giờ cô vẫn ngồi an tại chỗ, râu tay vào áo mà tịch, thọ 73 tuổi. Lúc ấy nhằm năm Thuận Trị nhà Thanh.

Trích ở **Triều Âm Sự Lược**

---o0o---

C 2 - CHƯ TÍN SĨ

I - VIÊN HOẰNG ĐẠO

Ông Viên Hoằng Đạo, tự Trung Lang, hiệu Thạch Đầu Cư sĩ, người Hồ Bắc. Anh ruột của ông tên Tông Đạo tự Bá Tu, em là Trung Đạo tự Tiểu Tu. Cả ba anh em đồng đỗ Tiên sĩ triều Minh và đều thích Thiền tông.

Năm Vạn Lịch, ông Hoằng Đạo làm Tri huyện Ngô Giang, kế làm Lễ Bộ Chủ Sự, lần thăng đến chức Huân Tư Lang Trung, rồi cáo bệnh về nhà. Lúc đầu ông học thiền với Lý Trác Ngô, tin giải thông lợi, thích biện luận. Ông tự xét rằng đó chỉ là môi mép suông chớ không phải thiệt chứng có ích gì nơi sự. Ông bèn hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, sớm tối lễ tụng, giữ gìn cấm giới. Ông từng rút lấy lời dạy trong các Kinh luận, làm thành bộ “Tây Phương Hiệp Luận”, viên dung cả tánh tướng nhập bất nhị môn. Trong bộ ấy, nơi chương luận về “Ngũ chủng hạnh môn” rất là thiết yếu, đại lược như vậy :

Một là **“Tín tâm hạnh”**. Kinh dạy tín tâm là đầu của đạo, là mẹ của công đức. Tín tâm là chánh nhơn của tất cả công hạnh, nhấn đến quả Vô thượng Bồ-đề cũng chỉ là hoàn mãn tín căn này. Như hột thóc rớt xuống đất, cho đến lúc trở bông kết vé, vẫn không khác giống, như chồi măng đến khi thành tre cao vót vẫn là một cây. Sơ tâm Bồ Tát đều nương nơi tín lực mà được thành tựu. Tông Tịnh Độ dùng tín tâm làm căn bản : 1- Tín căn bản trí và bất động trí của A Di Đà Phật cùng mình không khác. Như hư không bao la, mặt trời chói thời sáng, mây giăng thời u ám, hư không vẫn không có khác. Và lại trời mây không ngoài hư không, cũng chính là hư không. 2- Tin Đức A Di Đà Phật từ vô lượng kiếp tu vô lượng công hạnh đặc thắng, khó làm khó nhẫn. Mình cũng có thể thực hành như vậy. Vì sao ? Vì từ vô thỉ đến nay trôi chìm trong tam đồ lục đạo, chịu muôn vàn lần sống chết, cho đến mang lông đội sừng, ngồi trên dao nằm trên lửa, biết bao nhiêu là sự thống khổ vô ích mà còn chịu được, huống chi nay là công hạnh cứu độ chúng sanh của Bồ Tát, há lại sợ khổ nhọc mà không làm được ư ! 3- Tin

Đức A Di Đà thành tựu vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông, vô lượng nguyện lực v.v... mình cũng sẽ được như vậy. Vì Đức Như Lai từ nơi tự tánh thanh tịnh mà có đủ vô lượng công dụng bất tư nghị như thế, mình đây với Đức Như Lai, vẫn đồng một tánh thể thanh tịnh ấy. 4- Tin Đức A Di Đà Phật không khứ không lai, mình cũng không khứ không lai. Tây phương cùng Ta Bà chỉ cách ly tác, muốn thấy liền thấy. Vì tất cả chư Phật đều dùng pháp tánh làm thân và làm cõi vậy. 5- Tin Đức A Di Đà Phật tu hành nhẫn đến chứng quả đều không ngoài sát na, mình cũng không ngoài sát na, vì ngang hàng với chư Phật. Vì thời gian thuộc về nghiệp, trong pháp tánh vốn không có nghiệp. Dù cả năm điều tín giải như vậy, là hạnh của hàng sơ tâm nhập đạo, tín Tịnh Độ của tất cả chư Phật.

Hai là “**Chỉ quán hạnh**”. Ba môn quán của Pháp Hoa tông, dạy giáo nghĩa của nhứt tâm, yếu lãnh của các pháp. Mười sáu pháp quán của Tịnh độ, mỗi pháp quán đều đủ cả ba môn. Trong bộ Diệu Tông Sao nói :

Thê của ba đức trong tánh, là ba thân của chư Phật⁵⁵. Chính ba đức và ba thân ấy ㄤ. ㄤ. là nhứt tâm tam quán của tự mình. Nếu chẳng như vậy thời có Phật ngoài quán trí, thành ra cảnh chẳng tức tâm, đâu thành viên diệu. Cũng có thể ba thân của A Di Đà Phật là Pháp thân, tam quán của mình là Bát nhã, quán thành thấy Phật là Giải thoát. Nắm một mà đủ cả ba, như chữ ㄤ⁵⁶. Quán Phật đã như vậy, thời quán các cảnh y báo và chánh báo khác cũng vậy. Như trong bộ số sao ấy đã giảng giải rõ, đây không phiên thuật hết. Hiểu nghĩa trên đây, thời biết rằng niệm Phật một tiếng đủ cả ba môn quán. Rõ tâm năng niệm không phải quả tim, không phải duyên lự, đây là không quán. Rõ Phật sở niệm, chủ bạn viên dung khắp không gian cùng thời gian, đây là giả quán. Rõ năng và sở tuyệt đối, song vong, song chiếu, đây là trung quán. Lại năng niệm là nhứt tâm tam quán, sở niệm là nhứt cảnh tam đế. Năng và sở bất nhị chính là đề cùng quán bất nhị. Tam đế là Pháp thân,

tam quán là Bát nhã, đế và quán bất nhị, niệm cùng Phật tương ưng là Giải thoát. Năm một tức là cả ba chữ 𑖀𑖄𑖂. Vậy thời niệm Phật một tiếng có thể thanh tịnh cả tứ độ, như cầm một hạt bụi biên quả đất thành huỳnh kim. Đây gọi là quán môn “Pháp giới viên dung bất tư nghị”.

Ba là “Lục độ hạnh”. Luận Khởi Tín nói : Bồ Tát thâm giải hiện tiền sở tu ly tướng, vì biết pháp tánh thể rời xan tham mà tùy thuận tu hành “bồ thí Ba-la-mật”. Vì biết pháp tánh vô nhiễm, rời lỗi ngũ dục mà tùy thuận tu hành “giới Ba-la-mật”. Vì biết pháp tánh không khô, rời sân não mà tùy thuận tu hành “nhẫn Ba-la-mật”. Vì biết pháp tánh không có tướng, thân tâm rời giải đãi mà tùy thuận “tinh tấn Ba-la-mật”. Vì biết pháp tánh thường định, thể không loạn động mà tùy thuận tu hành “thiền Ba-la-mật”. Vì biết pháp tánh thể vốn sáng suốt, rời vô minh mà tùy thuận tu hành “Bát nhã Ba-la-mật”. Cho nên người tu Tịnh độ không ngoài một hạnh đủ cả sáu nghĩa. Dương lúc niệm Phật, niệm niệm ly là thực hành “thí”, niệm niệm tịnh là thực hành “giới”, niệm niệm tịch là thực hành “nhẫn”, niệm niệm tương tục là thực hành “tinh tấn”, niệm niệm thuần nhứt là thực hành “định”, niệm niệm Phật là thực hành “trí”. Nên biết rằng : “Ly Tịch Tịch Tục Nhứt” ắt có sự tướng tùy duyên mà sanh khởi, nhưng đều từ niệm Phật mà có thành ra chánh, trợ bất nhị, sự tướng bất nhị. Vì vậy nên một hạnh niệm Phật gồm tất cả hạnh. Vì niệm Phật là pháp môn nhứt tâm mà vốn không có hạnh gì ở là tâm vậy. Nếu bỏ các hạnh chính là bỏ tâm.

Bốn là “**Bi nguyện hạnh**”, nơi chư Phật và Bồ Tát, tánh hải vô tận, cúng dường vô tận, giới thí vô tận, nhẫn đến nhiều ích vô tận. Cho nên Thiên Thân Bồ Tát thuật “Tịnh độ ngũ niệm môn”, dùng bốn môn : “Lễ bái, tán thán, tác nguyện, quan sát” để thành tựu phần “nhập công đức”, và dùng một môn “hồi hướng nhứt thiết phiền não chúng sanh bạt thế gian khổ” để thành tựu phần “xuất công đức”. Bồ Tát tu năm môn Tịnh độ này thời chóng thành

Vô thượng Chánh giác. Gạn rằng : “Kinh Tịnh Danh nói : “Bồ Tát quan sát chúng sanh vốn không. Nếu ta phát nguyện độ sanh, đều như vang, như bóng, như bọt nước v.v...”. Đã là chúng sanh vốn không, nếu ta phát nguyện độ sanh, khác nào mắt lừa thấy hoa đốm ?”. Giải rằng : “Trong Luận Trí Độ có chép : “Phật nói vô Phật đó là để phá quan niệm chấp trước nơi Phật, chớ không phải chú ý bảo nhận tướng không Phật”. Nên hiểu rằng nói không chúng sanh đó là để phá quan niệm chấp trước chúng sanh, chớ chẳng phải bảo nhận lấy tướng không chúng sanh. Vì thế nên Kinh Tịnh Danh tiếp nói : “Bồ Tát quan sát như thế rồi, tự nghĩ rằng ta phải vì chúng sanh mà giảng pháp không chúng sanh, đó là lòng từ chơn thật”. Do đó mà thấy rằng Bồ Tát luôn độ sanh, chính là thấu rõ ý nghĩa không chúng sanh. Nếu thấy có chúng sanh thời là có ngã, phạm có ngã kiến thời tâm từ bi yếu kém, đâu có thể thực hành công hạnh lợi sanh rộng lớn được.

Năm là “**Xưng pháp hạnh**”. Pháp giới vô lượng vô biên, công hạnh cũng vô lượng vô biên, cho nên tất cả công hạnh của Bồ Tát cũng đều xưng pháp tánh : phi hữu phi vô, không phải thực hành mà cũng không phải không thực hành. Xưng pháp tự tánh : chẳng phải sơ tâm đặng, chẳng phải hậu tâm đặng. Nay lược thuật hành tướng ấy : A- Bồ Tát độ chúng sanh đến rốt ráo Vô dư Niết-bàn mà chúng sanh giới chẳng giảm. Như người nộm lên đàn, cười nói rõ ràng, nhưng chỉ là một thứ đất gỗ rỗng không. B- Bồ Tát hoặc thực hành năm nghiệp vô gián mà không chút sâu não, đến nơi địa ngục mà không tội lỗi, đến nơi súc sanh mà các thứ vô minh, kiêu mạn... Như cô gái ly hôn có chồng nhẵn đến sanh con, nhưng chính thể của cô vẫn trinh tịnh không rời bên mẹ ruột. C- Bồ Tát tự thân nhập định rồi xuất định ở thân người, một thân nhập định mà xuất định ở nhiều thân. Nhập định ở thân hữu tình mà xuất định ở thân vô tình... Như mảnh hổ khởi thây, quỳ lạy nhảy múa, chỉ là ý muốn của hổ chớ thây vẫn vô tri. D- Bồ Tát ở nơi thân tiểu chúng sanh chuyển pháp luân, thấp pháp cự, chán pháp lôi, cung ma ngã

sập, đại địa chấn động, độ vô lượng vô biên chúng sanh mà tiểu chúng sanh ấy vẫn không hay không biết gì. Như Nhạc thần của Thiên Đế chui vào lỗ mũi của cô bé để trốn, mà cô bé vẫn không hay. E- Bồ Tát muốn ở lâu nơi đời, bèn dùng thời gian một niệm kéo dài thành vô số trăm nghìn ức na-do-tha kiếp. Còn nếu muốn ở đời ít, thì Bồ Tát đem vô lượng vô số trăm nghìn ức na-do-tha kiếp thu ngắn thành thời gian một niệm. Như các trẻ xem ngựa chạy nơi đèn kéo quân, tính coi đầu đuôi nhiều ít hẳn không thể được.

Nếu người chứng được các hạnh bất tư nghị như trên, trong khoảng một niệm nhiếp cả Tịnh Độ của chư Phật trong ba thuở. Đây gọi là hạnh trang nghiêm Tịnh Độ của Bồ Tát. Dùng trí vô tư để soi đó thì thấy được, mà chẳng phải tâm lượng phàm tình có thể suy lường đến. Vì tự tánh siêu việt tất cả hạn lượng vậy.

Khi bộ “Tây Phương Hiệp Luận” vừa soạn xong, thì Tông Đạo và Trung Đạo đồng thời phát tâm hồi hướng Tịnh Độ.

Ít lúc sau, ông Hoàng Đạo đến ngụ nơi một ngôi chùa ở Kinh Châu rồi không bệnh mà mất.

Ông Trung Đạo ở quan, chức Lễ Bộ Lang Trung, sau từ quan, về ở nhà ngày ngày siêng lễ Phật tụng kinh. Năm Vạn Lịch thứ 42, đêm Rằm tháng Giêng, sau khi khóa tụng xong, ông tịnh tọa bỗng nhập định, xuất thần lên khỏi nhà, nhẹ bay theo mây, có hai đồng tử dắt ông bay về hướng Tây, giây lát hạ xuống hồ : “Dừng lại !”. Trung Đạo đáp xuống thấy mặt đất bằng phẳng trơn láng sáng ngời. Một bên là ao nước rộng lớn, trong ao hoa sen đủ năm màu, hương thơm dị thường. Ngang ao, bắc cầu bằng huỳnh kim, bên kia cầu vàng, thấy lan can bao giăng, lầu đài tráng lệ. Trung Đạo chấp tay xá đồng tử và hỏi : “Đây là chốn nào, các vị là ai ?”. Đáp : “Chúng tôi là thị giả của Linh Hòa tiên sanh !”. Hỏi : “Linh Hòa tiên sanh là ai ?”. Đáp : “Là anh

của ngài, ông Trung Lang đấy ! Hiện tiên sanh đang chờ ngài. Chúng ta đi mau !”. Rồi đồng tử dắt ông đến một nơi có hàng cây đẹp và cao, ao nước mát trong, bên ao có cửa ngõ bằng bạch ngọc. Một đồng tử dắt ông đi, qua khỏi hơn hai mươi lớp đền đài, đến dưới một tòa lầu to, có một người đi xuống mặt sáng ngời như ngọc, áo phát phơ như mây rắng, mình cao hơn một trượng. Người ấy chào mừng : “Em đã đến đấy ư !”. Ông nhìn kỹ thời là ông Hoằng Đạo. Hai ông đồng lên lầu, có năm người khác đến ngồi đồng bàn.

Hoằng Đạo bảo ông : “Đây là biên địa của Cực Lạc thế giới, cũng gọi là Giải Mạn quốc. Người tu Tịnh độ mà tín giải chưa thành, giới đức chưa toàn, phần nhiều sanh nơi này. Trên đây có đền của Hóa Phật ngự. Trước đền ấy có ao sen lớn chừng một trăm do tuần đó là chỗ thác sanh của người vãng sanh. Sau khi sanh thời phân ra ở các đền đài, đoàn tụ với những người hữu duyên. Vì tuyệt không có cảnh ái nhiễm nên dễ thành thắng giải. Ít lúc thời được làm người ở Tịnh Độ”. Trung Đạo hỏi : “Anh sanh tại đâu ?”. Hoằng Đạo đáp : “Khi còn là nhân loại, nơi anh tịnh nguyện dầu sâu, mà tình nhiễm chưa trừ, nên sanh nơi đây. Bây giờ đã được ở Tịnh Độ rồi. Dầu ở Tịnh Độ, nhưng vì đời trước giới đức chưa toàn nên chỉ được địa cư mà chẳng được cùng các bậc Đại sĩ ở hư không lâu các. Còn cần phải tu thêm. May nhờ đời trước trí huệ mãnh lợi, lại có trú tác bộ “Tây Phương Hiệp Luận”, tán thán nguyện lực độ sanh bất tư nghị của Như Lai nên cảm đặng phi hành tự tại, có thể đi qua các thế giới khác. Chư Phật thuyết pháp đều đến nghe được”.

Nói xong, Hoằng Đạo nắm tay Trung Đạo cùng bay lên hư không, trong chớp mắt rời khỏi chỗ cũ nghìn muôn dặm, đến một xứ khắp nơi sáng chói suốt nhau, đất là lưu ly, cây là thất bảo, đều là thứ cây chiên đàn kiết tường, trên cây vô số hoa đẹp chiếu sáng như những vòng lửa. Có ao báu rộng lớn,

gợn sóng tự nhiên vang ra vô lượng tiếng vi diệu. Trong ao có vô số hoa sen bằng các báu vàng ngọc... cánh hoa phóng ánh sáng năm màu. Trên bờ ao ẩn ẩn những lầu đài cao vút, từng dãy dài xa mút, đường đi rộng phẳng dọc theo dãy lầu. Tòa lầu đài nào cũng có vô lượng nhạc khí luôn diễn nói pháp màu...

Hoàng Đạo bảo : “Cảnh giới em đương ngắm đó thuộc về chỗ ở của địa hành chúng sanh nơi Cực Lạc đây. Qua khỏi chỗ này là chỗ ở của các bậc Đại sĩ muôn lần tốt đẹp hơn nơi đây, thần thông cũng muôn lần hơn, anh nhờ huệ lực nên đến đó được mà ở lại thời không được. Qua khỏi đó, là chỗ ở của Thập địa Đẳng giác Bồ Tát, anh không thể hiểu biết. Qua khỏi nữa là nơi ngự của Diệu giác, chỉ có Phật với Phật mới thấu được”. Giảng xong, Hoàng Đạo dắt Trung Đạo bảo : “Anh không dè vô lượng vui đẹp như thế này. Phải hồi còn ở Ta Bà mà anh nghiêm trì giới luật, thời chẳng phải chỉ được thế thôi đâu ! Nếu người, giới cùng huệ đều trọn đủ thời vãng sanh phẩm vị rất cao. Chỉ giới hạnh tinh nghiêm cũng vãng sanh rất tốt. Còn nếu có trí huệ mà không giới đức thời phần đông bị nghiệp lực lôi dắt vào trong bát bộ quỷ thần, anh từng mục kích nhiều người. Nơi em khí phần Bát nhã có nhiều, nhưng sức giới định rất kém. Vả người ngộ lý mà không sanh giới định đó là cuồng huệ, chớ không phải chơn trí. Sau khi trở về Ta Bà, em phải cố gắng thiết ngộ, thiết tu giữ chắc tịnh nguyện, siêng thực hành công hạnh lợi tha, từ mẫn tất cả. Không bao lâu sẽ cùng anh sum họp, nếu để lạc nẻo khác thật đáng kinh đáng sợ. Nếu em chưa có thể thọ trì tịnh giới, thời nên tuân theo trai pháp mà tu. Giới sát là quan trọng nhất. Anh nhắc lời với các bạn tu hành ở Ta Bà : Chưa có ai mỗi ngày tay xắt thịt xẻ cá, miệng tham ngon béo mà được sanh về thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm này. Dầu cho bậc biện tài thuyết pháp như văn như vũ, nhưng nơi sự, có ích gì ? Anh cùng em từ vô lượng kiếp tới nay, đời đời làm huynh đệ với nhau, mãi những thườ làm ác đạo cũng vậy. Nay anh may mắn được thế này sợ em bị đọa lạc, nên

dùng thần lực phương tiện nhiếp em đến đây để khuyên nhắc. Cõi tịnh cùng báo ứể cách nhau, không thể lưu em ở lâu!”. Trung Đạo hỏi thăm chỗ sanh của Tông Đạo, vì Tông Đạo đã qua đời. Hoằng Đạo nói : “Chỗ sanh của anh ấy cũng rất tốt, sau này em sẽ tự rõ”. Dứt lời, Hoằng Đạo bay vụt lên hư không mà đi mất. Trung Đạo một mình đi chậm rãi trên bờ ao bấu để ngắm cảnh, bỗng trật chân như bị rơi xuống nước, giật mình choàng tỉnh dậy, thì ra thân đang tịnh tọa ở tại nhà. Nhơn đó ông mới ghi các điều trên vào sách.

Ngày Hoằng Đạo chưa vãng sanh, Tông Đạo có con trai tên Đăng 13 tuổi, mang bệnh ruột, lúc sắp chết nói với Hoằng Đạo : “Cháu chết mất ! Chú có phương gì cứu cháu?”. Hoằng Đạo bảo : “Cháu cứ nhứt tâm niệm Phật thời được vãng sanh Tịnh Độ, chón này là đời trước ác khôn khổ, không đáng quyên luyến!”. Đăng liền chấp tay niệm Phật. Thân quyên cũng đồng thanh niệm Phật để trợ. Giây lát, Đăng mỉm cười nói : “Tôi thấy một búp sen màu hồng”. Một lát Đăng lại nói : “Bông sen lớn lần màu tươi sáng vô cùng”. Lát sau Đăng nói : “Đức Phật đã đến. Tướng Ngài đẹp lắm ! Thân Ngài tỏa ánh sáng khắp cả nhà”. Rồi Đăng miêng xưng Phật ! Phật ! mà tắt thở. Tay Đăng vẫn còn chấp ngay thẳng nơi ngực.

Trích ở các bộ : **Minh Sử, Tây Phương Hiệp Luận, Bạch Tô Trai Tập, Kha Tuyết Trai Ngoại Tập**

---o0o---

II - NGU THUẦN HI

Ông Ngu Thuần Hi, tự Trường Nhụ, người Tiên Đường, là tại gia đệ tử của Bát Tổ Liên Trì Đại sư. Năm mới lên ba tuổi, miêng ông luôn xướng hồng danh của Phật, thấy hoa sen cây bấu hiện trong nhà. Bà nội ông, một tín nữ thông giáo lý bảo : “Đó là cảnh tốt của Tây phương Cực Lạc!”. Sau bà mới dạy phương pháp thiền quán cho. Từ ngày ấy, ông thường ngồi ngay

thẳng nhắm mắt quán tưởng. Ông Thuận Trinh, em ruột của ông, cùng ông đồng tu tập Thiên Thai chỉ quán. Lúc ông làm thầy đồ trong xóm, giờ rảnh dạy bọn trẻ nhỏ tập môn tử quán. Sau khi đỗ Cử nhơn, dạy học ở Tuy Sơn, ông cổ xướng lập Phật hội. Một lúc nọ cùng các hội hữu kết thất tụng Lương Hoàng Sám. Qua ngày thứ hai, mây lành chiếu ánh sáng thấu vào hiên, vách rịn nước cam lộ. Trời mưa lúa màu huỳnh kim, nếp màu huyền, cùng nước mùi trầm hương. Đương giữa mùa Đông băng giá mà muôn hoa đua nở. Cảm điềm linh dị ấy, ông Thuận Hi càng tinh tấn tu thiền quán. Không bao lâu ông tự biết được các việc quá khứ và vị lai, có thể biết trước các việc nắng mưa, những việc lành dữ. Liên Trì Đại sư được tin ấy, gửi thư quở là ma dựa, khuyên không nên tự đắc.

Năm Vạn Lịch thứ 11, đỗ Tiến sĩ. Thân phụ mất, ông cất lều ở bên mộ cha ba năm, đến Vân Thê thọ giới nơi Liên Trì Đại sư. Mộ cha ở trên núi, mỗi ngày ông đem cơm canh thí cho cheo thỏ, có cọp beo láng vảng đến thời ông nạt đuổi đi.

Mãn tang, ông lãnh chức Phương Ty chủ sự, rồi từ chức lên núi Thiên Mục ở trước tử quan của Cao Phong Diệu Thiên sư, ngày đêm tọa thiền. Đến ngày thứ 21, mỗi một quá, ông sắp đi nằm, bỗng thấy Diệu Thiên sư hiện thân chặt đứt cánh tay tả của ông, ông liền tỏ ngộ, đến Vân Thê được Liên Trì Đại sư ấn chứng. Đại sư bảo ông : “Phàm người ngủ mà thức giấc, nếu chẳng rửa mặt, chải tóc đội mũ, mà cứ nằm mãi nơi gối mền thời tất sẽ ngủ lại, còn người mê mà tỏ ngộ, nếu chẳng trang nghiêm mà vẫn gần mãi cảnh uế trước thời tất sẽ mê lại. Hoa sen gần lửa dễ bị héo, chồi non dễ bị gãy, ông phải tự lo lấy ! Chớ vì một tia sáng nhỏ mà trở ngại con đường tấn tu. Ông nên hồi hướng Tịnh Độ để bảo đảm đạo quả, mà cũng là tiếp nối túc nhơn”. Tuân lời Đại sư, từ đó ông chuyên tu Tịnh độ.

Có người không tin Pháp môn Tịnh độ, ông bảo rằng : “Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn gọi là Phật. Nên niệm Phật chính là niệm giác. Đâu nên niệm niệm chẳng thường giác mà lại niệm niệm thường mê ư !”.

Có người hỏi niệm Phật như thế nào ? Ông bảo : “Trong tất cả thời, luôn đề tinh chánh niệm là điều cốt yếu. Trăm nghìn phương tiện chỉ là một chữ “tri”⁵⁷. Niệm niệm không rời Vô Lượng Quang, thời là niệm niệm thẳng vào Phật trí. Người học đạo tu hành chuyên cần xuất ly sanh tử, nay niệm niệm không rời Vô Lượng Thọ, thời có thứ sanh tử nào mà không thoát được !”.

Triều đình triệu ông giữ chức Tư Huân Lang Trung, ít lúc sau ông lại xin thôi. Thuở đó Liên Trì Đại sư đương giảng Kinh Viên Giác ở Nam Bình Sơn. Mộ tiền chuộc ao vạ công lập hội phóng sanh. Hội viên gồm cả Tăng và tục hơn hai vạn người. Trong ấy các bậc trí thức cao hạnh chiếm một số đông. Tiếng Kinh, tiếng Pháp chấn động cả vùng. Hội phóng sanh ấy lại chuộc ba đầm lớn, xây rào, cất gác, làm chỗ thả chim cá. Tất cả những công việc vĩ đại trên, đều do ông Thuận Hi cổ xướng.

Về sau, ông Thuận Hi ở luôn nơi Nam Bình Sơn, ông Thuận Trinh cũng ẩn trong núi Linh Thú đến già.

Trích ở bộ **Đức Viên Tập Phụ lục**

---o0o---

III - ĐƯỜNG THỜI

Ông Đường Thời tự Nghi Chi, người Hồ Châu. Sau khi hưu trí, được Liên Trì Đại sư truyền dạy pháp môn niệm Phật. Ông liền siêng tu tịnh nghiệp. Tất cả người trong gia quyến của ông đều thuộc lòng Kinh Kim Cang và phẩm Phổ Môn. Ban ngày thời mỗi người tự lo phận sự, tối đến thời

họp cả nhau trước bàn Phật tụng niệm hồi hướng, lấy đó làm định lệ. Ông từng nói : “Người tu Tịnh độ cần yếu phải tập quán tưởng. Làm sao cho được đầu lúc mặc áo ăn cơm cũng thường ở trong cảnh quán : Hoặc xuất thân du Liên Hải quỳ trong hoa sen lễ Phật, hoặc ngồi ngắm cõi báu, quang minh của Phật chiếu thân. Nếu quán tưởng được thành lo gì không vãng sanh !”. Từ đó ông chuyên quán tưởng nơi Phật. Ông đến chùa Trường Can ở Nam Kinh, trong lúc lễ tháp niệm Phật, thoát thấy chót tháp phóng bạch quang, trong bạch quang Đức Phật hiện thân màu vàng. Một hôm đang ngồi trong thiền đường ngó ra cửa sổ, bỗng thấy biển cả mênh mông, giữa biển có một tòa núi, Đức Phật ngự trên đỉnh núi, thân Phật tỏa ánh sáng suốt khắp bốn phía.

Ông vốn là một nhà văn tài, nên thuận theo thể văn của đời mà diễn bày lý đạo. Ông trứ tác các tập : Liên Hoa Thế Giới Thi, Như Lai Hương, Tàn Già Âm v.v... ấn hành truyền bá. Ông xả một phần lớn sản nghiệp cúng vào chùa Thê Hà.

Đến lúc lâm chung hiện rất nhiều điềm lành, dặn người nhà dùng pháp trà tỳ, rồi ông niệm Phật vui vẻ mà mất.

Trích ở các bộ : **Kim Cang Trì Nghiệm, Tịnh Độ Thần Chung**

---o0o---

IV - TRẦN TOẢN

Ông Trần Toản, tự Định Quán, người Giang Nam. Đỗ Tiến sĩ triều Minh, phong chức Hình Khoa. Vì lời thẳng mà bị cách chức, ông ở nhà sớm tối chuyên tâm niệm Phật.

Một hôm có người khách đến nhà quở ông rằng : “Ngài không nghe Đại Giám Thiên sư⁵⁸ luận duy tâm Tịnh độ ư ! Sao lại nhàm ế thích tịnh chi vậy ?”.

Ông đáp : “Duy tâm Tịnh độ đầu phát ra nơi miệng Đại Giám nhưng không phải bắt đầu từ Đại Giám. “Tự tâm tác Phật, tự tâm thị Phật”, Đức Như Lai vốn đã nói trước lâu rồi ! Xét kỹ nơi lời của Đại Giám là e rằng người dùng tâm bất tịnh mà cầu cõi thanh tịnh, chớ chẳng phải nói thế giới không có ế cùng tịnh. Luận về sự vui nơi Cực Lạc, không riêng nơi đất vàng, cây báu, hoa đẹp, đèn xinh. Không phải chỉ những sự chim hót pháp mâu, gió reo nhạc điệu. Mà ta còn được cùng chư đại Bồ Tát Thánh chúng câu hội, ở trong vô lượng quang minh của Phật, sống lâu vô số kiếp, chứng Vô sanh nhẫn, thành Vô thượng Bồ-đề, tế độ vô biên chúng sanh, đây mới chính thật là đáng vui thích.

Khách dùng môn thiên của khách, thích cõi ế trước. Còn tôi dùng môn thiên của tôi, thích cõi thanh tịnh. Nơi thiên, không khách không tôi. Nơi thích không ế không tịnh. Khách không có lý lẽ gì mà quở tôi đặng !”.

Năm Long Khánh, ông được phục chức Lại Khoa. Đến năm Vạn Lịch, ông được thăng chức Hình Bộ Thị lang.

Năm Vạn Lịch thứ 16, tháng Bảy, ông nằm bệnh, miệng không ngớt niệm Phật. Thời ấy có lệ đến tháng nắng nực, phàm các quan tam phẩm trở lên, mỗi ngày triều đình có cấp nước đá. Hôm ấy để khối nước đá bên giường ông nằm. Mọi người đồng thấy trong khối nước đá hiện ra một tòa tháp bảy tầng, chung quanh có lan can trên có phan cái, các cửa treo linh ngọc. Khối nước đá tan dần, tòa tháp cũng nhỏ dần theo. Giấy lát sau, lúc ông tắt hơi thời bóng tháp cũng biến mất. Người kinh đô truyền nhau cho là một sự lạ ít có.

Trích ở các bộ **Minh Sử, Lạc Ban Văn Loại, Đàm Uế**

---o0o---

V - NGHIÊM TRÙNG

Ông Nghiêm Trùng, tự Đạo Triệt, người Giang Nam, làm Tri phủ ở Thiệu Võ. Tuổi già hưu trí, ở nhà tu theo môn Tịnh độ của Liên Trì Đại sư. Con trai ông là Nghiêm Phát vẫn là người siêng niệm Phật, thích làm lành. Năm 25 tuổi có bệnh sắp chết, ông bảo : “Đừng tạp niệm, phải nhứt tâm niệm Phật !”. Phát đáp : “Vâng !”. Giây lát ông lại bảo : “Từ nay trở đi cha cũng quyết nhứt tâm niệm Phật”. Phát mừng rỡ nói : “Được như vậy thời con không còn lo gì nữa”. Dứt lời Phát nghiêm nét mặt chấp tay mà mất.

Ông đem bản Long Thơ Tịnh Độ của Nghiêm Phát khắc in ra, rồi gửi tặng những người thân thuộc, cùng các bạn hữu xa gần và kèm theo bức thư như vậy : “Trùng này ngày trước phải bệnh tưởng chết nào ngờ được sống sót. Dầu hiện tại mạng còn, biết đâu ở ngày mai ! Nghĩ lại bao năm ở hoạn trường cùng những thời gian kinh doanh gia nghiệp, thiệt vô vị đồng như nhai sáo. Dã da như nhóp sẽ hư rã nay mai. Lục trần duyên ảnh có gì bền chắc. Chẳng chi bằng đổi hẳn tâm phàm mà cầu sanh Tịnh Độ, niệm một câu A Di Đà, tiêu vô biên tội nghiệp. Kính tặng tập văn Tịnh Độ này để tỏ chút lòng thành”.

Năm 78 tuổi, ông được chánh niệm phân minh mà tạ thế.

Trích ở bộ : **Thường Thục Chí, Vân Thê Pháp Vị, Tịnh Độ Văn Bạt**

---o0o---

VI - THÁI THỪA THỰC

Ông Thái Thừa Thực, tự Quý Đình, người Hồ Quảng. Năm hai mươi ngoài tuổi ông trường trai phụng Phật. Ông thường tụng “Tam Thiên Phật Danh Kinh”, mỗi ngày ghi nhớ ba hiệu Phật, ba năm thời thuộc lòng trọn bộ nhần đến trọn đời vẫn không quên. Năm Vạn Lịch thứ 11, ông đỗ Tiến sĩ lãnh chức Thái Thú ở Thiệu Hưng. Mỗi ngày ông tụng Kinh Kim Cang. Nơi tư thất, ngoài lưu hương bàn Kinh ra, không trần thiết món chi khác. Ông trùng tu chùa Cổ Lăng Nghiêm, cảm dân chúng trong địa phương ông cai trị không được sát sanh tế thân. Sau khi cầu đạo với Liên Trì Đại sư, ông chuyên tu niệm Phật Tam muội.

Ít lúc sau, ông được thăng chức Thái Thường Tự Khanh, rồi ông từ quan về nhà cất am tranh lập hội niệm Phật. Ông chiêu đãi những người ruộng rẫy, những kẻ làm thuê, đồng tu niệm Phật. Ông có làm bài kệ để tạ từ các quan khách : “Kẻ khách nhớ nhà An Dưỡng. Hủ nho tạm ở sông Tương, chẳng lo việc ngày mai một, chỉ chờ được giấy Tây phương, an phận một mái tranh nhỏ. Vừa mồm đôi đĩa rau tương. Trong lòng phải sạch tình thương ghét, phó mặc cho ai quở với hờn”.

Năm sắp từ trần, ông tự hiệu là “Bất Cứu Đạo nhơn”. Đến khi nhuốm bệnh, ông đến chùa thỉnh chư Tăng xuống tóc. Về đến nhà, thấy Thánh chúng đem ngân đài tới rước. Ông luôn miệng xưng Quan Thế Âm Bồ Tát mà tạ thế. Ông có trứ tác các bộ Tịnh Độ Thi, Nhơn Quả Thơ được lưu hành trong đời.

Trích Kim Cang Tân Dịch Lục

---o0o---

VII - PHÙNG TẬP

Ông Phùng Tập, tự Tế Xuyên, người đất Thục, đỗ Tiến sĩ triều Tống. Lúc đầu ông đến học đạo với Phật Nhân Thiên sư, sau lại đến học với Đại Huệ Thiên sư, rồi vào núi kiết hạ tham thiền rất được ngộ nhập, sau khi ngộ đạo, ông tu Tịnh độ, soạn nghi “Di Đà Sám”. Năm Thiệu Hưng, lúc trấn nhậm Lô Nam, ông cổ xướng Tăng và tục lập hội niệm Phật, đồng phát nguyện vãng sanh. Thuở ấy, tạng Kinh của tông lâm phần nhiều bị hư mất vì nạn giặc loạn. Ông xuất tiền lương của mình tạo 48 tạng Kinh Đại thừa và 48 tạng Kinh Tiểu thừa dâng vào các tông lâm, đồng thời ông viết bài phát nguyện : Sự thí Kinh của tôi, một việc mà đủ cả hai. Dùng của tạo Kinh là “tài thí”. Dùng Kinh truyền pháp là “pháp thí”. Tài thí sẽ được phước đức ở nhơn gian và thiên thượng. Pháp thí sẽ được thông minh tài trí. Cả hai báu đó đều là nhơn của sanh tử, gốc của luân hồi. Nay tôi phát nguyện đem hai báu đó hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ, đến khi lâm chung vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, hoa nở thấy Phật nghe pháp nhiệm màu, chứng Vô sanh nhẫn, trụ bậc bất thoái, nhập Bồ Tát vị. Rồi tôi sẽ trở lại cõi trước ở mười phương hiện vô lượng thân mà làm Phật sự. Nguyện tôi sẽ như Quan Thế Âm Bồ Tát, đủ đại từ bi, đủ đại thần lực, phân thân khắp trong các loài chúng sanh, tùy loại hiện hình thuyết pháp cho chúng sanh đều được trí huệ, dù dốt tất cả đều thoát hẳn luân hồi, khắp cùng chúng sanh đồng được thành Phật. Đó là chí nguyện thí Kinh của tôi vậy.

Về sau ông bổ nhiệm Mang Châu. Mùa Thu năm Thiệu Hưng thứ 23, ông dâng biểu xin nghỉ, đồng thời tin cho các quan liêu và thân bằng pháp hữu, hẹn đến ngày mùng 3 tháng Mười thời từ trần. Đến kỳ, ông truyền thiết tòa cao ở hậu sảnh. Buổi sáng ấy, quan liêu tân khách đến chật dinh. Ông vẫn vui vẻ tiếp như thường. Gần giờ Ngọ, ông sửa mũ áo nghiêm chỉnh vọng về phía hoàng cung mà bái từ. Ông thỉnh Tào Sứ tạm nhiếp các việc trong Châu. Rồi ông thay y phục Sư Tăng, thăng tòa cao, dặn tất cả Tăng và tục gắng tinh tấn tu trì, hoằng pháp độ sanh. Dặn xong, ông cầm tích trượng để ngang gối,

ngồi yên mà thác. Tào Sứ nói : “Quan lớn đi ở tự tại như vậy, sao không để lại một bài kệ, hầu nêu gương cho đời !”. Ông lại mở mắt ra bảo đem giấy mực lại, ông tự tay cầm bút viết : “Đầu ba mươi mốt, giữa chín dưới bảy, già này nói hết, anh rùa đỏ mắt”. Ông ném bút mà tạ thế.

Trích ở các bộ : **Ngũ Đẳng Hội Nguyên, Liên Tông Bửu Giám**

---o0o---

VIII - NGÔ BÌNH TÍN

Ông Ngô Bình Tín, tự Tử Tài, người Minh Châu. Năm Thiệu Hưng triều Tống làm quan nơi triều, vì gây với Tần Cối mà bị đuổi. Ông về làng cát am ở, ngày đêm tịnh tọa quán Phật niệm Phật. Ông sắm một cái hòm, ban đêm vào nằm trong đó. Cắt một đồng tử cứ đến đầu canh năm gõ hòm mà xướng to rằng : “Ông Ngô Bình Tín về đi thôi ! Tam giới không an chẳng nên ở, Tây phương Tịnh Độ có liên đài. Ông Ngô Bình Tín về đi mau !”. Ông nghe tiếng liền trỗi dậy tọa thiền niệm Phật.

Ít lâu, Tần Cối chết, triều đình triệu ông về giữ Lễ Bộ Thị Lang, rồi bỏ nhiệm Thường Châu, năm Thiệu Hưng thứ 26 lại triệu về triều. Đi đến quán dịch ở Tiêu Sơn, ông tịnh tọa, giây lát ông gọi những người tùy tùng bảo lắng nghe, mọi người đều nghe tiếng thiên nhạc du dương từ Tây phương lần đến. Ông nói : “Kim đài đã đến, tôi xin đi !”. Dứt lời, ông liền tắt thở.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thông Kỹ**

---o0o---

IX - HỒ NHƠN

Ông Hồ Nhơn, tự Đạt Phu, người Tiền Đường, làm quan triều Tống. Sau khi trí sĩ ông thường thân cận Thanh Chiếu Luật sư. Một hôm ông nằm

bệnh, con ông thỉnh Thanh Chiếu đến nhà. Thanh Chiếu bảo ông : “Đại phu bình sanh thường cùng Huệ Hanh này thân cận nhau, há lại chẳng rõ đại sự cuối cùng ư?”. Ông nói : “Phải chăng là tâm tịnh thời độ tịnh?”. Thanh Chiếu hỏi : “Trong tất cả thời trọn hẳn không tạp niệm nhiễm ô chăng?”. Ông đáp : “Chưa được”. Thanh Chiếu bảo : “Như thế thời đâu có thể đặng tâm tịnh độ tịnh”. Ông hỏi : “Kinh nói xưng A Di Đà Phật một câu, diệt được tội sanh tử trong tám mươi ức kiếp, là sao vậy?”. Thanh Chiếu bảo : “Đức A Di Đà Phật có đại thệ nguyện, có đại phước đức, quang minh thần lực của Phật không thể nghĩ bàn, rõ như trong Kinh đã dạy. Vì thế nên một khi xưng hồng danh của Phật thời tội chướng liền tiêu. Như mặt trời đứng bóng sương tuyết đâu còn được!”. Nghe lời giảng giải, ông tỏ ngộ, bèn nhứt tâm niệm Phật, và bảo người thỉnh Tăng đến nhà trợ niệm cho ông, cách tháng sau, Thanh Chiếu Luật sư lại đến. Ông vừa thấy liền nói : “Sao ngài đến quá trễ vậy, làm phiền Quan Thế Âm, Đại Thế Chí giáng lâm đợi đã lâu”. Thanh Chiếu và chư Tăng đồng thanh niệm Phật, ông vui vẻ chấp tay mà qua đời.

Trích ở bộ **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

X - VƯƠNG TRUNG

Ông Vương Trung người Gia Hòa là quan Triều Tán Đại phu nhà Tống. Ông từng đến tham học với Tiểu Bồn Thiền sư, mà chưa được ngộ nhập. Một hôm nghe ông Tăng tụng Kinh Di Đà, trong lòng cảm động, ông bèn chuyên tu Tịnh độ. Mỗi ngày, ông định khóa tụng bảy biến Kinh Di Đà, niệm Phật một vạn câu, ngót 16 năm không một ngày biếng trễ, ông lập hội niệm Phật tại nhà, không luận kẻ Tăng người tục, kẻ sang hay người hèn đều được dự hội.

Về sau, ông vẫn khỏe mạnh như thường, tắm gội thay y phục, xoay mặt về hướng Tây, ngồi kiết già mà tạ thế.

Trích ở các bộ : **Phật Tổ Thống Kỹ, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

XI - HAI THỢ RÈN TRIỀU TÔNG

Ông Lý Ngạn Thông, người Cối Kê làm thợ rèn, tình cờ đến chơi nơi hội quán của hội niệm Phật tại làng. Ông nghĩ đến thân mạng vô thường, bèn phát tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Một hôm phải bệnh, ông bảo người nhà : “Tôi mơ đến Cực Lạc thấy hai cửa ngõ bằng vàng ngọc đóng kỹ. Sư Tăng tự xưng hiệu Tông Lợi mở cửa dắt tôi vào. Thấy đèn đài cao lớn sáng đẹp Phật và Bồ Tát đang ngự trong ấy. Tôi sắp sẽ được về Tịnh Độ !”. Ông cho người thỉnh Tăng Hi Kinh và Đạo Quả đến bên giường để sách tấn ông. Ông bảo gia quyến đồng thanh niệm Phật. Giấy lát ông tự trở dậy ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng Tây mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỹ**

Ông Huỳnh Sanh, người Đàm Châu, sống với nghề thợ rèn. Tay đập sắt, miệng niệm Phật. Một ngày nọ, ông nhờ người láng giềng chép giùm bài kệ từ trần, rồi ông đọc rằng : “Đanh ! Đanh ! Đang ! Đang ! Cứu luyện thành cang. Thái bình tương cận. Ngã vãng Tây phang !”. Ông lại dặn : “Sau khi tôi vãng sanh, nên đem bài kệ này truyền bá khắp nơi, để khuyên người niệm Phật”. Dứt lời ông đoan tọa mà qua đời.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỹ**

---o0o---

XII - BA NHÀ NÔNG

1) Triều Tống, ông Từ Lục, một ông nhà nông ở Ngô Hưng, ăn chay trường niệm Phật. Tại nhà thờ tượng A Di Đà sớm tối lễ kính, luôn 40 năm tu hành. Ông thường mơ thấy đến Cực Lạc thế giới. Ông có sắm sẵn một cái khánh. Một hôm, ông tắm rửa sạch sẽ thay y phục, mang dép rơm vào ngồi ngay thẳng trong khánh niệm Phật. Một lát sau ông nói to : “Đức Phật đã đến rước tôi !”. Rồi yên lặng mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

2) Ông Trần Đức Tâm, một nhà nông ở Tô Châu. Ngày nóng bức ông đi hóng mát, tình cờ thấy bản “Kính tín lục” nơi trường làng. Ông nhờ thầy học giảng nghĩa cho. Ông tỏ ngộ lý nhơn quả, gắng làm việc phước thiện và thường đi theo đường lượm giấy chữ. Cư sĩ Bành Nhị Lâm thấy thế biết là người có thiện căn, bèn mời vào Văn Tinh Các, khuyên ông niệm Phật, ông vốn không biết chữ, nhưng tu trì rất chuyên cần, rồi tự nhiên lần lần biết đọc biết viết.

Ít lúc sau, ông lãnh chức quản đốc các việc phóng sanh, an táng nơi hội Diêu Tế tại Tô Quận. Mỗi khi thấy thân chết, xương người, ông luôn than thở nhơn mạng vô thường, nên công phu niệm Phật của ông càng thêm tinh tấn. Năm ông 69 tuổi, đương mạnh khỏe như thường, ông bỗng đi từ biệt thân thuộc cùng các bằng hữu mà hẹn ngày từ giả cõi đời. Đến kỳ, ông đóng cửa yên lặng ở trong phòng. Các bạn đồng sự xô cửa vào xem, thời thấy trên bàn cúng một tượng Phật, đôi nến đương cháy sáng, hương lạ thơm ngát. Còn ông Đức Tâm đã chết ngồi, mặt xoay về hướng Tây. Bảy giờ là ngày Rằm tháng Tám năm Gia Khánh thứ 18 triều Thanh.

Trích ở bộ **Nhiễm Hương Tập**

3) Ông Lại Tường Lân người Giang Tây, tánh chơn chất, trọn đời làm ruộng. Năm sáu mươi ngoài tuổi, con trai chết, ông phải làm nuôi dâu góa cháu cô. Nhơn đó ông rất nhàm chán đời người phiền khổ, muốn tìm phương thoát ly.

Một hôm được nghe cư sĩ Lại Thiên Dung, cháu họ của ông, giảng giải pháp môn Tịnh độ, ông liền ăn chay trường niệm Phật, quyết chí vãng sanh. Chỉ có bệnh rượu, vì ghiền đã lâu nên chưa bỏ được. Cư sĩ Lại Thiên Dung cắt nghĩa những sự tội lỗi của người uống rượu, ông cố gắng chừa. Lúc đầu ông nghe khắp trong thân thể mỗi mê mệt nhọc, nhưng rồi lần lần thân thể càng khỏe, tâm trí lại có phần minh mẫn hơn và với sự niệm Phật lại sanh quan niệm ưa thích. Được ít lâu, niệm lực thuần thực, dầu cày cuốc suốt ngày, nhưng câu Phật không rời tâm. Người lân cận gặp ông đều chào rằng : “A Di Đà Phật !”. Ông cũng đáp lại : “A Di Đà Phật !”.

Năm Dân Quốc thứ 8, chân ông sưng, đi đứng không tiện. Một hôm ông bảo người cháu đặt bàn hương án vọng về Tây phương và nói : “Cảnh giới Tây phương Cực Lạc rất đẹp ! Cháu xem biết bao nhiêu là hoa sen báu sáng chói. Ông sẽ về Tịnh Độ trong ngày nay”. Người cháu nói : “Chân ông sưng yếu đi sao được”. Ông bảo : “Tâm đi chớ không phải thân máu thịt này đi !”. Người cháu vâng lời trần thiết hương án, và giữa lúc người cháu thắp hương, ông ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây, chấp tay niệm Phật vài câu mà từ trần, thọ 75 tuổi.

Trích ở bộ **Thánh Hiền Lục Tục Biên**

---o0o---

D 2 - CHỮ TÍN NỮ

I - PHÙNG THỊ

Phùng Thị Pháp Tín, người Quảng Bình, vợ của Trần Tư Cung ở Trần Giao. Thuở thơ bé Phùng Thị luôn ốm yếu, sau khi về nhà họ Trần, bệnh càng ngày càng hơn. Bấy giờ, Từ Thọ Thâm Thiên sư hoằng truyền Phật pháp ở Vương Thành, Phùng Thị đến cầu phương trị bệnh. Thâm Thiên sư bảo ăn chay trường, niệm A Di Đà Phật. Phùng Thị tín thọ.

Sau khi trở về nhà, Phùng Thị ăn chay, dẹp phần son, mặc áo thô, siêng tu tịnh nghiệp. Tất cả những công hạnh : tụng Kinh, niệm Phật, lễ sám, bố thí v.v... đều hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Không bao lâu mà bệnh lần lành. Phùng Thị vẫn quản suất gia nghiệp, vẫn siêng tu tịnh nghiệp, trọn mười năm như vậy. Mặt Thị không chút vẻ trề lười, không một nét kiêu hãnh, tâm an, thân khỏe thần sắc mỗi ngày mỗi thêm khương kiện.

Một hôm, Phùng Thị bỗng biên bài kệ rằng : “Tùy duyên theo nghiệp đã nhiều năm, uổng làm trâu cày thiệt thương tâm. Chết chửa thân tâm sớm thoát ách. Từ nay khỏi hẳn sợ giây dằm”. Gia quyến thấy bài kệ ấy lấy làm lạ hỏi duyên cớ. Phùng Thị bảo : “Trong cõi tâm thanh tịnh vì vọng niệm mà đọa luân hồi, nghiệp người này nay mai sẽ mãn, tôi liền trở gót về Tây, rất toại nguyện của tôi, có gì lạ mà hỏi”.

Tháng Chín năm ấy, Phùng Thị nhuốm bệnh đến tháng Chạp. Một đêm nọ, Phùng Thị nói với người đang canh bệnh rằng : “Tôi đã được thần du Tịnh Độ, được lễ dưới chân của Đức Phật A Di Đà, Quan Âm và Thế Chí nhìn tôi. Trăm nghìn muôn ức Thánh chúng đồng chấp tay mừng tôi sẽ sanh về Cực Lạc. Đến như cung điện, ao báu, hàng cây, xinh đẹp sáng chói đúng như trong Quán Kinh đã nói. Ai đến đó sẽ tự biết, không thể tả rõ ra được”. Người canh bệnh vội gọi Trần Tư Cung đến, và thuật lại lời trên. Tư Cung biết vợ sắp vãng sanh liền hiệp với gia quyến đồng niệm Phật với Phùng Thị. Đến sáng sớm, Phùng Thị nằm nghiêng qua tay mặt mà mất, được 36

tuổi. Ba ngày sau, lúc nhập liệm, mọi người đồng nghe mùi thơm lạ. Đến khi đem trà tỳ, cạy nắp quan tài ra xem, sắc mặt của thầy Phùng Thị vẫn tươi như lúc còn sống.

Trích ở bộ **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

II - NGÔ THỊ

Ngô Thị vợ của Lữ Hoàng, hai vợ chồng đều thông Phật pháp và đồng hiệp chí thanh tu. Cả hai người tứ gái cũng đều trai giới. Một người thích thiền lý, không bao lâu phải bệnh, vẫn cười nói vui vẻ đoan tọa mà mất. Một người giữ giới khổ hạnh, hoặc có lúc trọn ngày không ăn chỉ uống một chén nước cúng Phật, một hôm người tứ gái ấy bỗng thấy hoa sen vàng lớn hiện ra trước mặt. Trên hoa chỉ thấy dạn dạn chân người ngồi kiết già. Vài ngày sau thấy rõ đến gối, vài ngày sau thấy rõ đến bụng và ngực. Lại ít hôm sau thấy rõ cả đầu mặt, tướng hảo đều hiện đủ. Thì ra, vị ngồi giữa là Đức Phật A Di Đà, bên tả là Quan Thế Âm Bồ Tát, bên hữu là Đại Thế Chí Bồ Tát. Không bao lâu cả cung điện, cây ao và Thánh chúng đều hiện ra trước mặt rõ ràng, luôn ba năm như vậy không một giây phút ảm rời. Có người hỏi có nghe được Đức Phật thuyết pháp không ? Tứ gái đáp : “Tôi chỉ được thiên nhãn chưa được thiên nhĩ, nên chưa được nghe lời Phật thuyết pháp”. Không bao lâu cô ấy tự nói trước ngày giờ vãng sanh rồi từ trần.

Ngô Thị thờ đức Quan Thế Âm rất thành khẩn. Trong tịnh thất để vài chục cái bình đựng nước trong, mỗi ngày tụng chú Đại Bi, bên thấy đức Quan Thế Âm phóng quang chiếu vào những bình ấy. Ai có bệnh thỉnh nước ấy uống liền được lành. Nước ấy dầu để lâu năm mà mùi sắc vẫn không biến đổi. Đến mùa Đông tiết Đại hàn, nước khác bị hơi lạnh đông đặc, mà nước

ấy vẫn y như thường. Vì thế nên người thời ấy gọi Ngô Thị là “Quan Âm Huyện Quân”.

Trích ở bộ **Tịnh Độ Văn**

---o0o---

III - VƯƠNG THỊ

Vương Thị là vợ của Mã Vĩnh Dật. Ông Vĩnh Dật chuyên tu tịnh nghiệp, sự tích chép trong truyện ông Mã Vu. Vương Thị cũng y theo pháp thập niệm hồi hướng của Từ Vân mà tu trì. Thị lại thường tụng bài kệ phá địa ngục, tức là bốn câu kệ trong Kinh Hoa Nghiêm : “Nhược nhơn dục liễu tri. Tam thế nhứt thiết Phật. Ứng quán pháp giới tánh. Nhứt thiết duy tâm tạo”.

Một đêm nọ, Vương Thị chiêm bao thấy chủ địa ngục đến tạ rằng : “Nhờ công đức tụng kệ của bà, nên trong địa ngục có rất nhiều tội nhơn được sanh lên Thiên đạo”.

Về sau, trong khi nằm bệnh, Vương Thị niệm Phật không ngớt tiếng, mãi đến hơi cuối cùng. Cả quyến thuộc và mấy người tớ gái đồng chiêm bao thấy Thị về mách rằng : “Tôi đã được sanh về Tịnh Độ !”.

Trích ở bộ **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

IV - BỐN NGƯỜI Ở TIỀN ĐƯỜNG

1) Cũng Thị mẹ của ông Tôn Biện mỗi ngày bà tụng Kinh Di Đà và niệm Phật. Một hôm Thị có bệnh, thỉnh Thanh Chiếu Luật sư đến nhà giảng

cảnh Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm. Sư chưa dứt lời Cung Thị đã đoan tọa mà mất.

Mụ tở già họ Vu cũng ăn chay niệm Phật, nằm mơ thấy Cung Thị về bảo rằng : “Tôi đã vãng sanh Tịnh Độ, bảy ngày sau mụ sẽ được về”. Đúng bảy ngày sau, mụ Vu quả không bệnh mà qua đời.

2) Tôn Nữ thường ngày niệm Phật trì chú. Khi cô bệnh, cô thỉnh Thanh Chiếu Luật sư đến mà bạch rằng : “Mang bệnh lâu ngày tôi rất nhàm chán thân sống thừa này. Chẳng biết làm thế nào mau thoát ly cõi trước khổ này, mà được diêu lạc thanh tịnh?”. Sư đem nhân duyên Tịnh Độ giảng giải cho. Tôn Nữ rất mừng chí tâm hồi hướng Cực Lạc. Đêm đó Tôn Nữ mơ thấy Sư trao cho một chén thuốc, cô liền bung uống. Sau khi thức dậy bệnh như mất. Ba ngày sau, Tôn Nữ bảo người nhà rằng : “Thánh chúng đã đến, tòa sen vàng rất đẹp sáng. Tôi xin đi !”. Dứt lời Nữ giơ tay kết ấn mà mất.

3) Thí Thị vợ của ông Trầm Thuyên, cùng chồng đồng tu tịnh nghiệp. Thỉnh Thanh Chiếu Luật sư y theo Quán Kinh, họa bức “Cửu phẩm vãng sanh” để hằng ngày quán tưởng. Bà thường trai Tăng cúng Phật, ấn tống Kinh Bát Nhã, dựng chùa ở Kinh Sơn và Thiên Ninh. Bao nhiêu công đức bà đều hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Về sau bà cùng chồng trước sau vãng sanh, lúc lâm chung đều thấy Hóa Phật đưa tay, ngồi xoay mặt về Tây mà tạ thế.

4) Quách Diệu Viên người Nhơn Hòa, em gái của Thanh Chiếu Luật sư, trường trai niệm Phật, mỗi ngày cô tụng Kinh Di Đà cùng Kinh Pháp Hoa và lễ Phương Đăng Sám. Một hôm cô đương tịnh tọa quán tưởng Tây phương, bỗng nghe trên hư không có tiếng xướng to rằng : “Quách Diệu Viên quyết được vãng sanh Tịnh Độ”. Khi sắp từ trần, cô thỉnh Thanh Chiếu Luật sư đến thuyết pháp, cô ngồi ngay thẳng yên lặng lắng nghe. Sư giảng chưa dứt lời, cô đã theo Phật.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Ký**

---o0o---

V - NIỆM PHẬT THẤY PHẬT

Giao Bà chuyên tu Tịnh Độ, ngày đêm niệm Phật không hở. Một hôm đương lúc bà hướng Tây phương niệm Phật thoát thấy giữa mặt nhật hiện Đức Phật A Di Đà đầy đủ tướng tốt. Bà liền cầu Sư Tư Tịnh họa thành bức tượng. Sư Pháp Di đề lời tán vào bức tượng ấy như vậy : “Cực Lạc thế giới có nơi chốn. Ở hướng mặt trời lặn mỗi ngày. Vì thế Phật dạy Vi Đề Hy. Quán kỹ trời lặn như huyền cổ. Lành thay Giao Thị một mục già ! Dùng đặng tâm này cầu Tịnh Độ. Tôi quán sáng tượng luôn nhiều năm. Ngồi niệm, đi niệm quên lao khổ. Di Đà liền từ tâm tượng sanh. Thoạt nhiên trước mặt kim nhan lộ ! Bấy giờ hư không không chút mây, Tây phương còn đứng mặt trời nọ. Phật tỏa quang minh phủ thái dương. Mắt biếc, bạch hào tướng tốt lạ. Mừng vui tràn ngập cả tâm thần. Mục liền tức tức cầu Tịnh Sư. Thuật rõ Phật hiện thật hy hữu. Thịnh Sư cầm bút mau tô họa. Tôi nghe việc ấy hoan hỷ thay. Vì người chưa ngộ biên lời kệ ! Nên biết cách Phật vốn không xa. Xiển đề đâu rõ sự lý đó. Dầu quá quốc độ mười ức muôn. Một niệm vượt qua như nửa bước. Nếu có người mê hỏi dò đường. Bảo rằng thẳng tới như thế nọ”.

Trích ở bộ **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

VI - MỤ VƯƠNG

Mụ Vương người Minh Châu, mỗi ngày tụng Kinh Kim Cang. Mụ mang thai 28 tháng mà chưa sanh, càng ngày càng ốm gầy. Một hôm đứng dựa cửa ngõ, tình cờ có một Sư Tăng đi ngang qua, mụ vái chào, Sư nhìn mụ rồi bảo : “Mụ có thiện căn, sao không ấn tống một nghìn quyển Kinh Kim Cang ?”.

Y theo lời Sư mục ấn tống 1000 quyển Kinh Kim Cang. Mục lại tặng 1000 vị Sư, tụng 1000 biến Kim Cang. Phật sự vừa xong, tối đến, vào lúc canh ba, mục mơ thấy thần Kim Cang cầm bảo xử chi bụng mục, khi mục thức dậy thời hai đứa trẻ trai đã lọt lòng từ hồi nào rồi.

Từ đó mục Vương trường trai, tụng Kinh Kim Cang không sót ngày nào. Năm 61 tuổi chết, hai quý sứ dắt mục đến trước Diêm Vương. Mục tự thuật là từ thuở trẻ đến nay luôn trì Kinh Kim Cang. Vương cho ngồi trên ghế vàng bên cạnh điện. Mục ngồi xong liền tụng rành rõ một biến kinh. Diêm Vương hỏi : “Sao không tụng chú bồ khuyết ?”. Mục đáp vì chưa gặp bản. Vương truyền quý sứ vào kho mang bản có chú ra trao cho mục và dặn : “Mục đem bản này về dương gian lưu thông chớ để lạc mất ! Sau này khi tuổi thọ đã mãn, mục sẽ được vãng sanh Cực Lạc thế giới, không còn phải đến chốn này nữa”. Vương sai quý sứ đưa mục về. Mục bèn sống lại. Về sau, mục Vương vẫn khỏe mạnh ngồi an mà mất, thọ 91 tuổi. Bấy giờ nhằm triều Tống.

Câu chú bồ khuyết ấy như vậy : “Án hô lô hô lô xã duệ mục khế xá ha”.

Trích ở bộ **Kim Cang Chứng Quả**

---o0o---

VII - LÒNG THÀNH CẢM QUAN ÂM

Vương Bá Nương người Minh Châu thuở bé mồ côi, khi vừa mới có chồng lại phải ở góa, bèn sống nhờ nơi nhà người cậu là ông Trần An Hành. Mùa Hạ năm Thiệu Hưng thứ hai, Bá Nương bỗng mắc bệnh điếc và câm. Khi cô muốn việc chi, chỉ viết chữ trên giấy. Ông Hành bảo quy thành nơi Quan Thế Âm Bồ Tát, Bá Nương bèn sớm tối lễ lạy.

Một hôm Bá Nương ngủ gật, chợt thấy Bồ Tát hiện thân dạy cho tu hành pháp môn mau tất : mỗi ngày hướng về Tây phương lễ Đức A Di Đà Phật. Bồ Tát lại truyền cho bài kệ rằng : “Tịnh Độ châu sa giới, vân hà độc lễ Tây ? Đản năng hồi nhứt niệm. Xúc xứ thị Bồ-đề !”. Bồ Tát lại căn dặn nên khuyên mọi người trì tụng bài kệ ấy. Sau đó chưa đầy một tháng, Bá Nương hết cảm điếc mà thêm được niệm lực thuần thực, trí huệ khai phát ứng đáp như lưu.

Vì muốn người đời phát tâm, Trần An Hành bèn khắc việc trên để truyền cho mọi người cùng biết.

Trích ở tập **Di Kiên Chí**

---o0o---

VIII - CHÂU THỊ

Châu Thị Như Nhứt vợ của Tiết Sanh ở Minh Châu. Năm hai mươi ngoài tuổi, mẹ mất, Thị mặc tang phục trai cư, siêng tu tịnh nghiệp, Thị dùng hàng vàng, thỉnh người viết chữ khéo tả Kinh Pháp Hoa, rồi Thị dùng nhung xanh thêu lên, lằn chỉ khít sát, nét chữ vừa rõ vừa đẹp, mười năm mới xong bảy quyển (trọn bộ). Trong thời gian thêu Kinh, Thị xướng hồng danh của Đức A Di Đà Phật mà đánh lễ đủ tám muôn bốn ngàn lạy. Thị lại thêu tượng A Di Đà Phật cùng Quan Thế Âm. Thị học Kinh Pháp Hoa ba tháng thuộc lòng trọn bộ. Kế đó Thị xem các Kinh Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Lăng Nghiêm, Viên Giác đều thông hiểu được cả. Thị lại chạm gỗ in đồ công đức, dùng khuyên người niệm A Di Đà Phật. Phàm người lãnh đồ niệm đủ số mười muôn câu thời Thị đứng hồi hướng Tây phương Tịnh Độ cho. Trước sau, thị giáo hóa được hai chục vạn người phát tâm niệm Phật. Thị cất nhà ở bên mộ, một cái thất thờ Phật, một cái thất để chép Kinh, một cái thất để tịnh tọa. Giúp việc chỉ một cô tớ gái, vui khổ cùng chia.

Mùa Xuân năm Thiệu Hy thứ tư, Thị bán cả đồ tư trang, lập trai hội ba ngày cúng dường cho 1000 vị Tỳ kheo. Trong ba ngày ấy, Thị hội Tăng và tục một muôn người ngày đêm cùng nhau niệm Phật A Di Đà Phật, rồi Thị sắm bảo tràng trang nghiêm bảy pho Kinh Pháp Hoa của Thị thêu, và biên tên họ của những người dự hội, đưa cả vào để cúng dường tại đạo tràng La Hầu La.

Tháng Chạp năm ấy, Thị nhuốm bệnh nhẹ khi sắp từ trần, Thị ngồi kiết già ngay thẳng. Tiết Sanh nói : “Nhà tôi từ nào không có cách ấy, xin nằm yên”. Thị bèn hướng về Tây phương nằm nghiêng bên tay mặt mà vãng sanh, được 37 tuổi.

Trích ở bộ **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

IX - NHỊ TRÍ

* Hạng Thị Diệu Trí người Triết Giang, sau khi chồng chết, Thị rất siêng tu hành, luôn ngày niệm Phật. Có hai người con gái, thị đều cho xuất gia làm Sư Ni. Thị từng sắm sẵn một cái quan tài. Khi sắp tạ thế Thị nói với hai Sư Ni rằng : “Tôi muốn ngồi kiết già mà vãng sanh, nhưng cái quan tài này để làm chi ?”. Sư Ni nói : “Xưa kia Đức Phật nhập Niết-bàn vẫn dùng kim quan, không hề gì !”. Thị bèn tụng chương Thượng phẩm vãng sanh trong Quán Kinh, rồi xoay mặt về hướng Tây, nằm nghiêng bên hữu, hai tay kiết ấn mỉm cười mà mất. Bấy giờ là năm Thiệu Định thứ 6 triều Tống.

* Trần Thị Diệu Trí người Tứ Khê, dâu nhà họ Chương. Thuở bé, Thị đã trường trai, mỗi ngày hai thời niệm Phật. Khi về nhà chồng, Thị vẫn không đổi chí, vẫn ăn chay niệm Phật như xưa. Tánh Thị hay thương xót người và vật, không ngót làm việc phóng sanh và bố thí.

Một hôm nhuốm bệnh sơ sài, Thị càng chuyên niệm Phật, bỗng thấy Đức A Di Đà Phật hiện thân vàng trên hư không, Bồ Tát và Thánh chúng đứng hầu hai bên. Từ lòng trắng giữa chặng mày của Phật phóng ánh sáng chiếu đến Thị giống như một cái móng dài, sáng chói như cả nghìn ngọn đèn lớn. Một lát sau, Thị nằm kiết tường mà từ trần. Bảy giờ nhằm năm Đoan Bình thứ hai, triều Tống.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

X - MỤ THÔI

Mụ Thôi người Tuy Châu ở nuôi vú cho nhà họ Lương tại Đông Bình. Mụ thì tính tình ngay thật, ăn chay trường. Bà chủ tin Phật, tham cứu thiền học. Còn mụ chỉ mỗi ngày siêng niệm Phật. Năm 72 tuổi đau kiết, mụ càng cố gắng niệm Phật hơn. Một hôm, mụ bỗng xướng đọc bài kệ rằng : “Đường Tây rất tốt dễ tu hành. Trên không non núi dưới không hàm. Khi đi khỏi phải mang giày dép. Mỗi bước hoa sen mọc đỡ chân”. Có người hỏi : “Chừng nào bà đi ?”. Mụ đáp : “Giờ Thân chiều nay”. Quả thật đến giờ Thân thời mụ Thôi vãng sanh. Khi trà tỳ, cái lưỡi không cháy, tươi đỏ như cánh sen hồng.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

---o0o---

XI - HAI BÀ TRÌ KINH DI ĐÀ

* Đào Thị người Thường Thực ở góa tu hành, mỗi ngày trì phẩm Phổ Môn, chiêm bao thấy đức Quan Thế Âm trao cho một hoa sen. Ít lúc sau, Thị lại mơ thấy một Sư Tăng trao cho một quyển Kinh. Thị lật xem thời là Kinh Di Đà. Sau khi thức giấc, Thị lấy Kinh A Di Đà ra tụng, thời lâu lâu như đã quen tụng từ lâu, và bắt đầu ngày ấy, Thị thường tụng Kinh Di Đà. Một đêm

nọ, trong nhà phát sáng như ban ngày, Đức A Di Đà Phật hiện thân đứng trên hộp đựng Kinh. Cảm sự linh ứng ấy, Thị càng tinh tấn tụng Kinh. Thỉnh thoảng Xá lợi nổi ra trên quyển Kinh. Thị lượm cất lên đến hơn trăm hột.

* Lý Thị, sau khi chồng chết, mỗi ngày niệm Phật và tụng Kinh Di Đà từ đầu hôm suốt đến sáng, tiếng vang cả trong ngoài, mãi như vậy đến hơn mười năm. Một hôm Thị đương ngồi ngay thẳng niệm Phật. Thoạt có một vị Tăng hiện ra trước mặt, trên đầu Sư Tăng che lọng bằng lụa đỏ. Sư bảo Thị : “Đến giờ Tý ngày rằm này Thị sẽ được vãng sanh”. Thị thưa : “Sư là ai?”. Sư đáp : “Là người mà Thị đang niệm đó!”. Dứt lời, liền biến mất. Đến kỳ, cả nhà mùi hương lạ ngào ngạt, đương giữa đêm mà sáng như ban ngày. Lý Thị đoan tọa mà từ trần. Qua bảy ngày sau làm lễ trà tỳ, răng, lưỡi, tròng mắt đều không cháy, Xá lợi nhiều vô số. Qua ngày kế, chỗ đất trà tỳ mọc lên một đóa hoa sắc trắng vòng tròn hơn hai tấc. Không ai biết là hoa gì.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

XII - HIẾU TÂM CHƠN THẬT

Vương Nữ người Kiết An, thuở nhỏ cô ham mộ Pháp môn Tịnh độ, mỗi ngày tụng các Kinh Di Đà, Quan Âm, Kim Cang. Bà mẹ cô mang bệnh rồi mất. Khi sắp liệm, máu ứ chảy lan. Cô thệ rằng : “Nếu lòng hiếu thảo của tôi chơn thật, nguyện cho thi hài của mẹ tôi không hôi dơ”. Cô nguyện dứt lời máu liền ngưng chảy, đến khi liệm hẳn không hơi hôi.

Ít lúc sau, cha chấp nói. Cô cùng bà kể mẫu đồng chí tu tịnh nghiệp.

Một hôm Nữ phải bệnh, thỉnh Sư Tăng đến nhà giảng pháp quán Tịnh Độ. Giây lát, Nữ trỗi dậy đòi thay áo, rồi nằm kiết tường, tay nắm chót lá

phan trước tượng Quan Thế Âm mà đi. Lúc sắp liệm, bà kể mẩu rai tro trên đất. Sáng hôm sau, chỗ rai tro mọc lên vài đóa hoa sen.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

XIII - BA BÀ ĐOẠN TUYỆT ÁI DỤC

1) Tần Thị Tịnh Kiên người Tòng Giang, ham mộ Phật pháp, nhằm ghét thân phụ nữ. Thị xin phép chồng ở riêng, đoạn tuyệt tình dục, nghiêm trì giới luật. Mỗi ngày sớm tối tu nghi sám hối Tịnh độ, lễ Phật một nghìn lạy. Giờ rảnh, thị xem các Kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm, Bát Nhã, Pháp Hoa, Quang Minh v.v... không ngày nào để luống qua. Một hôm Thị đương ngồi trong nhà niệm Phật, bỗng có quang minh chiếu sáng lấn hơn ánh sáng mặt trời. Thị liền xoay mặt về hướng Tây chấp tay mà từ trần.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

2) Bà vợ ông Dương Tuyền Nhứt ở Nam Kinh, năm 30 tuổi, sau khi sanh một đứa con trai, bà ở riêng, cho chồng cưới vợ bé. Từ đó bà ăn chay trường niệm Phật. Cách 15 năm sau, tháng Tám, nhọt mọc nơi lưng đau nhức thấu xương. Thị tự thấy một con quỷ dữ tay cầm dao xoi khoét lưng mình. Thoạt có một vị thần cao lớn hiện ra đánh đuổi con quỷ ấy. Mụn nhọt liền êm không đau nhức nữa. Vài ngày sau, bà bảo ông Tuyền Nhứt rằng : “Tôi sắp đi, có bốn vị đồng tử đến rước. Nên rót bốn chén trà thơm cúng họ”. Tuyền Nhứt hỏi : “Bà sắp đi đâu ?”. Bà đáp : “Tôi đi Tây phương Cực Lạc thế giới !”. Dứt lời, bà liền chấp tay lên tiếng niệm Phật mà qua đời.

Trích ở tập **Tịnh Độ Thần Chung**

3) Bà vợ ông Tướng Thập Bát, người Hải Diêm. Năm 30 tuổi cùng chồng đồng chí tu hành đoạn trừ ái dục, mỗi ngày niệm Phật và tụng Kinh Đại thừa, luôn như thế đến hơn 40 năm.

Một ngày nọ, hai người đều tự tắm rửa thay đổi y phục, đồng thắp hương xướng hồng danh của Phật. Rồi mỗi người tự biên lời kệ để lại mà tạ thế.

Bài kệ của ông Thập Bát : “Cái thân huyễn này, tứ đại hiệp thành, ngày nay phân tán, gốc đâu về đó. Cái huyễn đã diệt, tro bay khói tắt. Như gió ở hư không, như trăng trên trời trong. Đã không chướng không ngại, lại hay sáng hay suốt. Tất cả dứt hẳn, tuyệt đường ngôn thuyết. Ba mươi năm nay, thoát ly ái dục. Xiển dương Đại thừa, sớm tụng tối đọc. Ngày nay thả tay thẳng về Tây, tự có hiện thành sẵn đạo quả”.

Bài kệ của bà Tướng : “Đọc Pháp Hoa Kinh mười bốn ngàn. Bình sanh tu niệm có nhơn lành. Tây phương Tịnh Độ nhà ta đó. Tự tại ngòi an Bát nhã thoàn !”.

Trích ở tập **Nhàn Song Hoát Di Chí**

---o0o---

XIV - LỄ PHẬT TƯỚNG HẢO

Hồ Thị Tịnh An người Cối Kê, chuyên tu tịnh nghiệp. Hằng ngày lễ tám muôn bốn nghìn tướng hảo của Đức A Di Đà Phật, cứ mỗi tướng hảo lễ một lay. Thị lễ vừa giáp bốn bận, xảy nhuốm bệnh nhẹ, thấy Phật hiện thân đến rước, Thị ngòi qua đời một cách an lành. Lúc đó những người ở gần và những người qua đường, đều nghe tiếng thiên nhạc trên không văng vẳng đi lần về hướng Tây.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

XV - THOẠI TƯỚNG HIỆN TIỀN

* Châu Thị người Gia Hòa, dâu nhà họ Tôn, cha mẹ chồng tu Tịnh độ rất chuyên cần, cảm tượng Phật thờ trong nhà phóng quang minh, hương hoa tự nhiên hiện đầy cả bàn thờ, có lúc trên hư không Phật và Bồ Tát hiện thân, có lúc nghe tiếng tụng ở giữa chùng không.

Trích ở **Phật Tổ Thống Kỷ**

* Trịnh Thị người Tiên Đường, mỗi ngày chuyên niệm hồng danh của Phật. Một hôm phải bệnh, thoát nghe trên không có tiếng bảo rằng : “Mụ sắp sẽ được về Tịnh Độ, chớ có giải đãi !”. Kế lại thấy Phật hiện ở trước mặt, thân Phật màu vàng ròng. Thị liền trỗi dậy xoay về Tây phương mà ngồi ngay thẳng. Thị có một người con trai đã xuất gia, pháp danh Nghĩa Tu liền cho người gọi về, Thị bảo tụng Kinh A Di Đà. Tiếng Kinh chưa dứt, Thị đã an lành mà đi. Tối đến, con gái của Thị mơ thấy Thị về mách rằng : “Mẹ đã được vãng sanh Cực Lạc thế giới !”.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

* Châu Bà người Huyện Cần, hằng ngày chuyên tu Tịnh Độ. Cứ đến đầu năm, bà trì hạnh bất ngữ (không nói chuyện), ngày đêm luôn ngồi ngay thẳng tưởng Phật, mãn tháng Giêng mới thôi. Những tháng nắng nực, thì bà thí nước trà cho khách lữ hành, năm nào như năm nấy. Một đêm nọ, bà mơ thấy lá sen lớn trùm khắp cả đường phố, còn bà thời tay lần chuỗi kinh hành trên lá. Không bao lâu bà nhuốm bệnh sơ sài. Tối hôm ấy, những người lân cận thấy bảo cái tràng phan từ trên không giáng xuống thẳng vào nhà bà. Rạng đông bà chấp tay xưng hồng danh của Phật mà mất.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

* Mụ Trương năm trên năm mươi tuổi ăn trường trai niệm Phật. Năm 79 tuổi, một đêm nọ, mụ tắt đèn tịnh tọa, bốn phía vách bỗng phóng quang minh hiện các thứ anh lạc. Giờ mụ lâm chung, khói hương trên bàn cuộn lên uyển chuyển kết thành tượng Phật, giấy lát tượng ấy thành màu vàng ròng, mặt mắt rõ đẹp như vẽ, một tay thòng xuống hình như tiếp dẫn. Mọi người kinh lạ đồng chấp tay chăm chú nhìn. Khói hương tan, tượng mất, mụ cũng đồng thời an tịch.

Trích ở **Tịnh Độ Tiết Yêu**

* Tiết Thị, người Võ Đường, dâu nhà họ Châu, sau khi sanh được năm trai thời ở góa. Từ đó Thị chuyên tâm tu Tịnh độ. Tánh Thị ưa bố thí không biết mỗi nhàm. Trong nhà thờ tượng Quan Thế Âm, khói hương trên bàn thường kết thành hoa sen, mọi người đều được thấy. Mùa Hạ năm Vạn Lịch thứ 15, Thị nhuốm bệnh, không uống thuốc, không ăn, chỉ uống nước trong. Đến ngày mùng 6 tháng Chín, Thị cho người thỉnh Tăng về nhà lễ sám. Thị nói : “Mãn bốn ngày thời công việc của tôi xong xuôi”. Bảo thiết tượng Phật A Di Đà để cho Thị ngày đêm chuyên niệm. Thị bảo năm người con trai đồng thanh xưng hồng danh của Phật. Cấm hẳn phụ nữ không được vào. Đến ngày thứ năm, sáng sớm Thị đòi nước rửa tay, miệng tụng chú cam lộ, thay y phục mới sạch, đội mũ Chí công, rồi quỳ thẳng trước tượng Phật xưng bài kệ : “Nhiên hương tán Phật” và tam tự quy, lễ ba lay, niệm Phật 108 câu. Niệm xong, Thị ngò kiết già, tay bắt ấn mà tạ thế. Sắc mặt Thị lộ vẻ vui tươi. Mọi người đồng nghe mùi hương sen thơm ngát cả nhà. Thị có để lời dặn : đóng khánh không dùng hòm, không được đốt giấy tiền, không được sát sanh để cúng tế. Mấy người con trai của Thị đều tuân hành.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

---o0o---

TỨ CHÚNG VÃNG SANH THỨ BA

A 3 - CHỮ SƯ TĂNG

I - TRÍ LỄ

Trí Lễ Đại sư, họ Kim, tự Ước Ngôn, người Minh Châu. Phụ mẫu lễ Phật cầu tự, mơ thấy Thần Tăng trao cho một đồng tử và nói rằng : “Đây là Phật tử vậy”. Không bao lâu Đại sư được sanh. Năm lên 7 mẹ mất. Đại sư ngày đêm kêu khóc, thưa với cha xin xuất gia. Thế độ nơi Hồng Tuyền Đại sư tại chùa Hưng Quốc ở Thái Bình. Tuổi trưởng thành, Đại sư đến học Thiên Thai giáo quán với Nghĩa Thông Pháp sư ở chùa Bửu Vân. Tông chỉ viên đốn một phen truyền dạy là Đại sư liễu đạt cả. Ít lúc sau, Đại sư trụ Báo Ân Viện giảng Thiên Thai giáo quán, Tăng chúng theo học rất đông. Minh Châu bị hạn, Đại sư hiệp cùng Từ Vân Sám chủ tu Quang Minh Sám, Đại sư ước ba ngày mà không mưa sẽ tự đốt một cánh tay. Đến ngày thứ ba, trời mưa to. Năm Tường Phù thứ ba, triều Tống, Đại sư trùng kiến Báo Ân Viện, triều đình phụng hiệu “Diên Khánh Tự”. Năm thứ sáu, Đại sư lập đạo tràng niệm Phật truyền giới. Đại sư có làm bài văn để khuyến tấn đại chúng.

“Nguyện về một niệm bồn dung, chư pháp vô ngại, bị huân tập đã khác tất thọ báo không đồng. Cho nên hễ thuận tánh mà tu thời hiển chư Phật Tịnh Độ, còn theo tình tạo nghiệp thời chịu khổ trong luân hồi. Vì thế, ở Ta Bà mà tu giải thoát rất khó, đọa lạc phần nhiều. Kinh nói : “Được thân người như đất dính móng tay, đọa tam đồ như cỡi đại địa”. Chờ đến Thánh hạnh đầy đủ mới khỏi thọ sanh nơi ác đạo. Đó là do vì ở cõi uế trước này trần cảnh thô cường, phiền não hỷ hưng nên tự lực cầu giải thoát khó có người được. Nếu người sanh về Tịnh Độ Cực Lạc thời cảnh giới trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh, thẳng một mực lên quả Phật, chẳng còn sa đọa. Như Kinh dạy : “Còn không có danh từ ác đạo, huống là có sự thật”. Kinh lại nói : “Chúng sanh, sanh về Cực Lạc đều là bậc A Bệ Bạt Trí”. Nếu ai muốn sanh về cõi tịnh đó, thời phải xưng niệm hồng danh của A Di Đà Phật, tu hạnh từ của A Di Đà Phật, tất được nguyện lực của Phật nhiếp thủ. Khi xả thân này quyết định vãng sanh. Rõ như trong Kinh đã dạy, thiết chẳng phải tôi tự đặt điều. Nay kết muôn người để làm một hội tâm tâm chuyên niệm, ngày ngày nguyện sanh.

Mỗi năm đến tiết trọng xuân, đồng hợp một chỗ, đồng cúng dường Phật, đồng nghe pháp âm. Hợp cả vạn tâm làm thành nhứt chí, cho tịnh nghiệp chóng thành, thế được vắng sanh. Huống lại thân mạng ngũ trược khác nào ngọn đèn trước gió. Một hơi thở chẳng trở lại thời ác đạo hiện tiền. Đâu đặng chân chờ mà không nghĩ đến quả báo ở ngày mai ! Phải thể theo lời Phật đã dạy, chớ nên tùy tục tình. Kíp dứt bật phan duyên, siêng gắng niệm Phật”.

Từ đó trở đi, cứ đến Rằm tháng Hai là ngày đại hội thường năm.

Đại sư từng cùng mười Sư Tăng tu Pháp Hoa Sám ba năm, kỳ mãn hạn sẽ đốt thân cúng dường Kinh Pháp Hoa để cầu sanh Tịnh Độ. Sau vì đại chúng cự lực ngăn trở nên thôi. Đại sư lại cùng mười Sư Tăng tu Đại Bi Sám ba năm, đốt ba ngón tay cúng Phật. Nhà vua biết được hạnh đức của Đại sư, bèn phụng hiệu là “Pháp Chí”, và có lời khuyên nên trụ thế truyền đạo.

Đại sư thấy chư Tổ tiên dương Tịnh độ phân nhiều luận về sự tướng, ít dạy đến quán môn, nên Đại sư y cứ nơi bộ “Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ” của Tổ Trí Giả, mà soạn thành bộ “Diệu Tông Sao”. Dưới đây là lược đoạn thích đề của bộ ấy : “Quán, là mười sáu quán, thuộc năng quán trí, Vô Lượng Thọ Phật là cương yếu của sở quán cảnh, nhiếp cả mười lăm cảnh. Năng quán đều là nhứt tâm tam quán, sở quán đều là nhứt cảnh tam đế, Tỳ Lô Giá Na khắp tất cả chỗ, tất cả pháp đều là Phật pháp. Phật là tánh đức của chúng sanh, phi tự phi tha, phi nhơn phi quả, chính là thể viên thường đại giác. Nên trong Luận Khởi Tín nói : Giác nghĩa là nói tâm thể ly niệm. Ly niệm tướng thời khắp hư không giới, không đâu chẳng khắp, pháp giới nhứt tướng chính là Như Lai thường trụ pháp thân. Y cứ pháp thân này mà gọi là bản giác.

Cho nên biết rằng thể của Phật quả viên minh, là tánh đức bản cụ của phàm phu chúng ta. Vì thế nên tất cả Kinh giáo luận về hành pháp đều là hiển bày giác thể này. Cho nên bốn môn Tam muội đồng gọi là niệm Phật⁵⁹. Dầu đồng là niệm Phật, mà chính là hiển Phật thể. Riêng về mười sáu quán môn này cùng với Bát chu Tam muội, thời gá nơi cảnh y báo và chánh báo của Cực Lạc thế giới, dùng quán trí vi diệu chuyên ở nơi Đức Phật A Di Đà mà hiển thể chơn thật. Dầu gá vào cảnh Tịnh Độ mà nên biết rằng y báo và chánh báo ấy đồng ở nơi nhứt tâm. Tâm tánh trùm khắp, không pháp nào là không tạo, không pháp gì là không đủ. Nếu có một mảy ở ngoài tâm, thời chẳng gọi là Đại thừa quán vậy. Ở đoạn trước nói tâm tánh đủ tất cả pháp,

tạo khắp tất cả, thiết ra thời vốn không năng không sở, tức tâm là pháp, tức pháp là tâm, nhân duyên năng tạo cùng pháp sở tạo, mỗi mỗi thấy đều là tâm tánh. Cho nên hay quán tưởng, hoặc y báo Cực Lạc, hay chánh báo Di Đà, bèn là pháp giới tâm quán lấy pháp giới cảnh, sanh nơi pháp giới y báo sắc tâm. Đây thời gọi là : duy y, duy chánh, duy sắc, duy tâm, duy quán, duy cảnh. Cho nên giải chữ quán thời dùng nhưt tâm tam quán, giải Vô Lượng Thọ thời dùng nhưt thể tam thân. Thể Tông Lục Dụng về nghĩa đều là Viên, phán giáo thuộc Đốn. Xin nói với người tu hành, quán pháp dầu là thâm diệu, nhưng vốn là để lợi ích cho hàng sơ tâm. Nếu có thể tấn công lo gì không thành. Túng sử chưa được nhập phẩm nhưng làm nhơn cũng mạnh, sanh về Tịnh Độ đặng dự đại hội, bèn thấy y báo cùng chánh báo vi diệu bất tư nghị mau chứng quả Thánh, độ sanh rất rộng. Huống chi hiện tại đây trần cảnh thô cường thiết là chôn nguy hiểm. Nên phải : ngoài thời tu sự sám, trong thời chuyên lý quán, đồng thời thực hành cả chánh hạnh và trợ hạnh, lại thêm phát nguyện tha thiết, lập điều ước để tự kiềm chế. Quyết định ở nơi Tịnh Độ mau chứng quả vô sanh. Nay giải quán môn, ý nghĩa như thế”.

Ngoài ra các bộ luận số khác của Đại sư soạn thuật đều chỉ quy Tịnh Độ cả.

Nhơn ngày lễ Phật Đản, Đại sư lập hội phóng sanh, nhóm chúng tác pháp thả những chim cá. Nhà đương cuộc tâu việc ấy lên vua, triều đình truyền chỉ cho quan Khu Mật Lưu Quân soạn bài văn khắc vào bia đá dựng trong chùa.

Năm Thiên Khánh thứ 6, Đại sư sắp nhập diệt bèn lập đàn Quang Minh Sám bảy ngày. Sám đến ngày thứ năm, Đại sư ngồi kiết già hạp chúng thuyết pháp xong, vụt tự xưng to A Di Đà Phật vài trăm câu, rồi yên lặng mà viên tịch, thọ 69 tuổi. Để khánh trần 7 ngày, móng và tóc ra dài thêm. Lúc trà tỳ, cái lưỡi không cháy, đỏ hồng như cánh sen.

Trích ở bộ : **Tứ Minh Giáo Hạnh Lục, Quán Kinh Sớ Sao, Phật Tổ Thông Kỹ**

---o0o---

II - HUỆ MẠNG

Huệ Mạng Pháp sư họ Quách, người Thái Nguyên. Sau khi xuất gia ngài chuyên tu Phương Đẳng Sám và Phổ Hiền Sám. Ngài theo thọ giáo với Ấn Quang Thiền sư và Tiên Lộ Thiền sư. Về sau ngài đến Tiên Thành Sơn.

Núi này trước đây có đạo sĩ Mạnh Thọ kính mộ Phật giáo, muốn cúng Quán viện của mình để sửa làm chùa tháp. Khi Huệ Mạng Pháp sư sắp đến núi, ông Mạnh Thọ mơ màng thấy chư Thần nghiêm vệ bên cạnh viện, ông chợt tỉnh thì Pháp sư đến cửa, ông liền cúng Quán viện ấy sửa làm chùa Thiện Quang, đại chúng lần lượt hội về. Không bao lâu, Pháp sư trở lại cố lâm rồi cùng bạn đồng chí là Pháp Âm Thiên sư đồng đến chùa Quả Nguyện ở Trường Sa, chỗ cũ của Huệ Năng Thiên sư, mà tu học thiền định, ít lúc sau lại dắt nhau trở về Tiên Thành Sơn.

Năm năm sau, hai người tự biết trước ngày giờ, dắt tay nhau cùng đi đến rừng tòng ngó nhau cười rằng : “Có thể trọn ở nơi đây !”. Thị giả nghe nói thế, nhưng chưa hiểu. Không đầy tuần nhật, hai người đồng thời nhuốm bệnh. Nhà Chu, năm Thiên Hòa thứ 3, ngày mùng 5 tháng 11, Huệ Mạng Pháp sư ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây mà niệm Phật. Đại chúng đồng thấy Phật A Di Đà hiện đến, Pháp sư liền chấp tay mà tịch. Có tiếng xướng : “Thiện tai !”. Hương thơm ngào ngạt cả chùa, tiếng thiên nhạc vang dậy cả hư không.

Ngày 17 tháng ấy, Pháp Âm Thiên sư cũng đọa tọa xoay mặt về hướng Tây niệm Phật mà tịch. Phật hiện, hương thơm, thiên nhạc v.v... đồng như lúc Huệ Mạng Pháp sư viên tịch, và đồng 38 tuổi.

Đại chúng xây tháp hai ngài ở rừng tòng

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

III - TĂNG TẠNG

Tăng Tạng Hòa thượng người Tây Hà xuất gia từ thuở bé. Ngài hạ mình thờ người, cung kính tất cả, không từ lao khổ. Thấy y cũ của các Sư, ngài bèn lén đem giặt và nhíp vá giùm. Thường cởi áo ngồi trong cỏ thí máu cho muỗi mòng. Mỗi ngày niệm Phật vô số, tinh tấn không bê trễ. Đến lúc lâm chung, chư Thiên tử cõi thấp đến cõi cao trước sau đến rước, Hòa thượng đều khước từ. Yên lặng giây lát, Hòa thượng bảo đại chúng rằng : “Vừa rồi tôi qua Tịnh Độ thấy chư thượng thiện như rải hoa trên hư không”. Dứt lời, Hòa thượng chấp tay niệm Phật mà tịch.

Trích ở bộ **Tổng Cao Tăng Truyện**

---o0o---

IV - ĐẠO KIỆT

Đạo Kiệt Pháp sư họ Dương người Hà Đông năm 20 tuổi xuất gia thọ cụ túc, kế qua Thanh Châu nghe Hà Ký Luận sư giảng Thành Thật Luận. Sau khi Luận sư tịch, ngài đi các nơi tham học tạng Luận và từng khai giảng ở nhiều nơi.

Một hôm ngài tự xét : “Luống đeo theo ngôn thuyết, tâm tánh mê mờ. Đến như chánh huệ không nhờ chánh định thời không phát !”. Ngài bèn thôi giảng, qua học thiền với Chơn Huệ Thiền sư ở Ma Cốc, ngài thâm nhập duyên khởi, Thiền sư khen là lợi căn.

Ngài bảm tánh ít nói, thiếu dục, không quan tâm đến cảnh khổ cũng như cảnh vui.

Về sau ngài làm Tăng chủ chùa Thê Nham.

Năm Trinh Quán nguyên niên, ngày 28 tháng Bảy, ngài nhuốm bệnh nhẹ, đình giảng mà tịch. Cả chùa đồng nghe mùi hương lạ và thiên nhạc. Cũng chính ngày này, hai người con gái ông Phan Xước, một cư sĩ bạn của Pháp sư, đồng mơ thấy ông Xước ngồi tòa sen trên hư không bảo rằng : “Cha đã vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, nay đến rước Đạo Kiệt Pháp sư”. Rồi ông bay thẳng về phía chùa Thê Nham. Lúc Pháp sư tịch, đại chúng thấy ông Xước hiện thân đứng trên không.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

V - THẦN TỐ

Thần Tố Luận sư họ Vương, người Hà Đông, pháp hữu của Đạo Kiệt Pháp sư. Lúc Đạo Kiệt Pháp sư đình giảng đi học thiền, thì Luận sư giảng thế. Năm Trinh Quán thứ 2, Luận sư làm Tăng chủ ở Thê Nham. Tất cả công hạnh tự hành hóa tha, Luận sư đều hồi hướng trang nghiêm Cực Lạc Tịnh Độ.

Năm Trinh Quán thứ 17, ngày 23 tháng Hai, Luận sư họp đại chúng để từ biệt, rồi đoan tọa bảo đại chúng đọc Kinh Quan Âm hai biến, Luận sư

chấp tay chăm chỉ nghe, rồi tự niệm sáu câu A Di Đà Phật. Luận sư lại bảo trong chúng một người xướng còn bao nhiêu thời hòa theo. Như vậy mãi đến tối, Luận sư vẫn nghiêm nhiên ngồi ngay thẳng. Chúng đến gần xem kỹ, thì ra ngài đã đi từ nào rồi. Đêm ấy Trí Khoan Pháp sư ở chùa Nhơn Thọ đương lúc tịnh tọa, thấy Luận sư đến cáo biệt, còn dặn gắng hộ trì Chánh pháp để báo ân Phật. Sáng ngày Pháp sư mới được tin Thân Tổ Luận sư đã viên tịch hồi chiều qua.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

VI - MINH CHIÊM

Minh Chiêm Đại sư họ Đỗ, người Hàng Châu. Thuở trẻ, ngài có chí xuất thế, bỏ khoa cử, xuất gia tại chùa Ứng Giác ở Phi Long Sơn. Triều Tùy, ngài ở kinh sư thường chủ nhiều pháp tòa. Có được của thí riêng, ngài cúng dường cho chư Tăng và thợ tả các Kinh luận Đại thừa. Ít lúc sau ngài vào ẩn tại chùa Trí Cự trong núi Thái Ất. Tuổi già, ngài khắc chí Cự Lạc. Có người chê ngài là muộn. Ngài bảo : “Thập niệm công thành còn được thấy Phật thay, tôi nào có lo gì muộn !”.

Đầu niên hiệu Trinh Quán, vâng chiếu vào nội điện, ngồi ngự sàng, sau khi thọ trai xong, Đại sư giảng rộng về thuật trị nước của bậc minh quân, dùng lòng từ hộ sanh làm gốc. Nhà vua bằng lòng lắm, liền hạ chiếu truyền khắp cả nước : Mỗi năm trong ba tháng lớn, mỗi tháng trong sáu ngày trai, nghiêm cấm giết thịt, và truyền dựng lập nhiều chùa ở các nơi.

Tháng Mười năm Trinh Quán thứ 2, nhuộm bệnh, Đại sư tự biết trước ngày giờ, bèn đến chùa Hưng Thiện ở kinh, thiết trai để từ biệt đại chúng, lúc đó các quan Phụ tướng như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đều có dự trai. Liên trong ngày đó, Đại sư trở về chùa Trí Cự, ngày đêm tưởng niệm Tây phương chuyên cần chẳng hờ. Ngày 27 tháng Mười, Đại sư bỗng gọi thị giả mà bảo : “Phật đã đến”. Giây lát lại nói : “Hai vị Bồ Tát cũng đến ! Tôi ở nơi Quán Kinh thành tựu pháp quán thứ 12. Nay Phật và Bồ Tát đến rước tôi về Tịnh Độ”. Nói xong Đại sư chấp tay vui vẻ mà tịch. Thọ 70 tuổi.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

VII - KHẮC CẦN

Sư Khắc Cần họ Trương, người Hồ Nam, từ bé tánh khờ khạo. Năm hai mươi ngoài tuổi, sư xuất gia tại am Hồng Thế ở Thiên Hóa, rồi thọ Cụ túc giới ở Lộc Sơn. Sư không biết chữ, học mấy thời khóa tụng ngót 5 năm mới thuộc. Sau đó trọn 10 năm, Sư đi khắp ngũ nhạc, tứ sơn, và các đại tông lâm để tham học, nhưng rốt cuộc không thông hiểu một mảy gì, vẫn khờ khạo như cũ.

Đến năm 60 tuổi, Sư nghe Minh Quả Pháp sư giảng về công đức của pháp môn trì danh niệm Phật, quý tại “nhứt tâm bất loạn”. Nếu tán loạn, nên chăm chú nghe kỹ tiếng niệm, thời tạp niệm sẽ tự trừ, vọng tưởng sẽ tự diệt, tâm sẽ đặng thanh tịnh v.v... Từ đó Sư mới được biết pháp môn niệm Phật, bèn chuyên tu.

Sáu năm thời tánh cũ của Sư đều mất, tâm hằng tự tại minh mẫn. Lúc rảnh, Sư thường bảo người rằng : “Tu hành quý tại “nhứt tâm bất loạn”. Nghiệp chướng của tôi do niệm Phật mà tiêu sạch. Mấy năm gần đây, chẳng những không phiền não, mà thân tâm đều được khinh an”.

Một hôm, Sư cho người đi mời sư huynh Hàm An. Qua ngày kế, Hàm An đến Sư vừa thấy liền cười nói : “Khắc Cần này xin cáo từ sư huynh !”. Hàm An hỏi : “Tính đi đâu ?”. Sư đáp : “Đi Tây phương Cực Lạc thế giới”. Hàm An bảo : “Nói khùng phải không ?”. Sư nói : “Từ sáu năm gần đây, tâm tôi không loạn động, niệm A Di Đà, câu rõ ràng, mục kích Tịnh Độ, tự biết ngày giờ quyết định vãng sanh. Chẳng phải khi dối vậy !”. Sư liền đem tất cả công sự trong am giao phó cho Hàm An, rồi lại bảo : “Giờ ngộ ngày mai, tôi sẽ từ biệt sư huynh. Anh em già với nhau, tất phải lo cho nhau. Sư huynh nên gắng chuyên tu pháp môn niệm Phật để chuẩn bị tư lương Tịnh độ”. Chiều hôm ấy, Sư ngồi một mình niệm Phật không nói chuyện.

Sáng hôm sau, Sư tắm gội thay y phục, thắp hương lễ Phật, tạ Tổ xong, Sư vẫn vào tịnh thất ngồi niệm Phật. Đến giờ ngộ, Sư mới chậm rãi đi vào ngồi kiết già trong khánh, tay cầm chuỗi yên lặng niệm Phật. Mãi đến hai giờ sau, Hàm An thấy đã lâu mà không thấy Sư động tịnh, bèn lại gần thăm xem thì ra Sư đã tịch rồi. Chừng đó mới cả kinh mà tin thật, và đồng thời cùng với các sư Phổ Âm v.v... đều nghe mùi hương lạ. Lúc đó là ngày mùng 5 tháng Bảy năm Tân Sửu, triều vua Quang Tự nhà Thanh. Bảy giờ nhằm tiết trời nóng nực, đình khánh bảy ngày mà thi hài vẫn không sinh nứt. Những người mục kích đều khen là lạ ít có.

VIII - TRI HUYỀN

Tri Huyền Đại sư, họ Trần, tự Hậu Giác, người My Châu. Năm lên bảy, Đại sư nghe giảng Kinh Đại Niết Bàn tại chùa Ninh Di, liền thông thuộc như từng đã học nhuần từ trước. Đêm ấy, Đại sư mơ thấy tay Phật xoa đầu mình. Năm 11 tuổi xuất gia, phàm được học đến bộ Kinh bộ số nào, Đại sư đều thông đạt cả. Năm 13 tuổi, Đại sư lên pháp tòa giảng diễn, các hàng Tăng và tục đều kính phục.

Triều vua Hi Tông nhà Đường phụng hiệu Ngô Đạt Quốc sư, ban tòa trăm hương. Không bao lâu, trên gôi của Đại sư mọc ghẻ mặt người đau nhức lắm, không thuốc gì trị được. Mấy năm về trước Đại sư từng tận tâm săn sóc một ông Tăng có bệnh nặng. Lúc từ già đi nơi khác, ông Tăng ấy dặn Đại sư nếu sau này có nạn khổ nơi thân, thời nên đến tìm ông tại núi Cửu Long ở đất Thục. Bấy giờ Đại sư nhớ lại lời dặn ấy, và tìm gặp ông Tăng tại núi Cửu Long. Ông Tăng cho một đồng tử dắt Đại sư đến một lạch suối để rửa ghẻ. Khi sắp sửa rửa, mụn ghẻ mặt người bỗng lên tiếng bảo khoan rửa và nói rằng : “Ông từng đọc khắp các kinh sử, chắc ông biết việc Viên Ưởng giết Triều Thố thời nhà Hán chứ ? Ông chính là Viên Ưởng còn ta là Triều Thố. Ta đòi đòi theo sát bên ông để báo oán. Song vì ông luôn mòi đòi làm cao Tăng giới hạnh tinh nghiêm nên hại không được. Mấy lúc gần đây, ông được nhà vua và mọi người kính trọng, vinh hiển thái quá, nên ta mới có dịp mà làm khổ ông. Hôm nay nhờ Ca Nhã Ca Tôn giả dùng nước Tam muội rửa ta, ta không theo làm hại ông nữa”. Đại sư khoát nước rửa ghẻ, ghẻ liền lành.

Từ ngày ấy, Đại sư tự răn trách tâm niệm danh vị của mình, làm văn Thủy Sám trừ tội chướng, tinh nghiêm giới luật, thiếu dục tri túc. Đại sư tự xét ở Ta Bà khó thành nhân lực nên ngày đêm sáu thời tinh tấn hành đạo cầu sanh Cực Lạc. Một hôm, bỗng nghe trên không có tiếng xướng to rằng : “Chắc đặng vãng sanh Tịnh Độ !”. Đại sư liền hỏi là tiếng ai nói. Trên không đáp : “Phật đấy !”.

Một bữa khác, Đại sư lại thấy một vị Bồ Tát giảng lâm cận kề khuyên nhắc. Giờ lâm chung Đại sư dặn đem thân mình bỏ nơi bãi biển để thí cho chim cá; Đại sư lại bảo mọi người : “Từ lâu tôi mong được về Tây phương

Tịnh Độ, bây giờ, chính là lúc được mãn nguyện !”. Dứt lời, Đại sư xoay mặt về hướng Tây mà tịch. Thọ 73 tuổi.

Trích ở các bộ : **Tổng Cao Tăng Truyện, Thần Tăng Truyện**

---o0o---

IX - TỰ GIÁC

Tự Giác Đại sư người Bác Lãng, thuở nhỏ xuất gia tại chùa Khai Nguyên. Về sau Đại sư qua học Kinh luật luận ở chùa Thiên Pháp. Cần mẫn trọn chín năm, thông suốt cả Tam tạng. Đại sư qua ở núi Trùng Lâm tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa rau trái sơ sài.

Gặp năm đại hạn, quan Tiết Đại Sứ ở Hằng Dương nghe đạo hạnh của Đại sư bèn đích thân vào núi thỉnh Đại sư cầu mưa. Đại sư chỉ thành cầu Long thần, mưa liền xối xuống. Từ lâu Đại sư có ý muốn đúc tượng Quan Thế Âm. Sau ngày cầu mưa, thí chủ các nơi họp công của đến, đúc tượng Quan Thế Âm bằng đồng cao bốn mươi chín thước, tướng hảo uy nghiêm. Qua năm sau, chùa điện cũng lạc thành.

Đại sư bèn ở trước bửu điện lập thế nguyện sớm vãng sanh Cực Lạc. Canh ba đêm ấy, thoát có hai đường kim quang chiếu đến. Đức A Di Đà Phật từ trong ánh sáng vàng bước xuống. Quan Thế Âm Bồ Tát theo hầu bên tả, Đại Thế Chí Bồ Tát theo hầu bên hữu. Đức Phật đưa cánh tay vàng xoa đầu Đại sư mà bảo rằng : “Gìn chí nguyện chớ có đổi, độ người làm trước. Đài sen nơi ao báu, ông sẽ được thác sanh !”.

Năm Trinh Nguyên thứ 11, nhà Đường, đêm Rằm tháng Hai, Thiên thần hiện nửa mình trên không, cúi xuống nói với Đại sư rằng : “Ngài đã gần đến kỳ về Tịnh Độ !”. Đại sư đưa tay lên tạ thần. Đến ngày 14 tháng Sáu, Đại sư ngồi kiết già trước tượng Quan Thế Âm mà tịch. Từ khi Đại sư viên tịch về sau, tượng Quan Thế Âm ấy thường hiện nhiều việc rất linh ứng.

Trích ở những bộ **Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

X - THIÊN ĐIỆU

Thiền Diệu Đại sư người Lâm Tuy, từng vào trước Đại Tạng Kinh chí thành rút lấy một tập, nhằm quyển “Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh”. Từ đó trở đi, Đại sư chuyên tâm niệm Phật, tu thập lục diệu quán. Đến khi qua Lô Sơn, được thấy di tích của Huệ Viễn Đại sư, chí nguyện của ngài càng thêm tha thiết. Ít lúc sau, Đại sư vào ẩn ở núi Chung Nam tu Bát Chu Tam muội vài năm, cảm bửu lâm bửu trì luôn hiện trước mặt. Rồi Đại sư qua Tấn Dương học Vô Lượng Thọ Kinh nơi Đạo Xước Thiền sư. Thường khi Đại sư nhập định bảy ngày mới xuất. Đạo Xước Thiền sư thỉnh xem chỗ sanh của mình. Đại sư bảo rằng : “Thiền sư phải sám hối ba tội mới được vãng sanh. Thiền sư từng để tượng Phật bên cửa sổ còn mình thời tự ở giữa nhà, đây là tội thứ nhất, phải đối Phật mà sám hối. Sư lại thường sai khiến người xuất gia, đây là tội thứ hai, phải đối chư Tăng sám hối. Lại vì xây dựng nhà cửa làm tổn hại nhiều côn trùng, đây là tội thứ ba, phải đối tất cả chúng sanh mà sám hối”. Xước Thiền sư nghe xong bèn tự xét nhớ kỹ lại những lỗi của mình, rồi chí tâm sám hối. Ít lâu sau, một hôm xuất định, Đại sư bảo Xước Thiền sư rằng : “Sư đã sạch tội. Ngày sau, bao giờ có bạch quang chiếu đến, đó là triệu chứng vãng sanh !”.

Đại sư đến kinh sư giáo hóa, người quy hướng rất đông. Một ngày nọ nhuốm bệnh nhẹ, Đại sư kiết thất chuyên rờng hành đạo, rồi vui vẻ niệm Phật mà tịch. Mọi người đồng nghe thiên nhạc dị hương từ thất của Đại sư lần đi thẳng về hướng Tây.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Ký**

---o0o---

XI - ĐẠI HẠNH

Đại Hạnh Pháp sư người Tế Châu, học Thiên Thai giáo quán rồi vào ở núi Thái Sơn, bện cỏ che thân, lượm trái đỡ dạ. Tu Pháp Hoa Tam muội cảm đức Phổ Hiền hiện thân. Một hôm, ngài tự than rằng : “Mạng người vô thường, giờ chết không lâu. Ta sẽ đi về đâu ?”. Pháp sư vào trước Đại Tạng Kinh chí thành cầu nguyện. Rút nhằm bản Kinh Di Đà. Bắt đầu ngày ấy, Pháp sư liền chuyên tâm niệm Phật, 21 ngày sau, đương lúc giữa đêm, bỗng tâm nhãn rộng sáng thấy cõi đất lưu ly, lại thấy Đức A Di Đà Phật và hai vị Bồ Tát hiện thân đứng trên không. Từ đó đạo hạnh của Pháp sư mỗi ngày mỗi truyền rộng. Vua Hi Tông phụng hiệu là “Thường Tinh Tấn Bồ Tát”.

Qua năm sau, côi lưu ly lại hiện. Pháp sư bảo đại chúng rằng : “Hôm nay bửu địa lại hiện. Đã tới ngày tôi về Cực Lạc !”. Và trong ngày ấy Pháp sư xoay mặt về hướng Tây, chấp tay mà tịch.

Trích ở **Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

XII - CHÍ THÔNG

Chí Thông Đại sư người Phụng Tường. Khi mới xuất gia, ngài gặp Tam Tạng Pháp sư Phạ Nhật Ra truyền Mật tông, bèn theo thọ giáo. Về sau, ngài đến Thiên Thai, khi xem xong tập “Tĩnh Độ Linh Thoại”, ngài phát nguyện cầu sanh Cực Lạc.

Từ ngày đó trở đi, không bao giờ ngài khạc nhổ về hướng Tây, không bao giờ ngồi xoay lưng về hướng Tây.

Một hôm, ngài leo lên mỏm đá Chiêu Thú tụng 48 điều nguyện cầu mau được sanh Cực Lạc thế giới, rồi gieo mình xuống. Thân ngài rơi nhằm trong lùm cây, lá rậm nhánh mềm nên không hề gì. Ngài sửa y áo leo lên mỏm đá mà thệ rằng : “Đã phát đại nguyện, thân sống thừa này đáng nhảm. Cúi mong Thánh chúng đến tiếp dẫn tôi !”. Rồi ngài lại nhảy xuống, thân nằm trên cỏ, giây lát tỉnh lại. Tăng chúng tìm gặp dìu về chùa. Không bao lâu ngài qua núi Pháp Hoa chuyên tu Tĩnh Độ. Về sau một ngày nọ thấy Bạch hạc Khổng tước đáp xuống cả đàn, lại thấy hoa sen búp nở trước mặt, ngài nói : “Bạch hạc và Khổng tước là cảnh Tĩnh Độ. Hoa sen búp là chỗ thác sanh. Giờ đã đến !”. Đại sư nghiêm chỉnh oai nghi lễ Phật mà tịch. Khi trà tỳ, mây tốt năm màu che trùm trên ngọn lửa, và xá lợi hiện đầy thân.

Trích ở những bộ **Tổng Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

XIII - ĐOAN PHỦ

Đoan Phủ Đại sư người Thiên Thủy, xuất gia nơi Đạo Ngô Thiên sư ở chùa Sùng Phước. Sau khi thọ Cụ túc giới, Đại sư đi cầu học Luận tạng khắp các nơi, đồng thời nghiên cứu cả Kinh và Luật. Một đêm nọ, Đại sư mơ thấy Thánh Tăng trao cho một bình lưu ly đựng đầy Xá lợi bảo nuốt. Đại sư vâng lời nuốt hết Xá lợi, Thánh Tăng nói : “Tam Tạng đại giáo chứa cả trong

bụng ông !”. Từ đó trở đi, Đại sư được biện tài vô ngại. Giảng Kinh ở Thái Nguyên, thính giả hội đến như chợ. Cả ba triều vua nhà Đường : Đức Tông, Thuận Tông và Hiến Tông đều tôn ngài làm bậc thầy. Trước sau Đại sư giảng Niết Bàn Kinh và Duy Thức Luận hơn một trăm sáu mươi hội. Mỗi ngày, giờ rảnh Đại sư đọc tụng Đại thừa Kinh cầu sanh Tịnh Độ. Được cúng thí rất nhiều, kể hơn mấy mươi triệu lượng bạc, Đại sư đều chuyển cúng vào các công vụ sửa dựng chùa tháp, còn mình thời vẫn vừa lòng với một cái thất nhỏ đơn sơ cùng một chiếc giường hẹp thấp thôi.

Năm Khai Thành nguyên niên, ngày mùng một tháng Sáu, Đại sư xoay mặt về hướng Tây nằm nghiêng tay hữu mà tịch. Giờ đó, mùi hương lại thơm ngát cả gần xa. Sau khi trà ty được hơn ba trăm hột Xá lợi.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện**

---o0o---

XIV - HÙNG TUẤN

Hùng Tuấn Pháp sư họ Châu, người Thành Đô, giảng diễn giỏi, nhưng không giới hạnh. Pháp sư từng thôi tu đi lính, rồi xuất gia làm Tăng lại. Tự xét biết lỗi, nên Pháp sư thường niệm A Di Đà Phật cầu tiêu tội vãng sanh.

Năm Đại Lịch nhà Đường, một hôm bỗng ngã ra chết, bị bắt dẫn đến Diêm Vương, Vương kể tội phá trai phạm giới v.v... rồi truyền quỷ sứ giải vào địa ngục. Pháp sư liền tiếng kêu rằng : “Trong Quán Kinh có nói : “Người phạm tất cả điều ác, nhẫn đến tội ngũ nghịch, đến lúc lâm chung chí thành niệm Phật trong mười niệm, mỗi niệm diệt vô lượng tội, liền được vãng sanh”. Hùng Tuấn này dầu có tội nhưng chưa phạm đến ngũ nghịch, mà lại đã có lòng ăn năn niệm Phật vô số. Tôi dầu có bị đọa vào địa ngục cũng không ân hận gì, nhưng có lẽ nào lời Phật thành vọng ngữ !”.

Diêm Vương bảo cho về, hơn đó Pháp sư được sống lại bèn vào ở Tây Sơn, ngày đêm chuyên chí niệm Phật.

Bốn năm sau, một hôm Pháp sư họp đại chúng lại để từ biệt và dặn rằng : “Xin nói với những thân hữu của tôi ở dưới thành rằng Hùng Tuấn nhờ chuyên tâm niệm Phật mà được vãng sanh, chớ không phải là kẻ tội lọt lưới”. Dặn xong, Pháp sư đoan tọa vui vẻ mà tịch.

Trích ở bộ **Tục Cao Tăng Truyện, Phật Tổ Thông Kỳ**

---o0o---

XV - DUY CUNG

Sư Duy Cung, người Kinh Châu, thân xuất gia mà thích rượu thịt và bài bạc. Lúc rảnh thời Sư tụng kinh niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Sư Linh Quy, một ông Tăng ở cùng chùa, với Sư Duy Cung là bạn đồng chí đồng hạnh, vì thế nên người lân cận có tặng hai Sư một bài kệ để khuyên răn : “Linh Quy phạm giới hạnh, Duy Cung noi dấu bạn. Địa ngục ngàn muôn từng, chớ trách xô đầu vào”. Sư Duy Cung nói : “Tôi thiệt có tội đành vậy. Nhưng mong nhờ Phật lực thập niệm vãng sanh, đâu có lẽ lại bị đọa vào ác đạo ư !”.

Một hôm, Sư Duy Cung nằm bệnh, Sư Linh Quy có công vụ phải đi, dọc đường gặp hai người trai trẻ tướng tốt tay cầm nhạc khí. Sư Linh Quy hỏi là đi đâu. Hai người đáp là từ phương Tây đi rước Cung thượng nhơn. Một người thò tay vào bọc lấy ra một hoa sen búp bằng nắm tay, cánh hoa tỏa ánh sáng đẹp lạ, rồi hai người đi thẳng về phía chùa. Qua ngày sau, Sư Linh Quy về chùa thời mới hay Sư Duy Cung đã từ trần vào giờ gặp hai người trai trẻ hôm qua. Từ đó Sư Linh Quy ăn năn chừa lỗi giới hạnh tinh nghiêm, ít lúc sau nổi tiếng là một vị Tăng chơn tu thiệt đức.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Ký**

---o0o---

B 3 - CHƯ' SƯ NI

I - LÃO NI

Hồ Thượng Lão Ni tinh nghiêm giới luật, hằng ngày niệm Phật tụng kinh rất thành khẩn. Có một Đạo nhơn mỗi năm đến viếng am một lần, khi đến cùng Lão Ni luận việc đạo hạnh tu hành suốt ngày mới từ đi.

Một hôm, Lão Ni hẹn trước với Đạo nhơn. Đến ngày hẹn chờ không thấy Đạo nhơn tới, Lão Ni nói : “Tôi sắp về Tịnh Độ muôn từ biệt ông bạn ấy”. Chờ thêm vài ngày, Đạo nhơn vẫn không đến. Lão Ni bảo người khiêng cái khánh đã đóng sẵn để trên cây cầu gãy ở gần am. Lão Ni tay cầm một cây nhang nhỏ, ung dung vào ngồi trong khánh lên tiếng niệm Phật. Giây lát lửa vụt phát cháy nơi thân Lão Ni. Người tỵ đến xem đông như hội chợ. Mãi đến lúc cả mình cháy đen cả mà tiếng niệm Phật của Lão Ni vẫn chưa dứt.

Trích ở tập **Âm Chất Văn Chú Thích** của Hà Sĩ Viên

---o0o---

II - TOẠI KHÂM

Sư Ni Toại Khâm, người Vô Tích, xuất gia thuở mới lên chín. Khi tuổi trưởng thành, gặp một Sư Ni khuyến khích chuyên trì hồng danh của Phật, cô liền phát tâm tinh tấn niệm Phật. Ít lúc sau, cô làm trụ trì am Bạch Y ở Tô Châu, công phu niệm Phật càng chí thiết đến 50 tuổi, cô mới thọ Cụ túc giới.

Tháng Ba năm cô được 55 tuổi, một đêm nọ, gà vừa gáy hiệp đầu, cô kêu đệ tử đến mà nói : “Tôi sắp về Phật !”. Các đệ tử đều khóc thưa : “Thầy không bệnh hoạn chi, sao lại nói như thế !”. Cô bảo : “Sao ngu si thế ! Khóc lóc có ích lợi gì. Nên tinh tấn niệm Phật thôi !”. Rồi cô ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây cùng các đệ tử đồng thanh niệm Phật, khi tàn một cây hương thời cô tịch. Bấy giờ nhằm năm Càn Long thứ 53.

Trích ở **Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệm**

---o0o---

III - LUẬT TÔN

Ni Sư Luật Tôn người Gia Định, ba tuổi mẹ mất, bà nội dắt cô đến am Viên Thông lễ Phật, cô đòi quyết ở lại đó. Lúc bé cô thích lễ Phật. Lớn lên chuyên tụng Kinh Pháp Hoa nhưng khổ nổi không rõ nghĩa. Cô bèn đến Kim Sơn và Sùng Phước tham cứu mấy năm. Sau khi trở về am Viên Thông, cô chuyên tâm niệm Phật. Mỗi năm cô thường đến các tông lâm cúng Phật trai Tăng.

Năm 53 tuổi, mang bệnh ho, cô cấm túc chuyên tu, lấy vãng sanh làm hên.

Rằm tháng Giêng năm 64 tuổi, cô họp chúng đồng thanh niệm Phật, đến mặt trời chính bóng, cô ngó chúng tha thiết khuyên bảo đừng mãnh tu hành, rồi cô chấp tay ba lần xưng “Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật”. Xưng xong, cô đoan tọa mà tịch. Lúc đó hương sen thơm ngát cả am. Bấy giờ nhằm năm Càn Long thứ 55.

Trích ở **Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệm**

---o0o---

IV - PHẬT KỲ VÀ LIÊN HƯƠNG

Sư Ni Phật Kỳ, người Thường Châu. Từ nhỏ cô chẳng chịu lấy chồng. Lớn lên mẹ cô đưa đến am Vũ Hoa xuống tóc, rồi thọ Cụ túc giới. Về sau, cô trụ trì am Sùng Phật ở trong thành. Cô quyên tiền trở tượng Tây phương Tam Thánh bằng gỗ chiên đàn cao 8 thước. Mỗi năm cô thỉnh chư Sư Tăng giới đức thanh tịnh đến am kiết thất kỳ, làm hội niệm Phật. Cô thường đi đến các tông lâm cúng Phật và trai Tăng. Cô tụ 30 mẫu ruộng để làm của thường trụ cho chùa Thiên Ninh ở Thường Châu. Về sau cô cảm tức nơi am chuyên tu tịnh nghiệp.

Trước khi tịch ba ngày, cô thấy Quan Thế Âm Bồ Tát hiện thân với hai vị đồng tử theo hầu. Trong khi đó có người nói là nghe mùi hoa cúc. Cô bảo đó là hương của hoa sen xanh. Ngày 30 tháng Tám, năm Càn Long thứ 56, có Ưu bà di đến thăm, cô bảo đỡ cô ngồi dậy, rồi hợp Ni chứng niệm Phật được chừng hai nghìn câu thời cô tịch.

Trích ở Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệp

Mục kích cô Phật Kỳ chánh niệm vãng sanh. Sư Ni Liên Hương phát tâm tinh tấn niệm Phật. Năm cô được 30 ngoài tuổi, dầu bệnh, nhưng sức niệm Phật của cô càng bền. Một ngày nọ, cô xoay mặt về hướng Tây đoan tọa chấp tay niệm Phật mà tạ thế. Bấy giờ nhằm năm Gia Khánh thứ 13.

Trích ở Nhiễm Hương Tập

---o0o---

V - LÃNG NHIÊN

Sư Ni Lãng Nhiên, người Gia Thiện, năm 18 tuổi, cô thấy sự khổ của người chị dâu bị sản nạn, cô tự thệ không lấy chồng, rồi cô xin với cha mẹ cho xuất gia ở am Tịnh Trì. Sau khi thọ giới, cô chuyên chí tu Tịnh độ. Tinh tấn niệm Phật trong nhiều năm, được niệm lực tương tục, lúc rảnh lúc bận, nơi tâm cô câu Phật đều không gián đoạn.

Năm Gia Khánh thứ 13, cô bảo đệ tử là Sư Ni Phước Duyên rằng : “Trong ba tháng gần đây, tôi ba phen mơ thấy mình ngồi kiết già trong hoa sen nơi bảo trì. Tôi sắp vãng sanh ! Con phải đốc chí niệm Phật. Nhon thiết

thời tự nhiên quả chắc, công phu không luống uổng. Gắng nhớ chớ quên!”. Ngày 25 tháng 3, cô không bệnh, đoan tọa mà tịch, thọ 71 tuổi.

Trích ở **Nhiễm Hương Tập**

---o0o---

C 3 - CHƯ TÍN SĨ

I - VƯƠNG CỔ

Ông Vương Cổ tự Mẫn Trung, người Đông Đô, tức là chất của Tướng quốc Vương Văn Đán. Nhà ông Cổ trì giới bất sát đã được bảy đời. Ông Cổ lại phát tâm phóng sanh đến một trăm vạn sanh mạng. Ông đến Giang Tây tham cứu thiền lý với Hối Đường và Vương Kỳ hai vị đại Thiền sư. Sau khi trở về, ông trú tác bộ “Tịnh Độ Quyết Nghi Tập” để hoằng dương pháp môn Tịnh độ. Lúc rảnh, xâu chuỗi không rời tay. Trong lúc đi đứng nằm ngồi chuyên tâm niệm Phật không để xen hở. Và dưới đây là bài tựa bộ “Tịnh Độ Bửu Châu Tập” của ông viết :

“Tâm chúng sanh thanh tịnh thời Phật độ tịnh. Pháp tánh vốn vô sanh mà vẫn luôn sanh, có Đức Phật Thế Tôn hiện tại đương thuyết pháp tại Cực Lạc thế giới hiệu là A Di Đà. Cõi ấy cảnh duyên sâu thẳm, nhân dân thọ mạng vô biên. A Di Đà Phật bi tâm rất sâu, nguyện lực rất lớn. Phật thường phóng quang minh chiếu khắp thập phương nhiếp thọ mọi loài. Cực Lạc thế giới tịnh diệu trang nghiêm bất khả tư nghị : lưới ngọc sáng đẹp giữa chừng không, cây vàng ngay hàng trên bảo địa, trong ao đầy nước bát công đức, hoa sen đủ màu tỏa đủ sắc quang minh, thiên nhạc trỗi ca cả ngày đêm, thiên hoa cúng dường khắp ức cõi. Chư Phật đồng tiếng ca tụng, Thánh phàm đua nhau cùng về. Chúng sanh trong tâm A Di Đà luôn luôn được nhiếp thọ, Tịnh Độ trong tâm chúng sanh niệm niệm được vãng sanh. Thân gá hoa sen không rời vương tác, thân du cõi Tịnh há ngoài bản tâm. Như gương sáng thân hình vạn vật mà vẫn không có tới lui, dường trăng tròn in bóng nghìn sông nhưng vốn không lên xuống. Đối thượng cơ viên đốn thời đều là bậc Nhứt sanh bổ xứ, khai phương tiện quyền môn thời chia ra có chín phẩm thấp cao. Niệm lấy tự tánh A Di Đà bản lai vô niệm, sanh duy tâm Cực Lạc chơn thiết vô sanh. Giải thoát sanh tử, mười niệm cũng được đến bảo địa. Hội về thật tướng, nhị thừa rồi cũng chứng Bồ-đề. Như thuyền lớn chở đá dầu nặng nhưng cũng được khỏi chìm, dường xuôi gió trương buồm lướt sóng mà mau qua đến bến. Hễ tỏ ngộ thời Tịnh Độ không phải xa không phải gần, còn mê mờ thời chính gần mà thành xa.

Than ôi ! Những kẻ ít học chường nhiều, nghĩ sâu trí cạn, chê Pháp môn Tịnh độ là quyền tiểu, đó là chê cả Mã Minh và Long Thọ là chưa phải, báng Thiên Thai cùng Trí Giác là chẳng thông. Cũng là chẳng chịu tự tin rằng mình sẽ được thọ ký Vô thượng Bồ-đề chẳng bằng lòng sanh liền vào nhà của Phật. Ôi ! Chim trong lồng, cá trong chậu, mà vẫn ung dung nhảy lội vui chơi. Mạng người như ngựa chạy qua cửa sổ, như đèn đê trước gió mà vẫn tưởng là lâu dài ! Khi còn thời sống luống, lúc chết phải sa đọa. Đâu ngờ rằng Tịnh độ chính miệng Đức Đại Hùng tán thán, lời vàng cặn kẽ dạy khuyên. Y theo mà hành thời trong giây phút đã làm bạn với Thánh Hiền, nội chốc lát đã đủ tướng hảo. Dứt hẳn ngũ trược ác báo, hưởng mãi quả đẹp thuần vui. Nếu là người bi nguyện nặng lòng thời tự tại vào tam đồ mà độ chúng. Pháp môn siêu thắng dường ấy mà không biết không tu, thật là kẻ đáng thương đáng xót”.

Triều vua Huy Tông nhà Tống, ông lãnh chức Hộ Bộ Thị Lang, không bao lâu ông an lành vui vẻ mà tạ thế.

Có ông cao Tăng nhập định thần du Tịnh Độ, thấy Vương Cổ và Cát Phiền ngồi trên tòa sen báu.

Ông Phiền người Trưng Giang, quan chức Triều Tán Đại Phu, nơi công thự cũng như tư gia, ông đều dọn tịnh thất thờ Phật. Một hôm đương lúc ông lễ niệm, Xá lợi sáng chói từ trên không rớt xuống giữa bàn Phật. Về sau ông nhuốm bệnh, đoan tọa xoay mặt về hướng Tây niệm Phật mà mất.

Trích ở các bộ **Tống Sử, Lạc Ban Văn Loại, Pháp Lữ Chí**

---o0o---

II - CHUNG LY CẢN

Ông Chung Ly Cản người Cối Kê. Thân mẫu là Nhiệm phu nhon chuyên tu Tịnh độ, đến lúc lâm chung kêu ông mà dặn phải siêng niệm Phật. Từ ngày ấy, ông Cản hằng hái tu trì, mỗi ngày thực hành 20 điều thiện. Ít lúc sau, ông bỏ nhiệm Triết Tây, gặp Từ Vân Sám chủ giảng luận về yếu chỉ vãng sanh, công phu tu hành của ông càng thêm chuyên cần. Thuở sanh tiền Nhiệm phu nhon có trở cốt tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, và hằng ngày bà thường bung đội trên đầu mà hành đạo. Sau khi bà vãng sanh, ông Cản chí thiết thờ tượng ấy. Một hôm, đương lúc ông lễ kính, giữa chạng mờ của tượng Phật ấy bỗng trời ra hai hột Xá lợi.

Không bao lâu, ông bổ nhiệm Khai Phong phủ. Một ngày nọ, đương lúc nửa đêm, ông gọi người nhà bảo rằng : “Thái phu nhơn về cho tôi hay rằng giờ vãng sanh đã đến !”. Nói xong, ông liền ngồi kiết già mà qua đời. Trước đây một ngày, cả nhà đồng chiêm bao thấy ông Cẩn ngồi trên tòa sen xanh, thiên nhạc du dương, bay trên hư không mà đi về hướng Tây.

Ông Cảnh Dung, con trai ông Cẩn, quan chức Triều Thanh Đại Phu, thường ngày tụng Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và tu niệm Phật Tam muội. Ông từ quan, cất am tranh bên vườn để làm chỗ tịnh tu. Ông từng nói “Đặng biết Di Đà, thời A Di Đà ! A Di Đà ! Chẳng biết Di Đà, thời biết làm sao ! Biết làm sao ! Chẳng biết Di Đà thời Di Đà ở ngoài Tây phương. Còn biết đặng Di Đà thời Di Đà chỉ tại trong nhà ta”. Một hôm, ông thỉnh Sa môn Diêu Ứng tụng Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, ông thấp hương chăm chỉ nghe. Nghe Kinh xong, ông bái từ rồi hai tay kiết ấn mà đi.

Ông Tông, cháu ông Cẩn, cư ngụ Tô Châu, cùng chư danh đức cao Tăng lập hội niệm Phật. Về sau, ông không bệnh, đoan tọa chấp tay hướng về Tây phương niệm Phật mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

III - MÃ VU

Ông Mã Vu tự Trọng Ngọc, người Hiệp Phi. Thân phụ là Trung Túc Công Mã Lượng, lúc làm Thái thú ở Hàng Châu, được Từ Vân Sám Chủ truyền cho Pháp môn Tịnh độ nên toàn thể gia quyến đều phụng Phật.

Năm Nguyên Phong, ông Mã Vu gặp Sa môn Quảng Sơ tặng cho tập “Thập Nghi Luận”. Ông mừng lắm nói : “Nay tôi đã biết chỗ về !”. Từ đó ông y theo pháp thập niệm hồi hướng của Từ Vân Sám Chủ mà thực hành hơn 20 năm. Về sau ông cùng ông Vương Cổ qua lại với nhau, công phu niệm Phật của ông càng thêm phần tinh tấn. Ông thích lấy việc phóng sanh làm Phật sự. Khi làm quan ở Tuy Xuyên cùng Tân Định, ông đều dùng ân đức mà cai trị dân. Mỗi ngày, ông định thời khóa tụng Kinh niệm Phật cùng quán tưởng Tây phương.

Thuở ấy, Kinh Vương phu nhơn thân du Liên Trì, thấy hai người ngồi trên tòa sen lớn, người dẫn đạo bảo là ông Dương Kiệt với Mã Vu. Lúc đó Dương Kiệt đã vãng sanh, Mã Vu vẫn còn tại thế.

Năm Sùng Ninh nguyên niên, ông Vu nhuốm bệnh, tự biết trước ngày giờ, ông tắm rửa thay y phục, ngồi kiết già hướng về Tây phương niệm Phật mà đi. Giờ ông Vu mất có khói thơm kết lại như cây lọng xanh từ phòng ông bay bổng lên cao. Sau đó vài ngày trong nhà có hơn mười người đồng chiêm bao thấy ông Vu về mách rằng : “Tôi đã được vãng sanh bậc Thượng phẩm”.

Mùa Thu năm ấy, đưa tở gái của ông niệm Phật mà mất.

Ông Vĩnh Dật con trai ông Vu, chuyên chí tu thập niệm và tập thập lục quán hơn 30 năm. Ngày có bệnh, ông Dật thấy Phật A Di Đà và Quan Âm, Thế Chí cùng Thánh chúng đến tiếp dẫn, ông liền đọa tọa kiết án niệm Phật mà qua đời. Lúc đó hơi thơm lạ khắp nhà. Khi đã liệm, trên linh cữu mọc hoa đẹp ngũ sắc và chói sáng.

Trích ở bộ **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

IV - GIANG CÔNG VỌNG

Ông Giang Công Vọng tự Dân Biểu, người Nghiêm Châu. Năm Kiến Trung nhà Tống, ông đỗ Tiến sĩ, phong chức Tả Tư Giám. Khi ông Thái Trung nhiếp chánh, ghét các quan ngôn sự, bèn cho ông Vọng qua trấn thủ An Nam.

Ông Vọng cùng vợ là Du thị hằng ngày ăn chay, thọ Bát quan trai, tu niệm Phật Tam muội, ông có soạn bài “Niệm Phật phương tiện”. Dưới đây là lược trích một đoạn ấy :

“Các pháp thế gian và xuất thế gian, muốn ít tốn công, mà chóng thành tựu, không gì bằng cột tâm vào một việc. Như xưng niệm A Di Đà Phật có phương tiện rất hay : không cần động đến môi miệng, dùng chót lưỡi nhẹ động nơi răng, tâm niệm ứng theo tiếng Phật rành rẽ rõ ràng. Tiếng không lọt ra ngoài, tánh nghe xoay vào trong. Tâm ẩn nơi lưỡi, lưỡi gọi tâm niệm. Từ nơi nghe mà quán lấy tâm, tâm trở lại nghe lấy tự tánh. Tiếng Phật, tâm nghe, tự tánh, cả ba dung hội nhau thời niệm niệm viên thông. Lâu lâu tự thành “Duy tâm thức quán”. Nếu là hạng người lợi căn, thời niệm niệm bất sanh, tâm tâm vô sở, các căn vắng bật, hình thức tiêu trừ, pháp pháp toàn chơn, môn môn tuyệt đối, bỗng chốc bèn thành “chơn như thật quán”. Còn người hạng sơ cơ nhứt tâm chuyên niệm hiệu Phật, nhẫn đến lúc lãng xăng công việc, cũng giữ chánh niệm không cho gián đoạn, đồng thời nhiếp cả

sáu căn, tịnh niệm nối liền, không ngoài tuần tháng quyết tự thành chánh định. Kinh nói : “Tự tâm làm Phật, tự tâm là Phật. Tự tâm thấy Phật. Chính là đó...!”.

Người con trai ông chết, mách mộng với người cậu, nhờ thay lời cầu ông đến chùa Thiên Ninh vì mình mà tụng Kinh Bửu Tích để được siêu độ và nói : “Thấy nơi u minh có tấm bia vàng để rằng : “Ông Giang Công Vọng thân lãnh quan tước mà chí mộ xuất trần, siêng lo tu hành tâm không ái nhiễm. Lúc động lúc tịnh đều không trái Phật pháp. Khi nói khi nín đều hiệp đạo màu. Tên họ thoát ngoài u đồ, chắc chắn sẽ về Tịnh Độ”.

Ít lúc sau, ông Vọng được lệnh vua triệu về nước. Một hôm ông không bệnh, an nhiên vui vẻ mà từ trần.

Trích ở những bộ **Tổng Sử, Lạc Ban Văn Loại, Pháp Kim Thang**

---o0o---

V - TRẦN QUYỀN

Ông Trần Quyền tự Vĩnh Trung, người Nam Kiếm Châu. Triều vua Huy Tông nhà Tống, ông ở chức Tả Tư Giám, vì lời ngay trái tai mà phải bỏ làm quan ở tỉnh ngoài.

Ông Quyền vốn thích Kinh Hoa Nghiêm, tự hiệu là Hoa Nghiêm cư sĩ. Khi được gặp Minh Trí Pháp sư, ông hạch hỏi tông chỉ Thiên Thai. Minh Trí Pháp sư đem môn chỉ quán bất tư nghị cảnh, dùng tánh đoạt tu thành vô tác hạnh mà giảng giải cho. Ông Quyền liền thâm nhập. Từ đó ông bỏ hẳn văn chương chuyên tu niệm Phật Tam muội. Ông từng viết bài tựa bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận của Trí Giả Đại sư :

“Tâm người vô thường, pháp cũng vô định. Tâm và pháp muôn vàn sai khác chính bởi tại đây. Tin đây thời tin khắp cả, nên Hoa Nghiêm nói Thập tín. Nghi đây thời nghi tất cả. Tổ Trí Giả vì thế mà giảng Thập nghi. Ra khỏi lưới nghi mà vào trọn nơi tín, thời chẳng rời chỗ này liền đặng cứu cánh. Tịnh Độ là nơi cứu cánh đây. Nơi ấy có Đức Giáo Chủ hiện đương thuyết pháp hiệu Vô Lượng Thọ Phật. Đức Phật ấy thuyết pháp chưa từng gián đoạn. Vì nghi làm chướng tai mình nên tự điếc mà không nghe. Vì nghi lấy tâm mình nên tự mê muội mà không hay biết. Vì không nghe không biết nên chấp cứng thói quen ô trược, rồi vọng cho thác chất hoa sen là dối bịa, mà

trộn không chịu tự xét tẩm thân máu thịt hiện tại đây từ đâu mà có ? Từ đâu mà đến ?

Tất cả từ nơi thai ngục. Thai ngục uế trước ấy có chút gì là chơn thật ! Do vì dựa theo nghiệp thức nên tự cách bản chơn, ở trong một huyễn cảnh mà lại chấp đây chê kia, đời đời say mê, tuyệt hẳn Thánh lộ. Vì thế nên Đức Bồ Sư Thích Ca Như Lai sanh lòng từ mẫn, đứng giữa cõi trước uế lên tiếng to kêu gọi : Tán thán sự thanh tịnh an vui của cõi Tịnh Độ. Ngài là vị đại Đạo sư ở bên sanh tử dùng pháp thuyền chở chúng sanh qua đến bờ Tịnh Độ. Nhưng bờ thanh tịnh của Đức Từ Phụ A Di Đà vốn không phân bỉ thử, thuyền Chánh pháp của Bồ Sư Thích Ca thiệt chẳng có lại qua. Ví như lồng đèn tám mặt, một ngọn đèn mà chia chiếu tám phương, mặt gương có Đông và Tây, mà ánh sáng vẫn là một. Đức A Di Đà thuyết pháp vốn khắp trong ánh sáng, vì muốn có chỗ chuyên chủ nên Đức Thích Ca chỉ một mặt Tây. Cho nên người đã được đến bờ Tịnh Độ mới có thể bật dứt bỉ thử, kẻ chưa nhập pháp giới làm gì quên được Đông Tây ! Đối với pháp môn này nếu là người chưa đạt đến chỗ cứu cánh thời chớ có sanh lòng nê chấp, cũng đừng phân tích kia đây, chỉ nên chánh niệm tin chắc mà thôi. Đây chính là thâm ý của hai Đức Giáo Chủ, mà cũng là chỗ quyết tin của Tổ Trí Giả vậy. Tin là mẹ của tất cả pháp lành, còn nghi là gốc của muôn vàn ác nghiệp. Nếu có thể thuận theo tin, đào gốc nghi, thời hạng người nghiệp chướng nặng nề trước kia, kẻ điếc liền hết điếc mà được nghe, người mê liền tỏ ngộ mà được biết, chưa ra khỏi sanh tử sẽ được ra khỏi, chưa sanh Tịnh Độ tất được vắng sanh. Thuận theo lời Đức Bồ Sư, mà đến ra mắt Đức Từ Phụ rồi thể theo chí nguyện của Từ Phụ mà trở lại phụ trợ Bồ Sư không rời Cực Lạc mà khắp đến mười phương ngòai an trên liên đài mà phân thân pháp giới. Từ khi hai Đức Giáo Chủ lập pháp đến nay, những người đã được như thế nhiều như số cát sông Hằng, còn gì mà chẳng chịu tin, còn gì mà cứ nghi ngờ. Mình đã tin nên tìm phương chước dìu dắt mọi người cùng tin, đây chính là lòng bi mẫn của Tổ Trí Giả vậy”.

Về sau ông đến cất nhà ở Lô Sơn. Một hôm ông bảo người nhà rằng : “Năm trước mắc nhiều hoạn nạn, tôi chỉ sợ sự chết làm gián đoạn công phu hành đạo. Đến nay thời vòng sống chết tôi đã được ra khỏi”. Dứt lời, ông Quyên đoan tọa an vui mà mất, thọ 65 tuổi.

Trích ở những bộ **Đông Đô Sự Lược, Phật Tổ Thông Kỹ, Lý Trung Định Tập**

VI - DAO ƯỚC

Ông Dao Ước người Hồ Châu, thông Kinh luận, chuyên chí Tây phương, Giác Hải Đại sư lập thành hội niệm Phật, chính nhờ ông Ước cổ xướng.

Một hôm ông Ước nói với Đại sư rằng : “Từ lâu tôi nhàm chán thân sống vô thường này, không còn mấy ngày nữa tôi sẽ về Cực Lạc. Xin Đại sư trợ niệm cho tôi !”. Giác Hải Đại sư liền mỗi ngày cùng ông Ước đồng thanh niệm hồng danh của Phật. Ít hôm sau, ông Ước đọa tọa mà từ trần. Đêm ấy Giác Hải Đại sư thấy ông Ước về mách rằng : “Tôi đã được vãng sanh Tịnh Độ, đó là nhờ sức trợ niệm của Đại sư”. Đại sư nói : “Tôi muốn cùng đi với ông được không ?”. Ông Ước đáp : “Tuổi thọ của Đại sư chưa mãn. Thầy Cảnh Ý ở trong chùa sẽ được về trước”.

Sư Cảnh Ý là một hội viên của hội niệm Phật. Cách tháng sau, sư Cảnh Ý tự biết giờ trước, vui vẻ niệm Phật mà tịch.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

VII - LÂU MÂN

Ông Lâu Mân người Minh Châu, anh ruột là ông Bửu Châu thường rước chư Sư Tăng về nhà để cùng đàm luận, mỗi lúc như vậy, ông Mân ở một bên chăm chỉ lắng nghe. Do đó nên đối với Phật pháp, lòng tin mộ của ông càng ngày càng thêm sâu.

Năm 22 tuổi mang bệnh nặng, ông nguyện quyết về Tịnh Độ, thưa với cha mẹ rằng : “Nếu con được sanh về Cực Lạc để được thấy Phật nghe pháp thòì có gì quý bằng”. Liền thỉnh chư Tăng đến nhà tụng Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Ông Mân xin dọn bàn thiết tượng đối với giường bệnh để ông chiêm ngưỡng, rồi ông chăm nhìn tượng Phật mắt không hề rời. Vài giờ sau, mặt ông bỗng hiện vẻ vui mừng mà nói rằng : “Tôi đã được ở Cực Lạc !”. Rồi ông xoay mặt về hướng Tây, xướng hồng danh của Phật mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

VIII - VƯƠNG NHỰT HƯU

Ông Vương Nhựt Hữu tự Hu Trung, người Lô Châu. Triều vua Cao Tông nhà Tống, ông đỗ Tiến sĩ không chịu làm quan. Ông học rộng, quán thông cả kinh sử. Dạy truyền Nho đạo, Lục kinh, Luận ngữ, Mạnh Tử.

Được ít lâu, một ngày nọ ông bỏ cả thế pháp, chỉ chuyên tu niệm Phật, mặc vải thô, ăn chay. Mỗi ngày lễ Phật một nghìn lạy.

Ông có soạn bộ “Long Thư Tịnh Độ” trong đó đem Pháp môn Tịnh độ khuyên dẫn trên từ vua, quan, sĩ đại phu, dưới đến hàng tôi tớ, ăn mày, hàng thịt. Văn dễ lời cạn, rất rõ rất thiết, như lời phụ huynh khuyên dạy con em. Đọc đến dễ cảm dễ hiểu.

Mỗi sáng sớm ông lễ Phật chúc nguyện rằng : “Đệ tử kính vì tất cả chúng sanh trong pháp giới mà thấp hương đảnh lễ thập phương chư Phật, tôn Pháp, Bồ Tát, Hiền Thánh Tăng, xin cho được thanh tịnh tất cả thiện nguyện tế độ tất cả chúng sanh. Đến khi mạng chung liền sanh Cực Lạc, thấy Phật nghe pháp chứng Vô sanh nhẫn, đủ lực thần thông, rồi trở lại cõi trước này giáo hóa chúng sanh, lần lần làm cho chôn Diêm Phù này, nhân đến cõi Ta Bà và thập phương vô lượng thế giới, đều thành thanh tịnh Cực Lạc thế giới”.

Ông lại nguyện rằng : “Đệ tử Nhựt Hữu kính vì tất cả mọi loài, niệm “Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật” 108 biến để chứng Vô thượng thiện căn. Niệm “Nam mô A Di Đà Phật” 108 câu để kết Vô thượng thiện duyên. Nguyện tất cả mọi loài đều được đơm nhuần ơn đức của Phật. Cùng thương nhau yêu nhau, chẳng tranh giết lẫn nhau, chẳng lấn hiếp chẳng ăn nuốt nhau. Đồng tấn tu Phật pháp, đồng thoát ly khổ hải, đồng siêu sanh Tịnh Độ”

Ông lại nguyện rằng : “Đệ tử Nhựt Hữu túc nghiệp sâu nặng xin vì những chúng sanh bị con giết ngày trước, bị con ăn ngày trước, nhân đến tất cả sanh vật bị giết bị ăn trong cõi này, mỗi ngày niệm “Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới tam thập lục vạn ức nhưt thập nhưt vạn cử thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu A Di Đà Phật” 120 biến. Ngưỡng mong Như Lai bủa lòng đại từ bi, độ tất cả chúng sanh đồng sanh Cực Lạc thế giới”.

Niên hiệu Càn Đạo, tháng Giêng năm Quý Tỵ, ông Lý Ngạn Bất ở Lô Lăng cho mấy người con trai đến thọ giáo với ông Nhựt Hữu. Mừng 5 tháng tư năm ấy, ông Bất có bệnh nặng. Đêm 19 tháng Tư, ông Bất mơ thấy một

người tự xưng là Long Thơ cư sĩ bảo rằng : “Dậy ăn cháo trắng sẽ mạnh ! Ông có nhớ Khuyết Trọng Nhã dạy cho ông con đường tu hành mau tắt đấy không ?”. Ông Bật đáp : “Có ! Mỗi ngày tôi niệm Phật luôn”. Sau khi thức dậy, ông Bật đòi cháo trắng ăn. Ăn xong bệnh liền lành.

Ít hôm sau, mấy người con của ông Bật trở về nhà thuật lại rằng : “Ông Nhựt Hưu đã tạ thế từ tháng trước. Ba ngày trước khi chết, ông ấy đi từ biệt khắp tất cả thân hữu nói rằng mình sắp đi xa, khuyên nhắc mọi người gắng tinh tấn niệm Phật, đồng thời ông ấy hẹn ngày đi. Đến kỳ, ông ấy vẫn giảng sách cho học trò học, cùng lễ Phật tụng niệm như thường ngày. Đến canh ba, ông bỗng to tiếng niệm ba lần “Nam mô A Di Đà Phật, rồi nói lớn rằng : “Phật đã đến rước tôi !”. Dứt lời ông ấy vẫn đứng ngay thẳng trước bàn Phật, chấp tay mà vãng sanh”. Thuật xong, mấy người con lại trao ra bức chân dung của ông Nhựt Hưu. Ông Bật xem chân dung ấy giống hệt người mà ông đã thấy trong giấc mộng đêm hôm trước. Cảm động, ông Bật bèn khắc tượng ông Hưu và thuật việc mình với mọi người. Do đó nên nhiều người ở Lô Lăng kính thờ tượng ông Hưu tại nhà.

Năm Hàm Hựu, ông Lữ Mông Ích khắc bản bộ “Long Thơ Tịnh Độ”. Thợ khắc đến thiên “Chúc nguyện” trong gỗ có vật cứng chạm lưỡi đục, cạy ra được ba viên ngọc Xá lợi để ở thiên đầu.

Trích ở các bộ **Lạc Ban Văn Loại, Long Thơ Tịnh Độ**

---o0o---

IX - DIÊM BAN VINH

Ông Diêm Ban Vinh người Thang Dương, năm ba mươi ngoài tuổi, gặp một Sư Tăng khuyên tu Tịnh độ trì chú vãng sanh, ông liền ăn chay trường, mỗi ngày hướng về Tây phương tụng chú một nghìn biến. Ông đốc suất cả gia quyến của ông đồng thanh cùng tụng. Tu tập như vậy được hai mươi năm.

Triều Tống năm Thiệu Hy nguyên niên, ngày mùng một tháng Giêng, ông đọc Kinh “Đại Niết Bàn”, than rằng : “Nhơn sanh như mộng huyễn thôi. Ta còn quyến luyến gì nữa !”. Ngày mùng một tháng Ba, có mùi hương lạ ngào ngạt cả nhà trọn ngày mới tan. Đêm ấy con trai ông mơ thấy Đức A Di Đà Phật phóng quang minh chiếu khắp nhà cửa và nhà cửa đều biến thành màu huỳnh kim. Năm ngày sau, sáng sớm, ông Vinh khóa tụng như thường. Tụng niệm xong, ông xoay lại bảo quyến thuộc rằng : “Hôm nay tôi đi về,

cẩn thận chớ làm rầy !”. Rồi ông xoay mặt về hướng Tây ngòai kiết già nhắm mắt. Đến cuối giờ ngọ, ông vụt nói : “Tôi đi !”. Ông liền đứng dậy đi vài bước, giơ tay kiết ấn mỉm cười đứng yên rồi mất.

Trích ở tập **Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

X - NGÔ KHẮC KỶ

Ông Ngô Khắc Kỷ hiệu Khải Am cư sĩ, ngụ ở Phủ Giang. Ông bị đau mắt lâu ngày mà không lành, xốn nhức khó chịu. Có người khuyên ông nên trì niệm danh hiệu Quan Thế Âm Bồ Tát. Ông nghe lời, không bao lâu mắt được lành. Từ đó ông tin hướng Phật pháp.

Một lúc nọ, ông đọc Kinh Thủ Lăng Nghiêm đến đoạn “Cả hư không sanh trong tâm như chút mây điểm giữa trời”, tâm trí ông bỗng mở thông. Kế ông tiếp đọc bộ Tông Cảnh Lục, lâu lâu bèn được ngộ nhập. Ông soạn bộ “Pháp Hoa Khu Kiện” hồi hướng công đức nguyện sanh Cực Lạc thế giới. Ông từng nói : “Không đọc Kinh Pháp Hoa, không do đâu rõ thấu diệu pháp vốn sẵn đủ nơi tâm ta. Còn chẳng sanh Cực Lạc thời chẳng thể chứng được diệu pháp vốn sẵn đủ nơi tâm mình. Đức Như Lai cận kề dạy bảo, Tổ Trí Giả tha thiết hoằng truyền. Lòng từ mẫn của Phật cùng Tổ vẫn đồng một mục đích”.

Năm Càn Đạo, ông qua ngụ Tô Châu, cùng với Thiệt Công Đại sư lập hội niệm Phật. Ông bảo với thợ họa đồ Thập pháp giới và Tây phương cứu phẩm ở hai bên điện. Bức Thập pháp giới để tiêu biểu ý nghĩa “vạn pháp duy tâm”. Bức Cửu phẩm để chỉ con đường giải thoát mau tất. Ông Chung Ly Tông, một hội hữu, làm lời ký.

Năm Gia Định thứ 7, ông Kỷ tạ thế tại Bửu Tích Sơn thọ 75 tuổi. Có lời trối nên làm lễ trà tỳ theo pháp của chư Tăng.

Trích ở các bộ **Phật Tổ Thống Kỳ, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

XI - MAI PHƯỚC

Ông Mai Phước người Tòng Giang, thường ngày trai giới tụng Kinh, chú tâm nơi Tịnh độ. Khi lâm chung biết ngày giờ trước, ông chuyên xưng Đại Thế Chí Bồ Tát. Đến ngày thứ 7, ông tự tắm rửa thay y phục, rồi đoan tọa mà nói với mọi người rằng : “Đức Đại Thế Chí Bồ Tát đến rước tôi về Cực Lạc !”. Dứt lời, ngồi yên mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

XII - VƯƠNG CỬU LIÊN

Ông Vương Cửu Liên, người triều Nguyên, siêng tu tịnh nghiệp, y theo Kinh mà tập quán tướng. Nhưng mỗi khi ông mơ thấy Phật đều là hình tượng chó không phải Phật thiệt. Ông đem việc ấy hỏi Tịch Công Đại sư. Tịch Công bảo : “Việc ấy rất dễ. Ông còn nhớ rõ dung mạo của thân phụ ông chẳng ?”. Cửu Liên thưa : “Nhớ !”. Tịch Công lại hỏi : “Lúc ông chiêm bao thấy thân phụ ông khác với hồi còn sống không ?”. Cửu Liên thưa : “Không khác !”. Tịch Công giảng giải : “Phật vốn vô tướng, như nơi tâm niệm mà thành tướng. Ông muốn thấy Phật thời nên tưởng thân phụ ông là A Di Đà Phật : tướng giữa chầng mày thành tướng bạch hào, tướng mặt thành sắc chơn kim, tướng ông ấy ngồi trên tòa sen báu. Tập như vậy lâu lâu quán tưởng sẽ thành, rồi lần lần thấy thân ông ấy càng ngày càng cao lớn khắp cả hư không thời là được thấy Phật thiệt”. Ông Cửu Liên liền y theo lời của Tịch Công đã chỉ dạy đó mà tu tập, từ đó về sau, mỗi khi mơ thấy cha, ông liền tưởng là thấy Đức A Di Đà Phật. Ít lâu cha ông dất ông ngồi trên tòa sen rồi thuyết pháp cho. Cửu Liên nghe pháp, tâm được khai ngộ, từ đó công hạnh tu hành của ông càng thêm chuyên cần.

Ông Mã Sanh, một người bạn cũ của cha ông Liên, đi xa về đến thăm ông Liên mà thuật lại rằng : “Cách tháng trước đây tôi mang bệnh nặng chết, bị bắt dẫn đến địa ngục. Giữa lúc kinh hoàng, bỗng có ánh sáng vàng chiếu đến trên mình tôi. Trong ánh sáng hiện một người ngồi trên tòa sen kêu tên tôi. Tôi nhìn kỹ thời té ra là thân phụ của cháu. Ông ấy bảo người đưa tôi về, nhờ đó tôi mới được sống lại. Chẳng biết thân phụ của cháu thưở sanh tiền tu hành thế nào mà được đến bậc ấy ?”. Cửu Liên bèn thuật việc mình quán tưởng theo lời dạy của Tịch Công. Ông Mã Sanh nghe xong, cảm động lắm, liền lập nguyện, bắt đầu ngày đó nhứt tâm chuyên tu tịnh nghiệp.

---o0o---

XIII - MÃ VINH TỔ

Ông Mã Vinh Tổ người Tú Thủy (Triết Giang) năm ba mươi tuổi mang bệnh lạc huyết. Năm năm sau bệnh càng thêm nặng, ăn vào liền ụa mửa. Sư Tường Phong, người đồng hương, lúc chưa xuất gia cùng ông Vinh Tổ quen biết nhau. Năm ấy Sư về thăm làng. Vinh Tổ thấy cử chỉ ngôn ngữ của Sư bèn sanh lòng kính mộ mới hỏi phương chữa bệnh. Sư Tường Phong bảo : “Bệnh của anh thuốc men không thể chữa lành được. Nếu anh có thể vất bỏ tất cả việc đời, chỉ chuyên lòng tưởng Phật niệm Phật. Lâu ngày công sâu, vô minh dứt lặn, bệnh nặng sanh tử từ vô lượng kiếp tới nay liền đặng giải thoát, thời còn có bệnh hoạn gì mà phải lo phải sợ ư !”. Ông Vinh Tổ tỉnh ngộ. Từ đó ông trường trai tu tịnh nghiệp, không bao lâu mà bệnh lành. Trước ngày phát tâm, ông mơ thấy trên hư không hiện vô số chữ “thọ” chiếu sáng rực rỡ. Đến khi đọc Kinh, thấy câu : “Đức A Di Đà Phật hiệu là Vô Lượng Thọ Phật, cũng hiệu là Vô Lượng Quang Phật”. Rất hiệp với cảnh chiêm bao. Ông mừng lắm, tự cho rằng mình có duyên với Phật. Rồi ông đi thọ Tam quy y và Ngũ giới. Ông định thời khóa mỗi ngày niệm ba vạn câu hiệu Phật, tụng một biến Kinh A Di Đà, một biến Kinh Kim Cang, và đoạn tọa quán tưởng. Thỉnh thoảng, ông mời các đạo hữu họp nhau ngày đêm niệm danh hiệu Phật.

Tháng Giêng năm 48 tuổi, ông từ Tô Châu về nhà, qua tháng sau thời nằm bệnh. Mừng một tháng Ba, ông bảo người nhà rằng : “Tôi từ năm 35 tuổi phát Bồ-đề tâm chỉ cầu trang nghiêm Tịnh Độ lợi ích quần sanh. Dầu cho tước công hầu ở đời cũng xem như dế rách. Hiện nay dầu bệnh khổ nơi thân, nhưng trong tâm vẫn an vui không chút xao động. Ngõ hầu lúc lâm chung chánh niệm vắng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới !”. Có người hỏi : “Gia nghiệp không được dư dả, ông đi, những người ở lại mới làm sao ?”. Ông đáp : “Mỗi người tự có phần nấy chẳng phải chỗ tôi lo đến được”. Chiều ngày 18, ông nói : “Sáng mai cần phải đại sám hối”. Sáng sớm ông gượng bệnh thay áo lễ Phật, rồi đoạn tọa xoay mặt về Tây phương tụng hiệu Phật hai trăm câu, và bài văn phát nguyện của Tổ Vân Thê (Khể thủ Tây phương An Lạc quốc v.v...) tàn một cây nhang mới đi nghỉ. Ngày 21, ông nói : “Đức Phật và hai vị Đại sĩ đến thuyết pháp cho tôi nghe. Tôi luôn được ở trong quang minh của Phật”. Ngày 22 ông nói : “Quan Thế Âm Bồ Tát đem tịnh thủy tắm cho tôi, rửa sạch hoặc nghiệp của tôi. Thân tâm tôi bây

giờ mát mẻ lắm, vui thích không thể tả được!”. Chiều lại có người bạn thân là ông Trần Hồng Điều đến thăm hỏi : “Anh có niệm Phật không?”. Ông đáp : “Có!”. Ông Điều bảo : “Chẳng nên trước tướng!”. Ông đáp : “Tức tâm tức Phật, nào có trước tướng!”. Ngày 29, vừa đến Ngọ trưa, ông nói với mọi người rằng : “Đức Phật đến rước tôi!”. Rồi ông nằm nghiêng qua phía hữu, liền tiếng niệm Nam mô A Di Đà Phật mà qua đời. Bấy giờ nhằm năm Càn Long thứ 56, ngày 29 tháng Ba.

Lúc đó Tường Phong Hòa thượng đương kiết thất ở Văn Tinh Các (Tô Châu), tu niệm Phật Tam muội. Mùa Đông năm ấy, một đêm nọ, ngài mơ thấy ba người dung nghi cao lớn oai nghiêm, đầu có vàng sáng tròn, đồng đi thẳng vào thất ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng Nam. Ngài Tường Phong làm lễ xong, thưa rằng : “Ba vị Đại đức ở đâu quang lâm đến tộ thất?”. Người ngồi giữa đáp : “Chúng tôi ở Tây phương đến!”. Ngài thưa : “Có phải là người trong nước Cực Lạc của Đức A Di Đà Phật chăng?”. Đáp : “Phải đấy!”. Ngài thưa : “Dám hỏi quý vị Đại đức quý danh là chi?”. Ba người đồng thanh hỏi lại : “Ông tên chi?”. Ngài Tường Phong thưa : “Đệ tử pháp danh là Đạt Văn”. Người ngồi giữa nói : “Ông vọng ngữ rồi”. Ngài thưa : “Đệ tử thưa thiệt chớ chẳng phải nói dối”. Người ngồi giữa hỏi : “Ông tên chi?”. Ngài thưa : “Đệ tử pháp danh là Đạt Văn”. Người ngồi giữa nói : “Lại vọng ngữ nữa”. Ngài thưa : “Chẳng phải đệ tử nói dối, có sao Đại đức lại cho là đệ tử vọng ngữ?”. Người ngồi giữa bảo : “Tất cả chúng sanh cho vọng là chơn, chấp giả làm thiệt, vì thế mà phải bị luân hồi sanh tử. Nếu là người có trí rõ thấu là vọng là giả, liền không sanh tử. Ông chớ có mê mờ mà quên mất cả chơn tâm của ông. Phải biết rằng chơn tâm không tâm, chơn tri không tri. Giác tri là ma. Nơi Phật vốn không tri giác. Ông phải tin lấy chớ có nghi ngờ!”. Vừa nghe xong, ngài Tường Phong liền tỏ ngộ, tâm trí rỗng suốt, thấu bản chơn tâm. Ngài bèn thưa : “Lời dạy của Đại đức chính là Phật pháp bất khả tư nghị. Dám thưa Đại đức, Đại đức đã từ nước Cực Lạc đến đây, chẳng biết có từng thấy Đức A Di Đà Phật chăng?”. Người ngồi bên tả nói : “Ông phải tự mình thấy Phật mới được”. Ba người đồng đứng dậy. Mỗi người vỗ trên đầu ngài Tường Phong một cái mà nói kệ rằng :

Người thứ nhứt :

Phải gắng siêng tinh tấn
Tu các nghiệp thanh tịnh
Nhơn chắc thời quả thiệt
Chớ ôm lòng nghi ngờ.

Người thứ hai :

Các pháp từ tâm sanh
Các pháp từ tâm diệt
Tâm, pháp bốn lai không
Thủ xả bất khả đắc.

Người thứ ba :

Sanh Phật, tâm, pháp đồng
Ví như cảnh trong mộng
N hư huyễn tam ma đề
Ông đã hiểu đôi phần !

Ba người nói kệ vừa dứt, thoát thấy ông Mã Vinh Tổ nghiêm chỉnh oai nghi đánh lễ ba vị ấy. Ba vị liền xẹt lên hư không bay về hướng Tây. Đồng thời nghe tiếng nhạc du dương, tiếng niệm Phật khắp trời.

Ông Mã Vinh Tổ lại xoay về phía ngài Tường Phong cúi đầu lễ ba lay rồi nói : “Nhờ thầy khuyên tôi quy y Tam Bảo chuyên tu tịnh nghiệp. Nay tôi đã sanh về Tịnh Độ hưởng đại an lạc, nên tôi thỉnh ba vị Đại sĩ đến đây diễn pháp mầu để báo ơn thầy”. Nói xong, ông Mã Vinh Tổ lễ ngài ba lay nữa, rồi chấp tay niệm Phật bay về hướng Tây. Vừa lúc tiếng hồng chung khuya vang động, ngài vụt choàng tỉnh dậy. Rạng ngày, Hòa thượng Tường Phong chép lại các việc đã nghe trong đêm qua thành thiên “Mộng Ký”.

Về sau ngài Tường Phong ẩn tu nơi chùa Phước Thành ở Lữ Giang, lúc lâm chung biết ngày giờ trước, đoan tọa niệm Phật mà thị tịch.

Trích ở các bộ **Nhứt Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cú Thơ Chứng, Nhiễm Hương Tập**

---o0o---

XIV - LỤC SĨ THUYÊN

Ông Lục Sĩ Thuyên người Tô Châu, nhơn dự lễ Lương Hoàng Sám để cầu cho bạn lành bệnh, mà ông phát tâm tu Phật. Ông qua Thiên Ninh am thọ Bồ Tát giới. Vừa gặp lúc Tịch Căn Bồ Tát từ Cực Lạc đến giáng thần nơi Ngọc Đàn giảng dạy pháp môn niệm Phật, khuyên người phải nghĩ đến luân hồi sanh tử nhứt tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc thế giới. Bồ Tát thuyết

pháp được 11 hội. Do đó những người dự hội mới bắt đầu biết hồi hương Tịnh Độ. Ông Sĩ Thuyên cũng chuyên tâm quán tưởng cùng tụng Kinh Phổ Hiền. Ông trường trai được hai năm, kể mang bệnh, kém ăn, ông bèn khai giới thực nhục (tức là ăn mặn). Bệnh càng ngày thêm nặng, tự biết sắp chết, ông rất ăn năn hổ thẹn, liền dứt hẳn cá thịt, miệng không ngớt niệm A Di Đà Phật. Ông căn dặn người con gái của ông phải ăn chay niệm Phật, khi ông mất không được khóc than. Bảy ngày sau, bệnh làm xung. Mắt ông ngó lên trên không như có thấy những chi, miệng thời nói : “Bạch liên ! Bạch hạc ! Chư thượng thiện nhơn !”. Ông lại luôn miệng nói : “Phật ! Phật ! Phật !”. Ông trở mình nằm nghiêng phía hữu mà đi. Bỗng có mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. Bấy giờ là ngày 18 tháng Năm, năm Càn Long thứ 52, ông được 39 tuổi.

Qua năm sau, ngày mùng một tháng Năm, ông Sĩ Thuyên giáng thân ở Ngọc Đàn bảo mọi người rằng : “Ngày trước tôi sắp phải đọa lạc. Nhờ lúc lâm chung chánh niệm kiên cố, nên may mắn được Đức Phật đến tiếp dẫn vãng sanh Tây phương.

Tất cả người đời đều có một việc rất khẩn yếu, không một ai trốn tránh được, mà phần nhiều hay quên lãng đi, các ngài có rõ cùng chăng ?

Hiện tiền đây, các ngài thân thể khỏe khoắn tinh thần khương kiện, nên các ngài nào có nghĩ đến ngày mai này sẽ phải bệnh nằm trên giường, hôn phách ly tán, không biện biệt Đông Tây, chẳng phân được Nam Bắc. Trước mắt mờ mịt, không vịn níu đầu được, rồi tất phải theo nghiệp mà luân chuyển, chịu không biết bao nhiêu là sự thống khổ. Chỉ riêng nơi người lúc bình thời chuyên tu Tịnh độ, đến giờ chết tự thấy Phật đến tiếp dẫn sanh trong hoa sen báu, thọ mạng vô lượng, hưởng thuần những điều vui, chứng bậc bất thoái chuyển, một mực tấn tu thẳng đến quả Phật. Nếu các ngài có lòng muốn lập chí nơi đây, tôi sẽ cùng các ngài luận về những quan điểm cốt yếu của môn Tịnh độ. Nghĩa là tôi muốn nói đến “Tín”, “Hạnh” và “Nguyện” vậy.

Một là Lòng tin. Tin chắc Tây phương có Cực Lạc Tịnh Độ, như phía Tây của thành này có công viên dinh thự. Cõi Ta Bà đây ở Đông phương, như xóm nhà phía Đông của thành này. Ta Bà đã là thiệt có, Cực Lạc cũng là có thiệt. Cùng đồng ở trong Giác tánh viên minh, nên chuyên tưởng nhớ thời có thể về. Cũng như đồng ở trong thành, cất bước thời từ xóm nhà phía Đông tất đến được công viên phía Tây. Đã tin chắc Tịnh Độ quyết định có thể về được, lại phải tin chắc pháp môn niệm Phật, như là tin những việc

mặc áo quần cùng ăn cơm vậy. Mặc áo khỏi lạnh, ăn cơm khỏi đói, niệm Phật khỏi sanh tử. Ngày nay tin ngày mai không tin, chưa phải thiệt tin. Trọn đời mà thoát có một niệm ngờ cũng chưa phải thiệt tin. Bắt đầu từ ngày nay mãi đến hơi thở cuối cùng, luôn luôn tin chắc không một mảy may nghi ngờ, mới là thiệt tin.

Hai là **Công hạnh**. Đã tin chắc có Tây phương Tịnh Độ, đã tin chắc nơi pháp môn niệm Phật, nhưng nếu cứ nói suông khen luống, thời có ích gì đối với sự vãng sanh giải thoát ! Cho nên hễ ngày nay tin, thời y giáo phụng hành liền nội ngày nay. Ngày mai tin thời thực hành liền trong ngày mai. Rất không nên nói : Tôi bây giờ còn trẻ, thủng thẳng chờ khi lớn tuổi rồi tu cũng chưa muộn. Hãy nhìn qua trên những khoảnh đất chôn người, bao nhiêu là mồ của kẻ đầu xanh ! Bao nhiêu là mả của ai mạng ngắn ! Đâu có thể chắc rằng ta sẽ được thọ trường ! Cũng chẳng nên nói : Tôi bây giờ mắc bận lo việc nước, việc nhà, việc cha mẹ, việc vợ con, chờ đến lúc rảnh rang sẽ chuyên lo tu trì cũng chẳng muộn. Nên biết vô thường mau chóng, một mai thân chết đưa liềm vào cỏ, không có thể bảo với nó chờ cho tôi rảnh việc rồi sẽ đến ! Lại có người lúc thời tu trì dững mãi, lúc thời giải đãi qua giờ. Phải biết rằng hàm dưỡng liên thai cần phải công phu miên mật. Như gà ấp trứng, luôn luôn cần phải cho hơi ấm tiếp tục mới có thể nở con. Nếu ngày nay ấp, ngày mai bỏ đi, tất trứng phải hư phải thối.

Ba là **Chí nguyện**. Một chữ nguyện rất là khẩn yếu. Trong đời những người tin Phật niệm Phật chẳng phải là không đông, nhưng phần nhiều hoặc là cầu cho hiện đời được sang giàu sống lâu, hoặc là cầu phước thọ ở đời sau, cầu đặng thân trời thân người cho tạm khỏi khổ. Đó đều là những nguyện vọng trái với ý chỉ của Phật. Đức Phật hết lời bảo người mau ra khỏi sanh tử, mà người lại muốn vào sâu trong luân hồi. Đức Phật căn kẽ khuyên người cầu sanh Cực Lạc, mà người lại muốn ở mãi nơi Ta Bà. Như thế thời một đời hành đạo, công phu trọn thả theo dòng. Ví như cày ruộng mà gieo hạt cỏ, công nhọc thời có mà kết quả trọn không. Vì thế, nên nếu là người đã có lòng thiệt tin, phải lập tức thực hành chơn hạnh. Đã thực hành chơn hạnh, phải luôn phát chơn nguyện. Mãi đời sống thừa này, quyết định không sanh lên trời, không sanh nhơn gian, chỉ quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Lập chơn nguyện như vậy mà niệm Phật, mới là thuận với lời dạy của Đức Phật. Mới không đến nỗi luống phí công phu, luống hao thì giờ. Các ngài nên cố gắng lấy ! Các ngài nên tinh tấn lấy !”.

Bốn năm sau, ông Sĩ Thuyên lại giảng thân một lần nữa nơi nhà ông Huỳnh Kính Phu để sách tấn chư hội hữu, lời lẽ rất thiết yếu.

Trích ở các bộ **Nhứt Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cứ Thơ Chứng**

---o0o---

XV - NGÔ NGHIÊU CHÚC

Ông Nghiêu Chúc ở Tô Châu làm nghề đồ nén. Độc thân, trường trai, ngày đêm niệm Phật, ăn ở ngay thật. Vì ông có những điếm tốt ấy, nên các xưởng làm nén tranh nhau mượn ông. Trong khi làm mỗi lần đổ một gáo dầu vào khuôn, là ông niệm Phật năm ba câu.

Năm ông 71 tuổi, một hôm ông nói với chủ xưởng rằng : “Tôi có dành dụm được một số bạc, ý định để dưỡng già. Nay tôi niệm Phật đã thành công, vài ngày đây tôi sẽ vãng sanh Tịnh Độ, không cần đến số tiền ấy, xin kính tặng lại ông”. Chủ xưởng hứa sẽ thay ông mà làm phước sự. Ông mừng lắm, dẫn chủ xưởng đến chỗ cất tiền đem được một nghìn lượng bạc. Chủ xưởng liền chia ra đem dâng vào các chùa để trai tăng.

Đến ngày hẹn, ông đoan tọa chấp tay niệm Phật an nhiên mà mất. Ông có lời trời nên dùng khánh để liệm. Ngày làm lễ trà tỳ, người đến đưa ông cả trên số vạn. Bấy giờ là năm Sùng Trinh thứ bảy, triều Minh.

Trích ở bộ **Hiện Quả Tỳ Lục**

---o0o---

D 3 - CHƯ TÍN NỮ

I - CHÚC THỊ

Chúc Thị dì của ba anh em Viên Hoằng Đạo. Nhon thường nghe ba cháu đàm luận về Phật pháp, Thị phát tâm chuyên cần niệm Phật và tụng Kinh Kim Cang.

Một hôm, Thị bảo người nhà rằng : “Đức A Di Đà Phật dạy, sau ba ngày sẽ đến rước tôi !”. Đến kỳ, Thị tắm gội, ngồi ngay thẳng giữa nhà. Các thân quyến ngồi chung quanh Thị để xem chừng. Giây lát Thị tự nói : “Đức Phật đã đến ! Giữa chạng mành phóng bạch hào quang dài chừng hai trượng”. Thị lại nói : “Tôi thấy một ông Sư cao lớn tướng hảo trang nghiêm. Ông Sư ấy tự xưng là Tu Bồ Đề rồi hóa làm một trăm mấy mươi ông Sư”. Trong hàng thân quyến có người lên tiếng nói : “Trong Kinh Kim Cang tất cả là 138 lần Tu Bồ Đề, phải chăng là đó ư !”. Mọi người thấp hương đồng thanh

niệm Phật. Chúc Thị chấp tay mỉm cười mà mắt. Liên lúc đó, một đứa trẻ nhỏ 9 tuổi đương ngủ gật, bỗng nó la to rồi ôm mặt khóc. Hỏi có, nó nói : “Vừa rồi thấy hai người cao lớn mặc giáp vàng, tay cầm phan dài dẫn đường cho bà chủ đi. Cán phan quẹt nhằm mặt tôi đau quá !”. Mọi người dò xét coi, quả trên trán nó có dấu sưng bầm. Đến khi liệm, nơi thi hài của Thị phát mùi thơm lạ.

Trích ở **Viên Trung Lang Tập**

---o0o---

II - PHAN THỊ

Phan Thị Quảng Đàm vợ của Công Bộ Chủ Sự Lý Dương Xuân ở Du Hà. Dương Xuân người lành, thích bố thí, và mỗi ngày thường niệm A Di Đà Phật. Sau khi từ trần được một năm, ông hiện hình cho Phan Thị thấy rồi đi thẳng lên lầu mở cửa sô gọi to rằng : “Phải tu hành ! Phải tu hành !”.

Phan Thị thông nho giáo, lúc đầu hay bác bẻ Phật pháp, nhưng rồi quy kính Vân Thê Liên Trì Đại sư, ăn chay trường, tập thiền định. Ban đêm Thị thường ngồi kiết già tới sáng, siêng niệm Phật và làm các việc từ thiện. Cho người vay mượn tiền, Thị đều không lấy lời mà cũng không đòi hỏi.

Mùa Đông năm Vạn Lịch thứ 39, Thị nhuốm bệnh. Đến tháng Giêng sang năm, Thị tự biết không mạnh được bèn di chúc gia tài rồi bảo gia quyến rằng : “Tôi, ba đời trước là Phạm Tăng. Nay tôi theo Quan Thế Âm Bồ Tát về Tây phương”. Rồi Thị liền miệng niệm Phật không ngớt tiếng, co ba ngón tay mà qua đời. Đến khi liệm, cả mình mềm dịu nhẹ nhàng, sắc mặt tươi nhuận như hời còn sống.

Trích ở **Ngu Đức Viên Tập**

---o0o---

III - NGÔ NỮ

Ngô Nữ, người Thái Thương. Khi sanh, cô ngồi kiết già mà lọt ra. Lớn lên cô quy kính Tam Bảo, ở với cha mẹ rất hiếu thảo. Cô không chịu lấy chồng, ai khuyên ép đến việc ấy, cô liền chỉ trời mà thề. Lúc đầu cô học chữ nghĩa nơi các anh các em, về sau cô đọc tụng Kinh Phật đều hiểu thông đại ý. Sớm tối cô kính cẩn lễ Phật. Cô mơ thấy thần truyền cho chú Chuẩn Đề bằng chữ Phạn. Phạm có ai bị bệnh rét, cô viết chữ chú trì liền lành. Một

hôm cô tự biết được đời trước. Cô nói : “Đời trước làm Cao Tăng triều Tống, đời nay sanh làm con gái nhà họ Ngô đây, mục đích là để dìu dắt cha mẹ tu hành thôi. Đến năm 23 tuổi tôi sẽ thành đạo quả”.

Năm Sùng Trinh thứ 4, chính là năm 23 tuổi, cô kiết thất chuyên lo niệm Phật. Cuối mùa Đông năm ấy, cô nhuốm bệnh sơ sài. Cô viết kệ từ thế và tha thiết khuyên nhắc cha mẹ siêng năng tu trì đừng biếng trễ. Đến đúng Ngọ, cô nằm nghiêng bên hữu mà tạ thế. Khi sắp liệm hồng quang ánh sáng trên mặt cô. Bà mẹ sửa tóc cho cô, mùi thơm lạ từ đỉnh đầu cô bay ra thâu đến ngoài cửa cả đêm không tan. Quàn thây 4 năm, rồi làm lễ trà tỳ, xương trong sáng như ngọc, đỉnh đầu biến thành màu huỳnh kim. Cha mẹ cô bèn xây tháp để thờ.

Trích ở **Tục Vãng Sanh Tập**

---o0o---

IV - LƯ THỊ

Lư Thị Trí Phước, vợ của Trình Quý Thanh ở Huy Châu. Quý Thanh vốn là một Phật tử tinh thông giáo lý, và nhiệt tâm đối với những việc phước thiện. Lư Thị luôn giúp đỡ chồng. Thị ăn chay trường, mỗi ngày niệm Phật một muôn câu. Thị tánh hiền từ, thương yêu kẻ dưới không bao giờ mắng tôi tớ.

Năm Sùng Trinh thứ 5, có bệnh nặng, Thị thỉnh Cổ Đức Pháp sư truyền ngữ giới, và bạch hỏi yếu lý Tịnh độ. Sau khi được Pháp sư giảng giải, Thị nhứt tâm cầu về Cực Lạc thế giới. Ông Quý Thanh đặt hương án tại phòng bệnh tụng Kinh Hoa Nghiêm. Đến phẩm “Nhập Pháp Giới”, ông giảng 53 đoạn tham tri thức của ngài Thiện Tài cho Thị nghe. Thị nghe đến đâu đều lãnh hội ý nghĩa đến đấy. Tụng Kinh xong, ông Quý Thanh lại sách tấn : “Trăm kiếp nghìn đời tại một phen này. Gắng sức về Tịnh Độ chớ dụ dự !”. Thị bèn to tiếng niệm Phật cả ngày liền đêm luôn đến nửa tháng. Mẹ ruột và con gái đến thăm, Thị tạ lỗi mà xin lui ra và bảo : “Xin đừng làm động tâm tôi !”.

Ngày mùng 8 tháng 11, thoát thấy hoa sen hiện ra trước mặt, trên không Hóa Phật đưa tay, Thị mừng lắm lật đật tắm gội, chấp tay xoay mặt về hướng Tây, niệm Phật liền miệng, rồi nằm nghiêng bên hữu mà từ trần, được 39 tuổi. Lúc đó đương đúng Ngọ trưa, đến chiều rờ đỉnh đầu Thị, hơi nóng có thể hơ tay.

Ngẫu Ích Đại sư chép truyện vãng sanh của Thị, và có lời khen Thị là hạng anh dũng trong hàng nữ lưu tu Tịnh độ.

Bệnh nặng mà to tiếng niệm Phật luôn ngày đêm cả nửa tháng là “đại tinh tấn”. Mẹ và con vào thăm mà không đoái đến là “dứt tình ái ân”. Hoa sen cùng Phật hiện, kiết tường niệm Phật mà đi là “quyết định được vãng sanh”.

Trích ở bộ **Linh Phong Tông Luận**

---o0o---

V - TỪ THỊ

Vợ của Lục Sinh ở Gia Định, chồng chết, Thị chuyên tu tịnh nghiệp. Bao nhiêu giấy nợ có giấy tới nghìn lượng bạc, Thị đều đem đốt hết không đòi. Bao nhiêu tư trang, Thị đem làm các việc phước thiện tất cả.

Sớm tối Thị lễ Phật, niệm Phật và tụng Kinh luôn mười năm không một ngày sót trễ.

Một đêm nọ, Thị kêu người nhà đến mà bảo : “Thấy phương Tây tỏa ánh sáng đó không ? Đã đến giờ tôi vãng sanh !”. Thị chấp tay to tiếng niệm Phật mà qua đời.

Xả tiền của và tư trang là “liạ tục nhiễm”. Giúp người, bố thí là “từ tâm”. Mười năm tu hành không một ngày sót trễ là “chuyên cần”. Ôi ! Người tu Tịnh độ mà đủ ba điều trên, có thể gọi là hy hữu, mà cũng là những ưu điểm quyết chắc được vãng sanh vậy.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

---o0o---

VI - HAI BÀ KÉO CHỈ

Mụ Phi vợ của Trầm Xuân Giao ở Hồ Châu, góa chồng hồi còn trẻ, mụ tự sống nuôi con với nghề kéo chỉ vải. Mụ ăn chay trường. Nhà thờ tượng Phật tam thế với cốt Quan Thế Âm bằng đàn hương. Mỗi ngày, Phi tụng Kinh Kim Cang một quyển, niệm Phật một nghìn câu làm định khóa. Dầu là lúc bận việc hay ốm đau, Phi cũng không để thiếu trễ.

Năm Sùng Trinh thứ 11, bệnh thời dịch hoành hành, ông Trương Thế Mậu, rể của cụ, rước cụ về ở nhà mình. Cụ chỉ mang theo cốt Quan Thế Âm Bồ Tát. Cụ ở riêng trên một tầng lầu, mỗi ngày khóa tụng hồi hương, cụ đều nguyện khói hương bay đến chỗ Phật tam thế, ba năm như vậy. Một hôm bỗng có khói hương cuộn vòng quanh lầu của cụ cả hai ngày đêm, rồi trên vách vôi trắng nổi lên tượng Phật tam thế, trang nghiêm đẹp lạ. Tiếng đồn xa gần người đến chiêm lễ mỗi ngày mỗi đông. Có người lấy phấn sạch chà thử, thời tượng càng nổi rõ, màu sắc càng bóng sáng hơn.

Sau đó bốn năm, cụ bảo con rể đưa cụ về nhà cũ. Cụ rưới quét, thắp hương lễ Phật tụng Kinh. Sáng ngày thứ ba, cụ tắm gội thay y phục, rồi ngồi ngay thẳng niệm Phật. Đèn đứng ngọn, cụ bỗng gọi to : “Phật đã đến ! Xin từ biệt mọi người !”. Dứt lời, cụ niệm Phật vài tiếng mà mất. Thọ 73 tuổi.

Trích ở **Châu Ngự Thừa Tục Tập**

Cụ Trần người ở Thường Thục làm nghề kéo chỉ vải. Cụ quy tín Phật pháp, niệm Phật theo tiếng xe kéo chỉ luôn cả ngày không ngớt tiếng, ba mươi năm như vậy. Một ngày nọ, cụ kêu người con trai lại mà nói rằng : “Con không thấy bảo cái tràng phan đó ư ! Mẹ vắng sanh đây !”. Dứt lời, cụ vỗ tay cười lớn. Sau khi đi pha nước tắm gội xong, cụ liền chấp tay mà mất. Bảy giờ nhằm năm Thuận Trị thứ 10.

Thượng Thơ Ông Thúc Ngun lúc đó còn hàn vi, được tin, đích thân đến xem, vẫn thấy cụ còn ngồi ngay thẳng vững vàng, khắp nhà mùi hương lạ ngào ngạt. Về sau, khi trứ tác bộ “Tịnh Độ Ước Thuyết”, Thượng Thơ ghi việc ấy vào để làm bằng chứng.

Trích ở bộ **Tịnh Độ Ước Thuyết**

---o0o---

VII - LÝ THỊ

Lý Thị mẹ của ông Lưu Đạo Long. Năm 40 tuổi, Thị ăn chay trường niệm Phật. Thị dọn một căn nhà sạch sẽ thờ đức Quan Thế Âm sớm tối lễ lạy. Mỗi thời, Thị niệm Phật một nghìn câu, dầu lúc đại hàn hay đại thử cũng y số không thiếu. Thị khắc bản Kinh Kim Cang để ấn tống.

Mỗi khi đến ngày sanh nhật, Thị dặn dậu con không được bày tiệc, chỉ nên cùng nhau lễ sám một ngày hay ba ngày.

Hai mươi lăm năm sau, mục thỉnh chư Sư Tăng đến nhà tụng Kinh bảy ngày đêm. Thị mơ thấy đức Quan Thế Âm trao cho Thị một xâu chuỗi và bảo : “Cho người xâu chuỗi này. Số hạt chuỗi là thời hạn người được vãng sanh !”. Thị tiếp lấy xâu chuỗi, đếm được năm mươi ba hạt.

Qua năm sau ngày mùng ba tháng Năm, Thị kêu người nhà mà bảo : “Hôm nay tôi về Tây phương Cực Lạc thế giới, nên đồng thanh niệm Phật trợ tôi vãng sanh”. Bọn con dâu ngồi bên giường của Thị mà niệm Phật. Thị ngồi ngay thẳng trên giường xoay mặt về hướng Tây mà qua đời.

Trích ở tập **Kim Cang Trì Nghiệm Kỳ**

---o0o---

VIII - BA BÀ HIỆN SỰ LẠ

Trương Thị một mục góa ở Thường Thục, an bản thủ tiết, chuyên trì hồng danh của Phật, không luận nơi nào và lúc nào, tiếng niệm Phật không hờ.

Một ngày nọ, Thị đau kiết rồi chết, để lại một cái quần cũ rách hôi do lấm. Người ta đem quần ấy quăng dưới sông. Thoạt nhiên từ nơi chiếc quần rơi ấy, nhiều hoa sen nổi lên năm màu sáng rỡ, trôi bập bênh đầy cả mặt sông. Mục kích sự lạ ấy, mọi người đều chấp tay kính lễ, rồi vớt cái quần rách ấy lên giặt sạch, đưa vào am trong làng để làm quần bàn trên bàn Phật. Bấy giờ là năm Thuận Trị nhà Thanh.

Trích **Quả Báo Văn Kiến Lục**

Lục Thị người Thường Thục, năm 20 tuổi góa chồng, Thị ăn chay trường giữ giới niệm Phật. Tánh nhã nhặn, không bao giờ Thị tranh cãi với ai. Năm 67 tuổi thời Thị chết. Khi thiêu quần áo của Thị, lửa đã tắt, bỗng thấy ánh sáng màu vàng chiếu lên, trong tro hiện rõ hơn hai mươi tượng Phật. Cả làng đều đua nhau đến xem, và đều cùng nhau thắp hương lễ bái. Bấy giờ là năm Khang Hi thứ ba.

Trích **Quả Báo Văn Kiến Lục**

Từ Thái Nghi mẹ của Từ Hạo Hiên ở Tiên Đường. Bà thờ Phật rất thành kính, mỗi ngày niệm Phật A Di Đà Phật. Bà họa tượng Phật, chung quanh tượng chằm vải nghìn vòng tròn để ghi số niệm. Mỗi khi niệm xong một bức, bà xếp lại đựng trong túi vải vàng.

Năm Khang Hi thứ 34, bà từ trần. Ngày bà mất, người nhà đem túi vải vàng ấy đốt trong chậu. Bỗng nghe trong chậu có tiếng nổ, mọi người bu lại xem, thấy có ánh sáng ngũ sắc chiếu lên, lan ra thành màu nâu. Trên màu nâu ấy hiện đèn đài có lan can bao quanh, trong đèn hiện vài mươi đóa hoa sen, trên mỗi hoa sen đều có một Đức Phật ngồi kiết già chấp tay. Hai bên Phật có chư Thiên đứng hầu. Mỗi mỗi hình tượng như bức họa màu phấn trắng. Ai được mục kích cũng chép miệng cho là sự lạ trong đời. Qua ngày sau, khều tro lật lại phía dưới túi lên xem, thì mặt dưới hiện hình tượng giống hệt như mặt trên. Chỉ có sau lưng mỗi tượng Phật, có hình một bà già cầm phát trần đứng hầu.

Trích ở tập **Tính Trung Tập**

---o0o---

IX - DƯƠNG THỊ

Dương Thị người Ngu Sơn. Vì bên họ mẹ đời đời học Phật, nên thị quy kính Phật pháp từ thuở còn bé. Sau khi về làm dâu nhà họ Trương, Thị liền lễ Sư Đức Chơn thọ Tam quy Ngũ giới, rồi đoạn tuyệt ái dục.

Năm 27 tuổi mang bệnh nặng, Thị phát nguyện cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, thỉnh tượng A Di Đà Phật về thờ, ngày đêm to tiếng niệm Phật. Đến ngày thứ năm, mùi hương chiên đàn thơm ngát cả nhà. Ngày thứ bảy, Thị thấy đức Quan Thế Âm Bồ Tát bảo : “Liên hoa chủng tử đã được nửa phần công, còn nửa phần chờ xem thủ đoạn của nhà ngươi !”. Thị chấp tay thưa : “Con phải làm thế nào ?”. Bồ Tát bảo : “Thả tay mà đi”. Thị liền trở dậy, ngồi kiết già, chấp tay cất tiếng niệm Phật mà vãng sanh.

Trích ở tập **Tục Vãng Sanh**

---o0o---

X - GIANG THỊ

Giang Thị, kẻ thất của ông Nghiêm Nhuận ở Dư Hàng. Ông Nghiêm vốn là đệ tử của Vân Thê, thực hành Pháp môn Tịnh độ.

Giang Thị từ khi về nhà họ Nghiêm, tu trì rất sốt sắng. Khuya gà vừa gáy hiệp đầu, Thị đã dậy quỳ trước bàn Phật niệm Phật một nghìn câu, rồi tụng Kinh niệm chú. Dầu là nhà quyền quý, nhưng tất cả các việc đốt đèn

thắp hương, cho đến nước rửa nước uống v.v... Thị đều tự làm lấy, không bao giờ sai biểu tôi tở.

Năm Khang Hi thứ 7, ngày mùng 6 tháng Ba, sau khi đi thời khóa sáng sớm xong, nghe trong mình mỗi mệt, Thị nằm tạm. Một lát sau, Thị bỗng to tiếng nói : “Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đã đến !”. Thị hỏi pha nước, tắm gội xong, lên giường nằm nghiêng bên hữu mà mất. Đến giờ liệm, nhan sắc của thầy Thị vẫn tươi nhuận, tay chân mềm dịu.

Trích ở bộ **Tịnh Độ Toàn Thư**

---o0o---

XI - MẸ CON ĐỒNG VỀ CÔI PHẬT

Mụ Diếp 40 năm ăn chay trường quy y với Cổ Đàm Hòa thượng, mỗi ngày lạy Hoa Nghiêm Kinh, một chữ một lạy, được trọn ba bộ. Năm 81 tuổi, mụ thấy Thánh nhơn hiện thân màu huỳnh kim, liền niệm Phật mà qua đời.

Con gái của mụ Diếp là Lăng Thị, vợ của ông Trần Đình Biểu ở Ngô Quận, năm 40 tuổi, cũng trường trai quy y Cổ Đàm Hòa thượng, ngày đêm sáu thời Thị hành Đại Bi sám. Lạy Kinh Hoa Nghiêm được giáp hai bộ. Tuổi già, Thị chuyên tụng chú Đại Bi và niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Một hôm, Thị nhuốm bệnh nhẹ, thấy đức Quan Thế Âm hiện thân. Thị kêu người con gái lại mà bảo rằng : “Phật quang sáng cả nhà. Mẹ về Tây phương !”. Dứt lời, Thị nhắm mắt, thọ 69 tuổi. Bấy giờ nhằm năm Càn Long thứ 34.

Người con gái của Thị về làm dâu nhà họ Châu cũng tu hành rất tinh tấn. Mỗi ngày cô tụng Kinh Pháp Hoa, niệm A Di Đà Phật. Người trong thân thuộc cảm hóa phát tâm tu hành rất đông.

Trích ở bộ **Thiện Nữ Nhơn Truyện**

---o0o---

XII - BÀ DU

Bà Du là thân mẫu của Chiêu Minh Hòa thượng.

Khi trụ trì chùa Cao Mân ở Dương Châu, Hòa thượng rước bà về ở một ngôi nhà bên cạnh chùa. Lúc đầu bà nhớ nhà lắm, hễ nói chuyện với Hòa thượng là nhắc đến việc nhà cửa sự sản thân thuộc. Hòa thượng mới giảng giải các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã và khuyên bà nhứt tâm niệm

Phật cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Bà không làm theo, Hòa thượng bèn ần mắt, bà cho người mời Hòa thượng cũng không đến. Bà không biết làm sao phải gắng gượng niệm Phật, nhưng bữa niệm bữa không, vì việc niệm Phật với bà là một sự khổ. Ba năm sau, niệm Phật ngày quen dần, bà tự phát tâm tin hướng, thọ Bồ Tát giới, sớm tối lễ bái niệm Phật rất chuyên cần. Hòa thượng đến thăm hỏi còn nhớ nhà không ? Bà đáp : “Niệm Phật tốt lắm ! Tôi không còn nhớ nhà nữa”.

Một hôm, bà đương ngồi trước sân niệm Phật, phương Tây bỗng tỏa ánh sáng, tất cả nhà vách rừng cây đều ần mắt, bà thấy thấu đến Cực Lạc thế giới. Mừng quá, bà đứng dậy đi thẳng qua, thoát không còn thấy nữa. Từ đó trở đi, sáu căn của bà tịch tịnh, trong tất cả thời không sanh vọng niệm. Chỉ một câu Phật tiếp tục nơi tâm. Ít lâu sau, một đêm nọ bà mơ thấy mình đến một nhà lá, trong ấy có đàn bà đang chuyển bụng. Bà giật mình nói : “Sao tôi lại đến chỗ này ? Vào thai ra thai và sanh tử khổ, thật đáng ghê đáng sợ. Tôi luôn mong mỗi được sanh về Cực Lạc thế giới kia mà !”. Bà vội vàng chạy ra khỏi nhà ấy rồi vụt choàng thức dậy.

Sáng hôm sau, bà nói với Chiêu Minh Hòa thượng : “Tuổi đời của tôi đã mãn. Xin thỉnh chư Sư Tăng niệm Phật, trợ tôi vãng sanh”. Rồi giữa lúc chư Tăng đồng thanh niệm Phật, bà ngồi ngay thẳng, xoay mặt về hướng Tây mà tạ thế. Lúc đó nhằm năm Càn Long thứ 27.

Trích ở tập **Thiện Nữ Nhơn Truyện**

---o0o---

XIII - MỤ DƯƠNG

Mụ Dương người Hàng Châu. Năm trên năm mươi tuổi, mụ bị bệnh phong, nằm cứng lưng, ngày đêm rên rỉ. Sư Lữ Đình từ kinh sư về Thiên Mục ghé nhà mụ. Con trai của mụ thỉnh Sư vào nhà sau thăm mụ. Mụ sụt sùi nói với Sư rằng : “Bệnh khổ lắm ! Thầy có phương gì cứu tôi chăng ?”. Sư nói : “Có ! Nhưng sợ bà không chịu uống”. Mụ thưa : “Nếu thiệt như vậy, tôi xin uống”. Sư bảo : “Bà nghe kỹ đây ! Bệnh từ nơi thân mà sanh, thân từ các duyên giả hiệp mà có. Bà xả được thân thời bệnh tự mất”. Mụ hỏi : “Làm sao xả được thân ?”. Sư bảo : “Bà đem cả thân buông bỏ, nhứt tâm tưởng Tây phương Cực Lạc thế giới chuyên niệm A Di Đà Phật. Đức A Di Đà Phật là đấng Đại Y Vương chữa được bệnh khổ của tất cả chúng sanh. Chí thành niệm Phật thời Phật tự đến cứu bà”. Mụ gạn : “Thiệt Phật đến ư ?”. Sư đáp : “Đến ! Chỉ lo bà niệm Phật không chí thiết thôi !”.

Sau khi Sư đi, mẹ liền niệm danh hiệu của Phật và tưởng nhớ Tây phương Cực Lạc, mỗi ngày mỗi khẩn thiết hơn. Năm tháng sau, mẹ nói với người con rằng : “Đức A Di Đà Phật đã đến ! Bốn ngày sau nữa má sẽ về Cực Lạc. Con đón thỉnh Đại sư Lữ Đình cho má tạ ơn”. Lúc đó Sư Lữ Đình đã về Thiên Mục rồi, đường xa không thể thỉnh được.

Đến ngày thứ tư, thỉnh mười vị Tăng đến nhà trợ niệm. Mẹ Dương tự trời dậy đoan tọa chấp tay niệm Phật mà mất. Bấy giờ là năm Càn Long thứ 36.

Trích ở tập **Thiện Nữ Nhơn Truyện**

---o0o---

XIV - DU' THỊ

Dư Thị Chơn Tu, vợ họ Châu ở Ngô Quận, năm 32 tuổi góa chồng. Đến năm 36 tuổi Thị ăn chay trường thờ Phật. Năm trên năm mươi tuổi, thị giao cả việc nhà cho dâu con mà chuyên tu tịnh nghiệp.

Năm 70 tuổi, tháng Sáu, Thị mơ thấy đi đến bờ sông, trên sông có chiếc thuyền lớn chở Tỳ kheo Ni và Ưu bà di chừng mười mấy người. Một người trong thuyền kêu Thị mà bảo rằng : “Đi Tây phương Cực Lạc thế giới !”. Thị tự nghĩ thầm bây giờ chưa đi, chờ cuối năm sẽ đi. Trong thuyền liền có tiếng bảo : “Hãy chờ thuyền sau !”.

Đến ngày mùng 6 tháng Chín, Thị mơ thấy Đức A Di Đà Phật hiện thân tiếp dẫn. Sau khi thức giấc, Thị tự biết giờ vãng sanh đã đến, bèn thỉnh Sư Văn Kỳ, thầy quy y cho thị, đến nhà để Thị tạ ơn và từ biệt. Sư khuyến tấn. Thị càng chí thiết niệm Phật, mùi hương lạ ngào ngạt, khắp trong ngoài đều nghe.

Đến sáng sớm ngày 11, Thị tắm rửa thay y phục mới, rồi đoan tọa niệm Phật. Một lát sau, Thị nằm nghiêng bên hữu mà qua đời. Nhằm năm Càn Long thứ 36.

Trích ở bộ **Tịnh Độ Thánh Hiền Lục**

---o0o---

XV - LƯƠNG NỮ

Lương Nữ người Phần Dương, đôi mắt mù từ thuở trẻ. Có một Sư Tăng bảo Nữ niệm A Di Đà Phật. Nữ bèn chuyên cần niệm Phật. Ba năm sau, hai mắt thật sáng tỏ. Từ đó lòng kính tin càng sâu, ngày đêm Nữ niệm Phật không hở.

Một hôm, Nữ thấy tràng phan bửu cái từ trên không giáng xuống, đồng thời Phật và Bồ Tát cũng đến tiếp dẫn, Nữ liền từ biệt thân quyến, chấp tay mà mất.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

--- o0o ---

TỨ CHÚNG VĨNG SANH THỨ TƯ

A 4 - CHỮ SƯ TĂNG

I - TUÂN THỨC

Tuân Thức Đại sư tự Tri Bạch, người Thai Châu. Thân mẫu mơ thấy nuốt minh châu mà sanh ngài. Lớn lên, ngài đến cầu thế độ nơi Nghĩa Toàn Hòa thượng ở Đông Dịch Sơn, chuyên cần học luật. Ngài vào chùa Quốc Thanh, ở trước tượng Phổ Hiền đốt ngón tay, thệ truyền giáo quán của Thiên Thai tông. Rồi ngài qua chùa Bửu Vân y chỉ với Nghĩa Thông Pháp sư.

Ngài từng kiết thất 90 ngày hành Bát chu Tam muội, ngày đêm tinh tấn tuyệt không ngơi nghỉ đến nỗi chân nứt, miệng ói máu, nhưng ngài vẫn lấy chết làm hẹn. Thoạt đức Quan Thế Âm hiện thân đưa tay chỉ vào miệng ngài kéo ra vài con lãi, đầu ngón tay của Bồ Tát rịn nước cam lộ nhều vào miệng ngài. Ngài nghe trong mình khỏe khoắn, tâm thần an tịnh, bao nhiêu bệnh khổ đều tự biến mất. Sau khi đó, đỉnh đầu ngài cao thêm ba ngón tay, tiếng nói thanh lớn như hồng chung, trí huệ biện tài vô ngại.

Nghĩa Thông Pháp sư thị tịch, ngài trở về Thiên Thai.

Năm Chí Đạo thứ hai, ngài ở Bửu Vân hợp Tăng tục chuyên tu tịnh nghiệp, đồng thệ sanh Tây phương Cực Lạc. Năm Hàm Bình, ngài vô Đông Dịch Sơn đốc suất đại chúng tu niệm Phật Tam muội. Năm Tường Phù, ngài qua Tô Châu giảng Kinh nơi chùa Khai Nguơn. Rồi ngài trở lại Hàng Châu

chủ Linh Sơn. Triều đình kính đức, phụng cho ngài hiệu là Từ Vân Sám chủ. Ngài đem việc phóng sanh của Trí Giả Đại sư nói với Vương Khâm Nhược, một quan trấn ở Hàng Châu. Khâm Nhược dâng biểu xin dùng Tây Hồ làm chỗ phóng sanh. Triều đình y chuẩn.

Ngài thể ý Kinh soạn nghi lễ sám, viên dung tam quán, quy hướng Tịnh Độ. Lại nhơn Tri phủ Mã Lượng thưa thỉnh, ngài soạn tập “Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn”.

Trong tập đó, về môn quyết nghi đại lược như vậy : Phật pháp có hai : A- Tiểu thừa bất liễu nghĩa pháp. B- Đại thừa liễu nghĩa pháp. Trong Đại thừa lại có chia liễu nghĩa cùng bất liễu nghĩa. Nay luận về Pháp môn Tịnh độ chính là pháp liễu nghĩa của Đại thừa giáo. Pháp môn Tịnh độ viên dung cả nhơn quả, thật là trọn phần thâm diệu của Phật pháp. Kinh Pháp Hoa nói : “Xét kỹ mười phương không thừa nào khác, chỉ có nhưt Phật thừa”, chính là nói Pháp môn Tịnh độ đây vậy. Vậy thời tất cả cõi uế cùng cõi tịnh ở mười phương rút lại đồng trong một sát na. Một niệm sắc và tâm bủa giăng khắp cả pháp giới đều là thiên nhiên bản cụ, chớ chẳng phải duyên khởi tán thành ! Một niệm đã thế, một mảy trần cũng vậy. Cho nên, trong mỗi trần đủ tất cả cõi, trong mỗi mỗi niệm gồm tất cả tâm. Mỗi tâm niệm mỗi mảy trần trùm chứa nhau, trùng trùng vô tận vô ngại. Đồng thời hiện cả chẳng có ẩn có hiển. Tất cả đều viên mãn thành tựu không có hơn có kém. Tâm ta đã như vậy, chúng sanh cùng với chư Phật thể vốn đồng. Như thế thời tâm thần lướt qua mười muôn ức thế giới, kỳ thiệt chỉ là thác sanh trong tự tâm của mình. Chín phẩm thai sen đâu có ra ngoài sát na tế. Người tin hiểu lời luận viên dung này thời không sự lý gì mà không thấu hiểu. Kẻ mê mờ nơi lý vi diệu đây thời đâu đâu cũng mê mờ. Cho nên trong Quán Kinh dạy : “Chư Phật Như Lai là Pháp giới thân, vào trong tâm tướng của tất cả chúng sanh... Tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật”. Nay chỉ vì giải quyết lòng nghi, cho mọi người được hiểu biết rằng : Bá bửu trang nghiêm và cửu phẩm nhơn quả ở Tịnh Độ, đều là ở nơi trong tâm của chúng sanh. Lý tánh có đầy đủ như thế, mới được thành sự dụng viên dung như vậy...

Và đây là hai pháp tọa thiền quán tưởng trong môn hạnh nguyện : Người muốn tu tập pháp quán vắng sanh, nên ở nơi chỗ thanh vắng, kê giường hướng về Tây phương, để dễ quán tưởng và để biểu chánh hướng. Ngồi kiết già ngay thẳng, đầu và xương sống đôi nhau, không khòm không nẩy. Điều hòa hơi thở. Định tĩnh tâm thần.

Trong Kinh luận dạy rất nhiều pháp thiền quán, hàng sơ tâm phạm phu đâu có thể tu tập tất cả được. Nay giảng bày hai thứ. Trong hai thứ đây, tùy sở thích tự chọn lấy một mà tu tập bất tất tu cả hai. Nhưng với người lợi căn thời vô ngại.

A- Sau khi điều thân, điều tức và điều tâm xong, tự nghĩ công phu tu tập của mình đáng được vãng sanh Cực Lạc thế giới. Rồi tưởng là mình sanh về Cực Lạc ngồi kiết già trong hoa sen báu. Tưởng hoa sen búp lại. Tưởng hoa sen nở ra. Chính lúc hoa nở, tưởng có tia sáng 500 màu chiếu đến thân mình, tưởng mình mở mắt. Tưởng thấy Phật thấy Bồ Tát. Tưởng thấy cảnh giới trang nghiêm. Tưởng mình dậy lễ Phật rồi ngồi nghe diệu pháp, cùng nghe tất cả tiếng chim hót, lá reo, nước chảy, nhạc rung, đều diễn thành tiếng nói những Phật pháp mà mình vốn thích nghe. Bao nhiêu điều thấy nghe đều phải hiệp đúng với Khế Kinh, lúc tưởng như trên đó, rất cần phải kiên cố chánh niệm, đừng cho tâm xao động. Tưởng hiện rõ ràng như tận mắt, thật lâu sẽ xả.

B- Tưởng Đức A Di Đà Phật thân vàng cao mười sáu thước ngồi trên tòa sen lớn. Chăm nhìn một tướng lông trắng giữa chặng hai chân mày của Phật, lông ấy dài 15 thước, chu vi năm tấc, tám góc đều đặn, giữa rộng và trong suốt như ống pha lê, xoáy tròn về phía hữu. Lông ấy trong sáng chiếu rõ mặt vàng của Phật. Lúc quán tưởng như vậy, kiềm tâm chăm chú chớ cho xao lãng.

Sau rồi lại nên suy xét, tưởng niệm mà được thấy đó, hoặc đã thành, hoặc chưa thành, đều do nhân duyên tưởng niệm mà hiện, không có tự tánh thật, toàn thể là không. Như bóng mặt trong gương, như ánh trăng dưới nước, như cảnh mộng, như huyền thuật, tức không, tức giả, tức trung, bất khả tư nghị. Nghĩ biết như vậy thời tâm không thủ trước, mà tâm tưởng bèn tịch tịnh, có thể thành tựu niệm Phật Tam muội.

Năm Thiên Thánh, ngài ở riêng nơi Nhật Quán am, một sở am ở phía Đông cửa chùa, ngày đêm chuyên tưởng Tây phương Cực Lạc. Sau khi giảng Kinh Duy Ma Cật xong, ngài giao phó ghế giảng sư lại cho Tổ Thiên Đại sư, một đệ tử cao túc của ngài. Ngài làm kệ tạ duyên tỏ ý sắp thị tịch.

Năm Minh Đạo nguyên niên, ngày mùng 8 tháng Mười, nhuốm bệnh nhẹ, ngài từ thuốc, vẫn họp chúng giảng dạy pháp yếu. Thuyết pháp xong, ngài bảo thỉnh tượng A Di Đà Phật. Chúng lại thỉnh tượng Quan Thế Âm đem về, ngài quỳ lạy, thấp hương nguyện rằng : “Tôi quan sát đức Quan Thế

Âm không sanh không diệt, thập phương chư Phật đồng trụ thiết tể, xin thọ lấy một nén hương này. Chư Phật chứng minh tôi vãng sanh Cực Lạc”. Có người hỏi chỗ ngài sẽ về. Ngài đáp là Tịch Quang Tịnh Độ. Chiều hôm ấy, ngài ngồi kiết già mà tịch. Thọ 69 tuổi. Người ta thấy ngôi sao rất lớn sa trên chót núi Linh Thứu, hồng quang chói sáng.

Trích ở những bộ **Lạc Ban Văn Loại, Phật Tổ Thống Kỷ, Liên Tông Bửu Giám**

---o0o---

II - TÔNG TRÁCH

Tông Trách Thiền sư người Tương Dương. Thuở trẻ ngài học nho, bác thông thê điển. Năm 29 tuổi, ngài sang chùa Trường Lô ở Chơn Châu, xuất gia nơi Tú Thiền sư. Năm Nguyên Hựu, ngài trụ trì chùa Trường Lô. Ngài rước thân mẫu là Trần Thị về ở ngôi nhà phía Đông phương trượng rồi ngài khuyên mẹ xuất gia niệm A Di Đà Phật. Cách 7 năm sau, Trần Thị không bệnh, niệm Phật mà mất, qua ngày sau mà đỉnh đầu của thầy Trần Thị vẫn còn hơi ấm, mặt hiện sắc trắng sáng như ngọc. Thiền sư tự cho rằng báo ơn mẹ đã được trọn.

Ngài thể theo quy chế Lô Sơn lập Liên Hoa Thắng Hội, hợp Tăng và tục tu tập Tịnh Độ quán, và chuyên niệm A Di Đà Phật, hồi hướng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc thế giới. Dưới đây là bài văn cổ xướng của ngài soạn :

Phàm người cho niệm là niệm, cho sanh là sanh, đó là lỗi chấp thường, còn người cho vô niệm là vô niệm, cho vô sanh là vô sanh, đây là tà kiến mê hoặc. Nếu rõ niệm là vô niệm, sanh là vô sanh là đạt đệ nhưt nghĩa vậy.

Vì thế nên nơi thiết lý chẳng chứa mảy trần, thì trên không Phật để niệm, dưới không độ để sanh. Nhưng trong môn Phật sự không bỏ một pháp, thì tổng nhiếp tất cả căn cơ bèn có một môn “niệm Phật Tam muội vãng sanh Cực Lạc” đây chính là yếu thuật hoàn nguyên. Do đó nên niệm Phật suốt ngày mà vẫn không trái với tánh vô niệm, chăm hãm vãng sanh mà vốn chẳng sai với thể vô sanh, vì thế nên phàm cùng Thánh đều trụ tự vị mà cảm ứng đạo giao, Đông và Tây vốn không lại qua mà tâm thần đến cõi Tịnh. Sự lý đương nhiên, pháp nhĩ như vậy. Cho nên trong Kinh dạy : “Nếu người nghe nói A Di Đà Phật rồi chấp trì danh hiệu nhưt tâm bất loạn. Lúc người sắp chết, Đức A Di Đà Phật cùng Thánh chúng hiện thân nơi trước người đó. Lúc chết, tâm người đó không điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc

của Phật A Di Đà”. Và Từ Phụ cùng Bốn Sư đầu phân ra hai môn “chiết phục” và “nhiếp thọ” hiện thân ở hai cõi “trước ược” và “thanh tịnh”, nhưng bốn ý của Phật không phải cho rằng Ta Bà trước ác là chỗ đáng nhằm lia. Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm là nơi đáng ham mộ. Mà chính vì hạng người sơ cơ hành đạo, trí lực chưa thuần cần phải nương nơi cảnh duyên thanh tịnh để dễ thắng tấn.

Cõi Ta Bà này, Đức Thích Ca đã nhập diệt, Đức Di Lạc chưa giáng sanh, còn Cực Lạc thế giới Đức A Di Đà Phật đương ngự thuyết pháp. Nơi Ta Bà đối với Quan Thế Âm và Đại Thế Chí, chỉ luống mền danh đức của hai ngài. Còn Cực Lạc thế giới hai đại Bồ Tát đó là bạn lành đồng xứ. Nơi Ta Bà các loài ma đua nhau phá rối người tu, còn Cực Lạc thế giới trong đại quang minh quyết không ma sự. Nơi Ta Bà khắp chỗ tiếng tà nhiễu loạn, nữ sắc mê người, còn Cực Lạc thế giới nước chim cây nhạc đều tuyên pháp màu, thuần tướng tượng phủ hấn không thân nữ.

Cứ như trên đó mà so sánh thời duyên tốt để giúp người tu hành không đâu bằng Tây phương Cực Lạc thế giới. Cũng có lắm kẻ trí kém cạn suy, cứ cố chấp mà không tín thuận. Nay xin luận vài điều :

Người đời, chán nhằm gia đình phiền rộn, thích mền am tự an hòa, cho nên có ai xuất gia thời trầm trở tán thán. Nhưng những khổ ở cõi Ta Bà này đâu phải chỉ nơi một việc phiền rộn nơi gia đình, còn những điều vui đẹp nơi Cực Lạc, sự an hòa của am tự đâu sánh kịp. Biết xuất gia là hay là tốt mà không nguyện vãng sanh, là điều mê lầm thứ nhất.

Nghìn dặm không nệ xa, cố tìm bậc minh sư để cầu chỉ dạy, hầu mong nhập Thánh siêu phàm. Mà Đức A Di Đà Thế Tôn thân trí tự tại, nguyện lực vô biên, một khi nghe được lời vàng, không ai chẳng được lợi ích lớn. Muốn tìm minh sư mà không mong mới thấy Đức A Di Đà Phật, là điều mê lầm thứ hai.

Tòng lâm nào đại chúng đông nhiều thời nô nức gá nương, am viện nào lẻ tẻ ít người, thời không muốn đến ở. Cực Lạc thế giới, bậc Nhứt sanh bổ xứ Bồ Tát rất đông không thể tính đếm cho xiết, chư Thượng thiện nhơn cùng sum họp một chỗ. Đã muốn thân cận tòng lâm mà không ham mộ hải chúng thanh tịnh, là điều mê lầm thứ ba.

Người phương này kẻ thượng thọ không quá trăm tuổi, mà lúc bé thời khờ, lúc già thì lẩn, nào bệnh tật, nào ngủ nghỉ, chiếm hết nửa phần thời gian của một đời. Bồ Tát chưa đắ nhấn còn phải mê khi đổi thân, hàng Thanh

Vẫn vẫn tối tăm khi lọt lòng mẹ. Thế thời, tác bóng vàng ngọc của người đời, mười phần mất hết chín, ai là người chưa chứng quả bất thoái địa thật phải rợn lòng. Người Cực Lạc thọ mạng vô lượng vô biên vô số kiếp, một khi gá thai sen thời không còn bị tử khổ, mà bệnh khổ cùng lão khổ cũng đã thoát hẳn, thân thanh tịnh cảnh thanh tịnh, nên tâm trí tỏ thông, một mực tấn tu nên liền chứng bậc bất thoái địa, mà Phật quả bảo đảm sẽ thành. Bị lưu chuyển nơi đời sống ngắn ngủi ở Ta Bà, mà không mộ sự trường tồn, bất diệt ở Cực Lạc là điều mê lầm thứ tư.

Nếu là bậc bất thoái chuyên chứng quả Vô sanh, ở trong dục mà không tưởng dục, ở trần mà không nhiễm trần, đủ khả năng như thế mới có thể hưng vô duyên từ, vận đồng thể bi, vào trần lao lã mình trong ngũ trước, như ánh sáng năng rọi khắp mặt địa cầu, phá tối tăm mà không bị lây tối. Còn nếu là hạng chưa đến bậc ấy, hoặc mới có đôi chút kiến giải, hoặc chỉ được đôi phần thiện căn, bèn vọng cho mình đã khỏi hẳn tứ ưu, đồng bậc thập địa, rồi ngó lơ Tịnh Độ, ham luyện Ta Bà, đến khi nhàn quan lạc địa thời y nhiên là kẻ luân hồi, tất bị nghiệp lực cuốn lôi nổi chìm trong lục đạo. Không biết tự lượng sức mình, vọng sánh với bậc đại quyền Bồ Tát, đây là điều mê lầm thứ năm.

Há không nghe Phật dạy nên phải phát nguyện nguyện sanh về cõi Cực Lạc đó ư ? Không chịu tin lời dạy của Phật, chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, có phải là quá mê lầm lắm ư ? Nếu chịu tin theo lời Phật mà được về Tịnh Độ, thời nhà lửa tam giới đâu nhốt cầm được, khỏi hẳn tám điều khổ của nhơn gian, trọn không năm điều suy của cõi trời, cần gì nói đến tam đồ ! Còn không danh từ ác đạo thay, huống là có sự thật ! Nơi Cực Lạc chỉ thuần giáo lý Nhứt thừa, khắp cõi không có hạng quyền tiểu. Quy kính A Di Đà Từ Phụ, thập phương chư Phật đồng được hiện tiền. Tất cả thời ở trong đại quang minh của Phật, nên ngũ trụ phiền não nhiệm vận lần tiêu, khắp mọi người luôn nghe tiếng giảng diễn pháp màu, mà lục thông Phật huệ tự nhiên đầy đủ. Đồng như đức Quan Thế Âm, phân thân khắp mười phương thế giới, tùy theo các loài chúng sanh, hiện ba mươi hai ứng thân để cứu độ. Giống như đức Đại Thế Chí, từ niệm Phật mà chứng nhập viên thông, đem nước Tam muội rưới cùng tam giới dắt chúng sanh ra khỏi nhà lửa. Tất cả công hạnh tự lợi cùng lợi tha thấy đều viên mãn. Đủ thấy rằng Tịnh Độ chẳng ngoài bốn tâm. Di Đà không rời tự tánh. Là yếu môn nhứt của quả giải thoát, là đường tắt nhứt của sự tu hành. Vì thế nên các Kinh giáo thuộc Đại thừa liễu nghĩa đều chỉ quy Tịnh Độ, mà chư Thánh chư Hiền đều tự nguyện vãng sanh, đồng thời khuyên mọi người cùng nguyện. Vì sao cần phải vãng sanh ?

Vì muốn độ người trước phải độ mình, mình có được độ mới đủ khả năng độ người được.

Than ôi ! Kẻ không lo xa tất có sầu gần, sau khi mất thân người sẽ phải ngậm hờn trong muôn kiếp. Cho nên tôi xin đốc suất đại chúng đồng niệm A Di Đà Phật, từ trăm câu nghìn câu, nhẫn đến muôn câu, hồi hướng phát nguyện đồng sanh Cực Lạc.

Một đêm nọ, ngài mơ thấy một người bạch y chít khăn đen, tướng mạo đẹp đẽ đoan trang, cỡ chừng ba mươi tuổi, chấp tay nói với ngài : “Tôi muốn vào hội Liên Hoa xin ghi tên cho !”. Ngài lấy sổ hội ra rồi hỏi : “Ông họ tên là chi ?”. Đáp : “Phổ Huệ”. Ngài vừa biên xong, người ấy lại hỏi : “Anh tôi cũng cầu ghi tên vào hội”. Ngài hỏi : “Anh của ông tên chi ?”. Đáp : “Phổ Hiền”. Dứt lời người ấy biến mất. Ngài đem việc ấy thuật lại với mọi người. Các bậc tôn túc bảo : “Trong Kinh Hoa Nghiêm nơi phẩm Ly Thế Gian, Phổ Huệ Bồ Tát hỏi hai trăm điều, đức Phổ Hiền Bồ Tát dùng hai nghìn nghĩa để đáp lại. Nay chúng ta lập hội niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, hiệp với bốn nguyện của Phật và Bồ Tát, nên cảm hai vị Đại sĩ đến xin vào hội để tỏ ý tán thành”. Hội bèn để tên hai vị Bồ Tát đứng đầu sổ. Và cũng từ đó người xa gần phát tâm xin vào hội rất đông, ai cũng đều thiết tin thiết tu cả.

Trích ở các bộ **Liên Tông Bửu Giám, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

III - HỮU NGHIÊM

Hữu Nghiêm Thiên sư họ Hồ, người Lâm Hải. Ngài xuất gia khi mới lên sáu. Sau khi thọ Cụ túc giới, ngài qua Đông Sơn học với Thần Chiếu Bản Như Thiên sư, được khế ngộ tông chỉ “Nhứt tâm tam quán”, rồi ngài chuyên tu Pháp Hoa Tam muội, thường hiện những điềm lành.

Trong năm Thiệu Thánh triều Tống ngài ở ẩn trên đỉnh Cổ Sơn, cất am tranh bên cây Tra. Nhon đó ngài lấy hiệu là Tra Am. Ngài nghiêm trì giới luật, ngoài ba y một bát, không chứa cất một vật chi khác. Hằng ngày Thiên sư tinh tấn trang nghiêm tịnh nghiệp. Phạm có trứ tác, phần nhiều ngài đều khuyến khích vãng sanh.

Có người hỏi : Phạm người sanh lên các cõi trời ở Dục giới do Thập thiện nghiệp làm nhơn. Người sanh lên cõi thiên ở Sắc giới do thiên định làm nhơn. Còn người sanh Tịnh Độ tất phải tu vô sanh diệu quán mới có thể

được. Những học giả đời này đều mù mờ nơi giáo lý nên cho rằng sanh lên trời khó, mà về Tịnh Độ dễ. Nói như thế thời ai tin được !

Ngài bảo : “Pháp môn không có khó cùng dễ, khó dễ đều ở nơi người tu. Khó chính là lòng nghi, thời gang tấc thành muôn dặm. Còn dễ là tín tâm mà muôn dặm thành gang tấc. Về phần người tu tập Vô sanh diệu quán là được vãng sanh, chỉ thuộc về Thượng phẩm vãng sanh thôi. Ông không nên cố mở một môn Thượng, mà lấp mất các môn Trung và Hạ. Trong An Lạc Tập nói : “Người sanh Tịnh Độ có hai hạng : A- “Hữu tướng tâm”, là người thích mến sự tướng Tịnh Độ. B- “Vô tướng tâm”, là hạng lý quán tương ưng. Xét người thời nay, phần đông thuộc Trung và Hạ, căn độn trí cạn, chương nặng nghiệp dày, nếu chờ đến chừng lý quán tương ưng mới vãng sanh tất cả là khó có ai được. Nên biết rằng Đức Phật tiếp độ chúng sanh có nhiều phương tiện, nào định thiện cùng tán thiện, nào Phật lực cùng pháp lực, nào sự phước nương nơi phát nguyện hồi hướng, nào đến khi lâm chung quá sợ mà chí thiết kêu cầu... Trong nghìn muôn phương như thế, chỉ y cứ được một phương tất cả là được vãng sanh. “Định thiện” là tu diệu quán duy tâm, chính là Thủ Lăng Nghiêm định. “Tán thiện” là như trong Vô Lượng Thọ Kinh dạy thập niệm Phật cũng được vãng sanh. “Phật lực” là nhờ đại bi nguyện lực của A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, chúng sanh nương nguyện lực của Phật liền được vãng sanh, như anh dân thường theo bên Chuyển Luân Vương, nội một ngày đi khắp tứ châu thiên hạ, đó chẳng phải là tự lực của anh dân mà là do phước lực của Luân Vương vậy. “Pháp lực” là như Phật bảo Liên Hoa Minh Vương Bồ Tát tụng chú Quán đánh gia trì nơi cát đất rồi vẩy lên thân người hay trên phần mộ, người chết ấy hoặc bị đọa vào tam đồ, sẽ nương chơn ngôn này mà được sanh Cực Lạc thế giới. “Sự phước nương hồi hướng phát nguyện” là từ tâm bất sát, đủ các giới hạnh, trì chú, tụng Kinh v.v... rồi hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ, thời thành như Tịnh Độ đặng sanh về Cực Lạc. “Sắp chết cầu cứu” là người ác lúc chết tướng địa ngục hiện, nhờ sức chí thiết niệm Phật nên lửa dữ hóa làm gió mát, Hóa Phật hiện thân tới rước : Tăng như Hùng Tuấn và Duy Cung, tục như Thiện Hòa và Chung Húc. Vì thế nên trong Kinh Phật có lời huyền ký rằng : “Hàng tiểu hạnh Bồ Tát và những người tu công đức kém ít, sẽ được vãng sanh, số đông không thể kể nói”.

Phật nói dễ vãng sanh, sao ông lại nói là khó ? Chúng ta nên thuận theo Kinh giáo mà luận là dễ để mở cửa giải thoát cho người, chớ không nên né chấp mà cho là khó làm người sơ cơ thoái chí”.

Đầu mùa Hạ năm Tịnh Quốc nguyên niên, thiên thần hiện thân trên không nói với ngài rằng : “Tịnh nghiệp của Đại sư đã hoàn thành”. Kế ngài tự thấy hoa sen lớn trong bảo trì và nghe tiếng thiên nhạc trôi quanh mình. Ngài làm kệ tiễn biệt để tạ chúng. Sau đó bảy ngày, Thiên sư ngồi kiết già mà tịch.

Trích ở các bộ **Phật Tổ Thống Kỷ, Lạc Ban Văn Loại**

---o0o---

IV - NGUỒN CHIẾU

Ngươn Chiếu Đại sư tự Trạm Nhiên, họ Đường, người ở Du Hàng. Lúc đầu ngài chuyên học luật với Huệ Giám Luật sư, sau theo hầu Thần Chiếu Thiên sư nghe giảng giáo quán Thiên Thai. Khi ngài thọ giới Bồ Tát nơi Quang Từ Pháp sư, giới quang phát hiện chiếu sáng cả giới đàn. Cảm sự linh ứng ấy, ngài chuyên nghiên cứu Luật tạng, cầm bát khất thực nơi chợ. Về sau ngài trụ chùa Linh Chi ba mươi năm truyền giới độ Tăng hơn sáu mươi hội⁶⁰. Hằng ngày, ngài chuyên chí nơi Tịnh độ. Ngài thường nói : “Lúc sống thời hồng truyền Giới luật, khi chết thời về Cực Lạc; đó là chỗ sở đắc của tôi”. Ngài có soạn nghi Tịnh Độ lễ sám và viết lời tựa rằng : “Ngươn Chiếu này từ khi đến giới đàn, bèn biết chuyên lo học luật. Kế gặp Thiên Thai Thần Ngộ Xử Khiêm Pháp sư hết lòng sách tấn, tôi mới nghiên cứu Phật thừa. Và do đó mà tôi phát nguyện : “Thường sanh tại Ta Bà ngũ trước ác thế làm đại đạo sư dìu dắt quần sanh đem về Phật đạo”. Tôi đọc Cao Tăng truyện, thấy Huệ Bồ Pháp sư nói Cực Lạc dầu thanh tịnh mà chẳng phải chỗ nguyện của tôi. Giả sử mười hai kiếp hưởng vui trong hoa sen, đâu bằng ở tam đồ cứu khổ chúng sanh ! Do đây tôi càng nắm chặt chí hướng cũ, trải qua nhiều năm trọn không có quan niệm quy hướng nơi môn Tịnh độ, lại thêm khinh chê người tu tịnh nghiệp. Năm nọ tôi mang bệnh nặng, thân gầy yếu, tâm mê loạn, toàn không chủ định, trong lúc đó nếu chết sẽ không biết phải về đâu. Sau khi bệnh lành, tôi liền xét biết quan niệm ngày trước là lỗi : chí nguyện dầu là to rộng, song mình chưa đủ khả năng. Buồn khóc cảm thương, tôi tự quả tự trách.

Tôi giờ tập Thập Nghi Luận ra xem, thấy trong ấy nói sơ tâm Bồ Tát chưa chứng Vô sanh nhẫn, không được rời Phật. Trong ấy lại dẫn lời Trí Độ Luận : “Cụ phước phạm phu có tâm đại bi rời nguyện sanh trong cõi ác trước để cứu khổ chúng sanh, quyết không nên ! Ví như trẻ thơ, chẳng nên xa cha mẹ, chim non chỉ nên chuyền nhành”. Từ ngày đó tôi vất cả sở học ngày trước, chuyên tìm xem các bộ Kinh cùng luận dạy về Tịnh độ, ngót hai mươi

năm chưa từng tạm hờ. Tôi nghiên cứu tinh tường giáo lý, duyệt khắp cả cổ kim. Những quan niệm nghi ngờ về môn Tịnh độ tiêu rã như sương tan; lòng tin Tịnh độ của tôi ngày càng sâu chắc. Tôi lại thấy lời luận về hai môn “chuyên tu” cùng “tạp tu” của Thiện Đạo Hòa thượng : “Nếu chuyên tu thời trăm người tu, trăm người vãng sanh; còn tạp tu thời nghìn muôn khó được một hai”.

Tôi xét mình tâm chí tán loạn, quán hạnh khó thành, nên chỉ chuyên tâm trì niệm bốn chữ hồng danh. Nhiều đời bỏ cha trốn đi, nay mới tự thấy là biết về nhà. Tôi đem chỗ mình đang tu tập khuyên nhắc mọi người cùng tu. Pháp môn thắng diệu do tín tâm mà được thành. Như đức Đại Thế Chí do tâm niệm Phật mà chứng được viên thông, nhập tam ma địa. Tôi lại gẫm xét, mình năm xưa không tin Tịnh độ, hủy pháp, khinh người, tạo vô lượng tội nghiệp. Trong lòng chẳng xiết hổ thẹn, sớm tối lo sợ, đối trước Phật đài phát lộ tâm can, năm vóc mọp đất tha thiết sám hối.

Rồi tôi lại phát đại nguyện : “Nhiếp tất cả chúng sanh đồng tu môn niệm Phật, đều vãng sanh Cực Lạc”.

Muốn thường tu tập, phải lập nghi thức khóa trình, tôi soạn các văn của tiền bối hiệp thành sám pháp này. Từ đầu tới cuối, trình bày mười môn. Trong đây đều chuẩn theo lời Phật cùng ý Tổ. Người sau đọc đến, sẽ rõ chí hướng của tôi”.

Ngoài ra, ngài có soạn Quán Kinh Nghĩa Sớ, A Di Đà Phật Kinh Nghĩa Sớ. Về phân trí thuật của ngài, cả thấy hơn hai trăm quyển.

Năm Chánh Hòa thứ sáu, mùa Thu, ngài bảo Tăng chúng tụng Quán Kinh và Phổ Hiền Hạnh Nguyện phẩm. Ngài ngồi kiết già, yên lặng lắng nghe rồi an nhiên mà tịch. Lúc đó mọi người đồng nghe tiếng thiên nhạc khắp hư không.

Trích ở : **Lạc Ban Văn Loại, Phật Tổ Thống Ký, Tây Hồ Cao Tăng Sử Lược**

---o0o---

V - TRÍ TIÊN

Trí Tiên Pháp sư họ Lý, người Tiên Cư. Thuở nhỏ ngài không thích ở tục. Sau khi xuất gia, ngài đi du học đến chùa Thiên Trúc, được Thủ Tọa

Minh Nghĩa truyền cho chỉ thú Nhứt tâm tam quán. Ngài trở về xứ, được phát minh chỉ quán nơi pháp hội của Huệ Pháp sư ở chùa Bạch Liên, rồi ngài kế vị giảng tịch. Trong tất cả thời ngài chuyên tưởng niệm Cực Lạc.

Có người gạn : “Nơi Pháp Hoa Tam muội một cõi là tất cả cõi, một thân là tất cả thân, một Phật là tất cả Phật, sao Pháp sư không y theo chỉ quán mà tu Pháp Hoa Tam muội, lại khẳng khăng cầu sanh Tịnh Độ làm chi ?”

Ngài đáp : “Kinh Khê Đại sư từng bảo : Trong phẩm Phân Biệt Công Đức quán thẳng một Đồng Cư Độ đầy thời đủ cả bốn độ. Cho nên một Đức Phật đây là cả ba thân Phật, một ai chúng đây là tất cả đại chúng. Vì ngũ trụ hoặc chưa dứt sạch nên cần phải tu về Đồng Cư Tịnh Độ”.

Hỏi : “Đồng Cư Tịnh Độ rất nhiều nơi hà tất phải Cực Lạc thế giới !”.

Ngài đáp : “Phải tu Đồng Cư Cực Lạc Tịnh Độ là bởi có nhiều có : A- Vì trong Kinh luận rất nhiều phen chỉ dạy. B- Vì cơ duyên sâu dày. C- Vì xu hướng một nơi để cho tâm niệm được chuyên chú. D- Vì nguyện lực của Phật nhiếp thọ”.

Ngài ở chùa Bạch Liên giảng dạy mười ba năm, hằng ngày hướng về Tây phương lễ niệm, không một ngày bê trễ.

Một hôm nhuốm bệnh nhẹ, ngài đi từ biệt các nhà ngoại hộ và khuyên nhắc tinh tấn Phật sự. Rồi ngài về chùa kê giường xoay mặt về hướng Tây, thượng tượng A Di Đà Phật, thỉnh chúng tụng Kinh A Di Đà, chưa rồi quyền ngài đã ngồi kiết già yên lặng mà tịch. Chúng Tăng ở chùa Năng Nhơn, một ngôi chùa ở gần, đồng nghe tiếng niệm Phật đều trời, cùng tiếng thiên nhạc trời khắp nơi, không rõ là điềm gì. Sáng ngày sau mới được tin Trí Tiên Pháp sư đã thị tịch.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

VI - TƯ CHIẾU

Tư Chiếu Thiên sư họ Dương, người Tiền Đường. Năm 14 tuổi ngài xuất gia học Pháp Hoa, Phương Đẳng nơi Nam Bình. Rồi ngài qua Đông Dịch Sơn tham thiền lý với Thần Ngộ Thiên sư, được khế ngộ. Ngài hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ, trọn đời tinh tấn hành đạo, ngài tự chích lấy

máu tả Kinh Pháp Hoa, cứ một chữ lay một lay được mười bộ. Tụng năm tạng Quán Kinh, mười tạng A Di Đà Kinh, một nghìn bộ Pháp Hoa Kinh, lễ Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Phạm Võng, Tịnh Độ Thất Kinh v.v... mỗi chữ mỗi lay, gồm cả được hai trăm bảy mươi quyển. Ngài chuyên tu Niệm Phật Tam muội ở am riêng hiệu Đức Vân, mỗi đêm đến canh tư thời ngài ngồi dậy to tiếng niệm Phật. Các Tỳ kheo giải đãi nghe tiếng niệm Phật của ngài, đều rùng mình hổ thẹn.

Mỗi tháng đến ngày 23, ngài họp kẻ Tăng người tục cùng niệm Phật, số mục thường là một nghìn người, trọn ba mươi năm như vậy.

Mùa Xuân năm Tuyên Hòa nguyên niên triều Tống, một hôm ngài bảo đồ chúng rằng : “Đêm rồi tôi mơ Đức Phật hiện kim thân một tượng sáu thước. Đó là triệu chứng tôi sẽ vãng sanh”. Liên ngay đó, thỉnh bảy Sư Tăng đến am trợ niệm. Đến chiều ngày thứ bảy, ngài vụt đứng dậy chấp tay to tiếng niệm Phật, rồi ngồi kiết già bắt ấn mà tịch. Khi trà tỳ, răng ngài còn nguyên, trắng sáng như ngọc.

Trích ở **Phật Tổ Thống Ký**

---o0o---

VI B - TÈ NGỌC

Tê Ngọc Đại sư, họ Mạc, người Tập Xuyên, xuất gia thuở thơ ấu. Ngài sáng lắm, mỗi ngày học Kinh thuộc vài nghìn chữ. Lúc đầu ngài tham học với Thần Chí Pháp sư. Về sau ngài y chỉ nơi Từ Biện Đại sư học chỉ thú Nhứt tâm tam quán. Ngài trụ trì chùa Bửu Tạng ở Diêu Khê, lập hội niệm Phật lớn. Kế đó, ngài qua trụ Hoành Sơn, đúc tượng Phật mười sáu thước, quản xuất kẻ Tăng người tục tu hành.

Một hôm giữa thời hành đạo ban đêm, ngài tha thiết bảo đại chúng : “Chúng ta lúc chưa biết niệm Phật, gây tạo vô lượng tội ác. Kinh nói phạm tội nhỏ kiết la phải đọa địa ngục chín trăm nghìn năm chịu khổ, huống là phạm đến các tội lớn thiên tỵ ư ! Chỉ có nhứt tâm niệm Phật, thời trong mỗi niệm diệt tội trọng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nương đó ngõ hầu có thể thoát hẳn quả khô tam đề, thành tựu quả Thánh Tịnh độ. Huống chi cha mẹ cho chúng ta đi xuất gia, chúng ta phải cố gắng hành đạo để độ người, để báo ơn sanh thành dưỡng dục. Nếu phá giới cùng biếng tu mà phải bị sa đọa, thời đâu đáng làm người, lấy gì để trọn phận làm con !”. Đại chúng cảm động đều chí thiết sám hối, gieo mình lễ Phật, có người đến bể trán, tắt tiếng.

Năm Tuyên Hòa thứ 6, ngài qua trụ chùa Thượng Thiên Trúc, đêm không nằm, giữa đêm đội tượng Phật trên đầu mà hành đạo. Một hôm có ông Tăng phạm luật, ngài quở rằng : “Sao ông quá đại như súc sanh vậy !”. Rồi ngài tự ăn năn rằng : “Ông ấy đầu có lỗi, quở ông súc sanh, làm nhục đến Tam Bảo”. Từ đó mỗi ngày, ngài đối trước Tam Bảo sám hối trọn ba năm.

Mùa Thu năm Kiến Viêm nguyên niên, ngài nói với Thủ Tọa Tu Huệ rằng : “Tháp Đa Bửu Phật hiện ra trước giường tôi, song không phải là chỗ tôi muốn. Tôi chỉ mong được gần Đức A Di Đà Phật thôi ! Ông nên vì tôi mà hợp chúng Tăng niệm Phật !”. Thủ Tọa liền đánh chuông hợp chúng Tăng trên một trăm người đồng thanh trợ niệm. Giây lát ngài cúi đầu kính lễ và nói : “Đức Phật đã đến !”. Rồi ngài ngồi ngay thẳng mà tịch.

Trích ở **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

VII - TƯ TỊNH

Tư Tịnh Đại sư họ Dụ, người Tiên Đường học Pháp Hoa với Đức Tạng Pháp sư, khi đã tỏ ngộ diệu lý, ngài chuyên tâm niệm Phật, mỗi ngày tụng Quán Kinh, quán tưởng Tây phương. Ngài lập tịnh xá tiếp đãi chúng Tăng.

Năm Tuyên Hòa, trong xứ có giặc loạn, ngài đi ngay đến chỗ tướng giặc đóng, xin đem thân thể mạng cho tất cả người trong thành, tướng giặc cảm phục chấp tay.

Ngài họa tượng Phật khéo lắm. Mỗi khi sắp họa, ngài vào tịnh thất niệm Phật, quán tưởng hồi lâu mới cầm viết. Một hôm ngài họa tượng A Di Đà Phật, tượng Phật bỗng phóng ánh sáng lâu lắm mới tắt. Giữa lúc tượng phóng quang, đại chúng đều tụ đến chiêm lễ. Như đó mọi người đồng gọi ngài là Dụ Di Đà.

Có người hỏi ngài sao không tham thiền ? Ngài đáp : “Bình sanh chỉ biết niệm Di Đà, chẳng biết tham thiền có sao mà ! Chín đặng Ngũ Hồ trắng gió mát, thái bình mưa phải khởi can qua !”.

Mùa Đông, năm Thiệu Hưng thứ bảy, triều Tống, ngài đoan tọa tượng Phật. Bảy ngày sau, ngài bỗng đứng dậy thắp hương cúng Phật, rồi ngồi kiết

già mà tịch. Đinh đầu ấm đến bảy ngày mà chưa lạnh. Mùi hương lạ cũng đến bảy ngày mà chưa tan.

Trích ở các bộ **Phật Tổ Thống Kỳ, Tây Hồ Cao Tăng Sự Lược**

---o0o---

VIII - NHƯ TRẠM

Như Trạm Pháp sư họ Tiêu, người Vĩnh Gia. Mẹ nằm mộng thấy tòa bảo tháp mà sanh ngài. Thuở trẻ ngài xuất gia với Xa Khê Khanh Pháp sư. Về sau ngài đến học với Huệ Giác Ngọc Pháp sư ở Hoành Sơn. Tinh chuyên thể cứu, ít lâu sau ngài thông cả giáo quán Thiên Thai. Ngài trụ trì chùa Thọ Thánh ở Xa Khê. Mỗi ngày ngoài giờ giảng dạy, ngài tụng Kinh Pháp Hoa một bộ, niệm Phật hai vạn câu.

Có người muốn được chức Tri sự, ngài không cho. Người ấy cố oán định giết ngài. Nửa đêm, người ấy mang dao vào thất của ngài, thấy quan khách ngồi chật cả thất, người ấy vội vàng tháo lui. Qua đêm sau, người ấy lại mang dao vào thất, thời tối tăm mà mặt tìm không ra lối đi. Ít hôm sau, người ấy cũng mang dao vào nữa, thấy ngài phân thân ra hơn mười người đều giống hệt như nhau, người ấy kinh hãi bỏ chạy. Sau rồi người ấy đem chuyện trên thuật lại với bạn thân, nhơn đó nên mọi người mới rõ ngài là bậc thần dị.

Ngài ngủ rất ít. Những đêm mưa, ngài ở trần ngồi trong cỏ rậm, miệng tụng Kinh Pháp Hoa, thí thân cho muỗi. Đại chúng cho rằng ngài tuổi đã cao, khuyên ngài nên bớt khổ hạnh. Ngài bảo : “Loài muỗi mòng ngu dại không lãnh thọ được Phật thừa, tôi chỉ trông mong rằng chúng nó hút máu tôi, nghe tôi tụng Kinh để kết duyên Tịnh Độ cho chúng nó mà thôi!”. Người sau nêu chỗ ngài thường ngồi cho muỗi cắn là “Nồi Ván Đai” (đài nuôi muỗi) để làm kỷ niệm. Ít lâu sau, ngài từ tất cả việc, ở rảnh rang nơi một cái am nhỏ, mỗi ngày tinh tấn trang nghiêm tịnh nghiệp.

Tháng Chín năm Thiệu Hưng thứ 10, ngài vô bệnh đọa tọa niệm Phật như thường mà tịch. Khi trà tỳ, được rất nhiều xá lợi ngũ sắc.

Ngài có soạn tập “Tịnh Nghiệp Ký” và giải bộ Quán Kinh Sớ.

Trích ở bộ **Phật Tổ Thống Kỳ**

IX - ƯU ĐÀM

Ưu Đàm Tông Chủ họ Trương, người Đôn Dương, xuất gia ở Lô Sơn Đông Lâm Tự. Về sau ngài ở chùa Diệu Quả tại Đôn Dương. Đầu năm Chí Đại triều Nguyên, có chiếu chỉ truyền bãi bỏ Liên Tông, ngài tự nói : “Tôi thân thọ giáo pháp Tịnh độ nơi Liên Tông gần ba mươi năm có lẽ đâu lại để tông này phải mất nơi đời tôi !”. Ngài liền lễ Phật phát nguyện quyết định khôi phục. Rồi ngài soạn bộ Liên Tông Bửu Giám mười quyển. Nay rút lấy vài đoạn khẩn yếu trong bộ ấy :

Phàm người tu Tịnh độ rõ ràng là phải đối địch sanh tử, chẳng phải nói mà không làm, phải coi đó là một công cụ rất quan trọng mà bản phận mình phải làm cho xong. Nên nghĩ đến vô thường mau chóng, ngày tháng chẳng chờ ai. Nếu mà nửa tin, nửa nghi, nửa tiến, nửa thoái, lúc vô thường đến thời làm thế nào ? Làm sao thoát khỏi luân hồi ? Nếu là người tin thuận, thời bắt đầu từ ngày nay phát tâm đại dũng mãnh, phát chí đại tinh tấn. Không luận ngộ lý, không ngộ lý, không luận kiến tánh không kiến tánh, cứ thẳng một mặt chấp trì một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, vững chắc như dựa vào tòa núi to, không gì làm lay động được. Phải chuyên tâm, phải chú ý, hoặc tham cứu mà niệm, hoặc quán tưởng mà niệm, hoặc niệm luôn, hoặc mười niệm, hoặc chuyên niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, hoặc xưng niệm, hoặc lễ niệm v.v... Niệm nào cũng là Phật, tâm nào cũng không rời Phật. Sáng cũng niệm, tối cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm. Không để tâm niệm luống qua, niệm Phật không rời tâm. Tất cả giờ, tất cả ngày không được buông rời, kín đáo liền nhau. Như gà ấp trứng phải cần hơi nóng nói tiếp luôn. Niệm Phật được như vậy gọi là “Tịnh niệm nói luôn”. Thêm dùng trí quan sát rõ ràng Tịnh Độ bèn là tự tâm. Đây là công phu tấn tu của bậc thượng trí. Dầu gặp những cảnh duyên khổ hay vui, nghịch hay thuận, cũng chỉ niệm A Di Đà Phật. Không một mảy tâm biến đổi, không một chút niệm thoái đọa, cũng không một mảy tạp tưởng. Nhấn đến hơi thở cuối cùng quyết không một niệm tưởng nào khác, chỉ mong mỏi được về Tây phương Cực Lạc thế giới. Dụng công được như thế thời vô minh nghiệp chướng tự nhiên tiêu mất, trần lao phiền não tự nhiên diệt hết. Tất sẽ tận mặt thấy Phật A Di Đà, khi lâm chung chắc chắn vắng sanh bậc Thượng phẩm.

Nếu người niệm Phật mà phiền não chưa sạch, lúc tâm niệm xấu ác móng khởi phải lập tức tự kiểm điểm. Nếu có những tâm niệm : xan tham, sân hận, si ái, tật đố, khi dôi ngã hơn, cống cao, ngã mạn, đua nịnh, tà kiến v.v... phải gặp to tiếng niệm Phật, nhiếp tâm nơi chánh niệm, đừng để niệm

xấu được tương tục, cho đến lúc chúng nó tiêu diệt, không còn sức tái khởi nữa. Nếu có những tâm niệm tốt như những tâm niệm thâm tín, chí thành, hồi hướng, từ bi, khiêm hạ, bình đẳng, phương tiện, nhẫn nhục, trì giới, hỷ xả, thiền định, tinh tấn, chánh trí v.v... nên phải giữ gìn cho được tăng trưởng. Rất phải nghiêm trì giới hạnh, chớ làm việc quấy ác, chớ nuôi mèo chồn gà lợn, chớ làm nghề săn bắn lưới chài. Nên biết rằng các bậc Thượng thiện nhơn nơi Cực Lạc, đều do vất bỏ tất cả điều ác, tu tập hạnh lành mà được sanh Tịnh Độ trụ bậc bất thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ-đề. Người niệm Phật phải học đòi theo Phật, nên coi việc bỏ dữ làm lành là nhiệm vụ của mình.

Người niệm Phật muốn được sanh Tịnh Độ, phải thường nghĩ tất cả sự vật thế gian đều là vô thường, có thành tất có hoại, có sanh tất có tử, nếu không chuyên tu Phật pháp thời chết đây sanh kia, luân chuyển trong tứ sanh lục đạo không biết bao giờ được giải thoát. Nay ta có duyên lành được nghe Phật pháp được tu tịnh nghiệp, nên chuyên tâm niệm Phật, khi bỏ thân này sẽ sanh Tịnh Độ vào trong hoa sen báu, thuần hưởng những điều vui thanh tịnh, thoát hẳn sanh tử nhiệm vụ chứng quả Bồ-đề. Chính đó là công vụ của hạng đại trượng phu vậy. Khi vừa nhuốm bệnh, liền phải sạch thân tâm, không chút do dự, hướng về Tây phương chuyên tưởng A Di Đà cùng Quan Thế Âm và Đại Thế Chí, rồi nhứt tâm niệm “Nam mô A Di Đà Phật” không ngớt tiếng. Đối với tất cả thế sự không được lo nghĩ đến, không được tham luyến. Nếu tạp niệm móng khởi phải gấp xưng niệm A Di Đà Phật và tha thiết cho được mau sanh về Tịnh Độ. Được như vậy, quyết định vãng sanh. Nếu là mạng số chưa mãn thời tự đặng lành mạnh. Vì nhứt tâm niệm Phật có năng lực diệt được vô lượng tội chướng. Cần thận chớ sanh lòng lưu luyến thế gian. Thân giả tạm này có còn thời còn, có chết thời chết, chỉ cầu cho được vãng sanh, không chút ngần ngại. Như cởi đồ dơ rách thay y phục sạch lành, vất bỏ thân phàm, bước lên Phật địa còn gì cao quý bằng.

Về sự tín tâm chơn thật mà tu hành chính là vì muốn vãng sanh Cực Lạc thế giới chuyên tâm nhiếp niệm trì một câu A Di Đà Phật. Chỉ có một niệm này là Bốn Sư của mình, chỉ một niệm này là Hóa Phật, chỉ một niệm này là mãnh tướng phá địa ngục, chỉ một niệm này là bửu kiếm chém bầy tà, chỉ một niệm này là đèn sáng lớn soi tối tăm, chỉ một niệm này là thuyền to chắc qua biển khổ, chỉ một niệm này là phương thuốc thần của lương y, chỉ một niệm này là đường tắt ra khỏi tam giới, chỉ một niệm này là bốn tánh Di Đà, chỉ một niệm này là duy tâm Tịnh Độ. Cố gắng làm sao ghi rõ một câu A Di Đà Phật này khảng nơi lòng chớ cho quên lãng. Niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm chẳng rời tâm. Vô sự cũng niệm như vậy, lúc hữu sự cũng niệm

như vậy, an vui cũng niệm như vậy, bệnh khổ cũng niệm như vậy, sống cũng niệm như vậy, chết cũng niệm như vậy. Một niệm rành rành không mê mờ như vậy, thời cần gì hỏi thăm người đê dò đường về nhà u !...

Khi soạn xong, ngài đưa đi cầu chúng giám khắp các bậc thạch đức, không ai có thể đổi một chữ. Ngài dâng sách lên vua nhà Nguyên, xin phục lại giáo pháp của Liên Tông. Triều đình chuẩn y và tôn ngài làm Tông chủ, phụng hiệu là Hồ Khê Tôn giả.

Đến năm Chí Thuận nguyên niên, ngài an tường viên tịch.

Trích ở các bộ **Trần Giang Phủ Chí, Liên Tông Bửu Giám**

---o0o---

X - HUỆ HANH

Huệ Hanh Luật sư tự Thanh Chiếu, xuất gia học luật ở Linh Chi. Về sau ngài trụ trì chùa Diên Thọ ở Hàng Châu, chuyên tu tịnh nghiệp. Mỗi khi nói chuyện với người, tất là khuyên niệm Phật. Ngài xây bửu tháp, đúc tượng Tây phương Tam Thánh, tướng hảo uy nghiêm, ai cũng khen là bậc nhưt. Đồng thời ngài lập hội niệm Phật.

Một hôm, ông Giang Tự Nhiệm mơ thấy Thánh Tăng tay cầm bửu tòa từ trên không giáng xuống nói : “Huệ Hanh Luật sư sẽ ngồi tòa này”. Chính ngày này, vừa lúc Tôn Cư sĩ, một hội hữu, trước đã đến từ biệt ngài rồi, ông ở tại nhà đoan tọa kiết ấn mà qua đời. Ngài qua nhà Tôn Cư sĩ thăm, rồi trở về chùa bảo đại chúng : “Tôn đạo hữu đã đi, tôi cũng đi !”. Đại chúng họp đến niệm Phật. Ngài nói kệ rằng :

Di Đà luôn luôn niệm

*Bạch hào tâm tâm tưởng
Nắm chặt lòng chẳng thoái
Quyết định sanh An Dưỡng !*

Dứt lời, ngài đoan tọa mà thị tịch.

---o0o---

B 4 - CHƯ' SƯ NI

I - DIỆU THÀNH

Sư Ni Diệu Thành, con của họ Hà ở Hồ Châu. Cô bẩm tánh thông minh. Mẹ cô phụng Phật. Lúc còn thơ bé, mỗi khi thấy mẹ lễ Phật và niệm Phật, cô liền chấp tay niệm theo mẹ. Năm 21 tuổi, về làm dâu nhà họ Vương. Chưa đầy nửa năm, chồng chết. Cha chồng vốn là một cư sĩ ăn chay niệm Phật. Nhà chồng nghèo, cô phải làm đẽ cung phụng cha mẹ chồng. Sáng sớm và tối, cô tụng Kinh Hoa Nghiêm, niệm Phật, định làm thời khóa thường ngày, trải qua hơn mười năm như vậy. Về sau cha chồng xuất gia làm Sư Tăng, mẹ chồng qua đời, cô bèn đến xuất gia làm Ni tại am Quảng Nghiêm. Sau khi thọ Cụ túc giới, cô giữ gìn giới hạnh tinh nghiêm, càng chuyên chí tụng Kinh niệm Phật.

Năm Gia Khánh thứ 19, triều Thanh, cô nhuốm bệnh sơ sài, bảo chúng rằng : “Tuổi đời của tôi đã mãn, ba ngày sau tôi sẽ về Tây phương. Đại chúng nên gắng sức tu trì, sau này hoặc còn được có lúc gặp nhau. Chớ quên lời dặn của tôi !”. Đến ngày thứ ba, giữa lúc cô đọa tọa niệm Phật, cô bỗng ngược đầu lên nói : “Đức A Di Đà Phật đã đến rước, tôi xin đi !”. Dứt lời cô liền nhắm mắt mà tịch, được 47 tuổi.

Trích ở **Nhiệm Hương Tục Tập**

---o0o---

II - ĐẠO CÀNG

Sư Ni Đạo Càng, họ Trần, tự Thế Thiên, người Gia Hòa. Năm 17 tuổi, cô xuất gia tại La Am ở Tú Châu. Tánh cô thích ở riêng vắng vẻ. Cô xem chuyện cơ duyên của Cổ đức, bèn phát chí hướng thượng. Sau khi thọ Cụ túc giới, cô đến chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, tham thiền lý nơi Bửu Lâm Đại sư. Khi ra mắt Đại sư, cô liền hỏi : “Thế nào là đại nhơn tướng ?”. Đại sư bảo : “Chờ lúc người trừ bỏ ngũ chướng đã, ta sẽ nói cho”⁶¹. Cô nói : “Dữ hôn ! Thế thời đã gạt Hòa thượng đây !”. Đại sư bảo : “Người học ở đâu được cái thứ hư đầu thiền ấy thế ?”. Cô bất giác toát mồ hôi ướt cả lưng, thoát nhiên tỏ ngộ, bèn đánh lễ. Đại sư gạt trở lại : “Thế nào là đại nhơn tướng ?”. Cô liền giăng thẳng hai tay ra. Đại sư ấn khả.

Cô đã được tỏ lý, không đi tham học nữa, ở một am tranh nơi Nam Hồ. Am ấy dột rách, mà cô vẫn ở an. Ngôn hạnh chơn thật, cảnh thuận cảnh nghịch không động lòng. Lễ Hoa Nghiêm Kinh, một chữ một lay, được mãn

ba bộ, tụng Đại Phẩm Bát Nhã được vài mươi bộ. Lần lần đạo hạnh của cô truyền lan, thí chủ vân tập. Không bao lâu mà bên am tranh dột rách, những điện đường đồ sộ đã lạc thành. Cô lập Niệm Phật đường họp chúng niệm Phật, gần bốn mươi năm, ngày đêm tiếng chuông tiếng mõ không ngớt. Cô từng có bài kệ tự thuật :

*Học đạo chuyên cần năm lại năm
Từ nay chẳng chấp có cùng không
Về nhà mưa chớ ngồi nhà mãi
Sốt sáng vì người chúng thiện căn.*

Mùa Đông năm Gia Khánh thứ 25, cô nhuốm bệnh nhẹ. Ngày 11 tháng 11, cô nói với chúng rằng : “Giờ Dần ngày mai, thời tôi đi !”. Đến kỳ, cô nói kệ rằng :

*Tám mươi tám năm, không tham không luyến
Nay trở về nhà, nước trong trăng hiện.*

Rồi cô bảo chúng đồng thanh niệm Phật. Giây lát cô nghiêng mặt bên hữu mà tịch.

Ôi ! Có Thiên có Tịnh, lại hiện nơi nữ lưu. Hy hữu thay !

Trích ở **Nhiễm Hương Tập**

---o0o---

III - LAN NHÃ

Sư Ni Lan Nhã, họ Trần, người Ninh Quốc. Chồng cô xuất gia làm Tăng ở chùa Tây Thiên. Cô cũng xuất gia làm Ni ở am Tam Thừa. Ít lúc sau cô qua ở am Lan Nhã như đó mà được tên. Ban ngày cô tùy Ni chúng lo việc am. Ban đêm cô riêng đọa tọa niệm Phật. Cô thích khổ hạnh, ăn mặc đạm bạc. Anh ruột của cô có lúc gửi cơm áo đến cho, cô từ mà nói rằng : “Tôi đã xuất gia, nếu thường cùng anh em qua lại, thời khác gì tại gia”.

Về sau cô vô bệnh, đọa tọa niệm Phật mà vãng sanh. Nhắm tiết nóng nực, đến bảy ngày mà thân cô không sinh hôi.

Trích ở **Nhiễm Hương Tập**

---o0o---

IV - ĐẠO NGỘ

Sư Ni Đạo Ngộ, tự Huệ Tâm, họ Uông, người Tống Giang. Cha mất sớm, không anh em, cô cùng ở với mẹ và bà nội. Nhà nghèo lắm, cô không lấy chồng, sớm tối phụng dưỡng mẹ và bà. Ít lâu sau cô xuất gia tại am Kiết Tường, rồi qua Địa Tạng Viện thọ Cụ túc giới, ngày đêm tinh tấn niệm Phật.

Tháng Sáu năm Đạo Quang thứ 13, mẹ cô niệm Phật mà mất. Cách bảy ngày, bà nội cũng qua đời. Đến mừng năm tháng Tám, cô thỉnh Đạo Sanh Hòa thượng mà bạch rằng : “Việc lớn đã xong, con muốn về Tịnh Độ, xin Hòa thượng sắm cho con một cái khánh và ngày mai nhờ chúng niệm Phật một ngày để giúp con vãng sanh”. Chiều hôm ấy cô tắm gội sạch sẽ. Sáng ngày chúng họp niệm Phật suốt một ngày. Đến tối cô bảo mọi người : “Đức Phật đến tiếp dẫn tôi !”. Rồi cô ngồi kiết già mà tịch.

Trích ở bộ **Thánh Hiền Lục Tục Biên**

---o0o---

V - NHƯ TRÍ

Sư Ni Như Trí, hiệu Lễ Tuyên, họ Vương, người Kinh Triệu, cô ăn chay từ thuở bé, thích nghe tụng Kinh niệm Phật. Thấy người chị họ xuất gia ở núi tu hành, cô ham mộ lắm, song vì cha mẹ quá yêu, nên cô chưa dám nói. Cô thường lên núi ở với chị, đội củi, gánh nước, ăn tương rau.

Năm 18 tuổi, cô mang bệnh nặng, thuốc men vô hiệu. Trong lúc hôm mê, cô chỉ đòi cạo tóc xuất gia, chớ không nói chi khác. Vì quá lo sợ, nên cha mẹ cô đặt bàn hương án, nguyện cùng Phật gia hộ cho cô được lành mạnh, và hứa sẽ cho cô xuất gia. Bệnh cô tự nhiên giảm dần, ít hôm là cô được mạnh. Năm 21 tuổi, cô cầu Đồng Bảo Lão Hòa thượng thế độ, rồi mùa Đông năm ấy cầu thọ giới. Sớm tối cô lễ sám học luật rất chuyên cần, bỗng bệnh xưa phát lại, cô gượng bệnh thọ Mười giới. Giới sư thương xót, bảo cô về chùa điều dưỡng, chờ lành mạnh sẽ thọ Cụ túc giới.

Về đến chùa, bệnh nặng thêm không thể chữa, nhưng cô vẫn luôn niệm Phật không ngớt tiếng. Một hôm, cô mở mắt ngó lên hư không và chấp tay, miệng to tiếng ba lần xưng Quan Thế Âm Bồ Tát, đồng thời xá ba xá rồi cô yên lặng mà qua đời. Bấy giờ nhằm ngày 17 tháng 11 năm Dân Quốc thứ 8.

Trích ở tập **Cận Đại Vãng Sanh Tập**

---o0o---

C 4 - CHU' TÍN SĨ

I - DƯƠNG GIA VĨ

Ông Dương Gia Vĩ, người Kiết An, một sinh viên thời Vạn Lịch triều Minh.

Thuở trẻ ông rất ham học, không sách chi là không đọc, như là Kinh sách của Phật giáo. Năm 13 tuổi, ông trì giới bất sát rất nghiêm, dầu là rệp muỗi, cũng không làm tổn hại. Năm 24 tuổi, mang bệnh, ông mơ thấy đến địa phủ ra mắt đức Địa Tạng Bồ Tát nơi điện Minh Dương. Sau khi thức dậy, ông mua chuộc cá chim để thả và thỉnh Tăng đến nhà tụng Kinh niệm Phật.

Ít hôm sau ông nói rằng : “Tôi sắp vãng sanh ! Thanh liên hoa hiện ở trước tôi, đó không phải là cảnh Tịnh Độ đây ư !”. Từ giờ đó trở đi, ông to tiếng niệm Phật suốt ngày đêm. Một đêm nọ, ông bảo người nhà tắt đèn và nói : “Tôi luôn ở trong quang minh của Phật, không cần đèn đèn”. Hỏi ông thấy những gì, ông đáp : “Sen báu nở bốn màu”. Hỏi có thấy Phật chăng, ông đáp : “Thấy Đức A Di Đà Phật hiện thân cao nghìn trượng. Đức Quan Thế Âm cũng hiện thân đồng như Phật. Chỉ chưa thấy đức Đại Thế Chí”. Dứt lời ông trôi dậy niệm hương rằng : “Kinh A Di Đà, công đức bất khả thuyết ! Bất khả thuyết ! Bất khả thuyết ! Tôi được vãng sanh bậc thượng phẩm !”. Rồi ông an tường mà mất.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

---o0o---

II - TRẦN ĐẠO DÂN

Ông Trần Đạo Dân người Ngô Giang, ăn chay trường từ thuở bé. Năm Gia Tĩnh thứ 26, ông quy y thọ Ngũ giới nơi Kỳ Viên Pháp sư. Mỗi ngày ông đi sáu thời khóa tụng, miệng không rời câu Phật.

Năm Vạn Lịch thứ 15, tháng Chín, ông biết ngày giờ trước, đi từ biệt các đạo hữu. Đêm 17, vợ ông vừa tắt đèn để đàn. Ông vòng tay từ biệt vợ, rồi lên giường ngồi. Ông cởi giày vớ cột chùm lại với nhau mà nói : “Sáng mai không còn xỏ chân vào nữa”. Vợ ông vội kêu con cái ra đứng xem

chùng ông và đồng thanh niệm Phật hòa theo ông. Đến nửa đêm, ông yên lặng mà mất, thân vẫn còn ngồi ngay thẳng trên giường.

Trích ở **Thánh Hiền Lục Sơ Biên**

---o0o---

III - QUA DĨ AN

Ông Qua Dĩ An người Tiền Đường, quy y với Liên Trì Đại sư. Ông vốn là người hiếu thuận, thích làm việc âm đức. Khi tuổi đã cao ông phụng Phật rất chí thành. Ông hiệp sức với Sư Nguyên Tổ lập hội niệm Phật, tụng Kinh Hoa Nghiêm. Được ít lâu ông nói : “Mạng số tôi gần mãn, tôi phải gấp lo tư lương về Tịnh Độ”. Rồi ông tự cấm túc ở riêng một nếp nhà, ngày đêm niệm Phật và quán tưởng Tây phương. Một hôm, ông gửi lời hẹn trước ngày vãng sanh và từ biệt các hội hữu.

Trước kỳ hẹn hai ngày, thân quyến đến thăm ông, ai nấy đều tỏ vẻ buồn. Ông bảo : “Có sanh tất có tử, có gì mà buồn. Tôi đương ngưng thần chú tưởng Tịnh Độ ra mắt Đức Phật A Di Đà. Các người chớ đem lòng tình ái làm loạn động chánh niệm của tôi !”. Ông cho người đi thỉnh Sư Nguyên Tổ đến cùng ông đồng thanh niệm Phật. Quả thật ông chánh niệm phân minh, an lành mà từ trần đúng ngày ông đã hẹn.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

---o0o---

IV - ĐỒ CƯ SĨ

Đồ Cư sĩ người Thuận Thiên, lánh tục ở ẩn nơi trai đường cạnh chùa Thụy Quang tại Tây Sơn. Ngót ba mươi năm ông chuyên tâm niệm Phật. Có ai tới thăm viếng, ông chỉ chấp tay niệm Phật mà thôi. Về sau, ông dự biết sắp chết, bèn kiết kỳ chín ngày lễ Phật sám hối. Mỗi khi đọc đến lời khấn thiết trong sám văn, thời ông nghẹn ngào rơi nước mắt. Lễ sám đủ chín ngày, ông đoan tọa mà qua đời. Mười ngày sau mới nhập liệm, thân ông nhan sắc vẫn tươi như sống. Ngày ấy có mây ngũ sắc giăng trùm trên trai đường. Người ở Tây Sơn đều truyền nhau khen là sự lạ ít có.

Trích ở **Vãng Sanh Tập**

V - CỐ NGUYÊN

Ông Cố Nguyên hiệu Bửu Tràng Cư sĩ, người Ứng Thiên. Ông là một danh sĩ thời Gia Tĩnh, thuở trẻ nổi tiếng tài ba, làm thi thơ hay, viết chữ tốt, họa vẽ khéo. Năm 40 tuổi, ông bỏ hẳn tất cả nghề trước, ăn chay trường, ở một mình trên một tòa lầu nhỏ, chuyên tu thiền quán. Hàng phụ nữ, dầu là thân quyến, tuyệt không được thấy mặt ông. Mỗi đêm đến đầu canh năm, ông đánh mõ lớn, to tiếng niệm A Di Đà Phật.

Gần bên lầu có nhà hàng thịt, nghe tiếng mõ niệm Phật bèn dậy làm heo. Một hôm người hàng thịt ấy dậy trễ, giận rầy vợ sao không đánh thức mình. Vợ nói : “Anh không nghe giờ này ông Đạo Nhơn đánh mõ niệm Phật đấy ư ? Người ta thời lo tu hành còn anh lo tạo nghiệp ác. Anh tự không biết tội, mà trở lại rầy tôi là sao vậy ?”. Nghe vợ nói, người hàng thịt ngạc nhiên, tự xét lỗi, ăn năn lắm, bèn đập gãy dao, bỏ nghề hàng thịt. Do đó, những người hàng thịt trong xứ ấy cũng cảm hóa theo mà đổi nghề khác rất đông.

Ông Cố Nguyên rất thân với Vân Cốc Thiền sư ở chùa Thê Hà, và cùng Thiền sư lập hội Tây phương.

Hám Sơn Đức Thành Đại sư, một đệ tử cao túc của Vân Cốc Thiền sư, một hôm đến Thê Hà, trông thấy cư sĩ đang ngồi dáng dượng rất thanh, Đại sư lại gần, thấy cặp mắt của cư sĩ không nháy, gương mặt như người đã bỏ cõi trần. lát sau cư sĩ vào điện lễ tháp thờ Xá lợi Phật, đánh tháp bỗng hiện ánh sáng năm màu chói rực hình như bức màn báu. Đại sư lấy làm lạ đem việc ấy hỏi Vân Cốc Thiền sư, Thiền sư bảo : “Đó là bửu tràng, ông ấy đang quán tưởng Tây phương đấy !”.

Ít lúc sau, ông Cố Nguyên nhuốm bệnh nhẹ, ông thỉnh vài vị Sư đến lầu niệm Phật. Người nhà chạy đến báo rằng : “Khắp cả nhà đều nghe mùi hương sen”. Chư Sư Tăng đều kính mừng. Nhưng ông vẫn thản nhiên như không, thông thả bảo chư Sư rằng : “Hơn nửa tháng nay tôi luôn ngồi trong hoa sen, thấy thân của Đức A Di Đà Phật lớn khắp cả hư không thế giới, thế giới đều sắc huỳnh kim. Đức Phật mỉm cười nhìn tôi, nắm tay tôi, cùng lấy y phủ trên mình tôi. Tôi sẽ sanh Cực Lạc”.

Mấy người con trai của ông khóc thưa : “Cha về Tây phương đã an phận, còn bọn chúng con đây thời làm sao ?”. Ông cười bảo : “Các con cho

rằng cha sống ư ! Chết ư ! Không xem mặt trời kia : mọc phương Đông rồi lặn phương Tây. Quả là mặt trời lặn thiệt đấy ư !”. Rồi ông hẹn giờ trước. Đến giờ ông tắm rửa thay y phục, đoan tọa hướng về Tây phương mà hát. Hương sen thơm ngát trọn ba ngày mới tan.

Trích ở **Hám Sơn Mộng Du Tập**

---o0o---

VI - CHÂU NGUYỄN CHÁNH

Ông Châu Nguyễn Chánh, một danh sĩ ở Hải Diêm, bình sanh ông có chí học đòi hạnh đức của Thánh Hiền, hằng ngày khắc kỷ rất nghiêm. Năm trên 60 tuổi được thâm nhập thiền duyệt, ông bèn ở riêng một ngôi nhà phía sau vườn, không tiếp khách không hỏi đến việc nhà. Mỗi buổi sáng, ông tụng một quyển Kinh Pháp Hoa, xế chiều thời tịnh tọa.

Một hôm ông Trần Tác Lương, học trò của ông đến thăm và thưa : “Thầy tuổi đã cao sao không tạm khai giới rượu ư ?”. Ông nghiêm mặt bảo : “Có phải là trò muốn bảo ta nên điều dưỡng khí huyết đó không ? Trò không biết rằng ta đối với sự sanh tử đã được tự chủ !”. Tác Lương rùng mình khiếp sợ mà lui ra. Tháng Bảy năm ấy, ông nói với người con trai rằng : “Cha ở đây không phận sự gì đáng nên đi”. Người con hỏi : “Cha tính sẽ đi đâu ?”. Ông đáp : “Đi Tây phương Cực Lạc thế giới !”. Con và cháu cố cầm ông lại.

Đến ngày mừng một tháng Chạp, ông nhuốm bệnh nhẹ, bỏ ăn. Người nhà chộn rộn lo sắm đồ. Ông nói : “Chớ vội ! Đây là việc nửa đêm ngày mừng Tám, chớ chưa phải liền bây giờ”. Đến kỳ ông đoan tọa muốn từ trần, song lại nói : “Trọn đời, tôi không hề phụ ai một mảy gì. Mùa Đông này, ông thợ ở sau nhà dọn cỏ và ban bằng một khoảnh đất bên ngõ vườn, ý muốn chờ mừng một Tết tiện cho tôi đi đứng. Tôi chưa có chi đáp lại tấm lòng tốt ấy !”. Ông bảo đem giấy bút lại, rồi tự tay viết bài thi gửi tạ ông thợ ấy, và dặn sắp con cháu khi ông mất chừng hai ba giờ sẽ cho phụ nữ đến, có đến cũng chớ có khóc kê. Dặn xong, ông vẫn ngồi yên tại chỗ nhắm mắt mà qua đời. Hừng sáng quyền thuộc đến bu xung quanh mà kêu khóc. Ông bỗng mở mắt lắc đầu khoát tay bảo ra. Khi phụ nữ ra hết, ông mới nhắm mắt mà đi thẳng.

Trích ở bộ **Pháp Hoa Trì Nghiệm Ký Sự**

---o0o---

VII - CHÂU ĐÌNH CHƯƠNG

Ông Châu Đình Chương người Vân Nam, tánh chơn thật hiền hòa. Khi làm ăn, ông không tính là được hay thất, nếu có dư tiền đem chia cho người nghèo. Có ai đến bàn luận với ông công sự gì, ông liền cười không đáp. Thậm chí có ai chế nhạo, hay mắng nhục, ông cũng chỉ cười mà thôi.

Mỗi ngày sáng sớm, ông tụng một quyển Kinh Kim Cang, một biến Kinh A Di Đà, một quyển Kinh Quan Âm, rồi hồi hướng Tịnh Độ. Ông tự lấy làm vừa lòng với công việc ấy lắm. Ông từng nói : “Tôi chẳng rời nhật dụng, chẳng móng tâm tham ái, như thế là đủ rồi”.

Năm 87 tuổi, tiết Thanh minh, ông lên mộ tạ từ tổ tiên. Về đến nhà ông liền nói với mọi người : “Đức A Di Đà Phật, Quan Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát đồng đến rước tôi !”. Rồi ông lại nói : “Đức Quan Thế Âm bảo tôi tuyệt đồ cá thịt năm ngày mới được về Tây phương”. Và bắt đầu ngày đó, ông chỉ ăn cháo trắng với rau luộc. Đủ năm ngày, ông tắm gội, thay áo, đội mũ, bảo các con em tụng danh hiệu của thất Như Lai. Còn ông thời tụng Kinh như những thời khóa thường ngày. Tụng niệm xong, ông đoan tọa mà mất. Qua ngày sau, có mùi thơm lạ từ thân ông phát ra, sắc mặt vẫn tươi như sống.

Trích ở tập **Kim Cang Linh Ứng Lục**

---o0o---

VIII - TRANG QUẢNG HOÀN

Ông Trang Quảng Hoàn tự Phục Chơn, người Gia Hưng. Lúc trẻ học nho, lớn lên học y khoa, đến năm bốn mươi ngoài tuổi ông nhằm việc đời, bèn chuyên luyện thuật dưỡng sanh. Ít lúc sau mang bệnh, ông ngậm ngùi than rằng : “Tôi lại không thể làm một người thanh nhàn trong trời đất này ư?”. Ông tạo một miếng vườn, chất đá làm núi, trồng bông, sửa kiếng, rồi luôn ngày ca ngâm ở trong đó. Một hôm thấy bông héo rụng, nghĩ thân mạng vô thường, ông liền phá bỏ cảnh vườn, đóng cửa tọa thiền cùng tụng Kinh Kim Cang, Kinh A Di Đà v.v...

Sau đó ông đi Hàng Châu, gặp một cụ già cùng nhau luận về Phật pháp. Cụ già hỏi : “Ông học Phật, mà ai là thầy của ông?”. Ông đáp : “Tôi không có thầy”. Cụ già bảo : “Chắc ông đã từng đọc sách “Phục Khí” của Liễu Tử

Hậu chớ ! Trên đường đạo vô thường vi diệu mà không có người dẫn dắt, đâu khỏi sự lạc lầm. Gần đây có Liên Trì Đại sư ở chùa Vân Thê sao ông không đến tham học ?”. Ông vâng lời đến chùa Vân Thê ra mắt Liên Trì Đại sư, Đại sư giảng dạy về pháp môn niệm Phật. Ông xin quy y thọ Ngũ giới. Khi về nhà, mỗi ngày ông định khóa năm vạn câu Phật. Hành trì chưa đầy nửa năm thời tâm địa được đứng trong. Năm 80 tuổi, ông lại đến Vân Thê thọ Bồ Tát giới.

Ông thường lo người trong xứ không hiểu Chánh pháp, phần đông xu hướng theo tà giáo, ông mới rút lấy yếu ngữ trong những bộ Kinh luận về Tịnh độ làm thành bộ “Tịnh Độ Tư Lương Tập” để khuyên người. Từ đó lần lần người trong xứ được cảm hóa mà trở về Chánh pháp.

Trích ở bộ **Tịnh Độ Tư Lương Tập**

---o0o---

IX - BÀO TÔNG TRIỆU

Cư sĩ Bào Tông Triệu tự Tánh Tuyên, người Thiệu Hưng. Nhà ông vốn là tín đồ ăn chay trường, thọ Ngũ giới, thuộc lòng hai bộ Kinh Pháp Hoa và Lăng Nghiêm, mỗi ngày đều tụng giáp bộ một bận.

Ngày nọ, thân phụ sai ông coi hàng giấy ở Gia Hưng, giận ông xé giấy xem, phạt ông quỳ. Một lát cho đứng dậy, thời ông đã tụng xong mười quyển Kinh Lăng Nghiêm.

Ít lúc sau, ông theo học đạo với các đại Thiên sư như Tứ Bá, Tân Mộc v.v... Khi gần già, ông hai ba phen đến tham phỏng Liên Trì Đại sư rồi xin quy y thọ giới, và dốc lòng tu tịnh nghiệp.

Ông nghiên cứu Phương Sơn Hiệp Luận và Vĩnh Minh Tông Cảnh Lục, được tín giải thông lợi. Tự hiệu là “Thiên Cổ Cư sĩ”. Ông có trứ tác tập “Thiên Nhạc Minh Không”.

Khi sắp lâm chung, ông bảo người nhà sắm tiệc chay, rồi mời các pháp hữu đến nhà đồng thanh niệm A Di Đà Phật. Lúc mặt trời sắp lặn, ông chấp tay tạ mọi người mà nói : “Xin vĩnh biệt quý ngài !”. Rồi ông đoạn tọa mà mất.

Trích ở **Thiên Nhạc Minh Không Tập**

---o0o---

X - LA DOÃN MAI

Cư sĩ La Doãn Mai người Thái Thương. Cha mơ thấy một Sư Tăng đến nhà xin ở nhờ, sáng ngày thời cư sĩ sanh. Khi lên bốn, cư sĩ nhớ rõ dung mạo cha mẹ đời trước cả đến tên làng, thường đem thuật lại với người nhà. Năm lên năm, một hôm cư sĩ chạy vòng theo cột chóng mặt té, mẹ đánh cho. Cư sĩ khóc mệt rồi ngủ, khi thức dậy thời không còn nhớ việc đời trước nữa.

Cư sĩ rất thông minh, khi vào trường học ai cũng định cư sĩ sẽ là người trong khoa đệ. Nhưng thân phụ thấy cư sĩ luôn ương yếu, nên không cho đi thi. Cư sĩ tham đạo với Nghiệt Nham Thiên sư đặng tỏ thấu diệu lý, tự hiệu là “Vô Thiên Cư sĩ”. Rồi cư sĩ chuyên tâm quy hướng Tịnh độ.

Khi thân phụ tuổi đã cao, cư sĩ gánh vác tất cả việc nhà, không để phiền đến cha già, cùng cần mẫn phụng dưỡng. Người thời ấy khen tặng cư sĩ là bậc hiền hiếu.

Mùa Thu năm Khang Hi thứ 40, cư sĩ có bệnh nặng, muốn viết kệ từ trần. Thoạt nghe trên không có tiếng gọi to : “Thắng Liên cư sĩ, còn thọ một kỷ !”. Rồi bệnh liền lành. Thân thích lấy làm lạ, bèn cùng nhau gọi cư sĩ là “Thắng Liên”.

Người trong xứ ít biết tu hành, cư sĩ cố động lập hội niệm Phật được bốn chỗ, nhờ đó tiếng niệm Phật gần khắp cả quận.

Mùa Thu năm Khang Hi thứ 52, cư sĩ nhuốm bệnh, tính ra đủ 12 năm. Thân thuộc đều lo, nhưng cư sĩ vẫn thản nhiên. Ít ngày cư sĩ mơ thấy một người bảo : “Ông khuyên người niệm Phật có công lớn nên tuổi thọ còn dài”. Sau khi thức giấc, bệnh như mất.

Cư sĩ tánh rất nhơn từ, phạm những việc dục anh, dưỡng lão, chẩn bần, phóng sanh v.v... đều tận tâm, tận lực thực hành. Bình sanh cư sĩ chỉ nghĩ đến sự khổ nạn của người, mà không kể sự tổn hại nơi mình. Dưới đây là một trong nhiều việc : Mùa Đông năm Ất Mùi có hai người lảng giềng mượn nơi cư sĩ 100 lượng bạc để đi buôn. Khi ghe đến miếu Thiên Phi thời tiền mất. Trọn ghe bảy người đều trở lại, sắp đến cửa công tố cáo. Cư sĩ hay được, gọi cả lại mà bảo : “Đến quan tất là kèm kẹp tra khảo. Nếu chính là người trộm thời đành, còn nếu không phải thời sao ! Vả lại trong đây có hai người ở xứ xa, những ngày bị giam cầm, ai đem cơm nước cho ?”. Rồi cư sĩ

hứa khỏi phải trả lại số tiền đã mượn ấy, và bảo hai người láng giềng bỏ việc mất đó đi. Xem đây đủ thấy tấm lòng từ thiện của cư sĩ.

Năm 71 tuổi, tiết Đoan dương, Hoài Tây cư sĩ đến thăm, cư sĩ mừng lắm nói : “Tôi muốn soạn tập “Tây Quy Trục Chi” để khuyên người niệm Phật. Nhờ tiên sanh viết thay cho, để khắc bản cho sớm!”. Hoài Tây nhận lời.

Ngày mùng 2 tháng Sáu năm ấy, cư sĩ đi từ biệt các thân thuộc bằng hữu, tha thiết khuyên nhắc tu hành, hẹn đến ngày mùng 6 thì về Cực Lạc. Cư sĩ lại dặn người nhà lo khắc bản tập “Tây Quy Trục Chi”.

Đến ngày mùng 6 tháng Sáu, cư sĩ tắm gội thay y phục rồi đoan tọa mà nói rằng : “Bảy mươi một năm, mang đây da này, ngày nay vất bỏ, tự tại biết bao!”. Dứt lời cư sĩ liền tạ thế. Một giờ sau, thân quyến bu khóc thái quá, cư sĩ mở mắt ra nói : “Sao lại làm lụy tôi phải chậm hết bảy ngày!”.

Sáng sớm ngày 14, cư sĩ nói : “Hôm nay tôi nhứt định về!”. Kế có Càn Hành Trưởng lão dắt vài đạo hữu đến trợ niệm. Giờ Thìn, cư sĩ bỗng đứng dậy nói : “Đại sĩ đã đến rước!”. Rồi cư sĩ chấp tay hướng về Tây phương to tiếng niệm Phật mà qua đời. Ngày 16, Hoài Tây mang bản thảo tập “Tây Quy Trục Chi” đến, mới hay Thăng Liên cư sĩ đã vãng sanh vào ngày bản thảo vừa soạn xong.

Trích ở tập **Châu An Sĩ Văn Cảo**

---o0o---

XI - CHÂU MỘNG NHAN

Ông Châu Mộng Nhan, vốn tên Tư Nhon, tự An Sĩ, là một danh sĩ ở Côn Sơn. Ông thông khắp Kinh tạng, thâm tín Pháp môn Tịnh độ, tự hiệu là “Hoài Tây cư sĩ”.

Ông từng xét rằng : Người đời tạo vô lượng tội ác mà hai ác nghiệp sát sanh và tà dâm chiếm hết nửa phần. Ông bèn soạn hai bộ sách : giới sát và giới dâm.

Bộ giới sát đề là “Vạn Thiên Tiên Tư” trong đó lời rất khẩn thiết, ai xem đến cũng động lòng. Ông tự nói mỗi khi qua các miếu thần thời vái rằng : “Ngưỡng mong Tôn thần phát tâm xuất thế, chớ hưởng rượu thịt. Nên nhứt

tâm thường niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tu Nhơn này từ nay cho đến trọn đời nếu tự giết một con vật nhỏ, nhẫn đến tất cả quyến thuộc trong gia đình tôi, nếu ai cố ý hại mạng một con muỗi con kiến, xin Tôn thần phật tội, cùng phá diệt tất cả bản sách của tôi soạn. Tu Nhơn này từ nay cho đến trọn đời, nếu thấy cá chim bị nạn mà không thương xót tìm cách cứu vớt, trái lại móng tâm sát hại, cũng đồng với thê trên. Tu Nhơn này từ nay cho đến trọn đời dầu là trong giấc mộng, nếu thấy người sát sanh mà không chí thành niệm Phật, phát tâm cứu độ, trở lại tùy hỷ tán thành, cũng đồng với lời đã thê trên”.

Bộ giới dâm tên là “Dục Hải Hồi Cuồng”, trong đó chỉ rõ vô lượng tội lỗi và nhiều khổ báo của người dâm loạn. Với phương pháp trừ dâm ông trình bày :

A- Quan sát thai ngục rõ các thứ khổ xấu, làm phương tiện dứt lòng dâm đầu tiên.

B.- Quan sát trong thân người đây có vô số hộ trùng, dùng làm cửa cho môn bất tịnh quán.

C.- Quan sát thân trai thân gái, trong đó đầy những máu mủ đàm nhớt, nước miếng nước dãi, là bọc da đựng phần nhơ, để đổi trị dục tâm. D- Quan sát thân người chết : xanh bầm lạnh cứng, sinh trương nứt nẻ, cực kỳ hôi thối, sanh tửa sanh dòi, da thịt tan rữa, xương cốt rã rời... Thân hiện tại của ta đây, ngày mai cũng sẽ như vậy. Dùng làm phương tiện dứt hẳn dâm tâm. E- Quán tưởng thân mình ở trong hoa sen báu nơi ao thất bảo tại Cực Lạc thế giới. Hoa nở, thấy Phật cùng Bồ Tát và những cảnh trang nghiêm thanh tịnh, thấy mình lễ Phật cúng dường. Lúc quán tưởng như vậy, phát nguyện tha thiết cầu sanh Cực Lạc thế giới, để thoát hẳn chôn dục trần. Đây là phương tiện cứu cánh giải thoát.

Ngoài ra ông còn có soạn bộ “Âm Chất Văn Quảng Nghĩa” và bộ “Tây Quy Trục Chi”.

Năm Càn Long thứ 4, tháng Giêng ông nói với người nhà rằng ông đi về Tây phương Cực Lạc thế giới. Người nhà xin đem nước thơm đèn cho ông tắm rửa. Ông nói : “Tôi dùng nước thơm tự tắm gội rồi !”. Ông nói cười như thường mà mắt. Mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. Thọ 84 tuổi.

Trước đây ông có người bạn là Vương Mạnh Lân chuyên chí tu Tịnh độ, mỗi ngày coi việc niệm Phật là nhiệm vụ khẩn yếu nhất. Năm Khang Hi

thứ 41, mùa Đông, ông Lân có bệnh. Tháng 11, ông đến thăm, Mạnh Lân nói : “Ngày 17 tới đây, người đời cho là ngày Thánh Đản của Đức A Di Đà Phật, tôi sẽ về Cực Lạc nội ngày ấy !”. Ông hẹn sẽ đến đưa. Sáng ngày 17 ông đến, thấy Mạnh Lân dầu là bệnh mà thần sắc tươi tỉnh vui vẻ. Ông bảo : “Tiên sanh nên phát Bồ-đề tâm ! Trong Kinh dạy người tu hành mà không phát Bồ-đề tâm như cày ruộng mà chẳng gieo giống”. Rồi ông luận rõ nghĩa lý “Tứ hoằng thệ”. Ông Mạnh Lân vui vẻ gật đầu. Ông già từ và một lát sẽ trở lại. Sau buổi cơm trưa, ông trở lại thời Mạnh Lân đã niệm Phật mà từ trần hồi nửa buổi rồi. Bảy giờ đã cách hơn ba giờ mà thân ông Lân vẫn đoan tọa ngay thẳng, sắc mặt không đổi.

Trích ở bộ **An Sĩ Toàn Thư**

---o0o---

XII - KHƯƠNG KIẾN LONG

Ông Khương Kiến Long người Ngô Huyện, tánh hào hiệp. Gặp năm đói kém ông đem hết tư sản để chẩn bần, do đó nhà bần trở nên nghèo. Ông học nhãn khoa để sanh nhai. Ông vốn thích thuật trường sanh (tu tiên).

Một đêm nọ, ông mơ thấy mình đến một chỗ núi cao hang thẳm, gió lạnh thổi rợn người, ông vội tìm người. Thoạt trên không tròng phan đầy trời. Trên kiệu báu một người ngồi kiết già, thân cao lớn ánh sắc vàng. Ông chấp tay ngược mặt khẩn cầu : “Tôi vì tội chướng nhiều nên đi lạc vào chốn hiểm địa này, xin ngài cứu cho !”. Người thân vàng hỏi : “Ông chịu phát nguyện không ?”. Ông cúi lạy thưa : “Từ nay trở đi, Kiến Long này nguyện làm tôi con nhà Phật”. Người thân vàng bảo : “Tốt lắm ! Ngày mai sẽ có Tỳ kheo chỉ dẫn ông tu hành, cẩn thận chớ bỏ qua !”. Ông bỗng choàng thức dậy. Sáng ngày quả thiệt có Sư Tăng đến nhà. Ông hỏi phương pháp tu hành. Sư nói : “Cốt yếu tu hành không gì qua niệm Phật. Người có thể niệm Phật quyết định sanh Tây phương, người có thể niệm Phật đặng bậc bất thoái chuyển, người có thể niệm Phật chóng thành Chánh giác”. Kiến Long mừng lắm, từ đó mỗi ngày ông niệm Phật trên một vạn câu. Tiếng niệm Phật của ông rất thanh và rất lớn, vang suốt cả xóm làng.

Năm Càn Long thứ 43, tháng Tám, ông nhuốm bệnh nhẹ, bảo các con rằng : “Cha nhứt tâm cầu sanh Tây phương không còn quyến luyến chi khác”. Đến ngày Rằm, ông biên bài kệ :

Thoát hẳn ngũ trược khổ

*Vãng sanh Cực Lạc độ
Hoa báu sáng đẹp tròn
Một niệm lên giác lộ*

Giờ ngọ ngày 16, ông an lành niệm Phật mà mất. Thọ 75 tuổi.

Trích ở **Tịnh Độ Thánh Hiền Lục**

---o0o---

XIII - TRÀM BÌNH

Ông Tràm Bình tự Kính Phu, người Trường Châu. Năm 15 tuổi, ông mang bệnh suyễn, đến năm 30 tuổi bệnh thêm nặng, ông phát tâm xuất thế, niệm Phật rất chí thiết. Năm 50 tuổi bệnh càng trầm trọng, từ tháng Giêng đến tháng Năm, nằm liệt nơi giường. Ông thệ ăn chay trường.

Dương Quảng Văn đến thăm bệnh, khuyên ông trì Kinh Kim Cang. Quảng Văn đỡ ông ngồi dậy, chỉ cho ông đọc trọn quyển. Đến ngày thứ ba thời mỗi ngày ông đọc được ba quyển. Nửa tháng sau thời ông lành bệnh. Từ đó về sau, cứ mỗi ngày ông tụng ba quyển Kinh Kim Cang và không ngớt niệm Phật. Ban đêm ông thường ngồi niệm đến sáng. Bệnh suyễn dần dứt mà lưng lại còm. Sau đó 5 năm, một đêm nọ giữa lúc tịnh tọa niệm Phật, ông phát nguyện thệ thành Chánh giác độ tất cả mọi loài. Liền đó xương sống bỗng kêu rảng rặc lưng bèn y thẳng như người thường. Rồi ông đến thọ Ngũ giới với Đại sư Lữ Đình.

Ông thường nói : “Vạn vật trong thế gian sanh diệt không dừng, chỉ có một câu A Di Đà Phật là an ổn nhưt !”. Ông lại nói công phu niệm Phật của mình rất đặng đắc lực, trong những lúc bệnh nặng cả thân đau khổ, chỉ một câu Phật rành rẽ nơi tâm không hề quên hờ.

Năm Càn Long thứ 46, tháng 11, bệnh sơ sài vài ngày. Sáng sớm ngày 30, sau khi súc rửa xong, ông kiết già xoay mặt về Tây phương mà niệm Phật. Vợ lại đứng gần, ông khoát bảo đi. Một lát sau, thấy ông ngồi yên lặng quá lâu, người nhà lại xem thì ra ông đã qua đời rồi.

Vợ ông cũng trường trai niệm Phật, rồi xuất gia làm Ni.

Trích ở **Nhị Lâm Cư Hậu Tập**

---o0o---

XIV - TRÂM TRUNG HÚC

Ông Trâm Trung Húc người Ngô Huyện, một danh y triều Thanh. Ông rất thích bố thí. Với người bệnh nghèo không lấy tiền thuốc, mà còn giúp tiền gạo là khác. Vợ mất sớm, ông không chấp nối, mỗi ngày siêng tu tịnh nghiệp.

Hoặc nơi đầu đường, hoặc bên cầu, hoặc chỗ đô hội, ông đều biên danh hiệu Đức A Di Đà Phật và những lời thiết yếu để khuyên người niệm Phật. Khi gặp người bệnh nguy nặng, ông than thở bảo : “Sức tôi không cứu nổi biết làm sao”. Người bệnh khóc cầu. Ông nói : “Tất phải niệm Phật. Tây phương Cực Lạc thế giới có Đức A Di Đà Phật. Nếu người chí tâm xưng niệm, thời diệt được tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp. Người có tin không?”. Người bệnh đáp : “Vâng!”. Ông lại hỏi : “Có thể chuyên tâm niệm Phật không?”. Người bệnh lại vâng dạ. Ông nói : “Nếu thiết được như vậy thời bệnh có thể chữa được”. Rồi ông cho thuốc. Luôn luôn được công hiệu một cách phi thường. Do đó, người tin theo ông mà phát tâm ăn chay niệm Phật rất đông.

Năm trên 70 tuổi, ông chánh niệm an tường mà mất. Ngót mấy mươi năm sau, người xứ ấy, khi luận hàng cư sĩ tu tịnh nghiệp tất để ông vào bậc nhứt.

Trích ở **Nhị Lâm Cư Hậu Tập**

---o0o---

XV - QUỶ ĐỊNH QUỐC

Ông Quỷ Định Quốc hiệu Tính Trai, người Minh Châu, chức Học Dụ tại châu. Ông vốn người tu tịnh nghiệp, lập hội Tây quy.

Năm Gia Thối, ông cất Tịnh Độ Viện tại Tiểu Giang, xây tháp đá nơi ao để chứa xương cốt người trong xứ. Mỗi tháng, ngày mùng 8 và 18, họp Tăng và tục nơi viện, tụng Quán Kinh và niệm Phật. Ông khắc “Niệm Phật đồ” để khuyên nhắc mọi người niệm Phật.

Kế Công, một thợ rèn, năm 70 tuổi bị bệnh mù, lãnh đồ niệm Phật. Niệm đủ bốn bức đồ, thời cặp mắt tỏ sáng như thường. Trọn ba năm ông Kế

niệm mãn được 17 bức đồ. Một hôm, giữa lúc niệm Phật ông Kế bỗng chết, nửa ngày sống lại bảo con rằng : “Cha đã được thấy Phật và Bồ Tát ở Cực Lạc thế giới, Quý Học Dụ là người dẫn đạo cho cha tu hành, nên chia công đức sáu bức đồ tặng ngài, và tạ ơn ngài thế cha !”. Dặn xong, ông hướng về Tây phương đọa tạ mà mất.

Năm Gia Định thứ 4, ông Định Quốc mơ thấy Thanh Đồng bảo rằng : “Đức Phật sai tôi đến cho ông hay : Sau ba ngày ông sẽ sanh về Cực Lạc”. Đến kỳ, ông tắm gội thay áo, rồi đọa tạ xứng hiệu Phật mà từ trần.

Trích ở **Phật Tổ Thống Kỷ**

---o0o---

XVI - HUỲNH THỪA HUỆ

Ông Huỳnh Thừa Huệ người Hàng Châu, có chí tiết, không theo lệ tục. Ông thờ mẹ rất hiếu. Tánh thích bố thí, gặp ai không áo, ông liền cởi áo mình đương mặc mà cho, gặp người thiếu ăn, ông liền trút hết tiền trong túi mà tặng.

Văn Khải Sơ, em vợ ông, dắt ông đến chùa Vân Thê quy y với Liên Trì Đại sư, pháp danh là Tịnh Minh.

Về sau ông mang bệnh thổ huyết trọn ba năm bệnh thêm nặng, Văn Khải Sơ đến thăm khuyên niệm Phật. Vì đương đau mệt quá, ông không niệm. Khải Sơ to tiếng bảo : “Nếu anh chết, thời cái mà hiện tại nhận biết đau khổ đây, nó sẽ về đâu ?”. Ông giật mình hỏi : “Thế thời phải làm sao ?”. Khải Sơ bảo : “Không gì hơn niệm Phật !”. Ông hỏi : “Cậu bảo tôi niệm tự tánh A Di Đà hay Cực Lạc A Di Đà ?”. Khải Sơ gạt lại : “Thế anh cho là hai u ?”. Ông tỉnh ngộ, liền thỉnh Huệ Văn Pháp sư đến nhà làm lễ thượng tượng Phật. Pháp sư giảng giải nhân duyên Tịnh Độ. Ông mừng lắm, cầu Pháp sư xuống tóc thọ giới Sa di. Khi thọ giới xong, ông dặn thân quyến không được đến gần, chỉ để một người trai trẻ săn sóc ông thôi. Rồi ông chuyên tâm niệm Phật và tụng thàm Kinh Pháp Hoa. Bảy ngày sau, tất cả người nhà đều nghe mùi hương sen thơm ngát. Ông mỉm cười nói rằng : “Không đem đến một món, không mang đi một vật. Trăng tròn lên đỉnh núi cao, mới thật bền lại chơn diện mục !”. Ông bảo người thỉnh chư Sư Tăng niệm Phật, cùng sắm hoa quả cúng Phật. Khi chư Tăng đọc bài phát nguyện “Khê thủ Tây phương” đến đoạn “Phóng quang tiếp dẫn, thù thủ đề huê”, ông vụt trở dậy ngồi ngay thẳng, về mặt hân hoan, mắt chăm nhìn tượng Phật mà tạ thế.

Trích ở **Hám Sơn Mộng Du Tập**

---o0o---

XVII - VĂN KHẢI SƠ

Ông Văn Khải Sơ người đồng hương với Huỳnh Thừa Huệ. Thuở trẻ thường đau ốm, ông phát tâm muốn thoát khỏi sanh tử, bèn đến Vân Thê quy y với Liên Trì Đại sư lãnh thọ pháp môn niệm Phật, pháp danh là Đại Thành.

Ngày Liên Trì Đại sư viên tịch, Đức Thanh Đại sư đến Vân Thê điều tang. Khải Sơ đánh lễ cầu xuống tóc xuất gia. Đức Thanh Đại sư bảo : “Tứ đại còn không cầu phước được Phật tánh, huống là mó tóc làm trở ngại được ư ! Ông có bốn phận phụng dưỡng cha mẹ, chưa nên xuất gia !”. Ông bèn thôi.

Ít lâu sau, nhuốm bệnh, ông nói : “Tôi sẽ thẳng về Tây phương, bệnh không can gì !”. Đến khi bệnh nặng, tinh thần hôn loạn không tự chủ được, ông lo sợ lắm bảo người thỉnh chú Tăng đến trợ niệm. Qua ngày sau vẫn hôn loạn như cũ. Ông chăm hăm nói : “Gốc rễ sanh tử chẳng phải người khác nhỏ thế cho được !”. Rồi ông gượng bệnh đứng dậy, tự đi rửa mặt súc miệng. Sau khi mặc áo xong, ông đến quỳ trước bàn Phật, đốt liều hương nơi cánh tay, cầu ai sám hối suốt cả đêm không biết mỗi mệ. Đến sáng, ông về phòng ngồi, thời tâm thần an định minh mẫn và Thánh cảnh hiện tiền, ông liền cầu chú Sư Tăng xuống tóc, rồi mặc ca sa từ biệt mọi người mà mất.

Được tin, Đức Thanh Đại sư khen rằng : “Ông Văn Khải Sơ đáng gọi là Liệt tượng phu đại dũng mãnh vậy”.

Trích ở **Hám Sơn Mộng Du Tập**

---o0o---

XVIII - CHUNG HÚC VÀ THIỆN HÒA

Trương Chung Húc, người nhà Đường, sống với nghề làm thịt gà. Khi sắp chết, thấy người lừa bày gà đến hô : Mỏ ! Mỏ ! Bày gà xúm mỏ Húc, mặt mắt đều chảy máu ròng ròng, đau không chịu nổi. Sa môn Hoàng Đạo hay tin bèn đến trưng tượng Phật, khuyên Húc niệm Phật. Ông Húc liền chí

tâm hăng hái niệm. Được một lát, bỗng có mùi hương lạ, thơm ngát cả nhà, bày gà biến mất, máu hết chảy, ông Húc đoan tọa mà mất.

Trương Thiện Hòa cũng người nhà Đường làm nghề giết bò. Lúc bệnh ngặt, thấy vài mươi con bò đến nói tiếng người rằng : “Mày giết chúng tao phải đền mạng !”.

Ông Hòa hỏi vợ thỉnh Sư Tăng. Sư Tăng bảo : “Trong Quán Kinh nói : “Nếu chúng sanh nào gây tạo ác nghiệp đáng đọa vào ác đạo, mà chí tâm xưng niệm A Di Đà Phật đủ mười niệm, thời tiêu tội được vãng sanh Cực Lạc thế giới”.

Ông Hòa nói : “Lửa địa ngục đến rồi, không thể chờ lư hương được !”. Ông liền tay tả cầm lửa, tay hữu cầm hương, hướng về Tây phương to tiếng niệm Phật. Chưa đầy mười hơi, ông bỗng nói : “Phật đã đến trao cho tôi tòa sen báu”. Dứt lời liền tắt hơi.

Trích ở **Phật Tổ Thống Kỳ**

---o0o---

D 4 - CHƯ TÍN NỮ

I - LIÊN TẠNG BA BÀ

Điền Bà người ở trại ruộng tại Thới Châu. Vợ chồng quy tín Tam Bảo, thường tạo tượng Phật, phóng sanh, trai Tăng, bố thí. Ông chồng mỗi ngày tụng Kinh Pháp Hoa, bà chỉ chuyên niệm Phật. Tu hành như vậy hơn hai mươi năm.

Ngày 23 tháng Tám, năm Thuận Trị thứ 14, bà bảo người con trai mau đi đón hai em gái về, vì bà sẽ về Tây phương nội ngày ấy. Khi đủ mặt thân quyến, bà khuyên bảo mọi người ở lại gắng lo tu trì. Cả nhà đều rơi nước mắt. Bà ngâm kệ :

*Năm mươi sáu tuổi đại sự xong
Chồng con thân thuộc mưa buồn lòng!
Nay tôi thẳng bước về Cực Lạc
Trí huệ bờ kia sáng sạch trong !*

Dứt lời Điền Bà ngồi kiết già chấp tay mà mất.

Tưởng Thị người Hưng Hóa. Năm 40 tuổi chồng chết, chôn cất xong, Thị khóc mà nói với con trai rằng : “Khi vô thường đến không ai thế cho ai được, ví như bây giờ mẹ chết con cũng không làm sao được. Từ nay về sau mẹ quyết trì trai niệm Phật, không quản đến việc gì khác !”. Người con trai thuận ý mẹ, cất am tranh gần bên nhà cho mẹ ở. Thị bèn cầm túc niệm Phật trọn năm năm. Ngày 20, năm Thuận Trị thứ 17, Thị bảo mua ván đóng khánh, vì Thị sẽ về Cục Lạc nội ngày 23. Thị từ biệt các người thân hữu. Đến kỳ, Thị vào ngôi trong khánh niệm Phật mà mất. Một lát sau, từ trong thân của Thị bỗng phát lửa thiêu cả thầy lẫn khánh.

Mụ Hà người Thường Châu cùng chồng là ông Phan Thượng Cao đồng tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày, mụ tụng Kinh Kim Cang, sớm tối lễ sám niệm Phật hồi hướng nguyện sanh Cục Lạc. Năm Khang Hi thứ 17, tháng 7 mụ có bệnh. Mụ định đến giờ Ngọ ngày 29 thời vãng sanh. Ngày 29, con cái đều họp đủ, cùng mời các đạo hữu đến nhà đồng thanh niệm Phật. Thiệt đến giờ Ngọ, mụ Hà vui vẻ mà qua đời.

Trích ở bộ **Liên Tạng**

---o0o---

II - HAI CÔ GÁI

Cô Huỳnh Tuấn mồ côi từ thuở bé, mỗi ngày cô theo bà nội lạy Phật và tụng Kinh, lớn lên hứa gả cho nhà họ Lục. Cô bỗng bệnh nặng, cô quyết chí xuất thế, bảo người dìu đỡ lạy Phật sám hối. Chàng rể được tin đến thăm, người nhà muốn dắt đến bên giường, cô khoát tay không cho. Chiều hôm ấy, khi thỉnh chư Tăng đến nhà thọ giới xong, cô gọi chàng họ Lục mà bảo : “Từ nay nhân duyên đoạn tuyệt chớ có nhớ tưởng. Anh cũng sớm hồi đầu đừng mê say mãi”. Dứt lời cô xin chư Tăng xuống tóc. Cạo tóc xong, cô xá Sư Tăng ba xá tạ ơn rồi cô liền đoạn tọa mà mất, hơn một giờ sau thân cô vẫn không nghiêng ngả. Qua ngày sau, người nhà thay áo cho thân cô, trong thân bỗng phát ra mùi thơm lạ, trên má và chân mày chiếu ánh sáng màu hồng.

Con gái ông Vương Kinh Thạch ở Giang Tô, hứa gả cho Từ Cảnh Thiệu. Năm 17 tuổi, cô trường trai thọ giới, sớm tối lễ tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Không bao lâu Cảnh Thiệu mang bệnh rồi chết. Ngày tiếp được thiệp tang, cô liền mặc áo vải, mang dép rơm, cất nhà ở riêng, chuyên tu được năm năm. Một hôm cô từ biệt thân thuộc hẹn đến ngày trùng cửu thời về Tây phương Cục Lạc thế giới. Đến kỳ, tay tả cô kiết ấn, đứng thẳng người mà qua đời.

Trích ở tập **Âm Chất Văn Chú Thích của Hà Sĩ Viên**

---o0o---

III - TỪ THỊ

Từ Thị người Tòng Giang, vợ ông Dương Phát Trai. Năm 32 tuổi, Thị ăn chay trường niệm Phật và trì chú Đại Bi cầu sanh Cực Lạc thế giới. Mỗi ngày, sáng sớm, thị thắp hương niệm Phật một nghìn câu, trì chú 21 biến, rồi sau mới lo liệu việc nhà. Tối đến Thị nhiếp tâm niệm Phật. Thị tu hành như vậy trọn 29 năm không sót một ngày.

Mùa Hạ năm Càn Long thứ 35, Thị nhuốm bệnh nhẹ. Sáng sớm ngày mùng 8 tháng Sáu, Thị khóa tụng như thường. Khi trì chú được một khắc, người nhà nghe tiếng tụng niệm của Thị vang ra khỏi ngõ nhà, lấy làm lạ bèn vào phòng thờ Phật xem, thì Thị đã đoan tọa mỉm cười mà mất rồi.

Lúc đó nhằm tiết nóng nực, đến ba ngày sau, nhan sắc thân của Thị vẫn tươi như sống. Khi đột y phục của Thị, tất cả những ngọn lửa đều hiện thành những hoa sen năm màu. Ai trông thấy cũng khen là sự lạ trong đời.

Trích ở **Nhiệm Hương Tập**

---o0o---

IV - TỌA HÓA AM

Vợ một chiến sĩ ở Tòng Giang, góa chồng không con, ở một gian nhà lá phía Nam chùa Phổ Chiếu. Mụ tánh chất trực, thấy phụ nữ có lỗi, mụ tất chỉ trích tận mặt. Vì thế hàng phụ nữ nơi ấy phần đông đều kính nể mụ.

Mỗi ngày mụ tụng niệm có khóa trình : sáng sớm tụng hai biến Kinh Kim Cang rồi mới lo công việc sanh nhai, tối đóng cửa niệm Phật. Mụ tu trì như vậy mãi đến già không bê trễ.

Một hôm có vị Sư Tăng đi ngang qua trước nhà, mụ chấp tay hỏi : “Tôi nghe Kim Cang bất hoại thân. Người tụng Kinh này, xác thịt cũng được không hư hoại có phải không Đại đức ?”. Sư Tăng đáp : “Phải !”. Mụ liền đoan tọa mà từ trần nội trong ngày ấy. Nhà nghèo không có đồ liệm, thân ngồi trên trọn ba ngày, dầu tiết nóng nực mà không biến đổi, mùi hương lạ thơm ngát cả nhà. Vợ của Đề Đốc Dương Công Thiệp đích thân đến nhà lo ma chay, dựng một tu viện ngay trên khoảnh đất ấy lấy hiệu là “Tọa Hóa

Am” (am chết ngồi). Dùng vải sơn quần gói thân của mộ quản tại am, đến nay còn nguyên vẹn⁶².

Ít lúc sau có vợ một quan chức tại xứ, chồng chết, đến tu nơi am ấy, mỗi ngày chuyên lo niệm Phật, trọn 50 năm chẳng không bước ra khỏi ngõ am, trừ một lần đi qua Đại Hùng Sơn lễ Khê Cốc Hòa thượng cầu thọ giới pháp. Năm mất mùa bà nấu cỏ mà ăn. Hàng phụ nữ có cúng dường, nếu là người không tốt, thời thà chịu đói chớ bà quyết không lãnh. Trước sau có thâu đệ tử hai ba người, vì khổ quá chịu không nổi nên đều bỏ đi cả. Tuổi càng già, công phu lễ niệm của bà càng thêm tinh tấn. Năm gần 90 tuổi, không bệnh, bà niệm Phật an lành mà tịch, bấy giờ nhằm khoảng niên hiệu Càn Long triều Thanh.

Trích ở **Nhiễm Hương Tập**

---o0o---

V - MỤ TÀO

Mụ Tào, thân mẫu của ông Bá Thiên Hộ ở Thường Châu. Thiên Hộ tánh thích làm việc phước thiện, kính thờ Lữ Chơn nhơn. Ông thường gạn hỏi tiên thuật nơi Chơn nhơn và ưa lắng lòng đoan tọa. Một hôm, ông qua Tô Châu, được người tặng cho tập “Tây Phương Xát Chi”⁶³. Trong tập ấy có đoạn bác tiên thuật, chỉ quy Tịnh Độ. Thiên Hộ mới bắt đầu nơi Phật thừa, nhưng vẫn còn nghi, bèn đem hỏi Chơn nhơn. Lữ Chơn nhơn bảo : “Ông còn ngờ gì nữa ! Khi đại tam tai đến, bọn Thiên Tiên chúng ta cũng không có đường nào trốn thoát. Lạc bang rất thanh tịnh an ổn. Ông nên cố gắng ! Ngoài việc niệm Phật lễ Phật, ông nên kèm tụng Kinh Kim Cang để hồi hướng cầu vãng sanh”. Nghe Chơn nhơn giảng giải, Thiên Hộ mới hết nghi, từ đó ông chí quyết tu Tịnh độ. Năm ấy, mụ Tào được 64 tuổi và mang bệnh. Được tin, Thiên Hộ từ Tô Châu vội về. Khi ông đến nhà thì mẹ đã tắt hơi, chỉ nơi ngực chưa lạnh. Người nhà đang lo sắm quan quách, Thiên Hộ khóc to, kính lạy đức Quan Thế Âm Bồ Tát, tụng chú bạch y một muôn hai nghìn biến, nguyện giảm tuổi thọ của mình một kỷ để cầu cho mẹ được sống. Ông khóc đến nước mắt nước mũi ướt cả vạt áo dài. Sáng ngày sau, mụ Tào bỗng cựa mình đòi uống, chỉ vài ngày là lành mạnh. Mụ thuật rằng : Lúc mới chết, bị hai con quỷ dẫn đi qua các ty Thổ địa Thành hoàng rồi đến phủ Đông Nhạc. Phủ Quân phán nhờ con trai mụ chí thành cầu khẩn nơi Quan Âm Đại sĩ, nên mụ được thêm tuổi thọ. Rồi Phủ Quân truyền quỷ đưa mẹ về, vì thế nên sống lại.

Thiên Hộ khuyên mẹ tu Tịnh độ. Mẹ Tào liền ăn chay trường, mỗi ngày ba thời lần chuỗi niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Mười hai năm sau, mẹ được 76 tuổi, Rằm tháng Chín, mẹ nói với Thiên Hộ : “Mẹ sắp về Cực Lạc, con cho mời các thân thuộc đến để mẹ từ biệt”. Sau khi từ biệt mọi người xong, mẹ Tào tắm gội thay y phục rồi an lành mà mất.

Thiên Hộ có người dì là Hứa Thị cũng trường trai niệm Phật mà chưa được chuyên nhứt. Thiên Hộ rước dì về nhà mình, khuyên dì buông bỏ tất cả sự duyên, nhứt tâm niệm Phật. Hứa Thị y lời. Năm đó, Thị đã 65 tuổi. Từ tháng Ba đến tháng Sáu, trọn ba tháng Thị niệm Phật không để xen hở. Một hôm, Thị lạy Thiên Hộ, ông cả kính hỏi có. Hứa Thị đáp : “Dì trên 65, mãi điên đảo trong vòng mộng tưởng, chưa từng được một ngày an lạc. Từ khi cháu chỉ dẫn cho dì niệm Phật tới nay, dì sáng niệm Phật thoát đã đến tới, tới niệm Phật phút chốc đã sáng ngày. Sự an lạc trong đời có gì hơn nơi đây ! Nếu không nhờ cháu thời tất không được như thế này, nên dì lạy tạ”. Nhon đó Thiên Hộ khen ngợi Cực Lạc trang nghiêm thanh tịnh và nói nếu đang nhứt tâm Thánh cảnh tự hiện. Lúc Thánh cảnh hiện cũng không nên tham trước. Ba tháng sau, vào lúc nửa đêm, Hứa Thị đang ngồi niệm Phật, thoát thấy kim liên hoa bay hiện ra trước mặt, rồi hóa thành trăm nghìn muôn ức liên hoa bay lên hư không, chói sáng cả trời đất. Sáng ngày, Hứa Thị đến lạy Thiên Hộ mà thuật sự ấy. Từ ngày đó, dung sắc của Thị tươi trẻ như người chừng ba mươi tuổi. Bảy giờ là năm Càn Long thứ 42. Trọn cả ngày, ngoài câu niệm Phật, Thị không hề nói gì khác. Ban đêm Thị chỉ nằm nghỉ chừng một canh, còn thời đoan tọa niệm Phật.

Trích ở bộ **Tây Phương Công Cứ Tập Nghiệm**

---o0o---

VI - ĐÀO THỊ

Đào Thị tên Thiện, tự Quỳnh Lâu, người Tô Châu, vợ của ông Bành Hi Lạc, cháu của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Thuở bé Thị rất thông minh, thi phú giỏi, sớm tối thường cùng với em gái là cô Đào Nhon xướng họa. Không bao lâu, Đào Nhon mang bệnh rồi chết. Thị bỏ thi phú không làm nữa. Đọc Báo Ân Kinh, Thị cảm kích nhân duyên khổ hạnh thuở tiền thân của Đức Phật. Thị bèn phát đại nguyện, nguyện chúng Vô sanh Pháp nhẫn. Thị tả Kinh Báo Ân và các Kinh Kim Cang, Di Đà... nét chữ vừa đẹp vừa ngay thẳng. Mỗi ngày, Thị siêng niệm hồng danh A Di Đà Phật. Sau khi về nhà họ Bành, hằng ngày thị cùng người nhà luận các pháp Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Sáng sớm là thời niệm Phật định khóa của Thị. Thị nghiên cứu Kinh Pháp Hoa,

Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm v.v... các Kinh về Đại thừa được tín giải thông lợi.

Mùa Thu năm Càn Long thứ 44, Thị làm mười bài thi họa lại mười bài “Bé Quan Thi” của Bành Nhị Lâm cư sĩ, câu câu đều chỉ quy Tịnh Độ, lời lẽ rất thâm thiết. Qua Đông, Thị cảm bệnh, tự biết không mạnh được, Thị niệm Phật không hờ. Đầu năm sau, Thị thỉnh mẹ ruột đến để từ biệt. Rồi Thị nói : “Đại Hòa thượng đến. Tôi xin đi !”. Người nuôi bệnh hỏi : “Còn bà cụ mới làm sao ?”. Thị bảo : “Tây phương Cực Lạc tốt lắm, ngày sau tôi sẽ rước bà cụ cùng về”. Dứt lời Thị liền nhắm mắt, được 25 tuổi. Bấy giờ là ngày 25 tháng Giêng năm Càn Long thứ 45.

Năm Càn Long thứ 49, Tây phương Đại sĩ hiệu Tịch Căn Bồ Tát giáng thần nơi Ngọc Đàn, vì các hàng đệ tử mà tuyên dương Pháp môn Tịnh độ. Một hôm Nhị Lâm cư sĩ đến thưa hỏi về chỗ sanh của những thầy bạn của ông đã quá vãng. Bồ Tát đều đáp rõ : Người thời sanh Thiên, người sanh trong nhân loại. Có bốn người được về Tịnh Độ : 1.- Hương Sơn Lão nhơn pháp danh Thiệt Định. 2.- Lữ Đình Đại sư pháp danh Tế Hội. 3.- Thệ Nguyễn Đại sư pháp danh Phật An. 4.- Trầm Kính Phu cư sĩ (Trầm Bính). Hỏi đến Đào Thị, Bồ Tát nói là đã sanh về biên địa của Cực Lạc thế giới (cũng gọi là Giải Mạn Quốc). Giây lát, Đào Thị giáng thần bảo mọi người rằng : “Các ngài quy hướng Cực Lạc thế giới phải rèn tâm thần như sắt đá, ngoài không bị cảnh dục trần làm mê nhiễm, trong không để tình tướng sai sử, đó là trong bùn lầy mà có hoa sen mọc đầy. Niệm một câu Phật thời có một quang minh, niệm nghìn câu Phật thời có nghìn quang minh. Quang minh ấy từ nơi tâm mà phát, chớ chẳng phải đặt nơi ngoài, là vì vô tướng. Đức A Di Đà Phật thường không rời các ngài. Nếu các ngài có may mắn cách ngại thời quang minh ấy không hiện được. Khi niệm Phật, tâm phải luôn luôn giác chiếu mới phát được niệm lực bất thoái. Khi niệm Phật, tiếng phải tha thiết mới phát được nguyện lực vô thường. Tâm và tiếng dung hòa nhau, không chỗ nào chẳng hiệu Phật, không lúc nào chẳng niệm Phật, như thế mới là đặc lực. Phật hiệu vô lượng, cần phải biết trí huệ vô lượng, thần thông vô lượng, từ bi vô lượng, nhiếp thọ vô lượng. Nếu không phát vô lượng tâm, làm sao thấy được đánh tướng của Đức Từ Phụ. Thương thay cho chúng sanh ! Lòng dục không trừ, thiện căn lẩn mất, phải mau niệm Phật đi !”.

Cách tháng sau, Nhị Lâm cư sĩ lại đến Ngọc Đàn để hỏi các việc về Đào Thị : “Được biết cô đã vãng sanh, rất tốt ! Nhưng các ông La Đài Sơn, Châu Trọng Quán, trai giới tinh nghiêm, hoằng thệ rộng lớn, mà còn phải kẹt trong

vòng phước báu hơn thiên. Còn cô, giới phẩm chưa toàn, công phu chưa thuần, mà lại được vãng sanh là sao thế ? Quang cảnh lúc cô vãng sanh ra thế nào ? Sau khi vãng sanh, sự hưởng thọ ra làm sao ? Đã được thấy Phật chưa ? Đã lên bậc bất thoái chưa ? Xin giải bày để mọi người nghe biết mà phát tâm tu hành. Đây cũng là hạp với bốn nguyện độ sanh của cô vậy”. Ngày ấy Tịch Căn Bồ Tát dạy rằng : “Tháng trước ta ở biên địa thuyết pháp rồi đến đây, nên Đào Thị nương thân lực của ta mà cùng đến. Nay ta không ghé biên địa nên Đào Thị không đến được. Bình nhật, công phu giới hạnh của Đào Thị dầu không kịp bọn ông Đài Sơn, nhưng khi lâm chung chánh niệm của Đào Thị hơn các ông ấy xa, cảm đức Quan Thế Âm Bồ Tát đến tiếp dẫn. Lúc lâm chung, Thị thấy Kim liên hoa hiện tiền mà vãng sanh. Hiện Thị ở biên địa thất bửu thế giới, ăn mặc tự nhiên. Dầu chưa được thấy Phật, nhưng mỗi ngày chư đại Bồ Tát ở Cực Lạc qua biên địa thuyết pháp hai thời. Người tinh tấn thời lần lên cứu phẩm. Người giải đãi thời hưởng thọ năm trăm tuổi. Một ngày ở biên địa bằng nơi đây 100 năm. Từ khi vãng sanh tới nay, Đào Thị tinh tấn lắm, tương lai có thể ở bậc thượng phẩm hạ sanh. Thời gian ấy nơi đây là hai nghìn năm nữa”.

Tịch Căn Bồ Tát, thưở Đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ứng thế, từng dự pháp hội Duy Ma và Vô Lượng Thọ.

Trích ở các bộ **Thiện Nữ Nhơn Truyện, Tây Phương Công Cứ Thơ Chứng**

---o0o---

VII - UÔNG THỊ

Uông Thị người Ngô Huyện, vợ ông Lý Cảnh Hi, 26 tuổi góa chồng, có một đứa con trai mới được 7 tháng. Thị đương buồn khổ, lại nhằm lúc người bạn mang bức đồ bộ xương người đến tặng, Thị phẫn chấn phát tâm xuất thế. Thị thọ pháp môn niệm Phật nơi Hữu Ta Hòa thượng. Thị ăn chay trường, sớm tối hướng về Tây phương lễ Phật sám hối phát nguyện mau được vãng sanh Cực Lạc thế giới.

Thị khuyến hóa bà con, xóm giềng, đến cả tôi trai tứ gái đồng quy hướng Phật pháp hơn một trăm người. Trong số đó được mười mấy người ăn chay trường chuyên tu tịnh nghiệp. Thị đến tham học đạo lý với Văn Học Thiệt Định Đại sư, nghe Đại sư giảng đến câu “Thị tâm thị Phật”, Thị có đôi phần tỏ ngộ. Năm 34 tuổi, thị thọ Bồ Tát giới nơi Lữ Đình Tế Hội Đại sư rồi thường tụng Phạm Võng Kinh. Thị phát tâm tự chích lấy máu lưởi tả Kinh

Pháp Hoa và Kinh A Di Đà. Khổ vì máu ra không đủ để viết, có một Sư Tăng bảo đến giờ Tý và giờ Ngọ hứng lấy, nhờ đó mới được hoàn nguyện. Thị vốn có bệnh gan, mỗi năm cứ đến mùa Thu là bệnh phát.

Năm Càn Long thứ 49, bệnh phát nặng hơn mọi năm. Có người khuyên thị nên bổ dưỡng. Thị bảo : “Ồ cõi này học đạo, nhiều chứng duyên làm thoái thất. Nếu đặng bỏ báo thân, sớm thấy Phật nghe pháp, chính là sở nguyện của tôi đó. Tôi không mong gì khác hơn”.

Tháng 11, bị hạ ly, nằm liệt nơi giường luôn mấy hôm, nhưng Thị vẫn không rời niệm Phật, tưởng Phật. Đến ngày mùng 10, Thị nói với người nuôi bệnh : “Mai này tôi sẽ về Cực Lạc thế giới !”. Hỏi sanh phẩm nào, Thị bảo là Trung phẩm Thượng sanh. Qua ngày sau có mục Phương đến thăm, Thị nói : “Bà đến tốt lắm, xin tắm rửa giùm tôi”. Tắm gội xong, Thị ngồi kiết già yên lặng. Một lát, thị bảo mọi người đồng thanh niệm Phật, vừa đến giờ Ngọ, Thị chấp tay mà mất. Mùi hương chiên đàn thơm ngát cả nhà. Năm ấy Thị được 38 tuổi.

Ba năm sau, con gái họ Hà ở xóm ấy mang bệnh chết. Đến canh ba lại thuật rằng : “Tôi bị dẫn đến điện Minh Vương. Vương kể tội rồi truyền quỷ lấy chùy đánh tôi. Quỷ chưa kịp đánh, thời bỗng thấy tràng phan bảo cái ủng hộ một đạo nhơn từ Tây phương đến để giáo hóa u minh. Đạo nhơn ấy thân ánh sắc vàng, dung mạo nghiêm trang, xinh đẹp. Tôi nhìn kỹ thời là cô Thầy nhà họ Lý ở Vạn Niên Kiều⁶⁴. Minh Vương quỳ mọp mà rước, miệng xưng Bồ Tát. Cô Thầy bảo thả tôi và đích thân dẫn tôi đi xem các sự khổ ở địa ngục. Sau cùng cô bảo tôi ráng ăn chay niệm Phật, nhứt tâm cầu sanh Cực Lạc, đến kỳ sẽ rước tôi. Rồi cô truyền đưa tôi trở về dương gian, nên tôi mới được sống lại”.

Trích ở các bộ **Nhứt Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cứ Thơ Chứng**

---o0o---

VIII - PHÍ LAN TƯƠNG

Bà Phí Lan Tương người Ngô Giang, vợ của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Bà tánh hiền lành điềm đạm, trọn đời không mắng nhiếc ai, dầu bà là chủ một nhà giàu to. Khi gặp việc không vừa ý, bà chỉ nín lặng mà thôi. Khi còn là gái, bà nội họ Vương ưa làm Phật sự, bà đã có tâm ham mộ. Sau khi về với Bành Nhị Lâm cư sĩ được sáu năm, sanh được hai gái. Kế Bành cư sĩ tu Tịnh

độ, thường giảng nói về phương pháp thoát khổ, bà liền dứt thịt cá ở riêng trong một khu vườn nhỏ, mỗi ngày cùng hai cô gái giảng đọc Kinh Đại thừa, hồi hướng Tịnh Độ.

Năm Càn Long thứ 55, mùa Thu bà mang bệnh phổi lạc huyết, sức khỏe kém nhiều, bà đến Văn Tinh Các thọ giới Ưu bà di với Tường Phong Hòa thượng rồi về nhà lễ Phật tụng Kinh, tinh tấn hơn những ngày trước. Bình sanh khi có của dư riêng, bà liền làm Phật sự. Bảy giờ bà tom góp tất cả tư trang, tiền vật của riêng bà, nhờ Bành cư sĩ đến Vân Thê làm thủy lục đại trai, nguyện cùng tất cả hữu tình đồng sanh Cực Lạc. Ngày ở Vân Thê khai Kinh, mọi người trong nhà họ Bành đều nghe mùi hương lạ. Bệnh bà càng thêm trầm trọng, nằm luôn nơi giường trọn năm ngày, bà thường hướng về Tây phương vái rằng : “Xin Đức A Di Đà Phật đến rước con !”.

Ngày mùng 8 tháng 9, Bành cư sĩ từ Vân Thê về tới nhà, sách tấn rằng : “Tur lương Tịnh Độ đã đủ, buông tay mà đi, chớ quuyến luyến kiếp sống thừa này !”. Bà đáp : “Tôi còn quuyến luyến chi nữa, chỉ lo không được vãng sanh cho sớm mà thôi !”. Giữa đêm hôm ấy, bà bỗng to tiếng niệm Phật được mười câu, rồi an lành mà mất.

Trích ở các bộ **Nhứt Hạnh Cư Tập, Tây Phương Công Cú Thơ Chứng**

---o0o---

IX - HỨA TIẾT PHỤ

Hứa Tiết Phụ, họ Tiền, người Thái Thương, năm 20 tuổi lấy Thái học sanh Hứa Chiếu. Sáu năm sau, ông Chiếu chết, bà thủ tiết tận tâm phụng dưỡng cha mẹ chồng. Năm Càn Long thứ 37, triều đình ban cho bà tấm biển “Tiết phụ”.

Từ thuở bé, bà đã tin pháp môn niệm Phật. Một hôm thân mẫu phải bệnh nguy, bà lạy Phật cầu nguyện cho mẹ được mạnh. Mỗi ngày bà niệm Phật một nghìn câu, bệnh mẹ liền lành. Sau khi góa chồng, bà tu niệm càng tinh tấn và chí thành hơn. Bà luôn đem của riêng giúp người nghèo, cứu người nạn, mua chuộc chim cá để phóng sanh. Mỗi ngày bà tụng Kinh Kim Cang và niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Khi tuổi cao, bà ăn chay trường.

Tháng Giêng năm Càn Long thứ 57, bà mơ thấy Quan Thế Âm Bồ Tát hiện thân định ngày tiếp dẫn. Đến kỳ, chính là ngày mùng 4 tháng 2, bà thắp hương lên tiếng niệm Phật, rồi ngồi kiết già mà tạ thế. Thọ 72 tuổi.

Trích ở bộ **Nhứt Hạnh Cư Tập**

---o0o---

X - TỔNG NHỤ NHƠN

Tổng Nhụ Nhơn, người Trường Châu, vợ Thái học sanh Cố Văn Diệu. Thị thờ mẹ chồng rất chu đáo. Mẹ chồng bình nhật thờ Quan Thế Âm Đại sĩ, khi qua đời để lại cho thị tượng đức Quan Thế Âm bằng sành, Thị thờ rất thành kính được hơn mười năm.

Một hôm, con trai của Thị, ông Cố Tấn Phương, mơ thấy hai vị đại sĩ mặc Tăng y đến nhà có vẻ muốn ở. Sáng ngày gặp một người đi ghe mang hai bức tượng đem bán. Bức thứ nhất là tợ tượng Quan Thế Âm của Ngô Đạo Tử họa, bức thứ hai là tợ thêu tống tử Quan Thế Âm. Ông Phương liền mua, kêu thợ sửa sang rồi dâng vào am Nguyệt Thịnh tại làng. Năm sau, Tấn Phương lại mơ thấy hai vị đại sĩ ấy bảo là sắp đi nơi khác. Ông Phương lật đật qua am xem, thấy hai bức tượng cuốn để trong thùng cây. Ông Phương thỉnh về nhà trưng thờ ở tịnh thất. Tổng thị mỗi ngày đứng bên cạnh niệm A Di Đà Phật và thành kính đánh lễ.

Một hôm, trên mặt gạch trong tịnh thất bỗng hiện tượng tợ tượng Đại sĩ, giống hệt bức họa của Ngô Đạo Tử. Tám ngày sau, trên một mặt gạch khác lại hiện tượng Tống tử Đại sĩ, lần lần Thiện Tài và Long Nữ cũng hiện rõ. Bèn gỡ gạch ra, mượn thợ theo lần mà chạm, tợ hạo chiếu sáng. Tổng Thị cảm kích điềm linh dị này, liền ăn chay trường chuyên tâm niệm Phật. Về sau, Thị bị bại liệt, nhưng mỗi ngày Thị đều nhờ người dìu đến trước bàn Phật lễ niệm như thường, không để lỗi thời.

Một ngày nọ, Thị gọi cả người nhà lại khuyên răn dạy bảo, rồi bảo đồng thanh niệm Phật không được khóc. Thị chấp tay giờ ngang đầu, tụng chú và niệm Phật. Thoạt mùi hương lạ ngào ngạt cả nhà. Thị an lành mà mất, được 54 tuổi. Bấy giờ là tháng Năm, năm Càn Long thứ 57.

Trích ở bộ **Nhứt Hạnh Cư Tập**

---o0o---

XI - TRỊNH THỊ

Trịnh Thị người Tòng Giang, dâu nhà họ Ngô. Thị góa chồng hồi thuở trẻ, quyết chí thủ tiết, cất tịnh thất, đóng cửa tụng Kinh niệm Phật trên 20 năm.

Ngày 19 tháng Bảy, năm Gia Khánh sơ niên, trong sân trước tịnh thất của Thị, trên một tảng đá to mọc lên hai bông sen lớn. Vừa lúc quan Tư Khấu Thái Hồng Nghiệp, cậu ruột của Thị, trí sĩ về làng, mục kích “hoa sen lớn mọc trên đá”, ông bèn viết bài văn ký sự lạ ấy khắc vào bia đá.

Tháng Chạp năm ấy, Thị nói với người nhà rằng : “Tôi sắp về Tây phương Cực Lạc thế giới !”. Ít hôm sau, Thị không bệnh niệm Phật mà qua đời.

Trích ở **Nhiệm Hương Tập**

---o0o---

XII - MỤ BÁ BÁT QUẢN

Một bà nhà giàu ở Hàng Châu đến am Hiếu Tử hỏi Đạo Nguyên Hòa thượng rằng : “Tu pháp môn nào nội một đời chắc chắn thoát khỏi biển khổ?”.

Hòa thượng dạy : “Không gì hơn niệm Phật ! Nhưng niệm Phật không khó, mà khó nơi bền lâu. Bền lâu chưa khó, mà khó nơi tâm chuyên nhưt. Mụ nếu có thể không quản đến tất cả thế sự, mà chuyên tâm trì niệm danh hiệu của Phật và chí thành phát nguyện vãng sanh, khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn thời được giải thoát”. Bà mừng lắm, lạy tạ Hòa thượng mà về. Mụ đem tất cả việc nhà ủy thác cho dâu con, còn bà thời cất tịnh thất ở riêng lo tu trì.

Cách đó hơn một năm, bà đến am thưa với Đạo Nguyên Hòa thượng rằng : “Từ khi nhờ ơn Hòa thượng chỉ dạy, đệ tử bỏ cả việc nhà, chỉ chuyên lo niệm Phật. Đệ tử tự xét lấy mình cũng có thể gọi là không biếng trễ, chỉ khổ nỗi khó được nhưt tâm. Trông mong Hòa thượng từ mẫn dạy bảo thêm cho !”.

Hòa thượng nói : “Mụ dâu vất bỏ việc nhà mà trong lòng còn tưởng nhớ con cháu, quyền thuộc tình ái chưa dứt mà muốn nhưt tâm sao được ! Từ

nay mù phải gia công. Trước hết, nên nhỏ sạch gốc tình ái, trong tâm tất cả đều buông bỏ, rồi sau mới có thể được nhứt tâm !”.

Bà than rằng : “Hòa thượng dạy rất đúng ! Đệ tử dầu thân không quản đến gia đình mà tâm chưa rời được. Từ nay đệ tử quyết định trăm sự không quản đến”.

Sau khi về tịnh thất, bà tinh tấn niệm Phật hơn trước. Mỗi khi trong lòng tưởng tới gia đình, bà liền tự bảo : “Trăm sự không quản đến ! Trăm sự không quản đến !”, để trừ sự tưởng nhớ ấy. Có ai hỏi đến việc nhà, việc đời, bà cũng chỉ trả lời bằng câu : “Trăm sự không quản đến ! Trăm sự không quản đến !”, rồi niệm Phật. Do đó, cái danh hiệu “Bà Bá Bất Quản” truyền khắp xóm làng, và người ta không còn kêu đến tên họ cũ của bà nữa.

Cách ngót hai năm sau, bà đến am tạ Hòa thượng rằng : “Con y theo lời Hòa thượng dạy, niệm Phật đã được nhứt tâm, đã được thấy Phật. Không mấy hôm nữa con sẽ về Cực Lạc !”.

Hai ngày sau, bà không bệnh, đoan tọa mà vãng sanh. Bấy giờ là năm Gia Khánh sơ niên.

Trích ở **Nhiệm Hương Tập**

---o0o---

TÔNG CHỈ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ VÀ KỆ GIA HẠNH TU TRÌ

TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Tin sâu – nguyện thiết – hạnh chuyên

Nam mô A Di Đà !
Không gấp cũng không hưỡn
Tâm tiếng hiệp khẩn nhau
Thường niệm cho rành rõ
Nhiếp tâm là định học
Nhận rõ chính huệ học
Chánh niệm trừ vọng hoặc
Giới thể đồng thời đủ
Niệm lực được tương tục
Đúng nghĩa chấp trì danh
Nhứt tâm Phật hiện tiền

Tam muội sự thành tựu
Đương niệm tức vô niệm
Niệm tánh vốn tự không
Tâm làm Phật là Phật
Chứng lý pháp thân hiện
Nam mô A Di Đà !
Nam mô A Di Đà !
Cố gắng hết sức mình
Cầu đài sen thượng phẩm

Phật lịch 2500 (1956)
Hân Tịnh Tỳ kheo Thích Trí Tịnh soạn

--- o0o ---

CHƯƠNG THỨ TÁM - THIỀN TỊNH QUYẾT NGHI

Thuật giả: AN QUANG Đại sư

Việt dịch: HT. THÍCH TRÍ TỊNH

LỜI ĐẦU QUYỂN

Từ xưa, trong những xứ mà Đại thừa giáo được lưu hành, như là Trung Hoa, tự lực môn và Phật lực môn thường khi thành đối lập, rất chướng ngại cho người học đạo, mặc dầu đều từ kim khẩu của Đức Thích Ca Mâu Ni tuyên thuyết và đều là của Đại đức Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà kiệt tập.

Vì chỗ lợi ích riêng cho một nhóm người đại căn đến cầu pháp, chư Tổ trong Thiền tông dùng trực chỉ chọn tâm kiến tánh thành Phật để khai thị đôi khi in như bài xích Liên Tông. Nhưng chính những lời ấy là chuyển ngữ đối với đương cơ chớ chẳng phải là lời thường dùng đối với tất cả.

Một hạng người tăng thượng mạn tự cao tự phụ, theo kiến thức hẹp hòi của mình, vin theo tiếng vang văng vẳng ấy, đường hoàng đứng ra công kích môn Tịnh độ cùng khinh hủy người tu tịnh nghiệp, để rồi chuốc lấy tội báng Phật, hủy Pháp, khinh Tăng. Vì môn niệm Phật vãng sanh là gốc từ Phật A Di Đà lập nguyện, Đức Thích Ca Mâu Ni chỉ giáo và lực phương chư Phật tán dương, nay bác môn Tịnh độ thời là hủy báng chư Phật vậy. Đã từ nơi Phật tuyên dạy thời môn Tịnh độ là giáo pháp chọn chính, bác Tịnh độ

chính là hủy báng chánh pháp vậy. Nơi hội Hoa Nghiêm đức Phổ Hiền, trong hội Bát Nhã đức Văn Thù, cùng vô lượng đại Bồ Tát đều có lời phát nguyện vãng sanh Cực Lạc; Mã Minh Đại sĩ có lời khuyên tu niệm Phật trong luận Khởi Tín; Long Thọ Bồ Tát được Phật thọ ký vãng sanh nơi pháp hội Lăng Già, cùng vô số bậc đại Tổ Sư của các Tông Đại thừa, chẳng những Liên Tông mà cả Thiên Tông, Hoa Nghiêm Tông, nhưt là Pháp Hoa Tông⁶⁵, cho đến trong Duy Thức Tông, ngài Thiên Thân, ngài Khuy Cơ v.v... đều cực lực tán dương và hoằng truyền môn Tịnh độ. Nay bác Tịnh độ hay khinh hủy người niệm Phật thời chính là hủy báng chư Hiền Thánh Tăng vậy. Hủy báng Tam Bảo là nghiệp nhơn của quả báo địa ngục A Tỳ.

Ấn Quang Đại sư, một cao Tăng của cận đại xót thương những kẻ nông nổi ấy, nương khẩu khí của Mộ Liên Pháp sư ở Hồng Loa Sơn mà thuật ra tập thuyết nghi này, để lấp bít cửa địa ngục cho họ⁶⁶.

Nguyên bản đề là TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI LUẬN. Nơi bản Việt dịch này tôi sửa lại là THIÊN TỊNH QUYẾT NGHI.

Nơi tập này trong khi chỉ trích chỗ nhận lầm của các nhà tu Thiên về Pháp môn Tịnh độ với một lối lập luận chặt chẽ sâu sắc. Đại sư căn cứ vào giáo lý mà giảng giải tông thú của môn niệm Phật một cách rành rẽ.

Tập này có thể là kim chỉ nam cho người còn băng khuâng nơi hai nẻo đường : tu Thiên hay tu Tịnh ? Và là lèo lái vững chắc cho người đã phát tâm Phật rồi.

Với người tu Thiên, tập này chỉ cho biết rằng có ngại gì kiêm tu niệm Phật để được bảo đảm cho quả giải thoát ở tương lai. Với người tu Tịnh, tập này sẽ hướng dẫn đến mục đích liên hoa hóa sanh và phá tan những tà thuyết bài bác của ma ngoại.

Người học Phật phải tu Phật, nghĩa là phải nhắm mục đích : CHỨNG PHẬT QUÁ, mới phải thật là đệ tử Phật.

Nên tế tâm tự xét : ta có thể cứ tự lực vượt khổ luân hồi để đến quả viên mãn Bồ-đề hay cần phải nương Phật lực ?

Ta phải bình tĩnh cân nhắc lấy sự lợi hại, không nên quá tự phụ mà thành nông nổi.

Người có chút trí khôn chẳng bao giờ chịu phí sức thì giờ nhúm lửa bằng cách cọ gỗ trước ngọn đuốc đang cháy bùng.

Kẻ quá nông công mới tự phụ cặp chân của mình, rồi lội bộ băng rừng trèo núi để qua xứ Thiên Trúc trong khi tàu thủy đang chờ ở bến, phi cơ chực sẵn tại sân bay!

Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng, Phật dạy : “Trong thời mạt pháp, chúng sanh chỉ nương sức niệm Phật mà ra khỏi luân hồi thôi”.

Kinh Bát Nhã Đức Phật đem sự chuyên tâm xưng niệm danh hiệu của Phật để đáp lời hỏi của đức Văn Thù Bồ Tát về vấn đề : thế nào màu đặng Vô thượng Chánh giác ?

Kinh A Di Đà, Đức Phật nhiều lần lập lại câu : “Các chúng sanh nên phải phát nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà...”

Kinh Hoa Nghiêm ngài Phổ Hiền, Kinh Bát Nhã ngài Văn Thù đồng phát nguyện : “Nguyện con đến lúc sắp lâm chung, tận mắt thấy Phật A Di Đà, liền được vãng sanh về Cực Lạc”.

Văn Thù Bồ Tát bảo Pháp Chiếu Đại sư : “Muốn mau thành Phật không gì bằng chuyên niệm Phật A Di Đà...”. Và Quan Thế Âm Bồ Tát khuyên Từ Mãn Tam Tạng : “Ông muốn truyền pháp để độ mình, độ người thời nên chuyên niệm Tây phương Cực Lạc thế giới A Di Đà và phát nguyện vãng sanh...” (Xem toàn truyện ở bộ Đường Về Cực Lạc tập nhứt).

Hỡi các pháp hữu! Các đạo hữu! Hỡi những người có lòng muốn thoát ly cõi ngũ trược ác thế, những vị mong ra khỏi nẻo luân hồi, những bậc lập chí độ sanh!

Các ngài còn chần chờ gì mà không kíp tuân lời của Phật dạy, của đại Bồ Tát khuyên mà chuyên tu niệm Phật!

Các ngài còn do dự gì mà không noi gương chư Tổ Sư, các Cổ Đức để liền phát nguyện cầu về Cực Lạc Tịnh Độ! Và các bạn còn nghi ngờ gì khi đã hiểu giáo lý, khi đã biết rõ rằng trước ta đã có vô số người được vãng sanh, đã được siêu phàm nhập Thánh nhờ tu tịnh nghiệp!

**PL 2500 (1956) Đạo tràng Vạn Đức
Ngày thành đạo của Đức THÍCH CA MÂU NI PHẬT**

Hân Tịnh Tỳ kheo Thích Trí Tịnh

---o0o---

I - TỰ THUẬT

Thuốc không luận đắt hay rẻ, chữa lành bệnh là thuốc hay.

Pháp môn không luận ưu hay liệt, hợp thời hợp cơ là diệu pháp.

Ngày xưa, bậc trí thức đông, căn tánh của người học đạo lại thù thắng⁶⁷, nên tu theo một môn nào đều có thể chứng đạo cả.

Hiện nay, bậc trí thức ít, căn tánh của người học đạo lại lậu liệt, ngoài môn Tịnh độ⁶⁸ thật khó mong giải thoát được.

Tôi⁶⁹ thăm hổ lẩy mình đời trước ít trồng căn lành, phước huệ thời mỏng cạn, nghiệp chướng lại sâu nặng. Trong thời tuổi ham học không sớm gặp thầy sáng bạn lành, không được nghe đạo lý của Thánh Hiền, chỉ tranh đua uống lấy thuốc độc bài bác Phật pháp của Hàn Dũ và Âu Dương Tu⁷⁰. Ít lúc nghiệp báo hiện ra, phải bệnh trầm trệ luôn cả mấy năm gần như phế nhơn, không kham được việc gì.

Trong khi nằm bệnh tôi tự tỉnh tự xét : Thiên địa, quỷ thần rất sáng suốt, những bậc Hiền Thánh từ xưa tới nay rất nhiều. Nếu Phật pháp quả thật là tệ hại cho nhân loại như lời của hai họ Hàn, Âu, thời chẳng những các bậc vua Thánh, quan hiền không dung cho truyền bá, mà thiên địa quỷ thần cũng đã tru diệt từ lâu, đâu chờ đến họ Hàn họ Âu luận suông bàn không để bài bác. Phật pháp lại vốn không dùng quyền lực để ép người phục tùng, nếu không nhờ thật đức để cảm lòng người, chơn lý để phục trí người, thời đâu dễ còn được lưu thông vĩ đại đến ngày nay!

Sách Trung Dung nói : Đạo của bậc quân tử, dầu là hạng người ngu dại cũng có thể cùng biết được cùng làm được, nhưng đến từng chí cực thời Thánh nhơn (thế gian Thánh nhơn) còn có chỗ chẳng biết được chẳng làm được.

Họ Hàn họ Âu dầu có thông minh, nhưng chưa phải Thánh, làm sao thấu được chí lý, chỗ mà Thánh nhơn⁷¹ tự nhận là còn có chỗ chưa biết được chưa làm được. Thế phải chẳng Phật pháp thâm diệu, phàm tình thế trí chẳng thể suy lường thấu đáo.

Xét đến đây tôi ăn năn sự nông nổi của mình mà để tâm đến Phật pháp, và cũng từ ngày đó bệnh tình của tôi lần lần thuyên giảm.

Tôi phát tín tâm, xuất gia làm Tăng.

Sau một thời gian nghiên tâm giáo lý của Đức Phật dạy, tôi tự lượng lấy mình : nếu không nhờ nương nơi sức bi nguyện rộng lớn của Phật tất khó được giải thoát ở đời này. Bắt đầu từ ấy, tôi chuyên tâm niệm Phật, chí quyết cầu sanh Cực Lạc. Mặc dầu trải qua nhiều năm đi nghe Kinh nghe giảng, học Thiền học Luật, chẳng qua để phát minh lý tánh Tịnh độ, hầu làm tư lương Thượng phẩm vãng sanh mà thôi.

Hòn vì thân thể suy yếu, sức khỏe kém thiếu, nên không thể dừng mãi hành đạo, nhưng tín và nguyện của tôi rất kiên cố, chẳng những các vị Thiền sư, Giảng sư không thể lay chuyển được chí hướng của tôi, dầu cho chư Phật hiện thân bảo tôi tu pháp môn khác, tôi cũng lay Phật mà tạ lỗi, chớ quyết không đổi chí bỏ đây theo kia, trái bổn nguyện của mình. Ngặt vì túc nghiệp của tôi quá nặng, nên mãi chưa được niệm Phật Tam muội⁷². Càng nghĩ càng tự hổ!

---o0o---

II - GIÁ TRỊ CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Có một vị Thượng tọa nhiều năm tham cứu Thiền tông lại thông cả giáo lý, mắt ngài xem bốn biển trống không, tự thệ chứng Nhứt thừa viên quả.

Thượng tọa theo gương ngài Thiện Tài Bồ Tát đi tham phỏng khắp các bậc Thiện tri thức.

Một hôm, Thượng tọa đến Hồng Loa Sơn vấn đạo nơi tôi. Nhằm lúc tôi đang muốn sưu tập giáo lý Thiên Thai đặng chú thích quyển A Di Đà Kinh Yếu Giải⁷³, để cho người sơ cơ học Phật có phần tiến bộ. Chứ nguyên bản Yếu Giải, văn thời sâu, ý lại kín rất không tiện cho hạng mông học.

Tôi kính tặng Thượng tọa một tập Yếu Giải và ngỏ ý mình muốn soạn chú thích trình Thượng tọa.

Thượng tọa bảo : “A Di Đà Kinh Yếu Giải tôi đã từng xem, thấy trong ấy nhiều đoạn nói : Áo tàng của Hoa Nghiêm, bí tủy của Pháp Hoa, tâm yếu của chư Phật, chỉ nam của Bồ Tát đều không ngoài nơi đây. Những lời ấy rõ

là đê bẹp Thiên tông cùng giáo lý mà khen tặng Tịnh độ một cách quá đáng. Thật là hủy báng Chánh pháp luân, đưa chúng sanh vào chỗ nghi lầm.

Bất ngờ Ngẫu Ích Đại sư là bậc tri thức mà chẳng trực chỉ chơn tâm cùng hoàng dương chỉ quán, trở đi viết tập Yếu Giải này để làm lá bùa hộ thân cho hạng ngu phu ngu phụ. Khiến cho bao nhiêu người tại gia cũng như xuất gia giữ chặt một môn mà bỏ vạn hạnh, gìn nước vũng mà quên biển cả, đua nhau chạy vào đường mê trái hẳn giác lộ, đoạn diệt Phật chủng. Thật là tội lỗi dấy trời. Những ai có chí muốn báo Phật ân, nên mau thủ tiêu tập Yếu Giải mới phải, có đâu lại muốn soạn chú thích để giúp tập ấy lưu thông ?”

Chờ cho Thượng tọa khí bình, Mộ Liên Pháp sư chậm rãi nói : “Ông cho rằng Ngẫu Ích Đại sư soạn tập Yếu Giải này là có tội rất nặng, đó là ông chỉ biết ngọn ngành mà không rõ nguồn gốc. Phải biết tội ấy thiệt không phải nơi bộ Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại sư, mà chính là tại nơi Đức Thích Ca Mâu Ni, Đức A Di Đà, thập phương chư Phật cùng Tịnh Độ Tam Kinh và tại nơi các Kinh giáo Đại thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bửu Tích, Bi Hoa v.v... cùng tại nơi các đại Bồ Tát Tổ Sư như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Thiện Đạo, Thanh Lương, Vĩnh Minh⁷⁴ v.v...”

Nếu quả thiệt ông là vị đại Pháp Vương⁷⁵ tuyên bố trị tội ấy, mọi người mới có thể tuân theo lời của ông. Bằng không thời nào khác gì gã dân ngu ở thôn dã tự xưng Hoàng đế, tự đặt pháp luật, trái nghịch chỉ dụ của chính phủ, tất khó khỏi tội chết. Lời kết tội của ông quả là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng tất sẽ đọa địa ngục chịu khổ nhiều kiếp, thật đáng thương thay!”.

Pháp sư nói đến đây, Thượng tọa chằm chằm bảo : “Sao Sư lại trái với lệ thường mà nói tội tại nơi Phật, Bồ Tát và Tổ Sư. Xin Sư biện rõ duyên cớ. Nếu lời lẽ của Sư đúng lý, tôi đâu dám chẳng tuân theo”.

Mộ Liên Pháp sư nói : “Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đại sự nhân duyên là chi ? Là muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật tri kiến để thành Phật mà thôi.

Đó là mục đích độ sanh duy nhất của Đức Phật.

Ngặt vì chúng sanh căn tánh không đồng, có bậc đại căn, có hạng tiểu căn⁷⁶, chỗ mê chướng lại kẻ sâu người cạn. Đức Phật không thể thực hành sự giáo hóa theo chủ định tối tiên, phải theo trình độ từng lớp người mà dạy dỗ, theo bệnh mà cho thuốc. Vì THẬT mà khai QUYỀN rồi khai QUYỀN mà hiển THẬT⁷⁷. Nơi trên pháp Nhứt thừa nói ra nhiều giáo thuyết. Với hạng

người căn lành thuần thực thời làm cho thẳng lên bờ giác. Với hạng nghiệp chướng sâu dày thời đưa lên ra khỏi trần lao. Đức Phật chịu khó dạy bảo, theo dõi từng người để dắt dìu. Thật là ơn lớn đức dày, trên đời không ơn gì sánh kịp.

Lại vì tất cả pháp môn đều nương tự lực, dầu là hạng người thiện căn sâu dày triệt ngộ tự tâm, nhưng nếu kiến hoặc và tư hoặc⁷⁸ còn có đôi chút chưa sạch thời vẫn y nhiên là chúng sanh trong vòng luân hồi sanh tử; huống lại khi đã thọ thai có thân ngũ ấm tất sẽ xúc cảnh móng tình; người từ bỏ ngộ đến bỏ ngộ thời ít, mà kẻ từ mê đi sâu vào mê lại nhiều. Bạc thượng căn còn nguy nan như thế, kể chi đến hạng trung và hạ.

Phải biết tự lực đoạn kiến hoặc khó như đoạn dòng sông rộng bốn mươi dặm, đoạn tư hoặc lại muôn vạn lần khó hơn. Giải thoát sanh tử đâu phải là vấn đề dễ dàng.

Vì thế nên những pháp môn chuyên thuộc tự lực, chưa thỏa mãn ý muốn độ sanh của Đức Phật, vì chưa có thể lợi ích khắp cả cho hết thấy ba hạng chúng sanh.

Duy có một môn NIỆM PHẬT CẦU SANH TỊNH ĐỘ nương nguyện lực rộng lớn của Đức Phật A Di Đà, tất cả lực đạo chúng sanh không luận căn lành thành thực hay chưa thành thực, không luận ác nghiệp nặng hay nhẹ nếu ai bằng lòng TIN CHẮC PHÁT NGUYỆN TRÌ NIỆM HỒNG DANH A DI ĐÀ PHẬT, thời quyết định được Đức Phật tiếp dẫn Vãng Sanh Cực Lạc Tịnh Độ : là hạng thiện căn thành thực tất chóng viên mãn Phật quả, nhân đến kẻ ác nghiệp nặng cũng đặng dự hàng Thánh.

Nên biết pháp môn niệm Phật là yếu đạo độ sanh của chư Phật, và là diệu pháp mà trên thì Thánh nhơn đại Bồ Tát, dưới đến phàm phu đều đồng tu. Vì thế nên trong các Kinh liễu nghĩa Đại thừa luôn nhắc đến, mà lịch đại Tổ Sư không ai chẳng tuân hành.

Ông tự phụ là thông Thiên tông giới giáo lý, mà lại nói quấy rằng người hoằng truyền môn Tịnh độ là báng chánh pháp đoạn diệt Phật chủng. Rõ ràng ông đã mắc phải ma quỷ dựa, loạn tâm điên cuồng mà tự gây lấy tội địa ngục. Sao ông lại nhận mê lầm làm giác ngộ chỉ chánh nhơn cho là tà vạy như thế ?

Xét về Đức Thích Ca Mâu Ni và Phật A Di Đà, từ nơi kiếp xưa từng phát đại nguyện

độ thoát chúng sanh⁷⁹. Đức Thích Ca thị hiện ở Ức độ dùng Ức độ khổ để chiết phục và thúc đẩy chúng sanh tiến tu. Còn Đức A Di Đà thời an tọa nơi Tịnh Độ dùng tịnh dùng vui để nhiếp thọ và đào luyện cho mọi người nên Thánh quả.

Ông thấy dân quê người hèn cũng niệm Phật được rồi vội miệt thị Tịnh độ, sao không xem kỹ lại Kinh Hoa Nghiêm về phẩm Nhập Pháp Giới, đức Thiện Tài sau khi chỗ ngộ chỗ chứng đã sánh kê với chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát bèn dạy cho pháp mười điều đại nguyện để hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực Lạc thế giới hầu chóng viên mãn Phật quả, và cũng khuyên khắp cả hải chúng trong Hoa Tạng⁸⁰. Xét về hải chúng trong Hoa Tạng không có một ai là phạm phu hay nhị thừa cả, chỉ rông là 41 bậc Pháp thân Bồ Tát, đồng phá vô minh đồng chứng pháp tánh, tất cả đều có thể hiện thân làm Phật độ sanh nơi thế giới không Phật. Trong Hoa Tạng Hải có vô số Tịnh Độ, mà chỉ chuyên quyết hồi hướng cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, đủ thấy rằng Vãng Sanh Cực Lạc là Huyền Môn Thoát Khổ, Là Đường Tắt Thành Phật.

Vì lẽ ấy nên từ xưa tới nay bao nhiêu tự viện, tông lâm thuộc Thiên, thuộc Giáo, hay Luật, tất cả nơi nơi đều sớm tối niệm Phật phát nguyện cầu sanh Cực Lạc.

Ông là người ở trong Thiên môn đi tham phỏng các tông lâm, hàng ngày tất cũng có niệm Phật phát nguyện sao trở lại hủy báng Tịnh độ ?

Kinh Hoa Nghiêm là vua trong các Kinh mà cũng là vua cả Tam tạng, không tin Hoa Nghiêm thời là hàng nhứt xiển đề⁸¹, thọ tận ắt khó khỏi khổ quả nơi địa ngục.

Tôi muốn thoát khổ mà cầu sanh Tịnh Độ, còn ông muốn chác khổ mà hủy báng Hoa Nghiêm. Thôi ông cứ gìn lấy chí của ông, tôi thời giữ lấy đạo của tôi. Xin ông đi đi, tôi không muốn cùng ông biện luận thêm nữa!

---o0o---

III - ĐEM THIÊN GẶN TỊNH

Thượng tọa nói : “Chánh pháp quý nơi hoàng thông, có nghi cần phải hỏi để giải quyết, sao Sư nữ xua đuổi như thế.

Tôi từng nghe : Tỳ Lô Giá Na⁸² khắp tất cả, chỗ Phật ngự gọi là Thường Tịch Quang. Thế thời chỉ cần chứng pháp thân, đương xứ tức là Tịch Quang Tịnh Độ. Hà tất dùng tâm sanh diệt bỏ Đông (Ta Bà) cầu Tây (Cực Lạc) ư ?”.

Mộ Liên Pháp sư nói : “Sao ông nói dễ dàng thế; Tịch Quang Tịnh Độ dầu rằng đương xứ tức là đó. Nhưng nếu chưa phải là bậc trí đức đoạn đức cứu cánh⁸³, chưa viên chứng Tỳ Lô Pháp thân, thời chưa có thể triệt để thọ dụng. Trong Viên giáo, bậc Thập địa, Đẳng giác còn là phần chứng. Nếu ngài đã viên chứng Tỳ Lô Pháp thân, thời tha hồ mà nói đương xứ là Tịch Quang. Còn nếu chưa phải viên chứng mà nói, thời rõ là nói ăn cùng đém của⁸⁴, tất khó khỏi chết đói chết rét”.

Thượng tọa nói : “Câu Duy tâm Tịnh độ tự tánh Di Đà là lời thường nói của nhà Thiền lẽ đâu lại sai lầm ?”.

Mộ Liên Pháp sư nói : “Lời của nhà Thiền nói đó chính là chuyên luận về lý tánh, chớ không phải bàn đến sự tu. Như thế là vì muốn cho người trước ngộ lý tánh rồi sau y theo tánh khởi hạnh tu tập để đạt đến sự siêu phàm nhập Thánh, tức chúng sanh mà thành Phật đạo. Sao chỗ tri kiến của ông lại điên đảo, nhận sự với lý lộn lạo như thế!

Vừa rồi ông cho rằng bỏ Đông cầu Tây là sanh diệt, mà ông không ngờ rằng chấp lấy Đông bác bỏ Tây lại sa vào lỗi đoạn diệt. Lúc chưa chứng Phật quả có ai ở ngoài phạm vi thủ xả (lấy bỏ) ? Đức Phật ta từ lúc phát Bồ-đề tâm trải ba vô số kiếp tu Bồ Tát hạnh, trên cầu thành Phật dưới cứu độ chúng sanh, dứt nghiệp hoặc chứng chơn thừa, có điều nào không phải là sự thủ xả ?

Phải biết Đức Như Lai muốn cho chúng sanh sớm chứng Tịch Quang và Pháp thân, nên đặc biệt hết lời khuyên mọi người niệm hồng danh cầu sanh Cực Lạc.

Thượng tọa gạn : “Ngài Tào Bá phán pháp Pháp môn Tịnh độ là quyền giáo chớ không phải thật giáo. Cớ sao Hoa Tạng hải chúng lại đồng nguyện vãng sanh ? Ngài Tào Bá hiện đòi chúng Thánh thân thông trí huệ chẳng thể nghĩ lường. Tất là Bồ Tát thị hiện. Không lẽ ngài phán sai ?

Mộ Liên Pháp sư đáp : “Trong Kinh Hoa Nghiêm về phẩm Nhập Pháp giới, quyển thứ 80, sau khi ngài Thiện Tài chứng bậc Đẳng giác, đức Phổ Hiền liền nói kệ tán thán công đức thắng diệu của Như Lai. Rồi tiếp đến

quyển thứ 81, tức là phẩm Hạnh Nguyên, đức Phổ Hiền thuyết mười điều nguyện vương, khuyên Thiện Tài cùng chư đại Bồ Tát đều phát nguyện hồi hướng cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới. Lúc Phổ Hiền dứt lời, Đức Phật hai lần khen ngợi. Toàn thể đại chúng trong pháp hội đều phụng hành.

Cổ đức từng bảo : Pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, duy Phật cùng Phật mới thấu đáo, bậc đại Bồ Tát vẫn chưa hiểu trọn hết. Ngài Tào Bá đầu có là Bồ Tát thị hiện, song vì thời kỳ ngài, bộ Kinh Hoa Nghiêm dịch chưa xong nên ngài không thể đoán trước được. Sau khi ngài tịch hơn 50 năm, toàn bộ Hoa Nghiêm 81 quyển mới được phiên dịch hoàn mãn⁸⁵.

Xét theo Kinh Hoa Nghiêm thời bậc thượng căn đại trí đều nhiếp cả về Tịnh Độ.

Kinh Đại Tập nói : “Thời mạt pháp ức ức người tu hành khó có một người được giải thoát. Chỉ nương pháp môn niệm Phật mà được thoát khỏi luân hồi”. Xem đây thời Tịnh Độ gồm trùm cả lục đạo chúng sanh.

Ông tin ngài Tào Bá mà không tin Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Đại Tập, như thế khác nào người tin theo chỉ thị của quan huyện mà không tuân sắc dụ của Tổng thống.

Thượng tọa hỏi : “Ngài Tào Bá đã là Bồ Tát thị hiện, thời cần gì đợi đến xem Kinh rồi mới biết ?”.

Mộ Liên Pháp sư đáp : “Vấn đề hoằng dương Phật pháp không phải là sự dễ. Nói đâu phải có văn Kinh làm chứng đến đó, mới thủ tín được. Kinh Hoa Nghiêm lại vượt hẳn các Kinh khác nên không do đâu để suy luận, trong khi Kinh Hoa Nghiêm chưa lưu hành”.

Thượng tọa lại gạn : “Khi Kinh Niết Bàn chưa truyền sang, sao ngài Đạo Sanh tuyên bố trước rằng hạng nhứt xiển đề đều có Phật tánh. Có lẽ nào ngài Tào Bá lại sút ngài Đạo Sanh ?”

Mộ Liên Pháp sư đáp : “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhứt xiển đề là chúng sanh tất cũng có Phật tánh. Phàm người trí thức đều có thể suy hiểu mà đoán trước. Còn về vấn đề vãng sanh Cực Lạc để chóng viên mãn Phật quả, ngoài Hoa Nghiêm, các Kinh khác tuyệt chưa nói đến. Ai dám tự phụ kiến thức của riêng mình để lập nghĩa!

Và lại chỗ tu chứng của hai ngài, chúng ta làm sao rõ được. Đâu nên đem hai ngài so sánh để bàn suông.

Phải biết chư Bồ Tát hoằng pháp có nhiều cách : hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ẩn hoặc hiển, kiến thức phàm phu không thể hiểu thấu. Biết chừng đâu ngài Tào Bá thị hiện không rõ thấu để thúc đẩy thêm sự tín hướng của người sau!”.

Thượng tọa hỏi : “Các Sư trong Thiên tông thường có lời bác Tịnh độ đó là lẽ gì ?”.

Mộ Liên Pháp sư : “Các Sư trong Thiên tông chỉ truyền Phật tâm. Lời của các Sư nói ra đều thẳng đến lý tánh. Ông đã nhiều năm tham thiền mà còn chưa hiểu ý đó, thời đủ thấy rằng chỗ kiến giải của ông tất là những ác kiến phá hoại Thiên tông thôi”.

Thượng tọa nói : “Tôi đâu dám tự mình bịa ra, chỉ vì lời của chư vị Tổ Sư quyết có thể y cứ. Nay xin thuật vài điều :

Lục Tổ bảo : Người phương Đông tạo tội cầu sanh Tây phương. Còn người Tây phương tạo tội cầu sanh cõi nào ?

Triệu Châu nói : Một chữ Phật ta không thích nghe. Và lại nói : Lão Tăng mà niệm Phật một tiếng thời súc miệng ba ngày.

Các Sư trong Thiên tông thường nói ra những lời như thế là lẽ gì ?”.

Mộ Liên Pháp sư đáp : Lục Tổ trực chỉ lý tánh để người đối diện nhận lấy tự tâm. Ông lại đem phân tích chữ nghĩa biện luận về phân tu trì, thế là nhận lấy yên lừa làm cảm của kỳ nhơn. Sao ông quá sai lầm đến thế ?

Ông nên biết người ở Cực Lạc đều sạch kiến tư phiền não, tiến phá trần sa hoặc cùng vô minh để chứng pháp thân, chỉ có tiền tu tuyệt không có sự tạo tội. Nhưng nay cứ luận coi họ sẽ sanh về cõi nào ?

Người ở Ta Bà đây niệm Phật nếu chưa đoạn kiến tư phiền não, nhờ nguyện lực của Phật mà được vãng sanh thời sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ. Một khi đã sanh Cực Lạc thời kiến tư phiền não sẽ triệt để tiêu diệt, khác nào chút tuyết ném vào lò lửa đỏ lập tức liền tan. Kiến tư sạch hết thời sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư Tịnh Độ. Bậc phàm phá vô minh thời

sanh về cõi Thật Báo Vô Ngại Trang Nghiêm Tịnh Độ. Vô minh sạch hết, phước và huệ đã viên mãn thời sanh về cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ.

Sao ông lại quá lo cho họ không chỗ sanh để rồi chương mình ngăn người không chịu cầu sanh ? Khác nào kẻ quá khờ khạo nghe nói ăn cơm mắc nghẹn, rồi sợ quá mà không dám ăn để cam đói chết!

Ông thuật rằng ngài Triệu Châu nói : Một chữ Phật ta không thích nghe. Sao ông không thuật luôn câu dưới : Có người hỏi Hòa thượng có độ người không ? Triệu Châu đáp : Phật! Phật!

Ông lại chỉ muốn nắm lấy câu : Hễ ta niệm Phật một tiếng thời súc miệng ba ngày. Mà ông quên sót đoạn : Có người hỏi Hòa thượng thọ sự cúng dường của nhà vua như thế sẽ dùng gì để báo đáp ? Triệu Châu bảo : Ta niệm Phật! Ông lại quên cả đoạn có người hỏi : Thập phương chư Phật có thầy hay không ? Triệu Châu đáp : Có. Hỏi : Thế nào là thầy của chư Phật ? Triệu Châu đáp : A Di Đà Phật! A Di Đà Phật!

Ông lại hỏi tại sao chư Sư trong Thiên tông thường nói ra những lời như thế ? Ông nên biết rằng chư Sư khi đối cơ người mà có thốt lời ra, gọi là Cơ phong, là Chuyên ngữ. Hỏi ở nơi đáp, đáp ở nơi hỏi. Nếu người học đạo không biết hỏi quang phản chiếu tự tâm, mà lại một bề suy xét chữ nghĩa, thời là ăn lấy bã hèm, đuổi theo đất cục, bao giờ thấy tánh được!

Tôi trong vòng xuất gia đã hơn ba mươi năm, luôn nghe miệng chư Tăng truyền câu : Một chữ Phật ta không thích nghe..., mà những câu DỪNG NIỆM PHẬT ĐỂ ĐỘ NGƯỜI, DỪNG NIỆM PHẬT ĐỂ BÁO ƠN VUA, A DI ĐÀ PHẬT LÀ THẦY CỦA CHƯ PHẬT thời ít nghe chư Tăng nói đến.

Và tất cả những câu trên đều từ miệng ngài Triệu Châu thốt ra, nếu tin thời phải tin cả, sao lại tự mâu thuẫn lựa câu tồn mà bỏ câu ích.

Xét về lời của Triệu Châu đều quy nơi phần của tự mình. Câu không thích nghe chữ Phật cùng câu niệm Phật để báo ơn v.v... đều là chuyên ngữ cả, nếu người nghe trực hạ thấy được tự tâm, mới biết rằng đạo pháp của Triệu Châu vượt hẳn thường tình, lời của Hòa thượng là xuất cách, tất sẽ siêng lo niệm Phật suốt ngày không ngừng tiếng.

Bằng không được thấy nghe như trên, thời chỉ nên nương theo câu niệm Phật mà dè dặt nơi câu bác Phật. Theo niệm Phật thời hiện đời thoát khỏi luân hồi. Còn theo bác Phật tất sẽ sa địa ngục.

Những người theo câu tôn mà bỏ câu ích, phải chăng do vì nghiệp trọng phước khinh, chướng sâu huệ cạn nó khiến như thế ư! (Cứ nơi người nghe không tỏ ngộ hiểu lầm mà gọi là tôn với ích, chớ không phải lời của Tổ Sư có tôn có ích).

Ông lại nói lời của chư vị Tổ Sư quyết có thể y cứ, sao ông không y cứ nơi Tổ Bách Trượng dạy : TU HÀNH NUỜNG NIỆM PHẬT LÀ ỒN ĐÁNG. Quy tắc của Tổ phạm kỳ đảo bệnh Tăng cùng tổng táng vong Tăng đều hồi hướng cầu sanh Cực Lạc.

Tổ thứ 14, đức Long Thọ Bồ Tát chứng Sơ địa vãng sanh Cực Lạc. Trong các bộ luận của Tổ soạn ra nhiều chỗ tán dương Tịnh Độ. Như Tỳ Bà Sa Luận khen pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh là con đường dễ đi mà chóng đến⁸⁶.

Đức Mã Minh Đại sĩ, Tổ thứ 12, cuối Luận Khởi Tín dạy phương tiện tối thắng, bảo người niệm Phật cầu sanh Tây phương, thường hầu Phật A Di Đà để được trụ bậc bất thoái chuyền⁽²⁾.

Sơ Tổ Ma Ha Ca Diếp, Nhị Tổ A Nan Đà kiết tập các Kinh về Tịnh độ. Nếu các Kinh về Tịnh độ không lợi ích mà có hại cho người đời sau, lẽ đâu các ngài mù quáng để cho lưu thông!

Trong những Kinh về Đại thừa luận thuật và tán dương Tịnh độ. Còn tạng Tiểu thừa thời tuyệt không nói đến. Ông toan muốn tin Tiểu thừa mà bác bỏ Đại thừa giáo ư!

Lúc Đức Thích Ca thuyết Kinh A Di Đà, lục phương hằng sa chư Phật đều hiện tướng lưới rộng dài khuyên chúng sanh nên tin thọ. Ông lại toan cho rằng chư Phật muốn làm hại chúng sanh ư!

Nếu cho rằng với Lục Tổ, Triệu Châu v.v... không thể không tin, thế thời với các ngài Ca Diếp, A Nan, Mã Minh, Long Thọ, Thích Ca Mâu Ni, A Di Đà, lục phương chư Phật lại càng không thể không tin. Thấy gần không rõ xa, biết nhỏ không hiểu lớn, khác nào dân quê chỉ mộ thế lực của quan huyện, quan quận, mà không biết đến oai đức của Tổng thống, Hoàng

đế. Như trẻ nhỏ ham tắm gương đồng mà không đoái hoài đến viên bảo châu như ý.

---o0o---

IV - THIỀN KHÔNG BẢO ĐẢM GIẢI THOÁT BẰNG TỊNH

TỬ LIỆU GIẢN

Ngừng một giây, Mộ Liên Pháp sư nói tiếp : “Ông có biết ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Trí Giác Thiền sư khai thị bốn bài kệ liệu giản, trong ấy chỉ rõ sự lợi hại đắc thất của Thiền, của Tịnh. Vĩnh Minh là bậc Tổ Sư tông tượng của Thiền Tông và Liên Tông, có lý nào nỡ di hại cho người u ?”

Thượng tọa nói : “Liệu giản của Vĩnh Minh không đủ cho người noi theo. Vì trong ấy nói ai có thiền có tịnh thời như cọp thêm sừng, hiện đời làm nhơn sư đời sau làm Phật Tổ. Xem như hiện nay người tu thiền tham cứu câu : Niệm Phật đó là Ai ? Có người mãn năm trụ niệm Phật đường để niệm Phật, những vị ấy có được hiện đời làm nhơn sư đời sau làm Phật Tổ chăng ?”.

Trong liệu giản lại nói : “Không thiền mà có tịnh thời mười người tu mười vãng sanh, nếu được gặp Phật A Di Đà lo gì không khai ngộ. Xem như hiện nay vô số người niệm Phật, chưa thấy được mấy người lúc lâm chung hiện các thọa tướng nhờ Phật tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ. Thế nên biết rõ ràng liệu giản của Tổ Vĩnh Minh không có chứng nghiệm cụ thể”.

Mộ Liên Pháp sư nói : “Sao ông lại trệu trạo nuốt trọn trái táo mà không chịu nhai nếm vị ngọt của trái như thế”.

Nghiên cứu kỹ lời liệu giản của Tổ Vĩnh Minh chính là cương tông của Đại tạng, là quy giám của sự tu trì, trước nên nhận chơn thể nào là Thiền là Tịnh, thế nào là Có là Không, rồi sau mới gẫm xét toàn văn, sẽ thấy rằng trong liệu giản ấy, mỗi chữ vững như trời tạo đất lập. Không chữ nào không hiệp đúng, không một chữ có thể thay đổi. Ông vội phê bình liệu giản một cách mù mờ, vu vơ. Từ mấy mươi năm nay, tôi thấy các Thiền sư, Giảng sư phân đông cũng đồng kiến thức như ông, trách nào Thiền lẫn Tịnh mỗi ngày mỗi suy tàn!

Thượng tọa yêu cầu : “Xin Sư hoan hỷ giải rành thế nào là THIỀN là TỊNH và thế nào là CÓ là KHÔNG”.

Mộ Liên Pháp sư nói : “THIÊN chính là chơn như Phật tánh sẵn có của chúng ta. Thiên tông gọi là bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh, mà không nói rõ ra, cố muốn cho người tự tham cứu tự ngộ lấy. Kỳ thật chính là : TÂM THỂ THUẦN CHƠN, LINH TRI LY NIỆM KHÔNG NĂNG KHÔNG SỞ TỨC TỊCH TỨC CHIẾU vậy.

TỊNH chính là TIN SÂU NGUYỆN THIẾT CHUYÊN TÂM TRÌ DANH CẦU SANH CỰC LẠC. Chẳng phải thiên chỉ duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di Đà.

Người hành thiên khi sức tham cứu đã tột vọng niệm dùng, vọng tình dứt, suốt thấy bản lai diện mục, minh tâm kiến tánh đó gọi là CÓ THIÊN.

Còn người tu Tịnh độ chơn thật phát Bồ-đề tâm, tin sâu nguyện thiết chuyên trì hồng danh cầu sanh Tây phương Cực Lạc, thế gọi là CÓ TỊNH.

THIÊN và TỊNH là ước về giáo lý. Còn CÓ THIÊN cùng CÓ TỊNH là cứ nơi người tu. Về giáo lý thời hằng nhiên không đổi, Phật không thể thêm, phàm không thể giảm. Còn người tu thời cần phải y cứ nơi giáo mà lập hạnh, công hạnh cao tột chứng lý. Làm sao nơi mình thiết được thiết có. Hai điều ấy (THIÊN TỊNH cùng với CÓ THIÊN CÓ TỊNH), vẫn dầu tương tự mà ý rất không đồng nhau, phải suy xét kỹ, chớ nên mù mờ lộn lạo.

Hoặc như người tham thiên mà chưa ngộ, hay ngộ mà chưa thấu triệt đều không được gọi là CÓ THIÊN.

Còn như người niệm Phật mà thiên chấp duy tâm, không có tín nguyện, hay có tín nguyện mà tín không sâu, nguyện không thiết, làm lấy lệ lấy có, hoặc dầu tinh tấn mà tâm tham luyến cảnh dục trần, hoặc cầu đời sau sanh giàu hay sanh lên cõi trời, hoặc cầu đời sau làm Tăng để hoằng dương Phật pháp phổ lợi quần sanh, tất cả đều không được gọi là TỊNH”.

Thượng tọa ngắt lời gạn : “Xuất gia làm Tăng hoằng pháp lợi sanh có lỗi gì mà cũng bị khai trừ ?”.

Mộ Liên Pháp sư đáp : “Nếu là bậc đã dứt sạch nghiệp chướng cùng phiền não, đã thoát sanh tử, rồi nương sức đại nguyện thị hiện có thân nơi cõi trước ác để cứu độ chúng sanh thời được.

Trái lại, nếu là hạng chưa chứng quả giải thoát mà sanh vào đời trước, khó bảo đảm không mê. Dầu có thể hoằng pháp mà tự mình chưa chứng quả

Vô sanh tất bị hoàn cảnh chi phối, trần duyên sai sử. Người mê mà may mắn được ngộ rất hiếm. Kẻ mê rồi đi sâu vào cõi mê muôn kiếp trầm luân thời phần nhiều.

Đức Bổn Sư Thích Ca ta vì có này nên hết lời khuyên đại chúng hiện thời cũng như mặt pháp chúng sanh, phải cầu sanh Cực Lạc để được thấy Phật nghe pháp mau chứng Vô sanh nhẫn, rồi sau sẽ tùy nguyện vào Ta Bà để cứu độ chúng sanh. Như thế thời có tiến mà không thoái, có lợi mà không tổn.

Vấn đề chưa chứng quả Vô sanh giải thoát mà ở mãi nơi Ta Bà, các tông khác có chỗ cho, còn tông niệm Phật thời cấm hẳn. Nhiều người cho rằng tham thiền là có Thiền, niệm Phật là có Tịnh. Đó là chẳng những không rõ Thiền với Tịnh, mà đến văn nghĩa cũng không biết nốt. Thế là cô phụ tâm đại từ bi của Tổ Vĩnh Minh, làm trở ngại con đường tắt thoát khổ của người tu hành. Chính là nhận lầm hướng địa bàn, sai một ly lạc ngàn dặm!”.

---o0o---

V - CHÁNH GIẢI TỬ LIỆU GIẢN

Thượng tọa nói : “Đã nhờ Sư lược giải về THIỀN TỊNH cùng CÓ KHÔNG, xin Sư từ bi giảng rõ toàn văn cho”.

Mộ Liên Pháp sư nói : “Bài kệ liệu giản thứ nhứt, Tổ nói :

*Có Thiền lại có Tịnh Độ
Cũng như cọt mọc thêm sừng
Hiện đời làm thầy của người
Đời sau sẽ làm Phật, Tổ⁸⁷*

Nhà hành đạo này triệt ngộ Thiền tông minh tâm kiến tánh, đó là CÓ THIỀN. Lại suốt thấu Kinh tạng hiểu rành cả các pháp môn quyền thật, rồi chọn lấy môn Tín Nguyện Niệm Phật để mình thực hành cùng khuyến hóa người, đó là CÓ TỊNH.

Trong Thập Lục Quán Kinh nói bậc Thượng phẩm Thượng sanh đọc tụng Đại thừa hiểu đệ nhứt nghĩa khuyến tấn hành giả chính là người này đây. Vị này có đại trí huệ đại biện tài. Tà ma ngoại đạo nghe danh vỡ mật. Như hổ mọc sừng còn thú nào dám đối địch!

Có ai đến cầu pháp liền theo cơ giáo hóa. Kẻ đáng học môn Thiền Tịnh song tu thời dạy cho môn Thiền gồm tu Tịnh, người đáng học môn chuyên tu Tịnh độ thời dạy cho môn chuyên tu Tịnh độ. Không luận là hạng thượng căn hay là hạ trí, một khi đến cầu đạo liền đặng lợi ích lớn. Thế chẳng phải là hiện đời làm đạo sư của người ư! Đến khi lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh thượng phẩm, hoa nở thấy Phật chứng Vô sanh, bậc cao thời siêu Thập địa Đẳng giác Bồ Tát, thấp nhứt cũng ở bậc Viên sơ trụ Bồ Tát. Bậc Viên sơ trụ Bồ Tát còn có thể hiện làm Phật độ sanh trong một trăm thế giới không Phật, hưởng là 40 bậc Bồ Tát trên. Thế chẳng phải là đời sau làm Phật Tổ ư!

Bài kệ liệu giản thứ hai, Tổ bảo :

*Không Thiền chỉ có Tịnh Độ
Muôn người tu, muôn vãng sanh
Khi gặp Phật A Di Đà
Lo gì không được khai ngộ.⁸⁸*

Người chưa minh tâm kiến tánh, nhưng lại quyết chí cầu sanh Tây phương Cực Lạc, hạng tinh tấn tu định huệ chắc được vãng sanh đã đành, nhẫn đến kẻ cả đời tạo ác, lúc sắp chết mà có tâm rất ăn năn hối hận, chí thành khẩn thiết, xưng Nam mô A Di Đà Phật, dầu chỉ được trong mười tiếng liền tắt hơi, đều nhờ nguyện lực của Phật nhiếp thọ vãng sanh Tịnh Độ. Như chương Cửu Phẩm Vãng Sanh trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói rõ. Thế chẳng phải là muôn người tu muôn người vãng sanh là gì! Nhưng nơi đây nên nhận thêm rằng : Phật A Di Đà phát đại thệ nguyện nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật thiết tha chí thành như con nhớ mẹ, thời cùng Phật cảm cách. Không luận niệm Phật lâu mau nhiều ít đều được tiếp độ cả. Chẳng nên đem sự niệm Phật một cách lơ là lây lắt mà so sánh. Sau khi vãng sanh Cực Lạc thế giới, dầu rằng sự thấy Phật nghe pháp có sớm muộn khác nhau, song đều đồng dự Thánh lưu, chóng hay chày đồng chứng Thánh quả. Đã chứng Thánh quả thời cần gì bàn đến vấn đề khai ngộ. Đó là khi gặp Phật A Di Đà lo gì không được khai ngộ!

Bài kệ liệu giản thứ ba, Tổ nói :

*Có Thiền mà không Tịnh Độ
Mười người hết chín chân chờ
Đến lúc âm cảnh hiện tiền
Chớp mắt theo nó mà đi.⁸⁹*

Hạng này dầu triệt ngộ Thiên tông minh tâm kiến tánh nhưng kiến tu phiền não chưa dứt đoạn trừ, phải trải qua nhiều công phu tu trì gột rửa cho sạch cả mới ra khỏi luân hồi sanh tử. Nếu còn một phần phiền não thời lục đạo luân hồi vẫn y như cũ, nói chi đến người chưa đoạn được phần nào!

Biển sanh tử rộng sâu, đường Bồ-đề xa vời, chưa kịp quy gia mà tử thân đã đến, mười người đại ngộ hết chín người như thế. Đó là trong mười người hết chín người chần chờ.

Chữ TA trong nguyên văn là TA ĐÀ tục gọi chần chờ. Còn ÁM CẢNH là TRUNG ÁM THÂN CẢNH, chính là lúc lâm chung, những cảnh thiện hay ác đã gây tạo trong đời này hay đời trước đều tuần tự hiện ra, trong chớp mắt liền theo cảnh nào mạnh nhất mà đi thọ sanh không thể tự chủ được. Quy Sơn bảo : như người mắc nợ chủ mạnh kéo trước, đầu tâm nhiều mối chổ nặng riêng sa. Gương của Giới Tổ và Thảo Đường nên phải biết.⁹⁰

Có người phải chữ TA là LÂM, còn ÁM CẢNH là NGŨ ÁM MA CẢNH. Đó là vì chẳng hiểu nghĩa chữ THIÊN cùng chữ CÓ nên mới cắt nghĩa sai quấy đến thế. Bao giờ có bậc đại triệt đại ngộ lại trong mười người hết chín người lạc đường đi theo ngũ ám ma mà bị ma dựa, là toàn những hạng tăng thượng mạn, không thông giáo lý không ngộ tự tâm, tu mù luyện đui mà bị hại thôi. Sao lại đem gá cho bậc đại triệt đại ngộ. Vấn đề này quan hệ rất lớn, không nên không biện rõ.

Bài kệ thứ tư, Tổ nói :

*Không Thiên cũng không có Tịnh
Giường sắt nóng cùng cột đồng
Trải muôn kiếp đến ngàn đời
Không nương cậy vào ai được.⁹¹*

Có người nhận lầm rằng : không Thiên không Tịnh là những kẻ vùi đầu tạo nghiệp ác không tu hạnh lành, hiểu như thế là sai lắm!

Nên biết pháp môn của Phật dạy nhiều vô lượng, chỉ có Thiên cùng Tịnh độ là đúng cơ hơn hết. Người tu hành mà chưa đại triệt đại ngộ là không Thiên, lại cũng không có tín nguyện niệm Phật là không Tịnh. Đã không định huệ huân tu đoạn hoặc chứng chơn, lại không do đâu nhờ nguyện lực của Phật nhiếp thọ để đối nghiệp vãng sanh. Hiện đời tu hành có phước đức, cảm được phước báu như thiên ở đời kế, chưa chứng Thánh trí tất bị phước nghiệp xoay chuyển sẽ mê say nơi cảnh trần dục lạc mà tạo

nhiều tội. Đã tạo tội ắt khó trốn khỏi ác quả nơi địa ngục ở đời sau, cả kiếp chịu khổ trên giường sắt nóng, bên cột đồng đỏ để đền tội tham dâm hại vật. Chư Phật, chư Bồ Tát dầu luôn thương xót, nhưng vì ác nghiệp của họ tự chướng lầy nên không được độ, nên bài kệ nói muôn kiếp ngàn đời không nương cậy vào ai được.

Người xưa có nói : Phạm người tu hành mà không có chánh tín cầu sanh Cực Lạc, đi tu các thiện pháp khác, thời gọi là oan gia đời thứ ba, chính là một ý với bài kệ này. Bởi vì đời này tu hành đời kế hưởng phước, rồi ý phước lực mà tạo nghiệp ác, tất đời sau sẽ bị đọa lạc. Được hưởng phước giả tạm nơi đời kế mà nhiều kiếp thọ khổ ở tương lai. Dầu cho mãi tội địa ngục, nhưng còn phải trải qua quỷ súc. Biết đâu rồi sẽ không tạo nghiệp ác thêm mà đọa xuống nữa⁹². Mong thoát tam đồ được thân người lại là điều rất khó trong các điều khó⁹³

Đức Phật ta từng lấy ngón tay chấm đất rồi đưa ra hỏi Tôn giả A Nan đất dính trên tay là nhiều hay đất của quả địa cầu nhiều ? A Nan bạch đất của địa cầu nhiều. Đức Phật liền phán dạy : Được thân làm người như đất dính trên tay, còn mất thân người như đất của toàn quả địa cầu.

Cứ theo chỗ so sánh tỷ lệ của Đức Phật, thời lời Tổ nói muôn kiếp ngàn đời vẫn còn là lời luận gân, vì cuộc nơi vẫn kệ.

Xét về các pháp môn khác chuyên nương tự lực, còn pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh, thời chuyên nương Phật lực. Các môn khác khi sạch hết phiền não mới thoát ly sanh tử, còn môn Tịnh độ thời đối nghiệp vãng sanh liền dự hàng Thánh⁹⁴.

Tổ Vĩnh Minh sợ người đời không nhận được chỗ lợi ích rất rộng lớn của pháp môn niệm Phật vãng sanh nên đặc biệt làm kệ kệ giản để chỉ dạy. Đáng gọi kệ kệ giản là chiếc thuyền báu nơi bến mê, là vị Đạo sư nơi đường hiểm. Rất tiếc rằng người đời chỉ đọc phớt qua chẳng chịu nghiên cứu cho kỹ. Phải chăng chúng sanh đồng phạm ác nghiệp nó khiến thế ư!

---o0o---

VI - THƯỢNG TỌA PHÁT NGUYỆN

Thượng tọa nghe Mộ Liên Pháp sư giảng đến đây, đứng dậy chấp tay thưa, với một giọng run run đầy cảm động : “Tôi đời trước tạo tội gì mà đến nỗi mê muội chơn thuyền. Hôm nay may mắn được nghe Sư giảng dạy chắc

cũng do nơi tức phước. Tôi thành thật xin dựa vào hàng Tăng chúng ở đây, để được hầu hạ Sư sớm tối”.

Mộ Liên Pháp sư khiêm tốn nói : “Bàn tăng đây có tài đức gì mà dám lãnh lời của Thượng tọa. Những lời tôi vừa giảng giải ở trên, chỉ là thể theo ý của Phật Tổ. Nếu Thượng tọa có thể ngưỡng tin nơi Phật Tổ mà hoằng dương môn Tịnh độ, thời tất báo được ơn, tiêu được tội. Xưa kia, ngài Thiên Thân hoằng dương Đại thừa để chuộc tội trót lỗ hủi bán⁹⁵. Thượng tọa nếu có thể noi theo gương Thiên Thân Bồ Tát, thời bàn tăng này xin xả thân cúng dường.

Thượng tọa liền lễ Phật niệm hương phát nguyện rằng : “Con là M. M. Bất đầu hôm nay chuyên tu tịnh nghiệp. Trông mong lúc lâm chung được vãng sanh thượng phẩm, thấy Phật nghe pháp liền chứng vô sanh, sau rồi dùng sức thần thông tự tại, không rời Cực Lạc, phân thân ở khắp thập phương thế giới, hoặc thuận hoặc nghịch, hoặc ẩn hoặc hiển, dùng đủ phương tiện hoằng thông môn Tịnh độ để cứu khổ chúng sanh, mãi đến cùng tận thuở vị lai không ngừng không nghỉ. Hư không đâu có tận, chí nguyện của con vẫn vô cùng. Cúi mong Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đức Từ Phụ A Di Đà thập phương Tam Bảo đồng bủa đức từ nhiếp thọ chúng mình cho con”.

Mộ Liên Pháp sư khuyên : “Về sự Tịnh độ là đại nhân duyên. Về Lý Tịnh độ là tạng bí mật. Nếu Thượng tọa có thể tin thọ phụng hành, đó là đem công đức trang nghiêm của Phật mà trang nghiêm cho chính mình đấy”.

Thượng tọa liền vâng dạ vái chào mà lui ra.

---o0o---

KỆ HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức việc dịch này
Hồi hướng trang nghiêm tịnh Phật độ
Cầu cho kẻ thấy cùng người nghe
Đồng tu niệm Phật sanh Cực Lạc
Hoa nở thấy Phật nghe pháp âm
Nghiệp chướng tiêu trừ phiền não sạch
Thần thông trí huệ độ muôn loài
Đồng về Cực Lạc đồng thành Phật.

HÂN TỊNH

Dưới đây là một Đại sư tự thuật sự thức tỉnh của mình (Trước khinh niệm Phật cầu sanh, sau tỉnh ngộ phát tâm quy kính tu trì pháp môn niệm Phật), như vị Thượng tọa, nhưng với một trường hợp khác.

---o0o---

Lược sử NGUỒN CHIẾU ĐẠI SƯ

(Trích ở tập Đường Về Cực Lạc thứ hai)

Ngươn Chiếu Đại sư tự Trạc Nhiên, họ Đường, người ở Dur Hàng. Lúc đầu ngài chuyên học luật với Huệ Giám Luật sư, sau theo hầu Thần Chiếu Thiền sư nghe giảng Giáo Quán Thiên Thai. Khi ngài thọ giới Bồ Tát nơi Quảng Từ Pháp sư, giới quang phát chiếu cả giới đàn. Cảm sự linh ứng ấy, ngài chuyên nghiên cứu Luật tạng, cầm bát khất thực nơi chợ.

Về sau ngài trụ chùa Linh Chi ba mươi năm truyền giới độ Tăng hơn sáu mươi hội⁹⁶. Hằng ngày, ngài chuyên chí nơi Tịnh độ. Ngài thường nói : “Lúc sống thời hoàng truyền giới luật, khi chết thời về Cực Lạc; đó là chỗ sở đắc của tôi”. Ngài có soạn nghi Tịnh Độ lễ sám và viết lời tựa rằng : “Ngươn Chiếu này từ khi đến giới đàn, bèn biết chuyên lo học Luật. Kế gặp Thiên Thai Thần Ngộ Xứ Khiêm Pháp sư hết lòng sách tấn, tôi mới nghiên cứu Phật thừa. Và do đó mà tôi phát nguyện : Thường sanh tại Ta Bà ngũ trước ác thế làm đại đạo sư dìu dắt quần sanh đem về Phật đạo”.

Tôi đọc Cao Tăng truyện, thấy Huệ Bồ Pháp sư nói : Cực Lạc dầu thanh tịnh mà chẳng phải chỗ nguyện của tôi. Giả sử mười hai kiếp hưởng vui trong hoa sen, đâu bằng ở tam đồ cứu khổ chúng sanh!”. Do đây tôi càng nắm chắc chí hướng cũ, trải qua nhiều năm trọn không có quan niệm quy hướng nơi môn Tịnh độ, lại thêm khinh chê người tu tịnh nghiệp. Năm nọ tôi mang bệnh nặng, thân gầy yếu, tâm mê loạn. Trong lúc đó toàn không chủ định. Nếu chết sẽ không biết về đâu. Sau khi bệnh lành, tôi liền xét biết quan niệm ngày trước là lỗi : vì chí nguyện dầu là to rộng, song mình chưa đủ khả năng. Buồn khóc cảm thương, tôi tự quở tự trách.

Tôi giờ tập Thập Nghi Luận ra xem, thấy trong ấy nói Sơ tâm Bồ Tát chưa chứng Vô sanh nhẫn, không được rời Phật.

Trong ấy lại dẫn lời Trí Độ Luận : “Cụ phược phạm phu có tâm đại bi rời nguyện sanh trong cõi ác trước để cứu khổ chúng sanh, quyết không nên! Ví như trẻ thơ, chẳng nên xa cha mẹ, chim non chỉ nên chuyên nhàn”. Từ

đó tôi vất cả sở học ngày trước, chuyên tìm xem các bộ Kinh cùng luận dạy về Tịnh độ, ngót hai mươi năm chưa từng tạm hờ. Tôi nghiên cứu tinh tường giáo lý, duyệt khắp cả cổ kim. Những quan niệm nghi ngờ về môn Tịnh độ tiêu rã như sương tan; lòng tin Tịnh độ của tôi ngày càng sâu chắc. Tôi lại thấy lời luận về hai môn “chuyên tu” cùng “tạp tu” của Thiện Đạo Hòa thượng : “Nếu chuyên tu thời trăm người tu, trăm người vãng sanh; còn tạp tu thời nghìn muôn khó được một hai”.

Tôi xét mình tâm chí tán loạn, quán hạnh khó thành, nên chỉ chuyên tâm trì niệm bốn chữ hồng danh. Nhiều đời bỏ cha trốn đi, nay mới tự thấy là biết về nhà. Tôi đem chỗ mình đương tu tập khuyên nhắc mọi người cùng tu. Pháp môn thắng diệu do tín tâm mà được thành. Như đức Đại Thế Chí do tâm niệm Phật mà chứng được viên thông, nhập tam ma địa. Tôi lại gẫm xét : mình năm xưa không tin Tịnh độ, hủy pháp, khinh người, tạo vô lượng tội nghiệp. Trong lòng chẳng xiết hổ thẹn, sớm tối lo sợ, đối trước Phật đài phát lộ tâm can, năm vóc mọp đất tha thiết sám hối.

Rồi tôi lại phát nguyện : “Nhiếp tất cả chúng sanh đồng tu môn niệm Phật, đều vãng sanh Cực Lạc”.

Muốn thường tu tập, phải lập nghi thức khóa trình, nên tôi mới soạn các văn của tiền bối hiệp thành sám pháp này. Từ đầu tới cuối, trình bày mười hai môn. Trong đây đều chuẩn theo lời Phật cùng ý Tổ. Người sau đọc đến, sẽ rõ chí hướng của tôi.

Ngoài ra, ngài có soạn Quán Kinh nghĩa sớ, A Di Đà Phật Kinh nghĩa sớ. Về phần trú thuật của ngài, cả thầy hơn hai trăm quyển.

Năm Chánh Hòa thứ sáu, mùa Thu, ngài bảo Tăng chúng tụng Quán Kinh và Phổ Hiền Hạnh Nguyện phẩm. Ngài ngồi kiết già, yên lặng lắng nghe rồi an nhiên mà tịch. Lúc đó mọi người đồng nghe tiếng thiên nhạc khắp hư không...

Trích ở : Lạc Ban Văn Loại, Phật Tổ Thông Kỹ, Cao Tăng Truyện

TRÍCH LỤC NHỮNG KINH VỀ TÂY PHƯƠNG TỊNH ĐỘ TRONG ĐẠI TẠNG

50 năm thuyết giáo, Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cả vạn pháp môn. Trong đó, duy có pháp môn Tây phương Tịnh Độ, Đức Bồ Sư giảng dạy rất nhiều lần hơn cả và cặn kẽ hơn cả. Cứ đây mà xét, đủ thấy rằng pháp môn này rất thích hợp và rất lợi ích cho người nhứt. Dưới đây tôi sẽ tuần tự giới thiệu các Kinh dạy về pháp môn này mà tôi đã được đọc, đồng thời lược chép vài đoạn văn thiết yếu trong ấy, hầu giúp thêm tài liệu nghiên cứu và khai tín cho các bạn đồng tu. Ngoài ra, tôi tin rằng còn rất nhiều Kinh giảng về pháp môn này mà tôi chưa được đọc tới, mong nó sẽ được bổ túc ở các bậc đa văn.

---o0o---

01.- ĐẠI A DI ĐÀ KINH

Nguyên đồng một bản văn Phạn, dịch thành năm bản văn Hán :

A - Vô Lượng Bình Đẳng Thanh Tịnh Giác Kinh

B - Vô Lượng Thọ Kinh

C - A Di Đà Kinh

D - Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh

E - Bửu Tích Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại thành Vương Xá, núi Linh Thứu, vì Di Lạc Bồ Tát và A Nan Đà Tôn giả mà nói về nhơn hạnh bốn nguyện và quả địa của Đức A Di Đà Phật, Giáo chủ cõi Tây phương Cực Lạc. (Từ Pháp Tạng Tỳ kheo phát 48 điều đại nguyện, vô số kiếp tu nhơn v.v... cho đến thành Phật nơi Cực Lạc).

---o0o---

02.- QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT KINH

Đức Thích Ca ở tại Vương Xá thành, núi Kỳ Xà Quật, vì Hoàng thái hậu Vi Đề Hi mà giảng về cõi Cực Lạc và Đức Phật A Di Đà. Đồng thời dạy rành mười sáu phép điều quán. (Từ pháp quán mặt trời lặn nhĩn đến cửu

phẩm vãng sanh. Trong đây tả cảnh Cực Lạc cùng thân hình Phật A Di Đà, Quan Âm, Thế Chí rất rõ).

---o0o---

03.- PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH

Đức Bồn Sư ở Tinh xá Kỳ Hoàn nước Xá Vệ, kêu ông Xá Lợi Phất mà nói về Đức Phật A Di Đà và tả cảnh trang nghiêm thanh tịnh của Cực Lạc thế giới cùng hết lời khuyên mọi người nên tín hướng niệm Phật cầu vãng sanh. Có cả chư Phật lục phương đồng lên tiếng chứng minh và khuyên chúng sanh tín hướng.

(Ba bộ Kinh trên đây giảng nói về Tây phương Tịnh Độ rành rẽ và đầy đủ nhất, muốn rõ xin xem nguyên bản).

---o0o---

04.- CỔ ÂM THANH VƯƠNG KINH

Đức Phật Thích Ca giảng tại Chiêm Ba Đại Thành. Trong ấy nói nếu hàng tại gia hay xuất gia thọ trì danh hiệu của Phật A Di Đà, đến khi mạng chung, Phật A Di Đà và Thánh chúng tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc thế giới v.v...

---o0o---

05.- A DI ĐÀ PHẬT KỆ KINH

Trong đây toàn văn kệ, Đức Bồn Sư thuật và khen Đức A Di Đà.

---o0o---

06.- HOA NGHIÊM KINH NHẬP PHÁP GIỚI PHẨM

Giải Thoát Trưởng giả bảo Thiện Tài Bồ Tát : “Ta nếu muốn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai (A Di Đà Phật) ở An Lạc thế giới (Cực Lạc) tùy ý liền thấy v.v...”

---o0o---

07.- HOA NGHIÊM KINH HẠNH NGUYỆN PHẨM

Đức Phổ Hiền khuyến tấn Thiện Tài Bồ Tát và đại chúng Bồ Tát tu mười nguyện lớn. Đến lúc mạng chung, thân căn hư rã, quyền thuộc tiền của đều lìa tan, chỉ có nguyện lớn này theo mãi không rời, sẽ đưa người vãng sanh Cực Lạc thế giới. Đến Cực Lạc liền thấy Đức Phật A Di Đà, cùng thấy Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Di Lặc các vị đại Bồ Tát. Tự thấy mình sanh trong hoa sen, được Phật A Di Đà thọ ký. Khi đã được thọ ký, có sức trí huệ, tùy cơ của chúng sanh trong vô lượng thế giới ở mười phương mà giáo hóa lợi ích v.v... Nhân đến có thể vào trong biển đại khổ phiền não cứu vớt chúng sanh làm cho ra khỏi và đều được sanh về Cực Lạc thế giới của Đức Phật A Di Đà v.v...

---o0o---

08.- DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH

Trong phẩm Dược Vương, Đức Phật Thích Ca nói : “Người nghe Kinh điển này đúng như chỗ Kinh dạy mà tu hành, sau khi mạng chung liền được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Sanh trong hoa sen trên tòa báu, ở chung với chúng đại Bồ Tát, liền được Bồ Tát thần thông vô sanh pháp nhẫn. Được pháp nhẫn này rồi, nhãn căn thanh tịnh thấy được trăm vạn hai ngàn ức na-do-tha hằng sa chư Phật Như Lai v.v...”.

---o0o---

09.- THỦ LĂNG NGHIÊM KINH

Đại Thế Chí Bồ Tát bạch Phật Thích Ca : Tôi nhớ hằng hà sa kiếp xưa, có Phật Vô Lượng Quang ra đời... rồi đến Phật Vô Biên Quang ra đời. 12 Đức Phật ra đời trong một kiếp. Đức Phật thứ 12 hiệu Siêu Nhật Nguyệt Quang dạy tôi pháp niệm Phật Tam muội : “Ví như hai người, một thời chuyên nhớ, còn người kia thời chuyên quên, hai người như thế, hoặc gặp nhau cũng thành không gặp, hoặc thấy nhau cũng như không thấy. Hai người ấy mà nhớ nhau cho sâu chặt, thời đời đời không xa rời nhau, đồng như hình với bóng. Chư Phật thương nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con... Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền và đương lai tất định thấy Phật, cách Phật không xa. Chẳng cần phương tiện, tự động tâm trí khai thông. Như người ướp dầu thơm, nơi thân có mùi thơm, đây gọi là hương quang trang nghiêm. Nhơn địa của tôi do tâm niệm Phật, nhập vô sanh nhẫn. Nay tôi ở thế giới Ta Bà này nhiếp người niệm Phật về Cực Lạc Tịnh Độ...”

---o0o---

10.- BỬU TÍCH KINH

Đức Bồ Sư nói với Phụ vương (Tịnh Phạn Vương) : “Tất cả chúng sanh đều là Phật. Phụ vương nên niệm Tây phương thế giới A Di Đà Phật thường siêng tinh tấn sẽ được thành Phật”. Vương hỏi : “Thế nào tất cả chúng sanh là Phật?”. Đức Bồ Sư giảng : “Tất cả quyết vô sanh, không động lay, không thủ xả, không tướng mạo, không tự tánh. Nên an trụ tâm mình trong Phật pháp này chớ tin nơi khác”. Bấy giờ Phụ vương cùng bảy vạn người dòng Thích, nghe Phật giảng, tin hiểu vui mừng ngộ vô sanh nhãn. Đức Phật mỉm cười mà nói kệ rằng :

*Họ Thích có trí quyết định
Thế nên ở nơi Phật pháp
Quyết định tin, tâm an trụ
Sau khi bỏ thân người đây
Được sanh về nước An lạc (Cực Lạc)
Gần gũi Phật A Di Đà
Chúng vô úy thành Bồ-đề.*

---o0o---

11.- BỬU TÍCH KINH

Phật Thích Ca bảo Di Lạc Bồ Tát phát tâm mười điều, được vãng sanh Cực Lạc :

- 1) Ở nơi chúng sanh có tâm đại bi, không bức não.
- 2) Ở nơi chúng sanh có tâm đại từ, không tổn hại.
- 3) Có tâm thủ hộ Phật pháp, không tiếc thân mạng.
- 4) Có tâm thắng nhãn, không chấp trước đối với tất cả pháp.
- 5) Có tâm ý nhạo thanh tịnh, không tham lợi dưỡng cung kính tôn trọng.
- 6) Có tâm luôn cầu Phật trí không lúc nào quên.
- 7) Có tâm tôn kính chúng sanh không hề khinh rẻ.
- 8) Có tâm quyết định nơi Bồ-đề phần, không mê theo thế luận.
- 9) Vun trồng thiện căn với tâm thanh tịnh không tạp nhiễm.
- 10) Khởi tâm niệm Phật xa lìa các tướng.

Trên đây gọi là Bồ Tát phát tâm mười điều. Do tâm này sẽ được vãng sanh. Nếu trong mười tâm ấy, bất luận thành tựu một tâm nào, mà ưa thích vãng sanh Cực Lạc thế giới của Phật A Di Đà, thời quyết định được sanh.

---o0o---

12.- BÁT CHU TAM MUỘI KINH

Đức Phật Thích Ca bảo Bát Đà Hoa Bồ Tát : Nếu Sa môn hay bạch y nghe Tây phương A Di Đà Phật, rồi thường niệm được nhứt tâm trong một ngày đêm hay đến bảy ngày đêm. Sau bảy ngày thấy A Di Đà Phật. Ví như chỗ thấy trong chiêm bao, không biết là đêm hay ngày, không phân là trong hay ngoài, không phải vì tối mà chẳng thấy, không phải vì nhà vách ngăn che mà chẳng thấy... bèn thấy Đức A Di Đà Phật, nghe Phật ấy nói Kinh, đều thọ trì được cả, rồi ở trong chánh định đều có thể vì người thuyết pháp đủ cả.

---o0o---

13.- QUÁN PHẬT TAM MUỘI KINH

Văn Thủ Bồ Tát tự thuật tức nhơn được niệm Phật Tam muội, sẽ sanh Tịnh Độ. Đức Thích Ca thọ ký rằng : Ông sẽ vãng sanh Cực Lạc thế giới.

---o0o---

14.- ĐẠI TẬP KINH PHẨM HIỀN HỘ

Đức Phật Thích Ca nói với Pháp Hội : Người cầu Vô thượng Bồ-đề nên tu niệm Phật thiên Tam muội... Rồi Phật nói kệ :

*Nếu người xưng niệm Phật A Di Đà
Gọi đó là vô thượng thâm diệu thiền
Lúc chỉ tâm tưởng tượng được thấy Phật
Chính là đặc pháp bất sanh bất diệt.*

---o0o---

15.- THẬP TRỤ ĐOẠN KIẾT KINH

Bảy giờ trong pháp hội có bốn ức chúng, tự biết rằng chết đây sanh kia, đây dưa không dứt, chính ái dục là nguồn của sanh tử, nên muốn sanh về cõi không ái dục. Đức Phật Thích Ca bảo : “Cách đây về phương Tây có Phật hiệu Vô Lượng Thọ, cõi ấy thanh tịnh không có dâm, nộ, si; liên hoa sanh không do bào thai của cha mẹ, các ông nên cầu sanh”.

---o0o---

16.- NHƯ LAI BÁT TƯ NGHỊ CẢNH GIỚI KINH

Bồ Tát biết rõ tất cả pháp đều là duy tâm, đặng tùy thuận nhân, hoặc nhập sơ địa. Mạng chung liên sanh về trong Cực Lạc Tịnh Độ, hay Diệu Hỷ thế giới v.v...

---o0o---

17.- TÙY NGUYỆN VÃNG SANH KINH

Vô lượng cõi Phật, sao lại chỉ chuyên cầu sanh Cực Lạc thế giới ? – Một là vì nhơn thù thắng, do thập niệm làm nhơn. Hai là vì duyên thù thắng, do 48 điều nguyện phổ độ chúng sanh.

---o0o---

18.- XUNG DƯƠNG CHƯ PHẬT CÔNG ĐỨC KINH

Nếu ai được nghe danh của Vô Lượng Thọ Như Lai (A Di Đà Phật) nhứt tâm tin ưa. Lúc người này mạng chung, đức A Di Đà Phật và chư Thánh hiện ra trước mặt, ma chướng không làm hoại loạn được tâm chánh giác của người này... Nếu ai thọ trì tụng niệm Kinh này, sẽ được phước vô lượng, khỏi hẳn tam đồ, sau khi mạng chung, vãng sanh cõi của Đức Phật ấy.

---o0o---

19.- ĐẠI VÂN KINH

Đức Bổn Sư dạy : “Này thiện nam tử, về hướng Tây của thế giới Ta Bà này có một cõi gọi là An Lạc. Giáo chủ là Phật Vô Lượng Thọ, hiện nay thường vì chúng sanh mà tuyên giảng chánh pháp. Đức Phật ấy đương bảo một vị Bồ Tát rằng : đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở Ta Bà thế giới đương nói Kinh Đại Vân cho những chúng sanh bạc phước độn căn. Ông nên qua đó chí tâm nghe pháp. Điềm lành hiện ra đây chính là vì vị Bồ Tát ấy sắp đến đây. Thiện nam tử này! Ông xem các vị Bồ Tát ở cõi An Lạc thân cao năm vạn sáu ngàn do tuần”.

- Bạch Đức Thế Tôn! Vị Bồ Tát sắp đến đây danh hiệu là chi ? Đến đây để làm gì, phải chăng là muốn độ chúng sanh mà đến ? Xin đức Thế Tôn nói cho đại chúng được rõ.

- Nay thiện nam tử! Vị Bồ Tát ấy đến đây là vì muốn nghe việc thọ ký của Tịnh Quang, và muốn cúng dường chánh định ấy. ngài hiệu là Vô Biên Quang (tức Đại Thế Chí Bồ Tát), đủ trí phương tiện, có thể giáo hóa, dẫn đạo chúng sanh một cách khéo giỏi.

---o0o---

20.- LĂNG GIÀ KINH

Đức Phật phán : Nay Đại Huệ! Ông nên biết sau khi ta diệt độ, có vị danh đức Tỳ kheo ở xứ Nam Thiên Trúc, hiệu là Long Thọ. Tỳ kheo ấy đẹp được sự tranh chấp của các tông về Hữu với Vô, để nêu cao pháp vô thượng Đại thừa của ta. Vị ấy chứng bậc sơ Hoan Hỷ địa và vãng sanh nước An Lạc.

---o0o---

21.- ĐẠI BI KINH

Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, xứ Bắc Thiên Trúc có Tỳ kheo hiệu Kỳ Bà Già, tu tập vô lượng thiện căn tối thắng, mạng chung sanh về thế giới của Phật Vô Lượng Thọ cách đây trăm ngàn ức cõi về hướng Tây. Sau đây, ông sẽ thành Phật hiệu là Vô Cấu Quang Như Lai.

---o0o---

22.- HOA NGHIÊM KINH, NHẬP PHÁP GIỚI PHẨM

Đức Vân Tỳ kheo nói với Thiện Tài Bồ Tát rằng : “Ngài chứng được niệm Phật Tam muội, và đây là lời của ngài thuật lại công dụng của niệm Phật Tam muội mà ngài đã được : Ta được môn “ức niệm nhưt thiết chư Phật cảnh giới trí huệ quang minh phổ kiến”. Trong chánh định thường hiện cõi và cung điện trang nghiêm thanh tịnh của tất cả chư Phật. Có thể làm cho chúng sanh thấy Phật rồi được thanh tịnh. Làm cho chúng sanh chứng nhập trong mười trí lực của Như Lai. Thấy vô lượng Đức Phật và được nghe pháp. Bình đẳng thấy tất cả thế giới. Thấy thần thông tự tại của chư Phật. Thấy công việc làm của chư Phật trong tất cả thời gian. Thấy mình luôn gần bên Phật không xa rời. Thấy Phật cao đẹp hơn tất cả. Muốn thấy Đức Phật nào, thời liền được thấy. Khắp thấy chư Phật tuần tự hiện trong tất cả cảnh giới. Chư Phật nhập Niết-bàn đều thấy cả. Trong một niệm thấy rõ sự xuất hành của tất cả chư Phật. Trong mỗi thân Phật đều lớn đầy cả hư không pháp

giới. Vô lượng chư Phật ra đời đều đến hầu hạ. Trong nhút tâm, thấy rõ cả chư Phật thành chánh giác hiện ra đời thuyết pháp độ sanh. Hiện cảnh tượng nghiệp thiện ác của chúng sanh đã gây tạo cho chúng thấy để họ tự giác ngộ. Thấy Phật ngự trên tòa sen báu rộng lớn nở xòe trùm pháp giới. Thấy vô lượng thân của Như Lai trang nghiêm.

---o0o---

23.- QUANG MINH GIÁC PHẨM

Đức Văn Thù Bồ Tát ở trước Phật nói kệ rằng :

*Khi đi đứng lúc nằm ngồi
Thường niệm công đức của Phật
Ngày đêm chớ để tạm quên
Phải nên siêng tu như vậy...*

---o0o---

24.- HIỀN THỦ PHẨM

*Thấy người lâm chung khuyên niệm Phật
Lại chỉ tượng Phật bảo chiêm ngưỡng
Khiến người sanh lòng kính tin Phật
Nên đặng thành quang minh Như Lai...*

---o0o---

25.- THẬP ĐỊA PHẨM

Từ bậc ban đầu đến bậc rốt sau, mỗi địa đều nói rằng tất cả chỗ làm của Bồ Tát đều không rời niệm Phật.

---o0o---

26.- TỌA THIỀN TAM MUỘI KINH

Bồ Tát tọa thiền không niệm tất cả, chỉ niệm một Đức Phật bèn chứng được Tam muội.

---o0o---

27.- VĂN THÙ BÁT NHÃ KINH

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Bồ Tát : Muốn chóng thành quả Vô thượng Bồ-đề, phải tu nhưt hạnh Tam muội. Người muốn nhập nhưt hạnh Tam muội phải ở chỗ vắng vẻ rảnh rang, nhiếp tâm chánh niệm để tâm nơi một Đức Phật rồi chuyên xưng danh hiệu, nên ngồi ngay thẳng hướng về phía Đức Phật ấy (Niệm A Di Đà Phật thời xoay mặt về hướng Tây). Nếu có thể chuyên niệm một Đức Phật nối liền, bền ở trong chánh niệm thấy được chư Phật trong mười phương ba thuở. Công đức niệm một Đức Phật cùng công đức niệm vô lượng Đức Phật bằng nhau. Nếu được nhưt hạnh Tam muội, thời được trí huệ biện tài, tất cả pháp môn đều thấu rõ. Ngày đêm, tuyên giảng không trê, không tuyệt. Sức đa văn biện tài của A Nan trăm nghìn phần vẫn không bằng một phần của người được nhưt hạnh Tam muội này...

---o0o---

28.- ĐẠI TẬP KINH

Mạt thế, ức ức người tu hành không có một người được giải thoát; chỉ nương pháp môn niệm Phật mà ra khỏi luân hồi.

Kinh lại nói : Nếu người chuyên niệm Phật, hoặc ngồi mà niệm, hoặc đi mà niệm, ròng rắt trong 49 ngày, thời hiện đời được thấy Phật, liền được vãng sanh...

**Trích lục ngày 1 tháng Giêng
Phật lịch 2501 (1957)
Hân Tịnh**

---o0o---

HẾT

-
- ¹ . Lời của Phật trong phẩm “Nhu Lai xuất hiện” Kinh Hoa Nghiêm
 - ² . Mau siêu phàm nhập Thánh, liền trụ bậc bất thoái.
 - ³ . Phật lực bất tư nghị
 - ⁴ . Điều có lược sử ở tập 1 này

⁵ . Đều có truyện tích ở tập sau

⁶ . Địa ngục giới, ngạ quỷ giới, súc sanh giới, tu la giới, nhơn giới, thiên giới: 6 giới phàm; Thanh Văn giới, Duyên Giác giới, Bồ Tát giới: 3 giới Thánh. Cả 9 giới đối với Phật đều là chúng sanh.

⁷ . Phương này là của Từ Vân Sám chủ dạy cho các triều thần quá nhiều công vụ: Nếu ở chỗ có thờ Phật thời kính lễ 3 lạy, rồi lấy hơi dài chí tâm niệm Phật không luận là bao nhiêu câu cứ mãi một hơi thời kể một niệm, mãi mười hơi là đủ mười niệm; kế thiết tha hồi hướng cầu sanh Cực Lạc rồi lễ Phật mà lui. Còn nếu chỗ ở không có thờ Phật xoay mặt về hướng Tây cung kính chấp tay xá rồi niệm và phát nguyện. Phương này là mượn hơi thở mà nhiếp tâm vậy. Nếu ở chỗ không thờ Phật thời cung kính hướng về hướng Tây mà niệm.

⁸ . Một trong 48 điều nguyện trong Kinh Vô Lượng Thọ Phật. Điều nguyện thứ 18.

⁹ . Trong bộ sách này sẵn đủ lời chỉ dạy của chư Thánh chư Hiền, nơi đây chỉ nói những điều đại khái thôi.

¹⁰ . Nhiều trăm truyện tích vãng sanh của bộ Đ.V.C.L. này đủ chứng thật.

¹¹ . Xem 48 điều nguyện ở chương “Hoàng nguyện” thứ ba

¹² . Đại đức Tuyệt Tướng và Giác Nguyên Đại sư, người đời nhà Thanh (Xem lược sử ở quyển chư Tăng vãng sanh ở sau).

¹³ . Na-do-tha : Đồng với số ức của ta.

Hằng hà sa : một số lớn, nhiều như toàn số cát trong lòng sông Hằng.

Do tuần, có ba hạng : 40 dặm tàu, 60 dặm, 80 dặm.

¹⁴ . Dưới đây là một truyện tích trích trong bộ “Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược” để chứng thật lúc Bồ Tát đi thời chấn động cả thế giới.

¹⁵ . Ngũ nghịch tội : 1-Giết cha, 2- Giết mẹ, 3- Hại Phật, 4- Giết Thánh nhơn, 5- Phá Tăng.

¹⁶ . Nói đủ là Thiên Đế Thích Đê Hoàn Nhơn, vua cõi trời Đạo Lợi. Tục gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế.

¹⁷ . Tu “Phước” là cúng dường. Tu “Huệ” là niệm Phật.

¹⁸ . “A bệ bạt trí” là Phạn âm. Hán dịch “bất thoái chuyển” nghĩa là “bậc không còn lui sụt nơi Phật thừa”.

¹⁹ . Trong Hoa Nghiêm Đại Sớ nói : Kinh Hoa Nghiêm văn Phạn gồm có 40 vạn Kệ. Bộ Hán dịch 80 quyển chỉ là 10 vạn Kệ. Còn 30 vạn Kệ chưa truyền

²⁰ . Vì nơi ấy không có mạch nước, Ngài cảm tích trượng động xuống đất, bỗng có rần vàng nhỏ từ chỗ động trời lên, nước ngọt từ đất theo dấu rần mà vọt ra, bèn thành suối tốt. Vì nhân duyên ấy nên đặt hiệu tịnh xá là “Long Tuyền” (suối rồng).

²¹ . Xem lược sử ở tập sau

-
- ²² . Xem 48 điều nguyện ở chương Hoàng Nguyện
- ²³ . Xem bài “Hai Đại Thánh ứng tích” ở chương thứ sáu
- ²⁴ . Người đời trọng đức, kiêng danh hiệu, nên quen gọi là “Vĩnh Minh Đại sư”
- ²⁵ . Lời phê phán trong bốn bài kệ này là cốt tủy của tam tạng. Cổ đức cho là nghìn Phật ra đời cũng không dời đổi. Ý nghĩa rất xác đáng. Xem lời giải thích của Ấn Quang Đại sư ở tập Thiền Tịnh quyết nghi.
- ²⁶ . Ta quen gọi Tổ là Liên Trì Đại sư
- ²⁷ . Lời răn của Đại sư rất hiệp với lời dạy của Nhị Tổ: “Chuyên tu thời mười người vãng sanh cả mười. Còn tạp hạnh, nghìn khó được một giải thoát”. Ôi! Tông thời thấu nghìn trăm công án. Giáo thời suốt tam tạng kinh điển, người như thế rất hy hữu, mà Đại sư còn cho là việc nơi bờ sanh tử, đến lúc lâm chung trọn dùng không được thay, huống là kẻ kinh giáo qua loa, tông chỉ chẳng thấu ư! Huống là kẻ cả năm lạng xăng tạp hạnh ư! Cổ đức nói: “Sở vị tu hành, nguyện lai kết nghiệp”. Chúng ta nên tự tỉnh tự xét, phải sớm chuyên tu mới được.
- ²⁸ . Rỗng rang, rỗng trống: hoàn toàn không có một niệm, một tướng gì xen vào.
- ²⁹ . Đạo Ngạn Thiền sư, xem tiểu sử ở tập sau.
- ³⁰ . Đạo Ngạn Thiền sư, xem tiểu sử ở tập sau.
- ³¹ . Xin xem và suy gẫm kỹ bốn bài kệ luận Thiền và Tịnh của Lục Tổ Diên Thọ Đại sư. Có giảng rõ ở tập “Thiền Tịnh quyết nghi” ở sau
- ³² . Tức là Trí Giả Đại sư, Sơ Tổ của tông Pháp Hoa, cũng gọi là tông Thiên Thai
- ³³ . Tác giả bộ Đại Thừa Chỉ Quán Luận
- ³⁴ . Một phẩm trong kinh Pháp Hoa
- ³⁵ . Bậc “Lục căn thanh tịnh” là bậc “Viên giáo sơ tín”, bậc này đã viên phục ngũ trụ hoặc đã đoạn kiến hoặc thuộc Nội Phàm.
- ³⁶ . Xem lược sử Long Thọ Bồ Tát
- ³⁷ . Trong kinh Lăng Nghiêm, chúng sanh trong tam giới chia làm bảy loài : 1. Địa ngục. 2. Ngạ quỷ. 3. Súc sanh. 4. A tu la. 5. Nhân loại. 6. Tiên . 7. Chư Thiên. Tất cả đều là phàm phu luân hồi sanh tử.
- ³⁸ . Do đây nên người đời gọi ngài là Hồ Khuru Thiền sư
- ³⁹ . Nên xem bài Đại Thế Chí Bồ Tát nơi chương Thân tướng trong Đ.V.C.L tập I.
- ⁴⁰ . Cách tu của pháp môn này là vừa đi vừa quán tưởng Phật, đi luôn không ngồi nằm từ 7 ngày đến 90 ngày. Khi chứng chánh định thời tự thấy Đức A Di Đà Phật đứng trên đầu nên gọi “Bát Chu” (Phật đứng)

⁴¹ . Trong Pháp Hoa, tiền thân của Thích Ca khi gặp chúng tại gia hay xuất gia đều cung kính đánh lễ mà nói : “Quý ngài sẽ thành Phật. Tôi không dám khinh quý ngài !”. Nên người thời ấy gọi ngài là “Thường Bất Khinh”

⁴² . Ba môn giải thoát : 1.- Không giải thoát môn.

2.- Vô tướng giải thoát môn. 3.- Vô tác giải thoát môn.

⁴³ . Thật tế : Lý chơn thật, chơn lý

⁴⁴ . Điều nguyện thứ 20 trong 48 điều nguyện của đức Từ Phụ. Xem chương Hoằng Nguyện ở tập I.

⁴⁵ . Nhà để chur Tăng bệnh nặng ở

⁴⁶ . Tức là Việt Phu nhơn, có lược sử ở đoạn chur Tín nữ truyện thứ VI

⁴⁷ . Tức Đề Bà Đạt Đa, em họ của Phật và là đệ tử của đức Bổn Sư, thường tìm cách hại Phật và phá Tăng. Ông xúi Thái tử A Xà Thế giết vua cha mà cướp ngôi.

⁴⁸ . Quả thứ ba trong bốn bậc Thánh Tiểu thừa, người chứng quả này nhứt dứt sạch chín phẩm tư hoặc của cõi Dục. Sau khi xả thân, sẽ sanh lên cõi trời Bất Hoàn ở đầu cõi Sắc, rồi chứng quả A-la-hán thứ tư, không còn trở lại cõi Dục nữa.

⁴⁹ . Thân ba nghiệp lành : Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm.

Miệng bốn nghiệp lành : Không nói láo, không đòn xóc, không mắng rủa, không nói thêu vẽ.

Ý ba nghiệp lành : Không giận hờn ganh ghét, không tham lam bòn sẻn, không si mê tà kiến.

Trên đây là mười nghiệp lành thuộc “Chỉ thiện”, còn có mười nghiệp lành thuộc “Tác thiện” :

Ba tác thiện nơi thân : phóng sanh, bố thí, trinh chánh

Bốn tác thiện nơi miệng : Nói thật, nói hòa giải, nói nhã nhặn, nói đúng.

Ba tác thiện nơi ý : từ bi nhơn ái, hỷ xả, chánh tín chánh kiến.

⁵⁰ . Điều thứ nhứt là tịnh nghiệp bậc hạ. Điều thứ hai là tịnh nghiệp bậc trung. Điều thứ ba là tịnh nghiệp bậc thượng. Đủ cả ba thì là bậc thượng.

⁵¹ . Chính là “Niệm Phật Tam muội”. Người chứng Tam muội này thì luôn luôn được thấy A Di Đà Phật và thập phương chư Phật hiện thân ở trước mặt.

⁵² . Bây giờ ông Dương Kiệt đã vãng sanh, ông Mã Vu còn tại thế và đương tu Tịnh Độ.

⁵³ . “Tâm vô sở niệm” thuộc lý quán, thuộc sự tu. Để câu “tâm vô sở niệm mà tu niệm Phật” phối hiệp với câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” của kinh Kim Cang, câu “Tùng vô sở trụ bổn lập nhứt thiết pháp” của kinh Duy Ma Cật, câu “Sắc tức thị không không tức thị sắc” của Tâm kinh.

-
- ⁵⁴ . Nhập Tam muội có thể nói và hiểu biết những thứ tiếng của các loài chúng sanh : tất cả tiếng của loài người, của trời, của quỷ thần, của các chim thú v.v...
- ⁵⁵ . Ba đức : Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát. Ba thân : Pháp thân, Báo thân, Ứng hóa thân.
- ⁵⁶ . Chữ 𠄎 là một Phạn tự, ta đọc là “y”
- ⁵⁷ . Tri : tỏ biết, giác ngộ
- ⁵⁸ . Tức là Lục Tổ Huệ Năng
- ⁵⁹ . Hành pháp : Công hạnh tu trì. Bốn môn Tam muội :
1. Nhứt hạnh Tam muội
 2. Pháp Hoa Tam muội
 3. Bát chu Tam muội
 4. Tùy tự ý Tam muội
- ⁶⁰ . Người ta quen gọi ngài là Linh Chi Hòa thượng hay Linh Chi Luật sư.
- ⁶¹ . Ngũ chướng là chỉ thân người nữ, vì theo lời trong Kinh nói người nữ có năm điều chướng : 1.- Không được làm Chuyển Luân vương. 2.- Không được làm Thiên vương. 3.- Không được làm Ma vương. 4.- Không được làm Phạm vương. 5.- Không được làm Phật.
- ⁶² . “Đến nay” là đến lúc Huyền Như Đại sư soạn bộ Nhiễm Hương Tập vào thời Đạo Quang triều Thanh, tính ra cũng được lối một trăm năm.
- ⁶³ . Của ông Thường Nhiếp chép lời giảng dạy của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát trong 24 hội thuyết pháp. Xem bài Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát ở Đường về Cực Lạc tập đầu.
- ⁶⁴ . Uông Thị là vợ họ Lý. Vì Thị là người dẫn đạo cho xóm giếng tu hành, nên người gọi Thị là cô Thầy.
- ⁶⁵ . Xem lược sử của chư Tổ ở bộ Đường Về Cực Lạc tập I và tập II.
- ⁶⁶ . Nguyên bản đề Hồng Loa Sơn Mộ Liên Pháp Sư Di Cảo Phở Đà Sơn Ấn Quang Đại Sư Thuật.
- ⁶⁷ . Bậc trí thức là những vị có đại trí huệ, đại biện tài có thể làm đạo sư cho người. Hạng người phước dày nghiệp nhẹ, trí sâu chướng cạn đó là căn tánh thù thắng. Trái lại người nghiệp nặng, phước mỏng, trí cạn chướng sâu đó là căn tánh lậu liệt.
- ⁶⁸ . Tín nguyện niệm Phật cầu vãng sanh đó là “tông Tịnh độ”
- ⁶⁹ . Mộ Liên Pháp sư tự xưng
- ⁷⁰ . Đây là theo Nho bác Phật.
- ⁷¹ . Thánh Nhơn đây là chỉ cho Khổng Phu Tử
- ⁷² . Niệm Phật chánh định : tâm và Phật hiệp nhứt, Phật cảnh hiện tiền

⁷³ . Quyền này của Trí Húc Đại sư hiệu Ngẫu Ích soạn ra để giải chỗ yếu lãnh của kinh A Di Đà. Đại sư là bậc triết ngộ Thiên tông và là Tổ thứ 9 Liên tông (xem lược sử của Tổ bộ Đường Về Cực Lạc tập nhưt

⁷⁴ . Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Thiện Đạo, Vĩnh Minh là bậc đại Bồ Tát cùng đại Tổ sư hoàng dương môn niệm Phật. Lược tích của các ngài ở bộ Đường Về Cực Lạc tập I. Trí Giả Đại sư, Tổ của tông Pháp Hoa có lược sử ở bộ Đường Về Cực Lạc tập II. Thanh Lương Đại sư, Tổ thứ tư của tông Hoa Nghiêm.

⁷⁵ . Bậc viên mãn Phật quả, là vua của tất cả pháp, ở nơi tất cả pháp được hoàn toàn tự tại.

⁷⁶ . Căn khí Đại thừa là đại căn, người căn khí Tiểu thừa là tiểu căn.

⁷⁷ . Chỉ thẳng đến Phật tri kiến là Thật giáo; phương tiện khác là Quyền giáo.

⁷⁸ . Kiến hoặc có 88 phẩm, do mê lý tứ đế mà ra, thấy lý tứ đế thời diệt, nên gọi là kiến sở đoạn hoặc.

Tu hoặc có 81 phẩm, sau khi tỏ ngộ đế lý, (kiến đạo) rồi tư duy, tu tập mà dứt lần lần. Khi dứt sạch hết thời giải thoát sanh tử luân hồi trong tam giới, nên gọi nó là tư sở đoạn hoặc hay tu sở đoạn hoặc.

⁷⁹ . Vua Vô Tránh Niệm và Phụ tướng Bảo Hải (xem toàn sử ở bộ Đường Về Cực Lạc tập I).

⁸⁰ . Mười đại nguyện : một là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai, cho đến mười là phổ giai hồi hướng. Xem toàn văn nơi phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện.

⁸¹ . Hạng cực ác, bất cộ tín, đoạn thiện căn.

⁸² . Thanh tịnh Pháp thân Phật

⁸³ . Trí đức cứu cánh là đại Bồ-đề. Đoạn đức cứu cánh là đại Niết-bàn.

⁸⁴ . Luận nói suông về sự ăn thời không no được. Kẻ nghèo ngồi tính đếm của tiền các nhà giàu tất không hết nghèo được.

⁸⁵ . Ngài Tào Bá ở vào thời vua Đường Huyền Tông. Phẩm Hạnh Nguyện dịch xong vào thời Đường Đức Tông.

⁸⁶ . Xem Đường Về Cực Lạc tập I

⁸⁷ . Nguyên âm : Hữu Thiên hữu Tịnh Độ. Du như đối giác hồ. Hiện thế vi nhơn sư. Lai sanh tác Phật Tổ.

⁸⁸ . Nguyên âm : Vô Thiên hữu Tịnh Độ. Vạn tu vạn nhơn khứ. Nhược đắc kiến Di Đà. Hà sâu bất khai ngộ.

⁸⁹ . Nguyên âm : Hữu Thiên vô Tịnh Độ. Thập nhơn cửu ta lộ. Âm cảnh nhược hiện tiền. Miết nhĩ tùy tha khứ

⁹⁰ . Ngũ Tổ Giới Diển chuyên sanh làm Tô Đông Pha. Thanh Thảo Đường chuyên thân làm Tăng Lỗ Công. Hai vị này là bậc đại ngộ nhập thâm thiền

định. Ngài Thảo Đường mỗi lần ngồi Thiền 49 ngày mới xuất định. Hai ngài nếu kiên tu Tịnh Độ quyết định thượng phẩm vãng sanh thành đại Bồ Tát, nhưng vì chỉ chuyên một mặt tu Thiền nơi đời kể phải sa đọa. Rất tiếc! Rất tiếc!

⁹¹ . Vô Thiền, vô Tịnh Độ. Thiết sàng tính đồng trụ. Vạn kiếp dữ thiên sanh. Một cá nhơn y hộ.

⁹² . Tôi còn nhớ một đêm nọ đương tụng kinh dưới ngọn đèn dầu, chợt có con thằn lằn trắng bò nằm bên đèn ngược đầu nhìn thẳng. Tôi ngỡ là nó nghe kinh, lòng mừng cho con vật biết phát tâm, tôi to tiếng tụng và nhìn nó. Bỗng một con bướm đập xuống, nó đớp lấy rồi tha chạy lên vách. À té ra là nó rình mồi chớ không phải có ý nghe kinh. Bất giác tôi sa nước mắt.

⁹³ . Giữa lúc cùng ông Cấp Cô Độc cân nên để dựng tịnh xá Kỳ Hoàn, Tôn giả Xá Lợi Phất bỗng bùi ngùi than thở. Ông Cấp Cô Độc bạch hỏi, Tôn giả lấy tay chỉ con kiến đen đang bò trên đất mà bảo ông Cấp Cô Độc : “Ta nhờ huệ nhãn mà biết rằng, hồi thời Phật Tỳ Ba Thi về quá khứ nơi đây có con kiến đen, trải qua thời Phật Thi Khí, Phật Tỳ Xá Phù, Phật Câu Lưu Tôn, Phật Câu Na Hàm, Phật Ca Diếp, và hiện nay Phật Thích Ca Mâu Ni, con kiến ấy cứ mãi luân hồi, và bây giờ vẫn đáo hoàn thân kiến, chính là con kiến đen đang bò trên đất đây. Nghĩ mà xót thương cho chúng sanh mê muội muôn kiếp trầm luân, nên ta than thở”. Nghe xong ông Cấp Cô Độc cũng ngậm ngùi ứa lụy.

⁹⁴ . Xuống nước hòn sỏi nhỏ vẫn chìm. Nhờ ghe chở, một trăm cục đá lớn cũng qua sông được.

⁹⁵ . Ngài Thiên Thân ban đầu xuất gia theo phái Tiểu thừa, soạn 500 bộ luận để truyền Tiểu thừa mà công kích Đại thừa. Sau khi được hiểu Đại thừa giáo, ngài rất ăn năn sự sai lầm của mình, tự muốn cắt bỏ lưỡi mình đi. Anh là Vô Trước Bồ Tát khuyên ngăn. Ngài liền soạn 500 bộ luận về Đại thừa để chuộc tội. Ngài là một vị Tổ của tông Duy Thức. Bộ Tịnh Độ Luận là của ngài soạn.

⁹⁶ . Người ta quen gọi ngài là Linh Chi Hòa thượng hay Linh Chi Luật sư